

TÌNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

QUYỂN 2



Chủ giảng: LÃO PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG

Trưởng ban biên dịch:

TK. Thích Đồng Bổn



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

淨土大經解演義

QUYỂN 2

(Tập 11 – 20)

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 11



Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không
Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo chính: Đức Phong và Tuệ Trang



Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh (tức A Di Đà Kinh Đường dịch bản) vân” (Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ (tức kinh A Di Đà, bản dịch đời Đường) đã nói). Trong kinh văn có một câu như thế này: “Ngã quán như thị lợi ích an lạc đại sự nhân duyên, thuyết thành đế ngữ” (Ta thấy đại sự nhân duyên an lạc lợi ích như thế, nói lời đúng thật).

Trong câu nói này, “Ta” là Phật Thích Ca Mâu Ni tự xưng. Chúng ta biết bộ kinh *Phật Thuyết A Di Đà* giống như thường lệ, trong một đời, đức Thế Tôn chỉ giảng một lần, chẳng giảng lần thứ hai. Hiện thời, trong *Đại Tạng Kinh*, kinh này có hai bản dịch, một của Cưu Ma La Thập Đại sư phiên dịch, dịch theo ý, tức là hoàn toàn dịch theo đại ý của kinh; một của Huyền Trang Đại sư là trực dịch, tức là căn cứ theo văn tự của kinh diễn bằng tiếng Phạn để phiên dịch. Nói như vậy, Huyền Trang Đại sư dịch khá sát, trung thành với nguyên văn; La Thập Đại sư dịch theo ý nghĩa, không chiếu theo văn tự.

Trong cái nhìn của người Trung Quốc, bản dịch của Cưu Ma La Thập Đại sư giống như văn chương người Trung Quốc viết, rất hợp với khẩu vị của người đọc, cho nên được lưu truyền rất rộng. Bản của Huyền Trang Đại sư tuy là trực dịch, giữ nguyên diện mạo của nguyên văn, nhưng chúng ta không ưa thích lắm, nên bản này chẳng được lưu hành, chỉ được lưu giữ trong *Đại Tạng Kinh*.

Đức Phật nói lời ấy, Ngài thấy “*đại sự lợi ích an lạc như thế*”, tức là thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà phổ độ chúng sinh trọn khắp pháp giới hư không giới, chẳng giống các cõi Phật thông thường. Cõi của Phật A Di Đà dạy người ta thành Phật trong một đời; vì thế, kinh *Di Đà* và kinh *Vô Lượng Thọ* chẳng khác kinh *Hoa Nghiêm* và *Pháp Hoa*.

Hoa Nghiêm và *Pháp Hoa* là Nhất Thừa giáo. Định nghĩa Nhất Thừa giáo đã được giảng rất rõ ràng trong phần trước. Giáo pháp ấy giảng về lý luận và phương pháp thành Phật trong một đời. Kinh *Phật Thuyết A Di Đà* cũng dạy người ta thành Phật trong một đời. Đây là ưu điểm. Ở đây bảo là: “*Lợi ích an lạc như thế*”. Ưu điểm là phù hợp khắp ba căn, gồm thân lợi căn lẫn độn căn, kẻ hạ hạ căn cũng có thể thành Phật trong một đời. Chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, kinh này được nói ra, vì cùng một đại sự nhân duyên như *Hoa Nghiêm* và *Pháp Hoa*.

Mục tiêu tu học của hết thảy các kinh Đại thừa là Bồ tát. Mục tiêu tu học của kinh Tiểu thừa là A La Hán. Điều này giống như trong nhà trường trên thế gian hiện thời, họ mở trường Trung học. Khi học sinh tốt nghiệp sẽ là tốt nghiệp Trung học; còn khi sinh viên tốt nghiệp sẽ là tốt nghiệp Đại học, đạt được học vị Học sĩ (Cử nhân). Khác hẳn! Mỗi trường học khác nhau. Nhà trường của Phật A Di Đà rất lạ lùng. Chúng tôi thường nghĩ, đây là một ngôi trường “trọn

gói”^[1]. Quý vị vào trường ấy học, chỉ có lên lớp, không bị ở lại lớp, mà cũng không bị đuổi xuống lớp dưới. Tuy thời gian dài hay ngắn khác nhau, nhưng chắc chắn thành Phật trong một đời. Ngài bảo đảm cho quý vị.

Hoa Nghiêm và *Pháp Hoa* giống như Sau Đại học (graduate school), còn trường của Phật A Di Đà là từ Tiểu học cho đến Nghiên cứu sinh, là một loại trường học như vậy đó! Điều này giống như Liên Trì Đại sư đã viết trong *Di Đà Sớ Sao*: “*Kim dẫn nhất tâm trì danh, tức đắc Bất Thoái*” (Nay chỉ nhất tâm trì danh, liền đắc Bất Thoái). Bất Thoái là *Vãng Sinh Kinh* của Tịnh Tông. Từ ngữ *Vãng Sinh Kinh* nhằm chỉ Tịnh Độ “*năm kinh một luận*” trong hiện tại. Những kinh luận này đều nhằm dạy con người vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, đều nói “*viên chứng ba thứ Bất Thoái*”. Đây là pháp khó tin. Đối với ba thứ Bất Thoái, thì Tiểu thừa chứng đắc Vị Bất Thoái, Đại thừa Bồ tát chứng đắc Hạnh Bất Thoái, đạt đến Pháp Thân Bồ tát mới chứng đắc Niệm Bất Thoái.

Từ bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên mới chứng đắc Niệm Bất Thoái, hoặc ba thứ Bất Thoái, nhưng chưa đạt đến viên mãn, chưa thể bảo là “*viên*”. Chứng đắc viên mãn ba thứ Bất Thoái là ai? Từ Thất Địa trở lên, quý vị thấy địa vị rất cao. A Duy Việt Trí Bồ tát đấy!

Trong 48 nguyện của A Di Đà Phật, có một nguyện: “*Hễ ai sinh sang thế giới Tây Phương Cực Lạc, thấy đều là A Duy*

[1] “Trộn gói”: Tạm dịch chữ “nhất điều long”. Một ngôi trường gọi là “nhất điều long” khi nó có toàn bộ các cấp lớp, chẳng sót một lớp nào.

Việt Trí Bồ tát, viên chứng ba thứ Bất Thoái". Ngài hoàn toàn chẳng nói "*ngoại trừ cõi Phàm Thánh Đồng Cư*". Ngài chẳng nói câu ấy thì nói cách khác, hạ hạ phẩm vãng sinh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng thành A Duy Việt Trí Bồ tát.

Làm sao có thể nói cho xuôi? Chúng tôi học đã nhiều năm như thế, rất cuộc hiểu rõ ràng, minh bạch: Người ấy do được bản nguyện gồm 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì, nên trí tuệ và oai thần bằng Thất Địa Bồ tát, chẳng khác Thất Địa Bồ tát; chẳng phải do năng lực của chính người ấy, mà do Phật A Di Đà gia hộ, được 48 nguyện gia hộ. Nếu nói đến chuyện chứng đắc thì trong thế giới Tây Phương Cực Lạc, khi nào quý vị sẽ chứng đắc?

Trong kinh thường nói: "*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô sinh*", đó là quý vị thật sự chứng đắc. Khi quý vị chưa ngộ Vô sinh, cũng có nghĩa là đang thuộc vào ba bậc chín phẩm trong bốn cõi trong thế giới Tây Phương Cực Lạc. Quý vị vẫn chưa có năng lực nâng cao cảnh giới lên, thật sự đạt tới cõi Thật Báo. Khi quý vị tự mình thật sự chứng đắc cõi Thật Báo, sẽ không cần Phật A Di Đà gia trì. Nhưng khi chưa chứng đắc cõi Thật Báo, hoàn toàn phải nhờ Phật A Di Đà gia trì. Trí tuệ, thần thông, năng lực, và hưởng thụ giống như trong cõi Thật Báo, hễ sinh về thế giới Cực Lạc sẽ đạt được. Giống như đầu thai luân hồi trong lục đạo, quý vị đầu thai vào nhà đế vương, vừa sinh ra liền được hưởng thụ sự phú quý của bậc đế vương.

Do vậy, chúng ta sinh về thế giới Cực Lạc, liền hưởng thụ thần thông và đức tướng của A Di Đà Phật, liền được hưởng thụ ngay! Nếu hiểu rõ và nhận biết điều này, chúng ta sẽ chẳng hoài nghi sự trang nghiêm thù thắng khôn sánh như *Vãng Sinh Kinh* đã giảng, đó là Phật lực gia trì. Đây là nói về *“Chỉ nhất tâm trì danh, liền đắc Bất Thoái”*.

“Thử nãi trực chỉ phàm phu tự tâm cứu cánh thành Phật” (Đây là chỉ thẳng: Từ ngay tự tâm của phàm phu mà rốt ráo thành Phật). Ở chỗ này, trước 2 từ *“thành Phật”* đã thêm 2 từ *“cứu cánh”* (rốt ráo). Vì sao? A Duy Việt Trí Bồ tát mới có thể thêm 2 từ *“rốt ráo”*. Nếu chẳng có 2 từ *“rốt ráo”*, mà nói là *“thành Phật”*, thì Sơ Trụ trong Viên Giáo đã thành Phật. Thêm vào 2 từ *“rốt ráo”*, thì khẳng định là từ Thất Địa trở lên mới viên chứng ba thứ Bất Thoái.

Mấu chốt là cụm từ tiếp theo: *“Nhược năng để tín”* (Nếu có thể tin chắc thật), thì 2 từ trọng yếu là *“để tín”*. *“Để”* là thật. Quý vị thật sự tin, một mảy hoài nghi cũng chẳng có thì mới gọi là *“để tín”*. Thật sự tin tưởng, quý vị sẽ thật sự làm; thật sự tin, thật sự muốn vãng sinh, thật sự niệm Phật.

Thật sự niệm Phật là gì? Hết thấy duyên đều buông xuống. Trong mười hai thời, trong tâm quả thật chỉ có Phật A Di Đà. Trừ Phật A Di Đà ra, hết thấy những thứ khác đều buông xuống. Kinh giáo do Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong 49 năm cũng đều buông xuống. Vì sao? Từ một câu A Di Đà Phật, quý vị sẽ đắc Niệm Phật Tam muội. Niệm Phật Tam

muội là nhất tâm bất loạn. Từ Sự Nhất tâm đạt đến Lý Nhất tâm. Đã đạt Lý Nhất tâm bất loạn, trong phần sau, chúng ta sẽ nói về Lý Nhất tâm, là đã kiến tính. Kiến tính bèn thật sự thành Phật.

Đắc Lý Nhất tâm bất loạn, vãng sinh thế giới Cực Lạc, chẳng thuộc trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, mà cũng không thuộc cõi Phương Tiện Hữu Dư. Thừa quý vị, niệm đến Sự Nhất tâm bất loạn sẽ sinh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Niệm đến Lý Nhất tâm bất loạn liền đạt đến cõi Thật Báo.

Thật sự có thể niệm đến cõi ấy ư? Đúng là có thể niệm đến cõi ấy. Chúng ta hiểu đạo lý này rất rõ ràng. Vì lẽ gì? Người ấy đã buông toàn bộ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống. Đạo lý ở chỗ này. Chúng ta hãy suy nghĩ: Chúng ta chưa buông xuống, nhưng người ấy thật sự buông xuống.

Buông xuống sẽ kiến tính. Kiến tính là viên mãn, trí tuệ viên mãn, đức hạnh viên mãn, tướng hảo viên mãn, đắc đại viên mãn. Viên mãn thì còn có chướng ngại hay chẳng? Không chỉ đối với hết thảy các kinh do Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong 49 năm không có chướng ngại, mà đối với vô lượng vô biên kinh luận do hết thảy chư Phật Như Lai mười phương đã nói, quý vị chẳng bị chướng ngại chút nào. Vì sao? Những kinh luận ấy đều do tự tính lưu lộ, quý vị đã kiến tính. Trong sự giáo học của Phật pháp, không có gì khác, chỉ là dạy quý vị hãy bỏ hết vọng, trở về tự tính. Trở về tự tính, quý vị sẽ chứng đắc Phật quả rốt ráo, rốt ráo thành Phật.

“*Hà tu biến lịch tam thừa, cứu kinh đa kiếp*” (Đâu cần phải trải khắp ba thừa, trải qua nhiều kiếp lâu xa), không cần phải trải qua các địa vị Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, tiến lên từng bước một. Thật sự không cần thiết! Trải qua các địa vị trong Tam thừa đúng là phải mất nhiều kiếp lâu xa, không chỉ là ba đại A tăng kỳ kiếp.

Ba đại A tăng kỳ kiếp là nói theo kinh *Hoa Nghiêm*, từ phàm phu tu đến bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo hoặc Sơ Địa trong Biệt Giáo phải mất vô lượng kiếp! Sơ Trụ trong Viên Giáo là minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật. Học từ kinh *Hoa Nghiêm*, chúng ta biết: Tập khí vô thủy vô minh chưa đoạn, nhưng vô minh đã thật sự đoạn hết. Quả thật chẳng động tâm, chẳng khởi niệm, nhưng tập khí khởi tâm động niệm vẫn có; vì thế, nó chẳng trở ngại sự.

Muốn đoạn sạch tập khí này, phải mất thời gian bao lâu? Cần tới ba A tăng kỳ kiếp để đoạn tập khí. Không có thứ gì khác có thể đoạn trừ tập khí; sau một thời gian lâu dài, nó sẽ tự nhiên chẳng còn nữa! Đoạn tập khí trong thế giới Cực Lạc cũng nhanh. Thời gian được rút ngắn trên một mức độ lớn. Do vậy, các vị Pháp Thân Bồ tát trong thế giới Hoa Tạng theo Văn Thù, Phổ Hiền đến thế giới Cực Lạc để làm gì? Để rút ngắn thời gian đoạn tập khí. Đạo lý là như vậy đó.

“*Bất việt nhất niệm, đốn chứng Bồ Đề*” (Chẳng ngoài một niệm, mau chóng chứng Bồ Đề). Bồ Đề ở đây là Vô Thượng Bồ Đề, là nhất niệm, là danh hiệu Di Đà gồm 4 từ: A Di Đà

Phật. “*Nam mô*” chẳng phải là danh hiệu. A Di Đà Phật mới là danh hiệu. Nam mô có nghĩa là quy y, quy mạng, hay lễ kính.

Do vậy, lúc Liên Trì Đại sư tại thế, trong bộ *Trúc Song Tùy Bút* có một câu chuyện như thế này: Có người thỉnh giáo lão nhân gia: “Lão nhân gia bình thường niệm Phật như thế nào?”. Ngài nói Ngài niệm 4 từ A Di Đà Phật. “Ngài dạy người khác thì sao?”. “Ta dạy người khác niệm 6 từ Nam mô A Di Đà Phật”. Vì sao khác nhau? Liên Trì Đại sư nói: “Trong một đời này, ta nhất định muốn sinh về Tịnh Độ, cho nên kiểu cách khách sáo nào cũng chẳng cần. Những lời lẽ khách sáo đều bỏ sạch”. Kinh dạy chúng ta chấp trì danh hiệu. Danh hiệu là 4 từ, Ngài bèn niệm 4 từ.

Vì sao dạy người khác niệm 6 từ? Người khác chưa chắc đã có quyết tâm kiên định muốn sinh về Tịnh Độ, cho nên thêm 2 từ Nam mô, tức là quy y Phật A Di Đà, quy mạng Phật A Di Đà, cung kính Phật A Di Đà, không nhất định trong một đời này người ấy đã có thể vãng sinh. Thêm vào 2 từ “*cung kính*”, đó là nói năng cung kính.

Chính mình thật sự muốn vãng sinh, chẳng cần dùng đến lời lẽ cung kính. Không cần thiết! Những chữ khách sáo đều không cần! Phật A Di Đà sẽ không trách quý vị, quý vị rất nghe lời! Phật Thích Ca Mâu Ni dạy quý vị chấp trì danh hiệu. Danh hiệu là A Di Đà Phật. Trong danh hiệu không có 2 từ Nam mô. Quý vị thấy lời này rất có ý nghĩa! Ấn Quang Đại sư cả đời dạy người khác niệm 6 từ: Nam mô A Di Đà Phật.

Vì sao? Ngài thấy chúng sinh đông đảo, nhưng chẳng mấy ai thật sự muốn vãng sinh, nên dạy họ niệm 6 từ hồng danh nhằm kết pháp duyên với Phật A Di Đà.

Quý vị hiểu tổ sư dạy người khác sử dụng tâm gì, quý vị sẽ hiểu rõ! Tín nguyện kiên định, chẳng có mảy may hoài nghi. Trong một đời này, ta quyết định phải vãng sinh, quý vị thật sự buông xuống vạn duyên. Những trường hợp như vậy nhiều lắm! Quý vị đọc *Tịnh Độ Thánh Hiền Lục* và *Vãng Sinh Truyện*, sẽ thấy những tấm gương như vậy hiện tiền, thật sự cầu vãng sinh, biểu diễn cho chúng ta xem. Mấy năm trước, ở Thâm Quyển, ông Hoàng Trung Xương nghe kinh, thường nghe chúng tôi nói như vậy, ông ta thật sự giác ngộ, đại triệt đại ngộ! Sự đại triệt đại ngộ của ông ta chẳng phải là minh tâm kiến tính, mà là ngộ “*Bất việt nhất niệm, đốn chứng Bồ Đề*” (Chẳng ngoài một niệm, mà mau chóng chứng Bồ Đề). Ông ta ngộ điều này.

Buông xuống hết thảy, mỗi ngày niệm một bộ kinh *Vô Lượng Thọ*, tiếp đó hoàn toàn niệm Phật hiệu, ước hẹn kỳ hạn cầu chứng đắc, ước định thời gian là ba năm, xem thử có thể vãng sinh thế giới Cực Lạc hay không? Niệm tới hai năm mười tháng, biết trước lúc mất, ra đi, chẳng sinh bệnh, còn thiếu hai tháng nữa mới đủ ba năm, đến thế giới Cực Lạc là đi làm Phật.

Chúng tôi giảng kinh tại nơi đây là Thị Chuyển và Khuyến Chuyển. Cư sĩ Hoàng Trung Xương làm Chứng Chuyển cho

chúng tôi, tam chuyển pháp luân đã toàn vẹn. Ông ta làm chứng cho chúng tôi. Do điều này có thể biết: Triệt ngộ là thật sự buông xuống.

Vì sao chúng ta chưa thể buông xuống? Giác chưa đủ trình độ. Thật sự giác ngộ sẽ thật sự triệt để buông xuống, như trong kinh Đại thừa đã nói: *“Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp”* (Pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp). *“Pháp”* trong câu này là Phật pháp. Phật pháp cũng không cần, nắm vững một câu A Di Đà Phật là đủ rồi. *“Đốn chứng Bồ Đề, khởi phi đại sự”* (Mau chóng chứng Bồ Đề, há chẳng phải là đại sự?). Đi làm Phật! Sau thời gian hai năm mười tháng bèn đi làm Phật.

“Khả kiến Tịnh Tông chính thị trực chỉ đốn chứng chi pháp” (Đủ thấy Tịnh Tông chính là pháp chỉ thẳng, đốn nhập). Đây là một đại sự nhân duyên.

“Dĩ niệm Phật tâm, nhập Phật tri kiến. Tịnh Tông chi hưng khởi, chính do thử đại sự nhân duyên dã” (Dùng cái tâm niệm Phật để nhập tri kiến của Phật. Tịnh Tông hưng khởi chính vì đại sự nhân duyên này).

“Trường minh bản kinh hưng khởi chi nhân duyên” (Giải rõ nhân duyên hưng khởi của bản kinh này). Trong phần trên là nói về nhân duyên chư Phật Như Lai xuất hiện trên thế gian này. Căn tính của chúng sinh khác nhau, nhưng tổng mục tiêu, tổng phương hướng của chư Phật là nhất trí. Ngàn kinh muôn luận tuy khác đường nhưng về cùng một chỗ,

cuối cùng là trở về Tịnh Độ. Do vậy, trong Phật pháp, chẳng cần biết quý vị tu hành theo tông nào, phái nào, hay pháp môn nào, có ba khoa mục chung bắt buộc phải tu:

1) Thứ nhất là giới luật. Giới luật là khoa mục chung, là cơ sở. Quý vị phải vun bồi cội rễ vững vàng, giống như xây nhà, bất luận quý vị xây cao đến đâu, bất luận xây theo kiểu nào, trước hết, phải đắp nền. Giới luật là nền móng. Không có giới luật, thì điều gì cũng chẳng thể thành tựu!

2) Thứ hai là lý luận. Đây là khoa mục chung. Đối với *Pháp Tướng Duy Thức*, *Hoa Nghiêm* là một bộ kinh điển trọng yếu trong *Pháp Tướng Duy Thức*. *Pháp Tướng Duy Thức* có 6 kinh, 11 bộ luận. Trong 6 kinh có kinh *Hoa Nghiêm* giảng về căn nguyên của vũ trụ. Trong *Hoàn Nguyên Quán* đã giảng rất hay: “*Hiển nhất thể, khởi nhị dụng*” (Hiển lộ một thể, khởi lên hai tác dụng). Nhị Dụng, bất luận là Y báo hay Chính báo, nhỏ như vi trần, lớn như hư không pháp giới, đều có ba thứ trọn khắp chẳng thể nghĩ bàn. Thứ nhất là “trọn khắp pháp giới”, thứ hai là “sinh ra vô tận”, thứ ba là “chứa đựng Không và Có”. Lý này chung khắp, mỗi một pháp môn trong tám mươi bốn ngàn pháp môn cũng chẳng thể vượt ra ngoài. Đó là lý luận để quý vị dựa vào.

3) Thứ ba là quy túc. Tức là quý vị tu hành, kết quả cuối cùng đều là vãng sinh thế giới Cực Lạc. Tám mươi bốn ngàn pháp môn thấy đều quy vào thế giới Hoa Tạng, đến cuối cùng đều quy vào thế giới Hoa Tạng. Sau khi đã đến thế giới Hoa

Tạng, Văn Thù và Phổ Hiền sẽ dẫn quý vị cùng đến thế giới Cực Lạc. Do vậy, thế giới Cực Lạc là nơi quy túc chung.

Đó là ba khoa mục chung.

Lại tiếp: “*Xưng tính cực đàm, Như Lai chính thuyết*”. Ở đây, chia thành mấy đoạn nhỏ; đây là đoạn thứ nhất, dùng Giáp, Ất, Bính, Đinh^{2[2]} để đánh số theo thứ tự. “*Hoa Nghiêm, Pháp Hoa quân viên đốn xưng tính chi giáo, dẫn kỳ quy thú khước tại bản kinh*” (Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đều là giáo pháp Viên Đốn xưng tính, nhưng chỗ quy thú của chúng lại thuộc trong kinh này). Hai bộ kinh này từ xưa đến nay, vào thời đại Tùy - Đường, đã được các vị tổ sư đại đức nhất trí công nhận, khẳng định là kinh *Nhất Thừa*.

Trong giáo pháp suốt một đời của đức Thế Tôn, có tổng cộng ba bộ kinh *Nhất Thừa*, ngoài Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, còn có một bộ nữa là *Phạm Võng*. Kinh *Phạm Võng* ngoại trừ một phẩm *Phạm Võng Bồ tát Giới* được dịch sang tiếng Hán, những phẩm khác chưa truyền tới Trung Quốc. Bộ kinh này cũng là một kinh lớn, phân lượng rất lớn, nhưng chỉ truyền sang Trung Hoa một phẩm, tức là *Bồ tát Tâm Địa Giới Phẩm*.

Những kinh này đều là Viên Giáo viên mãn, Đốn Giáo thành tựu nhanh chóng, thành tựu trong một đời, xưng tính. Trong ấy không có phương tiện quyền xảo, mà là thẳng

2[2] Giáp, Ất, Bính, Đinh v.v... là cách đánh số thứ tự theo lối truyền thống trong cổ văn, giống như chúng ta dùng số La Mã hoặc các con số 1,2,3... để đánh số từng đoạn.

chóng, thỏa đáng. Chỗ quy thú của chúng là ở trong kinh *Vô Lượng Thọ* này. Kinh *Hoa Nghiêm* đến cuối cùng, Thiện Tài đồng tử tham học 53 lần. Chúng ta thấy, mười đại nguyên vương của Bồ tát Phổ Hiền dẫn về Cực Lạc, *Hoa Nghiêm* quy vào *Vô Lượng Thọ*, 41 địa vị Pháp Thân đại sĩ trong *Hoa Nghiêm* hải hội quy vào thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đây là sự thật, trong kinh đã nói rõ ràng.

“*Ngẫu Ích Đại sư tán bản kinh vân: Tuyệt đãi viên dung, bất khả tư nghị*” (Ngẫu Ích Đại sư khen ngợi kinh này như sau: “Dứt bất đối đãi một cách viên dung chẳng thể nghĩ bàn”). Ngẫu Ích Đại sư tán thán kinh *Vô Lượng Thọ* viên dung đến tột bậc: “*Hoa Nghiêm áo tàng, Pháp Hoa bí tử*”. “*Áo tàng, bí tử*” (Kho sâu thẳm, cốt lõi kín nhiệm). Đây là những từ ngữ hình dung sự cao thâm, áo diệu. Đây là nói với ai? Nói với những người từ Bồ tát Quyền Giáo trở xuống, vì họ không hiểu, chưa đại triệt đại ngộ, sẽ chẳng thể nhập cảnh giới này.

Cảnh giới *Hoa Nghiêm*, cảnh giới *Pháp Hoa* phải là người triệt ngộ, minh tâm kiến tính mới có thể lãnh ngộ; kẻ chưa kiến tính còn cách một tầng! Tinh túy sâu kín của *Pháp Hoa* là nói về Lý trong kinh ấy. “*Nhất thiết chư Phật chi tâm yếu, Bồ tát vạn hạnh chi tư nam, giai bất xuất ư thử hỷ*” (Tâm yếu của hết thấy chư Phật, kim chỉ nam cho muôn hạnh Bồ tát đều chẳng ra khỏi kinh này). Kinh này là chỉ kinh *Vô Lượng Thọ*. Bồ tát Vạn Hạnh là nguyên tắc chỉ đạo sự tu hành tối cao của Bồ tát, nguyên tắc ấy ở trong kinh *Vô Lượng Thọ*.

Kinh *Vô Lượng Thọ* trực tiếp dạy mọi người niệm Phật sinh về Tịnh Độ, trực tiếp dẫn dắt người vãng sinh Tịnh Độ trong một thời gian rất ngắn sẽ đạt tới mục tiêu triệt ngộ tâm tính. Trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ Phật*, đức Phật đã nói: Một người niệm Phật sinh sang thế giới Tây Phương Cực Lạc, hạ hạ phẩm vãng sinh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Tu trong thế giới Cực Lạc đến khi minh tâm kiến tính. Tu đến mức khế nhập cõi Thật Báo Trang Nghiêm, sẽ cần thời gian bao lâu? Đức Thế Tôn bảo là 12 kiếp.

Chúng ta thấy 12 kiếp rất dài, nhưng tại thế giới Tây Phương Cực Lạc, 12 kiếp cũng rất ngắn, chẳng dài! Tu hành trong thế giới này, muốn tu chứng đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, quý vị thấy kinh thường nói phải mất thời gian bao lâu? Phải mất vô lượng kiếp, chẳng phải 12 kiếp, mà là vô lượng kiếp! Tu hành trong các cõi Phật khác cần tới vô lượng kiếp, trong Thế giới Tây Phương Cực Lạc là 12 kiếp, quý vị thấy thời gian đã rút ngắn bao nhiêu!

Hơn nữa, vừa đến nơi ấy, trí tuệ, thần thông, và đạo lực đều giống như Thất Địa Bồ tát. Lời này có nghĩa là gì? Ý nghĩa rất sâu, có nghĩa là nói quý vị vừa đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, sẽ có năng lực giống như Pháp Thân Bồ tát, ngàn xức khăn cầu, bèn ứng hiện trong ngàn xức. Chúng sinh nơi nào có cảm, quý vị bèn có thể tới đó giáo hóa họ, nên dùng thân gì để độ được, quý vị liền hiện thân ấy, giống như 32 ứng thân của Bồ tát Quán Thế Âm, có bản lĩnh và thần thông to lớn dường ấy! Quý vị phải hiểu: Những điều đó chẳng

phải do chính quý vị tu được, mà do bản nguyện và oai thần của Phật A Di Đà gia trì, khiến cho quý vị khởi ra tác dụng ấy, chẳng thể nghĩ bàn!

Đây chẳng phải là nói đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, chờ khi ta tu thành tựu rồi mới có thể độ chúng sinh. Quý vị cứ tới đó là sẽ độ chúng sinh được. Trong thế giới của chư Phật mười phương không hề có chuyện này. *“Thị cố bản kinh xưng vi xứng tính chi cực đàm dã”* (Do vậy, kinh này được xưng tụng là lời bàn luận xứng tính đến mức cùng cực). Đây cũng là nói từ trong tự tính của chư Phật Như Lai và Phật A Di Đà viên mãn lưu lộ. Giảng đến chỗ cùng cực, viên mãn.

Ở đây, cụ Hoàng đã trích dẫn rất nhiều. *“Hựu Nhật”*, *“Nhật”* là Nhật Bản. Cao tăng Đạo Ẩn trong tác phẩm *Vô Lượng Thọ Kinh Chân Giải*, trong *Vạn Tục Tạng* có cuốn này. Chúng ta có thể đọc từ *Vạn Tục Tạng*; trong đó có một đoạn như sau: *“Ngũ trược chi thế, tạo ác chi thời, thánh đạo nhất chủng kim thời nan tu, kỳ nạn phi nhất”* (Hiện tại, nay là đời Ngũ trược, lúc tạo ác; cho nên khó tu một thứ thánh đạo, vì sẽ gặp nhiều chướng nạn).

Quý vị thấy trong hiện thời, đặc biệt là trong xã hội hiện tiền, đúng là Ngũ trược đã ô nhiễm đến mức cùng cực. Ngay cả bầu trời trong xanh cũng chẳng nhìn thấy nữa!

Chúng ta thấy bầu trời khói đen mù mịt, ô nhiễm đến tột cùng! Vì sao? Chúng sinh tạo ác. Hãy suy nghĩ xem có điều

nào trong Thập Ác chẳng làm? Sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, nói dối chiều, ác khẩu, nói thêu dệt, tham, sân, si, chúng ta hãy lắng lòng suy nghĩ, quan sát cẩn thận một phen, hiện thời có người nào sống trên địa cầu chẳng tạo? Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác thấy đều tương ứng với Thập Ác, ai nấy đều gây tạo.

Quay trở lại suy nghĩ, ta có tạo hay không? Hữu ý hay vô ý cũng đều tạo, biết làm sao được nữa? Có cách nào chẳng tạo? Thưa quý vị, niệm Phật sẽ chẳng tạo nữa! Ta niệm Phật một giờ, trong một giờ ấy sẽ không tạo; niệm Phật hai giờ, trong hai giờ ấy sẽ chẳng tạo. Chẳng niệm Phật, chắc chắn sẽ hữu ý hay vô ý tạo, tập khí quá nặng mà! Do vậy, chẳng đọc kinh, chẳng niệm Phật, thì làm sao được nữa? Khi đọc có thể chẳng tạo, phải biết rằng: Thời thời khắc khắc phải phản tỉnh. Thời thời khắc khắc phải kiểm điểm.

“Thánh đạo nhất chủng kim thời nan tu” (Hiện thời khó tu một thứ thánh đạo). Thánh đạo là Phật, Bồ tát đạo. Tám mươi bốn ngàn pháp môn, tu tập bất luận pháp môn nào trong hiện tại đều khó lắm. Thật là khó! Trì giới có thể không tạo nghiệp hay chẳng? Thời thượng cổ thì được! Đức Thế Tôn đã nói: *“Thời kỳ Chính pháp, giới luật thành tựu”*. Người trì giới, tâm địa thanh tịnh sẽ chẳng tạo nghiệp.

Nay, chúng ta hãy suy nghĩ: Chúng ta trì giới là tạo hay chẳng tạo nghiệp? Thưa quý vị, đại khái là chẳng tạo ác nghiệp, nhưng tạo thiện nghiệp, vẫn là tạo nghiệp! Nói cách

khác, tâm quý vị vẫn chưa thanh tịnh, không thoát khỏi lục đạo luân hồi; bất quá quý vị chẳng đọa tam ác đạo, đời sau sẽ hưởng quả báo trong cõi nhân thiên. Đấy chẳng phải là ý Phật! Ý Phật là dạy chúng ta không chỉ vượt thoát lục đạo, mà còn vượt thoát mười pháp giới. Đấy là niềm kỳ vọng của đức Phật đối với chúng ta.

Vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc là vượt thoát mười pháp giới. Hạ hạ phẩm trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng đã vượt thoát mười pháp giới. Đấy là niềm kỳ vọng của chư Phật đối với chúng ta, chẳng thể không biết. *“Kỳ nạn phi nhất”* (Chẳng phải chỉ là một nạn). Câu này nói rất hay, đặc biệt là trong thời đại chúng ta, chúng ta mới hiểu sâu sắc, chướng nạn quá nhiều!

“Đặc thử nhất môn, chí viên cực đốn, nhi thả do kỳ giản dị trực tiếp” (Chỉ riêng pháp môn này chí viên, cực đốn, lại còn đơn giản, dễ dàng, thẳng chóng). Pháp môn này tốt đẹp. Trong thời đại như vậy, nếu chưa thể khiến cho cả thiên hạ đều thiện, phải làm sao cho ít nhất bản thân ta là thiện, đóng cửa niệm Phật tại nhà.

Trước đây, tôi từng dạy người ta, người bình thường mỗi ngày kiếm tiền không nhiều lắm. Trong quá khứ, tôi giảng kinh tại Đài Bắc, người thường xuyên đến nghe kinh, gần như chẳng thiếu buổi nào, có đến mười mấy người lái taxi. Tôi từng nói đùa với họ, nhưng cũng là lời chân thật, tôi nói: Các ông mỗi ngày kiếm tiền, kiếm một ngày, ăn ba ngày hay

năm ngày chẳng có vấn đề gì, có thể nghỉ ngơi năm ba ngày. Một ngày kiếm tiền có thể sống đủ năm ba ngày.

Tôi nói: Quý vị hãy gắng kiếm tiền một năm, có thể nghỉ ba năm, dùng thời gian ba năm để gắng công niệm Phật. Vì sao? Vấn đề ăn uống đã được giải quyết rồi! Ba năm thành công, sang thế giới Cực Lạc; nếu không thành công, quay về lái taxi tiếp, lái một năm, lại có thể nghỉ ngơi ba năm. *“Đặc thủ nhất môn, chí viên, cực đốn”*: Ăn, mặc, đi, ở, càng đơn giản càng hay! Phật, Bồ tát chẳng phải cầu cạnh ai trong bất cứ phương diện nào! Chẳng có! Trong Tăng đoàn nguyên thủy, Phật Thích Ca Mâu Ni chọn cách sống là khát thực, ăn Ngọ một bữa, ngủ dưới gốc cây.

Người xưa thường nói: *“Nhân đáo vô cầu, phẩm tự cao”* (Người đạt đến mức chẳng cầu mong gì, phẩm hạnh tự thanh cao). Ngài thật sự vô cầu. Chẳng cầu cạnh thế gian, nói toàn những câu chân thật, chẳng lừa gạt người khác. Đúng là đơn giản, dễ dàng, thẳng chổng!

“Tắc xuất thế chi chính thuyết thiên tại tư kinh, nhất đại sở thuyết quy thủ kinh, như chúng thủy quy ư đại hải” (Chính thuyết xuất thế riêng thuộc trong kinh này. Cả một đời thuyết pháp quy về kinh này, như các dòng nước xuôi về bể cả). Câu sau là tỷ dụ. Chính thuyết xuất thế riêng trong kinh này, tôi nghĩ câu nói của Thiện Đạo Đại sư, chắc là đã căn cứ trên câu kinh văn này để nói. Câu danh ngôn của Thiện Đạo Đại sư là: *“Chư Phật sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà*

bản nguyện hải” (Sở dĩ chư Phật xuất thế chỉ là để nói biến bản nguyện của Phật Di Đà).

Mười phương ba đời hết thấy chư Phật, dùng thân Phật xuất hiện trong thế gian, nên dùng thân Phật để độ, bèn dùng thân Phật giáo hóa. Hết thấy chư Phật thị hiện thân Phật đến thế gian này để làm gì? Chỉ để nói biến bản nguyện của Phật Di Đà! Có nghĩa là gì? Nói kinh *Vô Lượng Thọ*. “*Nhất đại sở thuyết quy thử kinh*” (Cả một đời thuyết pháp quy về kinh này). Trong một đời, suốt 49 năm, Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói hết thấy các kinh nhằm nói lên điều gì?

Nói kinh *Vô Lượng Thọ*, ngàn kinh muôn luận chỗ nào cũng chỉ về tự tính. Có người chẳng ưa thích pháp môn này, vì không hợp khẩu vị! Đức Phật bèn tùy thuận khẩu vị của người ấy, mà giảng cho kẻ ấy nghe pháp môn thích hợp, giảng đến cuối lại quẹo trở về, quay về *Vô Lượng Thọ*. Đây là phương tiện thiện xảo của đức Phật. Thật vậy, lời Thiện Đạo Đại sư nói chẳng sai, “*chỉ để nói biến bản nguyện của Phật Di Đà*”. Kinh *Hoa Nghiêm* nói nhiều ngàn ấy, đến cuối cùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Tỷ dụ trong đoạn này dễ hiểu, “*như chúng thủy*” (như các dòng nước), sông ngòi, Trường Giang và Hoàng Hà cuối cùng đều đổ vào biển cả.

“*Do thử ngôn chi, bách vạn A tăng kỳ nhân duyên dĩ khởi Hoa Nghiêm chi điển, nhất đại sự nhân duyên dĩ thành Pháp Hoa chi giáo, diệc duy vi thử pháp chi do tự*” (Do vậy, nói: Trăm vạn A tăng kỳ nhân duyên phát khởi kinh *Hoa Nghiêm*,

một đại sư nhân duyên để thành kinh *Pháp Hoa* cũng chỉ là nguồn gốc của pháp này). Nói rất hay!

Vào đời Đường, các quốc gia Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam đều phái nhiều tăng nhân (người xuất gia) sang Trung Quốc du học. Khi ấy, Thiên Thai Trí Giả Đại sư và Thiện Đạo Đại sư của Tịnh Tông chúng ta đều là những bậc thầy nổi tiếng. Đối với những nước ấy, rất nhiều người sau khi trở về nước đã trở thành tổ sư đại đức, đều là học trò của Thiện Đạo Đại sư hay Trí Giả Đại sư.

Nay, chúng ta sang Nhật Bản, gần như trong mỗi ngôi chùa, quý vị đến viếng Tổ Đường, đều thấy họ tạc tượng thờ Tổ sư là Ngài Thiện Đạo hay Thiên Thai Đại sư, ở Trung Quốc không có. Họ còn vẽ hình các Ngài, treo trên xà nhà. Quý vị ngẩng đầu nhìn sẽ thấy tượng vẽ hay tượng đắp của các Ngài. Họ vô cùng tôn trọng Tổ sư, đặc biệt là Thiện Đạo Đại sư đã truyền dạy Tịnh Độ Tông. Chùa miếu Nhật Bản dùng tên hiệu của Thiện Đạo Đại sư để đặt tên chùa, gần như đến nơi nào quý vị cũng đều thấy Thiện Đạo Tự.

Quý vị thấy tên chùa là Thiện Đạo Tự, chắc chắn là đạo tràng tu Tịnh Độ. Đối với chuyện này, trong bài tựa của lão cư sĩ Mai Quang Hy, chúng ta đọc thấy: Những vị đại đức Tăng thời Tùy - Đường đã rất nghiêm túc suy tìm trong giáo pháp cả một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Trong một đời Ngài, hết thảy các kinh do đức Phật đã nói trong 49 năm, bộ kinh nào trọng yếu nhất, có thể đại diện cho hết

thấy các kinh giáo đã nói trong 49 năm? Mọi người cùng suy cử kinh *Hoa Nghiêm*, xưng tụng kinh *Hoa Nghiêm* là căn bản pháp luân, hết thấy các kinh giáo khác là quyền thuộc của *Hoa Nghiêm*. *Hoa Nghiêm* là một cái cây to, nó là cội gốc, những kinh khác là cành lá trên cây ấy; nhưng *Hoa Nghiêm* đến cuối cùng quy vào Tịnh Độ, tức quy vào kinh *Vô Lượng Thọ*.

Do vậy, kinh *Vô Lượng Thọ* biến thành căn bản của căn bản. Vì thế, *Hoa Nghiêm*, *Pháp Hoa*, những giáo pháp Đại thừa đều biến thành gì? Biến thành pháp dẫn khởi của kinh *Vô Lượng Thọ*. Đối với cách nói này, tôi bội phục năm vóc sát đất. Vì sao? Vì sao tôi tin tưởng Tịnh Độ? Do kinh *Hoa Nghiêm* mà tin tưởng, từ kinh *Pháp Hoa*, kinh *Lăng Nghiêm* mà tin tưởng.

Thầy tôi khuyên tôi nên tin tưởng. Tôi bề ngoài vâng lời, nhưng trong lòng chẳng phục. Đương nhiên, tôi rất tôn kính thầy, nhưng vẫn nghi ngờ Tịnh Tông. Lúc ấy, tôi có cách nghĩ sai lầm rất lớn, sự hiểu lầm này rất nhiều người vướng phải, ngỡ Tịnh Độ là pháp phương tiện do Phật Thích Ca Mâu Ni dùng để tiếp dẫn những bà già thiếu hiểu biết, chẳng biết pháp môn này rốt ráo là như thế nào, không hiểu! Tôi đã kể với quý vị, tôi giảng kinh *Hoa Nghiêm* được phân nửa, khi đó là lần giảng thứ nhất, giảng lần này là lần thứ hai.

Lần đầu tiên cũng giảng không ít năm, 17 năm đã giảng được phân nửa. Có một hôm, bỗng nhiên nghĩ: “Rốt cuộc

Văn Thù, Phổ Hiền học những gì? Thiện Tài đồng tử là môn sinh đặc ý của Bồ tát Văn Thù, là pháp tử của Bồ tát Văn Thù. Ngài tu gì vậy?”

Lật đến phần sau của *Tứ Thập Hoa Nghiêm*, giờ đến quyển thứ 39, thấy Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sinh Tịnh Độ. Điều này khiến tôi thật rung động. Văn Thù là thầy của 7 vị Phật, Phổ Hiền được tôn xưng là Nguyên Vương, các Ngài thật sự tu Tịnh Độ! Trong các vị Bồ tát, Hạnh môn triệt để nhất là Phổ Hiền, Ngài đại diện cho Hạnh môn. Tôi nảy sinh lòng tin đối với Tịnh Độ là nhờ *Hoa Nghiêm*.

Ở đây, cụ Hoàng nói: “*Hoa Nghiêm, Pháp Hoa lưỡng kinh chỉ thị bản kinh chi đạo dẫn, bản kinh giả chính thị nhất Đại Tạng giáo chi chỉ quy*” (Cả hai kinh *Hoa Nghiêm*, kinh *Pháp Hoa* chỉ là pháp dẫn đường cho kinh này. Kinh này đúng là chỗ chỉ về của cả Đại Tạng giáo), tức là *Hoa Nghiêm* và *Pháp Hoa* nhằm dẫn khởi pháp này, pháp này là *Vô Lượng Thọ Kinh*. Quả thật là tôi đã được kinh *Hoa Nghiêm* hướng dẫn, nên mới thật sự phát tâm học tập pháp môn Tịnh Độ.

Chúng ta thấy một câu nói của cư sĩ Bành Tế Thanh, trong sách này cũng được lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ trích dẫn rất nhiều. Ông Bành nói kinh *Vô Lượng Thọ* là *Trung bản Hoa Nghiêm*. Kinh *Hoa Nghiêm* quá dài, tôi giảng lần đầu tiên, giảng được phân nửa, sau khi liễu giải vấn đề bèn buông kinh *Hoa Nghiêm* xuống, chẳng giảng *Hoa Nghiêm* nữa, mà giảng kinh *Vô Lượng Thọ*. Tôi giảng trước sau tổng cộng

mười lần, lần này là lần thứ mười một. Kinh này là *Trung bản Hoa Nghiêm*, chẳng khác gì *Hoa Nghiêm*.

“*Hoa Nghiêm kinh mật, Phổ Hiền đại sĩ thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc, thị kỳ minh chứng*” (Cuối kinh *Hoa Nghiêm*, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền đại sĩ dẫn về Cực Lạc là một chứng cứ rõ ràng).

“*Thánh giáo như chiêm đàn, phiền phiền giai hương. Pháp pháp viên đốn, bản vô cao hạ*” (Thánh giáo như chiêm đàn, miếng nào cũng thơm. Pháp nào cũng viên đốn, vốn chẳng cao thấp), là như kinh *Kim Cương* đã nói: “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”. Đúng vậy, chẳng giả tí nào! Pháp không có cao thấp, nhưng người có cao thấp, do căn tính của mỗi người khác nhau.

“*Duy dĩ chúng sinh cấu trọng chướng thâm, tâm thô, trí liệt*” (Chỉ vì chúng sinh cấu nặng, chướng sâu, tâm thô, trí kém). Đó là có cao thấp. Vì vậy, tổ sư đại đức phán giáo, tuyệt đối chẳng phân chia theo nội dung kinh, mà phân chia theo căn tính của con người, căn tính nào sẽ thích hợp học tập kinh điển nào! Nói thật ra, kinh đâu có Đại thừa hay Tiểu thừa, đều là bình đẳng.

Do vậy, cổ đức đã nói: “*Viên nhân thuyết giáo, vô giáo bất viên*” (Người viên mãn thuyết giáo pháp, giáo pháp nào cũng là viên mãn). Câu này hay lắm! “*Viên nhân*” là người khai ngộ, người kiến tính, dù là giáo pháp Tiểu thừa giáo cũng nói thành cảnh giới *Hoa Nghiêm*. Kinh *A Di Đà* là tiểu

bản, mọi người thường niệm, cũng chẳng cảm thấy hy hữu, lạ lùng chi hết, nhưng bộ *Sớ Sao* của Liên Trì Đại sư đã nâng kinh ấy lên cảnh giới *Hoa Nghiêm*.

Quý vị đọc *Sớ Sao*, chính là như cổ đức đã nói “*Viên nhân thuyết giáo, vô giáo bất viên*”. Liên Trì Đại sư dùng “thập môn khai khái” và giáo nghĩa kinh *Hoa Nghiêm* để giảng giải kinh *A Di Đà*, đề cao địa vị Tịnh Độ Tông. Vào thời ấy, người ta khinh thường Tịnh Độ, chẳng muốn học pháp môn này, mà thích học Giáo, hay học Thiền. Liên Trì Đại sư thấy rất rõ ràng: Quý vị học Giáo chẳng khai ngộ, học Thiền chẳng đắc thiền định. Nói cách khác, quý vị đã phí uổng tinh lực và thời gian! Do tâm đại từ bi nên Ngài khuyên quý vị niệm Phật.

Quý vị coi thường Tịnh Tông, nên Ngài dùng kinh *Hoa Nghiêm* để giải thích. Sau khi nghe, nhận thấy cảnh giới trong kinh *Di Đà* chẳng khác cảnh giới *Hoa Nghiêm*, quý vị mới có thể phát khởi tín tâm, mới có thể quay đầu. Lòng từ bi vô tận!

Kế tiếp, Ngẫu Ích Đại sư viết *Yếu Giải*. *Yếu Giải* không dài, nhưng đúng là danh phù hợp thật. Lời chú giải của Ngài đúng là đơn giản, nhưng trọng yếu. Lão pháp sư Ấn Quang tán thán: “*Dù Phật A Di Đà tái lai, tự viết chú giải kinh Di Đà, cũng chẳng thể hay hơn được!*”. Tán thán đến tột bậc! Xưa kia, tôi ở Tân Gia Ba (Singapore), pháp sư Diễn Bồi là bạn già, có lần Sư mời tôi dùng cơm, có nhắc tới vấn đề này, hỏi tôi: “Lời tán thán ấy của Ấn Quang Đại sư có phải là hơi

quá lỗi một chút hay không?”. Sư hỏi tôi như vậy. Tôi thưa: “Chẳng quá lỗi tí nào! Câu nào cũng là lời thật!”. Hơn 20 năm trước, gần như 30 năm, tôi ở Mỹ, có một cư sĩ hỏi tôi. Ông ta cũng rất hiếu học. Ông ta nói: “Pháp sư Tịnh Không! Nếu chỉ cho phép thầy chọn lựa một bộ trong *Đại Tạng Kinh*, thầy sẽ chọn bộ nào?”. Tôi chẳng do dự mảy may, bảo ông ta: “Tôi chọn lựa *Di Đà Kinh Yếu Giải* của Ngẫu Ích Đại sư”. Quá hay! Tôi tán thành câu nói Ấn Quang Đại sư cả hai tay.

Tuy văn tự không nhiều lắm, nhưng có nhiều ý tưởng trong ấy mà từ trước đến nay các vị tổ sư đại đức chưa hề nói đến. Ngài có thể nói ra, nói rõ ràng đường ấy, nói thấu triệt ngàn ấy, quả thật hết sức khó có! Trong bản chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ đã trích dẫn sách *Yếu Giải* này rất nhiều, chúng ta có thể đọc thấy.

Tiếp đó là nêu tỷ dụ: “*Cơ ngộ vương thiện, nhi bất năng xan*” (Đói gặp cỗ vua mà chẳng dám ăn), nói lên điều gì? Đây là nói chúng sinh thiếu phúc. Không chỉ riêng đối với Thích Ca Như Lai, đây là kinh bậc nhất và pháp môn bậc nhất để hết thảy chư Phật ứng hóa trong mười pháp giới, ứng hóa trong lục đạo, phổ độ chúng sinh, nhưng kẻ ấy chẳng tin, chẳng tiếp nhận, nghe không hiểu. Đúng là nghe chẳng hiểu!

Tôi hiểu rất rõ đạo lý này. Vì sao họ nghe không hiểu? Đối với pháp môn này, họ hoài nghi, đó là chướng ngại. Bởi ngạo mạn, xem thường bộ kinh nhỏ này, không thêm quan

tâm tới. Thiếu phúc báo mà! Đưa cho kinh bậc nhất của chư Phật Như Lai, họ chưa thể tiếp nhận. Đúng là lời nhận định của cụ Hoàng đã nói rất hay: “*Cấu trọng, chương thâm, tâm thô, trí liệt*” (Cấu nặng, chương sâu, tâm thô, trí kém).

“*Duy bản kinh trì danh nhất pháp, nãi dị hành đạo, nhân nhân năng tu*” (Chỉ một pháp Trì danh trong kinh này mới là đạo dễ hành, ai cũng có thể tu được). Nói đến kinh *Vô Lượng Thọ*, thì kinh *Vô Lượng Thọ* và kinh *Tiểu Bản Di Đà* tương đồng, đề xướng Trì danh, không như kinh *Quán Vô Lượng Thọ Phật*. Kinh ấy đề xướng tu Quán, nên còn gọi là kinh *Thập Lục Quán*. Trong 16 pháp Quán, pháp Quán cuối cùng thứ 16, là Trì danh. Trì danh được đặt sau cùng. Pháp sau cùng là pháp quan trọng nhất!

Quý vị xem biểu diễn văn nghệ hay diễn tuồng, màn hay nhất chắc chắn là màn diễn xuất cuối cùng. Phật pháp cũng là như vậy, thứ tốt nhất đặt ở cuối cùng. Quý vị xem phần *Hai Mươi Lăm Pháp Viên Thông* trong kinh *Lăng Nghiêm*, được xếp theo thứ tự lục căn, lục trần, lục thức, thất đại, xếp theo thứ tự ấy. Thuận theo thứ tự, pháp *Nhĩ Căn Viên Thông* của Bồ tát Quán Thế Âm phải thuộc vị trí thứ hai trong lục căn, kết quả là quý vị thấy được đặt ở cuối cùng. Chứng tỏ điều gì? Pháp môn ấy là pháp môn đặc biệt, chẳng phải là pháp môn thông thường.

Trên thực tế, kinh nói hai pháp môn đặc biệt, nhưng rất nhiều người chưa hiểu, chỉ nói đến *Nhĩ Căn Viên Thông*,

không để ý pháp *Niệm Phật Viên Thông* của Bồ tát Đại Thế Chí. Do Bồ tát Quán Thế Âm thay đổi vị trí, từ thứ hai chuyển đến cuối cùng, hết sức rõ rệt, quý vị vừa nhìn liền biết ngay, còn Bồ tát Đại Thế Chí nếu thuận theo thứ tự được xếp vào vị trí thứ hai mươi ba, Bồ tát Di Lặc được xếp vào vị trí hai mươi bốn, nhưng lại đổi chỗ đôi chút: Bồ tát Di Lặc xếp ở vị trí hai mươi ba, Bồ tát Đại Thế Chí xếp xuống vị trí hai mươi bốn, chỉ thay đổi một vị trí, cho nên rất nhiều người không chú ý.

Trong chương *Hai Mươi Lăm Viên Thông* có hai pháp môn đặc biệt, chẳng phải là một! Hai vị này không được xếp theo thứ tự thuận, nên pháp môn của hai Ngài là các pháp môn đặc biệt, đặc biệt trọng yếu! Chúng ta đọc kinh, nghiên cứu giáo pháp, chớ nên không lưu ý những chỗ như vậy. Trì danh mới là đạo dễ hành, người nào cũng có thể tu.

“Đại Thế Chí Viên Thông Chương viết: ‘Tịnh niệm tương kế, tự đắc tâm khai’, tức phàm phu tâm, khai Phật tri kiến” (Chương *Đại Thế Chí Viên Thông* chép: “Tịnh niệm nối tiếp, tâm tự tâm ngộ”, chính là dùng ngay cái tâm phàm phu mà khai tri kiến Phật). Cụ trích dẫn câu này hay lắm. *“Tịnh niệm tương kế”* là công phu, cũng là nhất tâm trì danh; *“Tự đắc tâm khai”* là khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, không cần tới phương pháp nào khác, chỉ là một câu Phật hiệu. *“Tức phàm phu tâm, khai Phật tri kiến”*, khai Phật tri kiến là đại triệt đại ngộ, là minh tâm kiến tính, chẳng cần dùng phương pháp nào khác.

Qua các đời, chúng ta thấy người niệm Phật trong thời gian ba năm bèn thành công, biết trước lúc mất, tự tại vãng sinh. Chúng ta hãy nghĩ coi những người ấy tâm có tự được khai ngộ hay chẳng? Công phu tịnh niệm nối tiếp mà chắc chắn có, tâm sẽ được tự khai. Sau khi tâm đã tự khai. Vì sao chẳng giảng kinh, chẳng hoằng pháp? Giảng kinh, hoằng pháp phải có pháp duyên; người ấy thiếu pháp duyên nên ra đi.

Người ấy ra đi, có giảng kinh hay không? Có hoằng pháp hay không? Có! Người ấy làm như vậy đã nêu gương tốt nhất cho người đời sau, chẳng dùng ngôn giáo, mà dùng thân để biểu diễn. Trong Phật pháp, chúng tôi giảng kinh, dạy học hơn 50 năm, ông Hoàng Trung Xương biểu diễn, trong một thời gian chẳng dài vẫn có thể vãng sinh, đã nêu ra một ví dụ tốt nhất, chứng minh cho chúng tôi giảng kinh, dạy học, công đức ấy thù thắng lắm! Nếu quý vị không tin, thấy người ta y giáo phụng hành, niệm hai năm mười tháng bèn thành công, liền vỡ lẽ: “Là thật! Chẳng giả!”. Có bao nhiêu kẻ thiếu lòng tin, do dự, chần chừ, vừa trông thấy tấm gương của ông Hoàng Trung Xương, lòng tin bèn kiên định! Ông ta thật sự tiếp dẫn đại chúng vãng sinh, mà cũng là tiếp dẫn kẻ hữu duyên. Người ta thấy gương ấy, thật sự phát khởi lòng tin: Nghiêm túc như ông ta, thật sự làm, ai nấy đều thành tựu!

“Chí ư căn khí thiên giả, dẫn năng chí tâm tín nhạo, nguyện sinh bỉ quốc, nãi chí thập niệm, lâm mạng chung thời, môn

Phật nhiếp thọ, tiện sinh Cực Lạc, hoa khai kiến Phật, ngộ nhập Vô sinh. Kỳ diệu tột tiệp, mạc quá ư thị” (Còn như kẻ căn khí cạn cợt, chỉ cần chí tâm tin ưa, nguyện sinh cõi kia, dẫu chỉ mười niệm, lúc mạng sắp hết, được Phật nhiếp thọ, liền sinh về Cực Lạc, hoa nở thấy Phật, ngộ nhập Vô sinh, kỳ diệu, nhanh chóng, không gì hơn được).

Kẻ căn khí nông cạn, tham thiền chưa thể đắc định, học giáo chưa thể đại khai viên giải. Cụm từ “*căn khí thiểu*” chỉ hạng người ấy. Chỉ cần người ấy chí tâm tin tưởng, ưa thích. “*Chí tâm*” là chân thành đến tột bậc, quyết định chẳng hoài nghi mảy may, tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, tin tưởng kinh *Vô Lượng Thọ*, tin tưởng kinh *A Di Đà*, khẳng khẳng một mực thâm nhập một môn.

Không cần nhiều, một quyển sách nhỏ mỏng như đây là được rồi! Nguyện sinh về Tịnh Độ, nguyện này vô cùng trọng yếu. Trong một đời này, khẳng định một phương hướng, một mục tiêu như thế, quyết định phải làm được! Trong *Yếu Giải*, Ngẫu Ích Đại sư đã nói rất khéo: Hành nhân, tức là người niệm Phật, có được vãng sinh thế giới Cực Lạc hay không, điều ấy được quyết định có tín, nguyện hay không? Chỉ cần quý vị thật sự tin, thật sự nguyện, không ai chẳng vãng sinh!

Sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, phẩm vị cao hay thấp, tùy thuộc công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn. Câu này hay lắm! Công phu cạn là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Vì sao? Chưa niệm đến Nhất tâm bất loạn. Niệm đến Sự Nhất

tâm bất loạn, sẽ sinh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, niệm đến Lý Nhất tâm bất loạn sẽ sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Công phu niệm Phật sâu hay cạn, trong ba cõi đều có chín phẩm trong ba bậc, tùy thuộc công phu cạn hay sâu. Vãng sinh hay không là do có tín nguyện hay không. Câu nói này hay quá! Cổ nhân chưa có ai nói vậy, nhưng trong sách *Yếu Giải*, Ngẫu Ích Đại sư đã nói như thế.

Do vậy, trọn đủ Tín, Nguyện, Hạnh. Hạnh là quý vị thật sự niệm. “*Nãi chí thập niệm*” (Dẫu chỉ mười niệm), “mười niệm” là như nguyện thứ 18 “*mười niệm ắt sinh*” trong 48 nguyện đã nói. Đó là nói khi lâm chung. Trong một đời này chưa có duyên gặp gỡ, đến khi lâm chung mới gặp thiện hữu nói cho biết phương pháp niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ, khuyên kẻ ấy niệm Phật. Điều kiện là người ấy nghe xong, ngay lập tức tiếp nhận, có thể tin tưởng, phát nguyện, bèn có thể vãng sinh, dẫu trong một đời chưa từng gặp pháp môn này! Ở Mỹ, tôi đã được gặp một người. Tại đặc khu Hoa Thịnh Đốn (Washington D.C), có một đồng tu cả đời chẳng tín ngưỡng tôn giáo nào, bị ung thư. Ông ta mở tiệm bán bánh mì, con người hết sức tốt lành, thật thà.

Khi lâm chung, mắc bệnh ung thư, bệnh viện đã không nhận chữa trị nữa, bảo đã hết cách cứu. Người nhà lãnh về, đến khắp nơi cầu thần, bái Phật, mong có kỳ tích xuất hiện. Chúng tôi ở nơi ấy, có các đồng học học Phật thành lập một hội Phật giáo, có tên là Hoa Phủ Phật Giáo Hội (Hội Phật giáo Washington). Có mấy đồng học thuộc hội ấy đến

thăm ông ta, thấy tình trạng như vậy, bèn khuyên: “Nhân gian rất khổ, đừng cầu lành bệnh, hãy niệm Phật cầu sinh về thế giới Cực Lạc”. Dem Y báo và Chính báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc giảng cho ông ta nghe. Nghe xong, ông ta hết sức hoan hỷ, bảo người nhà chẳng cần chạy chữa cho ông ta nữa, tất cả hãy cùng niệm Phật giúp ông ta cầu sinh Tịnh Độ.

Niệm ba ngày, ông ta thật sự vãng sinh. Trước khi lâm chung ba ngày, ông ta mới chuyển biến ý niệm. Hễ niệm Phật, ông ta sẽ không đau. Ông ta vốn bị bệnh ung thư rất đau đớn; nay do niệm Phật không đau nữa. Vì thế, ông ta lòng tin tràn trề, niệm ba ngày, ra đi rất thuận lợi. “Mười niệm ắt sinh” là thật, chẳng giả! Khi lâm chung được Phật nhiếp thọ, Phật đến tiếp dẫn, liền sinh về Cực Lạc, hoa nở kiến Phật, ngộ nhập Vô sinh.

Trong kinh *Di Đà*, có một câu kinh văn Huyền Trang Đại sư và La Thập Đại sư phiên dịch hoàn toàn khác nhau. Bản dịch của Ngài La Thập có câu “*Nhất tâm bất loạn*”; bản dịch của Huyền Trang Đại sư không có câu này, Ngài ghi là “*Nhất tâm hệ niệm*”, chẳng phải là Nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn khó. Nhất tâm hệ niệm dễ, chúng ta đều có thể làm được. Có phải là Cưu Ma La Thập Đại sư dịch sai hay không? Nói thật ra, La Thập Đại sư chẳng dịch sai, mà Huyền Trang Đại sư cũng chẳng dịch sai! Nguyên văn là “*Nhất tâm hệ niệm*”, chẳng dịch sai! Đó là nguyên văn. La

Thập Đại sư dịch theo ý, khi lâm chung, người hành Tịnh nghiệp thật sự Nhất tâm bất loạn.

Khi lâm chung, công phu thành phiền, chưa đạt đến nhất tâm, nhưng khi Phật đến tiếp dẫn, trước hết, Phật quang chiếu tới quý vị, Phật quang vừa chiếu, khiến cho công phu của quý vị nâng cao gấp bội. Quý vị đã có công phu thành phiền, Ngài vừa chiếu, ngay lập tức trở thành Nhất tâm bất loạn, chẳng dịch sai! Đức Phật giúp đỡ chúng ta, bản thân chúng ta chẳng có công phu gì thì không được rồi! Đức Phật chẳng có cách nào giúp đỡ quý vị!

Phật giúp quý vị là tương đối, nghĩa là quý vị có một phần công lực, Ngài sẽ gia trì quý vị một phần. Quý vị có mười phần công lực, Ngài sẽ gia trì quý vị mười phần. Chính mình phải thật sự tu, nếu không, chỉ cầu Phật gia trì, đó là chuyện không thể thực hiện được! Hai bên phải đối ứng mà! Chính mình nhất định phải nghiêm túc nỗ lực nâng cao cảnh giới của chính mình, đến khi lâm chung, hiệu quả gia trì sẽ vô cùng rõ rệt. Vì thế, pháp môn này đúng là kỳ diệu, nhanh chóng; tốc độ nhanh chóng không gì hơn được!

“Nhất thiết chúng sinh do thủ đắc độ, thập phương Như Lai nãi xứng bản hoài” (Hết thấy chúng sinh do pháp này đắc độ mới xứng hợp bản hoài của mười phương Như Lai). Thật vậy! Mười phương Như Lai ứng hóa trong thế gian này chỉ vì một chuyện này: Giúp chúng sinh lìa khổ, được vui, chẳng vì chính mình. Các Ngài đâu có ý niệm lo toan cho bản

thân. Các Ngài chẳng vì mình, mà vì chúng sinh nên đến thế gian này. Chúng sinh khổ sướng bởi đâu? Do mê hay ngộ mà ra. Vì sao quý vị khổ? Vì quý vị tạo nghiệp bất thiện.

Cớ sao quý vị tạo nghiệp bất thiện? Do quý vị mê hoặc, nên mới tạo nghiệp, mới cảm lấy ác báo. Bởi lẽ, đức Phật biết: Sướng do đâu mà có? Sướng từ khai ngộ mà có. Sau khi đã ngộ, chắc chắn chẳng tạo ác nghiệp. Đó là tiểu ngộ. Khi đại ngộ, thiện lẫn ác đều chẳng tạo. Tạo gì? Phật pháp nói là “tịnh nghiệp”, tức nghiệp thanh tịnh. Thanh tịnh nghiệp là gì? Vẫn là đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện; đoạn ác, tu thiện, nhưng trong tâm thanh tịnh, chẳng có dấu vết gì, bèn gọi là “tịnh nghiệp”. Đấy cũng là thật sự buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, đoạn ác, tu thiện thì gọi là “tịnh nghiệp”.

Phật dùng phương pháp gì để giúp những chúng sinh khổ nạn và chúng sinh trong lục đạo? Phật dùng giáo học. Vì thế, thuở Ngài tại thế đã nêu gương cho chúng ta: Sau khi khai ngộ bèn bắt đầu dạy học. Ba mươi tuổi khai ngộ, 79 tuổi viên tịch, suốt 49 năm chẳng bỏ sót ngày nào, hằng ngày dạy dỗ. Đệ tử Phật môn chúng ta bất luận tại gia hay xuất gia, nhất định phải ghi nhớ: Đức Phật xuất hiện trong thế gian này để làm gì? Dùng phương pháp gì?

Chúng ta phải học tập điều ấy. Phật giáo truyền đến Trung Quốc là giáo dục, chẳng phải là tôn giáo, quý vị chớ nên không biết điều này! Đạo tràng Phật giáo là cơ sở, thời

cổ gọi là Tự. Tự có nghĩa là gì? Vì sao gọi là Tự? “Tự” là cơ quan làm việc của chính phủ, trực tiếp thuộc quyền cai quản của hoàng đế. Nếu quý vị đến Bắc Kinh, đến thăm Cố Cung^{3[3]}, trong Cố Cung có chín Tự^{4[4]}. Một đơn vị bày tôi của hoàng đế được gọi là Tự. Tự, có nghĩa là vĩnh viễn thiết lập, chẳng

3[3] Cố Cung, còn gọi là Tử Cấm Thành là cung điện hoàng đế của hai triều đại Minh và Thanh tại Bắc Kinh. Cố Cung do hoàng đế Minh Thành Tổ (Châu Lệ) bắt đầu xây dựng vào năm 1406 khi dời kinh đô từ Nam Kinh lên Bắc Kinh, mãi đến niên hiệu Vĩnh Lạc thứ tư (1420) mới hoàn thành. Tổng công trình sư (kiến trúc sư trưởng) là Khoái Tường, một trong những thiết kế sư (kiến trúc sư) nổi tiếng của công trình này là thái giám Nguyễn An (vốn bị nhà Minh bắt về nước khi chiếm Việt Nam dưới đời Hồ Quý Ly).

4[4] Quy chế “cửu tự” đã có từ thời Tiền Hán. Đây chính là chín cơ cấu quản lý sự vụ trực thuộc chánh quyền trung ương. Chín cơ cấu này do cửu khanh (chín vị đại thần quyền hạn nhỏ hơn Tam Công) đứng đầu, tâu trình trực tiếp với hoàng đế, không qua sự quản lý của Tể Tướng (hay Thủ Phụ). Dinh thự của cửu khanh gọi là Tự. Do đó, chín cơ quan này cũng được gọi là Tự. Cửu Tự gồm:

1. Thái Thường Tự: Chương quản nghi lễ, phụ trách các điển lễ của quốc gia (thường gọi chung là Quốc Tế) như lễ tế trời, tế xã tắc v.v..., đồng thời quản lý âm nhạc cung đình, cũng như quản lý các thuật sĩ và y sĩ. Cơ quan này về sau trực thuộc Bộ Lễ.

2. Quang Lộc Tự: Chương quản những sự vụ thường ngày trong cung, phụ trách yến tiệc, chuẩn bị các nhu cầu ăn mặc trong cung.

3. Vệ Úy Tự: Chương quản vũ khí và canh gác, phòng bị trong cung, nhất là chịu trách nhiệm bảo vệ kho vũ khí, sắp đặt các thứ nghi trượng và ngự lâm quân bảo vệ khi vua xuất du.

4. Tông Chánh Tự: Chương quản sự vụ trong hoàng tộc, tông thất, cũng như gia phả của ngoại thích (họ hàng của các hoàng hậu, phi tần), bảo vệ, tu bổ lăng miếu của hoàng gia, kiêm nhiệm chương quản tăng nhân, đạo sĩ.

5. Thái Bộc Tự: Chương quản xe ngựa của hoàng gia, kho dự trữ, các bãi chăn nuôi, cung cấp quân lương.

6. Đại Lý Tự: Chương quản pháp luật. Đây là cơ quan tư pháp tối cao, gần như Tối Cao Pháp Viện hiện thời. Các vụ trọng án do các quan Án Sát (Niết Ty) các tỉnh phải đệ đạt hồ sơ lên Đại Lý Tự trước khi phán án chung thẩm. Nếu cần, Tam Pháp Ty đồng thời tham gia thẩm tra vụ án. Thời Minh, Đại Lý Tự kiêm nhiệm vai trò mật vụ, có thể bắt giữ bất cứ ai, kể cả hoàng thân, quốc thích. Đại Lý Tự cùng với Ngự Sử Đài và Bộ Hình được gọi là Tam Pháp Ty.

7. Hồng Lô Tự: Chương quản chuyện tiếp đón sứ thần ngoại quốc, tiếp nhận lễ vật, chuẩn bị tặng phẩm của hoàng đế đối với các phái bộ ngoại quốc, cũng như hướng dẫn nghi lễ cho các sứ thần ngoại quốc triều kiến hoàng đế.

8. Tư Nông Tự: Chương quản lương thực, hàng hóa, vải vóc trong toàn quốc, gần như tương đương với bộ Tài Chánh hiện thời. Về sau, vai trò của Tư Nông Tự bị Bộ Hộ thay thế, hầu như chỉ còn giới hạn vai trò trong kinh thành. Vai trò của Tự này đôi khi xen lẫn với Thái Phủ Tự.

9. Thái Phủ Tự: Chương quản sự giao dịch mua bán hàng hóa, tiền tệ, dự trữ, trả lương, phát bổng cho các quan, cũng như khống chế vật giá.

thể phế trừ! Do vậy, Tụ được thành lập từ đời Hán cho mãi đến đời Thanh cũng không thay đổi. Triều đại thay đổi theo mỗi đời, chỉ riêng 9 Tụ không thay đổi danh xưng. Phật giáo truyền đến Trung Quốc cũng được gọi là Tụ. Vì thế, dưới hoàng đế có 10 Tụ, tức là vốn đã có 9 Tụ, thêm vào cơ cấu nhà Chùa thành 10 Tụ.

Tụ này (nhà chùa Phật giáo) làm chuyện gì? Lo dạy học. Giáo dục Trung Quốc biến thành 2 cơ cấu: Bản thân nhà vua nắm giữ một cơ cấu, giáo dục của Phật Đà do chính nhà vua nắm giữ, nên được phổ cập rất nhanh, phổ cập toàn quốc, vì mọi người tôn kính hoàng thượng. Cơ cấu kia là giáo dục Nho gia do Tể tướng nắm giữ, nó có một bộ riêng, gọi là Bộ Lễ. Bộ Lễ là Bộ Giáo dục. Tể tướng cai quản Bộ Giáo dục. Hoàng thượng tự mình nắm giữ nhà chùa, tức Bộ Giáo dục của Phật Đà. Hai nền giáo dục tồn tại song song ở Trung Quốc, Phật giáo chẳng phải là tôn giáo.

Hiện thời, Phật giáo biến thành tôn giáo, tứ chúng đệ tử chúng ta bất xứng với Phật Thích Ca Mâu Ni. Vì sao trở thành nông nổi này? Chúng ta xem tự viện thời cổ, mỗi ngày làm chuyện gì? Giảng kinh, dạy học, giống như một ngôi trường. Điện đường là phòng học, Hòa thượng Thủ tọa phân tòa giảng kinh, giống như trong nhà trường hiện thời, lớp học khác nhau.

Giảng đường này giảng *Hoa Nghiêm*, giảng đường kia giảng *Vô Lượng Thọ*, giảng đường nọ giảng *Bát Nhã*; họ có

thầy, mỗi ngày lên lớp. Chẳng cho phép học trò lớp nào cũng đều học. Học trò chỉ có thể chuyên dồn công sức nơi một môn; quý vị học lớp của thầy nào, bèn đến giảng đường ấy. Một môn thâm nhập, chẳng phải là bảo quý vị môn gì cũng đều học, chẳng phải vậy! Thầy cũng chuyên dạy một môn, trò cũng chuyên học một môn. Học còn chưa xong một môn, chẳng thể học môn thứ hai.

Quý vị có thể học rất nhiều môn, nhưng chẳng phải là học cùng một lúc. Học từng môn một thì được phép. Vì thế, nhà chùa là cơ cấu giáo dục. Nhất là đến thời đại Tùy - Đường, 10 tông phái của Trung Quốc hình thành, đề xướng chế độ tông lâm, đó chính là mở rộng quy mô, chính thức biến nhà chùa thành Đại học. Chủ tịch tông lâm là Phương trượng, Trụ trì, Hiệu trưởng. Quý vị thấy các vị chấp sự (đảm đương trách nhiệm) dưới vị ấy: Thủ tọa là Giáo vụ, Duy Na là Huấn đạo, trông nom việc giáo huấn, uốn nắn, Giám Viện trông nom Tổng vụ (quản lý mọi sự vụ chung), hoàn toàn giống cách phân công trong trường Đại học hiện thời.

Trong Đại học hiện thời, quý vị thấy Giáo Vụ trưởng (Provost), Huấn Đạo trưởng (Proctor), Tổng Vụ trưởng (Dean of General Affairs). Danh xưng khác nhau, nhưng công việc hoàn toàn tương đồng. Vì thế, Phật giáo truyền đến Trung Quốc đã biến hóa mang tính chất cách mạng, được tổ chức theo quy củ chính thức, mang hình thức một trường học chính quy. Phật giáo vào thời đức Thế Tôn và vào thời mới truyền sang Trung Quốc mang tính chất trường tư, giống như

tư thực giáo dục, chưa được “chế độ hóa” (Institutionalized). Chế độ hóa là điểm đặc sắc trong Phật giáo Trung Quốc.

Khi tôi mới học Phật, thầy tôi đã nói chuyện này rất nhiều lần, đương nhiên là đặt hy vọng nơi tôi, nhưng tôi không có phúc báo lớn như thế. Thầy đã bảo tôi rất nhiều lần: *“Muốn cho Phật giáo hưng thịnh trở lại, nhất định phải khôi phục chế độ tông lâm”*. Nếu nói theo cách bây giờ, nhất định phải lập Đại học Phật giáo, thì Phật giáo mới có thể hưng thịnh.

Chuyện này chúng ta chỉ đành trông chờ quốc gia, cá nhân chẳng có năng lực ấy, nói theo Phật pháp là chẳng có phúc báo lớn dường ấy! Vì thế, đức Thế Tôn đem đại sự Phật pháp hưng thịnh hay suy vi phó thác cho quốc vương, đại thần, để họ hộ trì. Trong quá khứ, tại Trung Quốc, trải qua các đời đế vương đều hộ trì Phật pháp, đặc biệt nhà Thanh là dân tộc thiểu số vào làm chủ Trung Quốc, thống trị một quốc gia lớn như thế, họ dùng phương pháp gì? Dùng giáo dục. *“Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên”* (Xây dựng đất nước, cai trị dân chúng, lấy giáo dục làm đầu).

Họ dùng giáo dục của Nho, Thích, Đạo, giữ vững nền cai trị tới 260 năm, giữ ổn định trong một thời gian dài. Cuối cùng, đúng là thành quả ấy bị hủy mất bởi chính Từ Hy Thái Hậu. Từ Hy Thái Hậu nắm quyền, bèn phế trừ sự giảng học. Trong quá khứ, ở cung đình luôn lễ thỉnh những vị cao tăng đại đức Nho, Thích, Đạo vào trong đó dạy học, hoàng thượng dẫn văn võ bá quan nghe giảng. Những ý nghĩa được giảng

đều được thấu thập trong *Tứ Khố Toàn Thư*. Tôi đọc *Tứ Khố Toàn Thư*, thích xem những thứ như *Luận Ngữ*, *Mạnh Tử*, để tìm hiểu cách giảng nghĩa tại cung đình trong quá khứ là như thế nào? Những nghĩa lý đã giảng giải đều được thấu thập trong bộ *Tứ Khố*. Bản ấy là bản tiêu chuẩn. Họ thật sự làm, không giống như hiện thời, hiện tại không làm! Đến thời Từ Hy, không làm như vậy nữa. Từ Hy chuộng quỷ thần, thích cầu cơ, gặp chuyện gì chính mình chẳng thể giải quyết, bèn chẳng hỏi han ai khác, mà thưa hỏi trong đàn cầu cơ, cho nên bà ta làm mất nước! Chương Gia Đại sư kể cho tôi nghe chuyện này. Chương Gia đời trước là quốc sư của nhà Thanh^{5[5]}.

Do vậy, Phật giáo bị biến thành tôn giáo, giáo dục của Phật Đà chẳng còn nữa. Chúng ta phạm lỗi với Phật Thích Ca Mâu Ni ở chỗ này!

Chẳng liễu giải thì thôi, chẳng cần phải nhắc tới, nhưng thật sự liễu giải, nhận biết rồi, chúng ta nhất định phải đi theo con đường của Phật Thích Ca Mâu Ni. Bản thân tôi tiếp nhận sự giáo huấn của Chương Gia Đại sư. Ngài khuyên tôi

5[5] Nói “đời trước” vì người Mông Cổ tin ngài Chương Gia là một vị hoạt Phật (tức tu sĩ được coi là hóa thân của các tổ sư, Phật, Bồ tát) chuyển thể nhiều lần. Chương Gia Đại sư (Lobsang Pelden Tenpe Dronme, 1891-1957), thầy của Hòa thượng Tịnh Không, là đời thứ mười chín. Vị “Chương Gia đời trước” được nhắc đến ở đây là Chương Gia đời thứ mười bảy (1849-1875) được vua Hàm Phong (chồng Từ Hy Thái Hậu) mời vào kinh để coi sóc việc nhập tạng kinh điển, chương quản Lạt Ma Giáo toàn quốc, và vị kế tiếp là Chương Gia đời thứ mười tám (1878-1888) đều là quốc sư nhà Thanh. Tuy nói Chương Gia có đến mười tám đời, nhưng trên thực tế chỉ có bảy đời, vì vị Chương Gia thứ nhất (1607-1541) được tăng sĩ Mông Cổ coi là hóa thân lần thứ mười ba của tôn giả Channa (người Hoa thường phiên âm là Tôn Đạt, còn ghi là Chandaka, tức ngài Xa Nặc, người đánh ngựa của đức Phật Thích Ca). Ngài Xa Nặc là một trong sáu vị tỷ-kheo thường được gọi là Lục Quân Tỷ Kheo chuyên gây rối trong Tăng đoàn để đức Thế Tôn có cơ hội chế giới.

xuất gia, lại còn dẫn tôi học theo Phật Thích Ca Mâu Ni. Tôi hiểu ý lão nhân gia, chẳng cô phụ thầy, suốt đời chúng tôi đi theo con đường này. Đi theo con đường này rất nhọc nhằn, nhưng đáng công lắm! Mong các đồng học chúng ta đều có thể giác ngộ, thật sự phát tâm dạy học, bất luận là tại gia hay xuất gia đều có thể làm công tác giáo hóa. Thuở đức Thế Tôn tại thế, cư sĩ tại gia Duy Ma Cật (Vimalakīrti) giống như Phật Thích Ca Mâu Ni, giảng kinh, dạy học mỗi ngày.

Thời đầu Dân Quốc, tiên sinh Âu Dương Cánh Vô là một vị đại đức trong Phật môn đã thành lập Chi-Na Nội Học Viện, thân nhận hàng xuất gia lần tại gia, tổ chức rất thành công; nhưng vì tình hình chiến tranh, hoạt động được hai năm rồi phải đóng cửa học viện. Ông ta nói rất hay: *“Phật môn là sư đạo”*. Sư đạo có nghĩa thầy là lớn nhất, tôn sư, trọng đạo! Chúng ta thấy trong kinh *Duy Ma*, đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni là Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất, nghe cư sĩ Duy Ma giảng kinh, lễ tiết hoàn toàn giống như lễ tiết dành cho Phật Thích Ca Mâu Ni.

Cư sĩ Duy Ma là kẻ tại gia, khi lên tòa giảng kinh, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên đánh lễ cư sĩ ba lạy, nhiễu quanh ba vòng. Đó là tôn sư trọng đạo. Ngài là thầy mà! Tuy quý vị xuất gia, là học trò của Phật Thích Ca Mâu Ni, quý vị vẫn là học trò, vẫn chưa đạt tới địa vị như Duy Ma Cật.

Vì vậy, nói theo Phật pháp, hai vị Phật đồng thời xuất hiện trong thế gian thuở ấy, một vị là Phật xuất gia, vị kia là

Phật tại gia, hai vị Phật, quyết định chẳng thể khinh mạn! Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp, nhất định phải tôn trọng đôi bên; chẳng thể nói vừa xuất gia bèn ngạo nghễ, ngã mạn, coi thường người khác. Trong giới cư sĩ, thật sự có những bậc đại đức, tu hành rất tốt đẹp, thậm chí có người khai ngộ, làm sao quý vị có thể khinh mạn họ được? Nhất định phải hiểu điều này!

Bất luận tại gia hay xuất gia, nếu thật sự học Phật, phải học theo Phật Thích Ca Mâu Ni khiêm hư, cung kính hết thầy chúng sinh, phải nêu gương thật sự đoạn trừ tham, sân, si, mạn. Kẻ còn có ngạo mạn thì như thế nào? Quý vị là phàm phu! Bởi lẽ, mười phương Như Lai xuất hiện trên cõi đời chẳng có gì khác, chỉ là mong giúp cho hết thầy chúng sinh sớm có ngày thành Phật, sớm có ngày rời khỏi lục đạo, rời khỏi mười pháp giới, đây là tâm nguyện của Phật.

“Hựu bản kinh sở tuyên, nãi Như Lai chân thật thuần nhất chi pháp, vô hữu quyền khúc, cố danh chính thuyết” (Kinh này lại tuyên dương pháp chân thật thuần nhất của Như Lai, chẳng quyền biến, cong queo, nên gọi là Chính Thuyết). Mấy câu này hết sức quan trọng, vì trong hết thầy kinh giáo, đức Thế Tôn khai thị quả thật có nói phương tiện, có khi nói uyển chuyển, tùy thuận. Những cách nói như vậy rất nhiều, hết sức phổ biến. Vì sao? Chúng sinh căn tính khác nhau.

Do vậy, giáo học trong Phật môn thường được gọi là “đại giảng đường” hay “đại giảng tòa”. “Đại” có nghĩa là gì? Căn tính

của thính chúng hoàn toàn khác nhau, có kẻ không biết chữ, có người trình độ Tiểu học, cũng có người học lớp Tiến sĩ, mỗi cá nhân nghe giảng đều hoan hỷ, mỗi người nghe đều được lợi ích, đây chẳng phải là chuyện dễ! Không giống như lên lớp trong trường học, học trò có trình độ ngang nhau, dễ giảng, ở đây là hoàn toàn khác nhau. “*Phật dĩ nhất âm nhi thuyết pháp*” (Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp), hết thấy chúng sinh không chỉ nghe hiểu, mà còn đều được thụ dụng. Đó gọi là “đại giảng tòa”; những vị giáo thụ^{6[6]} hay giáo sư bình thường sẽ chẳng thể làm được. Do vậy, giảng đường trong Phật môn người đến chẳng cự tuyệt, người đi không giữ lại.

Quý vị thông đạt quyền biến, hể giảng sâu, phải quan tâm đến những kẻ trình độ nông cạn, xét coi họ có hiểu hay không? Nếu giảng nông cạn, cũng phải quan tâm đến những kẻ có trình độ cao; phương diện nào cũng phải xét đến. Vì thế, đức Phật có Thật và có Quyền, có thẳng, và có cong (nói phương tiện, vòng vo để từ từ hướng dẫn đến mục tiêu), dùng phương pháp dạy học thiên biến vạn hóa, có thể thích hợp các loại căn khí khác biệt. Nhưng kinh này không như vậy, nói thẳng thừng, thỏa đáng, chẳng nói phương tiện, chẳng nói loanh quanh, câu nào cũng giảng pháp chân thật, trực tiếp hướng dẫn quý vị trở về tự tính. Quý vị phải biết: Vãng sinh Cực Lạc là trở về tự tính. Trở về tự tính là Vô Thượng

6[6] Giáo Thụ là cách người Hoa dịch chữ Professor, tức là các giáo sư trong trường Đại học, và được chia thành nhiều cấp như Giảng Tòa Giáo Thụ (Chair Professor), Giáo Thụ (Professor), Phó Giáo Thụ (Associate Professor), Trợ Lý Giáo Thụ (Assistant Professor), Giảng Sư (Instructor). Còn chữ Giáo sư chỉ chung các thầy giáo, nhất là trong các trường Tiểu học, Trung học, nhưng hầu như rất ít khi dùng chữ Giáo sư mà thường gọi là Lão sư.

Chính Đẳng Chính Giác, phương pháp hết sức đơn giản, ổn thỏa, thích đáng, nhanh chóng, đạt đến rốt ráo viên mãn.

“Hựu nãi Thế Tôn xứng kỳ bản tính, hòa bàn thác xuất, hào vô bảo lưu, cố danh xứng tính” (Lại nữa, Thế Tôn xứng hợp bản tính trao bày hết cả ra, chẳng có chút mảy may giấu diếm, nên gọi là Xứng tính). Mấy câu này nói rất hay, kinh *Vô Lượng Thọ* từ bản tính của Thích Ca Như Lai tự nhiên lưu lộ, lại còn là viên mãn lưu lộ. Giống chúng ta tặng quà, dọn hết cả mâm ra, chẳng giữ lại mảy may nào, tuyên dương toàn bộ tự tính. Những kinh điển đàm luận xứng tính như vậy, giải bày trọn hết như thế không nhiều lắm! Vì thế, kinh này cực viên, cực đốn, nên gọi là Xứng tính.

“Nhất thiết hàm linh giai nhân thử nhi đắc độ thoát, nãi xứng tính trung đẳng phong tạo cực chi đàm, cố vi Xứng Tính Cực Đàm” (Hết thảy hàm linh đều do đây mà được độ thoát, thật là bàn luận xứng tính đến cùng tốt, nên gọi là Xứng tính cực đàm). “Cực” là đạt tới đỉnh điểm. Bởi lẽ, kinh *Vô Lượng Thọ* là chỗ quy túc cuối cùng của kinh *Hoa Nghiêm*.

Kinh *Hoa Nghiêm* đàm luận Xứng tính, nhưng so với kinh *Vô Lượng Thọ*, thì kinh *Vô Lượng Thọ* là “Xứng tính cực đàm”, lên đến tốt đỉnh. Đây cũng là nói rõ: Kinh *Hoa Nghiêm* bước vào Tịnh Độ mới thật sự viên mãn. Nếu chẳng do mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, kinh *Hoa Nghiêm* chẳng viên mãn. Vì sao? *Hoa Nghiêm* chỉ có thể độ bậc thượng thượng căn, đối với căn tính thượng, trung, hạ sẽ chẳng khế cơ. Hễ

dẫn về Cực Lạc, từ thượng thượng căn cho đến thượng, trung, hạ toàn bộ đều độ được, *Hoa Nghiêm* bèn viên mãn!

Thượng, trung, hạ căn đến thế giới Tây Phương Cực Lạc toàn bộ đều biến thành thượng thượng căn, chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta học pháp môn Tịnh Độ chớ nên không biết điều này! Quý vị biết những đạo lý và chân tướng sự thật này, mới có thể chết sạch so đo, khẳng khái tu một môn này, chắc chắn thành tựu trong một đời này. Đối với thế giới này, đối với thiên đường, hay đối với mười pháp giới, chẳng còn có ý niệm tham luyến nữa!



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 12



Tiếp, *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, dòng thứ nhất, trang 12. “*Ất, tam căn phổ bị, thánh phàm tề thâm*” (Tiểu đoạn thứ hai là thích hợp khắp ba căn, thâm gồm thánh lẫn phàm). Chúng ta xem đoạn này. Đây là đoạn thứ hai của phần *Giáo Khởi Nhân Duyên*.

“*Phù chúng sinh căn khí thiên sai vạn biệt, Thế Tôn cố thuyết bát vạn tứ thiên pháp môn quảng ứng quần cơ*” (Phàm, chúng sinh căn khí ngàn muôn sai khác; do vậy, đức Thế Tôn nói 84.000 pháp môn để thích ứng rộng rãi các căn cơ).

Vừa mở đầu đã bảo chúng ta: Đức Phật thuyết pháp chẳng lìa Nhị Đế: Chân Đế là cảnh giới đức Phật đích thân chứng đắc, Tục Đế là do căn tính của chúng sinh trong mười pháp giới khác nhau. Do vậy, Chân Đế là Nhất Phật thừa, Tục Đế có 84.000 pháp môn. “*Tám mươi bốn ngàn*” cũng chẳng phải là một con số cố định, mà để hình dung rất nhiều, vô lượng vô biên pháp môn nhằm thích ứng các căn cơ sai khác trong thế gian.

“*Hoa Nghiêm Viên Giáo, chuyên tiếp thượng thượng căn nhân*” (*Hoa Nghiêm* là Viên Giáo, chuyên tiếp độ bậc thượng thượng căn). Bộ kinh *Hoa Nghiêm* giảng thật nhiều, có thích ứng với căn cơ của chúng sinh, chứ không phải là không thích ứng. Tuy ứng theo căn cơ để thuyết pháp, nhưng kinh ấy vẫn quy về tự tính y như cũ. Vì thế, đối tượng giáo học của kinh ấy là bậc thượng thượng căn.

Chúng ta cũng biết bộ kinh ấy do Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng đầu tiên sau khi kiến tính, giảng trong định; vì thế, người Tiểu thừa chẳng thừa nhận. Người Tiểu thừa chỉ thừa nhận Tứ A Hàm^{7[7]} giảng ở Lộc Dã Uyển (Mrigadava, Sārnātha), chứ đức Phật giảng trong định đâu có ai thấy! Trong định giảng cho ai? Cho bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Các vị ấy là thánh chúng, cũng là từ Sơ Trụ trở lên như trong kinh *Hoa Nghiêm* đã nói: Thập Trụ Bồ tát, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, giảng cho bốn mươi một địa vị, họ đều là Phật. Minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật.

Do vậy, đức Thế Tôn và chư Phật Như Lai đã nêu ra báo cáo. Giống như vào đời Đường, Lục Tổ Huệ Năng sau khi khai ngộ, đã hướng về Hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn thưa bày, Ngài thưa trình rất đơn giản, chỉ có 5 câu, còn Phật Thích Ca Mâu Ni báo cáo rất tỉ mỉ, nhưng cảnh giới hoàn toàn bình đẳng, chẳng có cao thấp.

Cảnh giới khai ngộ của Thích Ca và cảnh giới khai ngộ của Lục Tổ như nhau. Sau khi khai ngộ, thật sự thích ứng

7[7] Tứ A Hàm (Āgama), còn phiên âm là A Hàm Mộ, hay A Cấp Ma, tương ứng với *Nikāya* trong hệ thống Phật giáo Nam truyền. Tứ A Hàm trong *Đại Tạng Kinh* được dịch từ tiếng Bắc Phạn (Sanskrit), trong khi *Nikāya* chép bằng tiếng Nam Phạn (Pali). A Hàm có nghĩa là lần lượt lưu truyền. *Du Già Sư Địa Luận* quyển tám mươi lăm, giảng: “Bốn loại như thế, do thầy trò lần lượt truyền cho nhau đến nay; do đạo lý này, nên gọi là A Cấp Ma”. Tứ A Hàm gồm bốn bộ *Trường A Hàm Kinh* (Dīrgha Āgama, hai mươi hai quyển, do Ngài Trúc Phật Niệm dịch vào thời Diêu Tần, tương ứng với bộ *Dīgha Nikāya* của Nam Tông), *Trung A Hàm Kinh* (Madhyama Āgama, sáu mươi quyển, do Ngài Đàm Ma Nan Đề dịch vào thời Phù Tấn, tương ứng với bộ *Majjhima Nikāya* của Nam Tông), *Tạp A Hàm Kinh* (Samyukta Āgama, năm mươi quyển, do Ngài Cầu Na Bạt Đà La và Bảo Vân dịch vào đời Lưu Tống, tương ứng với *Samyutta Nikāya* của Nam Tông), *Tăng Nhất A Hàm* (Ekottara Āgama, năm mươi một quyển, do Ngài Trúc Phật Niệm dịch, tương ứng với *Anguttara Nikāya* của Nam Tông).

rộng rãi mọi căn cơ, nên dùng thân gì để độ bèn hiện thân ấy. Phật Thích Ca ở Ấn Độ, căn tính nơi ấy là căn tính Phật, cho nên phải dùng thân Phật làm cho kẻ hữu duyên được độ, Phật Thích Ca Mâu Ni bèn hiện thân Phật.

Huệ Năng Đại sư tại Trung Quốc, đối tượng thuyết pháp tại Trung Quốc thuở ấy là Tỷ khiêu, đáng nên dùng thân Tỷ khiêu để độ, liền hiện thân Tỷ khiêu mà thuyết pháp. Nói theo ba mươi hai ứng thân^{8[8]} của Bồ tát Quán Thế Âm, bất luận hiện thân gì cũng đều bình đẳng. Ngài là một vị Phật thật sự, chẳng phải là Phật giả. Đối tượng tiếp dẫn của Lục Tổ là bậc thượng thượng căn, thính chúng nếu chẳng phải là bậc thượng thượng căn sẽ chẳng có phần. Từ *Đàn Kinh* chúng ta thấy: Huệ Năng Đại sư trong một đời độ được bao nhiêu người? Bốn mươi ba người. Cũng có nghĩa là trong hội của Ngài, 43 người đại triệt đại ngộ, có cảnh giới bình đẳng với Ngài. Đây là chuyện không tiền tuyệt hậu trong lịch sử Trung Quốc. Trước Lục Tổ không có tình huống hưng thịnh như thế, mà sau Lục Tổ cũng chẳng thấy tình huống hưng thịnh ấy.

Từ nay về sau, pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni hãy còn chín ngàn năm nữa. Có chuyện như vậy trong thời kỳ Mật pháp hay không? Không có! Trước kia, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo tôi: Từ nay về sau, trong Thiền Tông chẳng còn bậc đại triệt đại ngộ, không còn có người căn tính như thế! Trong Mật Tông, *“Tam mật tương ứng, tức thân thành*

8[8] Thông thường nói là ba mươi ba ứng thân, ở đây, chỉ nói ba mươi hai tức là không kể thân Bồ Tát.

Phật” cũng không có, chỉ có niệm Phật vãng sinh, thân cận Phật A Di Đà mới là hạng người được độ. Chỉ có pháp môn này thích hợp khắp ba căn, gồm thâm phàm lẫn thánh, mãi cho đến khi Phật pháp trong thế gian này bị tiêu diệt, cũng có nghĩa là nói cho tới khi pháp vận mười hai ngàn năm của đức Thế Tôn chấm dứt, pháp môn này luôn luôn hữu hiệu. Nói cách khác, từ nay về sau, chúng ta có thể được độ chỉ do một môn này; trừ một môn này ra, đúng là khó lắm, thật sự chẳng dễ dàng!

Trong hội *Hoa Nghiêm*, “*Trí tuệ như Xá Lợi Phất, thần thông như Mục Kiền Liên, ư Phật Thanh Văn đệ tử trung quân xưng đệ nhất*” (Trí tuệ như Xá Lợi Phất, thần thông như Mục Kiền Liên, trong các đệ tử Thanh Văn của đức Phật, các Ngài đều được gọi là bậc nhất). Ngài Xá Lợi Phất là trí tuệ đệ nhất. Ngài Mục Kiền Liên là thần thông đệ nhất.

“*Đản tại Hoa Nghiêm hội thượng, như minh, như lung, huống thị hạ ư thử giả, cố vân hạ căn tuyệt phần*” (Nhưng trong hội *Hoa Nghiêm*, các Ngài đều như mù, như điếc, huống hồ những kẻ kém hơn các Ngài. Vì thế, nói: “Kẻ hạ căn trọn chẳng có phần”). Như hai vị này, trí tuệ, thần thông đều là đệ nhất, nhưng trong hội *Hoa Nghiêm*, các Ngài nghe không hiểu, mà cũng chẳng thấy. Phàm là người tham gia pháp hội *Hoa Nghiêm*, từ kinh điển chúng ta thấy, ngoài hàng Bồ tát ra, có Thanh Văn hay không? Có chứ! Cũng có Duyên Giác, còn có thiên thần, thậm chí còn có nhiều vị thần trong thế gian này đều tham gia. Họ là lục đạo phàm phu. Vì sao có thể

tham gia? Ở đây, kinh đã ban cho chúng ta một khái thị rất lớn, nói rõ nơi này (thế giới Sa Bà) là cõi Phàm Thánh Đồng Cư; có nhiều phàm phu trên thực tế là Pháp Thân đại sĩ ứng hóa trong lục đạo, chẳng phải là phàm phu thật sự. Thần cây, thần núi, thần sông, địa thần, địa thần là thổ địa thần, cũng hiện diện trong hội Hoa Nghiêm. Đó là gì? Những vị thần ấy toàn là Pháp Thân đại sĩ, Pháp Thân Bồ tát, là bậc thượng thượng căn thị hiện trong ấy.

Do vậy, có thể biết: Chúng sinh càng có khổ nạn, chư Phật, Bồ tát thị hiện trong thế gian này càng nhiều, nhưng lũ phàm phu mắt thịt chúng ta chẳng nhận biết! Nếu trong nhân gian không có Phật, Bồ tát nhiều như thế, đại địa đã sớm chìm lỉm mất rồi. Chúng ta nương nhờ phúc của các Ngài. Các Ngài đang âm thầm giúp đỡ chúng ta, nhưng chúng ta không biết.

Nếu chúng ta có thể hồi tâm hướng thiện, y giáo phụng hành, không chỉ chính mình được độ, mà còn có thể giúp đỡ địa cầu, và cũng có thể giúp hóa giải tai nạn trong xã hội này. Tuy chưa thể hóa giải hoàn toàn, nhưng tai nạn giảm nhẹ, rút ngắn thời gian tai nạn, khẳng định sẽ có thể thu được hiệu quả. Sau khi chúng ta thâm nhập kinh tạng, quý vị sẽ thấy rõ ràng, minh bạch chuyện này. Ở đây, cụ Niệm Tổ cho chúng ta biết: Nếu chẳng giống như Mục Kiền Liên hay Xá Lợi Phất, đương nhiên trọn chẳng có phần nơi pháp môn Hoa Nghiêm này.

“Chí ư Tiểu Thỉ chư giáo, nãi tiếp quyền tiểu chi cơ” (Còn như các giáo pháp Tiểu Giáo và Thỉ Giáo nhằm tiếp dẫn căn cơ quyền tiểu). Tiểu, Thỉ, Chung, Đốn, Viên là *Hoa Nghiêm* ngũ giáo. So với cách tổ chức nhà trường thì Tiểu Giáo như Tiểu học, Thỉ Giáo là Trung học. Tiểu Giáo thật sự là Tiểu thừa, Thỉ Giáo là khởi đầu của Đại thừa, Chung Giáo là Đại thừa viên mãn. Trong đây cũng có rất nhiều tầng lớp: Năm mươi một tầng cấp Bồ tát.

Chung Giáo là kết cục của Đại thừa, là tầng cao nhất. Cao hơn nữa là căn tính đặc biệt, chẳng phải căn tính bình thường, mà là đốn căn hay viên căn. Tiểu, Thỉ, Chung là các giáo pháp theo đường lối thông thường; chúng ta nói là “thượng, trung, hạ, ba thừa”. Vì thế, các giáo pháp Tiểu Giáo và Thỉ Giáo nhằm tiếp dẫn các căn cơ quyền tiểu.

“Đối ư thượng căn, tắc hữu giáo thiện cơ thâm chi thất, diệc bất ứng cơ” (Đối với thượng căn, sẽ phạm lỗi giáo pháp nông cạn mà căn cơ sâu xa, cũng chẳng phù hợp căn cơ). So với thượng căn, Tiểu Giáo và Thỉ Giáo quá nông cạn. Căn khí của bậc thượng thượng căn quả thật là căn sâu, tâm lớn, lượng lớn. Vì thế, Tiểu Giáo và Thỉ Giáo cũng không ứng hợp căn cơ. Đây là nói về kinh *Hoa Nghiêm*.

“Duy bản kinh chi trì danh niệm Phật pháp môn, thánh phàm tề thâm, lợi độn tất bị” (Chỉ có pháp môn trì danh Niệm Phật trong kinh này gồm thâm thánh lẫn phàm, lợi căn lẫn độn căn đều thích hợp). Đó là so sánh giữa kinh *Vô Lượng Thọ* và

kinh *Hoa Nghiêm*, thì kinh *Vô Lượng Thọ* dùng phương pháp trì danh niệm Phật, dễ hơn!

Kinh *Hoa Nghiêm* tu gì? Tu Chỉ Quán. Trước đây, chúng ta từng học *Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán*. Cách tu trong ấy như thế nào? Ngũ Chỉ Lục Quán^{9[9]}, Tiểu Giáo và Thỉ Giáo chẳng thể tiếp nhận! Nói cách khác, những pháp đó dành cho người thượng thượng căn học.

Họ học *Hoa Nghiêm* mới thụ dụng được. Chẳng phải là người có căn tính như vậy mà học kinh *Hoa Nghiêm*, thì chỉ là học văn tự, không thể thụ dụng. Học kinh *Hoa Nghiêm* mà thật sự thụ dụng, niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ, sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc sẽ chẳng thuộc vào cõi Phàm Thánh, cũng chẳng thuộc cõi Hữu Dư, trực tiếp sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

Đối với phương pháp trì danh niệm Phật, bậc thánh nhân như Văn Thù, Phổ Hiền là thánh nhân, Quán Âm, Thế Chí là thánh nhân, đại thánh; phàm phu như bà già, ông lão chẳng biết chữ, nhưng tin tưởng, thật sự hành, khi lâm chung cũng có thể vãng sinh, đó là gồm thâu cả thánh lẫn phàm. “*Lợi căn*” là thượng thượng căn, “*độn căn*” là trung hạ căn; đối với căn cơ nào, pháp môn này cũng đều thích hợp. Vì thế,

9[9] Ngũ Chỉ là chiếu pháp thanh hư ly duyên chỉ, quán nhân tịch phạ tuyệt dục chỉ, tánh khởi phồn hưng nhĩ chỉ, định quang hiển hiện vô niệm chỉ, Sự Lý huyền thông phi tướng chỉ.

Lục Quán là: Nhiếp cảnh quy tâm chân không quán, tòng tâm hiện cảnh diệu hữu quán, tâm cảnh bí mật viên dung quán, trí thân ảnh hiện chúng duyên quán, đa thân nhập nhất cảnh tượng quán, và chủ bạn hổ hiện đế vông quán.

Nếu muốn biết chi tiết các phép Chỉ và Quán này, xin xem bộ *Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán* do hòa thượng đã giảng.

trong chín ngàn năm của thời Mạt pháp, hết thảy chúng sinh đắc độ phải trông cậy vào bộ kinh này, nương theo pháp môn này. Thật sự chết sạch so đo, khẳng khẳng tu pháp môn này, không một ai chẳng thành tựu, Thiện Đạo Đại sư bảo: “*Vạn người tu, vạn người về*”.

“*Triệt thượng*” là nêu ví dụ để nói, thì trên là “*tắc như Phổ Hiền, Văn Thù*” (như Phổ Hiền, Văn Thù). Đây là hai vị đại Bồ tát trong hội *Hoa Nghiêm*. Phong nền sau lưng chúng tôi là hình *Hoa Nghiêm Tam Thánh*, chính giữa là Tỳ Lô Giá Na Như Lai, hai bên là Bồ tát Văn Thù và Phổ Hiền. Các đồng học học Phật đều biết: Văn Thù trí tuệ đệ nhất trong hàng Bồ tát, Phổ Hiền là vị tu hành đệ nhất giữa các Bồ tát.

Một vị là Giải môn đệ nhất, một vị là Hạnh môn đệ nhất. Nếu nói theo cách hiện thời, Bồ tát Phổ Hiền thật sự làm, làm thật sự triệt để, thật sự viên mãn. Vì thế, hễ nói tới tu hành, hết thảy các vị Bồ tát đều tôn Phổ Hiền đứng đầu, không ai chẳng tán thán. Hai vị này “*thượng phát nguyện cầu sinh Cực Lạc*” (còn phát nguyện cầu sinh Cực Lạc); ở đây, sách đã dẫn bài kệ phát nguyện của các Ngài.

Trong quyển thứ ba mươi chín của bộ *Tứ Thập Hoa Nghiêm*, “*Phổ Hiền kệ vân: Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời, tận trừ nhất thiết chư chướng ngại, diện kiến bỉ Phật A Di Đà, tức đắc vãng sinh An Lạc sát*” (Ngài Phổ Hiền có bài kệ rằng: “Nguyện khi tôi sắp mạng chung, trừ sạch hết thảy các chướng ngại, gặp mặt đức Phật A Di Đà, liền được vãng

sinh cõi An Lạc”). “*An Lạc sát*” là Tây Phương Tịnh Độ. Bài kệ của ngài Văn Thù có ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Bài kệ do Bồ tát Văn Thù nói mỗi câu gồm 5 từ: “*Nguyện ngã mạng chung thời. Diệt trừ chư chướng ngại. Diện kiến A Di Đà. Vãng sinh An Lạc sát*” (Nguyện khi tôi mạng chung, diệt trừ các chướng ngại, gặp mặt A Di Đà, vãng sinh cõi An Lạc). Trong phần trước, tôi đã từng thưa bày cùng quý vị, tôi tiếp nhận pháp môn Tịnh Độ, chết sạch so đo, một mực niệm Phật A Di Đà cầu sinh Tịnh Độ là do đọc hai bài kệ này!

Chuyện này đã xưa lắm rồi. Thuở trước, tôi giảng kinh *Hoa Nghiêm*, có lúc nọ, nghĩ Văn Thù và Phổ Hiền tu pháp môn gì? Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì? Bèn tra duyệt kinh về chuyện này, mới biết Văn Thù và Phổ Hiền niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ.

Thiện Tài là môn sinh đặc ý, là đệ tử truyền pháp của Văn Thù, làm sao có thể khác thầy cho được? Chẳng thể nào có chuyện ấy! Xem kỹ 53 lần tham học. Khi ấy, 53 lần tham học, tôi đã giảng được phân nửa, một mực giảng theo kiểu nuốt trộng quả táo. Người ta hỏi tôi Thiện Tài đồng tử học gì, tôi đáp không được. Tôi nghĩ dường như môn nào Ngài cũng đều học.

Ngài là một bậc đại thông gia, học rộng nghe nhiều. Thật ra, chẳng phải vậy! Quay trở lại, đọc cẩn thận lần nữa, mới biết Thiện Tài đồng tử tu trì danh niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ, giống như thầy Ngài. Nói như bây giờ, Ngài đã tốt nghiệp

từ giảng tòa của thầy. Tốt nghiệp là gì? Đắc Căn Bản Trí sẽ gọi là tốt nghiệp. Căn Bản Trí là gì? Thiền Tông gọi nó là “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính*”.

Khi ấy, địa vị của Ngài là Sơ Trụ Bồ tát của Viên Giáo như trong kinh *Hoa Nghiêm* đã dạy, Ngài chứng đến địa vị này. Thầy nói: “Được rồi, người chẳng cần phải ở đây nữa, hãy đi ra ngoài tham học”. Cũng có nghĩa là trong hội Văn Thù, Ngài đã làm được hai nguyện đầu trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện: “*Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ*” là đại Bồ Đề tâm, Ngài đã phát, đó là Đại thừa, đã phát đại Bồ Đề tâm.

“*Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*”, Ngài đã đoạn, đoạn hết Kiến Tư phiền não, đã đoạn Trần Sa phiền não, đã đoạn Vô Minh phiền não, đã thực hiện viên mãn hai điều này. Sau khi viên mãn, bèn làm như thế nào? Nguyện thứ ba: “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”. Năm mươi ba lần tham học chính là “*pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”.

Bản thân Ngài học pháp môn gì? Chính Ngài học Tịnh Độ. Thông tin này do đâu mà có? Nhìn vào 53 lần tham học của Ngài, quý vị thấy vị thiện tri thức thứ nhất là Sơ Trụ Bồ tát. Nếu chính Ngài chưa chứng đắc Sơ Trụ, sẽ chẳng thể tham học với bậc Sơ Trụ. Thầy Ngài giới thiệu: “Người hãy đến tham học với Tỷ khiêu Cát Tường Vân, người hướng về Ngài thỉnh giáo”. Tỷ khiêu Cát Tường Vân tu Ban Châu Tam muội, còn gọi là Phật Lập Tam muội, cũng là pháp tu hành thù thắng bậc nhất trong Tịnh Độ.

Mỗi kỳ tu học trong pháp môn này là 90 ngày. Trong 90 ngày chớ nên ngủ nghỉ, chẳng được ngồi, chỉ được phép đứng hay đi, cho nên gọi là Phật Lập Tam muội, chuyên niệm Phật A Di Đà cầu sinh thế giới Cực Lạc. Mỗi kỳ là 90 ngày, thân chẳng khỏe mạnh sẽ không thể tu được. Tuổi tác đã cao sẽ chẳng có cách nào tu pháp môn này; nói chung phải là người tuổi trẻ, có thể lực. Khá ư là khó khăn! Ngài thân cận Tỷ khiêu Cát Tường Vân; Tỷ khiêu Cát Tường Vân khai thị, giảng giải 21 pháp môn Niệm Phật. “*Hai mươi một*” chẳng phải là con số, mà là viên mãn, đại viên mãn. Mật Tông nói như vậy.

Vì thế, kinh *Hoa Nghiêm*, Hiền lẫn Mật thầy đều có; Hiền, Mật, Tông, Giáo thầy đều được gộp trong ấy. Hai mươi một loại pháp môn Niệm Phật ấy nếu triển khai sẽ là vô lượng pháp môn do hết thầy chư Phật Như Lai mười phương ba đời đã nói. Có pháp môn nào chẳng phải là Niệm Phật? Môn nào cũng đều là! Kinh *Hoa Nghiêm* dạy: “*Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất*” (Một chính là hết thầy, hết thầy chính là một), mới biết pháp môn Niệm Phật thù thắng.

Quý vị thấy vừa mở đầu đã nói với quý vị điều này. Trung Quốc lẫn Ấn Độ đều có khái niệm giống như thế, gọi là “*Tiên nhập vi chủ*” (Môn gì được tiếp xúc đầu tiên sẽ là chủ yếu). Đầu tiên là học pháp môn Niệm Phật.

Chúng ta lại nhìn vị cuối cùng, tức vị thứ 53. Vị thiện tri thức thứ 53 là Bồ tát Phổ Hiền, càng nói rõ rệt hơn: Mười

đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Quý vị thấy Thiện Tài tham học với các thiện tri thức, một vị đầu tiên, một vị cuối cùng, từ đầu đến cuối là một môn, thâm nhập một môn.

Vì sao phải đi tham học? Tham học nhằm thành tựu Hậu Đắc Trí. Vì sao? Nếu quý vị hành Bồ tát đạo, phải rộng độ chúng sinh. Căn tính của chúng sinh thiên sai vạn biệt, pháp môn gì quý vị đều biết, chẳng thể không biết, thì quý vị mới có thể độ hết chúng sinh. Vì thế, tham học nhằm để tiếp dẫn chúng sinh có căn tính bất đồng, chẳng phải vì chính mình! Vì chính mình, thì một câu A Di Đà Phật bèn mình tâm kiến tính, đã thành Phật rồi.

Do vậy, trong quá khứ, khi giảng học, tôi thường khuyên bảo, khích lệ các đồng học, đối với Tứ Hoằng Thệ Nguyện, trong thế gian này chúng ta chỉ học hai nguyện đầu, hai nguyện sau chúng ta chưa làm được. Chúng ta chỉ học hai nguyện trước, hai nguyện sau đến thế giới Cực Lạc mới viên mãn, đến thế giới Cực Lạc học rộng nghe nhiều. Chưa đến thế giới Cực Lạc, ta cứ thâm nhập một môn. Ta nhờ vào một môn để ổn thỏa, thích đáng giữ lấy thế giới Cực Lạc; sau khi thân cận Phật A Di Đà mới học rộng nghe nhiều.

Hiện thời nếu học rộng nghe nhiều, quý vị sẽ tự khiến chính mình bị lơ lảng! Nếu quý vị phân tâm, tinh thần, tinh lực, và thời gian sẽ chẳng đủ dùng. Điều thứ hai là quý vị đã bị phân tâm, chẳng thể tập trung tinh thần, ý chí. Nói cách khác, một môn vẫn chưa học tốt đẹp, đáng tiếc lắm!

Chẳng thà trong một đời này, chúng ta thâm nhập một môn, trường thời huân tu, chính mình quyết định có thành tựu, đến thế giới Cực Lạc rồi mới học rộng nghe nhiều, ổn thỏa, thích đáng. Phương pháp này tốt đẹp lắm!

Hãy học theo Liên Trì Đại sư. Ngài đã nói hai câu rất tuyệt diệu: *“Tam Tạng thập nhị bộ. Nhượng cấp biệt nhân ngộ”* (Tam Tạng 12 bộ loại. Nhường cho người khác ngộ). Ta không làm, nhường cho người khác làm. *“Bát vạn tứ thiên môn, diệc nhượng cấp biệt nhân hành”* (84.000 pháp môn cũng dành cho người khác hành). Chính chúng ta chỉ đi theo một con đường.

Trong một đời này, chỉ theo một con đường, một phương hướng, một mục tiêu, chết sạch so đo, khẳng khẳng chấp trì danh hiệu, cầu sinh Tịnh Độ; đấy là đúng, sẽ thành công. Cần gì phải chuốc lấy lắm nỗi phiền phức như thế? Khiến cho cái tâm được định, tự tư, tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn, thấy đều buông xuống. Phải biết những thứ ấy chướng đạo; không chỉ chướng ngại quý vị chứng quả, mà còn chướng ngại quý vị khai ngộ, cũng như chướng ngại quý vị vãng sinh. Không buông những thứ ấy xuống, quý vị sẽ bị thiệt thòi to lớn.

Chúng ta học Phật, nếu muốn thành tựu trong một đời này, quyết định phải biết điều này. Phải học theo Văn Thù, học theo Phổ Hiền, quý vị thấy những vị Bồ tát này: Bồ tát Văn Thù là thầy của 7 vị Phật, học trò đều thành Phật cả rồi.

Học trò của Bồ tát Địa Tạng lão nhân gia thành Phật chẳng thể đếm xiết. Trong pháp hội tại Đạo Lợi thiên cung, chúng ta thấy: Chư Phật đến từ mười phương đều là học trò của Ngài. Điều này đã tạo lòng tin cho chúng ta.

“Hựu như bản kinh vân” (Lại như kinh này nói), tức là trong phẩm cuối cùng, trong đoạn kinh văn cuối cùng của kinh *Vô Lượng Thọ* đã chép: *“Phật cáo Di Lặc, ư thử thế giới”* (Đức Phật bảo Ngài Di Lặc: Trong thế giới này). *“Thế giới này”* là thế giới Sa Bà, chẳng phải là địa cầu, mà là thế giới Sa Bà. *“Hữu thất bách nhị thập ức Bồ tát, dĩ tăng cúng dường vô số chư Phật, thực chứng đức bản, đương sinh bỉ quốc”* (có bảy trăm hai mươi ức Bồ tát đã từng cúng dường vô số chư Phật, trồng các cội đức, sẽ sinh về nước ấy).

Đây là nói về thế giới Sa Bà, là khu vực giáo hóa của Phật Thích Ca Mâu Ni trong hiện tại. Hiện thời, trên địa cầu mới có sáu mươi bảy ức, chưa đến bảy mươi ức, chỉ là sáu mươi bảy ức. Quý vị thấy kinh chép *“bảy trăm hai mươi ức Bồ tát”* thuộc thế giới Sa Bà. Đây cũng là nói tới lục đạo và mười pháp giới thuộc khu vực giáo hóa của Phật Thích Ca Mâu Ni.

Trong khu vực giáo hóa này, trong giai đoạn pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni, trong tương lai có bảy trăm hai mươi ức người niệm Phật vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Chúng ta có thuộc trong số đó hay không? Tùy thuộc chính mình.

Nếu chính mình thật sự tin tưởng, nguyện thiết tha, sẽ thành công trong một đời này, chẳng cần đợi đến đời sau, mà thành tựu ngay trong một đời này.

Bồ tát cúng dường Phật thành tựu thiện căn, chúng ta phải học theo, chớ nên phớt lờ lời giáo huấn của đức Thế Tôn. Các đồng học học Tịnh Độ dùng gì để cúng dường chư Phật? *“Chư Phật”* chỉ những ai? Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Thế Tôn đã bảo chúng ta: *“Hết thấy chúng sinh vốn là Phật”*. Quá khứ Phật là những người đã thành Phật, chẳng có cách nào tính toán con số ấy. Hiện tại, Phật là mười phương thế giới chư Phật, mỗi thế giới có một vị Phật, thế giới vô lượng vô biên vô tận vô số.

Chúng ta đọc phẩm *Thế Giới Thành Tựu* và phẩm *Hoa Tạng Thế Giới* của kinh *Hoa Nghiêm*, thấy kinh nói rất nhiều, rất rõ ràng, đó là hiện tại Phật; còn vị lai Phật thì sao? Vị lai Phật là hết thấy chúng sinh.

Hết thấy chúng sinh trong tương lai sẽ đều thành Phật, những loài bay, bò, ngọ nguậy, ruồi nhặng, kiến đều có thể thành Phật, chớ nên khinh dễ chúng! Chúng rất thông minh, có linh tính, người học Phật phải xem chúng như Bồ tát (đều tôn trọng chúng), chúng sẽ vô cùng hợp tác với chúng ta. Trong mười mấy năm gần đây nhất, chúng tôi có thể trò chuyện, trao đổi với các động vật nhỏ: Chúng ta cùng chung sống, chẳng tổn hại lẫn nhau, thật sự có thể đối xử hòa thuận với nhau, đối đãi bình đẳng. Đây là cúng dường.

Trong cúng dường, quan trọng nhất là cúng dường bằng cách y giáo phụng hành. Chúng ta thật sự tu tập, nêu gương cho chúng sinh, họ thấy, họ cũng nghe, hiểu. Chúng ta tu tập, chúng sinh cũng cùng tu với chúng ta. Ngay cả những loài động vật nhỏ bay, bò, ngộ nguậy cũng không phải là ngoại lệ, chúng đều có linh tri. Đứng trên phương diện tâm thức của chúng ta để nói, chúng nó cũng Thọ, Tưởng, Hành, Thức, phải đối xử tốt đẹp với chúng.

Chúng ta gọi chúng nó là Bồ tát. Gọi chúng nó là Bồ tát kiến, kiến sẽ rất vui vẻ, bảo: “Con người rất tôn trọng chúng ta, gọi chúng ta là Bồ tát”. Chúng nó có thể hiểu, chứ chẳng phải không hiểu. Chúng ta làm việc ở nơi đây, chúng nó nhiều loạn chúng ta, chúng ta mời chúng nó rời khỏi, đừng trở ngại chúng ta làm việc, chúng nó bèn bỏ đi, rất nghe lời.

Kiến đều bỏ đi hết, còn có hai ba con. Có sao hai ba con bò tới bò lui trên bàn Phật? Vì sao chúng không đi? Ban đêm có một pháp sư nhỏ tuổi nằm mộng, được kiến nói cho biết: Chúng nó đang tuần tra, xem còn có con nào chẳng đi. Kiến nói chúng nó có nhiệm vụ, hình như bốn con kiến tuần tra. Vì thế, chúng ta chớ nên trách lầm chúng. Về sau, chúng tôi đều biết, kiến thấy đều đi hết, còn có mấy con ở lại để tuần tra. Như vậy là các động vật nhỏ có tính thông linh. Không chỉ động vật, mà thực vật cũng chẳng phải là ngoại lệ. Cây cối, hoa, cỏ, rau, chúng ta trồng nhiều trong vườn, chúng đều thông suốt, thông hiểu tình cảm của con người.

Do vậy, phạm vi của bảy trăm hai mươi ức Bồ tát rất rộng, đó là những kẻ có duyên với Phật, thiện căn sâu dày. Thiện căn sâu dày ấy do đâu mà có? Do rộng tu cúng dường. Bồ tát Phổ Hiền chỉ dạy chúng ta: *“Lễ kính chư Phật, khen ngợi Như Lai, rộng tu cúng dường, sám trừ nghiệp chướng”*. Quý vị thực hiện tốt đẹp bốn khoa này, nghiêm túc thực hiện, sẽ thành tựu thiện căn, *“thực chứng đức bản”* (trồng các cội đức). Lễ tiết rất trọng yếu, không thể phớt lờ. Lễ phép với người khác, người ta sẽ vui vẻ. Người khác lễ phép đối với ta, ta cũng rất vui vẻ. Bởi lẽ, con người có cùng một tâm này, tâm cùng một Lý này.

Đầu tiên là *“lễ kính chư Phật”*, từ nội tâm phát sinh tâm cung kính. Quan trọng nhất là cung kính đối với ai? Đối với Phật vị lai, tức là đối với hết thảy chúng sinh, phải có tâm cung kính, chớ nên coi rẻ. Quý vị khinh mạn là sai rồi! Chẳng tôn trọng người khác là chuyện nhỏ, tổn hại đức hạnh của chính mình là chuyện lớn. Tính đức của chính mình chưa thể hiện tiền, sinh ra chướng ngại.

Đó là ngạo mạn, cuồng vọng, tự đại, gây chướng ngại cho Tính đức và thiện căn của chính mình. Do vậy, đầu tiên, đức Phật phải dạy chúng ta chuyện này. Nho gia cũng giống như vậy. Quý vị đọc *Lễ Ký*, vừa mở sách ra, mở đầu là: *“Khúc Lễ^{10[10]} viết: Vô bất kính”* (Khúc Lễ chép: “Không gì chẳng kính”), có cùng một ý nghĩa với *“lễ kính chư Phật”*. Kinh *Môn*

10[10] Khúc Lễ là một bộ phận của sách *Lễ Ký*, chuyên giảng về những lễ tiết nhỏ nhất, nhưng quan trọng trong cuộc sống.

Côi^{11[11]} của đạo Thiên Chúa là khóa tụng sớm tối của họ. Tôi đã từng giảng kinh này, đĩa CD/DVD ghi lời giảng của tôi được lưu hành trong đạo Thiên Chúa. Đoạn thứ nhất của kinh ấy nói về sự khiêm tốn, nhún nhường, Thánh Mẫu Maria khiêm nhường. Mẹ Chúa Jesus đối với hết thảy mọi người đều khiêm hạ, nhún nhường, cung kính. Đức Bà đã nêu gương tốt. Tấm gương của Đức Bà chính là “*lễ kính chư Phật, khen ngợi Như Lai*” như trong Phật pháp đã nói. Chúng ta phải học theo Ngài.

Cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta hãy “*ẩn ác, giương thiện*” (ẩn giấu điều ác, đề cao điều lành). Người khác có chuyện gì tốt đẹp, chúng ta phải tán dương, phải ca ngợi. Người khác phạm lỗi lầm gì, trợn chẳng nói tới, quyết định chớ nên ghim trong lòng. Đó gọi là “tu hành, học Phật”. Vì sao? Chúng ta học Phật rốt cuộc là học gì? Tịnh Độ tu gì vậy? Tiêu đề của kinh đã nêu ra cương lĩnh tu học cho chúng ta: Tu tâm thanh tịnh. Trong tiêu đề của kinh có “*Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác*”. Đây là tổng cương lĩnh tu học của Tịnh Tông.

11[11] Đúng ra phải đọc là Mai Côi (玫瑰: hoa hồng), nhưng thường bị đọc trại thành Mân Côi, Văn Côi, Môi Côi, Mai Khôi, hay Môi Khôi trong tiếng Việt. Bản kinh này vốn có tên bằng tiếng Latin là Rosarium, có nghĩa là “vườn hồng” hay “tràng hoa hồng” nhằm vinh danh Đức Mẹ Maria. Thuật ngữ này cũng dùng để chỉ chuỗi hạt thường được dùng trong khi cầu kinh của Công giáo. Thông thường, người Công giáo tin bản kinh này và chuỗi Mân Côi do chính Đức Mẹ truyền cho thánh Dominic (Domingo, thánh Đa Minh) vào năm 1214. Khi thực hành, tín hữu Công Giáo đọc kinh này ra tiếng hay đọc thầm theo trình tự: Một kinh *Lạy Cha* (Pater Noster), sau đó là mười kinh *Kính Mừng* (Ave Maria), và kết thúc bằng một kinh *Sáng Danh* (Gloria Patri), mỗi trình tự như thế gọi là một “mầu nhiệm” (Mysteria, hay còn dịch là suy niệm), được hiểu là một bộ mười kinh. Một “mầu nhiệm” còn được gọi là một “sự”, tương ứng với một sự kiện về cuộc đời chúa Jesus và Đức Mẹ theo kinh *Tân Ước*. Đến thế kỷ 16, kinh *Mân Côi* đã bao gồm mười lăm “mầu nhiệm”, được chia làm ba nhóm: Mầu nhiệm năm sự vui (Mysteria Gaudiosa), mầu nhiệm năm sự thương (Mysteria Dolorosa), mầu nhiệm năm sự mừng (Mysteria Gloriosa). Tất cả hầu như không có gì thay đổi cho đến năm 2002, Giáo Hoàng Gioan Phao Lô đệ nhị (John Paul II) công bố thêm năm “mầu nhiệm” mới, đó là “mầu nhiệm năm sự sáng” (Mysteria Luminosa). Do vậy, kinh *Mân Côi* hiện thời có hai mươi “mầu nhiệm”.

Chúng ta thường muốn ghim khuyết điểm của người khác trong lòng, biến cái tâm của chính mình thành thùng rác cho người khác, làm sao quý vị có thể đạt được thanh tịnh? Nếu quý vị đạt được tâm thanh tịnh, thì tâm thanh tịnh là Sự nhất tâm bất loạn, sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc chẳng thuộc cõi Đồng Cư, mà sinh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, phẩm vị được nâng cao với một mức độ to lớn.

Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, thông hiểu chân tướng sự thật này, có còn ghim những sai quấy của người khác trong tâm mình nữa chẳng? Ghi nhớ lỗi lầm của người khác sẽ bị thiệt thòi to lớn, tạo thành lỗi lầm to lớn. Thường nghĩ tới khuyết điểm của người khác, dẫu quý vị có thể vãng sinh, chỉ sinh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, phẩm vị chẳng cao!

Vì thế, các Tịnh Tông đồng học chúng ta hiểu rõ rồi, quyết định chẳng làm chuyện ngốc nghếch. Ai nấy đều biết ắt ác dương thiện, kẻ làm ác có lương tri sẽ nghĩ: “Ta làm ác, người khác đều tha thứ, cũng không đả động tới ta! Ta làm một tí chuyện tốt, họ đều tán dương”, từ từ đánh thức lương tâm của kẻ ấy, hấn bèn sửa đổi. Như vậy, quý vị đã giúp cho một người “quay đầu là bờ”.

Chúng ta hãy cẩn thận quan sát dụng tâm của chư Phật, Bồ tát, sẽ dần dần hiểu rõ, muốn học tập Phật. Thật ra, đối với những kẻ làm nhiều chuyện lầm lỗi, chúng ta gặp họ, dùng tâm thái gì để đối đãi họ? Nếu dùng tâm thái của Phật, cảnh giới của chúng ta sẽ được nâng cao. Bởi lẽ, những người ấy

làm lành hay làm ác cũng đều là thiện tri thức của chúng ta, đều có thể giúp cho chúng ta tiến bộ hơn. Nho gia nói: “*Tam nhân hành, tất hữu ngã sư*” (Ba người cùng đi, ắt có người là thầy ta). Ba người ấy là ai vậy? Chính mình là một, còn một người lành, một kẻ ác, hai người ấy đều là thầy của ta. Ta trông thấy người lành, nghĩ ngợi: Người ta có thiện hạnh, ta có hay không? Nếu ta không có, hãy học tập theo người ấy; nếu đã có thì phải gìn giữ.

Kẻ làm ác cũng là thầy của ta, ta trông thấy, hãy suy nghĩ ta có phạm lỗi lầm ấy hay chẳng. Hễ có, bèn sửa đổi; nếu không, hãy càng thêm gắng sức. Kẻ làm ác còn có ích cho chúng ta hơn người làm lành. Vì sao? Trong khi tu sám hối, chư vị sẽ thấy: Ta tìm không được khuyết điểm của chính mình, dường như chính mình chẳng có khuyết điểm nào, thấy người khác toàn là khuyết điểm, chẳng thấy mình có một khuyết điểm nào hết!

Quý vị có thể phát hiện khuyết điểm của chính mình như thế nào? Thấy khuyết điểm của người khác, hãy hồi quang phản chiếu xem ta có khuyết điểm ấy hay không, sẽ tìm ra. Đó là đại ân nhân, chân thiện tri thức của chính mình. Người ấy giúp quý vị sửa đổi, quý vị có thể nào chẳng cảm ơn người ấy hay chẳng?

Quý vị còn nói những điều sai quấy của kẻ ấy, đó là vong ân phụ nghĩa! Hãy cảm kích, tri ân, báo ân người ấy, thường hồi hướng công đức tu học của chính mình cho người ấy.

Nếu không có người ấy, làm sao ta có thể tiến cao hơn? Nếu không do người ấy, làm sao biết chính mình còn có khuyết điểm? Do vậy, trong *Đàn Kinh*, Lục Tổ đã nói rất hay: “*Nếu người thật sự tu đạo, chẳng thấy lỗi người khác*”.

Không có lỗi! Giống như diễn tuồng, người ấy đóng vai phản diện, nhằm nhắc nhở ta, đâu phải là người ấy thật sự có khuyết điểm! Chúng ta đối đãi với người ấy như Bồ tát, người ấy không có khuyết điểm. Hành vi của người ấy đã giúp đỡ ta, khiến cho ta phát hiện lỗi lầm của chính mình. Chúng ta dùng tâm thái này, đó là Bồ tát tâm, là Bồ Đề tâm. Tổ sư đại đức bảo kẻ quên mất Bồ Đề tâm, dẫu tu hết thấy thiện pháp vẫn gọi là ma, chẳng phải là Phật. Chắc chắn Phật chẳng thể rời khỏi Bồ Đề tâm, chúng ta phải học tập điều này, thời thời khắc khắc đừng quên gieo trồng các cội đức.

“*Triệt hạ, tắc Quán Kinh trung, Ngũ Nghịch, Thập Ác, lâm chung đắc ngộ thiện hữu giáo dĩ niệm Phật, thập niệm thành công, diệt sinh tử quốc*” (Thấu dưới là như trong *Quán Kinh*, kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác, lúc lâm chung gặp được bạn lành dạy niệm Phật, mười niệm thành công, cũng sinh về cõi ấy). Chuyện này là thật! Trong *Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sinh Truyện* đã ghi chép những sự tích của cổ nhân. Nếu chúng ta hơi lưu ý, sẽ thấy trong hiện tại cũng có! Chính chúng tôi mắt thấy, tai nghe.

Trước kia, tôi ở Hoa Phủ của nước Mỹ, tức Washington D.C, có một Hoa kiều, tức là người Trung Quốc, đó là ông

Châu Quảng Đại. Người này chẳng phải là Ngũ Nghịch, Thập Ác, mà là người tốt, thiện nhân, nhưng cả đời chẳng tin tôn giáo, tôn giáo nào cũng không tin. Người này tâm địa hiền lương, rất tốt bụng.

Ông ta bị ung thư, khi sắp mất, nhà thương đã ngừng trị liệu, bảo thân nhân đưa về nhà. Khi ấy, người nhà đi khắp nơi cầu thần, bái Phật, xem có kỳ tích nào xuất hiện hay không. Đó gọi là “gặp chuyện bèn ôm chân Phật”, tìm được hội Phật giáo của chúng tôi. Khi ấy, ở Hoa Phủ có hội Phật giáo mang tên là Hoa Phủ Phật Giáo Hội, thành lập chưa được bao lâu, do mấy đồng học Tịnh Độ thành lập một hội như vậy, mời tôi làm hội trưởng.

Tôi quen biết với lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ ở nơi ấy. Có mấy đồng tu đến trợ niệm cho ông ta, nhìn bộ dạng của ông ta đúng là bó tay, bèn khuyên nhủ, hướng dẫn, nói đời người khổ sở, cần gì phải lưu luyến, hãy buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ, giảng giải và giới thiệu thế giới Cực Lạc cho ông ta nghe.

Người này có thiện căn. Thiện căn ấy chính là thiện căn trong đời quá khứ, nhưng trong một đời này, ông ta chưa gặp thiện duyên, đến lúc ấy mới gặp gỡ. Ông ta nghe xong bèn vui vẻ, tiếp nhận, bảo người nhà: “Đừng đi khắp nơi tìm cách chữa trị nữa, không cần! Cả nhà hãy giúp ta niệm Phật cầu vãng sinh”. Căn bệnh của ông ta đau đớn lắm, nhưng ý niệm vừa chuyển, chẳng còn đau đớn nữa. Chẳng còn đau

khổ nữa, ông ta vui vẻ cùng niệm Phật với mọi người, ba ngày bèn ra đi. Đúng như kinh đã dạy: *“Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật”* (Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày). Chẳng sai! Niệm ba ngày ba đêm, ông ta bèn ra đi. Khi mất có tướng lành, toàn thân mềm mại.

Khi hỏa táng có xá lợi. Đây là một người chẳng tin tưởng tôn giáo, lâm chung gặp bạn tốt bèn thành công. Dẫu đã tạo tội Ngũ Nghịch, Thập Ác, có thể cứu được hay không? Có thể cứu được! Trong phần sau của bốn mươi tám nguyện, có một câu: *Nếu kẻ ấy chẳng tin, sẽ không thể cứu!* Kẻ tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, khi lâm chung có tín tâm và nguyện tâm kiên định, vẫn có thể cứu được! Ngẫu Ích Đại sư đã nói: “Điều kiện quan trọng nhất để có thể vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc hay không là do có tín nguyện hay không. Thật sự có tín nguyện, chắc chắn được vãng sinh. Phẩm vị cao hay thấp là do công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn”. Lời ấy rất có lý! Niệm đến mức tâm thanh tịnh, nếu chúng ta dùng tiêu đề kinh để nói, thì niệm đến mức tâm thanh tịnh bèn sinh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, niệm đến bình đẳng, giác, sẽ sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

“Bình đẳng, giác” là Lý Nhất tâm bất loạn, Thanh tịnh tâm là Sự Nhất tâm bất loạn. Chúng ta phải nỗ lực hướng đến mục tiêu này. Bình đẳng là gì? Chẳng có tâm phân biệt, thật sự giác ngộ. Tâm phân biệt đã chẳng có, lại nâng cảnh giới lên cao hơn thành “nhập pháp môn Bất Nhị”, Tính Tướng bất nhị, Sự Lý bất nhị, Sinh Phật bất nhị (Chúng sinh và

Phật), người ấy sẽ sinh vào cõi Thật Báo, đến thế giới Cực Lạc, hoa nở thấy Phật. Có thể thấy pháp môn này thù thắng khôn sánh.

Tiếp đó, sách viết: *“Khả kiến bản kinh nãi quảng thâm vạn loại, phổ bị tam căn chi A Già Đà dược, năng dĩ vạn bệnh”* (Có thể thấy kinh này rộng thâm muôn loài, là thuốc A Già Đà thích hợp khắp ba căn có thể trị lành muôn bệnh). A Già Đà (Agada) là tiếng Ấn Độ, giống như người Trung Quốc nói tới *“vạn ứng đan”*; thuốc này bệnh gì cũng đều trị được, chắc chắn có lợi, chứ không có hại gì.

Đây là nói bộ kinh này căn cơ nào cũng đều phù hợp, bậc thượng thượng căn như Văn Thù, Phổ Hiền, hạ hạ căn là kẻ tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, chỉ cần quý vị có thể tin tưởng, chịu phát nguyện, chắc chắn được vãng sinh, chẳng thể nghĩ bàn! Khi lâm chung có thể tin, có thể nguyện, tôi nghĩ đấy cũng chẳng phải là ngẫu nhiên, mà do người ấy có túc thế nhân duyên. Người ấy có đời quá khứ, tuy trong một đời này không có duyên gặp gỡ, nhưng trong đời quá khứ, chắc chắn đã từng học Phật, chắc chắn đã tu pháp môn này.

Do vậy, khi lâm chung gặp thiện hữu nhắc nhở, chúng tử trong A Lại Da của người ấy bèn lập tức khởi hiện hành, chẳng phải là ngẫu nhiên! Vì thế, nay chúng ta hãy giúp những kẻ không tin gieo chủng tử. Giúp kẻ không tin gieo chủng tử bằng cách nào? Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, tay cầm chuỗi tràng hạt, miệng niệm A Di Đà Phật, đó là gieo

chủng tử cho chúng sinh. Trên đường đi, quý vị vừa đi vừa niệm Phật, người bên cạnh hữu ý hay vô tình nghe, thấy, đã gieo chủng tử vào A Lại Da thức, kết duyên với Tịnh Độ Tông. Chủng tử ấy gọi là “chủng tử *Kim Cương*”, vĩnh viễn bất hoại.

Trong đời kế tiếp hoặc đời sau, gặp duyên, chủng tử ấy sẽ khởi hiện hành, khởi tác dụng. Do vậy, nói người xuất gia dẫu bất hảo, nói trắng ra là người xuất gia ấy phá giới, công đức vẫn to hơn quý vị. Vì sao? Người ấy mặc y phục biểu thị cho hình tượng Phật giáo, vừa đi ra ngoài, người ta trông thấy, đã gieo chủng tử về ấn tượng nơi Phật. Quý vị chẳng có năng lực ấy! Tuyệt diệu lắm!

Quý vị nói xem: Trong một đời này, người ấy đã gieo thiện căn cho bao nhiêu người? Hãy nên tôn kính người xuất gia, dẫu người ấy có phá giới đi nữa là do đạo lý này! Xưa kia, tôi dạy học trong nhà trường, dạy Đại học mấy năm. Khoảng 5 năm, tôi bảo các đồng học, khi ấy, các đồng học trong nhà trường dường như cảm thấy học Phật sẽ bị người khác chê là mê tín, khó chịu lắm, nên lén lút học Phật. Tôi bảo họ: “Các vị phải chính đại quang minh mà học, phải phổ độ chúng sinh. Tay đeo râu chuối, đừng sợ kẻ khác cười. Dẫu người ta có cười nhạo quý vị: ‘Anh xem gã bạn học đó mê tín quá chừng!’”. Tuy nói các vị mê tín, chủng tử Phật của người ấy đã được gieo xuống rồi, đó là chuyện tốt, đâu phải chuyện xấu”.

Trên bìa sách học dùng trong nhà trường đều có đề tên, tôi nói: Quý vị đừng viết tên họ của mình, mà hãy ghi A Di Đà Phật, người ta trông thấy cuốn sách ấy bèn niệm A Di Đà Phật. Quý vị thấy đó, chẳng phải là lại độ được một người hay chăng? Rất nhiều đồng học thật sự sử dụng phương pháp này của tôi; về sau, dần dần trở thành một phong cách. Vì thế, phương tiện thiện xảo rộng độ hữu tình. Nếu chúng ta hiểu đại đạo lý, đại nhân duyên ở đây, sẽ đối với người xuất gia, đối với người niệm Phật khởi tâm cung kính, hình tượng họ đã biểu lộ cũng nhằm biểu thị pháp, công đức thù thắng khôn sánh!

Cuối cùng, *“Cố bản kinh vân: Trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ”* (Vì thế, kinh này nói: “Người gặp được kinh này, tùy theo sở nguyện đều có thể được độ”). Cụ Hoàng dùng câu nói này để tổng kết đoạn này. Gặp gỡ bộ kinh này, tùy theo ý nguyện của quý vị, đều có thể được độ. Ý nghĩa của *“tùy ý”* vô cùng rộng, đấy là như trong Phật môn đã nói: *“Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”* (Trong nhà Phật, có cầu ắt ứng), *“Tùy ý sở nguyện”* là có cầu ắt ứng.

Quý vị cầu gì được nấy! Cầu thế giới Cực Lạc, quý vị được thế giới Cực Lạc. Cầu thấy Phật A Di Đà, quý vị sẽ có thể thấy Phật A Di Đà. Cầu thành Phật, được thành Phật. Cầu thành Bồ tát, quý vị thành Bồ tát. Tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian này cũng giống như thế, nhưng đó là những chuyện lông gà, vỏ tỏi nhỏ nhặt. Quý vị cầu điều gì đều có thể cầu được, chẳng hề có chuyện cầu không được! Nhưng quý vị

nhất định phải giác ngộ: Chẳng thoát khỏi lục đạo, sẽ vĩnh viễn chẳng thể là khổ. Lục đạo khổ lắm! Nhân Thiên là thiện đạo. Thiện đạo mà còn khổ đường ấy, huống chi ác đạo!

Quý vị phải chú tâm quan sát, hiện thời súc sinh có khổ hay không? Đặc biệt là gia súc. Hiện thời, nếu quý vị đầu thai trong đường súc sinh, biến thành một con lợn hay một con gà, hoặc một con vịt, quý vị thấy hiện thời lợn, gà, vịt, thậm chí bò, loại bò chuyên nuôi để lấy thịt, nhìn vào tình trạng sống của chúng, từ lúc đẻ ra cho đến khi xuất chuồng, được nuôi lớn trong chuồng, một chuồng nhốt quá nhiều, xoay mình cũng chẳng thể xoay được!

Cuộc sống trước khi bị giết của chúng là như thế này: Suốt đời bị nhốt chặt, đến khi bị giết, quý vị nói thử xem tâm tình của chúng ra sao? Chúng nó có oán hận hay chẳng? Con người có cùng cái tâm này, tâm có cùng Lý này. Người và súc sinh chẳng khác, chúng nó oán hận, bất bình. Oán hận nên thịt của chúng có chất độc, mang rất nhiều nguồn bệnh. Đó là lý do vì sao hiện thời ăn thịt bị bệnh nhiều như vậy. Cổ nhân đã nói: *“Bệnh tòng khẩu nhập, họa tòng khẩu xuất”* (Bệnh từ miệng vào, họa từ miệng ra). Đó là chân lý. Hiện thời, không chỉ thịt chẳng thể ăn, đó là thứ độc địa, mà ngay cả đồ chay trong hiện tại cũng biến thành chất độc! Rau dưa có phân hóa học và thuốc sát trùng!

Người thế gian khổ quá, đừng nên lưu luyến thế gian nữa, vãng sinh sớm một ngày là sớm được giải thoát một

ngày. Lưu luyện thế gian là sai lầm! Chúng ta niệm Phật, Phật còn chưa đến tiếp dẫn chúng ta, chứng tỏ nghiệp báo của chúng ta chưa tiêu hết, nghiệp chướng chưa tiêu trừ. Để tiêu trừ nghiệp chướng, phải cậy vào ai để tiêu trừ nghiệp chướng? Dựa vào chính mình, chẳng có người nào khác giúp đỡ được! Tiêu bằng cách nào? Ta có thọ mạng, trong mạng ta còn có phúc báo, chẳng cần nữa, hãy bỏ sạch. Chướng ngại sẽ chẳng còn nữa, Phật sẽ đến tiếp dẫn quý vị.

Nếu quý vị phát tâm Đại thừa, hết thấy đều từ bỏ. Hiện thời vẫn còn thân thể, hãy lợi dụng cái thân này để giúp đỡ các chúng sinh khổ nạn nhiều hơn, khuyên dạy họ, giúp đỡ họ, dẫn theo những người ấy vãng sinh. Đó là chuyện tốt, chẳng có vị Phật, Bồ tát nào chẳng tán thành. Sinh tử tự tại, muốn đi lúc nào bèn đi lúc đó, chẳng vướng mắc tí nào, càng tốt đẹp hơn!

Chúng ta thấy con người trong thế gian đáng thương quá, tai nạn nhiều như thế đó! Chúng ta biết có tai nạn, do đâu mà biết? Từ kinh điển nhà Phật. Trong kinh điển, đức Phật thường nói: *“Hết thấy các pháp sinh từ tâm tưởng”*. Đó là chân lý. Người trên thế giới suy tưởng gì? Phim “2012” đã được chiếu trên toàn cầu. Sau khi phim ấy được phát hành, ai nấy đều nghĩ đến tai nạn; dẫu không có tai nạn, tai nạn vẫn xảy tới, do tâm tưởng mà!

Vì vậy, tôi xem bộ phim ấy xong, nói: “Đó là ý trời, có hai tác dụng: Một là dạy con người hãy đề cao cảnh giác, đoạn

ác tu thiện, đừng tạo tội nữa. Đó là giúp chính mình, thành tựu chính mình. Mặt khác, sinh lòng sợ hãi, hằng ngày nghĩ đến tai nạn, không có tai nạn mà do ta suy niệm nên tai nạn sẽ xảy tới. Hết thấy các pháp sinh từ tâm tưởng mà!”.

Tôi xem bộ phim ấy xong, đã bảo rất nhiều đồng học: “Đó là ý trời”. Đại khái, con người hiện thời tạo tội nghiệp, nhưng không có cách nào trị được, pháp luật cũng chẳng trị được, quốc gia cũng chẳng trị được! Tổng thống, hoàng đế cũng chẳng trị được. Làm sao đây? Chỉ có ông trời ra tay. “Ông trời ra tay trừng trị” là “tai họa thiên nhiên” như chúng ta thường nói trong hiện thời. Quả thật rất đáng sợ!

Vậy thì phải hỏi: Có thể hóa giải tai nạn hay không? Nói theo Phật pháp, câu trả lời là khẳng định, chỉ cần hồi tâm hướng thiện. Đức Phật dạy chúng ta hai câu, đó là câu *Khẩu Đầu Thiện* trong Phật môn: “*Cần tu Giới, Định, Tuệ. Tức diệt tham, sân, si*” (Siêng tu Giới, Định, Tuệ. Dứt diệt tham, sân, si), tai nạn sẽ hóa giải. Nếu quý vị thật sự làm, sẽ thật sự hữu hiệu! Sẽ thấy hiệu quả ở chỗ nào? Từ chính mình! Chính mình có tai nạn, có bệnh khổ, nếu quý vị tuân theo phương pháp này để tu, bệnh khổ được lành, nghiệp chướng cá nhân sẽ tiêu! Nghiệp chướng đã tiêu rồi, thân thể khôi phục sức khỏe. Đó gọi là “*Tướng do tâm sinh, cảnh tùy tâm chuyển*”. Trong kinh, đức Phật thường nói như vậy.

Tướng mạo của quý vị thuận theo ý niệm mà chuyển biến, sức khỏe cũng giống như thế. Tâm địa của quý vị là thiện

niệm, sẽ khỏe mạnh, trường thọ. Nếu trong tâm là tịnh niệm, càng khỏe mạnh, trường thọ. Tâm lẫn hạnh đều thiện, hoàn cảnh cư trú của ta sẽ chẳng có tai nạn. Dầu ở nơi ấy người tạo tác ác nghiệp rất nhiều, nhưng có một ít người đang tu thiện, tuy nơi ấy có tai nạn thì cũng nhẹ nhàng, chẳng nghiêm trọng. Cổ đức từng nói: *“Giữa một trăm người, có một người tu thiện, chín mươi chín người kia đều hưởng lây”*, một phần trăm! Lời này là thật đấy, chẳng giả đâu!

“Thượng minh bản kinh, quảng ứng quần cơ, nhi kỳ ân đức vuơ thâm ư ngã sãi phạm phu” (Trên đây đã nói rõ kinh này thích ứng rộng rãi các căn cơ, nhất là đối với lũ phạm phu chúng ta, càng có ân đức sâu đậm).

Trong phần trước đã nói về sự thích ứng với các căn cơ, trong đoạn này, luận về công đức. *“Đương kim Mạt pháp, chúng sinh phúc tuệ thiểu bạc, cấu chướng thâm trọng, duy lại thử phương tiện pháp môn. Đản bằng tín nguyện trì danh, tiện năng công siêu lũy kiếp, vãng sinh Cực Lạc, kính đảnh Bất Thoái”* (Nay đang thời Mạt pháp, chúng sinh phúc tuệ cạn mỏng, cấu chướng sâu nặng, chỉ cậy vào pháp môn phương tiện này, chỉ nhờ vào tín nguyện trì danh, công liền có thể vượt trội bao kiếp, vãng sinh Cực Lạc, nhanh chóng chứng lên Bất Thoái). Tiểu đoạn này, nói đến chúng ta trong hiện tại. Cụ Hoàng Niệm Tổ là người đương đại, đã vãng sinh chưa lâu.

Khi trước, mỗi năm, tối thiểu tôi sang Bắc Kinh một hai lần, chẳng vì chuyện gì khác, mà chỉ nhằm đến gặp cụ. Sau

khi cụ đã mất, tôi còn đến thăm một lần, gặp con gái và học trò cụ. Đoạn văn này nói về chúng ta trong hiện thời, người hiện thời thật sự phúc mỏng, tuệ cạn, chẳng có trí tuệ, mà cũng không có phúc báo. Nói cách khác, chúng ta phiền não tập khí sâu nặng! “*Cấu*” là nhiễm ô, “*chướng*” là nghiệp chướng. Chúng ta tạo tác nghiệp chướng bất thiện. Vì sao sinh ra chuyện này? Đối với tiêu chuẩn thiện ác, chúng ta không biết; nói chung cứ tưởng chính mình luôn làm đúng, không biết chính mình đã làm lỗi, làm ác. Vì thế, chúng ta quan sát cẩn thận sẽ thấu hiểu, đừng xét nét người khác, hãy xét nét chính mình!

Thuở trước, khi còn trẻ, tôi giảng kinh, thường nhắc tới khóa tụng buổi sáng. Mục đích của khóa tụng buổi sáng là gì? Nhắc nhở chính mình, ngày hôm nay ta đừng quên mất giáo huấn của đức Phật, hãy thường đề cao cảnh giác, y giáo phụng hành. Đó là quý vị thật sự tụng niệm khóa sáng. Chúng tôi đã từng biên tập lại nghi thức tụng niệm của cổ nhân. Nghi thức do cổ nhân biên soạn có quá nhiều Chú ngữ. Hiện thời, người tụng chẳng hiểu rõ ý nghĩa của Chú ngữ, cho nên không đạt được hiệu quả.

Do vậy, chúng tôi tuyển chọn, ấn định kinh văn bản mới dành cho các đồng học Tịnh Tông chúng ta. Các đồng học Tịnh Tông có *Triều Mộ Khóa Tụng Bản* (Nghi thức tụng niệm sớm tối) do tôi biên tập. Kinh văn để niệm cho buổi sáng là phần bốn mươi tám nguyện trong kinh *Vô Lượng Thọ*. Trong khóa sáng, hãy suy nghĩ: Phật A Di Đà đã phát bốn

mười tám nguyện, ta có phát hay không? Đối chiếu với chính mình, mong muốn biến bốn mươi tám nguyện ấy thành bản nguyện của chính mình, tâm nguyện của chúng ta và Phật A Di Đà tương đồng.

Với khóa tối, chúng tôi chọn phần kinh văn từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy. Đoạn kinh văn ấy giảng điều gì? Dạy chúng ta trì giới, phản tỉnh, sửa đổi, sám hối, dùng phần này để làm khóa tối. Trong khóa tối, phải thật sự phản tỉnh, kiểm điểm, sửa lỗi, khóa tụng đối với chúng ta mới có lợi ích. Luôn chọn lựa kinh *Vô Lượng Thọ* là pháp phương tiện. Chuyên tu, khóa sáng niệm kinh *Vô Lượng Thọ*, khóa tối cũng niệm kinh *Vô Lượng Thọ*, chuyên tu mà! Chúng ta không có nhiều thời gian như thế, bèn trích lục những phần kinh văn trọng yếu trong kinh *Vô Lượng Thọ* để sớm tối nhắc nhở chính mình. Mục đích không gì chẳng nhằm tiêu nghiệp chướng, xa lìa phiền não, tập khí, chúng ta học Phật mới có thể công phu đắc lực. Nếu quý vị chẳng nhớ kinh văn, chưa thể lý giải, quý vị tu tập bằng cách nào?

Hóa giải tai nạn hiện tiền. Hiện thời, tai nạn rất nặng. Trên khắp thế giới có ai chẳng tạo nghiệp? Tạo nghiệp gì vậy? Vừa mở kinh *Thập Thiện Nghiệp Đạo* ra, quý vị sẽ biết ngay: Hoàn toàn trái phạm, đúng là Ngũ Nghịch, Thập Ác. Thập Ác là gì? Sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói đôi chiều, ác khẩu, nói thêu dệt, tham lam, sân khuể, ngu si. Quý vị nói thử xem: Trong thế gian hiện thời, ai chẳng tạo? Ngay cả trẻ nhỏ cũng tạo! Trẻ nhỏ tạo bằng cách nào? Trẻ nhỏ học

từ TV, mỗi ngày xem TV, TV sẽ dạy chúng nó. Hiện thời, học sinh lớp Một Tiểu học đã cho dùng computer. Thông tin từ computer rất nhiều. Điều gì chúng nó cũng đều học. Xong luôn, tạo Thập Ác! Tạo Thập Ác sẽ có hành vi Ngũ Nghịch xuất hiện, giết cha, giết mẹ, giết thầy, giết A La Hán cũng giống như giết thầy! Đây là xã hội hiện tiền của chúng ta, càng nghĩ, càng nhìn càng đáng sợ.

Trong đời chúng ta đây, còn có thể duy trì tình trạng trước mắt, chứ hai mươi năm sau sẽ làm như thế nào đây? Ai có năng lực duy trì trật tự xã hội? Chẳng có ai hết! Người xưa thường nói, đến khi con người trị không được, cha mẹ không quản được con cái, pháp luật không quản được dân, thượng thiên sẽ ra tay. Khi thượng thiên can thiệp sẽ là tai nạn. Cả đồng tai nạn thấy đều xuất hiện.

Vì vậy, cứu vớt thế giới, nói thật sự là kinh *Vô Lượng Thọ*, trong Đại thừa Phật pháp, kinh này hữu hiệu nhất! Pháp môn này đúng là pháp môn phương tiện, “*đẫn bằng tín nguyện trì danh*” (chỉ nhờ vào tín nguyện trì danh). Điều kiện này, thật sự tin, mảy may hoài nghi cũng chẳng có, thật sự nguyện vãng sinh, trì danh là niệm Phật, thật sự làm, trong mười hai thời, một câu A Di Đà Phật chẳng gián đoạn.

Vài ngày trước, cư sĩ Lưu Tố Vân từ miền Đông Bắc đến chỗ này báo cáo, nói suốt mười mấy giờ. Người này là như thế nào? Là người thật sự làm! Lúc 59 tuổi, bà ta bị bệnh nặng. Người phương Bắc, đều biết căn bệnh nghiêm trọng

này, hồng ban lang sang (Lupus Erythematosus)^{12[12]}. Bị bệnh này thì hầu như chẳng thể nào trị khỏi, y học Trung Quốc lẫn Tây phương đều chẳng có cách nào chữa trị. Bà ta có nhiều bạn bè mắc bệnh này, họ đều mất cả rồi. Bà ta bị bệnh này, tín nguyện trì danh, đối với Phật A Di Đà, đối với thế giới Cực Lạc chẳng có mảy may hoài nghi nào, coi nhẹ việc sống chết, nhất tâm nhất ý muốn cầu sinh Tịnh Độ.

Bác sĩ cho bà ta biết, cũng là nói thật: “Bệnh của bà chẳng có hy vọng gì, bà phải chuẩn bị tâm lý, vì có thể chết bất cứ lúc nào!”. Bà ta cười hì hì: “Nếu tôi chết, Phật A Di Đà sẽ đến đón tôi, tôi về thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc là quê nhà của tôi, tôi chẳng sợ hãi tí nào!”. Bà ta lành bệnh, bác sĩ cảm thấy lạ quá, làm sao lành bệnh được? Bà ta nói: Do Niệm Phật mà lành bệnh! Cả ngày từ sáng đến tối là một bộ kinh *Vô Lượng Thọ*, toàn là A Di Đà Phật. Bà ta còn nghe kinh, nghe kinh *Vô Lượng Thọ*, nghe CD/DVD rất dụng công.

Trong bài báo cáo, bà ta nói mỗi ngày nghe một đĩa. Đó là bài giảng của tôi trong thuở trước, mỗi đĩa dài một giờ. Mỗi

12[12] Đây là một chứng bệnh rối loạn hệ thống miễn nhiễm (Immune system) của con người, gây tổn hại nghiêm trọng đến phổi, da, thận, tế bào máu, và tim. Trong căn bệnh này, hệ thống miễn nhiễm của người bệnh tự tấn công các tế bào khỏe mạnh trong cơ thể, khiến bệnh nhân bị viêm nhiễm lâu dài. Y giới vẫn chưa biết rõ nguyên nhân của căn bệnh này. Bệnh kéo dài dai dẳng, có lúc tiềm ẩn, rồi bùng phát, khiến cho các tế bào bị tấn công, thân thể bệnh nhân sưng phồng, lở loét, các khớp đau cứng, khó thở, mặt môi, sốt cao, rụng tóc, lở miệng, ngứa ngáy, sợ ánh sáng, sưng các hạch lâm-ba (lympho nodes), nhức đầu, đau bụng, ói mửa, tim loạn nhịp, ho ra máu, da mọc vảy nến, bong tróc, đầu ngón tay tím tái. Trong trường hợp nghiêm trọng, người bệnh không thể cử động, thậm chí mặt sưng phù nề biến dạng trông hao hao như mặt con sói nên mới gọi là Lupus. Chữ “*hồng ban lang sang*” (lở loét nổi mẩn đỏ, mặt giống con sói) nhằm hình dung tình trạng phù nề và biến chứng trên da của người bệnh. Không rõ danh từ y khoa tiếng Việt dịch căn bệnh này chính xác như thế nào, chữ thuật ngữ y tế của Hà Nội dịch là “bệnh lupus viêm ban đỏ” nghe không ổn lắm!

ngày, bà nghe mười tiếng, mỗi đĩa nghe mười lượt, nghe rất thuần thực. Niệm kinh *Vô Lượng Thọ*, nghe kinh *Vô Lượng Thọ*, niệm A Di Đà Phật, lành bệnh! Bác sĩ tin lời bà ta. Bà ta có ưu điểm lớn nhất mà chúng ta chưa làm được là cả đời chẳng nói dối. Con người vô cùng trung hậu, thật thà, chẳng dối gạt người khác, câu nào cũng đều nói thật.

Năm nay, bà ta 66 tuổi, do tôi xem đĩa CD/DVD phỏng vấn được thu vào ngày Bốn, tháng Năm, năm 2003, dài nửa tiếng, do đài truyền hình phỏng vấn, nên tôi nghĩ: Bà ta đã nhiều tuổi như thế, người này có còn sống hay không? Tôi bảo các đồng học bên Hương Cảng hỏi thăm, biết người này còn sống, họ còn tìm được số điện thoại của bà ta nữa.

Tôi liền gọi điện thoại cho bà ta. Khi ấy, tôi đang chữa răng tại Đài Loan, đã nghe tin tức như thế. Nói chuyện điện thoại, bà ta rất căng thẳng, mà cũng rất kinh ngạc. Tôi hỏi bà khỏe không, thân thể như thế nào? Tốt lắm! Mỗi năm một khỏe hơn! Tôi liền mời bà ta sang Hương Cảng gặp mặt, đúng là khỏe lắm, quý vị thấy: Giảng mười mấy tiếng ở chỗ chúng ta, sau khi giảng xong, Hương Tiểu Ly mời bà ta sang Thâm Quyển.

Ở Thâm Quyển, bà ta rất cực nhọc, mỗi ngày giảng gần như sáu tiếng, lại còn phải trả lời thắc mắc của người khác. Mỗi ngày giảng 8 tiếng, giảng 2 ngày, phải quay về. Do 4 từ “tín nguyện trì danh”, bà ta hết bệnh, sống khỏe mạnh và hạnh phúc dường ấy! Tôi giảng kinh đã nhắc tới chuyện này

vài lần, nay bà ta đã trở thành người nổi tiếng rồi, rất nhiều nơi mời bà ta đến giảng diễn. Bà ta là người hết sức hướng nội. Tôi bảo bà ta: “Hiện nay, bà không thể tốt cho riêng mình được! Hiện thời, phải làm cho cả thiên hạ cùng tốt, phải đến khắp nơi hoằng pháp, phải đi giúp đỡ người khác”. Bà ta nói: “Cũng rất khó. Phật, Bồ tát dạy tôi làm như thế nào, tôi bèn làm như thế ấy”. 4 từ: tín, nguyện, trì, danh, trọng yếu lắm! Chúng ta nắm chắc 4 từ này, sẽ giải quyết vấn đề trong một đời này, chắc chắn sinh về Tịnh Độ.

“Tiện năng công siêu lũy kiếp” (Liên có thể công vượt trôi bao kiếp). Lời này là thật đấy! Nếu chẳng tu pháp môn này, thì trong tám mươi bốn ngàn pháp môn, bất luận quý vị muốn tu hành pháp môn nào, tu đến mức thoát khỏi mười pháp giới phải mất bao lâu? Phải khá nhiều kiếp, quý vị mới có thể thoát khỏi mười pháp giới. Quý vị vượt thoát lục đạo, chứng quả A La Hán. A La Hán lại phải tu hành để thoát lìa mười pháp giới. Đây chẳng phải là chuyện dễ, trong Phật pháp thường nói là *“vô lượng kiếp”*.

Nhưng dùng pháp môn Tịnh Độ, thì Tịnh Độ được gọi là *“hoành siêu”*. 84.000 pháp môn là tiến lên theo từng giai đoạn một, nên gọi là *“thụ xuất”* (thoát ra theo chiều dọc). Pháp môn Tịnh Độ chẳng dùng phương pháp ấy, từ trong nhân đạo (loài người), trực tiếp tiến sang thế giới Cực Lạc nên gọi là *“hoành siêu”* (siêu thoát theo chiều ngang). *“Vãng sinh Cực Lạc, kính đặng Bất Thoái”* (Vãng sinh Cực Lạc, nhanh chóng đạt Bất Thoái). *“Kính”* là nhanh chóng. *“Tiệp kính”*

là con đường tắt, quý vị bèn chứng đắc Bất Thoái Chuyển. Trong kinh vẫn luôn nói như thế.

Trong kinh *Vô Lượng Thọ*, chính Phật A Di Đà nói, phẩm thứ sáu tức phần bốn mươi tám nguyện do chính Phật A Di Đà nói: sinh sang Thế giới Tây Phương Cực Lạc, “*giai tác A Duy Việt Trí Bồ tát*” (đều là Bất Thoái Chuyển Bồ tát). A Duy Việt Trí (Avaivartika) là tiếng Ấn Độ, dịch nghĩa sang tiếng Hán, có nghĩa là Bất Thoái Chuyển. Trong Bất Thoái Chuyển bao gồm ba thứ Bất Thoái Chuyển: Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái và Niệm Bất Thoái. Ba thứ Bất Thoái Chuyển đều chứng đắc, là quả vị gì vậy?

Nói thông thường, địa vị ấy phải là Sơ Trụ trong Viên Giáo hay Sơ Địa trong Biệt Giáo; cũng có nghĩa là người ấy đã vượt thoát mười pháp giới, đã vãng sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật, thì mới chứng ba thứ Bất Thoái. A La Hán chỉ chứng Vị Bất Thoái, Bồ tát chứng được Hạnh Bất Thoái, chứ Niệm Bất Thoái vẫn chưa đạt được, đều chưa ra khỏi mười pháp giới. Chứng đắc Niệm Bất Thoái, vượt thoát mười pháp giới, thật sự thành Phật!

Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, một phẩm phiền não tập khí chúng ta vẫn chưa đoạn, hoàn toàn cậy vào tín nguyện trì danh, phải dựa vào đó, nương cậy Phật lực gia trì! Chính chúng ta chỉ cần thực hiện được 4 từ “tín nguyện trì danh”, Phật lực sẽ gia trì, chúng ta bèn có thể vãng sinh, sinh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư của thế giới Tây Phương

Cực Lạc. Nói cách khác, mang theo phiền não, tập khí, nên gọi là *“đới nghiệp vãng sinh”*. Tu pháp môn khác sẽ chẳng thể làm được như vậy, quý vị không thoát khỏi lục đạo luân hồi! Tu pháp môn này rất may mắn, không chỉ ra khỏi lục đạo, mà còn thoát khỏi mười pháp giới, quý vị nói xem: Khó có đường ấy!

Đúng là công vượt trời bao nhiêu kiếp! Sinh sang thế giới Tây Phương Cực Lạc, cho dù hạ hạ phẩm vãng sinh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng chứng ba thứ Bất Thoái. Chứng ba thứ Bất Thoái mà còn viên chứng ba thứ Bất Thoái! Điều này cũng không đơn giản! *“Viên”* là viên mãn. *“Viên chứng”* là chứng đắc viên mãn ba thứ Bất Thoái. Đó là ai? Từ Thất Địa Bồ tát của Viên Giáo trở lên như kinh *Hoa Nghiêm* đã nói.

Chứng ba thứ Bất Thoái thì Sơ Trụ đã chứng đắc, nhưng nếu thêm từ Viên, thì phải là đã đạt đến Thất Địa! Không ai tin tưởng chuyện này; vì thế, pháp môn này được gọi *“nan tín chi pháp”* (pháp khó tin). Chúng ta có thể tin tưởng là nhờ vào đâu mà tin tưởng? Nhờ vào bản nguyện và oai thần của Phật A Di Đà gia trì.

Chẳng nhờ bản nguyện và oai thần của Phật A Di Đà gia trì, làm sao có thể tin được pháp môn này? Đối với phàm phu, nói thật ra, viên chứng ba thứ Bất Thoái chẳng phải do chính quý vị chứng đắc. Trí tuệ, đạo hạnh, thần thông, và phúc báo của quý vị bằng với Thất Địa Bồ tát là nhờ vào

phúc báo của Phật A Di Đà. Sang bên đó, hưởng phúc của Ngài, chẳng phải là phúc của chính mình, mà là hưởng phúc của Phật. Nếu chính mình chứng đắc Thất Địa, tức là trong thế giới Cực Lạc, chính mình tu hành đã chứng đắc Thất Địa. Đấy mới là phúc báo của chính mình. Nếu chính mình chưa chứng đắc tới cấp bậc ấy, bèn hưởng thụ phúc báo của A Di Đà Phật, cho nên tin tưởng, chẳng có nghi vấn gì. Đối với chúng ta, Phật A Di Đà ân đức to lớn quá! Do vậy, chúng ta hãy nên tin tưởng những lời này, bởi đó là lời thành thật, chân xác của Phật, của Tổ. Nói theo Lý, trong kinh đức Phật thường dạy: *“Hết thấy pháp sinh từ tâm tưởng”*.

Niệm niệm chẳng bỏ pháp môn này. Pháp môn này là pháp môn bậc nhất, còn thù thắng hơn *Hoa Nghiêm*. Khi tôi giảng kinh này, mới thật sự biết cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói kinh *Vô Lượng Thọ* là *Trung bản Hoa Nghiêm*. Kinh *Hoa Nghiêm* quá dài, tôi cũng không nghĩ sẽ giảng. Lúc ấy, tôi phát nguyện trong một đời chuyên giảng bộ kinh này, giảng lần lượt từng lần, đã giảng được mười lần rồi.

Về sau, lại giảng kinh *Hoa Nghiêm*. Duyên ấy do lâm trưởng Tân Gia Ba (Singapore) Cư Sĩ Lâm là Lý Mộc Nguyên khái thỉnh. Ông ta thay mặt lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ và Hàn Quán Trưởng, vì trong quá khứ, họ đã khái thỉnh, nhưng tôi chẳng phát tâm. Đến Tân Gia Ba, nhắc tới chuyện này, ông ta hết sức nhiệt tâm, trọn đủ oai nghi khái thỉnh, rất long trọng, rất trang nghiêm, tôi liền nhận lời. Điều này, cũng khiến cho chúng tôi hết sức cảm niệm: Trong quá khứ, Hàn Quán

Trưởng của Hoa Tạng Đồ Thư Quán khi bệnh tình nguy kịch, trước khi vãng sinh hai ngày, đã thỉnh cầu lần nữa, mong muốn lưu lại một bộ CD/DVD giảng kinh *Hoa Nghiêm* cho người đời sau tham khảo.

Do bà ta bệnh nặng, nhằm an ủi bà ta, nên tôi đáp ứng. Tôi nói: “Được rồi! Chờ đến khi bà lành bệnh, chúng tôi sẽ khai giảng lần nữa”. Duyên phận như thế đó! Bộ kinh này kinh *Vô Lượng Thọ* quả thật là cương yếu của kinh *Hoa Nghiêm*, vấn đề gì cũng đều giải quyết.

Trưa ngày hôm nay, mấy đồng tu Mã Lai đặc biệt đến Hương Cảng thăm viếng, có bàn tới một vấn đề: “Thực hiện giáo học bằng kinh điển của tôn giáo nhằm cứu nguy địa cầu”. Đoàn kết tôn giáo vẫn chưa đủ. Kinh điển của mỗi tôn giáo đều hay, quý vị lật ra xem, trong ấy đều là giảng về luân lý, đạo đức, nhân quả. Mỗi tôn giáo đều phải thật sự chú ý, coi trọng thực hiện giảng kinh, giáo học, cảm hóa lòng người, khuyên dạy mọi người quay đầu là bờ, thế giới này sẽ được cứu! Đó gọi là “*cảnh tùy tâm chuyển*”, ai nấy đều có thể hướng thiện, người người đều có thể buông sai lầm xuống, buông ác niệm xuống, buông ác hạnh xuống, thế giới sẽ thật sự được cứu. Chúng ta bàn đến vấn đề này, vấn đề là sẽ thực hiện cụ thể như thế nào?

Tiếp theo, sách viết: “*Nhược vô như thị vi diệu pháp môn, phạm phu hà năng độ thử sinh tử nghiệp hải, nhi đặng bỉ ngạn*” (Nếu không có pháp môn vi diệu như thế này, phạm

phu làm sao có thể vượt khỏi biển nghiệp sinh tử này, vượt sang bờ kia).

Trong thời Mạt pháp, từ nay về sau hãy còn chín ngàn năm nữa, trừ pháp môn này ra, chẳng có bất cứ một pháp môn nào mà mong thành tựu. Vì sao? Mỗi pháp môn đều phải đoạn phiền não, quý vị có thể đoạn Kiến Tư phiền não hay chẳng? Chẳng nói chi khác, không tính tới Tư Hoặc, chỉ nói tới Kiến Hoặc, quý vị có thể đoạn hay chẳng? Kiến Hoặc đoạn xong, mới chứng Sơ Quả trong Tiểu thừa. Còn theo kinh *Hoa Nghiêm* của Đại thừa, đó là địa vị Sơ Tín Bồ tát; nói cách khác, lúc ấy quý vị mới nhập môn!

Kiến Hoặc là gì? Nói chi tiết sẽ gồm 88 phẩm, nói đại lược, đức Phật quy nạp Kiến Hoặc thành 5 loại lớn. Thứ nhất Thân Kiến, thứ hai là Biên Kiến, thứ ba là Kiến Thủ Kiến, thứ tư là Giới Thủ Kiến, thứ năm là Tà Kiến. Năm loại lớn này, quý vị có thể đoạn trừ hay chẳng? Thật sự đoạn trừ, quý vị làm được 4 câu trong kinh *Kim Cương*: “*Vô ngã tướng. Vô nhân tướng. Vô chúng sinh tướng. Vô thọ giả tướng*”, thì mới đoạn được. Chúng ta hãy tự hỏi chính mình có thể làm được hay không? Làm không được! Đúng là khó! Từ vô thủy kiếp tới nay đã chấp trước thân này là ta.

Nay đức Phật bảo “thân này chẳng phải là ta”, quý vị đừng vì cái thân mà bận tâm. Bận tâm vì cái thân chính là tạo oan nghiệt. Thân chẳng phải là ta, mà là gì? Thân là cái ta có, giống như y phục. Y phục chẳng phải là ta. Y phục là cái ta

có. Thân thể là cái ta có. Do vậy, quý vị nhất định phải biết, ta bất sinh, bất diệt, ta vĩnh viễn chẳng chết.

Thân thể có sinh diệt, giống như y phục, mặc rách một bộ quần áo bèn đổi bộ khác. Thân chúng ta dùng vài chục năm chẳng còn thuận tiện sử dụng nữa, bèn thay đổi, rất tự tại, rất vui vẻ, đổi lấy quần áo mới. Nhưng khi “thay quần áo” sẽ liên quan đến nghiệp lực của quý vị. Quý vị suốt đời tâm lành, hạnh lành, sẽ càng thay đổi càng tốt đẹp.

Nếu quý vị tâm hạnh bất thiện, càng thay đổi càng tệ: Đời này mang thân người, đời sau đổi thành thân súc sinh, đổi thành thân quỷ đói, càng thay đổi càng tệ! Nhưng bất luận thay đổi thân nào, thân luôn chẳng phải là chính mình, phải hiểu chuyện này! Thế tục thường nói chính mình là gì? Linh hồn là chính mình. Linh hồn chẳng sinh tử, nó đến kiếm thân xác trong lục đạo, đi tìm một cái thân. Tìm một cái thân cũng chẳng phải là tùy theo ý nghĩ của chính mình! Nếu tùy thuộc ý nghĩ của chính mình, chúng ta sẽ tìm lấy thân trời tốt đẹp hơn để hưởng phúc trời. Việc tìm lấy cái thân mới bị chi phối bởi nghiệp lực.

Vẫn là hết thấy các pháp sinh từ tâm tưởng! Tâm quý vị lành, sẽ tìm được cái thân mới toàn là tốt lành. Tâm quý vị bất thiện, cái thân và hoàn cảnh sống mới mà quý vị tìm được cũng bất thiện. Do vậy, biết: Thiện tâm và thiện niệm trọng yếu lắm!

Hiện thời, hoàn cảnh bên ngoài luôn dẫn dụ chúng ta khởi tham, sân, si, mạn. Tham, sân, si, mạn là tâm niệm bất

hảo nhất. Nếu thật sự hiểu nhân quả báo ứng, quý vị sẽ có thể kèm chế chính mình. Theo lý luận nhân quả: “*Nhất ẩm nhất trác, mạc phi tiền định*” (Một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng được định sẵn). Trong mệnh mà có, quý vị sẽ nhất định đạt được. Nếu trong mệnh không có, dùng thủ đoạn như thế nào cũng đều chẳng chiếm được. Tội tình gì mà quý vị phải tạo ác? Chẳng đáng! Phát tài như thế nào? Trong mệnh quý vị có, bất luận quý vị buôn bán gì cũng đều phát tài. Trong mệnh không có, quý vị nghĩ hết mọi cách vẫn chẳng phát tài.

Quý vị cầm súng cướp bóc người khác cũng chẳng thể phát tài! Mới sờ đến súng đã bị cảnh sát thộp cổ! Quý vị chẳng có, thì cần chi nữa! Ông Hồ Tiểu Lâm hiểu rõ đạo lý này. Trước đây, ông đã dùng thủ đoạn bất chính để kinh doanh, buôn bán là trật rồi! Nay, ông đã hoàn toàn sửa đổi sai lầm ấy, thật thà kiếm tiền, doanh số hằng năm đều tăng lên. Ông ta mới hoảng nhiên đại ngộ, vốn chẳng phải là dùng bất thiện thủ đoạn mà hòng kiếm được, chẳng phải vậy! Do thủ đoạn bất thiện mà đạt được, thì vẫn là do trong mệnh của chính quý vị đã có. Nếu trong mệnh quý vị không có, vận dụng thủ đoạn gì cũng chẳng đoạt được!

Do vậy, chúng tôi suy ngẫm: Người Mãn Thanh ở ngoài biên ải^{13[13]} vào Trung Quốc thống trị 260 năm, họ làm được

13[13] Dân Mãn Thanh sống chủ yếu ở vùng Liêu Ninh, tức ở ngoài Sơn Hải Quan. Sơn Hải Quan là cửa ải trọng yếu của cực Đông vùng Trung Nguyên, nằm giữa ranh giới tỉnh Hà Bắc và Liêu Ninh. Sơn Hải Quan thuộc rặng Yên Sơn, địa thế hiểm yếu. Cái tên Sơn Hải Quan do đại tướng Từ Đạt của nhà Minh đặt ra khi vâng chiếu tu bổ Vạn Lý Trường Thành do nhận thấy ải này nằm giữa Yên Sơn và Bột Hải.

là vì mệnh họ có, đất đai ấy là của họ. Nếu chẳng phải là của họ, dùng chiến tranh hay chiếm đóng đều chẳng được. Đúng là *“Nhất ẩm nhất trác, mạc phi tiền định”*. Dùng thủ đoạn chiến tranh để đoạt được vẫn là do trong mệnh của chính mình có, nhưng thủ đoạn chiến tranh là thủ đoạn hết sức tồi tệ!

Quý vị giết bao nhiêu người, gây tổn thất tài sản cho bao nhiêu người dân, đó là điều ác cực lớn, đều có báo ứng, quý vị hưởng hết phúc sẽ mắc quả báo. Làm vua mà làm không tốt, sau khi mất nước, còn phải trả nợ, còn phải thương mạng, đâu có chuyện tiện nghi như vậy! Vì thế, người thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật, vọng niệm hoàn toàn đoạn dứt. Gì là tốt? Vẫn là niệm Phật tốt đẹp, vẫn là vượt thoát lục đạo luân hồi, vượt thoát mười pháp giới là tốt đẹp! Người ấy làm chuyện này, chẳng làm gì khác!



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 13



Tiếp xem *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, dòng cuối, trang thứ 12. Chúng ta xem từ câu thứ 2.

“*Nhược vô như thị vi diệu pháp môn, phàm phu hà năng độ tử sinh tử nghiệp hải, nhi đặng bỉ ngạn*” (Nếu chẳng có pháp môn vi diệu như thế này, phàm phu làm sao có thể vượt qua biển nghiệp sinh tử này, lên được bờ kia). Đây là cụ Niệm Tổ cảm thán vô hạn, nhắc nhở chúng ta: Nếu không có pháp môn này, tức là pháp môn “*Tín nguyện trì danh, vãng sinh Tịnh Độ*” này, có thể nói là chúng sinh đời Mạt pháp sẽ chẳng một ai có thể vượt thoát sinh tử luân hồi trong một đời này. Vì sao nói như thế? Vì tám mươi bốn ngàn pháp môn đều phải tiêu nghiệp chướng, chẳng hề đới nghiệp. Lục đạo do Kiến Tư phiền não biến hiện; đoạn Kiến Tư phiền não thì luân hồi lục đạo chẳng còn nữa!

Quả thật lục đạo giống như một cơn ác mộng; đoạn xong Kiến Tư phiền não sẽ tỉnh giấc mộng. Đó là như đức Phật thường nói trong kinh: “*Hết thấy những gì có hình tướng đều hư vọng*”. Trong kinh, Phật nói điều này rất nhiều. Quý vị quan sát cẩn thận, sẽ thấy đúng như đức Phật đã nói, đức Phật dạy chẳng sai tí nào!

Chúng ta đã luân hồi trong thế gian này chẳng biết bao nhiêu lần, chẳng thể nói rõ được! Do tập khí quá nặng, thời gian quá dài, đức Phật đã giảng rất rõ ràng, rất minh bạch, chúng ta muốn đoạn, nhưng chẳng thể đoạn được. Kiến giải

sai lầm, chấp trước nhục thân này là chính mình, luôn vì thân thể này, tuy thân thể chẳng phải là ta, mà vì nó bèn tự tư tự lợi, mưu cầu tiếng tăm, lợi dưỡng.

Quý vị thấy: Vì ba tác lữ chẳng nát thường muốn nếm ngũ vị. Quý vị nói xem, ta đã vì nó mà tạo bao nhiêu tội nghiệp? Ăn thứ này thứ nọ, nuốt qua khỏi cổ họng sẽ chẳng còn mùi vị gì nữa, chẳng nhận biết nữa, nhưng do ba tác lữ tham đắm vị ngon, cả đời này đã tạo bao nhiêu nghiệp? Thân này không phải là ta, mấy ai giác ngộ? Thân thể này là huyễn tướng, là công cụ; khi mê công cụ này tạo nghiệp; lúc giác ngộ nó bèn tu tập, tích lũy công đức. Chúng ta phải khéo lợi dụng công cụ này, đừng để nó tạo tội nghiệp, phải dùng nó để giúp chúng ta hóa giải oán nghiệp, tiêu trừ chướng ngại. Như vậy là đúng!

Các tổ sư đại đức trong Phật môn chỉ dạy chúng ta hãy “*tá giả tu chân*” (nhờ vào cái giả để tu cái thật). Thân thể này là giả, nhờ vào nó để tu chân. “*Chân*” là chân tính. Chân tính bất sinh bất diệt, đấy mới là chính mình. Do vậy, nói chung, phải nhận biết rõ ràng. Nếu không nhận biết rõ ràng, sẽ mê hoặc. Chỗ tốt đẹp trong môn này là đời nghiệp vãng sinh, có thể mang theo tập khí phiền não từ vô thủy kiếp tới nay đi vãng sinh. Nhưng có điều kiện: Mang theo nghiệp quá khứ, chẳng mang theo nghiệp hiện hành; tức là chỉ có thể mang theo tội nghiệp đã tạo trong quá khứ. Quá khứ là gì? Những gì đã tạo trong ngày hôm qua đều là quá khứ, có thể mang theo được, nhưng nếu lại tạo tác trong ngày hôm nay,

sẽ không thể vãng sinh. Chúng ta mong cầu vãng sinh, tội nghiệp đã tạo trong ngày hôm qua có thể sám hối, hôm nay ta sửa lỗi, đổi mới, ngày hôm nay niệm Phật có thể vãng sinh hay không? Chắc chắn có thể vãng sinh.

Trong trường hợp nào sẽ không thể vãng sinh? Ngày hôm nay vẫn tạo tội lỗi, thì chẳng có cách nào cả! Quý vị thấy pháp môn này thù thắng lắm! Nghiệp chướng trong ngày hôm qua đều có thể mang đi; chỉ sợ lúc lâm chung vẫn tạo nghiệp! Nếu như vậy, thì chẳng có một chút biện pháp nào! Tạo nghiệp gì vậy? Trong hơi thở cuối cùng, vẫn còn ý niệm tư lợi, còn có ý niệm tiếng tăm, lợi dưỡng, còn có ý niệm thấy có kẻ nào xử tệ với ta, ta vẫn chưa báo thù.

Khi những ý niệm ấy khởi lên, sẽ không thể vãng sinh. Đối với người nhà, quyến thuộc thì tham ái. Đối với chính mình thì do có lắm của cải, niệm niệm chẳng buông bỏ. Như vậy là không được rồi! Đều phải bỏ sạch hết, chẳng nhiễm mảy trần, một chút vướng mắc cũng chẳng có, lúc ấy mới có thể vãng sinh. Mấu chốt là một niệm cuối cùng. Do duyên này quá thù thắng, mà cũng quá khó có; Phật, Tổ dạy chúng ta mỗi ngày đều phải nghĩ đến vãng sinh.

Nói cách khác, mỗi ngày đều phải nghĩ buông xuống, triệt để buông xuống, chẳng lưu luyến bất cứ thứ gì. Mỗi ngày đều suy niệm như thế. Ngày hôm nay, đức Phật đến tiếp dẫn, ta lập tức ra đi. Vướng mắc gì cũng chẳng có, như thế thì quý vị sẽ thật sự vãng sinh. Quý vị chẳng thể nói: “Phật A Di Đà hãy

chờ con, con còn có chuyện chưa lo liệu xong xuôi!”. Phật A Di Đà chẳng chờ quý vị, Ngài lại đi mất, quý vị đã bỏ lỡ cơ hội. Vì thế, pháp môn này thật là vi diệu.

“Cố đại bi từ phụ, lưỡng độ đạo sư” (Vì thế, đấng đại bi từ phụ, đấng đạo sư hai cõi). *“Đại bi từ phụ”* chỉ Phật Thích Ca Mâu Ni và Phật A Di Đà. Phật Thích Ca Mâu Ni là Đạo sư trong thế giới này. Phật A Di Đà là Đạo sư của thế giới Cực Lạc.

“Mẫn niệm ngã đẳng, khai thử Tịnh Độ pháp môn, diệu hiển khổ lạc nhị độ, khích dương trầm mê chúng sinh” (Nghĩ thương chúng ta, nên mở ra pháp môn Tịnh Độ này, khéo léo chỉ bày hai cõi sướng và vui, nhằm khích động, cổ vũ chúng sinh đang mê muội chìm đắm).

Mở ra pháp môn này; nói thật ra, pháp môn này là đại từ bi nguyện lực của Phật A Di Đà. Hết thấy chư Phật thành Phật quả thật hoàn toàn bình đẳng, trí tuệ bình đẳng, đức năng bình đẳng, phúc báo bình đẳng. Vì sao các thế giới của chư Phật không giống thế giới Cực Lạc? Đây là do lúc tu Bồ tát đạo, nguyện lực khác nhau. Phật A Di Đà phát nguyện phổ độ hết thấy chúng sinh trong khắp pháp giới hư không giới. Phát nguyện quá lớn như vậy, từ phần bốn mươi tám nguyện trong kinh này, chúng ta sẽ thấy. Quý vị hãy đọc kỹ càng, chư Phật Như Lai có nguyện lực khác nhau.

Vì thế, sau khi thành Phật, Tịnh Độ của chư Phật thắng diệu cũng chẳng giống nhau. Trừ điều đó ra, chẳng có gì không giống nhau. Đức Phật thương xót chúng ta, đặc biệt

là đối với chúng sinh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư phiền não tập khí nặng nề.

Do vậy, cổ đức đã nói: *“Pháp môn này trước là độ phàm phu, sau là độ thánh nhân”*. Lời này là thật, chẳng giả! Phàm phu trọn đủ ba điều kiện “Tín, Nguyện, Trì danh niệm Phật”. Đầy đủ ba điều kiện này sẽ thành công. Do mở ra pháp môn này là pháp môn đặc biệt ở ngoài 84.000 pháp môn, nên gọi là *“môn dư đại đạo”* (con đường to lớn nằm ngoài các pháp môn). *“Diệu hiển khổ lạc nhị độ”*: Thế giới Cực Lạc sung sướng, thế giới Sa Bà khổ sở.

Lúc tôi mới học Phật vào 60 năm trước, thấy kinh *Vô Lượng Thọ* giảng những khổ báo của chúng sinh. Lúc đó, tôi cảm thấy Phật Thích Ca Mâu Ni nói hơi phóng đại một chút, thế gian này đâu đến nỗi khổ sở dường ấy? Nhưng đến hiện tại thì sao? Nay đọc lại kinh này, Phật Thích Ca Mâu Ni nói chẳng sai tí nào! Ngài nói về thế gian hiện thời của chúng ta!

Trong thế giới này, đúng là chẳng cần biết nghèo, giàu, sang, hèn, quý vị hãy xét xem có ai hạnh phúc? Có ai sống sung sướng trong thế gian này? Người nào sống trong thế gian này có cảm giác an toàn? Tìm không ra!

Nay, chúng ta vì sao chẳng có phúc báo Nhân Thiên như trong kinh đã dạy? Phúc báo ấy đi đâu rồi? Thật ra là có phúc báo, nhưng đã bị chính chúng ta phá hỏng! Vì sao? Chúng ta sống chưa ra người. Điều kiện tối thiểu để được coi là con

người là “*nhân giả ái nhân*” (người có lòng nhân yêu thương con người). Sách *Đệ Tử Quy* chép: “*Phàm thị nhân, giai tu ái*” (Phàm là người, đều phải yêu thương). Người có lòng nhân, yêu thương con người. Nghĩ đến chính mình, đồng thời nghĩ đến người khác, đó là Nhân. Chỉ nghĩ tới mình, chẳng nghĩ tới ai khác, sẽ chẳng phải là Nhân.

Cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta: Chỉ có con người biết báo ân, tri ân, báo ân. Báo ân thì điều thứ nhất là báo ân cha mẹ. “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*”, trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta điều này. Nay chúng ta chẳng biết ân cha mẹ, mà cũng không biết ơn thầy. Nói thật ra, hiện thời kẻ làm cha mẹ chẳng biết làm tròn trách nhiệm của cha mẹ, luôn bận bịu với công chuyện của chính mình.

Con thơ chẳng do chính mình nuôi dạy, toàn là giao cho người khác chăm bẵm, thiếu sót bốn phần đối với con, chẳng có ơn nghĩa với con, làm sao trẻ nhỏ biết báo ân? Thầy chẳng dạy học trò, chẳng thật sự dạy. Vì thế, học trò cũng chẳng biết cảm kích ơn thầy! Vấn đề này hết sức phức tạp. Vì lẽ gì xã hội trở thành nông nổi này? Bắt chước nói theo một câu trong Phật pháp, “*là do vô lượng nhân duyên*”. Rất phức tạp!

Đức Phật dạy chúng ta dùng tâm thái gì để sống, để ứng phó với xã hội hiện tiền? Đức Phật nói rất hay, chính quý vị phải nhận biết: “*Tổ tiên bất thiện (vô tri)*” (Tổ tiên chẳng lành (vô tri)). Kinh *Vô Lượng Thọ* đã nói như vậy. Cha mẹ

chúng ta chẳng biết. Vì sao cha mẹ không biết? Ông bà không biết, chẳng dạy họ. Vì sao ông bà không biết? Ông bà cố chẳng dạy.

Trong kinh điển, đức Phật giảng hai cõi sướng và khổ, nay chúng ta hoàn toàn thấu hiểu, nhưng phải nhớ lời Phật khai thị: “*Tổ tiên bất thiện (vô tri), bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả*” (Tổ tiên bất thiện, chẳng biết đạo đức, không có ai nói). Không có ai giảng cho chúng ta, chúng ta làm chuyện sai quấy, đức Phật khoan hồng độ lượng, tha thứ, chẳng trách móc, chẳng chỉ trích chúng ta.

Chúng ta cũng phải dùng tâm thái này để đối đãi hết thảy chúng sinh làm ác trong hiện tại, cũng phải giống như đức Phật khoan dung đối với bọn họ. Bọn họ đáng thương. Vô tri mà!

Hiện thời, khắp thế giới xã hội động loạn, tai nạn liên tiếp xảy ra, có phương pháp nào cứu vãn hay chẳng? Phương pháp có chứ! Trước đây đã từng có người hỏi tôi, người ấy nói: Khi chúng tôi còn thơ, hễ gặp khó khăn sẽ nhờ cha mẹ hướng dẫn cách giải quyết.

Nay chúng ta gặp khó khăn thì phải làm sao? Vẫn theo lệ ấy! Tìm đến tổ tiên, vấn đề sẽ được giải quyết, thật sự có thể giải quyết. Tổ tiên không còn trên đời, nhưng trí tuệ và kinh nghiệm của tổ tiên truyền lại. Ở nơi đâu? Trí tuệ của tổ tiên ở trong kinh điển. Quý vị thấy những gì được biên tập trong

Tứ Khố Toàn Thư là kinh, sử, tử, tập^{14[2]}. Trí tuệ ở trong kinh và tử, còn kinh nghiệm thì sao? Kinh nghiệm trong phần sử. Quý vị tìm tòi trong lịch sử, chắc chắn có phương pháp giải quyết. Cổ nhân biết rõ ràng, sợ người đời sau sơ sót, nên đã đặc biệt nêu ra một chân lý vĩnh hằng không thay đổi, đó là chân lý gồm 8 từ: “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (Xây dựng đất nước, cai trị dân chúng, giáo dục làm đầu).

Dùng phương pháp gì để giải quyết vấn đề? Giáo học! Giáo học có thể giải quyết vấn đề. Nói theo căn bản Phật pháp, đức Phật biết khổ và sướng, khéo léo chỉ bày khổ và sướng. Khổ do đâu mà có? Do mê hoặc, điên đảo mà có! Quý vị mê rồi bèn làm chuyện sai trái, sẽ bị khổ báo, mê mất rồi! Nếu quý vị giác ngộ, tỉnh ngộ, sẽ chẳng làm chuyện ác, sẽ đoạn ác làm lành, bèn lìa khổ, được vui. Đây là một đại tiền đề, một đại nguyên tắc.

Nay chúng sinh khổ như thế, không ai dạy. Dạy gì? Dạy con người giác ngộ. Đó là giáo dục. Không phải là dạy khoa

14[2] Kinh, sử, tử, tập là cách phân chia truyền thống các sách vở của Trung Hoa, *Tứ Khố Toàn Thư* cũng được phân loại nội dung theo cách này.

1. Kinh bao gồm những tác phẩm giảng giải về chính trị, luân lý, đạo đức, chủ yếu là những tác phẩm truyền thống kinh điển của Nho gia như *Tứ Thư*, *Ngũ Kinh*, *Xuân Thu Công Dương Truyện*, *Xuân Thu Cốc Lương Truyện*, *Nhĩ Nhã* v.v...

2. Sử là những tác phẩm ghi chép sự kiện lịch sử, điển chương, chế độ, địa lý, lại được chia thành nhiều tiêu loại như chánh sử, biên niên, bản sử, kỷ sử bốn mặt, biệt sử, tạp sử, chiếu lệnh, tấu nghị, sử ký v.v... Kể cả những tác phẩm đánh giá, bình luận sự kiện lịch sử.

3. Tử bao gồm các trước tác của bá gia chư tử, Nho gia, Phật, Đạo gia, chia thành các tiêu loại như Nho gia, binh gia, nông gia, pháp gia, y gia, thiên văn, toán pháp, thuật số, nghệ thuật, ký lục, tạp gia, sổ thư (sách bói toán), tiểu thuyết gia v.v...

4. Tập bao gồm các tác phẩm trước tác của các danh sĩ các đời như tản văn, biên văn, thơ, từ, ca khúc, bình luận văn học, bút ký v.v...

học, kỹ thuật, đó không phải là giáo dục. Người xưa nói tới “*giáo dục*”, thì giáo dục có nghĩa là dạy con người giác ngộ. Đó là giáo dục. Chúng ta phải hiểu rõ chuyện này! Cổ thánh tiên hiền dạy con người giác ngộ từ nhỏ, hiểu mối quan hệ giữa con người với nhau, sẽ mới có thể suốt cuộc đời sống hạnh phúc mỹ mãn, sẽ có quan hệ cư xử hết sức tốt đẹp; quan hệ cư xử tốt đẹp thì gọi là “*đức*”.

Thông hiểu mối quan hệ nhân quả, không chỉ chẳng làm chuyện ác, mà ngay cả ác niệm cũng chẳng dấy lên. Thiện có thiện báo, ác có ác báo. Tâm quý vị thiện, tư tưởng thiện, ngôn ngữ thiện, hành vi thiện, quý vị suốt đời hưởng phúc báo bất tận. Phúc báo do vậy mà có! Người thế gian coi hưởng thụ vật chất là phúc báo. Thật ra, đó là một phần nhỏ trong phúc báo. Của cải là do trong bốn mệnh có. Trong bốn mệnh có bao nhiêu, quý vị chẳng có cách nào cưỡng cầu.

Quý vị muốn vượt hơn số lượng của cải đã định sẵn trong số mệnh, đó là chuyện không thể nào xảy ra được! Sẽ chẳng làm được! Trong bốn mệnh quý vị đã có, mong giảm bớt một chút cũng chẳng giảm được! Quý vị có của cải, phúc lộc như thế nào? Trong đời quá khứ đã gieo nhân, đời này quả báo hiện tiền. Của cải là quả báo, bố thí tài vật là nhân. Đời này là phú ông giàu có vạn ức, kiếp trước tu Tài Bố thí khá nhiều, đến khắp nơi phân phát của cải.

Khi thấy kẻ bần cùng cần đến, chẳng mảy may keo kiệt, đến đời này suốt đời được giàu có lớn, tiền của đưa đến

như thế đó! Thông minh, trí tuệ là quả báo, trong đời quá khứ tu Pháp Bố thí. Khỏe mạnh trường thọ là quả báo, trong đời quá khứ tu Vô úy Bố thí. Tu ba thứ bố thí này, sẽ đạt được ba thứ quả báo: Tiền của, thông minh trí tuệ, và khỏe mạnh, trường thọ. Trong đời quá khứ chẳng tu, nếu đời này may mắn, gặp cao nhân chỉ điểm, quý vị có thể tin tưởng, tu trong đời này vẫn kịp.

Tôi là một kẻ may mắn, khi còn trẻ, ba thứ phú quý, trí tuệ, thọ mạng, tôi đều không có. Có rất nhiều người xem tướng, đoán mạng cho tôi, họ nói: Trong bốn mệnh tôi, của cải trống trơn, có số ăn mày, còn được một chút thông minh trí tuệ; suốt đời này muốn chuyển biến phải dựa vào đó. Tôi tin! Chẳng Vô úy Bố thí nên đoán mạng, tôi tin tưởng. Người ở quê tôi đều biết: Đời ông cố tôi còn khá, đến đời ông nội tôi gia cảnh đã lụn bại, đến đời cha tôi nghèo túng không có mảnh đất cắm dùi, chẳng có được một mẫu ruộng nào ở quê nhà, không có nhà cửa để ở!

Một mình tôi theo các bạn học đến Đài Loan, gặp được văn hóa truyền thống, gặp được Phật pháp. Chương Gia Đại sư khuyên tôi xuất gia, vì tôi một thân một mình chẳng phải lo lắng gì. Số mệnh tệ quá, chẳng có của cải gì, Ngài dạy tôi tu. Lão nhân gia dạy tôi tu Tài Bố thí. Tôi thưa: “Con cơm còn chưa đủ ăn, lấy đâu ra mà bố thí tiền của?”. Ngài hỏi tôi: “Có các nào hay chẳng?”. Một các thì được! “Một đồng tiền có hay chẳng?”. Miễn cưỡng thì một đồng cũng được! “Anh hãy bố thí từ một các, một đồng, phải có ý niệm

bố thí, phải có cái tâm này. Hễ gặp cơ hội, anh liền tu, thật sự làm!”. Khi ấy, tôi đã hiểu, biết Phật pháp chẳng phải là mê tín. Tôi thường đến chùa miếu. Tới chùa miếu để làm gì? Tìm đọc kinh sách.

Do thuở ấy, chẳng thể mua kinh Phật ngoài phố, chẳng thể mua kinh sách được, chỉ có trong chùa miếu Phật giáo mới có kinh Phật. Nhà chùa có Tàng kinh lâu, có thư viện, có thể mượn đọc. Kinh điển trọng yếu như *Đại Tạng Kinh* không cho mượn về, nên tôi chỉ đành lợi dụng ngày cuối tuần hay ngày nghỉ đến đó sao chép. Vì thế, gặp gỡ mấy vị cư sĩ, khi đó, chúng ta còn chưa gọi họ là cư sĩ, cầm cuốn sổ nhỏ đến hóa duyên in kinh. Mọi người tùy hỷ bỏ ra chút ít. Gặp tôi, tôi ghi hai cắc, ba cắc, năm cắc, tôi chỉ có sức đến đó. Thầy dạy tôi như thế.

Còn có phóng sinh. Phóng sinh cũng là góp tiền, chúng tôi cũng đóng góp một chút như thế, bắt đầu làm. Càng làm, hoàn cảnh càng tốt đẹp hơn. Quý vị thấy trong 10 năm gần đây, mỗi năm tôi bố thí để làm những thiện sự gần như là một ngàn vạn Mỹ kim (10 triệu USD). Tôi nằm mộng cũng không ngờ là càng thí càng nhiều! Bố thí Pháp tăng trưởng thông minh, trí tuệ.

Theo số mạng của tôi là 45 tuổi, tôi đã sống lâu hơn tuổi đó. Đó là gì? Bố thí Vô úy. Trong đó, thứ nhất là ăn chay, không kết oán cừu với chúng sinh. Tôi ăn chay đến năm nay là 59 năm, sang năm là 60 năm, ăn chay, chẳng kết oán cừu

với chúng sinh! Phóng sinh, bố thí thuốc men. Bố thí thuốc men sẽ không sinh bệnh. Vì thế, tôi bảo mọi người: Vì sao tôi không thể bị bệnh? Không có tiền thuốc thang, tiền thuốc thang đem bố thí hết rồi! Nếu tôi để dành một khoản tiền chữa bệnh, chắc chắn phải ngã bệnh. Vì sao?

Quý vị đã chuẩn bị kỹ lưỡng, khoản tiền ấy dùng để chữa bệnh, chắc chắn quý vị phải sinh bệnh, thì mới dùng khoản tiền ấy được! Do vậy, tôi đem khoản tiền thuốc men tặng cho bệnh viện để bố thí cho người nghèo cùng mắc bệnh, giúp đỡ họ. Hàng năm, tôi giúp cho họ hơn hai mươi vạn. Do tiêu hết khoản tiền thuốc nên khỏe mạnh, trường thọ, sẽ không thể ngã bệnh, chẳng mắc bệnh.

Những chuyện này đều do thầy dạy. Tôi tin tưởng thầy, y giáo phụng hành, cho nên đời này sống rất tự tại, sống rất hạnh phúc. Hạnh nghiệp này là đi theo con đường của Phật Thích Ca Mâu Ni. Phật Thích Ca Mâu Ni suốt đời dạy học, chỉ dạy học, chẳng làm chuyện gì khác!

Nay chúng ta thật sự hiểu rõ: Chỉ có giáo học là có thể giúp hết thảy chúng sinh lìa khổ được vui. Khổ vui là quả báo, nhân là mê ngộ, giáo học giúp chúng sinh phá mê khai ngộ, là cái quả tự nhiên, lẽ nào Ngài chẳng lìa khổ được vui? Nhìn lại, tôi thấy tất cả những vị sáng lập tôn giáo đều là những người hết sức lỗi lạc. Vì sao? Đều là giáo học. Thuở tại thế, Gia Tô (Jesus) dạy học 3 năm, Ngài bị người ta hại chết. Nếu chẳng bị kẻ khác hại chết, tôi tin Ngài sẽ

giống như Phật Thích Ca Mâu Ni, suốt đời dạy học. Mục Hãn Mặc Đức (Mohammed, Muhammad) dạy học 27 năm.

Thời gian Phật Thích Ca dạy học dài nhất, 49 năm. Dạy học vui sướng, nâng cao đức hạnh và trí tuệ của chính mình, giúp người khác phá mê khai ngộ. Vì thế, để cứu văn phong khí xã hội hiện thời, dùng phương pháp gì? Dạy học.

Nếu quốc gia nào hiểu rõ, người lãnh đạo đất nước giác ngộ, hiểu rõ, lợi dụng đài truyền hình và mạng Internet của đất nước để dạy những khoa mục luân lý, đạo đức, nhân quả. Những khoa mục ấy đều giúp cho con người giác ngộ, tôi tin tưởng quốc gia ấy tối đa sau một năm, xã hội sẽ an định, vấn đề sẽ được giải quyết.

Trong quá khứ, tôi đã bàn với nhiều người, trong khi giảng kinh cũng nhắc tới, hiện thời, quốc gia cần loại nhân tài nào bức thiết nhất? Giáo viên giáo dục truyền thống. Nếu đất nước có thể bồi dưỡng năm mươi, sáu mươi giáo viên, thiết lập một đài truyền hình chuyên phát sóng trong hai mươi bốn giờ, thì sức mạnh của năm mươi, sáu mươi giáo viên ấy sẽ hơn năm trăm vạn đại quân. Trong thời gian một năm, có thể đưa quốc gia xã hội theo đúng quỹ đạo. Ai nấy đều giác ngộ, tai nạn sẽ hóa giải, ngay cả thiên tai cũng chẳng còn!

Do vậy, nay chúng ta mới thật sự thấu hiểu dụng tâm giảng kinh của đức Thế Tôn từ hơn hai ngàn năm trăm năm trước. Dụng tâm chân thật nhằm khích phát, cổ vũ chúng

sinh đang mê muội, chìm đắm. Chúng ta đã giác ngộ, hãy giúp người khác giác ngộ. Chúng ta biết phương pháp này, phải giúp đỡ những vị đại đức có địa vị, có cơ duyên.

“Thử đại hỏa tụ, bỉ thanh lương trì” (Cõi này là đồng lửa lớn, cõi kia là ao thanh lương). Thế giới này quá nhiều khổ nạn, “đồng lửa lớn” là giống như địa ngục. “Cõi kia” là thế giới Tây Phương Cực Lạc, nơi đó là ao thanh lương. Chúng ta học tập kinh Phật, cũng thường nói đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Thế giới ấy có khác gì thế giới của chúng ta hay chẳng? Chẳng sai khác mấy may! Vì lẽ gì nơi này là đồng lửa lớn, nơi kia là ao thanh lương? Cư dân có tâm tư khác nhau.

Quý vị thấy Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu thế giới Cực Lạc, như trong kinh *Di Đà* đã nói: Thế giới ấy là *“Chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ”*. Người trong thế giới ấy như thế nào? Thượng thiện. *“Thiện”* có tiêu chuẩn, tức là Thập Thiện Nghiệp, chẳng sát sinh, không ăn trộm, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng nói đôi chiều, chẳng ác khẩu, chẳng nói thù dật, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Người thực hiện viên mãn mười điều này chính là thượng thiện! Ai nấy đều như vậy, nên thế giới đó tốt đẹp. Trong kinh điển, đức Phật thường dạy: *“Tướng do tâm sinh, cảnh tùy tâm chuyển”*.

Con người ở bên ấy mang tấm lòng thượng thiện, nên chẳng có gì bất hảo. Tướng mạo con người đẹp đẽ, hoàn

cảnh sống tốt đẹp, tai nạn gì cũng đều không có. Nhìn lại thế giới của chúng ta thì sao? Cũng là “*thượng*”, chẳng khác gì thế giới Cực Lạc, nhưng chẳng phải là thiện, mà là ác, sát sinh, trộm cắp, tà dâm, cho đến tham, sân, si, cũng là làm rất viên mãn, cho nên có phiền phức đưa tới liền! Vì thế, xã hội động loạn, thiên tai, nhân họa liên tiếp xảy ra; bói tung cả thế giới, phú quý hay bần tiện đều chẳng có cảm giác an toàn, đều chẳng cảm thấy hạnh phúc. Quý vị nói thử xem, thế giới chúng ta đang sống đây có đáng thương quá hay chẳng? Chúng ta có cảm giác an toàn đôi chút, không bị sợ hãi, có cảm giác hạnh phúc, là vì sao?

Chúng ta chỉ biết chắc chúng ta sống sót ngày hôm nay, chẳng nghĩ đến ngày mai, cho nên hôm nay phải rất hạnh phúc. Chuyện đáng nên làm bèn thực hiện tốt đẹp, toàn bộ những chuyện chẳng nên làm đều buông xuống, chẳng lo nghĩ. Nếu nghĩ đến ngày mai, sang năm, năm sau, sẽ rắc rối. Quyết định không có ý niệm này, niệm niệm tưởng sinh về thế giới Cực Lạc, niệm niệm nghĩ tới Phật A Di Đà. Nói chung, ta có một ngày để nghĩ đến Ngài, chẳng nghĩ chi khác! Nhớ Phật A Di Đà là thượng thiện. Phật A Di Đà là bậc thượng thiện, Thập Thiện nghiệp đều viên mãn.

“*Bảo liên tại tiền, đao sơn tại hậu*” (Sen báu trước mặt, núi đao sau lưng). Chuyện này là do chúng ta chọn lựa. Chọn lựa thế giới Tây Phương Cực Lạc, thì ao sen bảy báu ở trước mặt. Nếu không đến được thế giới Cực Lạc, vẫn muốn ở lại thế giới này, thì núi đao sẽ ở sau lưng. Đó là gì? Địa ngục! Địa

ngục Dao sơn đấy! Quý vị tiến lên trước, hay lùi về sau? Quý vị hãy liễu giải chân tướng sự thật này.

“Ư thị, tự nhiên sinh khởi thắng nguyện, yếm ly Sa Bà, cầu sinh Cực Lạc” (Do vậy, tự nhiên sinh khởi ý nguyện thù thắng, chán lìa Sa Bà, cầu sinh Cực Lạc). Quý vị phải thật sự biết. Vì sao? Cầu sinh Cực Lạc thì mới có thể buông xuống, chẳng còn tham luyến thế gian này, chẳng còn tạo nghiệp luân hồi. Không chỉ chẳng tạo nghiệp luân hồi, mà cái tâm luân hồi cũng phải đoạn. Đoạn cái tâm luân hồi như thế nào? Đặt cái tâm của Phật A Di Đà ở chính giữa tâm mình, hết thấy các tạp niệm khác đều vứt bỏ, tâm luân hồi sẽ chẳng còn! Tâm quý vị sẽ là tâm Phật A Di Đà.

Vì thế, đối với khóa tụng sáng tối của các đồng học Tịnh Tông chúng ta, trong khóa sáng, chúng ta chưa thể niệm toàn bộ kinh *Vô Lượng Thọ*. Tôi khuyên mọi người trong khóa sáng hãy niệm phẩm thứ sáu, tức phần bốn mươi tám nguyện. Phải đem bản nguyện của Phật A Di Đà biến thành bản nguyện của chính mình. Ta và Phật A Di Đà đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh, há còn chẳng thể vãng sinh ư? Chắc chắn vãng sinh! Khóa tối, chúng ta chọn từ phẩm ba mươi hai tới phẩm ba mươi bảy, nhằm sám trừ nghiệp chướng. Đoạn kinh văn này giảng gì? Giảng Ngũ Giới, Thập Thiện.

Dùng tiêu chuẩn này để tu chỉnh khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi tạo tác của chúng ta. Phải thật sự hành

Thập Thiện, phải thật sự đoạn bất thiện. Đọc hằng ngày, học hằng ngày, giảng hằng ngày, quý vị nói có phải là sung sướng, hạnh phúc lắm hay không? Chẳng phải là giảng cho người khác nghe, mà là giảng cho chính mình nghe. Người khác là bàng thính (nghe ké), chính mình thật sự học. Mỗi ngày nâng cao cảnh giới và đức hạnh của chính mình, tăng trưởng trí tuệ của chính mình. Trong thế gian này còn có chuyện gì tốt đẹp hơn chuyện này? Thật sự thông đạt đạo lý, thật sự hiểu rõ, tự nhiên quý vị có thể buông xuống, buông Sa Bà khổ sở xuống, đạt được Cực Lạc sung sướng. Thật tâm cầu sinh Cực Lạc.

“Ký sinh tín nguyện, cánh trì danh hiệu, tiện đắc độ thoát” (Đã sinh tín nguyện, lại còn trì danh hiệu, liền được độ thoát). Vì sao người niệm Phật chẳng thể vãng sinh? Lòng tin chẳng đủ, người ấy hoài nghi! Vì sao hoài nghi? Liễu giải Lý, Sự chưa đủ thấu triệt. Vì sao đức Phật giảng kinh, thuyết pháp mỗi ngày? Giảng kinh, thuyết pháp nhằm mục đích giúp mọi người đoạn nghi, sinh tín. Nếu là chân tín, sẽ có thể chẳng cần nghe kinh, mà cũng có thể chẳng cần niệm kinh. Phải hiểu đức Phật giảng kinh nhằm mục đích giúp chúng ta đoạn nghi rồi mới sinh tín. Sau khi đoạn nghi, sinh tín, quý vị thật sự phát nguyện, hiểu luân hồi thật sự khổ sở, chẳng thể luân hồi nữa!

Trong dĩ vãng đã luân hồi nhiều như vậy, chẳng có cách nào tín toán số năm. Luân tính kiếp số sẽ là vô lượng kiếp, khổ không thể nói nổi! Nay đã hiểu rõ, minh bạch rồi, ngày

hôm nay đã gặp cơ hội này, nhất định có thể thoát ra, nương theo pháp môn này sẽ thật sự có thể vượt thoát. Chẳng dễ gì gặp được dịp này, cư sĩ Bành Tế Thanh vào đời Thanh trước kia đã nói: “*Hy hữu nan phùng chi nhất nhật*” (Một ngày hiếm có khó gặp), hay như trong phần trước đã nói: “*Vô lượng kiếp lai, hy hữu nan phùng*” (Hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay), ngày hôm nay quý vị đã gặp, nếu có thể nắm chắc, sẽ thành Phật ngay ngày hôm nay! “*Tiện đắc độ thoát*” (Liền được độ thoát): Độ thoát là vĩnh viễn thoát ly mười pháp giới, không chỉ là lục đạo, mà là thoát ly mười pháp giới. Thế giới Cực Lạc không thuộc trong mười pháp giới, hoành siêu mà!

“*Sinh bỉ quốc dĩ*” (Sinh sang cõi ấy), quý vị đã đến thế giới Cực Lạc, “*Kiến Phật văn pháp, đắc vô thượng ngộ*” (Thấy Phật, nghe pháp, đắc vô thượng ngộ). Chúng ta niệm niệm mong cầu điều này. Tới thế giới Cực Lạc gặp A Di Đà Phật, đồng thời gặp hết thầy chư Phật mười phương ba đời. Kinh *Di Đà* mà quý vị thọ trì do Ngài Cưu Ma La Thập dịch. Trong bản dịch này ghi Phật ở sáu phương; bản dịch của Huyền Trang Đại sư ghi Phật ở mười phương.

Kinh *Vô Lượng Thọ* ghi Phật ở mười phương; hết thầy chư Phật mười phương ba đời quý vị đều thấy. Vì sao? Thế giới Cực Lạc không có các chiều không gian và thời gian. Nhưng trong thế gian này, thì có các chiều không gian và thời gian, còn trong thế giới Cực Lạc thì không có. Không có thời gian, thì quá khứ và vị lai, quý vị đều thấy. Không có

không gian, sẽ chẳng có khoảng cách. Khoảng cách xa đến mấy vẫn ở ngay trước mặt, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn!

Vì thế, quý vị thân cận hết thấy chư Phật Như Lai, mười phương thế giới chẳng tốn một tí công sức nào, chẳng mất công giờ chân, chẳng tốn sức bước một bước nào, mười phương Phật đều ở tại trước mặt. Khoa học kỹ thuật hiện thời vẫn chưa đạt tới mức này! Nay chúng ta do màn hình TV, cảnh tượng nơi xa xôi cũng có thể thấy giống như đang đối diện. Nhưng cảnh tượng ấy là cảnh tượng phẳng lì. Người trong cảnh tượng ấy chẳng thể bước ra trò chuyện với ta, còn thế giới Tây Phương là thật sự đối diện.

Do vậy, chúng tôi nói: Khoa học còn thua thế giới Cực Lạc rất xa! Tôi không ngừng cổ vũ, khuyến khích các khoa học gia hãy tới thế giới Cực Lạc du học. Phật A Di Đà là đại khoa học gia, thật sự lỗi lạc, phải theo Ngài học tập. Thấy Phật có lợi gì? Nghe Phật thuyết pháp chúng ta sẽ khai ngộ. “*Đắc vô thượng ngộ*”. Vô thượng ngộ là khai ngộ viên mãn đến tột cùng. Đó là gì? Minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật. Vì vậy, tới thế giới Cực Lạc thành Phật rất dễ dàng. Quý vị có quá nhiều cơ hội, mỗi ngày đều tiếp xúc vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, cúng dường các Ngài, lễ bái, tu phúc báo, nghe kinh là khai trí tuệ. Đến thế giới Cực Lạc để làm gì? Chính là để làm hai chuyện ấy!

“*Do hữu niệm nhi nhập vô niệm, nhân vãng sinh nhi khế vô sinh*” (Do hữu niệm mà nhập vô niệm, do vãng sinh mà

khế nhập vô sinh). Hữu niệm là phàm phu, vô niệm là Phật. Hữu niệm là có niệm gì? Khởi tâm động niệm, kinh Đại thừa gọi khởi tâm động niệm là Vô Minh phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là hữu niệm. Những thứ này chẳng còn nữa, thì người ấy đã thành Phật.

Lục căn của Phật đối trước cảnh giới lục trần chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, quý vị chẳng thể nói Ngài vô niệm. Ngài giảng kinh, thuyết pháp giáo hóa chúng sinh, chẳng thể nói Ngài hữu niệm. Do nguyên nhân gì? Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm là thanh tịnh tịch diệt, tự tính bản thể hiện tiền; chúng sinh có cảm, Phật bèn có ứng. Ứng là khởi tác dụng, tác dụng có thể hiện tướng.

Quý vị có thể thấy Phật, Bồ tát, có thể thân cận Phật, Bồ tát, hễ có nghi hoặc, Phật, Bồ tát có thể giúp quý vị giải quyết. Đây là từ Thể khởi Dụng. Thể là thật, vĩnh hằng bất diệt; Tướng là giả, sinh diệt trong từng sát na. Vì thế, chẳng thể nói Tướng là có, chẳng thể nói Thể là không! Những khái niệm này đều là sự tưởng tượng hư vọng của lục đạo chúng sinh. Chúng ta quá quen thuộc với chúng, cứ tưởng chúng là những chuyện rất bình thường. Thật ra, hoàn toàn sai lầm!

Do vì những thứ này, nên không thoát khỏi luân hồi trong lục đạo, hãy nên buông xuống. Nhưng nói dễ, làm khó! Tịnh Tông thuận tiện, tức là dùng một câu danh hiệu “A Di Đà Phật” để thay thế tất cả những quan niệm hư huyền. Ý niệm

vừa mới dấy lên, bèn A Di Đà Phật, chẳng cho có ý niệm thứ hai. Vì sao? Phật hiệu là tín hiệu liên lạc giữa chúng ta ở nơi đây và thế giới Tây Phương Cực Lạc đạo sư A Di Đà Phật.

Quý vị niệm câu Phật hiệu này để liên lạc với Ngài. Liên lạc mỗi ngày, thời thời khắc khắc liên lạc, vứt bỏ hết những thứ khác, chúng ta dùng đường dây liên lạc này sẽ thông suốt, ắt có cảm ứng đạo giao. Nay, chúng ta dùng một câu A Di Đà Phật là hữu niệm, khi tới thế giới Tây Phương Cực Lạc sẽ chứng đắc vô niệm. Do vãng sinh mà kế nhập vô sinh. Do phương pháp này, ta bèn vãng sinh, đến thế giới Cực Lạc bèn chứng đắc vô sinh. Vô sinh là chẳng còn sinh tử. Thế giới Tây Phương Cực Lạc quả thật là như vậy. “*Đốn ngộ thử tâm, bản lai bình đẳng*” (Đốn ngộ cái tâm này vốn bình đẳng). Bình đẳng là Phật tâm, quý vị thật sự tìm được chính mình.

“*Đường Hải Đông Nguyên Hiếu sư vân*” (Sư Nguyên Hiếu ở Hải Đông vào đời Đường đã nói). Đường là nhà Đường, Hải Đông là Hàn Quốc hiện thời. Hàn Quốc có một vị pháp sư tên là Nguyên Hiếu (Wonhyo)^{15[3]}, Ngài sang Trung Quốc học, thân cận Thiện Đạo Đại sư, làm đệ tử của Thiện Đạo Đại sư, sau khi trở về nước giáo hóa một phương, là bậc đại

15[3] Ngài Nguyên Hiếu (617-685) là một vị cao tăng Hàn Quốc, tục danh Tiết Tư (Seolsa), thụy hiệu Hòa Tịnh Quốc Sư, biệt hiệu Tây Cốc Sa Di, quê ở Khánh Sơn (Gyeongsan), sống vào thời đại Tân La (Sylla). Sư là bạn thân của sư Nghĩa Tương (Uisang) sáng tổ tông *Hoa Nghiêm* của Hàn Quốc. Ngài Nguyên Hiếu trước tác vô cùng phong phú, chủ giải cả trăm loại kinh luận khác nhau (có sách nói Ngài biên soạn đến 240 bộ chú giải), nên có mỹ hiệu là Bách Bộ Luận Chủ. Sư được coi là sơ tổ của Hải Đông Tông, tức tông phái chuyên nghiên cứu về Pháp Tướng tại Hàn Quốc. Sư đặc biệt có ảnh hưởng lớn lao đến sự nghiên cứu các giáo nghĩa *Hoa Nghiêm*, Duy Thức và Như Lai Tạng trong Phật giáo Hàn Quốc. Do quá lỗi lạc, vua Tân La là Vũ Liệt Vương đã ép Ngài phải lấy công chúa Dao Thạch làm vợ, sinh hạ một trai là Tiết Thông (Seol Chong). Tiết Thông cũng là một nhà nghiên cứu Nho học lỗi lạc thời ấy.

đức của Tịnh Tông Hàn Quốc. Ngài nói như sau: *“Tứ thập bát nguyện, tiên vị phàm phu, kiêm vị tam thừa thánh nhân”* (Bốn mươi tám nguyện trước là vì phàm phu, sau là vì kèm thêm thánh nhân trong tam thừa).

Nói rất hay. Nếu chẳng kế nhập cảnh giới sẽ không thể nói ra lời này! Từ cảnh giới này, chúng ta cảm ơn Phật Di Đà, Phật Thích Ca vô hạn. Vì sao? Không do pháp môn này, phàm phu chúng ta chẳng thể thành tựu. Do pháp môn này mà thành tựu của chúng ta vượt trội tam thừa thánh nhân. *“Tam thừa”*: Đại thừa là Bồ tát, Trung thừa là Bích Chi Phật, Tiểu thừa là A La Hán; vãng sinh Thế giới Tây Phương Cực Lạc vượt trội các vị ấy. Các Ngài gặp nhiều khó khăn hơn chúng ta. Vì sao? Các Ngài có chấp trước, có Sở Tri Chướng, chẳng tin tưởng pháp môn này. Tuy chúng ta có chướng ngại, nhưng do thiện căn đời trước sâu dày, nói thật thà là chúng ta vừa nghe pháp môn này bèn hoan hỷ, vừa nghe đã muốn thật sự học, thật sự muốn sang thế giới Cực Lạc.

Tuyệt đối chẳng phải chỉ trong một đời này, mà là trong quá khứ chắc chắn đã học pháp môn này. Vì thế, vừa tiếp xúc, chúng tử thiện căn trong A Lại Da bèn dẫn khởi sự tu tập trong đời trước, nên mới sinh khởi sức mạnh khiến tín nguyện kiên cố. *“Khả kiến Tịnh Độ Tông chi diệu, thủ vị phàm phu đắc độ”* (Có thể thấy điều mầu nhiệm của Tịnh Độ Tông là làm cho phàm phu đắc độ trước tiên). Đây là sự hay khéo của Tịnh Tông.

Chúng ta xem tiếp đoạn thứ ba: *“Tha lực diệu pháp, thiện hộ hành nhân”* (Diệu pháp tha lực, khéo hộ trì hành nhân). *“Kỳ tha pháp môn toàn bằng tự lực, mật thể tu hành đa chư chướng nạn”* (Những pháp môn khác hoàn toàn cậy vào tự lực, tu hành trong đời Mật pháp có lắm chướng nạn). Chúng ta phải ghi nhớ câu nói này! Tám mươi bốn ngàn pháp môn, pháp môn nào cũng đều phải cậy vào tự lực. Tự lực là gì? Đoạn phiên nào, chứng Bồ Đề. Trong thời đại Mật pháp hiện tại, từ nay về sau, tu hành quả thật khó khăn.

Kể đó, sách nêu ra thí dụ: *“Lệ như Lăng Nghiêm trung, quảng minh hành nhân ư Thiền Quán trung chi ngũ thập chủng Ấm Ma can nhiều”* (Chẳng hạn như trong kinh Lăng Nghiêm đã giảng tường tận người tu Thiền Quán bị 50 thứ Ấm Ma quấy nhiễu). Lần này, chúng tôi không giảng về năm mươi thứ Ấm Ma nữa. Nếu giảng 50 thứ Ấm Ma, có lẽ mất 20 tiếng đồng hồ vẫn chưa giảng xong. Nếu quý vị muốn biết, hãy xem kinh Lăng Nghiêm. Đọc kinh Lăng Nghiêm không hiểu thì coi chú giải. Chú giải kinh Lăng Nghiêm rất nhiều; tương đối đơn giản, dễ hiểu thì có thể đọc bộ Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh trong thời cận đại.

“Hành nhân chính kiến sảo thất, tiện hãm ma vông” (Hành nhân hơi mất chính kiến, liền vướng vào lưới ma). Chúng ta phải đặc biệt lưu ý câu này. 50 thứ Ấm Ma, Ấm là Ngũ Ấm, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Trong mỗi Ấm có 10 thứ ma, nên thành 50 thứ. Quý vị thấy Sắc chính là cảnh giới hữu hình bên ngoài, cũng có thể nói là ngoại

giới dụ dỗ, mê hoặc; bốn mươi thứ kia là phiền não trong nội tâm quý vị. Hễ quý vị bị dụ dỗ, mê hoặc, sẽ bị mắc lừa. Chính kiến vừa bị mất đôi chút bèn biến thành ma, tuy quý vị vốn là Phật. Chính kiến là gì? Mỗi tông phái khác nhau, mỗi pháp môn khác nhau, mỗi tông phái, pháp môn có chính kiến khác biệt! Chính kiến trong pháp môn Tịnh Tông là một câu Di Đà, chính tri, chính kiến. Quên mất A Di Đà Phật, tiếng tăm, lợi dưỡng dấy lên, thế là xong rồi! Quý vị rớt vào ma giới.

Quý vị phải biết: Đi theo con đường thế giới Tây Phương Cực Lạc này, nếu bước vào ngõ rẽ mà chẳng lập tức quay lại, chắc chắn sẽ mê mất phương hướng. Đúng là muôn kiếp chẳng trở lại được! Trong một vạn kiếp, quý vị có thể tìm đường trở về hay chẳng? Có vấn đề, chưa chắc đã có thể tìm được lối về. Bởi lẽ, trong quá khứ, lòng người thiện lương, phong tục xã hội thuần hậu, tu hành rất dễ dàng, bên ngoài chẳng dụ dỗ, mê hoặc như trong hiện tại.

Hiện thời, sức dụ dỗ, mê hoặc không chỉ cao hơn quá khứ một trăm lần, đáng sợ quá! Các đồng tu học Phật đã lâu, đã từng học kinh *Lăng Nghiêm*, học kinh Đại thừa đều biết điều này, nhưng có thể đối phó những cảnh giới ấy hay không, rất khó nói! Vì thế, người tu hành bị dọa trong cảnh giới ma quá nhiều!

Ở đây, cụ Hoàng nêu một ví dụ. Quý vị phải từ ví dụ này mà răn dè. Đây là nói về cảnh giới hiện tiền. Khi cảnh giới

Phật hiện tiền: *“Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới, nhược tác thánh giải, tức thọ quần tà”* (Nếu thấy cảnh giới thù thắng hiện tiền tâm chẳng nghĩ là đã chứng thánh thì cảnh giới ấy gọi là cảnh giới tốt lành. Nếu cho là ta đã chứng thánh quả, liền rớt vào các loài tà ma, ngoại đạo).

Nêu ra thí dụ này để nói điều gì? Vừa hơi mất chính niệm, quý vị liền đọa lạc. Trong xã hội hiện thời, cảnh giới này rất nhiều, thấy tướng lành, thấy Phật A Di Đà, thấy các cõi Phật, thật sự có người trông thấy, chẳng giả, thậm chí có mấy người cùng thấy. Trong xã hội hiện tại, còn có những trường hợp quỷ thần dựa thân rất nhiều. Những hiện tượng do ảo giác sinh ra cũng rất nhiều. Trong ấy có rất nhiều cảnh giới Phật, đó là thật hay giả? Sau khi quý vị thấy mà chẳng động tâm, thì cảnh giới ấy là thật. Nếu khi quý vị thấy cảnh giới ấy bèn động tâm, cho là thật thì sai mất rồi!

Quý vị phải biết: Hết thấy cảnh giới hiện tiền, quý vị vẫn như như bất động, những cảnh giới ấy sẽ là thật. Nếu cảnh giới hiện tiền, tín tâm dao động, khởi vọng tưởng, quý vị đã sai mất rồi, bị lừa rồi, vì cảnh giới ấy là cảnh giới ma! Do vậy, cảnh giới là ma hay là Phật chẳng do bên ngoài, mà do nội tâm quyết định. Nội tâm quý vị vẫn là Giới - Định - Tuệ làm chủ, thì cảnh giới bên ngoài đều là cảnh giới Phật; cảnh giới ma vẫn là cảnh giới Phật. Nếu quý vị khởi tâm động niệm, hoặc sinh tâm hoan hỷ, hoặc sinh tâm chán ngán, đều sai cả! Tâm quý vị bị động, hoặc dấy lên tham, sân, si, mạn, là sai mất rồi! Đừng nên bị cảnh giới bên ngoài lay động.

Người ta nói quý vị là vị Phật nào tái lai mà quý vị thật sự nghĩ đúng như vậy thì xong mất rồi, đã đọa vào cảnh ma mất rồi!

Do vậy, trong giáo pháp Đại thừa đã có những tiền lệ. Bồ tát có thể ứng hóa trên thế gian hay không? Có thể! Có thật hay chẳng? Nếu là thật, hể thân phận bị bộc lộ, bèn đi ngay lập tức. Thật đấy, chẳng giả đâu! Thân phận bị bộc lộ mà vẫn không tịch, dùng lời lẽ yêu mị để mê hoặc người khác, đó là đồ giả, chẳng thật! Thuở Ấn Quang Đại sư tại thế, có người nói Ngài là Bồ tát Đại Thế Chí tái lai, lão nhân gia quyết liệt phủ nhận, cảnh cáo nghiêm khắc. Đó là một cô bé, chẳng tin Phật, là học trò Sơ Trung (cấp Hai, Trung học đệ nhất cấp), mộng thấy Bồ tát Quán Thế Âm bảo cô ta: “Gần đây, Bồ tát Đại Thế Chí đang giảng kinh ở chỗ các người”, bảo cô ta hãy đến nghe. Cô bé hỏi Đại Thế Chí là ai? Pháp sư Ấn Quang! Do vậy, cả nhà hoan hỷ đến gặp pháp sư Ấn Quang, kể lại giấc mộng, bị pháp sư Ấn Quang quở mắng một trận: Sau này mà con còn nói như vậy nữa, chẳng cho con vào cửa, nên chẳng dám nói nữa! Tới khi pháp sư Ấn Quang viên tịch, cô ta viết một bài, được in trong bộ *Ấn Quang Đại Sư Vĩnh Tư Lục*. Thật đấy, chẳng giả! Bồ tát Quán Âm bảo cô ta, pháp sư Ấn Quang trụ thế gần như chỉ còn 4 năm. Quả thật, 4 năm sau Ngài vãng sinh, nên cô ta mới nói ra chuyện này.

Vào thời cổ, ở Trung Quốc, thật sự có Hòa thượng Bồ Đại là người đời Tống, ở chùa Tuyết Đậu, huyện Phụng Hóa,

tĩnh Chiết Giang. Đây là một nhân vật truyền kỳ, vì chẳng ai biết tình hình lúc Ngài chưa xuất gia. Chẳng ai biết cả! Chỉ thấy có một vị hòa thượng như thế, thường hóa duyên bên ngoài, cầm một chiếc túi lớn, được người khác cúng dường. Ngài cũng không phân loại, mà cũng chẳng nhìn tới, hễ được cúng dường bèn tống vào túi, vác đi, cho nên người ta gọi Ngài là Hòa thượng Bồ Đại (hòa thượng túi vải). Chẳng ai biết pháp danh của Ngài. Khi vãng sinh, Ngài bảo mọi người Ngài là Bồ tát Di Lặc tái lai; nói xong, Ngài tịch, thật sự ra đi! Vì thế, người Hoa tạc tượng Bồ tát Di Lặc đều tạc tượng Hòa thượng Bồ Đại. Ngài thật sự có bản lĩnh!

Quý vị thấy các vị Hàn Sơn, Thập Đắc, Phong Can ở chùa Quốc Thanh, núi Thiên Thai: Phong Can là Phật A Di Đà tái lai, Hàn Sơn, Thập Đắc là Văn Thù, Phổ Hiền. Khi thân phận bị vạch trần, hai vị Hàn Sơn và Thập Đắc chạy lên núi, rất nhiều người hướng về các Ngài lễ bái, núi bèn nứt ra. Các Ngài đi vào, núi bèn khép lại, chẳng thấy đâu nữa! Hòa thượng Phong Can là Phật A Di Đà, sau khi thân phận bị bóc lộ, bèn mất tâm tung tích, chẳng biết đi đâu rồi! Cổ nhân có những trường hợp như thế nhằm giữ chữ tín với đời sau!

Ứng hóa thân đúng là thường có, trăm ngàn ức hóa thân; một vị Phật, một vị Bồ tát có vô số hóa thân. Vì thế, quý vị gặp các Ngài, nếu giống như giáo pháp Đại thừa đã nói: “Chớ nên nghĩ các Ngài là có, mà cũng đừng nghĩ các Ngài là không”. Tâm quý vị vĩnh viễn giữ được sự thanh tịnh, vĩnh viễn giữ được lòng cung kính, đó là đúng. Vì sao? Đức Phật

nói rất hay: *“Hết thấy chúng sinh vốn là Phật”*. Chúng ta cung kính Phật A Di Đà, cung kính Bồ tát Quán Âm như thế nào, hãy dùng tấm lòng cung kính giống hết như vậy để cung kính hết thấy chúng sinh. Vì sao? Họ đều là Phật!

Quý vị nói tới bậc tái lai, có ai chẳng phải là bậc tái lai? Người vào trong cõi Phật đều là bậc tái lai, người từ ngạ quỷ đạo thoát ra cũng là bậc tái lai; ai cũng là bậc tái lai, có gì hiếm lạ đâu? Chỉ khác nhau ở chỗ là từ đường nào tái lai! Trong hiện tại, điều mấu chốt thật sự quan trọng là chúng ta đừng đánh mất chính niệm. Trong mười hai thời, Phật hiệu chẳng gián đoạn, sẽ chẳng mất chính niệm. Hễ Phật hiệu bị gián đoạn sẽ gọi là *“thất niệm”* (mất chính niệm), bỏ lỡ chính niệm.

Bồ tát Đại Thế Chí dạy chúng ta: *“Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế”*, nhiếp trọn sáu căn, thâm hồi cái tâm phan duyên lại, đó chính là *“phản văn văn tự tính, tính thành vô thượng đạo”* (xoay cái Nghe lại để nghe tự tính, tính thành vô thượng đạo) của Bồ tát Quán Thế Âm. *“Tịnh niệm”*: Tịnh là “tịnh” trong “thanh tịnh”, chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp là Tịnh. *“Tương kế”* là chẳng gián đoạn. Vĩnh viễn giữ gìn tịnh niệm tiếp nối, đó là chính niệm trong Tịnh Tông.

Đối với bất cứ cảnh giới nào hiện tiền, kinh *Kim Cương* có một câu nói rất hay: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, chẳng bị ngoại cảnh nhiễu loạn, đó là đúng! Do vậy, bất cứ cảnh giới Phật hay Bồ tát nào hiện tiền, đều biết:

“*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Tâm quý vị chẳng bị cảnh giới ấy xoay chuyển, thì sẽ là cảnh giới tốt đẹp. Nếu quý vị nghĩ: “Ta trông thấy, tức là công phu của ta ngon lành lắm, các người thua ta. Ta thấy Phật, ta trông thấy Phật, tuy các người tu hành nhưng vẫn chưa thấy!”. Tự nghĩ mình ghê gớm lắm, là bị lừa mất rồi, đã bị ma chuyển rồi!

Do vậy, vào thời Tấn, Sơ Tổ Huệ Viễn Đại sư hướng dẫn 123 người cùng chung chí hướng, thấy đều tu Tịnh Độ, đều cầu vãng sinh, lấy Hồ Khê làm giới hạn, không ra khỏi giới tuyến ấy, phát nguyện vãng sinh tại nơi ấy. Quả thật, 123 người ai nấy đều vãng sinh, đúng là tuyệt diệu! Vãng sinh đương nhiên có kẻ trước người sau. Khi Viễn Công Đại sư vãng sinh, Ngài thấy Phật A Di Đà và những đồng tu trong Niệm Phật Đường ấy đã vãng sinh trước, theo Phật A Di Đà cùng đến tiếp dẫn Ngài. Ngài bảo đại chúng: “*Phật A Di Đà đến đón ta, ta sẽ vãng sinh trong ngày hôm nay*”. Ngài lại bảo mọi người: Trong thời gian Ngài ở trên núi ấy, trong quá khứ đã ba lần thấy thế giới Tây Phương Cực Lạc, lần này là lần thứ tư, nhưng chẳng kể với ai! Người khác hỏi Ngài: “Thế giới Cực Lạc như thế nào?”. Ngài nói: “Hoàn toàn giống như trong kinh điển đã giảng”.

Quý vị phải biết kinh điển khi đó chính là kinh *Vô Lượng Thọ*, Viễn Công Đại sư mở Niệm Phật Đường do dựa theo một quyển kinh này! Vì sao? Kinh *Di Đà* và kinh *Quán Vô Lượng Thọ Phật* vẫn chưa được dịch ra, có thể là đã được truyền đến Trung Quốc rồi, nhưng vẫn chưa dịch sang tiếng

Hán, cho nên Ngài chỉ dựa theo kinh *Vô Lượng Thọ*. Tổ sư đã nêu gương đúng đắn cho chúng ta, dù thấy cảnh giới tốt đẹp đến đâu đi nữa vẫn chẳng nói. Trong tâm chính mình như như bất động, càng thêm dụng công. Đây là cảnh giới tốt. Công phu của quý vị đạt mức kha khá, Phật, Bồ tát bèn thị hiện cảnh giới để làm gì? Nhằm khảo nghiệm quý vị. Quý vị như như bất động, công phu sẽ tăng cao. Nếu quý vị động tâm, ngay lập tức bị giáng cấp: Vẫn chưa chịu nổi khảo nghiệm, chưa đủ sức qua nổi cái ải này! Vì thế, hai câu nói này của kinh *Lăng Nghiêm* rất trọng yếu!

“Khả kiến hành nhân sảo hữu chấp trước, tiện thất chính kiến, tức nhập ma đồ, cầu thăng phản giáng, thậm chí đọa nhập Nê Lê” (Đủ thấy hành nhân hễ có chấp trước đôi chút bèn mất chính kiến, liền lọt vào đường ma, cầu thăng lên, trái lại đọa xuống, thậm chí rớt vào địa ngục). Nê Lê (Naraka, Niraya) là địa ngục, rất đáng sợ! Hiểu rõ đạo lý này, người tu hành thật sự sẽ giữ vững chính niệm; thuận cảnh, tức là cảnh giới của Phật, Bồ tát hiện tiền chẳng động tâm, cảnh giới yêu ma quỷ quái hiện tiền cũng không động tâm.

Quý vị thấy địa ngục hiện tiền, vẫn là một câu *“phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*. Chẳng để ý nó, vẫn giữ chặt một câu A Di Đà Phật, ngay lập tức cảnh giới ấy chẳng còn! Chính niệm là gì? Không bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng thì gọi là “chính niệm”. Người này xử tốt với ta, ta rất cảm kích, tri ân, báo ân, hết thủy tùy duyên; chớ nên dấy lên ý nghĩ: “Ta nhất định phải báo đáp người như thế nào!”.

[Nghĩ như vậy] là xong rồi, quý vị lại bị đọa lạc. Người này có thù oán với ta, hận ta, chẳng cần phải báo thù. Nói chung, đều coi những người ấy như chư Phật, Bồ tát.

Các Ngài xử tốt với ta nhằm khảo nghiệm ta, xem ta có tham luyến hay không; các Ngài xử tệ với ta để xem ta có sân hận hay không, đều là cảnh giới Phật. Vì vậy, Phật và ma là một, chẳng hai. Phật hay ma nhìn từ chỗ nào? Từ ý niệm! Một niệm giác, thì ma cũng là Phật. Một niệm mê, Phật cũng biến thành ma. Nếu Phật hiện tiền, quý vị dấy lên tâm ngạo nghễ, ngã mạn: “Các người thấy ta tu khá quá chớ! Thấy Phật mà, các người đâu có bằng ta!”. Thôi rồi! Đọa lạc rồi! Vì vậy, quý vị chẳng thấy Phật là vì sao? Công phu vẫn chưa đủ, chẳng cần phải khảo nghiệm, quý vị vẫn chưa được.

Đến khi quý vị gần như đạt đủ trình độ, sẽ có cảnh giới hiện tiền nhằm khảo nghiệm quý vị, nhưng quý vị phải nhớ: Đừng bị dao động bởi các cảnh giới ấy! Thật ra, trong cuộc sống thường ngày, mọi người đều biết 53 lần tham học trong kinh *Hoa Nghiêm*. 53 tham học là gì? Từ sáng thức dậy đến tối đi ngủ, trong lúc ấy, lục căn tiếp xúc cảnh giới chính là 53 lần tham học, nam, nữ, già, trẻ, các ngành, các nghề.

Quý vị chẳng cần phải hâm mộ Thiện Tài, bởi Ngài gặp nhiều thiện tri thức dường ấy, ta chẳng gặp một ai! Từ sáng đến tối, những người quý vị đã gặp đều là thiện tri thức, nhưng quý vị chẳng nhận ra! Quý vị thấy kẻ này làm lành, đó là thiện tri thức, hãy lập tức nghĩ: Ta có những điều tốt

đẹp giống như kẻ ấy hay chẳng? Nếu ta chưa có, phải học theo kẻ ấy. Nếu ta có, tốt lắm, hãy gìn giữ, đừng để mất đi! Thấy kẻ làm ác, kẻ ấy là thầy ta, hồi quang phản chiếu, ta có làm chuyện ác như kẻ ấy hay chẳng? Hễ có, phải sửa đổi; nếu không có, từ nay ta chớ nên phạm khuyết điểm ấy. Quý vị thấy đó: Họ chẳng phải là thầy ta ư? Chẳng đều là Phật ư? Thiện Tài mỗi ngày gặp gỡ, mỗi ngày không ngừng nâng cao cảnh giới, thành Phật viên mãn trong một đời.

Chúng ta gặp gỡ mỗi ngày đều bỏ lỡ, không hiểu biết vốn là thiện tri thức luôn hiện diện trong cuộc sống thường ngày! Phật pháp là gì? Phật pháp nhằm dạy chúng ta giác ngộ; hễ ngộ sẽ là Phật. Ngộ rồi bèn quay đầu. Ngộ rồi bèn là khổ được vui. Do mê nên mới chịu khổ. Những phần tử tri thức, nhất là hạng tri thức bậc cao, Sở Tri Chương nặng nề, chấp trước kiến thức của chính mình, trí tuệ chưa mở mang. Nếu họ có thể buông xuống, buông tham, sân, si, mạn, nghi xuống, lòng rỗng rang học tập kinh điển, từng câu từng chữ trong kinh điển là những lời lẽ chân thật, chẳng dối trá.

Quý vị có thể tiếp nhận thì tốt lắm; nếu chẳng thể tiếp nhận, thì có thể còn có nghi vấn, nhưng chẳng phải là hoài nghi. Vì sao? Đạo lý trong kinh điển quá sâu, nay ta chưa đủ trình độ, đang cầu giác ngộ, cầu liễu giải. Cách cầu như thế nào? Dùng cái tâm thanh tịnh để đọc tụng kinh điển. Cứ đọc từng lần một, đừng nên suy tưởng, giống như trong *Khởi Tín Luận*, Bồ tát Mã Minh đã bảo: Đọc kinh chẳng chấp

trước tướng văn tự, chẳng chấp trước tướng danh tự, chẳng chấp trước tướng tâm duyên. Quý vị dùng phương pháp ấy để đọc, sau một thời gian dài, tâm sẽ định. Vì vậy, đọc kinh giống như trì giới, nhất định phải chân thành, cung kính đọc, giống hệt như Phật đang ở trước mặt ta, cung kính đọc. Đọc lâu ngày, tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh sinh trí tuệ, hoát nhiên khai ngộ, sẽ hiểu rõ.

Kinh *Hoa Nghiêm* giảng về duyên khởi vũ trụ, các phẩm như *Hoa Tạng Thế Giới* và *Thế Giới Thành Tựu* giảng viên mãn hơn những nhà khoa học hiện thời. Vũ trụ sinh khởi như thế nào? “*Nhất niệm bất giác, nhi hữu vô minh*” (Một niệm bất giác bèn có vô minh). Do nhất niệm bất giác, trong tự tính bèn biến ra một huyễn tướng. Huyễn tướng ấy gọi là A Lại Da. A Lại Da lại biến ra vũ trụ, biến thành thân thể của chính mình. Gần như là xuất hiện cùng một lúc, tốc độ quá nhanh. Bồ tát Di Lặc đã giảng về tốc độ này như sau: Trong một cái khảy ngón tay, có ba trăm hai mươi triệu niệm, khảy ngón tay một cái thì đã ba trăm hai mươi triệu niệm trôi qua! Mỗi niệm ấy được gọi là “nhất niệm”. “Nhất niệm bất giác” như Phật pháp đã nói chính là một niệm này.

Trong nhất niệm có hiện tượng vật chất xuất hiện. Vật chất là vũ trụ; có hiện tượng tinh thần xuất hiện, tinh thần là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Ngũ Uẩn xuất hiện, Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc là vật chất. Tướng cảnh giới là Tướng Phần của A Lại Da. Biểu hiện của tinh thần là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Chúng là Kiến Phần của A Lại Da, còn gọi là Chuyển

Tướng. Cách nói này rất hay! Điều là từ một niệm bất giác; vì thế, một niệm bất giác được gọi là vô thí vô minh. Vô thí là gì? Không có khởi đầu.

Quý vị phải hiểu cách nói này có dụng ý rất sâu: Chẳng có khởi đầu thì là giả, chẳng thật! A Lại Da có thể hiện, có thể biến là giả, chẳng thật. Vũ trụ được biến bởi A Lại Da lẽ đâu có thật? Chẳng phải là thật! Quý vị mê nên ngỡ nó là thật; hễ giác ngộ sẽ biết nó chẳng thật. Vì vậy, cái tâm giác ngộ thanh tịnh, chẳng nhiễm mấy trần, người ấy chẳng có ý niệm chiếm hữu hay khống chế, chẳng có ý niệm đối lập. Quý vị nói xem: Người ấy có tự tại lắm hay không? Đây là Bồ tát ứng hóa trong mười pháp giới. Người ta dùng cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác, như trong tiêu đề kinh đã ghi “*Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác*”. Do vậy, người ấy sống hạnh phúc lắm, mỹ mãn lắm. Giác ngộ rồi; hễ giác ngộ bèn thanh tịnh, bình đẳng, giác; hễ mê thì thanh tịnh biến thành ô nhiễm, bình đẳng biến thành ngạo mạn. Ngạo mạn là phiền não bẩm sinh, nên dễ để “giác” biến thành hồ đồ, ngu si.

Quý vị thấy: Khi giác ngộ sẽ là thanh tịnh, bình đẳng, giác; khi mê hoặc sẽ là ô nhiễm, ngạo mạn, sân khuể, ngu si. Đây là căn nguyên của vạn hữu trong vũ trụ. Như vậy, chúng ta tìm được căn nguyên rồi! Nhưng căn nguyên ấy là giả, chẳng thật. Cái Giả này từ Chân biến hiện ra. Chân là chân tính, vĩnh hằng bất diệt. Tịnh Độ Tông gọi chân tính là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Nó là thật, cũng như khi Huệ Năng Đại sư khai ngộ đã nói ra 5 câu để hình dung Thường Tịch Quang:

Nó thanh tịnh, vĩnh viễn thanh tịnh, bất sinh, bất diệt, trọn đủ vô lượng trí tuệ, đức tướng, chưa hề lay động, có thể sinh ra vạn pháp, nhất niệm bất giác bèn hiện vạn pháp.

Liễu giải chân tướng sự thật này, tâm chúng ta sẽ định. Bất luận trong hoàn cảnh nào, quý vị cũng đều chẳng bị cảnh giới lay động, đó là hạnh phúc thật sự. Vì sao chúng ta không làm được? Trên thực tế, do liễu giải chẳng thấu triệt. Xưa kia, Chương Gia Đại sư đã bảo tôi thế này: *“Phật pháp biết khó, làm dễ”*.

Quý vị thấy: Hành thì phạm hay thánh ngay trong một niệm. Huệ Năng Đại sư khai ngộ trong một sát na. Phật Thích Ca Mâu Ni khai ngộ dưới cội Bồ Đề cũng là một sát na. Chẳng khó tí nào, buông xuống là được! Vì sao không buông xuống được? Chưa thấy thấu suốt! Đối với kẻ chưa buông xuống, đức Phật bèn dùng kinh giáo để giúp đỡ kẻ ấy. Do vậy, Ngài giảng kinh thuyết pháp 49 năm, nhằm giúp những kẻ chưa buông xuống được. Nếu vừa giảng liền buông xuống, đâu cần phải phiền phức như thế? Chẳng cần thiết! Bạc đại đức căn tính thượng thượng trong Tông môn nghe một, ngộ cả ngàn, triệt ngộ ngay lập tức là vì các Ngài triệt để buông xuống. Vì sao đã buông xuống rồi mà vẫn phải khởi tu, vẫn phải học tập kinh giáo? Nhằm rộng độ chúng sinh.

Nếu quý vị chẳng thông hiểu kinh giáo, do căn tính của chúng sinh không giống nhau, căn tính gì cũng đều có, làm sao quý vị giúp họ được? Do vậy, phải học tràn lan nhiều

kinh giáo. Học giáo nhằm giúp đỡ người khác, chẳng nhằm giúp chính mình. Giúp chính mình, thì chúng ta chẳng tu Thiền, mà tu Tịnh Độ. Một câu Phật A Di Đà là đủ để thành tựu chính mình rồi! Kinh giáo nhằm giúp người khác, tự lợi, lợi tha! Chúng ta chưa đại triệt đại ngộ, thì kinh giáo nhằm giúp người khác mà cũng đồng thời giúp chính mình nâng cao, thấy thấu suốt.

Thấy thấu suốt mới thật sự buông xuống được! Do vậy, chưa thấy thấu suốt, thì phải dốc sức nơi kinh giáo; nếu đã thấy thấu suốt, chẳng cần phải làm như vậy. Đoạn này đặc biệt nhắc nhở chúng ta: Chính kiến rất quan trọng! Người tu hành bất luận thuộc tông phái hay pháp môn nào, nhất định phải giữ vững chính tri chính kiến. *“Thị cố kỳ dư chư pháp, danh nan hành đạo”* (Do vậy, các pháp môn khác được gọi là đạo khó hành), còn pháp môn này là *“dị hành đạo”* (đạo dễ hành).

Chúng ta xem đoạn tiếp theo: *“Đản Niệm Phật pháp môn, đồng ư Mật pháp, thị tha lực môn, thuộc ư Quả giáo”* (Nhưng pháp môn Niệm Phật giống như Mật pháp, là tha lực môn, thuộc về Quả giáo). Phật pháp khai ngộ, pháp môn vô lượng vô biên, nhưng tới cuối cùng, chỉ có ba môn. Ba môn ấy là giác, chính, tịnh. Tới cuối cùng là ba môn này. Giống như chúng ta tới giảng đường này, giảng đường có ba cửa, nhưng có rất nhiều đồng học từ các nước trên thế giới đến đây theo vô lượng vô biên lộ trình khác biệt. Bất luận quý vị đi theo lộ trình nào, khi tới chỗ tôi, muốn vào giảng đường này phải theo ba cái cửa ấy.

Vì thế, tới cuối cùng là ba môn này. Giác môn dành cho bậc thượng thượng căn, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính. Thiền Tông, Tính Tông theo môn này, chẳng phải là người thượng thượng căn sẽ chẳng thể hành theo môn này.

Môn thứ hai là Chính môn. Chính môn dễ đi, giống như học hành phải theo thứ tự, từ Tiểu học, Trung học, Đại học, Sau Đại học mà đạt được học vị tối cao. Học vị tối cao là thành Phật, nhưng thời gian rất dài. Trong một thời gian ngắn chẳng thể thành tựu ổn thỏa, thích đáng. Dẫu có khi ổn thỏa, thích đáng, nhưng thọ mạng của chúng ta quá ngắn, sợ rằng chẳng thể thành tựu trong một đời được!

Như vậy thì phiền quá, đời sau chẳng biết khi nào lại được làm thân người. Được làm thân người, nhưng có được gặp gỡ pháp môn này lần nữa hay không, vẫn là một câu hỏi! Rất nhiều kẻ được làm thân người, nhưng chẳng gặp gỡ, sống uống phí một đời này, vì thế liễu thoát theo Chính môn chẳng dễ dàng, phải tốn thời gian rất dài!

Môn thứ ba là Tịnh môn, tu tâm thanh tịnh. Tu Tịnh môn gồm hai tông: Mật Tông là Tịnh môn, Tịnh Độ Tông là Tịnh môn, đều dựa vào tha lực, Phật đến gia trì. Mật Tông cũng là Phật gia trì, Tịnh Độ Tông cũng vậy, nhưng Tịnh Tông dễ tu hơn Mật Tông.

Thầy tôi là Chương Gia Đại sư, Ngài là Thượng Sư bên Mật Tông. Sư huynh sư đệ của Ngài gồm bốn vị là Đạt Lai (Dalai), Ban Thiền (Panchen), Chương Gia, Triết Bố Tôn

Đan Ba (Jebtsundamba). Bốn người cùng là đệ tử của Đại sư Tông Khách Ba (Je Tsongkhapa)^{16[4]}. Bốn vị này ở biên cương Trung Quốc: Đạt Lai ở Tiền Tạng (Ü-Tsang), Ban Thiền ở Hậu Tạng, Chương Gia ở Nội Mông, Triết Bố Tôn Đan Ba tại Ngoại Mông. Người ta thường gọi họ là Tứ Đại Lạt Ma, còn gọi là Tứ Tôn Hoạt Phật (bốn vị Phật sống).

Khu vực giáo hóa của Ngài Chương Gia lớn nhất: Từ vùng Đông Bắc của Trung Quốc, Nội Mông cho tới Cam Túc, Nhiệt Hà, Sơn Tây, Thiểm Tây, lại còn bao gồm cả phía bên kia như Tân Cương, Thanh Hải. Cả vùng này đều thuộc phạm vi quản hạt của Ngài. Do vậy, giáo khu của Ngài có phạm vi lớn nhất.

16[4] Đạt Lai Lạt Ma (ta thường gọi là Đại Lai Lạt Ma) là danh hiệu ghép bởi từ ngữ Dalai (biên cả) trong tiếng Ấn Độ và chữ Lama của tiếng Tây Tạng, dịch nghĩa chữ Guru (trong tiếng Ấn). Đạt Lai vừa là người lãnh đạo nhất của dòng tu Gelugpa vừa là Quốc vương Tây Tạng. Tương truyền, danh hiệu Dalai được vua Mông Cổ Altan Khan ban cho Sonam Gyatso vào năm 1578; đổi lại, Sonam Gyatso công nhận Altan Khan là Phạm Vương của dân Mông Cổ. Tuy thế, đây chỉ là truyền thuyết, vì theo chính vị Đạt Lai Lạt Ma hiện tại, từ ngữ Dalai chỉ là dịch nghĩa danh hiệu Gyatso (biên cả) trong tiếng Tây Tạng, Sonam Gyatso (1543-1558) là trưởng tu viện Drepung đã cảm hóa được tù trưởng hung bạo nhất của Mông Cổ thời ấy là Altan Khan. Dưới sự giúp sức của Altan Khan và con trai của Altan là Sengge Dureng, Sonam Gyatso đã chuyển Mông Cổ thành quốc gia theo Mật Tông Tây Tạng. Theo truyền thống, Sonam Gyatso được coi là hóa thân của Gendun Drup (đại đệ tử của Đại sư Tsongkhapa) đã tôn xưng hai vị Lạt-ma “tiền thân” của mình đều là Đạt Lai Lạt Ma, và tự nhận mình là hóa thân của Phagpa (vị cao tăng chế ra chữ Tây Tạng). Đến đời Đạt Lai Lạt Ma thứ năm, Ngawang Lobsang Gyatso (1617-1682), với sự giúp sức của vua Mông Cổ là Gushi Khan đã đánh bại các tông phái đối lập, trở thành quốc vương, và chính ông ta tự nhận mình là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Chính Đạt Lai Lạt Ma đã tôn xưng thầy mình là Lobsang Chokyi Gyaltsen là Panchen Lama (Ban Thiền Lạt Ma) và tuyên bố Ban Thiền là hóa thân của A Di Đà Phật. Trước đó, Lobsang Chokyi Gyaltsen được coi là hóa thân đời thứ tư của Khedrup Je (một trong các đại đệ tử của Đại sư Tsongkhapa).

Vị Jebtsundamba đời thứ nhất là Undur Geghen Zanabazar (dịch âm chữ Jnanavajra, Trí Kim Cang) được Ban Thiền và Đạt Lai công nhận là Phật sống vào năm 1640 và trở thành pháp vương của toàn thể giáo đồ Phật giáo tại vùng Ngoại Mông. Vị này đã đóng góp rất nhiều vào văn hóa Mông Cổ cũng như là người đầu tiên đã chế ra văn tự Soyombo cho Mông Cổ.

Tsongkhapa (1357-1419), pháp hiệu Lobsang Drakpa (Thiện Huệ) là giáo tổ sáng lập tông phái Gelugpa (dòng đức hạnh hay còn gọi là phái Mũ Vàng). Vị này kế thừa giáo nghĩa của tôn giả Atiśa Dipankara Shrijnana, đã tổng hợp nhiều giáo nghĩa Mật giáo đã có từ trước tại Tây Tạng, nhấn mạnh đến hành trì giới luật (do giới luật trong các tông phái Cổ Mật thường rất lỏng lẻo, nên tổ Tông Khách Ba phế trừ những hành vi tính dục nhằm đạt đến giác ngộ trong Mật Tông trước đó). Ngài được coi là một nhà cải cách, chấn hưng tôn giáo của Tây Tạng, có công hệ thống giáo nghĩa Mật Tông Tây Tạng.

Chúng tôi có duyên phận hiếm có, được thân cận Thượng Sư, Ngài chẳng dạy tôi học Mật, mà dạy tôi học theo Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngài giảng cho tôi nghe rất nhiều Mật pháp, nên tôi liễu giải: Trong Phật môn, Mật pháp là Phật pháp cao cấp trong giáo pháp Đại thừa. Giống như gì? Chương trình học của nghiên cứu sinh, kẻ bình thường chẳng thể tu được! Người bình thường có thể tu Mật, thì Mật pháp ấy là giả, chẳng thật.

Đó là kết duyên, giống như trong vườn trẻ (ấu trĩ viên, kindergarten) cho trẻ tốt nghiệp, cũng đội mũ Tiến sĩ, chúng ta phải hiểu người bình thường học Mật cũng giống như vậy. Thầy bảo tôi: Thật sự học Mật, thì ai mới đủ tư cách? Sơ Địa Bồ tát. Ngài nói đến Sơ Địa trong Biệt Giáo. Nói theo kinh *Hoa Nghiêm*, người đủ tư cách học Mật là Sơ Trụ Bồ tát. Sau khi vượt thoát mười pháp giới, minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật bèn học Mật pháp. Dùng Mật làm gia hạnh, cảnh giới sẽ nâng cao lên rất nhanh. Nếu quý vị chưa đạt cảnh giới này mà học Mật sẽ là giả, chẳng thể thành tựu!

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng học Mật, cụ bảo tôi: “Hiện thời, Mật chẳng dùng được, chẳng có cách nào đạt được sự thù thắng trong Mật Tông”. Thiền cũng không được, cụ học Thiền với Lão Hòa thượng Hư Vân. Cụ bảo tôi: “*Hiện thời, trừ Niệm Phật ra, chẳng có cách thứ hai nào để thành tựu!*”. Vì thế, lúc cụ vãng sinh, đã cho tôi biết: Mỗi ngày cụ niệm Phật hiệu 140.000 tiếng. Sau khi viết xong bản chú giải kinh này, thứ gì cụ cũng không đọc, chỉ niệm Phật, nhất tâm cầu

sinh Tịnh Độ. Do thân thể cụ không khỏe, lắm bệnh, tuổi đã cao, nên cầu sinh Tịnh Độ chẳng giả! Vì thế, Mật Tông ắt phải là đã thành tựu thật sự trong Hiển Giáo rồi mới dùng Mật pháp làm gia hạnh. Hiện nay, Tạng Mật (Mật Tông Tây Tạng) cũng biến hóa theo thời đại. Do vậy, trên thực tế, so với trước kia đã thua kém rất nhiều. Tôi từng hỏi thầy, Lạt Ma chuyển thể truyền thừa trong Mật Tông là thật hay giả? Thầy bảo:

- Đại khái, ba đời đầu tiên là thật, từ đời thứ tư trở đi, không dám chắc! Tuy vậy, chớ nên khinh thường! Sau khi đã chọn được linh đồng^{17[5]}, đứa trẻ ấy có duyên phận được những vị thầy giỏi nhất kèm cặp; nếu nó dụng công thật sự tu học, sẽ thành công.

Thật đấy! Người khác chẳng gặp được duyên phận có các vị Thượng Sư giỏi nhất chỉ dạy, Ngài nói thật với tôi như thế.



17[5] “Linh đồng” (xubilgan) là những đứa trẻ được coi là hóa thân của các lạt-ma đã mất. Dựa trên những huyền ký hoặc dự ngôn của vị lạt-ma đã mất, các môn đệ đi tìm đứa trẻ ấy đem về, trải nghiệm chứng thực rồi tấn phong đứa trẻ ấy vào ngôi vị của vị lạt-ma đã mất. Sớ dĩ Chương Gia Đại sư nói *“ba đời đầu tiên là thật, từ đời thứ tư trở đi, không dám chắc”*, vì trong quá khứ đã có trường hợp do tranh chấp quyền lực giữa các phe phái, không thể công nhận ai mới là vị lạt-ma hóa thân kế tiếp, phải dùng cách rút thăm quyết định từ chiếc bình vàng do vua Càn Long ban vào năm 1792. Các đời Đạt Lai Lạt Ma 10, 11 và 12 được chọn theo cách này.

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 14



Tiếp, *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải* trang thứ 13, dòng thứ 2, đếm từ dưới lên. Chúng ta xem từ chỗ này.

“Đản Niệm Phật pháp môn, đồng ư Mật pháp, thị Tha Lực Môn, thuộc ư Quả giáo. Hành nhân phát tâm niệm Phật, trượng Di Đà bản nguyện nhiếp thọ, oai thần gia bị, hộ trì hành giả, ma bất năng nhiễu” (Nhưng pháp môn Niệm Phật cùng với Mật pháp là Tha Lực Môn, thuộc về Quả giáo. Hành nhân phát tâm niệm Phật, nương vào bản nguyện và oai thần của Phật Di Đà gia bị, hộ trì hành giả, ma chẳng thể quấy nhiễu).

Cụ Niệm Tổ bảo: Pháp môn này và Mật Tông rất giống nhau, thuộc loại Quả giáo, thuộc loại Tha Lực Môn, nhất định phải được Phật gia trì. Tám mươi bốn ngàn pháp môn có được đức Phật gia trì hay không? Có chứ! Chẳng thể nói không có gia trì, đều có gia trì; nhưng pháp môn này được Phật gia trì đặc biệt thù thắng, khác hẳn những pháp môn thông thường! Vì thế, cổ đại đức gọi pháp môn này là *“môn dư đại đạo”*, những pháp môn kia là tám mươi bốn ngàn pháp môn. Pháp môn này chính là một hành môn đặc biệt ở ngoài tám mươi bốn ngàn pháp môn, nên gọi là *“môn dư đại đạo”*; quả thật nó giống như Mật pháp.

Lần trước, tôi đã thưa với quý vị, Phật pháp thật sự là vô lượng pháp môn. Nhưng do căn tính của hết thảy chúng sinh trong khắp pháp giới hư không giới khác biệt, nhằm thích

ứng hết thấy chúng sinh, đức Phật lập ra vô lượng pháp môn làm phương tiện tiếp dẫn. Nhưng hết thấy các pháp môn tới cuối cùng chỉ còn ba môn là “giác, chính, tịnh”. Trong lần trước tôi đã thưa với quý vị, ba môn này cũng gọi là Tam Bảo.

Quý vị thấy học Phật, nhập môn bèn trước hết truyền trao Tam Quy. Tam Quy có ý nghĩa gì? Tức là truyền trao cho quý vị ba cửa ngõ để nhập Phật môn. Đối với ba môn ấy, từ bất cứ môn nào để tiến vào đều như nhau, tiến vào bằng cửa ngõ khác nhau, nhưng đã vào trong thì đều giống như nhau. Ví như một căn nhà có ba cửa, bất luận từ cửa nào tiến vào cũng đều chẳng khác nhau. Đó là *“pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp”*.

Nhưng ba môn này, đích xác có tiêu chuẩn khác nhau. Giác môn dành cho người thượng thượng căn. Trong tám tông phái Đại thừa của Trung Quốc, chỉ có Thiền Tông và Tịnh Tông thuộc hành môn này. Môn này được gọi là *“nhất bộ đẳng thiên”* (một bước lên trời), là Đốn Giáo, chẳng phải Tiệm Giáo. Nó là Đốn Giáo, đốn xả, đốn chứng, đốn siêu. Quý vị thấy người ấy (người tu tập hành môn này) có năng lực buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống cùng một lúc, buông xuống đồng thời. Điều này nói dễ, làm chẳng dễ! Hễ buông xuống sẽ thành Phật.

Do vậy, nói theo lý luận, phàm phu thành Phật tốn bao nhiêu thời gian? Một niệm! Phàm phu chúng ta nghĩ không ra “một niệm” này. Một niệm là gì vậy? Một niệm chừng bao

lâu? Một sát na? Không phải vậy! Chẳng phải là một sát na, nó còn ngắn hơn một sát na. Bồ tát Di Lặc giảng: Trong một khảy ngón tay, có ba trăm hai mươi triệu niệm; “một niệm” là như vậy đó. Nay, chúng ta tính toán bằng giây, trong một giây, đại khái là khảy thật nhanh, có người khảy nhanh hơn ta, ắt phải trong một giây có thể khảy năm lần, thường thì ta khảy bốn lần! Nếu là bốn lần, trong một giây có bao nhiêu niệm? Có một một tỉ hai trăm tám mươi triệu; nếu khảy năm lần, sẽ là một tỉ sáu trăm triệu niệm.

Quý vị nói có phải là niệm quá vi tế hay chẳng? Chúng ta chẳng có cách nào, chẳng có cách gì nghĩ tưởng, do khi vừa mới nghĩ tới, đã có bao nhiêu niệm khởi lên? Tuyệt đối chẳng phải là một niệm. “*Nhất niệm*” chỉ điều này!

Đoạn được nhất niệm ấy, liền thành Phật; vì vậy, vẫn phải dùng tỷ dụ để nói. Thí dụ như trong hiện tại, chúng ta quen thuộc nhất, có ấn tượng sâu đậm nhất chính là điện ảnh. Hiện tại, điện ảnh dùng kỹ thuật “số mã” (digitalized), lại khác hẳn, trước đây dùng phim nhựa. Dùng phim nhựa, thì mỗi tấm phim là một tấm ảnh có thể chiếu sáng, từng tấm phim một. Phim được quay bằng máy quay phim tạo thành dương bản (positive film, chính phiến). Cuộn phim gồm nhiều bức hình chụp liên tiếp.

Bỏ vào máy chiếu phim, mở máy chiếu phim lên, tấm phim này trong cuộn phim được rọi lên màn bạc. Ống kính của máy chiếu phim đóng lại, rồi lại mở ra để chiếu tấm kế

tiếp, tức là đổi sang tấm khác. Trong một giây thay đổi hai mươi bốn tấm khác nhau, khiến mắt chúng ta bị lừa, chúng ta thấy phim ảnh giống như thật. Thật ra, những hình ảnh ấy chẳng thật, từng tấm khác nhau, đó là một thứ “*tương tự tương tục tương*” (hình tượng gần như tồn tại liên tục). “Tương tự”, tuyệt đối chẳng phải là tương đồng! Ở đây, chúng ta có một bộ phim, một giây là hai mươi bốn tấm, mỗi tấm khác nhau, chẳng có tấm nào giống nhau.

Nay, chúng ta dùng chuyện này làm tỷ dụ. Trong điện ảnh là một giây máy chiếu phim chiếu qua hai mươi bốn tấm; đức Phật bảo trong vũ trụ này, trong một giây, vũ trụ chiếu bao nhiêu tấm? Tôi vừa mới nói đấy thôi, nếu một giây khảy ngón tay bốn lần, sẽ là một tỉ hai trăm tám mươi triệu, chúng ta làm sao biết hình tượng được hiện là giả? Ai thấy được? Kinh thường nói Bát Địa Bồ tát do công phu định lực sẽ trông thấy. Nếu nói một giây khảy ngón tay năm lần thì sẽ là một tỉ sáu trăm triệu.

Do vậy, tướng được biến hiện trong vũ trụ là giả, chẳng thật! Khi đã đoạn được niệm, quý vị sẽ thấy Thật Tướng của vũ trụ, thứ gì cũng đều không có. Thứ gì cũng chẳng có, sẽ xuất hiện điều gì? Cái hiện ra sẽ được gọi là Thường Tịch Quang. Đây là tầng cấp cao nhất trong Tịnh Độ. Trong Thường Tịch Quang, không có hiện tượng vật chất, mà cũng không có hiện tượng tinh thần, nhưng quý vị chẳng thể nói là nó không có!

Đức Thế Tôn minh tâm kiến tính, nói ra một bộ *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*. Nói rất nhiều, nhưng chúng ta chẳng nắm được cương lĩnh. Nói đơn giản, rốt cuộc kinh nói những gì? Kiến tính! Tính là như thế nào? Nhưng Huệ Năng Đại sư đã kiến tính. Ngài đã nêu ra một tổng cương lĩnh, gồm năm câu, giảng về Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang là như thế đó.

Quý vị phải hiểu: Thường Tịch là nói về tự tính của chính mình. Thường Tịch là cái Ngã thật sự. Trong Thiền Tông, nó được gọi là “*phụ mẫu vị sinh tiền bản lai diện mục*” (mặt mũi vốn có trước khi được cha mẹ sinh ra). Diện mục ấy mọi người đều giống nhau! Huệ Năng Đại sư cho chúng ta biết, câu đầu tiên là “*Bản tự thanh tịnh*” (Vốn tự thanh tịnh), cũng có nghĩa là nói: Trong tự tính chẳng có mảy may ô nhiễm nào! Hiện thời, nó có ô nhiễm hay không? Không có! Chắc chắn không có ô nhiễm. Hiện tại, đức Phật thường nói lục đạo mười pháp giới là ô nhiễm, nhưng tự tính chẳng ô nhiễm.

Cái bị ô nhiễm là gì? A Lại Da bị ô nhiễm! Tự tính là chân tâm. A Lại Da là vọng tâm. Vọng tâm có ô nhiễm, chứ chân tâm chẳng bị ô nhiễm. Chúng ta dùng điện ảnh hay dùng máy TV để làm tỷ dụ, thì cũng giống như vậy. Lấy nó làm tỷ dụ, thì có thể thấy các sắc tướng hiện ra trên màn hình là ô nhiễm; mở trúng một băng tần thì sắc tướng là ô nhiễm.

Vì sao? Màn hình vốn trong suốt. Bất luận quý vị là thiện hay ác, đều là ô nhiễm. Nếu chúng ta hỏi màn hình có thật

sự bị ô nhiễm hay không? Sau khi tắt TV, màn hình chẳng có chút ô nhiễm nào! Chuyện này rất gần giống chân tướng sự thật, xác thực là không có ô nhiễm.

Do vậy, ô nhiễm là vọng tâm. Vọng tâm chẳng phải là chân tâm, chẳng liên can gì đến tự tính, là chuyện khác hẳn! Do vậy, A Lại Da có ô nhiễm, tự tính chẳng ô nhiễm. A Lại Da có sinh diệt, những tướng được hiện bởi nó, bất luận là hiện tượng vật chất, hay hiện tượng tinh thần, đều có sinh diệt, là pháp duyên sinh (pháp sinh bởi các duyên). “*Nhân duyên sinh pháp*” (Pháp sinh bởi nhân duyên) sẽ có sinh diệt. Tự tính chẳng sinh bởi nhân duyên, nó vốn sẵn có, cho nên nó “*không có sinh diệt*”, “*vốn tự trọn đủ*”. Tuy nó chẳng có bất cứ hiện tượng vật chất hay tinh thần gì, nhưng nó có thể hiện hết thấy các tướng.

Điều này cũng rất khó hiểu. Cái gì cũng chẳng có, có sao nó có thể hiện? Vì sao hiện ra vô lượng, vô số, vô tận, có sao hiện nhiều ngàn ấy? Biến huyền vô cùng! Tôi học kinh *Hoa Nghiêm*, suy nghĩ thật lâu mà chẳng nghĩ ra: Thứ gì đều không có, thì nó biến bằng cách nào? Biến ra nhiều ngàn ấy! Rồi tôi nghĩ đến lúc nhỏ chơi kính vạn hoa. Tôi nghĩ tới thứ đồ chơi ấy. Kính vạn hoa rất đơn giản, mọi người đều biết, tôi vừa nhắc tới, khá nhiều người tặng kính vạn hoa cho tôi, tặng cả mười mấy cái! Ba miếng thủy tinh, bên trong bất quá là mấy mảnh vụn có màu sắc khác nhau, quý vị xoay chuyển ống kính, xoay suốt ngày từ sáng đến tối, nó sẽ hiện ra vô số mô thức sắp xếp (pattern), chẳng có cái nào giống nhau! Tôi

liền nghĩ “*vốn tự tròn đủ, có thể sinh vạn pháp*” có cùng một đạo lý với kính vạn hoa. Thật đấy, chẳng giả đâu!

Dầu hiện nhiều đến mấy, quý vị chẳng thể nói nó là có; khi nó chẳng hiện, chẳng thể nói nó không có. Có và Không là tương đối. Có và Không là nhị biên. Trong tự tính chẳng có đối lập, phải hiểu rõ đạo lý này! Chúng ta muốn trở về tự tính, mà có ý niệm đối lập, sẽ trở về không được. Điều ấy rất nghiêm trọng!

Vì vậy, học Phật dầu học thật giỏi, nói đến nổi hoa trời rơi loạn xạ, mà vẫn đối lập với người khác, đối lập với sự, đối lập với vạn vật, thì kẻ ấy là lục đạo phàm phu chính cống, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, mà cũng chẳng thể vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Tuy Cực Lạc thế giới nói “đời nghiệp vãng sinh”, chẳng thể mang theo nghiệp chướng hiện hành, có thể mang theo nghiệp cũ, tức là có thể mang theo nghiệp trong quá khứ, chẳng thể mang theo nghiệp hiện tiền.

Ta oán một ai, đến lúc lâm chung, lúc thở hắt ra hơi cuối cùng, còn oán hay chẳng? Còn oán thì chẳng có hy vọng chi hết, quý vị chẳng vãng sinh được! Trong hơi thở cuối cùng, ta chẳng oán hờn, Phật A Di Đà mới có thể đón quý vị đi. Công phu này phải luyện trong lúc bình thường, kẻ đối với ta có thâm cừu đại hận như thế nào đi nữa cũng chẳng ghim trong lòng. Ghim trong lòng sẽ chẳng đến được thế giới Cực Lạc, chẳng thể thấy Phật A Di Đà. Do đó, phải buông xuống!

Người khác oán hận ta, chẳng sao cả! Tâm ta thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Người khác có oán hận, tức là kẻ ấy chẳng thanh tịnh, có ô nhiễm. Do vậy, phải nhớ: Kinh *Vô Lượng Thọ* dạy ba tiêu chuẩn tu hành là “*Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác*”. Phải biết do ba chuyện này sẽ vãng sinh ba cõi Tịnh Độ khác nhau trong thế giới Tây Phương Cực Lạc. Thật sự đoạn, chẳng còn chấp trước, sẽ sinh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Chẳng còn phân biệt, đoạn vô minh rồi, sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm; hể bình đẳng bèn sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

Nếu đã giác thì sao? Đại triệt đại ngộ. Giác rồi thì sao? Giác rồi bèn trở về cõi Thường Tịch Quang. Vì vậy, chúng ta đời nghiệp, nói thật thà là “thứ gì cũng chưa thể đoạn”, nhưng đời nghiệp là mang theo nghiệp quá khứ, chẳng mang theo nghiệp hiện hành! Nay, chúng ta phải hóa giải tất cả hết thấy những đối lập, mâu thuẫn, xung đột với người khác, buông xuống từ nội tâm, đừng nên so đo nữa, mong cho tâm mình đạt đến thanh tịnh. Tâm thanh tịnh hiện tiền, chắc chắn quý vị được vãng sinh. Điều này trọng yếu lắm! Đừng để ngoại cảnh quấy nhiễu khiến cho cơ hội lần này lại bị chướng ngại. Nếu để bị chướng ngại tức là sai lầm quá lớn!

Ba môn “giác, chính, tịnh”, giác bèn sinh vào Thường Tịch Quang, bình đẳng bèn sinh vào cõi Thật Báo, thanh tịnh sinh vào cõi Phương Tiện. Ở đây, đức Phật dạy chúng ta: Cõi Phương Tiện là tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Tây Phương thù thắng, chẳng

giống các cõi nước khác. Cõi ấy chẳng có lục đạo, tuy cũng có cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nhưng cõi Phàm Thánh Đồng Cư chẳng phải là lục đạo, chỉ có hai đạo Nhân Thiên, chẳng có A Tu La, mà cũng chẳng có ba ác đạo. Đây là chỗ khác biệt! Trong ba môn, hành theo môn nào cũng đều được.

Nếu hành theo Giác môn, chắc chắn sinh vào cõi Thật Báo, giác, chính, tịnh. Chính môn thì tùy thuộc công phu sâu hay cạn, chẳng nhất định. Công phu cao, sinh vào cõi Phương Tiện; kém hơn thì vẫn sinh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Hành theo Tịnh môn khác hẳn. Đối với Tịnh môn, nếu niệm đến Lý Nhất tâm bất loạn sẽ là cõi Thật Báo, Sự Nhất tâm bất loạn là cõi Phương Tiện; công phu thành phỉn là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Vì vậy, thấp nhất là công phu thành phỉn. “Thành phỉn” là gì? Chưa đoạn phiền não, nhưng trong tâm có Phật, có Phật A Di Đà. Trừ Phật ra, ý niệm gì cũng đều có thể chế ngự, chẳng cho nó khởi tác dụng, khuất phục phiền não, chứ chưa đoạn phiền não. Đoạn phiền não bèn chuyển thức thành trí, người ấy chưa đoạn. Công phu niệm Phật nhằm chế ngự phiền não, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đè nén phiền não.

Đó là điều kiện phải có đủ để vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc; không hội đủ điều kiện này sẽ chẳng thể vãng sinh. Chúng ta hiểu đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật này, biết trong cuộc đời này phải nên làm chuyện gì, điều gì trọng yếu nhất đối với chúng ta. Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác là trọng yếu, phải dốc toàn lực tìm lại. Chính mình

vốn sẵn có giác, chính, tịnh. Trong *Khởi Tín Luận*, Bồ tát Mã Minh đã nói: “*Bản giác vốn có, bất giác vốn không*”. Đây là bản giác, tìm lại nó thì tìm từ cái tâm thanh tịnh. Tu gì trong hết thấy hoàn cảnh? Tu tâm thanh tịnh, tu không bị ô nhiễm, không bị quấy nhiễu. Đó là tu hành thật sự.

Mười tông phái đều hành theo ba môn này, tôi vừa mới nói: Tính Tông và Thiền Tông hành Giác môn, những tông khác là Giáo Hạ, như *Hoa Nghiêm*, *Thiền Thai*, *Tam Luận* và *Pháp Tướng Duy Thức* đều hành theo Chính môn, chính tri, chính kiến. Loại thứ ba là hành theo Tịnh môn, gồm hai tông phái là Tịnh Độ Tông tu Tâm thanh tịnh, Mật Tông cũng tu Tâm thanh tịnh; nhưng Hiển và Mật khác nhau. Công phu của Mật Tông đúng là cao hơn Tịnh Tông.

Tịnh Tông tu cái Tâm thanh tịnh như thế nào? Xa lìa hết thấy nhiễm pháp, xa lìa hết thấy ô nhiễm, thì tu Tâm thanh tịnh dễ dàng! Còn trong Mật pháp là chẳng lìa cảnh giới để tu Tâm thanh tịnh. Khó lắm! Đó chẳng phải là chuyện dễ dàng. Tịnh của họ (Mật Tông) là chân tịnh, còn chúng ta là tách lìa, thanh tịnh, sau khi tiếp xúc chưa chắc đã thanh tịnh. Vì vậy, người ta là thanh tịnh thật sự. Mật là pháp thượng thượng thừa trong Phật pháp, chẳng học pháp môn ấy sẽ chẳng thể thành Phật.

Chẳng thể không tu Mật pháp, nhưng tu lúc nào? Từ Sơ Địa trở lên. Nói cách khác, Bồ tát thuộc địa vị Tam Hiền tu Hiển Giáo. Trong trường học, vị ấy học lớp Tiến sĩ, quý vị đã

tốt nghiệp Thạc sĩ mới có thể tu theo chương trình đào tạo Tiến sĩ. Nếu quý vị chưa phải là trình độ này mà tu Mật sẽ rắc rối to. Cuối cùng sẽ đến đâu? Vào địa ngục A Tỳ!

Trong quá khứ, Chương Gia Đại sư bảo tôi: Trong thế gian chúng ta, trình độ thấp nhất để có đủ tư cách học Mật Tông là Sơ Trụ trong Viên Giáo, cũng có nghĩa là thật sự đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính. Quý vị tiếp xúc bất luận cảnh giới gì đều chẳng bị lay động, cũng sẽ không bị quấy nhiễu, giống như Thiện Tài đồng tử tham học 53 lần.

Vì sao thầy chúng tôi hạn chế rất nghiêm, thứ gì cũng không cho phép đọc, cũng chẳng cho phép nghe, mà cũng chẳng cho phép học? Sợ gì? Sợ bị quấy nhiễu. Quý vị chưa có định tính, “gần sơn sẽ đỏ, gần mực sẽ đen” thì làm sao không sợ? Sơn và mực bày ra trước mặt, quý vị hết sức tiếp cận, chẳng tiêm nhiễm mảy may! Có công phu ấy thì mới có thể học, mới có thể đi ra ngoài tham học. Vì vậy, tham học là có điều kiện, chẳng phải tùy tiện ai cũng đều có thể đi tham học. Không đơn giản đâu.

Quý vị thấy Thiện Tài đồng tử tham học, Ngài đã minh tâm kiến tính trong hội Bồ tát Văn Thù, đắc Căn Bản Trí, đó là kiến tính, là đại triệt đại ngộ. Kinh *Bát Nhã* nói: “*Bát Nhã vô tri*”. Căn Bản Trí là vô tri. Từ vô tri khởi tác dụng là Hậu Đắc Trí. Ngài tham học nhằm thành tựu Hậu Đắc Trí. Hậu Đắc Trí là không gì chẳng biết. Khi chính quý vị đã đạt đến vô tri, thì mới có thể đi tham học, mới thành tựu Hậu Đắc Trí.

Chúng ta chưa đắc Căn Bản Trí mà ta đi tham học, có được hay không? Quý vị muốn đi, thì Phật cũng chẳng có cách nào! “Ông cứ đi đi! Ông có thể học được gì hay chẳng? Hết thấy những gì ông học được đều là tri kiến sai lầm, chẳng có gì là tri kiến chính xác hay chính tri chính kiến cả!”. Chúng tôi dám nói như thế này: “Toàn là học sai!”. Phải đến khi trong tâm thanh tịnh chẳng sinh một niệm, thì lúc quý vị tiếp xúc mới là trí tuệ chân thật, là Phật tri Phật kiến.

Quý vị chưa đạt tới trình độ này, mà ra bên ngoài, bắt luận đến tham học nơi đâu, toàn là học được tà tri tà kiến! Vì sao? Do tâm quý vị tà, trong tâm khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Do đó, Chính pháp đều biến thành tà pháp. Người đắc Căn Bản Trí là như thế nào? Người ấy không có tri kiến. Chẳng có tri kiến bèn gọi là chính tri chính kiến, chẳng có tà kiến, chẳng mê. Do vậy, khi người ấy tiếp xúc, sẽ hoàn toàn tương ứng với tự tính, khi ấy mới có tư cách đi ra ngoài tham học.

Vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ, mắt thấy bèn hiểu rõ, tai vừa nghe bèn hiểu rõ, giống như Huệ Năng Đại sư đã thị hiện. Chúng ta hãy nghĩ có đúng như thế hay không? Người ta chưa từng học kinh *Pháp Hoa*, chưa hề nghe nói. Thiền sư Pháp Đạt niệm 3.000 bộ kinh *Pháp Hoa*. Kinh *Pháp Hoa* rất dài, mỗi ngày tối đa niệm được một bộ, niệm ba ngàn bộ phải mất mười năm. Niệm mười năm chẳng khai ngộ, có tập khí ngạo mạn, cảm thấy mình ghê gớm lắm, rất đáng kiêu ngạo. Sư đã niệm 3.000 bộ kinh *Pháp Hoa*, nên với kinh *Pháp Hoa*

đã niệm thuộc lâu lâu. Tới chỗ Huệ Năng Đại sư thỉnh giáo, gặp mặt, sư Pháp Đạt nghĩ gã này là hậu học, đánh lễ thầy ba lạy. Thầy thấy rất rõ ràng, lúc Sư lạy đầu chẳng sát đất. Đó là gì? Tập khí ngạo mạn, lễ bái đầu chẳng sát đất. Khi Sư đứng lên, Tổ bèn hỏi: “Ông có gì đáng để kiêu ngạo?” Sư thưa đã đọc 3.000 bộ kinh *Pháp Hoa*. Huệ Năng Đại sư bèn hỏi: “Kinh *Pháp Hoa* nói những gì?”. Sư chẳng thưa được, quay lại thỉnh giáo Huệ Năng Đại sư.

Huệ Năng Đại sư bảo: “Kinh này ta chưa từng nghe, ta cũng chẳng biết chữ. Nếu ông đã niệm đến 3.000 bộ, hãy niệm cho ta nghe”. Kinh *Pháp Hoa* có 28 phẩm, Sư đọc đến phẩm thứ hai, tức là đọc đến phẩm *Phương Tiện*, Huệ Năng Đại sư nói: “Được rồi! Không cần niệm nữa! Ta đã hiểu toàn bộ”. Người có bản lĩnh ấy mới có thể tham học! Tổ giảng cho Sư nghe, Sư khai ngộ, lại lạy, đầu đập sát đất, chẳng nói năng gì! Tham học phải có bản lĩnh này mới được; thiếu bản lĩnh này sẽ chẳng thể tham học, quý vị tham cái gì đây? Quý vị là phàm phu!

Vì vậy, trong kinh *Hoa Nghiêm*, Thiện Tài đồng tử đã biểu diễn điều kiện tham học, chúng ta liền biết: Chưa kiến tính, chẳng thể rời khỏi thầy! Rời thầy sẽ có vấn đề liền! Quý vị sẽ bị ô nhiễm, biến thành tà tri tà kiến, bị đọa lạc! Do đó, thầy có ý tốt chẳng cho quý vị đi ra ngoài, phải ở quanh thầy. Ai mới có cơ hội khai ngộ? Người thật thà, theo chắc thầy, thầy chẳng hại ta. Kẻ tự cậy thông minh, không nghe lời, cảm thấy vị thầy này khá lắm, nhưng còn có vị thầy khác cao

minh hơn thầy, mà thầy chẳng chấp thuận cho tôi học, ở bên kia người ta học rộng nghe nhiều! Có đấy! Xưa nay đâu đâu cũng đều có loại người này.

Hắn rời khỏi vị thầy này, lại đi tìm vị thầy khác. Xong rồi! Đời này xong luôn rồi! Thiện tri thức quả thật khó cầu, trong thời đại hiện tại này chẳng có, tìm không được! Chỉ có một phương pháp là tìm cổ nhân, cổ nhân đáng tin cậy. Cổ nhân là kinh giáo, chúng ta học kinh *Hoa Nghiêm* bèn kiếm Thanh Lương Đại sư, kiếm Lý Trưởng Giả. Các Ngài đã chú giải kinh *Hoa Nghiêm* tỉ mỉ. Chúng ta đọc kinh chẳng hiểu, xem chú giải là nghe các Ngài chỉ dạy. Đọc một lần không hiểu, xem mười lần, mười lần không hiểu, xem trăm lần!

Nếu quý vị có thể đọc *Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao* một trăm lần, có thể khai ngộ hay chẳng? Hết sức có thể! Một trăm lần, tâm quý vị định rồi. Do vậy, trước hết đắc Tam muội, đạt được Tâm thanh tịnh. Đọc cho đến mức tập khí phiền não, tập khí tri kiến thấy đều mất sạch, tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh sẽ sinh trí tuệ. Trí tuệ là có thể khai ngộ, chuyện này là thật, chẳng gạt người đâu nhé!

Vì vậy, cương lĩnh rốt cục, tột cùng trong giáo học Phật pháp là ba thứ: “*Nhân Giới sinh Định, nhân Định khai Tuệ*”. Giới là quy củ, quý vị vâng giữ quy củ. Dạy quý vị thâm nhập một môn, đó là quy củ. Thật sự thâm nhập sẽ đắc định. Đắc định bèn khai ngộ. Đối với điều này, cổ thánh tiên hiền đã dạy, chứ không riêng gì Phật pháp dạy người như vậy, mà

Nho và Đạo cũng chẳng ra ngoài lệ ấy. Vào thời cổ, trong trường tư thực, thầy dạy học trò, chú ý tới điều trọng yếu nhất là ngộ tính của học trò, giúp nó khai ngộ.

Sau khi khai ngộ, hễ tiếp xúc gì cũng đều thông hiểu, người ấy cũng rất thông minh, hễ tiếp xúc bèn có thể hiểu rõ. Vì sao? Hết thấy các pháp chẳng là tự tính, chỉ cần kiến tính, thì vấn đề gì cũng đều giải quyết! Nay, chúng ta học kinh *Vô Lượng Thọ*, tìm bản chú giải này của cụ Hoàng Niệm Tổ là được rồi. Vì sao? Kinh do thầy cụ là lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập từ 5 bản dịch gốc, nay chúng ta thấy bản chú giải này của cụ Hoàng đã tổng hợp toàn bộ những lời chú giải kinh *Vô Lượng Thọ* của các vị đại đức xưa nay, trong ngoài nước, hoàn toàn tổng hợp lại.

Quý vị đọc bản chú giải của cụ Hoàng tức là đã xem bao nhiêu kinh? Trong phần sau, cụ đã dẫn chứng hơn 200 thứ. Quý vị được đọc toàn bộ, tổng hợp toàn bộ mà! Khi chúng ta muốn xem nhiều như vậy, phải tốn bao nhiêu thời gian? Cụ đã chỉnh lý kỹ lưỡng.

Trong quá khứ, những bản chú giải xưa gồm có mấy thứ chúng tôi đã từng xem qua. Ở đây, cụ cũng đều sao lục đầy đủ, sao toàn bộ trong tác phẩm này! Do vậy, bộ *Kinh Giải* này là tổng hợp hoàn chỉnh của các kinh luận chú sớ trong Tịnh Độ; chúng ta phải nhận biết tác phẩm quý giá này! Trong hết thấy các kinh, kinh điển Tịnh Tông là quý báu. Trong các sách vở Tịnh Tông, nay bày ra trước mặt chúng ta, bản chú

giải này là thứ báu! Không có tác phẩm nào siêu thắng hơn tác phẩm này. Chẳng có!

Chúng ta phải quý trọng, phải nghiêm túc học tập. Với phân lượng của sách này, với kích thước như vậy, nếu chúng ta thâm nhập một môn học tập từ đầu đến cuối, học tập năm năm hay mười năm, sẽ đắc Niệm Phật Tam muội, chẳng còn vọng niệm nữa! Thời gian, tinh thần, tinh lực của chúng ta đều tập trung vào đây, lẽ đâu chẳng đắc định? Tam muội ấy gọi là Niệm Phật Tam muội. Đắc Niệm Phật Tam muội sẽ có thể đắc Sự Nhất tâm bất loạn và Lý Nhất tâm bất loạn. Lý Nhất tâm bất loạn là kiến tính. Chúng ta mong sớm có ngày thành tựu, sớm có ngày thành tựu, thì phải thật sự buông xuống. Bộ kinh điển này dạy chúng ta buông xuống, thấy đều buông xuống.

Đối với tổng cương lĩnh, đức Phật nói ba câu, tức là tam nghiệp thanh tịnh. Ngài xếp khẩu nghiệp đầu tiên, chẳng giống những kinh khác. Các kinh nói “thân, khẩu, ý”, kinh này nói “khẩu, thân, ý”: *“Thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá”* (Khéo giữ khẩu nghiệp, chẳng chê bai lỗi lầm của người khác), thật sự làm.

Chúng ta còn phê phán người khác hay chẳng? Hữu ý hay vô tình phê bình người khác, quý vị đều vi phạm. Nếu thật sự học, phải thời thời khắc khắc cảnh giác, chẳng chê bai lỗi lầm của người khác. Đừng nên ghi nhớ khuyết điểm của kẻ khác, càng chớ nên nói ra. Quý vị làm được điều này, sẽ

có thể học mười nguyện Bồ tát Phổ Hiền “*lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai, quảng tu cúng dường*”, xử sự, đãi người, tiếp vật đều phải như vậy, thì mới được, mới giống Bồ tát.

Bồ tát chẳng có oán gia đối đầu. Cổ tiên hiền dạy: “*Nhân giả vô địch*” (Người có lòng nhân không có kẻ đối địch). Trong Phật môn, “*nhân giả*” được gọi là Bồ tát. Đối với Bồ tát thường gọi họ là “*nhân giả*”, tức là bậc nhân từ. Bồ tát là người nhân từ, không ai đối địch, trong tâm Ngài chẳng có địch thủ.

Nếu còn phân biệt, còn chấp trước, còn có đối lập, người ấy chẳng phải là Bồ tát, mà là bất nhân! Bất nhân là chẳng có tâm từ bi. “*Nhân giả*” là đại từ đại bi. Còn oán hận, thì làm sao có thể coi là bậc nhân từ? Họ có lỗi với ta, hủy báng ta, lăng nhục ta, hãm hại ta, nếu quý vị là người có lòng nhân, họ dùng thủ đoạn gì để đối phó quý vị, trong tâm quý vị đều chẳng vướng mắc. Không chỉ chẳng vướng mắc, mà còn rất cảm kích họ. Vì lẽ gì cảm kích họ? Vì đến khảo nghiệm xem quý vị có phải là học Phật hay chẳng? Rốt cuộc có công phu gì hay chẳng? Chửi quý vị mấy câu để coi quý vị có nổi giận hay chẳng? Hễ nổi giận là xong rồi! Quý vị thấy đó, họ đến khảo nghiệm quý vị!

Từ kinh điển, quý vị thấy kinh *Kim Cương* có nhắc đến chuyện vua Ca Lợi vương cắt chặt thân thể của Nhẫn Nhục tiên nhân. Nguyên văn câu chuyện này được kinh *Đại Niết Bàn* kể rất tỉ mỉ, kinh *Kim Cương* chỉ nói đại lược! Đó là khi Phật Thích Ca Mâu Ni chưa thành Phật, Ngài tu Nhẫn Nhục

Ba La Mật, người ta gọi Ngài là Nhẫn Nhục tiên nhân. Gặp phải vua Ca Lợi xem Ngài có thể nhẫn hay không? Vua Ca Lợi đem Ngài lăng trì xử tử, dùng đao cắt thịt Ngài, lóc lấy từng miếng, xẻo cho đến chết để coi Ngài có thể nhẫn hay không?

Người vẫn có thể chẳng tức giận, vẫn có thể chẳng oán hờn ta ư? Nhẫn Nhục bảo vua: “Ta chẳng có mấy may oán hận!”. Đã thế, còn đối trước vua phát nguyện: *“Trong tương lai ta thành Phật, người đầu tiên ta hóa độ sẽ là nhà vua”*. Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật, người đầu tiên đắc độ thành A La Hán là tôn giả Kiều Trần Như, tôn giả chính là vua Ca Lợi thuở ấy. Hứa sao làm vậy! Vua Ca Lợi thành tựu cho Ngài, nên Nhẫn Nhục tiên nhân cảm ơn, chẳng oán hận.

Thành tựu Ngài như thế nào? Giúp Ngài sớm thành Phật. Trong một ngàn vị Phật thuộc Hiền Kiếp, vị Phật thứ tư là Phật Di Lặc, lẽ ra, Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật sau Phật Di Lặc, là vị Phật thứ năm; nhưng quý vị thấy nay Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật trước. Phật Di Lặc biến thành hậu bổ Phật của Phật Thích Ca, do nguyên nhân nào? Do Nhẫn Nhục Ba La Mật nên sớm thành tựu. Quý vị nói đó là chuyện tốt hay xấu?

Cổ nhân dạy chúng ta: *“Thua thiệt là phúc”*. Quý vị chẳng chịu thua thiệt, tức là chẳng cần phúc báo! Nhẫn Nhục tiên nhân biết “thua thiệt là phúc”, hoàn toàn tiếp nhận, nên phúc báo hiện tiền, Ngài sớm thành Phật. Sự thị hiện này nhằm dạy bảo chúng ta, nạn lớn ngàn ấy, nhưng Ngài luôn coi như

chẳng có chuyện gì, nghịch cảnh xảy đến bèn vâng chịu. Nay chúng ta gặp một ít thử thách vật vãnh đã chịu không nổi, làm sao có thể vãng sinh?

Vì vậy, người tu hành dầu bị thua thiệt quá mức, dầu bị lừa gạt quá mức, vẫn coi như chẳng có chuyện ấy! Phải luôn nhớ một câu trong kinh *Kim Cương*: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Phải buông chuyện ấy xuống, trong tâm chẳng có dấu vết gì, chẳng oán hận may mắn, thường sinh lòng hoan hỷ. Đối với những oán thân trái chủ, cảm ơn, cảm tạ! Nếu trong quá khứ, tôi thiếu nợ họ, đáng phải đền trả, vui vẻ trả.

Nếu trong quá khứ, tôi chẳng thiếu nợ họ, chẳng cần đền, sau khi họ đoạt lấy, chẳng cần họ phải trả! Họ trả thì tôi phải trở lại thế gian làm người lần nữa hòng nhận nợ của họ. Rắc rối! Không cần nữa! Quý vị nói xem, có phải là tự tại lắm không! Đây là chân tướng sự thật, có thể chịu thua thiệt, thua thiệt sao cũng được, luôn hoan hỷ.

Vì vậy, đối với Mật, chúng ta tôn trọng, tán thán, nhưng chẳng học. Vì sao? Biết chúng ta thiếu năng lực để học. Chúng ta chẳng ăn thịt hết thấy chúng sinh nhằm tiêu nghiệp chướng của chính mình. Người học Mật có thể ăn thịt hết thấy chúng sinh. Vì sao? Khi người ấy ăn thịt chúng nó, có thể siêu độ chúng nó. Họ có bản lĩnh đó!

Nay chúng ta ăn thịt chúng sinh, có bản lĩnh siêu độ nó hay chẳng? Đừng nói siêu độ gì khác, chúng ta ăn một con

gà, có thể khiến con gà ấy sinh lên trời, nó bèn có thể hưởng phúc trời, có năng lực ấy hay chẳng? Không có năng lực ấy, thì ngàn vạn phần chó nên ăn thịt chúng sinh. Vì sao?

Quý vị kết oán cừu với chúng. Mật chẳng phải là đùa bốn được! Trong Mật Tông không có con đường chính giữa. Nói cách khác, một là thành Phật, hai là đọa địa ngục A Tỳ. Nếu quý vị chẳng thành Phật, sẽ đi vào địa ngục A Tỳ, quyết định chẳng thể đùa bốn được!

Thượng Sư Mật Tông kết duyên với các tín đồ thông thường, quán đánh cho quý vị, truyền cho quý vị một câu chú. Quá nửa là truyền bài chú *Lục Tự Đại Minh* của Quán Thế Âm Bồ tát: “*Úm ma-ni bát-mê hồng*”, rất nhiều người đều biết niệm. Chương Gia Đại sư cũng truyền bài chú này cho tôi, bảo tôi thường niệm. Tôi hỏi Ngài bài chú ấy có nghĩa là gì? Ngài giảng: “*Úm*” (Aum) là tiếng Phạn, có nghĩa là Thân, hiểu là Pháp Thân cũng được, mà Báo Thân cũng được, [Úm là] thân thể. Trong kinh Đại thừa, Ma-ni rất nhiều, hoa sen đấy. “*Ma-ni*” (Mani) là hoa sen; “*Bát-mê*” (padme) là gìn giữ. “*Hồng*” (Hum) là ý, ý niệm. Theo ngữ pháp của họ, quý vị thấy, câu chú ấy có nghĩa là “thân, hoa sen, gìn giữ, ý”.

Theo ngữ pháp thường hiểu, có nghĩa là “*gìn giữ thân tâm (ý là tâm) như hoa sen*”. Ý nghĩa này hay lắm! Do vậy, trì chú phải tam mật tương ứng, tay kết ấn, miệng niệm chú, trong tâm quán tưởng. Quán tưởng gì? Thời thời khắc khắc

giữ cho thân tâm của chính mình giống như hoa sen, mọc lên từ bùn lầy mà chẳng nhuộm bẩn. Ý nghĩa này thật hay!

Hiện thời rất nhiều người niệm chú này, nhưng chẳng biết ý nghĩa, do không biết nên chẳng sinh ra hiệu quả. Do trong giáo pháp Đại thừa, đức Phật bảo: “*Hết thấy các pháp sinh từ tâm tưởng*”, quý vị chẳng quán tưởng, chỉ niệm suông, chỉ kết ấn suông, chẳng quán tưởng, thì không được rồi, chẳng đạt được lợi ích chân thật! Vì vậy, trong Tam Mật, quán tưởng trọng yếu nhất, còn quan trọng hơn trì chú và kết ấn. Tôi theo Chương Gia Đại sư 3 năm, Ngài chẳng truyền Mật pháp cho tôi, Ngài nói tôi chẳng đủ trình độ: “Anh còn thiếu trình độ rất xa!”. Đó là nói thật, chẳng giả! Vì vậy, tôi hết sức cảm kích vị lão nhân này. Cơ sở Phật pháp của tôi được Ngài thiết lập trong 3 năm, nên sau này mới có một chút thành tựu như vậy!

Trong đoạn này, cụ Hoàng có ý nói hành nhân thật sự được oai thần từ 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Do vậy, pháp này thuộc Tha Lực Môn, thuộc về Quả Giáo, Phật A Di Đà dùng Quả Đức gia trì chúng ta. “*Hành nhân phát tâm niệm Phật, trượng Di Đà bản nguyện nhiếp thọ, oai thần gia bị, hộ trì hành giả*” (Hành nhân phát tâm niệm Phật, nương vào bản nguyện và oai thần của Phật Di Đà nhiếp thọ, gia bị, hộ trì hành giả).

Quý vị thật sự y giáo phụng hành, sẽ chẳng bị ma dựa. Người có công năng đặc dị sẽ trông thấy. Đó là: Quý vị thật sự có công phu ấy, thân thể tỏa ánh sáng, ma chẳng thể đến

gần. Huống hồ lại quy y A Di Đà Phật, thật sự có 25 vị thần hộ pháp hộ vệ. Vì sao rất nhiều người tu hành lại đổ bệnh? Đó chính là như trong phần trước đã nói: *“Hành nhân sảo hữu chấp trước”*, tức là có một tí chấp trước như thế, *“tiện thất chính kiến, tức nhập ma đồ”* (liền mất chính kiến, thuộc vào đường ma), phiền phức liền! Toàn bộ oán thân trái chủ của quý vị tìm tới cửa. Tâm này phải trụ nơi đạo. Làm thế nào để trụ nơi đạo?

Thời thời khắc khắc niệm Phật. Chẳng niệm Phật, bèn nghĩ đến những đạo lý được giảng trong kinh điển. Bồ tát Đại Thế Chí chỉ dạy chúng ta: *“Ưc Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật”* (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tại, tương lai, nhất định thấy Phật). Ưc Phật là gì? Thường xuyên nhớ tưởng Phật. Phật ở đâu? Những điều kinh đã giảng đều là Phật.

Kinh *Hoa Nghiêm* càng giảng cặn kẽ hơn. Trong quá khứ, chúng ta học kinh *Hoa Nghiêm* lâu ngàn ấy, đã hơn 4.000 giờ. Vì thời gian dài như thế, chúng tôi mới đem ghép bộ *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán* vào. Đó là cương lĩnh tu học, là tinh hoa của toàn bộ kinh *Hoa Nghiêm*. Bộ văn ấy chẳng dài, chỉ có 6 đoạn. Tiên sinh Phương Đông Mỹ nói ba đoạn đầu là triết học tối cao, 3 đoạn sau là khoa học tối cao.

Đây là triết học và khoa học trong giáo pháp Đại thừa đều được giảng đến tột đỉnh, rất ráo viên mãn, giảng rõ ràng duyên khởi của vũ trụ, duyên khởi của vạn vật, duyên

khởi của sinh mệnh, ta từ đâu đến, duyên khởi của bản thân chúng ta, đều nói ra hết, quá ư là khó có! So với những thứ triết học và khoa học tột đỉnh trong cả thế giới hiện thời, trọn chẳng thua kém. Chúng tôi cũng dùng hơn 200 giờ để giảng. Bộ DVD này có thể nghe nhiều lần, nghe không hiểu chẳng sao cả! Cứ nghe từng lần một, nghe rồi sẽ khai ngộ. Nghe xong, dẫu chẳng khai ngộ, chắc chắn cũng giúp quý vị buông xuống, lợi ích ấy cũng rất lớn.

Tiếp đó, cụ dẫn một đoạn trong kinh *Thập Vãng Sinh*: “*Phật ngôn: Nhược hữu chúng sinh niệm A Di Đà Phật, nguyện vãng sinh giả, bỉ Phật tức khiển nhị thập ngũ Bồ tát ủng hộ hành giả. Nhược hành, nhược tọa, nhược trụ, nhược ngọa, nhược trú, nhược dạ, nhất thiết thời, nhất thiết xứ, bất linh ác quỷ, ác thần đắc kỳ tiện dã*” (Đức Phật dạy: “Nếu có chúng sinh niệm Phật A Di Đà, nguyện vãng sinh, đức Phật ấy liền sai 25 vị Bồ tát ủng hộ hành giả. Dù đi, hay ngồi, dù đứng, hay nằm, dù ngày, hay đêm, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, chẳng để cho ác quỷ, ác thần có cơ hội thuận tiện quấy nhiễu hành giả”).

Quý vị có tin điều này hay không? “*Đức Phật ấy*” là Phật A Di Đà. Phật A Di Đà phái 25 vị Bồ tát. Khi thụ Tam Quy bèn có 36 vị thần hộ pháp. “*Hai mươi lăm*” là nói đến Ngũ Giới. Quý vị thật sự thọ trì Ngũ Giới, sẽ có 25 vị thần hộ giới. Do vậy, kiếp trước, kiếp này, oán thân trái chủ cũng không thể tìm đến quấy phá. Quý vị thật sự học Phật, dù họ có cừu hận quý vị, cũng chẳng có cách nào báo thù! Họ thấy quý vị thật sự tu hành, biết quý vị có thành tựu, khi quý vị thành tựu,

nhất định họ sẽ được lợi ích, nhất định siêu độ họ, nhất định giúp đỡ họ. Oán thân trái chủ tới kiếm người tu hành gây chuyện là vì nguyên nhân nào?

Quý vị tu hành giả dối, chẳng chân thật. Căn bản là họ coi thường quý vị, nên tới kiếm chuyện. Chuyện là như vậy đó! Quý vị tu được, sẽ khiến họ bội phục, lẽ đâu họ quấy rối quý vị? Quý vị trách ai? Chẳng thể trách ai khác, phải tự trách mình. Nếu chính mình thật sự đúng pháp, oán thân trái chủ đều cung kính, họ biết họ sẽ được giải thoát, họ có duyên với quý vị. Phật độ kẻ hữu duyên mà! Duyên ấy, bất luận là duyên thiện hay ác, nói chung, hễ có duyên bèn có thể đắc độ.

Chúng ta là người học Phật, mỗi ngày trong Niệm Phật Đường của chính mình hãy thờ một bài vị oán thân trái chủ, chẳng quên họ, chẳng quan tâm họ có biết hay là không. Trong đời này có lẽ có thể nhớ, nhưng đời quá khứ chẳng thể nhớ được, chúng ta thờ bài vị đời trước kiếp này, thấy đều có. Thật sự tu hành, họ sẽ thật sự bội phục, thật sự sinh tâm hoan hỷ, chẳng tìm đến làm phiền, mà tới hộ trì quý vị, mong mỗi quý vị thành tựu sớm ngày nào, họ sẽ sớm đắc độ ngày ấy. Vì vậy, con người có cùng cái tâm này, tâm có cùng lý này, lời Phật đã giảng trong kinh chắc chắn chẳng phải là vọng ngữ.

“Hựu Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Bồ tát Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương vân: ‘Kim ư thủ giới, nhiếp niệm Phật nhân, quy ư Tịnh Độ’ (Lại nữa, trong chương Bồ tát Đại

Thế Chí Niệm Phật Viên Thông của kinh *Thủ Lăng Nghiêm* có nói: “Nay ở trong cõi này, nhiếp thọ người niệm Phật về Tịnh Độ”). Đây là lời Bồ tát Đại Thế Chí đã nói trong kinh *Lăng Nghiêm*.

Chương này, kinh văn chẳng dài, tổng cộng chỉ có 244 từ. Đây là một đoạn trong *Bồ tát Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương*. Đối với đoạn này, Ấn Quang Đại sư, tôi nghĩ hiện thời rất nhiều đồng học đều biết: Ấn Quang Đại sư là Tây Phương Bồ tát Đại Thế Chí tái lai. Trong đời quá khứ, trước khi thành Phật, Quán Âm và Thế Chí đều là người trong thế giới Sa Bà, cũng có thể nói các Ngài là đồng hương của chúng ta. Các Ngài sinh về thế giới Cực Lạc, nay họ giống như lớp trưởng của các vị Bồ tát, lãnh đạo các vị Bồ tát giúp Phật A Di Đà giáo hóa chúng sinh.

Thế giới Sa Bà là quê hương của các Ngài, nên cũng đặc biệt chiếu cố. Vì thế, Ngài thường đến thế giới này. Thật vậy, giống như trong phần trước đã nói: Hết thầy thời, hết thầy chỗ, quý vị niệm Ngài, Ngài bèn hiện tiền. Ngài dạy chúng ta phương pháp Niệm Phật chính xác nhất, đơn giản nhất, ổn thỏa nhất, đáng tin cậy nhất. Phương pháp là “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*”. “*Ưc Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*”. Câu này khẳng định như vậy, chẳng có mảy may hoài nghi nào!

Trong tâm thường tưởng Phật, miệng thường niệm Phật, trong hiện tại, quý vị đã có thể thấy Phật. Hết thầy các

pháp sinh từ tâm tưởng mà! Tương lai, sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, mỗi ngày ở cùng một chỗ với Phật A Di Đà và chư Phật Như Lai, cùng học tập với các đại Bồ tát, đến nơi đâu tìm được hoàn cảnh này?

Thế giới Tây Phương Cực Lạc giống như một trường Đại học Phật giáo, hết thầy chư Phật đem toàn bộ những chúng sinh thuộc ba căn tính thượng, trung, hạ trong khu vực giáo hóa của các Ngài đưa sang học bên thế giới Tây Phương Cực Lạc. Phật Thích Ca Mâu Ni cũng không ra ngoài lệ ấy! Chỉ có các vị thượng thượng căn là sang thế giới Hoa Tạng. Do vậy, thế giới Cực Lạc vô cùng thù thắng trang nghiêm, chúng ta phải tin tưởng, chớ nên có mấy may hoài nghi nào!

Kinh giáo Đại thừa quả thật rất hấp dẫn con người, khiến cho quý vị sau khi xem xong chẳng muốn buông xuống! Nếu chúng ta không cầm lòng nổi, thứ gì cũng đều muốn học, sẽ là vấn đề nghiêm trọng. Vì sao? Tâm lực của chúng ta phân tán, chẳng thể tập trung. Học tập phân tán, thì quý vị chỉ có thể đạt được kiến thức Phật học thông thường. Nói theo thuật ngữ của giới học thuật hiện thời là quý vị chỉ có thể thành tựu trong Phật học.

Trước kia, thầy Lý thường nói: *“Trong thế gian này, quý vị có thể trở thành một nhà Phật học (chuyên gia nghiên cứu Phật giáo) hay là một học giả về Phật học, chứ đối với liễu sinh tử, thoát tam giới chẳng liên quan chi hết!”*. Quý vị biến đại pháp xuất thế gian thành một thứ học thuật thế gian.

Biến chất rồi! Tuy biến chất, đương nhiên vẫn là kết pháp duyên với Phật. Trong A Lại Da đã gieo chủng tử Phật pháp, đời kế tiếp hay đời sau. Khi duyên chín muồi, vẫn có thể thành tựu. Nhưng trong đời này, chắc chắn quý vị chẳng thể tránh khỏi nỗi khổ luân hồi. Thời gian luân hồi rất dài.

Do vậy, thầy Lý nói: “Quý vị không thể tránh khỏi nỗi khổ luân hồi nhiều kiếp dài lâu!”. Thật sự giác ngộ, buông xuống vạn duyên, nhất tâm cầu sinh Tịnh Độ. Những kinh giáo ta ưa thích, muốn học, đến thế giới Cực Lạc sẽ học. Hiện thời, trước hết phải giữ lấy Tịnh Độ, đến thế giới Cực Lạc, vô lượng thọ, hoàn cảnh tu học tốt đẹp, chẳng trễ nãi gì! Hiện tại, nếu thứ gì cũng đều muốn học, sẽ lỡ làng chuyện này. Quý vị có thể sinh về thế giới Cực Lạc hay không, vẫn phải đánh rất nhiều dấu hỏi, vì quý vị chưa nắm vững! Chớ nên không hiểu đạo lý này. Sau khi đã hiểu, chớ nên không làm, hãy thật sự làm!

Hơn hai mươi năm trước, tôi đã nghĩ buông bỏ kinh giáo, chẳng làm nữa! Lần trước, giảng kinh *Hoa Nghiêm* được một nửa thì ngừng, không giảng nữa! Quý vị thấy tôi giảng kinh *Vô Lượng Thọ* 10 lượt, lần này là lần thứ 11. Lúc ấy, tôi nghĩ: Suốt đời này, chuyên giảng kinh *Vô Lượng Thọ*. cứ giảng từng lượt một, mỗi lượt khác nhau! Nhân duyên giảng kinh *Hoa Nghiêm* lần này, tôi cũng đã trình bày cùng quý vị, rất bất đắc dĩ, nhưng cũng là có lý. Pháp sư Khai Tâm ở Đài Loan, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, và Hàn Quán Trưởng, ba người thỉnh cầu, mong giảng kinh ấy một lần làm thành

CD/DVD để giữ lại cho người đời sau tham khảo, nhằm mục đích này! Nếu đối với bản thân tôi, một bộ kinh *Vô Lượng Thọ* này là đủ rồi!

Con đường này ổn thỏa, đơn giản, dễ dàng hơn nhiều lắm! Một môn thâm nhập. Bản chú giải này hay dường ấy, quá khó được, quá hy hữu. Ở nơi đây, tôi phát tâm, hướng dẫn mọi người cùng nhau học tập; nếu không hướng dẫn, có lẽ hứng thú học tập chẳng quá nồng đậm! Học tập bản chú giải này nhằm khẳng định, kết duyên phận thật sâu với thế giới Cực Lạc. Thật sự phát nguyện, không ai chẳng vãng sinh!

Đặc biệt là trong thế gian hiện thời, chúng sinh khổ lắm! Bất luận là giàu, nghèo, sang, hèn, các nghề nghiệp, không nương tựa vào đâu được! So với bất cứ thời đại nào trong quá khứ đều là đáng thương xót hơn! Trong xã hội thời quá khứ, con người sống trong thế gian này, họ có nơi nương tựa, nơi nương tựa là gia đình. Bất luận gặp chuyện khó khăn gì, gia đình sẽ là người ủng hộ, quý vị chắc chắn chẳng hoài nghi gia đình. Sau thời chiến tranh Trung-Nhật, trong 8 năm ấy, gia đình chẳng còn nữa, không nhìn thấy nữa.

Người Trung Quốc đáng thương, không có nhà để về, cửa nát nhà tan. Vì vậy, chúng ta cảm ơn Phật, Bồ tát vô tận. Phật, Bồ tát bảo chúng ta có nhà, thế giới Cực Lạc là nhà của chúng ta. A Di Đà Phật, Tây Phương tam thánh là nơi nương tựa. Đúng vậy, tuyệt đối chẳng giả! Vấn đề là quý vị có thể tin tưởng hay không? Nay chúng ta có lý do tin tưởng. Vì sao?

Trong *Hoàn Nguyên Quán* đã giảng rõ ràng, chúng ta và Phật A Di Đà có mối quan hệ, chẳng phải là không có, quan hệ hết sức thân mật. Di Đà là tự tính Di Đà, Tịnh Độ là duy tâm Tịnh Độ. Di Đà, Tịnh Độ, có quan hệ gì với ta?

Nhất thể, chẳng kém mối quan hệ với cha mẹ, mà còn thân thiết hơn quan hệ với cha mẹ nữa! Chúng ta thật sự hiểu rõ quan hệ này. Hiểu rõ rồi, quý vị còn hoài nghi hay chẳng? Chẳng hề hoài nghi nữa! Giống như cư sĩ Lưu Tố Vân đã làm gương: Nhất tâm nhất ý nương tựa Phật A Di Đà, bị bệnh nặng ngàn ấy, bác sĩ trong thế gian chẳng trị được, chẳng cần quý vị chữa trị! Phật A Di Đà là đại y vương, chắc chắn có thể trị cho tôi lành bệnh. Mỗi ngày niệm Phật, niệm đến nỗi lành bệnh, điều này chẳng giả! Bà ta đã giảng cho chúng ta nghe ở đây mười mấy giờ. Phật, Bồ tát có lòng tin đối với chúng ta, vấn đề hiện thời là chúng ta có lòng tin đối với Phật, Bồ tát hay chẳng? Nếu có lòng tin, sẽ tâm tâm tương ấn!

Chúng ta xem đoạn tiếp theo, cụ Hoàng trích dẫn *Tịnh Tu Tiệp Yếu*. Đây là một nghi thức tu hành do lão cư sĩ Hạ Liên Cư biên soạn. Trong ấy có viết: “*Đại Thế Chí Bồ tát, hiện cư thủ giới, tác đại lợi lạc. Ư niệm Phật nhân, nhiếp thủ bất xả, linh ly tam đồ, đắc vô thượng lực*” (Bồ tát Đại Thế Chí nay đang ở trong cõi này, làm đại lợi lạc. Ngài nhiếp thủ chẳng bỏ người niệm Phật, khiến họ lìa tam đồ, đắc vô thượng lực). Chúng tôi nghĩ khi cụ Hạ tại thế, cụ nói Bồ tát Đại Thế Chí là Ấn Quang Đại sư. Cụ chẳng nêu đích danh, nhưng trên

thực tế thì sao? Trên thực tế, chẳng giả tí nào! “*Hiện đang ở trong cõi này, thật sự làm đại lợi lạc*”. Đại lợi lạc là gì? Giáo dục nhân quả.

Tổ Ấn Quang suốt đời cực lực đề xướng giáo dục nhân quả. Chúng ta thấy xã hội hiện tiền, có thể chữa trị căn bệnh nặng nề của đại chúng trong xã hội này, đích thực là giáo dục nhân quả. Thuở ấy, Ngài đã thấy rõ ràng, thấy xã hội hiện tiền của chúng ta, dùng luân lý chẳng trị được! Đạo đức cũng chẳng trị được, chỉ có giáo dục nhân quả. Phải giảng thấu triệt, giảng rõ ràng, những chuyện nhân quả quá nhiều. Nếu sưu tập những câu chuyện gần đây nhất thì nhật báo, tạp chí, phương tiện truyền thông đã báo cáo. Hề quý vị nói nhân quả, người ta đều có ấn tượng, chẳng giả tí nào! Thiện có thiện quả, ác có ác báo.

Hiện thời, trong thế gian này, trên bất cứ con đường nào tại Hương Cảng đều có nhà hàng hải sản. Quả báo do ăn hải sản rất nhiều, đều là nhân tiền. Đó là quả báo do sát sinh, quả báo do ăn thịt. Còn có một chuyện nghiêm trọng là thiếu nữ phá thai; nghe nói hiện thời độ tuổi phá thai là từ mười tuổi cho đến ba mươi tuổi, thật là đáng sợ!

Người có công năng đặc dị hiện thời thấy bao nhiêu trẻ gái, bên thân có rất nhiều tiểu quỷ bám theo. Ở nơi đâu? Ở ngay trên thân họ, cho nên khắp thân họ là bệnh. Bệnh chẳng thể chữa lành. Tới bệnh viện khám nghiệm, kiểm không ra bệnh, nhưng khắp thân đã dục, vì những loài oán quỷ đến

kiếm họ. Nếu họ thật sự hiểu chuyện này, có chịu làm chuyện xấu hay chẳng? Chẳng chịu làm! Vì vậy, đối với họ, giềng mối luân lý đạo đức chẳng đủ, họ không thể chống nổi dụ dỗ, mê hoặc; nhưng do nhân quả đáng sợ, người hiểu nhân quả sẽ chẳng dám. Vì vậy, đối cả thế giới hiện thời, nhân quả có đại lợi lạc.

“Đặc biệt nhiếp thủ chẳng bỏ người niệm Phật”. Phật, Bồ tát âm thầm gia trì người niệm Phật. Đó là nói người thật sự niệm Phật, thật sự muốn vãng sinh, Phật lực gia trì, nhiếp thủ quý vị vãng sinh thế giới Cực Lạc. Vì sao chẳng nhanh hơn một tí? Trên thế giới có tai nạn, cũng có thể là Phật, Bồ tát trao cho quý vị sứ mệnh. Quý vị hãy khéo tu, để nêu gương tốt cho đại chúng trong xã hội, thực hiện luân lý, đạo đức, nhân quả cho người khác thấy, thật sự phổ độ chúng sinh. Nếu thực hiện, nếu tuyên dương bằng phương tiện truyền thông, sẽ có ảnh hưởng to lớn.

Ông Hồ Tiểu Lâm là một thí dụ, không hề lừa gạt khách hàng, cũng chẳng cần phải cạnh tranh với đối thủ, cứ theo đúng quy củ, tuân theo giáo huấn trong văn hóa truyền thống để kinh doanh mà một mực có lời. Chính ông ta đã báo cáo bao nhiêu lần, tiền kiếm được quang minh, lỗi lạc, yên tâm, thoải mái kiếm tiền. Ông ta tự tại lắm, chẳng thiếu tiền.

Vì vậy, ai nấy hiểu nhân quả, người người đều theo quy củ, bất luận quý vị làm nghề gì, sẽ được đại tự tại, sẽ thật sự hạnh phúc. *“Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”* (Trong

cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng). Cầu phú quý, đắc phú quý, ngay cả cầu làm Phật, làm Bồ tát đều cầu được. Phú quý thế gian trong Phật pháp là chuyện nhỏ nhoi, chẳng thứ gì chẳng cầu được. Vẫn là phải hiểu rõ ràng, minh bạch nhân quả.

“Hựu A Di Đà kinh vân: - Nhượng thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thị kinh, thụ trì giả, cập văn chư Phật danh giả” (Lại nữa, kinh A Di Đà dạy: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe kinh này, thụ trì và nghe danh hiệu chư Phật). *“Chư Phật”* ở đây chỉ A Di Đà Phật, *“thị chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, giai vi nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm”*. Ở đây, từ quan trọng nhất là từ *“thiện”*, thiện nam tử, thiện nữ nhân.

Tiêu chuẩn của thiện là gì? Là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Hiện tại, chúng ta học tập, phải nên gộp cả *Đệ Tử Quy* và *Cảm Ứng Thiên* vào đó. Vì sao? Vì lẽ nào chúng ta học Thập Thiện Nghiệp Đạo chẳng tốt đẹp? Nói thật ra, vào thời cổ, không cần nói quá xa, người sống vào đầu thời Dân Quốc, tức thế hệ trước chúng tôi, như thầy Lý, cụ Hạ Liên Cư, họ thuộc thế hệ trước, đã thực hiện đúng tiêu chuẩn *“thiện nam tử, thiện nữ nhân”*.

Vì sao họ làm được? Họ được hưởng thụ sự giáo dục tốt đẹp từ gia đình. Người sống vào đầu thời Dân Quốc, gia đình vẫn còn, gia học (sự giáo học trong gia đình hoặc trong gia tộc) còn hưng thịnh. Những người có học cũng chẳng học từ Đại học nào như hiện thời, đều là do học trong các tư thực

mà thành tựu rồi sau đấy đi thi. Thầy Lý còn chưa bao giờ đến trường. Thế hệ trước thầy Lý, tức thân phụ của thầy còn chưa hề đến trường, đời Thanh không có trường học; khi đó, không có trường học, mà toàn là tư thực, là gia học^{18[6]}.

Dạy dỗ trong gia học rất nghiêm. Thầy nghiêm khắc mới có trò giỏi! Thầy Lý học rất khổ sở, chúng ta có năm mộng cũng chẳng ngờ tới! Cụ kể cho biết: Bị phạt quỳ, chẳng phải quỳ trên đất, mà quỳ trên đồng gạch, khổ cực lắm! Lão nhân gia dạy chúng tôi học, chỉ bảo chúng tôi, bất luận là Phật học hay Nho học, dẫn chứng kinh điển cứ thuận miệng đọc ra, chẳng cần phải tra cứu tài liệu. Chúng tôi thấy vậy rất bội phục. Cụ bảo tôi: “Các anh có biết do đâu mà được vậy hay chẳng?”. “Con chẳng biết?”. “Do quỳ trên gạch đấy. Các anh chưa hề quỳ trên gạch, cho nên chẳng được vậy!”. Do đó, Trung Quốc vào thời cổ, trẻ nhỏ đúng là khổ sở, được giáo dục rất nghiêm ngặt, chẳng giống như Tây phương.

Người Tây phương quan niệm: Thuở nhỏ là thiên đường. Cuộc sống của nhi đồng là thiên đường, sung sướng, chẳng bị trói buộc gì! Trẻ nhỏ Trung Quốc khổ sở, mười một, mười hai tuổi đi ra ngoài, giữ gìn oai nghi giống như một người đã trưởng thành thu nhỏ, quy củ, quan niệm khác nhau! Thuở thơ ấu, phải hoàn thành những thứ cần phải học trong một đời. Sau khi đỗ đạt, theo đuổi bất cứ nghề nghiệp gì, tuổi

18[6] Gia học là cách dạy học trong gia tộc, hoặc gia đình khá giả mời thầy về dạy dỗ cho con, hoặc trong làng, mời những người có học thức, đạo đức làm thầy dạy cho trẻ nhỏ; đôi khi do chính cha, anh, chú, bác, người trong họ dạy nhau. Nói chung, không chỉ là dạy chữ mà còn kèm cặp, uốn nắn tính tình. Do lớp học không đông, nên thầy theo dõi trò rất sát.

thanh xuân cống hiến xã hội, tạo phúc cho gia đình, vì gia đình tạo phúc. Cả đời người ấy có mục tiêu: Ta sống vì lẽ gì? Ta vì gia đình mà sống. Suốt đời nghĩ tưởng cho gia đình, làm cho tổ tông được vinh diệu, gia tộc được vẻ vang.

Vì vậy, người ấy có chỗ để nương dựa, tâm bèn định. Dẫn suốt đời sống ở nơi xa xôi, đến cuối cùng lá rụng về cội. Lúc tuổi già về hưu, nhất định trở về quê hương. Vì sao? Dưỡng lão tại quê nhà. Vì vậy, đời người sung sướng nhất, hạnh phúc nhất. Nói đến lúc hưởng thụ nhất sẽ là khi nào? Tuổi già! Tuổi già hưởng lạc. Thuở nhỏ vun bồi căn cội cho sâu chắc, vững bền, vun bồi rất nhọc nhằn. “Căn cội” ấy chính là luân lý, đạo đức, giáo dục nhân quả. Vì vậy, với nền giáo dục ấy, ai nấy đều là người tốt, mọi chuyện đều tốt lành, xã hội an định.

Khi trẻ khỏe, vì xã hội, vì quốc gia, vì gia đình tạo phúc, lúc tuổi già hưởng phúc. Điều này khác với ngoại quốc. Ngoại quốc đến tuổi xế chiều rất đáng thương, đối với Trung Quốc thì tuổi già là lúc hạnh phúc nhất, hưởng phúc từ sáu mươi tuổi trở đi. Trước kia làm quan, làm quan đến 70 tuổi bèn về hưu. Quan lại đến khi 70 tuổi bèn cáo lão hồi hương, trở về nhà dưỡng lão, hưởng phúc.

Vì vậy, từ “*thiện*” này trọng yếu lắm, thiện nam tử, thiện nữ nhân. “*Giai vị nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm*” (Đều được hết thấy chư Phật hộ niệm). Dẫn kinh điển nhiều như thế cho quý vị thấy: Chẳng phải chỉ có một bộ kinh này nói như vậy, mà đức Thế Tôn thường nói như thế.

Tiếp theo đó, sách viết: *“Hựu niệm Phật chi nhân hữu tứ thập lý quang minh chiếu thân, ma bất năng phạm”* (Lại nữa, người niệm Phật thân có ánh sáng chiếu xa 40 dặm, ma chẳng thể xâm phạm). Nhất tâm chuyên niệm, trong kinh Đại thừa đã dạy: *“Phát Bồ Đề tâm, nhất tâm chuyên niệm”*. Bồ Đề tâm là tâm giác ngộ thật sự. Ánh sáng chiếu xa 40 dặm: Trong Phật pháp gọi 40 dặm là một do tuần. Ánh sáng này là gì? Đó là ánh sáng tự tính, cũng là “thiện” được nói trong phần trước: Thiện tâm, thiện nguyện, thiện hạnh. Ánh sáng như trong kinh Phật nói, con người hiện tại gọi là *“tù trường”*.

Người niệm Phật ở lại nơi đây, tù trường trong vòng 40 dặm sẽ khác hẳn. Một người tu hành chân chính ở nơi này, hoặc là trong một đạo tràng nhỏ, nếu không có đạo tràng nhỏ, thì hoàn cảnh nơi người ấy sống, chúng tôi tin là cả nhà người ấy đều học Phật. Trong nhà ấy, thông thường có nhân số khoảng 300 người. Người già trong nhà học Phật sẽ dẫn dắt mọi người cùng nhau học Phật.

Vì vậy, chúng ta có thể tin tưởng là một trang viên^{19[7]}, một thôn xóm, một tiểu trấn ấy chắc chắn đều bị cảm hóa.

19[7] Một trang viên là một đơn vị kinh tế độc lập trực thuộc quyền sở hữu của một quý tộc hoặc một danh gia vọng tộc hay một kẻ giàu có thời cổ, tương tự như các lãnh địa của các lãnh chúa tại Âu Châu. Trang viên thường có ruộng đất riêng, có tường vây bao bọc, hay hàng rào phòng vệ, có quy củ, luật lệ riêng, theo mô hình kinh tế tự cung, tự cấp. Trong những trang viên lớn thường có xưởng chế biến thực phẩm, quần áo, vật dụng, kho dự trữ, hoặc các công xưởng chế tạo vật dụng. Tại Trung Quốc, trang viên đã có từ thời Nam Bắc Triều, nhất là do tình hình loạn lạc thường xuyên, các thủ lĩnh, phú hào địa phương càng ngày càng có khuynh hướng chiếm đoạt, sát nhập đất đai vào lãnh địa của mình để tăng cường oai thế. Trang viên còn được gọi là điền trang, trang điền, trang trạch, trang viên, sơn trang.

Mấy năm trước đây, tại tiểu trấn Thang Trì, chúng tôi chỉ là làm thí nghiệm, chỉ dùng *Đệ Tử Quy* để dạy học, khiến cho 48.000 cư dân trong tiểu trấn ấy, nam, nữ, già, trẻ, các ngành nghề cùng học, đại khái là trong thời gian 3-4 tháng, lòng người bèn chuyển biến, từ trường hoàn toàn khác hẳn. Do vậy, chuyện này là thật, chúng ta có thể tin “ma chẳng thể phạm”.

Nay, chúng tôi nói những lời này, có ai tin tưởng hay không? Người ta bảo đó là chuyện thần thoại, chẳng thể nào có! Nói thật ra, đấy chẳng phải là Phật không linh, cũng chẳng phải pháp không linh. Hiện thời chẳng có hiệu quả, thì phải nên biết toàn là do bản thân chúng ta tuy học Phật nhưng tâm bất chính! “*Bất chính*” là không chịu buông tà mê xuống, bị tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần từ ngoại cảnh dụ dỗ, mê hoặc, thời thời khắc khắc động tâm, bị hoàn cảnh bên ngoài xoay chuyển. Nay, chúng ta niệm Phật. Nguyên nhân khiến cho hoàn cảnh của chúng ta khác với hoàn cảnh được nói trong kinh là ở chỗ này.

Tiếp theo, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ dùng một đoạn ngắn để kết luận: “*Do thượng khả kiến, niệm Phật chi nhân, hữu Di Đà sở khiến chi nhập ngũ Bồ tát, ư nhất thiết thời xứ, ủng hộ gia trì, hựu hữu Bồ tát Đại Thế Chí đẳng, oai đức nhiếp thọ, phục vi nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm*” (Do những điều trên đây có thể thấy người niệm Phật được 25 vị Bồ tát do Phật A Di Đà sai đến ủng hộ gia trì trong hết thủy lúc, hết thủy nơi, lại có những vị như Bồ tát Đại Thế Chí v.v... oai đức

nhiệp thọ, lại được hết thầy chư Phật hộ niệm). Phúc báo này lớn nhiều, là phúc báo bậc nhất! Chư vị phải biết: Tu tập thật sự thì mới được ủng hộ, gia trì như thế.

“Cố đắc viễn ly ma nạn, an ổn tu trì. Trượng tha lực cố, hóa hiểm vi di, xưng vi di hành đạo” (Cho nên được xa lìa ma nạn, an ổn tu trì; do cậy vào tha lực nên hóa hiểm thành lành, do đó pháp này được gọi là đạo dễ hành). Cư sĩ Lưu Tố Vân là một tấm gương tốt cho chúng ta. Bà ta là người hết sức thật thà, hết sức hướng nội, cả đời chỉ sợ danh lợi, trọn chẳng tiếm nhiễm danh lợi. Do bị bệnh, niệm Phật được lành bệnh, cảm động bao nhiêu người.

Giới truyền thông tới phỏng vấn bà ta. Sau khi đĩa DVD được phát hành đã cảm động vô số người. Đúng là ban cho chúng ta một gương tốt về đạo dễ hành: Hết sức đơn giản là vạn duyên buông xuống, nhất tâm nhất ý nương cậy Phật A Di Đà. Do bà ta chẳng sợ chết, nên bệnh nặng như vậy, hoàn toàn chẳng lo lắng. Bác sĩ bảo bà ta có thể chết bất cứ lúc nào, bảo bà hãy chuẩn bị tâm lý. Bà ta nói: “Tôi chẳng bận tâm đến điều ấy, lúc nào tôi cũng mong mỏi Phật A Di Đà đến tiếp dẫn tôi. Thế giới Cực Lạc là quê cũ của tôi”. Chẳng có chút cảm giác hoảng sợ gì, tâm bình khí hòa. Đó là điều khiến cho bác sĩ và y tá trong bệnh viện hết sức bội phục.

Cớ sao bà ta an tường dường ấy, chẳng sợ hãi tí nào, chẳng lo buồn chút nào? Do nguyên nhân gì vậy? Về sau, họ biết bà ta là người học Phật, niệm Phật. Do đó, phong khí

niệm Phật lan truyền, người niệm Phật ở chỗ bà ta sống trở nên đông hơn. Kẻ không tin cũng tin tưởng. Kẻ chẳng niệm Phật cũng niệm Phật. Hiện thời, tiếng tăm lan truyền, mọi người đều biết đến, các nơi đều mời bà ta. Tôi nói: “Tốt lắm!”. Bà ta cũng rất vui vẻ, nghe lời. Tôi bảo: “Đây là Phật A Di Đà trao sứ mệnh cho bà. Bà phải đi nhiều, gặp gỡ nhiều, trao đổi nhiều, khiến cho càng nhiều người hiểu rõ, giác ngộ”. Chuyện này chẳng giả, bà ta hiện thân thuyết pháp, có đạo lý thật lớn trong ấy!

Tiếp theo, cụ Hoàng nêu ra một vấn đề. Vấn đề này rất có thể xảy ra. Có những người học Phật: “*Hoặc dĩ đàm tha lực vi trước tướng*” (Hoặc có người cho rằng, bảo tha lực là chấp tướng). Ai thế? Người học Thiền Tông, họ chê quý vị chấp tướng. Chấp tướng được thôi! Chúng ta chấp tướng, nhưng chấp tướng để cầu vãng sinh. “*Ưng tri tha lực, diệt thị tự tâm, tự tha bất nhị*” (Nên biết tha lực cũng là tự tâm, tự và tha chẳng hai). Trong Tịnh Tông thường nói “*Tự tính Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”. Tự tha là một, tự tha bất nhị, “*tự tha uyển nhiên*” (tự tha rành rành). Tự và tha có hay chẳng? Có! Nói theo Lý, cùng một tự tính; nói theo Sự, cùng do một tự tính sinh ra. Tự tính có thể sinh ra vạn pháp.

“*Nhân tha lực nhi hiển tự tâm, tùng hữu niệm dĩ nhập vô niệm, chính thị bản pháp thâm diệu xứ*” (Do tha lực mà hiển lộ tự tâm. Từ hữu niệm mà nhập vô niệm. Đây chính là chỗ sâu màu của pháp này). Nếu chúng ta gặp phải người phê phán chúng ta, quý vị hãy nên liễu giải: Nếu họ hiểu đạo lý

này, thì có thể trả lời. Nếu chẳng hiểu, bèn cười thôi! Niệm A Di Đà Phật là được rồi: “Mặc kệ ông nói như thế nào, tôi vẫn một câu A Di Đà Phật. Tôi cung kính ông, pháp môn của ông hay lắm, tôi tán thán. Pháp môn này của tôi chẳng bằng, căn tính của tôi kém hơn ông. Coi thử trong tương lai, hai người chúng ta, ai sẽ thành công?”. Chẳng cần phải kèn cựa trong hiện tại, nhìn vào sự thành tựu sau này để chứng thực!

“Thị cố Di Đà Yếu Giải vân: Thử chi pháp môn, toàn tại liễu Tha tức Tự. Nhược hựu ngôn Tha Phật, tắc thị Tha Kiến vị vong” (Vì thế, sách *Di Đà Yếu Giải* viết: “Pháp môn này chú trọng hiểu rõ Tha chính là Tự. Nếu không nói đến Phật khác, tức là Tha Kiến chưa hết”). Kẻ ấy vẫn còn phân biệt, vẫn đang chấp trước. *“Nhược thiên trọng Tự Phật, khước thành Ngã Kiến điên đảo”* (Nếu khẳng khẳng coi trọng Phật của mình, sẽ thành Ngã Kiến điên đảo).

Ngẫu Ích Đại sư nói hay quá! Do Ngẫu Ích Đại sư sống vào cuối đời Minh, phong khí Thiền học rất thịnh, Thiền xem thường Tịnh Độ. Do vậy, Liên Trì Đại sư phương tiện thiện xảo, chú giải kinh *A Di Đà* dùng “*thập môn khai hải*” của kinh *Hoa Nghiêm* để nâng kinh *Di Đà* lên cảnh giới giống hệt như *Hoa Nghiêm*. Đây là phương tiện khéo léo và dụng tâm của Ngài. Trong thời đại ấy, phong khí Thiền học cực thịnh, làm thế nào để khiến người ta tin tưởng Tịnh Độ.

Những năm xưa kia, tôi ở Đài Loan. Lúc ấy vừa mới có một đạo tràng nhỏ là Hoa Tạng Đồ Thư Quán. Khéo sao có

một du học sinh người Mỹ du học tại Đài Loan để học Phật pháp, học chương trình nghiên cứu sinh tại Đài Loan.

Cô ta tìm đến tôi, ở lại Đồ Thư Quán. Cô nói tiếng Hoa khá sõi, rất khó có. Cô gái ấy hai mươi mấy tuổi. Tôi hỏi cô học tiếng Hoa ở đâu? Cô ta học tại Nữ Ước ba năm. Chúng tôi rất bội phục, học chỉ ba năm mà nói tiếng Hoa rất lưu loát, có thể đọc hiểu cổ văn Trung Quốc, quá khó có! Cô ta nghe tôi giảng kinh *Di Đà*, mong tôi sang Mỹ hoằng pháp. Cô ta nói: “Thưa pháp sư! Thầy đến Mỹ thì mới có thể chấn hưng Tịnh Độ Tông”. Cô ta ở chỗ tôi 4 tháng.

Đây cũng là một nhân duyên khiến tôi sang Mỹ, vì lúc ấy, nước Mỹ chỉ có Thiền Tông và Mật Tông. Thiền Tông từ Nhật Bản truyền sang. Mật Tông từ Tây Tạng truyền đến. Pháp sư Trung Quốc rất nhiều, nhưng ở bên ấy chẳng dễ gì truyền thừa Đại thừa Phật pháp Trung Quốc.



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 15



Chúng ta cùng xem tiếp *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang thứ 14, dòng thứ 3, từ dưới đếm lên.

Mấy câu trong sách *Yếu Giải* của Ngẫu Ích Đại sư nói trên có ý nghĩa rất sâu. Sở dĩ, phàm phu rất khó thành Phật. Mấu chốt là ở chỗ này: Nói chung là do chẳng buông phân biệt, chấp trước xuống được! Ở đây, nói về phân biệt và chấp trước. Bất luận tu pháp môn nào, do tập khí từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta rất dễ phạm sai lầm.

Tổ sư đã giảng về pháp môn này rất hay: “*Toàn tại liễu Tha tức Tự*”. “*Liễu*” là hiểu rõ, biết Tự và Tha bất nhị. Tha là Phật A Di Đà. Tự là chính mình. Phật A Di Đà và chính mình vốn cùng một Thể, là tự tính Di Đà. Phật A Di Đà do đâu mà có? Do tự tính biến. Ta do đâu mà có? Cũng do tự tính biến. Ta và Phật A Di Đà có cùng một tự tính.

Đạo lý này rất sâu, thật sự khế nhập cảnh giới này, khẳng định chuyện này là thật. Đó gọi là “*chứng đắc*”. Trong Tông Môn nói: “*Minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật*”. Tha Phật và Tự Phật là một. Hết thấy chư Phật mười phương ba đời đều do tự tính này biến ra. Hết thấy chúng sinh trong hư không pháp giới cũng do tự tính này biến ra.

Trong *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán*, Hiền Thủ Quốc sư đã giảng thấu triệt chuyện này, giảng hết sức rõ ràng! Quý vị hiểu chư Phật Như Lai và đông đảo chúng sinh có quan hệ gì

với ta, hiểu rõ ràng. Nói theo mặt quan hệ, thì là luân lý. Do vậy, tại nhiều quốc gia, luân lý rất được coi trọng. Từ xưa tới nay, luôn nhấn mạnh luân lý. Luân lý là nói tới mối quan hệ giữa con người với nhau.

Trong Phật pháp, luân lý được giảng viên mãn nhất. Không chỉ giảng về quan hệ giữa con người với nhau, mà quan hệ giữa con người và tất cả hết thảy động vật, quan hệ với tất cả hết thảy cây cối, hoa cỏ, quan hệ với núi, sông, đại địa. Mối quan hệ giữa các chiều không gian khác biệt trong hư không và các sinh vật, những mối quan hệ ấy đều được Phật pháp nêu ra toàn bộ. Có thể nói: Đại thừa Phật pháp đã giảng luân lý đến rất ráo viên mãn.

Đặc biệt là *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*, chúng ta thấy các phẩm *Thế Giới Thành Tựu* và *Hoa Tạng Thế Giới* đều giảng về luân lý. Làm thế nào để xử lý thật tốt đẹp những mối quan hệ ấy, đó là đức hạnh. Trong tự tính vốn có trí tuệ và đức tướng, xử lý đều chẳng lìa tự tính, từ Tính đức lưu lộ. Cổ nhân đã thật sự khai quật được cốt lõi của Tính đức, cốt lõi ấy là Hiếu. Vì vậy, đối với văn hóa truyền thống của nhiều dân tộc, dùng một chữ Hiếu để nói!

Trong Phật pháp, cũng là một chữ Hiếu này! Vì thế, Phật pháp truyền đến nhiều quốc gia, bèn rất nhanh chóng dung hợp với văn hóa bản địa thành một Thể. Căn bản của chúng là một, chẳng hai. Quý vị thấy phần *Tịnh Nghiệp Tam Phúc* trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ Phật* của Tịnh Tông, câu

đầu tiên là “*Hiếu dưỡng phụ mẫu*”, câu thứ hai là “*Phụng sự sư trưởng*”.

Văn hóa truyền thống của nhiều quốc gia cũng lấy điều này làm cơ sở. “*Hiếu thân, tôn sư*” là hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy. Các tôn giáo và những nền văn hóa khác có quan niệm này hay không? Có! Nói thật ra, thì cốt lõi là một. Do vậy, các tôn giáo trên thế gian có thể đoàn kết, vì cùng một cốt lõi mà! Chẳng có gì không nói tới hiếu đạo. Những tôn giáo và văn hóa khác cũng giảng rõ ràng như Phật và Nho. Họ nói đến “*ái*” (lòng yêu thương): Chúa yêu thương người đời, Thượng Đế yêu thương người đời; họ nói đến nhân từ. Trên thực tế, đều là cùng một ý nghĩa, một cốt lõi.

Có thể thật sự giác ngộ chẳng dễ dàng! Sau khi giác ngộ, những tri kiến ấy chẳng còn, sẽ không còn nói Tha Phật hay Tự Phật, chẳng còn ý niệm ấy nữa! Có ý niệm ấy chẳng phải là đối lập hay sao? Có Tự, sẽ có Tha. Vì vậy, Ngẫu Ích Đại sư nói: “*Nếu ký hựu Tha Phật, thì chưa hết Tha Kiến*”. Nếu thiên trọng Tự Phật, đó là Ngã Kiến điên đảo, chưa hết Ngã Kiến. Tự và Tha đối lập sẽ biến thành hai pháp, chẳng phải là Phật pháp. Giống như Huệ Năng Đại sư ở chùa Quang Hiếu (hiện thời) là Quang Hiếu Tự^{20[1]}, gặp gỡ pháp sư Ấn Tông lần đầu tiên, pháp sư Ấn Tông thỉnh giáo Tổ: “*Khi Ngài ở Hoàng Mai,*

20[1] Chùa Quang Hiếu vốn có tên là Chế Chi, vốn là nền trường học cũ của Ngu Phiên, được khai sơn vào khoảng năm 233. Chùa trở thành đạo tràng hoàng pháp của pháp sư Ấn Tông trong niên hiệu Nghi Phụng đời Đường Cao Tông. Chùa đổi tên thành Báo Ân Quảng Hiếu Tự vào năm Thiệu Hưng 20 (1150) đời Cao Tông nhà Nam Tống, về sau rút gọn tên gọi và đổi Quảng thành Quang, nên chùa có tên là Quang Hiếu Tự như hiện thời. Chùa Quang Hiếu cũng là nơi Tể Tướng Phòng Dung giúp pháp sư Bát Lạt Mật Đế nhuận sắc bản dịch kinh *Lăng Nghiêm* khi ông bị Võ Tắc Thiên đày xuống Khâm Châu (nay là huyện Khâm Châu, tỉnh Quảng Đông).

Ngũ Tổ lão nhân gia giảng thiền định và giải thoát như thế nào?”. Huệ Năng Đại sư giải thích, giảng giải thiền định và giải thoát, giải thoát có nghĩa là Niết Bàn. Huệ Năng Đại sư nói: *“Thiền định và giải thoát là hai pháp, hai pháp chẳng phải là Phật pháp, Phật pháp là pháp bất nhị”*. Nên giải thích câu nói này của Đại sư như thế nào?

Chúng ta có thấu hiểu hay chẳng? Pháp sư Ấn Tông còn thấy hai pháp, tức là vẫn còn có phân biệt, chấp trước. Huệ Năng Đại sư đã dung hội cả hai thành một Thể. Không chỉ thiền định và giải thoát là một, không hai, mà hết thảy các pháp đều là một. Pháp thế gian và Phật pháp cũng là một. Giác ngộ, thì gọi là xuất thế gian pháp, hay Phật pháp; chưa giác ngộ, thì gọi là thế gian pháp. Đúng là một, không hai. Sau khi giác ngộ, chẳng tìm được hai; vì vậy, nhập Bất Nhị môn. Vì sao? Phân biệt, chấp trước, ngay cả khởi tâm động niệm đều không có, lấy đâu ra hai pháp?

Mấy câu này giảng về pháp môn Bất Nhị. Nói theo cách bây giờ, đây là triết học cao cấp trong kinh Phật. Chúng ta nghe xong có thể hiểu, thì “nghe hiểu” chính là lãnh hội lời giảng của cổ đức. Nghe không hiểu là chưa lãnh hội. Lãnh hội được thì tốt lắm, chưa lãnh hội cũng chẳng sao, cứ thật thà niệm Phật là được rồi. Vâng lời, thật sự thật thà vâng lời, quý vị thật sự tu, chắc chắn có thể thành tựu. Đây là bí quyết.

“Định, ám hợp diệu đạo, xảo nhập vô sinh” (Đoạn thứ tư, thâm hợp đạo màu, khéo nhập vô sinh). Đây là nói pháp

môn Trì Danh Niệm Phật này tương ứng với mình tâm kiến tính, tuy còn chưa đạt đến trình độ ấy, nhưng có cùng một phương hướng, một mục tiêu, chắc chắn tốt đẹp. Đó là “*ám hợp diệu đạo*”. “*Xảo nhập vô sinh*”: Vô sinh là kiến tính, thật sự thấy hết thấy các pháp chẳng sinh diệt. Sinh diệt chẳng hai. Pháp môn này là phương tiện thiện xảo khiến cho chúng ta cũng có thể khế nhập vô sinh.

“*Phù vô niệm dữ vô sinh, viễn phi phạm phu chi sở năng*” (Vô niệm và vô sinh vượt xa ngoài khả năng của phàm phu). Vô niệm là vô sinh, chúng ta phải thấu hiểu ý nghĩa ở đây: Có sinh thì sẽ có niệm! Chúng ta chưa phải thuộc cảnh giới này, mà cũng chưa nhập cảnh giới này, nhưng người đã học *Hoàn Nguyên Quán* sẽ hiểu vũ trụ xuất hiện như thế nào? Vạn vật xuất hiện như thế nào? Do ý niệm mà có. Ý niệm vừa khởi, vạn vật và vũ trụ bèn hiện tiền. Ý niệm chẳng có, ngay lập tức, chúng cũng chẳng còn! Bồ tát Di Lặc nói ý niệm sinh diệt vô cùng nhanh, trong một giây có bao nhiêu niệm? Có một tỉ hai trăm tám mươi triệu, có nhiều niệm dường ấy.

Ngài nói: Do niệm niệm tiếp nối, nên dường như có sinh; nếu ý niệm “có một niệm” này đã đoạn, cảnh giới vô sinh sẽ hiện tiền. Vô sinh là gì? Vô sinh là Thường Tịch Quang. Trong ấy chẳng có hiện tượng sinh diệt, chẳng sinh, chẳng diệt. Huệ Năng Đại sư đã thấy, quý vị thấy trong bài báo cáo gồm 5 câu của Ngài, câu thứ hai là: “*Hà kỳ tự tính, bản vô sinh diệt*” (Nào ngờ tự tính vốn chẳng sinh diệt). Ngài đã thấy, chứng đắc, Ngũ Tổ mới truyền y bát cho Ngài, chẳng truyền

cho Thần Tú, vì Thần Tú có thấy sinh diệt: *“Thân thị Bồ Đề thụ. Tâm như minh kính đài”* (Thân như cội Bồ Đề. Tâm như đài gương sáng), có sinh, có diệt, còn người ta (Huệ Năng) thật sự thấy vô sinh. Vì vậy, cảnh giới không giống nhau.

Cảnh giới ấy chẳng phải là cảnh giới phàm phu, mà là cảnh giới của ai? Trong giáo pháp Đại thừa thường nói: *“Viên Giáo Bát Địa Bồ tát, ly nhất thiết tâm ý thức phân biệt, thỉ danh chân đắc Vô sinh Pháp Nhẫn”* (Bậc Bát Địa Bồ tát trong Viên Giáo, lìa hết thấy tâm ý thức, phân biệt, mới thật sự được gọi là đắc Vô sinh Pháp Nhẫn). *“Vô sinh”* là Vô sinh Pháp Nhẫn. Vô sinh Pháp Nhẫn là gì? Nhẫn là tán thành.

Quý vị đã thấy, cũng chẳng có chút hoài nghi nào. Quý vị chứng nhận điều ấy. Do vậy, *“nhẫn”* có nghĩa là tán thành, khẳng định. Đức Phật giảng pháp Vô sinh *“hết thấy các pháp chẳng sinh, hết thấy các pháp chẳng diệt”*. Người ấy tiếp nhận, khẳng định. Chúng ta nghe câu này, nhất định sẽ nói: “Thưa Phật Thích Ca Mâu Ni! Con thấy đời người có sinh, lão, bệnh, tử, thấy hoa nở, hoa tàn, lẽ nào chẳng có sinh diệt?”. Chúng ta không hiểu! Thật vậy! Thật sự chẳng có sinh diệt! Đối với kiến thức thông thường này, muốn hơi hiểu rõ một chút, hãy đọc bộ *Hoàn Nguyên Quán*. Trong ấy đã giảng rất rõ ràng, chúng ta chưa thể chứng thực, nhưng Bát Địa Bồ tát đã thấy.

Đọc kinh *Hoa Nghiêm*, chúng ta thấy Sơ Trụ Bồ tát thuộc Viên Giáo phá vô minh, chứng Pháp Thân. Ngài đã thấy vô

niệm, vô sinh, thoát ly mười pháp giới. Thừa quý vị, mười pháp giới có sinh, có diệt. Mười pháp giới do đâu mà có? Do A Lại Da biến hiện. Những điều các khoa học gia hiện thời nói rất giống với ba tế tướng của A Lại Da.

Các khoa học gia nói: Trong vũ trụ, chỉ có ba thứ, trừ ba thứ ấy ra, thứ gì cũng đều không có. Ba thứ ấy là gì? Thứ nhất là *năng lượng*, thứ hai là *vật chất*, thứ ba là *thông tin*. Đức Phật giảng ba tế tướng của A Lại Da, thứ nhất là *Nghiệp Tướng*, thứ hai là *Chuyển Tướng*, thứ ba là *Cảnh Giới Tướng*. Nghiệp Tướng là năng lượng, Chuyển Tướng là thông tin, Cảnh Giới Tướng là vật chất.

Chúng ta không thể không bội phục các nhà khoa học, họ cũng phát hiện, nhưng chẳng nói rõ ràng như đức Phật. Đức Phật nói ba hiện tượng này do đâu mà có? Các nhà khoa học, họ không biết ba hiện tượng này lại biến hiện ra vũ trụ, vạn vật, con người chúng ta như thế nào, chẳng nói được! Khoa học cận đại có thể phát hiện ba thứ này, cũng đâu phải dễ dàng!

Sơ Trụ Bồ tát buông khởi tâm động niệm xuống, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước. Sau khi khởi tâm động niệm mới có phân biệt. Sau khi phân biệt mới có chấp trước.

Những thứ này thả đều buông xuống, sẽ sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chưa đến được Thường Tịch Quang, có thể nói là “*chứng Thường Tịch Quang, nhưng chưa kế nhập*”. Vì sao? Còn tập khí vô minh chưa đoạn. 41 địa vị

Pháp Thân đại sĩ có tập khí vô minh dày hay mỏng khác nhau; nếu toàn bộ tập khí đã đoạn hết, cõi Thật Báo Trang Nghiêm cũng chẳng còn.

Họ đến nơi đâu? Tới cõi Thường Tịch Quang. Trong Thường Tịch Quang, không có hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần. Đúng là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Quý vị không có cách nào tưởng tượng, diễn tả được. Nó thật sự tồn tại, vĩnh hằng tồn tại, chẳng sinh, chẳng diệt. Có khởi tác dụng hay không? Khởi tác dụng!

Chúng sinh có cảm, nó bèn ứng; sự cảm ứng đạo giao này cũng rất khó tưởng tượng. Thuở trẻ, chúng tôi học Phật pháp, thầy cũng chẳng giảng rõ ràng chuyện này, khiến chúng tôi luôn hoài nghi. Nỗi hoài nghi ấy chẳng có vấn đề, trong Phật pháp gọi [nỗi hoài nghi ấy] là “*nghi tình*”, thường nghi, chưa thể đoạn. Huân tập kinh giáo Đại thừa một thời gian dài, tôi mới dần dần lãnh ngộ. Sự lãnh ngộ ấy là ngộ, là giải ngộ, chưa phải chứng ngộ. Giải ngộ, chẳng hoài nghi nữa! Có lý, đạo lý cũng đã hiểu. Có Lý đương nhiên có Sự, có Sự đương nhiên có Lý. Từ Sự mà hiểu rõ Lý, từ Lý cũng liễu giải Sự. Vì sao chưa thể chứng đắc? Chưa buông khởi tâm động niệm xuống được! Phân biệt, chấp trước nhẹ hơn người bình thường. Vì sao người bình thường ngay cả giải ngộ cũng gặp khó khăn dường ấy? Do phân biệt, chấp trước quá nặng, điều này chướng ngại ngộ môn của quý vị, chưa thể chứng ngộ. Quý vị thấy giải ngộ còn bị chướng ngại, huống hồ chứng ngộ!

Tu hành Phật pháp chẳng có chi khác, buông xuống, triệt để buông xuống! Bồ Đại hòa thượng đã biểu thị pháp đến nơi đến chốn. Ngài sống vào đời Tống, cùng một thời với Nhạc Phi. Bồ Đại hòa thượng là Bồ tát Di Lặc, người Hoa gọi Ngài là Hoan Hỷ Phật. Đây là một nhân vật truyền kỳ, nhưng trong *Cao Tăng Truyện* có truyện ký về Ngài. Trong truyện ký, chẳng ghi tên họ của Ngài vì không ai biết, Ngài là người xứ nào cũng không biết.

Ngài xuất hiện tại Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang. Nơi Ngài trụ là chùa Tuyết Đậu. Ngôi chùa này, hiện thời là đạo tràng của Bồ tát Di Lặc. Ngài ở nơi đó. Mập mập, luôn tươi cười, hằng ngày ra ngoài hóa duyên, bất luận người ta cho thứ gì đều nhét vào túi vải. Có một lần, trên đường, gặp mấy người thừa hỏi lão nhân gia: “Phật pháp là gì?”. Ngài bỏ cái túi vải xuống đất, buông thông hai tay, thể hiện tư thế như vậy, chẳng nói một câu nào! Người ta nhìn ra: “Đó là buông xuống. Sau khi buông xuống sẽ làm như thế nào?”.

Ngài khoác túi vải lên lưng bỏ đi, chẳng đoái hoài đến ai. Ngài đã thật sự trả lời, thật sự giảng rõ ràng. Phật pháp là gì? Buông xuống là Phật pháp. Quý vị thấy: Trong giáo pháp Đại thừa, buông chấp trước xuống bèn chứng A La Hán, buông phân biệt xuống là Bồ tát; buông khởi tâm động niệm xuống, quý vị bèn thành Phật. Từ đầu đến cuối đều dạy quý vị buông xuống, buông xuống tới mức chẳng còn gì hết. Ngay cả sự buông xuống ấy cũng buông luôn, quý vị sẽ thành Phật.

Sau khi thành Phật thì sao? Nâng lên! Buông xuống được, sẽ nâng lên được! Nâng lên là gì vậy? “Nâng lên” là phổ độ chúng sinh. Nói theo từ ngữ hiện thời, “độ” là giúp đỡ, giúp sức, góp tay. Chúng sinh có khổ nạn, quý vị giúp họ. Chúng sinh đang mê hoặc, chưa giác ngộ, quý vị giúp họ giác ngộ. Dùng phương pháp gì? Giảng kinh, dạy học.

Quý vị thấy Phật Thích Ca Mâu Ni dùng phương pháp này. Chúng ta đều thấy *“thân hành, ngôn giáo”*: những gì Ngài đã nói, Ngài đều thật sự làm được. Thân hành, ngôn giáo, giảng kinh, thuyết pháp, Phật Thích Ca Mâu Ni suốt đời làm chuyện như vậy. Ba mươi tuổi khai ngộ, khai ngộ rồi bắt đầu dạy học, 79 tuổi viên tịch. Giảng kinh, dạy học suốt 49 năm, những điều Ngài đã nói Ngài đều làm được toàn bộ, chẳng có điều nào không làm! Ngài dạy chúng ta như dạy trẻ vỡ lòng. Thập Thiện Nghiệp Đạo, Ngài làm được, chẳng sát sinh, không trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng nói đôi chiều, chẳng nói thù dật, chẳng ác khẩu, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, thật sự làm được, làm thanh tịnh.

Tam Quy là buông xuống “mê, tà, nhiễm”, nương theo “giác, chính, tịnh”, đó là Tam Quy, Ngài làm được. Ngũ Giới Ngài làm được. Kinh giáo dạy chúng ta buông chấp trước xuống, Ngài làm được. Buông phân biệt xuống, Ngài cũng làm được. Buông khởi tâm động niệm xuống, Ngài làm được. Sau đấy, bảo quý vị: Chỉ cần quý vị thật sự chịu buông xuống, trong tự tính có sẵn vô lượng trí tuệ; vô lượng công đức và vô lượng tướng hảo thấy đều trọn đủ trong tự tính.

Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Thế Tôn dạy: “*Hết thấy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai*”. Thật đấy, chẳng giả đâu! Huệ Năng Đại sư khai ngộ, nói: “*Hà kỳ tự tính, bản tự cụ túc*” (Nào ngờ tự tính, vốn tự trọn đủ), có cùng ý nghĩa như kinh *Hoa Nghiêm* đã nói.

Khi quý vị buông xuống, Tính đức trong tự tính hiện tiền, bất luận quý vị học hay chẳng học, đúng là sáu căn vừa tiếp xúc bèn triệt để hiểu rõ. Đó là bản năng. Cổ nhân đã hiểu điều này, nhưng nói quá đơn giản, cho nên người đời sau quá nửa hiểu cong vẹo, hiểu sai. Cổ nhân chỉ nói một câu: Bản tính vốn thiện. Câu đầu tiên trong *Tam Tự Kinh* là: “*Nhân chi sơ, tính bản thiện*” (Con người thoát đầu, tính vốn thiện). Chúng ta thấy những từ này, ngay lập tức dựa trên văn tự để suy đoán ý nghĩa, ngỡ thiện là gì? Thiện là thiện trong thiện ác.

Chẳng phải vậy! Đó chẳng phải là thiện trong “thiện, ác”, chúng ta đã hiểu lầm mất rồi! Làm thế nào để hiểu “thiện” trong câu nói đầu tiên của *Tam Tự Kinh* chẳng phải là thiện trong thiện ác? Hãy dùng đạo lý được giảng trong kinh Phật để đọc lời lẽ của tổ tiên. Do vậy, ông Thang Ân Tử (Arnold J. Toynbee) nói rất hay! “*Người Trung Quốc tâm lượng rất lớn, dung nạp văn hóa Ấn Độ, đó là dung nạp văn hóa ngoại lai, Phật giáo Ấn Độ đã làm phong phú văn hóa bản địa của Trung Quốc*”. Chúng ta nói “thiện” ở đây chẳng phải là thiện trong “thiện, ác”. Điều này đã làm phong phú văn hóa bản địa của Trung Hoa. “Thiện” ở đây là tự tính, chẳng phải là

thiện trong thiện ác. Có thiện và ác sẽ chưa phải là thiện. Vì sao? Có phân biệt, chấp trước.

Thiện ở đây là gì? Là tự tính như trong kinh Phật đã nói, pháp môn Bát Nhị mới gọi là “thiện”. Nhị là bất thiện; thiện ác là hai pháp, đối lập, chẳng thiện. Thiện thật sự chẳng có đối lập. Nhà Phật nói Tính, Tướng, Lý, Sự, nhân, quả là một, không hai, lúc đó mới là thiện. Ý nghĩa này cũng rất sâu, Đại thừa Phật pháp mới viên dung. Có phải là ý nghĩa này hay chẳng? Đúng vậy, vì tự tính viên dung hết thấy các pháp, tuyệt đối chẳng hiểu sai ý nghĩa.

Chúng ta thấy Bát Địa Bồ tát *“ly nhất thiết tâm ý thức phân biệt”* (lìa hết thấy tâm ý thức phân biệt). Bát Địa Bồ tát đã sớm chẳng còn tâm ý thức. Vì sao? Trong Viên Giáo, Sơ Trụ Bồ tát đã thoát ly mười pháp giới, sinh về cõi Thật Báo, đã chuyển thức thành trí, lẽ nào còn có tâm ý thức phân biệt? Câu này nên hiểu ra sao? Câu này nói về tập khí vô minh từ vô thủy. Tập khí này hết sức mỏng nhẹ, hữu tình chúng sinh trong mười pháp giới, kể cả Phật, Bồ tát, Thanh Văn, Duyên Giác trong mười pháp giới hoàn toàn chẳng biết tập khí này hiện hữu, hưởng hồ phàm phu chúng ta!

Chúng ta tưởng các Ngài đã hoàn toàn đoạn hết, nào ngờ họ chẳng thấy tập khí. Tập khí rất mỏng, chính các Ngài có biết hay không? Chính các Ngài chẳng biết, nhưng người có địa vị cao hơn các Ngài sẽ biết, người có địa vị thấp hơn các Ngài không biết. Cũng có nghĩa là Thất Địa không biết

cảnh giới của Bát Địa, nhưng Bát Địa biết Thất Địa; Địa dưới không thể biết Địa trên.

Ở đây nói: *“Lìa hết thấy tâm ý thức phân biệt”* là nói đến tập khí. Tập khí này hầu như đã đoạn được. Đạt tới Bát Địa, thì trên vị Bồ tát ấy có Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, cho đến Diệu Giác sẽ hoàn toàn đoạn dứt, tập khí hoàn toàn chẳng còn. Bốn mươi một phẩm tập khí gần như Ngài đã đoạn hết, lúc ấy mới thật sự là Vô sinh Pháp Nhẫn. Hiểu theo nghĩa rộng, địa vị nào đắc Vô sinh Pháp Nhẫn? Sơ Trụ Bồ tát đã đắc. Vì sao? Vì buông khởi tâm động niệm xuống, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm là đoạn vô minh. Đoạn hết vô minh bèn chứng Pháp Thân, thoát ly mười pháp giới. Vì vậy, chúng ta phải hiểu chỗ này!

Nếu quý vị chẳng hiểu, sẽ hoài nghi: Sơ Trụ Bồ tát chẳng còn khởi tâm động niệm, có sao vẫn chưa thật sự chứng đắc Vô sinh Pháp Nhẫn? Nói theo phía chúng ta, Sơ Trụ Bồ tát thật sự chứng đắc Vô sinh Pháp Nhẫn, nhưng đối với những địa vị cao hơn Ngài, Ngài vẫn chưa chứng. Phải đến lúc Ngài đắc Bát Địa Bồ tát, người ta mới thừa nhận Ngài đã thật sự đắc Vô sinh Pháp Nhẫn. Cửu Địa, Thập Địa, Thập Nhất Địa, Diệu Giác. Thập Nhất Địa là Đẳng Giác. Bốn địa vị trên Bát Địa chắc chắn đã đắc Vô sinh Pháp Nhẫn, vì đã đoạn trừ tập khí.

“Khả kiến thử nãi thánh giả chi sở nan, an năng kỳ chi cụ phục phạm phu” (Có thể thấy bậc thánh còn gặp khó

khăn, làm sao phàm phu đầy dẫy triền phược mà mong làm được). Làm sao chúng ta có thể thực hiện được? Đây là nói vô niệm vô sinh, phàm phu chúng ta chẳng làm được! Sơ Trụ mới chứng đắc vô niệm vô sinh, đến địa vị Bát Địa mới coi như viên mãn, tập khí chẳng còn nữa.

“Thị dĩ Thiện Đạo Đại sư Tứ Thiếp Sớ viết” (Do vậy, trong Tứ Thiếp Sớ của Thiện Đạo Đại sư có nói). Tứ Thiếp Sớ là bản chú giải kinh *Quán Vô Lượng Thọ Phật* của Thiện Đạo Đại sư, bản chú giải có tên là *Tứ Thiếp Sớ*, còn gọi là *Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ*. Đây là trước tác của Thiện Đạo Đại sư. Trong ấy, có một đoạn như thế này:

“Kim thử Quán môn đẳng” (Nay các pháp Quán). Do kinh *Quán Vô Lượng Thọ Phật* giảng tất cả 16 pháp Quán, cho nên *“Quán môn đẳng”* là 16 pháp Quán, đều là *“chỉ phương lập tướng”*, tức là chỉ rõ thế giới Tây Phương Cực Lạc, chỉ ra phương vị, lại còn dạy quý vị cách quán như thế nào.

Pháp Quán thứ nhất, dạy quý vị quán hình dáng mặt trời lặn ở phương Tây. *“Mặt trời lặn giống như cái trống treo”*. Khi mặt trời sắp lặn, đỏ rực như cái trống, bảo quý vị nhìn nó. Phải như thế nào mới là quán thành tựu? Mở to mắt thấy, mà nhắm mắt, nó vẫn ở tại đó, vẫn trông thấy, thì pháp Quán này mới được gọi là *“quán thành”*.

Mười sáu pháp Quán này, bất luận quý vị quán thành tựu một pháp Quán nào, cầu sinh Tây Phương đều có phần, đều có thể vãng sinh thế giới Cực Lạc, không cần quán thành tựu

cả mười sáu pháp. Khó hơn niệm Phật! Chúng ta thấy ấn tượng về mặt trời đỏ rất sâu. Ở trong căn phòng này, chúng ta có thấy mặt trời đỏ hiện hữu hay chẳng? Hiện hữu! Nếu vậy, đó là quán cảnh thành tựu thật sự. Nếu không, pháp Quán này chưa thành. Do vậy, quán tưởng cũng chẳng dễ dàng. Tinh thần quý vị chưa thể chuyên chú, cảnh giới ấy sẽ chẳng hiện tiền. Vì sao có thể hiện tiền? Theo Lý, kinh Đại thừa dạy: *“Hết thấy các pháp sinh từ tâm tưởng”*. Trong tâm quý vị thật sự có, nó sẽ thật sự hiện tướng.

Trong *Thập Lục Quán Kinh* có cách quán tượng Phật, tức là *Quán Tượng Niệm Phật, Quán Tưởng Niệm Phật*. *“Tưởng”* là trong tâm nghĩ tưởng Y báo và Chính báo trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Chỉ cần quý vị vừa tưởng, cảnh giới bèn hiện tiền; khi quý vị chẳng tưởng, cảnh giới không còn nữa! Lúc nào tưởng, lúc ấy cảnh giới hiện tiền, vãng sinh còn có vấn đề gì hay chẳng? Khi lâm chung, tâm tưởng thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc bèn hiện tiền, Tây Phương Tam Thánh đến tiếp dẫn quý vị. Công phu này phải luyện thành trong lúc thường nhật.

Quán Tượng Niệm Phật là tạo một bức tượng Phật A Di Đà, mỗi ngày chiêm ngưỡng, cũng giống như quán mặt trời lặn giống như cái trống treo. Thấy như thế nào? Mở to mắt, nhìn tượng Phật ở trước mặt; nhắm mắt lại, tượng Phật vẫn hiện tiền. Bất luận ở nơi đâu, quý vị vừa nghĩ, tượng Phật liền ở trước mặt, đó là Quán Tượng Niệm Phật.

Pháp Quán cuối cùng, tức pháp Quán thứ 16, là Trì danh. Do vậy, Trì danh Niệm Phật cũng có trong 16 pháp Quán, là pháp Quán cuối cùng trong 16 pháp Quán. Pháp cuối cùng là quan trọng nhất. Ấn Độ và Trung Quốc có rất nhiều tập tục tương đồng, thứ tốt nhất đặt ở cuối cùng, “*áp trục*” (màn chót trong các cuộc biểu diễn nghệ thuật). Cũng có nghĩa là: Nếu dùng những pháp Quán ấy mà quán chẳng thành thì sao? Quán chẳng thành bèn niệm Phật.

Niệm Phật có thể vãng sinh, dễ hơn bất cứ cách nào. Vì vậy, Trì danh Niệm Phật là pháp Quán thứ mười sáu; pháp môn này độ trọn hết thấy chúng sinh hữu duyên. Phải có duyên! “*Hữu duyên*” là quý vị tin tưởng, có tín, có nguyện, thật sự niệm Phật. Đó gọi là “hữu duyên chúng sinh”. Thiện Đạo Đại sư nói: “*Vạn tu, vạn nhân khứ*” (Vạn người tu, vạn người về). Do vậy, cách tu này là “*chỉ phương lập tướng*”. “*Trụ tâm thủ cảnh*” (Lắng tâm giữ lấy cảnh), chẳng phải là vô niệm, vô sinh. “*Trụ tâm*” là bảo quý vị hãy chú tâm nơi cảnh giới, giữ lấy cảnh giới. “*Tổng bất năng vô tướng ly niệm dã*” (Nói chung là chưa thể vô tướng là niệm). *Thập Lục Quán Kinh* chẳng bảo quý vị là tướng, mà cũng chẳng buộc quý vị ly niệm. Phương pháp Trì danh này là pháp Quán thứ mười sáu, đương nhiên cũng là hữu niệm, cũng là hữu sinh, chẳng phải là vô tướng ly niệm.

“*Như Lai huyền tri mạt đại tội trước phạm phu, lập tướng trụ tâm thượng bất năng đắc, hà hướng ly tướng nhi cầu sự giả*” (Như Lai sớm biết phạm phu tội chướng như bản trong

đời Mạt pháp. Lập tướng để trụ tâm còn chưa thể làm được, huống hồ tu tập theo lối lừa tướng). Như Lai ở đây là Phật A Di Đà và Phật Thích Ca Mâu Ni, mở rộng ra là hết thấy chư Phật Như Lai.

Chư Phật Như Lai thị hiện làm Phật trong các thế giới khác nhau, giáo hóa chúng sinh, dùng pháp môn gì? Đều dùng pháp môn Niệm Phật. Vì sao? Pháp môn này thích hợp khắp ba căn, thâm trọn phạm lãn thánh. Trừ pháp môn này ra, người thượng thượng căn có phần, chứ trung, hạ căn chẳng có phần. Chúng sinh càng khổ nạn, mê hoặc, tội chướng, tập khí nặng nề, Như Lai càng đặc biệt thương xót. Để độ chúng, chỉ có pháp môn này.

Pháp môn này của kinh *Vô Lượng Thọ* hết sức thuận tiện, chuyên giảng “trì danh niệm Phật, tín nguyện trì danh” là được rồi, có thể đắc độ, nhưng pháp môn này đúng là pháp khó tin! Chỉ cần quý vị kiên định lòng tin, quyết định chẳng hoài nghi, sẽ đắc độ trong một đời này. Nếu hoài nghi thì sao? Hễ hoài nghi, phải nghiên cứu kinh giáo. Đức Thế Tôn giảng kinh, thuyết pháp 49 năm nhắm vào đối tượng nào? Nhắm vào đối tượng là người có nghi ngờ, đặc biệt nghi ngờ pháp môn Niệm Phật.

Tín tâm của quý vị chẳng kiên định, nguyện tâm chẳng khẩn thiết, làm thế nào đây? Nghe kinh! Đức Phật đã giảng cẩn thận, quý vị nghe rõ ràng, nghe rồi hiểu rõ, tin tưởng. Do vậy, giảng kinh với dụng ý giúp đỡ chúng sinh đoạn nghi

sinh tín. Nếu đã thật sự tin tưởng, chẳng hoài nghi chút nào, có cần phải nghe kinh hay chẳng? Chẳng cần thiết! Quý vị giữ lấy Tịnh Độ, nhất định thành tựu, không còn phải mất công nghe kinh, chỉ niệm một câu Phật hiệu đến cùng. Như vậy, thì trong Niệm Phật Đường có thể chẳng cần nghe kinh ư? Có thể, nhưng vì sao nay trong Niệm Phật Đường, chúng ta yêu cầu họ phải nghe kinh? Họ chưa đủ tín nguyện, chẳng nghe kinh sẽ không xong!

Quý vị đọc *Ấn Quang Đại Sư Văn Sao*, thời đại của Tổ Ấn Quang cách thời đại chúng ta không xa, khoảng bảy mươi, tám mươi năm trước đây. Vào thuở Ấn Quang Đại sư tại thế, Niệm Phật Đường trong thuở ấy không cho phép giảng kinh, chỉ giảng khai thị, chẳng giảng kinh! Vì sao? Lòng người thuần hậu, mọi người vào Niệm Phật Đường đều có tín tâm, chẳng hoài nghi, thật thà niệm Phật. Người niệm Phật hiện thời chẳng thật thà, có nghi hoặc; chẳng đoạn nghi sẽ không được. Chẳng đoạn nghi, thì nó sẽ chướng ngại quý vị. Quý vị thấy trong giáo pháp Đại thừa, đức Phật đã dạy rất hay: *“Nghi là chướng ngại lớn nhất của Bồ tát”*. Chướng ngại gì? Chướng ngại tinh tiến. Nghi còn có thể chướng ngại các Bồ tát tinh tiến, thì đối với lũ phàm phu chúng ta, nó gây chướng ngại càng lớn hơn. Chướng ngại gì vậy? Chướng ngại quý vị giác ngộ.

Quý vị có nghi, nghe kinh không hiểu, đọc kinh chẳng liễu giải ý nghĩa. Điều gì chướng ngại vậy? Chướng ngại chính là lòng hoài nghi. Do quý vị hoài nghi, nên chẳng cung kính

kinh giáo, Phật có muốn gia trì quý vị cũng không được! Ấn Quang Đại sư nói rất hay: *“Một phần thành kính đắc một phần lợi ích, mười phần thành kính đắc mười phần lợi ích”*.

Quý vị thiếu tâm cung kính, vì quý vị hoài nghi. Thiếu tâm cung kính, sẽ chẳng đạt được lợi ích, nghe cũng không hiểu, nghe vài chục năm vẫn không hiểu. Nghe không hiểu vẫn phải nghe. Đức Phật vô cùng từ bi, không ngại phiền phức. Nghe mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, sẽ nghe hiểu, nghe hiểu rồi sẽ chẳng hoài nghi nữa. Khi quý vị chẳng còn hoài nghi, tiến bộ cũng nhanh chóng, sẽ cảm thấy mỗi năm mỗi khác. Tới khi nào, quý vị có thể cảm thấy mỗi tháng đều khác nhau, cảnh giới chẳng giống nhau, chắc chắn quý vị được vãng sinh. Mỗi năm khác nhau, đó là cảnh giới tốt đẹp, nhưng vãng sinh chưa nắm chắc. Mỗi tháng đều khác nhau, thì nắm chắc vãng sinh!

Câu kế tiếp là tỷ dụ, *“Tự vô thuật thông nhân, cư không an lập xá dã”* (Cũng giống như kẻ chẳng có thần thông hay pháp thuật xây nhà trên không). Đây là phàm phu mong muốn vô niệm, vô sinh, kế nhập cảnh giới này, giống như kẻ chẳng có thần thông lại toan xây nhà trên hư không. Có được hay chẳng? Người có thần thông thì được, kẻ không có thần thông chẳng làm được! Có nghĩa là: Nếu phàm phu chúng ta muốn kế nhập vô niệm vô sinh, sẽ giống như kẻ chẳng có thần thông toan cất nhà trên hư không. Đây là một câu trong *Tứ Thiếp Sớ*.

Kể đó, cụ Hoàng Niệm Tổ nói: *“Cái dĩ chúng sinh vọng tâm, niệm niệm tương tục, như cấp lưu thủy, tòng vị tạm tức”* (Ấy là vì chúng sinh vọng tâm niệm niệm tiếp nối như dòng nước chảy xiết, chưa hề tạm ngừng). Ví dụ này hay lắm. Đúng như vậy, chúng ta vọng tâm. Vọng tâm là gì? Là khởi tâm động niệm! Khởi tâm động niệm vô cùng vi tế. Tâm vừa động, vọng tâm bèn xuất hiện. Vọng tâm là A Lại Da. A Lại Da cũng chẳng là tự tính, từ chân khởi vọng.

Nói thật ra, chân và vọng chẳng hai. Do chân và vọng chẳng hai, nên chư Phật Như Lai thấy hết thấy chúng sinh đều là Phật, hết thấy chúng sinh vốn là Phật. Vì sao? Chân và vọng chẳng hai. A Lại Da chẳng rời khỏi tự tính, chỉ là lệch khỏi Tính đức, trái nghịch, xa rời Tính đức, nên sinh ra những huyền tướng ấy. Không như tứ thánh pháp giới. Tứ thánh pháp giới cũng dùng A Lại Da, nhưng các Ngài thật thà, nghe lời, vâng lời dạy của chư Phật Như Lai, y giáo phụng hành. Do đó, các Ngài học rất tốt đẹp, học rất giống Phật.

Chưa phải là Phật thật sự, nên gọi là Tương Tự Tức Phật. Thiên Thai Đại sư nói các vị trong tứ thánh pháp giới rất giống Phật. Vì sao chưa phải là Phật thật? Họ dùng A Lại Da, vẫn dùng vọng tâm; tuy dùng vọng tâm nhưng học rất giống. Khi nào buông vọng tâm xuống, chân tâm sẽ hiện tiền.

Vị ấy là Phật thật. Đó gọi là “chuyển thức thành trí”. Chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí. Đại Viên Kính Trí là gì? Đại Viên Kính Trí là Thường Tịch Quang. Do mê, Thường

Tịch Quang bèn biến thành A Lại Da. Giác là Thường Tịch Quang. Trí tuệ trong Thường Tịch Quang là Chuyển Tướng của A Lại Da, tức là Kiến Phần của A Lại Da. Đức tướng của Thường Tịch Quang là Cảnh Giới Tướng của A Lại Da, tức là Tướng Phần. Nó bị biến chất, tuy không có hình tướng, mà có thể biến ra hình tướng. Kiến, văn, giác, tri (thấy, nghe, hay, biết) trong tự tính chẳng sinh, chẳng diệt. Trong A Lại Da thức, kiến, văn, giác, tri, biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Vì vậy, Thọ, Tưởng, Hành, Thức từ kiến, văn, giác, tri, biến ra. Thọ, Tưởng, Hành, Thức có sinh diệt. Kiến, văn, giác, tri, chẳng sinh diệt.

Thế giới này dường như tồn tại là do nguyên nhân nào? Niệm niệm nối tiếp, vọng tâm là khởi tâm động niệm. Trong lục đạo, chúng ta không chỉ khởi tâm động niệm, mà còn phân biệt, chấp trước.

Nếu quý vị chẳng chấp trước, lục đạo sẽ chẳng có. Có khởi tâm động niệm, có phân biệt, bèn có tứ thánh pháp giới. Trong Tịnh Độ gọi tứ thánh pháp giới là cõi Phương Tiện Hữu Dư. Có chấp trước, bèn là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, lục đạo luân hồi. Vì vậy, quý vị nói xem: Có phải là chấp trước tổn hại chúng ta nhiều lắm, mang lại cho chúng ta lắm nỗi thống khổ? Lục đạo quá khổ sở!

Đức Phật đã nói rõ ràng như thế, nay chúng ta cũng biết, có thể buông chấp trước xuống hay chẳng? Vẫn chưa thể, vẫn cứ chấp trước. Do nguyên nhân gì? Tập nhiễm quá nặng,

thời gian đã quá lâu, dưỡng thành thói quen, hữu ý hay vô ý khởi hiện hành. Tu hành là tu theo cách nào? Thời thời khắc khắc hãy cảnh giác. Các vị đại đức trong Tông Môn đã nói rất hay: *“Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”*.

Vì sao chẳng sợ niệm khởi? Niệm niệm tiếp nối, lẽ nào nó chẳng khởi lên cho được? Đã trở thành thói quen, nó sẽ khởi lên. Khởi lên chẳng sợ. Vấn đề là quý vị phải giác ngộ, phải hiểu rõ, đừng bị nó mê hoặc. Giác là như thế nào? Giác có hiện tượng là chẳng chấp trước. Hễ giác ngộ, thì địa vị A La Hán bèn chẳng phân biệt. Địa vị Bồ tát bèn chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Từ Sơ Trụ trở lên thuộc vào địa vị Phật. Đó là Giác.

Nay, chúng ta chẳng giác, ngay cả tăng cấp A La Hán vẫn chưa đạt được. Chúng ta học tập, vẫn phải biện luận, vẫn phải suy xét. Đó là gì? Đó là đang chấp trước. Chẳng chấp trước, thì có biện luận hay chẳng? Chẳng chấp trước sẽ chẳng có biện luận. Khi quý vị thấy người khác biện luận sẽ cười. Cười tức là dấy lên phân biệt. Tuy chẳng chấp trước, cao hơn kẻ chấp trước ấy một chút, nhưng vẫn chưa được! Đến tầng bậc cao là như như bất động, chẳng thể hiện tình cảm gì, cảnh giới càng cao. Cười cũng còn khá lắm, so ra còn cao hơn kẻ chấp trước một tầng. *“Chưa từng ngưng dứt”*. Câu này là lời nhắc nhở rất quan trọng đối với chúng ta.

“Kim nhược miễn cưỡng án nại, thô niệm tuy đắc sảo tức, tế niệm từng vị tạm chỉ” (Nay nếu miễn cưỡng đè nén, tuy

thô niệm hơi ngưng nghỉ, tế niệm chưa hề tạm dứt). Nay, các đồng học chúng ta đọc câu văn này đều có thể lý giải, khẳng định: Chuyện này chẳng thể miễn cưỡng, càng miễn cưỡng càng phiền phức. Vì vậy, đức Phật rất kiên nhẫn, chẳng nóng ruột tí nào, cứ thông thả giáo hóa. Chúng sinh ô nhiễm bao kiếp dài lâu, dưỡng thành tập khí phiền não này, Bồ tát cũng có thể hóa giải tập khí ấy trong bao nhiêu kiếp.

Nếu đời này, chúng ta nắm được cơ hội, thứ gì cũng đều buông xuống, nhất tâm niệm Phật, thật sự vãng sinh Tịnh Độ. Có phải là đời này mới bắt đầu tu tập hay không? Chẳng phải. Vãng sinh thế giới Cực Lạc, quý vị sẽ thấy đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đều học Phật. Học bao nhiêu đời, nhưng đời này thành công, thoát ly lục đạo luân hồi.

Quý vị cảm thấy vô cùng may mắn, rất cảm ơn Phật A Di Đà. Vì sao? Nếu chẳng do pháp môn này, quý vị tu bất luận một pháp môn nào trong tám mươi bốn ngàn pháp môn, chắc chắn chẳng thể thành tựu trong một đời này. Vì sao? Bất cứ một pháp môn nào cũng đều phải buông phiền não xuống, quý vị mới có thể vượt lên, nhưng pháp môn này không cần, không cần buông phiền não tập khí xuống, cách này dễ dàng. Khăng khăng một mực theo chắc Phật A Di Đà, một bước cũng chẳng chịu buông, sẽ đến thế giới Cực Lạc. Quý vị thấy sự khăng khăng bám chắc nơi Phật A Di Đà là chấp trước, nhưng Tịnh Tông chẳng sợ chấp trước! Chấp trì danh hiệu là chấp trước. “Trì” là bảo trì (giữ gìn), chớ nên đánh mất, chấp trước kiên cố, chấp trước Phật A Di Đà, chẳng cần đến

những thứ khác. Người ấy vắng sinh thế giới Cực Lạc trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tốt lắm!

Trong thế giới Cực Lạc, cõi Phàm Thánh Đồng Cư và cõi Thật Báo Trang Nghiêm chẳng sai khác. Chúng ở cùng một chỗ, chẳng bị chướng ngại bởi các chiều không gian. Nhưng trong thế giới của chúng ta thì có, thế giới bên kia chẳng có. Vì sao chẳng có? Chướng ngại về chiều không gian là do chấp trước, phân biệt. Quý vị chẳng còn phân biệt, chấp trước, chướng ngại này sẽ không còn nữa!

Phân biệt, chấp trước chưa đoạn, chẳng phải là sẽ mang tập khí này sang thế giới Cực Lạc ư? Chẳng sao cả! Người trong thế giới Cực Lạc thấy đều chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Quý vị đến nơi ấy, sẽ rất nhanh chóng, trong vòng vài ngày sẽ quen nếp, cũng sẽ buông tập khí phân biệt, chấp trước ấy xuống. Vì sao? Phân biệt, chấp trước là do quý vị mong đạt được thứ gì đó. Dục vọng chẳng thỏa, nên mới chấp trước. Nếu hết thấy những gì quý vị cần, vừa nghĩ đến bèn có, chẳng cần nữa sẽ biến mất. Quý vị thấy tự tại lắm! Do 48 nguyện của thế giới Tây Phương Cực Lạc, Phật A Di Đà gia trì, quý vị đến thế giới Cực Lạc, nghĩ gì đều có, thấy gì đều có thể đạt được.

Cổ đức thường nói: *“Tư y đắc y, tư thực đắc thực”* (Nghĩ đến y phục bèn có y phục, nghĩ tới ăn bèn có ăn), không cần sức người làm lụng. Đối với y phục, chẳng cần mua vải vóc, chẳng phải cắt may, vừa nghĩ tới, y phục bèn khoác trên

thân. Khi nghĩ đến thì thức ăn trăm vị. Kinh thường chép: “*Bách vị ẩm thực*”, chuyện này có điển cố. Khi ăn là một trăm thứ; xưa kia, mỗi bữa ăn của hoàng đế gồm một trăm thứ ăn. Bất luận nhà vua ăn hay không, mỗi bữa ăn là một trăm thứ. Bách vị ẩm thực mà!

Cuộc sống vật chất của quý vị trong thế giới Cực Lạc giống như đế vương, cũng chẳng cần đến sức người làm lưng, quý vị vừa nghĩ thứ gì, thứ ấy ở ngay trước mặt. Ăn xong, không cần nữa, thì sẽ chẳng thấy nữa. Sạch sẽ, chẳng nhiễm mấy trần. Thật ư? Thật đấy! Vì sao là thật? Các khoa học gia nói năng lượng có thể biến thành vật chất, vật chất có thể biến thành năng lượng.

Trong thế giới hiện tại, có thể biến vật chất thành năng lượng, bom hạch nhân (bom nguyên tử) được phát minh do điều này, nhưng hiện thời khoa học chưa thể biến năng lượng thành vật chất. Tuy biết là chuyện có thể, nhưng chưa làm được! Trong thế giới Cực Lạc làm được, mỗi cá nhân đều có năng lực này. Họ chẳng cần dùng khí cụ nào, mà dùng ý niệm. Trong tâm họ muốn thứ gì, năng lượng tự nhiên biến thành vật chất cho họ thụ dụng. Không cần thụ dụng, thì vật chất hóa thành năng lượng, chẳng còn nữa, chẳng cần đến kho chứa.

Cung điện nơi họ ở trống trơn, chẳng có gì cả, cần gì có nấy, nên chẳng có kho chứa. Quý vị nói có phải tự tại lắm hay không? Trong hoàn cảnh ấy, khi sống trong ấy, dần dần quý

vị sẽ chẳng còn vọng tưởng nữa. Quý vị còn muốn có tiền ư? Tiền muốn bao nhiêu sẽ có bấy nhiêu. Quý vị muốn hoàng kim, người ta dùng hoàng kim phủ đất, trải đường. Quý vị có đem nhựa đường chất đống trong nhà hay chẳng? Tôi tin quý vị sẽ không làm như vậy. Vì sao? Ở đây, hoàng kim quá ít, nó là kim loại hiếm có, còn bên kia quá nhiều. Quý vị cần thất bảo, một viên kim cương bé tí đem cắt thành nhẫn đeo tay rất đẹp, người ta làm như thế nào? Người ta đem cả khối kim cương lớn cắt thành vật liệu xây cất, dùng làm vật liệu xây nhà. Do vậy, tới thế giới ấy, tâm tham lam hưởng thụ vật chất ngay lập tức sẽ chẳng còn nữa!

Do vậy biết rằng: Thế giới Cực Lạc tài nguyên phong phú ngần ấy, quá phong phú. Tài nguyên ấy do đâu mà có? Trong tự tính. Thế giới này cũng có, cũng phong phú giống hệt như vậy, nhưng trong thế giới này, thất bảo biến thành thứ gì? Biến thành cát, thành bùn đất. Ai học khoa học cũng biết chúng biến thành những thứ ấy. Vì sao biến thành những thứ ấy? Ý niệm chẳng thiện, dấy lên tham, sân, si; do vậy, trân bảo trong tự tính đều biến thành ô nhiễm. Trong giáo pháp Đại thừa, có một câu nói diễn tả đại đạo lý: *“Hết thấy các pháp sinh từ tâm tưởng”*; bên thế giới Cực Lạc *“giai thị chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ”* (đều là các vị thượng thiện nhân nhóm họp cùng một chỗ). Người sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc là thượng thiện.

Chúng ta niệm Phật phải tu thiện. Chẳng tu thiện, còn có tham, sân, si, mạn, dấu niệm Phật vẫn chưa thể vãng sinh.

Kinh đã giảng rất rõ ràng: Phát Bồ Đề tâm, còn phải tu Bồ tát Lục Ba La Mật, đem công đức ấy hồi hướng Tịnh Độ mới được vãng sinh. Chúng ta thấy có rất nhiều kẻ bần cùng, chẳng tu Lục Ba La Mật. Vì sao cũng vãng sinh? Quý vị quan sát tỉ mỉ, sẽ thấy tuy họ không tu, nhưng Lục Ba La Mật đã viên mãn. Bồ thí nhằm mục đích đoạn tâm tham. Tuy họ bần cùng, trước nay chưa hề bồ thí, nhưng chẳng tham luyến thế gian này, nên Bồ Thí Ba La Mật viên mãn.

Trì giới là phá ác nghiệp. Họ niệm câu Phật hiệu này, chẳng làm ác nữa, nên Trì Giới Ba La Mật viên mãn. Nhẫn nhục nhằm đối trị sân khuể. Trong tâm họ, đối với hết thấy mọi người, hết thấy sự chẳng có tâm sân khuể. Cũng chẳng oán hờn người khác. Tinh tiến là niệm Phật chẳng giải đãi; Thiền định là nhất tâm nhất ý; Trí tuệ là chọn lựa pháp môn này, chẳng hoài nghi tí nào. Quý vị hãy nghĩ xem: Bà lão một chữ không biết, nhưng thấy đều trọn đủ, tương ứng với những gì kinh đã dạy. Quý vị quan sát cận kề, sẽ thấy những điều kiện như kinh đã dạy, người ấy thấy đều trọn đủ.

“Hành nhân thắng nhược thác nhận, tiện vân tương ứng” (Hành nhân nếu ngộ nhận, liền cho là đã tương ứng). Đó là sai lầm rồi. *“Hành nhân”* là người niệm Phật. Ở đây chỉ người niệm Phật tu Tịnh Độ. Thô niệm hơi ngưng dứt đôi chút, nhưng tế niệm về căn bản là chưa đình chỉ.

Nếu tế niệm đã đoạn, tốt lắm, Thường Tịch Quang Tịnh Độ hiện tiền, bèn minh tâm kiến tính. Tế niệm đoạn rồi,

chính mình có biết hay không? Biết chứ, rõ ràng, rành rẽ, thật sự buông xuống, triệt để buông xuống. Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, không chỉ nhân gian, chư thiên, mà cả Y báo và Chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới toàn bộ đều buông xuống, đó là tế niệm đã đoạn rồi. Chỉ cần kiến tính, sẽ vĩnh viễn chẳng thoái chuyển.

Huệ Năng Đại sư đã kiến tính, Phật Thích Ca Mâu Ni đã kiến tính, thân thể vẫn lưu trong thế gian. Kinh Phật gọi trường hợp này là Hữu Dư Y Niết Bàn. Niết Bàn có nghĩa là chính Ngài đã chứng đắc cảnh giới, kiến tính. Kiến tính là chứng Niết Bàn, nhập Đại Bát Niết Bàn. Kiến tính là kiến đạo. Tuy đã kiến đạo, nhưng thân thể vẫn còn, những tướng đã hiện đều tồn tại. Đó là gì? Tập khí chưa đoạn. Tập khí chưa đoạn cũng không sao cả. Vì sao? Ở trong cảnh giới ấy, Ngài chẳng còn khởi tâm động niệm, vĩnh viễn giữ được cảnh giới này, đó gọi là Bất Thoái. Ba thứ Bất Thoái là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái. Sơ Trụ Bồ tát chứng ba thứ Bất Thoái, nhưng Ngài có tập khí.

Vì vậy, trong Tịnh Tông, trong bản nguyện của Phật A Di Đà có nguyện thứ mười chín, sinh về thế giới Cực Lạc. “*Giai tác A Duy Việt Trí Bồ tát*” (Đều là A Duy Việt Trí Bồ tát). Câu này tuyệt lắm! A Duy Việt Trí là gì? A Duy Việt Trí là viên chứng ba thứ Bất Thoái, chứng ba thứ Bất Thoái lại còn thêm một chữ “*Viên*”. Sơ Trụ Bồ tát chứng ba thứ Bất Thoái, nhưng chưa thể nói viên. Viên là gì? Tập khí đã đoạn. Trong giáo pháp Đại thừa, đức Phật dạy chúng ta: Từ Thất

Địa trở lên, Bát Địa chứng Vô sinh Pháp Nhẫn, Thất Địa viên chứng ba thứ Bất Thoái, còn thua Bát Địa Bồ tát một bậc. Tịnh Tông được gọi là “*pháp khó tin*”. “Khó tin” ở đây có nghĩa là “ai chịu tin tưởng”!

Quý vị là phàm phu, niệm Phật A Di Đà sinh về thế giới Cực Lạc, là hạ hạ phẩm vãng sinh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư mà quả đức thù thắng ngàn ấy, ai tin được? Nay chúng ta đã hiểu rõ ràng, chẳng phải là hễ vãng sinh sẽ thật sự được nâng cao tới phẩm vị này, chẳng phải vậy. Người ấy vẫn là phàm phu, chưa đoạn tập khí phiền não, chỉ là khuất phục phiền não, nhưng ở bên ấy chẳng có duyên khiến cho phiền não dấy động. Tuy có chủng tử, nhưng thiếu duyên, các phiền não chẳng thể khởi hiện hành. Hoàn cảnh bên Cực Lạc đúng là quá tốt đẹp. Đạo lý ở chỗ này. Tới thế giới Cực Lạc, trí tuệ và đức năng bèn có năng lực cảm ứng đạo giao với chúng sinh trong mười pháp giới.

Chúng sinh có cảm, họ bèn có ứng, có năng lực giống như Phật, Bồ tát ứng hóa độ chúng sinh. Năng lực do đâu mà có? Do bản nguyện và oai thần của Phật A Di Đà gia trì, chẳng phải do chính họ. Họ phải thông thả tu đến địa vị Sơ Trụ Bồ tát trong Viên Giáo, cho đến lúc ấy năng lực hóa độ chúng sinh mới là của chính mình; chưa đạt đến trình độ ấy, sẽ do oai thần của Phật A Di Đà gia trì; Phật lực chẳng thể nghĩ bàn! Pháp môn này gọi là Nhị Lực Pháp Môn. Vì vậy, thần thông, trí tuệ, đạo lực chẳng phải do tương ứng, mà do Phật gia trì, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này.

“Ư thị đại bi từ phụ” (Do vậy, đáng cha lành đại bi). Đây là nói về Phật A Di Đà.

“Hưng vô duyên chi từ, thù tư kỳ diệu phương tiện pháp môn, chỉ phương lập tướng, nhiếp tâm chuyên chú, tức thử vọng tâm, trì Phật danh hiệu, niệm nhất Phật danh, hoán trừ bách thiên vạn ức vọng tưởng tạp niệm, niệm đặc thuần thực, nãi vong năng sở, tâm vô sở trụ, Phật hiệu phân minh, ám hợp đạo diệu, tiện kế Kim Cương Bát Nhã Kinh vô trụ sinh tâm chi diệu đế” (Khởi lòng Từ vô duyên, ban pháp môn phương tiện kỳ diệu này, chỉ phương, lập tướng để hành nhân nhiếp tâm, chuyên chú, dùng chính cái vọng tâm này để trì danh hiệu Phật. Niệm một danh hiệu Phật nhằm thay thế, trừ bỏ trăm ngàn vạn ức tạp niệm vọng tưởng. Niệm đến mức thuần thực sẽ quên mất Năng lẫn Sở, tâm chẳng trụ vào đâu, Phật hiệu phân minh, ngầm hợp đạo mầu, liền kế nhập chân lý mầu nhiệm “vô trụ sinh tâm” trong kinh *Kim Cương Bát Nhã*).

Cụ Niệm Tổ viết đoạn này rất hay. Đây là Phật A Di Đà với vô duyên đại từ, truyền cho chúng ta một pháp môn thuận tiện như vậy, thuận tiện hơn bất cứ pháp môn nào, chẳng tìm được pháp nào thuận tiện hơn bốn từ “A Di Đà Phật”.

Trong tâm quý vị thật sự có câu A Di Đà Phật này, niệm niệm chẳng quên, hết thủy thời, hết thủy chỗ trong tâm thật sự có câu danh hiệu ấy, quý vị sẽ thành công. Niệm bao lâu mới có thể vãng sinh, quả báo mới có thể hiện tiền? Chúng

ta hãy đọc *Tịnh Độ Thánh Hiền Lục* và *Vãng Sinh Truyện*, đại khái quá nửa là 3 năm.

Thuở đầu, khi tôi giảng kinh, khi đó ước chừng tôi hơn 40 tuổi, tôi ra giảng kinh lúc 33 tuổi, có pháp sư đến hỏi tôi, ông ta hoài nghi, nói: “Có phải là những người được kể trong *Vãng Sinh Truyện* và *Tịnh Độ Thánh Hiền Lục* từ khi họ bắt đầu niệm Phật tới lúc vãng sinh, thọ mạng của họ chỉ còn vừa đúng 3 năm. Do thọ mạng đã hết, Phật A Di Đà bèn đến tiếp dẫn họ ra đi?”. Dem vấn đề này hỏi tôi. Tôi nói: “Cách nghĩ của ông chẳng hợp lý luận! Một, hai người hay ba bốn người thì có thể, chứ đằng này nhiều quá. Nhiều quá nên lập luận của ông chẳng hợp lý. Vì sao 3 năm họ ra đi? Chỉ cần họ đạt công phu thành phẩm, tuy còn thọ mạng nhưng chẳng cần đến, ra đi sớm. Niệm đến mức công phu thành phẩm bèn sinh tử tự tại”.

Nói như thế mới thông suốt, viên mãn. Có người niệm tới trình độ này, nhưng vẫn chưa đi. Vì lẽ gì? Người ấy có duyên với chúng sinh trong thế gian này. Đã có duyên, phải mang thêm mấy người cùng đi, mang càng nhiều càng hay, nên người ấy lưu lại. Người ấy sinh tử tự tại, muốn đi lúc nào bèn đi lúc ấy, thật sự có năng lực này.

Quý vị hãy quan sát cẩn thận người như vậy, tuyệt đối chẳng tự tư tự lợi, chắc chắn chẳng có ý niệm tham đắm tiếng tăm, lợi dưỡng, nhất định chẳng có tham, sân, si, mạn. Quý vị hãy quan sát cẩn thận. Nhưng khi hóa độ, họ cũng

biểu diễn, cũng nổi nóng, giống như hát tuồng. Chẳng làm như vậy sẽ không thể thực hiện sự hóa độ được, nhưng trong tâm quả thật chẳng có.

Dân gian có một câu ngạn ngữ để hình dung hạng người này: *“Đao tử khẩu, đậu hủ tâm”* (Miệng dao găm, lòng đậu phụ). Tâm địa rất dịu dàng, làm như thế đó nhằm thực hiện sự hóa độ. Đó là “thiện xảo phương tiện”, chẳng phải là thật. Quan sát cẩn thận, quý vị sẽ có thể thấy được. Chúng ta thường gọi họ là “bậc tái lai”, họ có thể đi, nhưng chậm lại mấy năm, ở lại thêm vài năm nhằm giúp đỡ chúng sinh hữu duyên. Nếu không có duyên, họ bèn ra đi. “Không có duyên” chính là người ấy dạy mà chẳng ai nghe, người ta không tin tưởng, nên người ấy ra đi. Ra đi cũng nhằm độ chúng sinh, tương lai lúc người ấy mất khiến cho những kẻ bình phàm trông thấy, sinh khởi lòng tin, phát tâm học Phật. Vì vậy, người ấy ra đi cũng là độ chúng sinh, mà ở lại thế gian cũng là độ chúng sinh.

Ở đây, chúng ta phải đặc biệt lưu ý. Trong đây có một câu nói phải khéo hiểu, *“Chỉ phương lập tượng, nhiếp tâm chuyên chú, tức thử vọng tâm, trì Phật danh hiệu, niệm nhất Phật danh”* (Chỉ phương lập tượng, nhiếp tâm chuyên chú, dùng ngay cái vọng tâm này để trì danh hiệu Phật. Niệm một danh hiệu Phật). Niệm A Di Đà Phật, *“hoán trừ bách thiên vạn ức vọng tưởng tạp niệm”* (thay thế, trừ khử trăm ngàn vạn ức vọng tưởng, tạp niệm). Câu này trọng yếu lắm! Niệm Phật có công đức gì? Đây là công đức, công đức chân thật.

Khi quý vị chẳng niệm Phật, sẽ có vọng tưởng, có tạp niệm. Một mực niệm một câu Phật hiệu, thì quý vị sẽ chẳng có vọng tưởng. Niệm Phật để trừ vọng tưởng, tạp niệm, đó là công đức chân thật. Tạp niệm, vọng tưởng là đang tạo nghiệp, rất nhiều người chẳng biết điều này. “Tôi chẳng làm chuyện xấu”, dấy lên một ác niệm là đã tạo rồi! Vì vậy, trì danh niệm Phật nhằm trực tiếp khiến cho quý vị chẳng khởi ác niệm. Không chỉ là ác niệm chẳng thể khởi, mà thiện niệm trong lục đạo cũng không khởi!

Quý vị khởi thiện niệm sẽ chiêu cảm quả báo trong ba đường lành, ác niệm chiêu cảm quả báo trong ba đường ác. Thiện niệm hay ác niệm đều chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Trong một câu A Di Đà Phật này, chẳng có lục đạo luân hồi. Người niệm Phật chẳng ở trong lục đạo. Phật A Di Đà ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, quý vị phải hiểu rõ đạo lý này. Vì sao niệm Phật? Niệm Phật chẳng tạo nghiệp, niệm niệm là A Di Đà Phật, đó gọi là “*Tịnh nghiệp*”. Người ấy tương ứng với Tây Phương Tịnh Độ.

Vì vậy, hễ niệm Phật hiệu bèn tương ứng với Phật. “*Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Chúng ta nghĩ lại trong giáo pháp Đại thừa, đức Thế Tôn thường bảo: “*Hết thấy các pháp sinh từ tâm tưởng*”. Chúng ta vốn là Phật, hiện tại niệm niệm đều là Phật, lẽ nào người ấy chẳng thành Phật? Quả vị cao nhất trong mười pháp giới là quả Phật, còn phải vượt qua quả vị ấy! Do ở trong mười pháp giới, vẫn chưa thoát khỏi mười pháp giới;

niệm Phật A Di Đà bèn vượt thoát mười pháp giới. Hạ hạ phẩm vãng sinh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư của thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng vượt khỏi mười pháp giới. Nhất định phải biết sự thật này, vì nó là đường tắt mà! Ổn thỏa, xác đáng! Do vậy, có thể tin, có thể nguyện, có thể hành. Đó là trí tuệ khôn sánh. Nếu chẳng phải là giác ngộ thật sự, trí tuệ chân thật chân chính, người ấy sẽ chẳng chọn lấy pháp môn này trong một đời này!

Khi niệm đến thuần thục, sẽ nhập pháp môn Bất Nhị. *“Nãi vong năng sở”* (Bèn quên mất Năng và Sở). Năng và Sở tượng trưng cho tương đối. Năng và Sở chẳng hai. *“Tâm vô sở trụ”* (Tâm chẳng trụ vào đâu), chẳng trụ sở niệm (đức Phật được ta niệm), mà cũng chẳng trụ năng niệm (cái tâm niệm Phật). Năng lẫn Sở đều chẳng trụ, hiểu rõ ràng, rành rẽ một câu Phật hiệu này; cảnh giới ấy gọi là *“ám hợp đạo diệu”* (thâm hợp đạo mầu). *“Đạo diệu”* là như kinh *Kim Cương* đã dạy: *“Vô trụ sinh tâm”*. Vì sao gọi nó là đạo diệu? Huệ Năng Đại sư khai ngộ do câu này. Tục ngữ thường nói *“Đắc đạo trong một câu”*.

Hòa thượng Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn giảng kinh *Kim Cương* cho Lục Tổ nghe, đương nhiên là giảng đại ý, vì Lục Tổ không biết chữ, chắc chắn không đọc kinh bản; giảng đến câu *“Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm”* (Đừng trụ vào đâu để sinh tâm), Lục Tổ bèn hoát nhiên đại ngộ, minh tâm kiến tính. Khi đó, Lục Tổ 24 tuổi, rất trẻ, Ngũ Tổ truyền y bát cho Ngài. Nửa đêm, truyền y bát cho Ngài, bảo Ngài đi ngay lập tức, do

nguyên nhân gì? Tổ sư cũng là biểu diễn pháp cho chúng ta thấy, nhằm dạy chúng ta học tập: Ganh ghét, chướng ngại là chuyện chẳng thể tránh được.

Thần Tú theo Ngũ Tổ đã bao nhiêu năm, là Thủ tọa trong các đồng học, là lớp trưởng, là trợ giáo của Nhẫn Hòa thượng. Các đồng học cho rằng nếu Ngũ Tổ truyền pháp, trong lòng mọi người đều quyết đoán Tổ sẽ truyền cho Thần Tú, sao lại là người khác? Nay y bát truyền cho một kẻ từ nơi khác đến, hết thấy mọi người đều coi thường hẳn.

Trong tự viện, người đông dường ấy, tới cả ngàn người, trong lòng những người đó có phục hay chẳng? Vì lẽ nào Ngũ Tổ lại truyền y bát cho người khác? Đó là chuyện không thể chấp nhận được, nhất định phải đoạt trở về. Có lẽ là lão hòa thượng tuổi đã cao, nhất thời hồ đồ, đem y bát truyền cho kẻ chẳng liên can! Do vậy, Ngũ Tổ nói: “Người hãy mau trốn đi”. Cuối cùng, Ngài trốn trong phùng thợ săn 15 năm. Mười lăm năm khiến mọi người quên dần chuyện này, Ngài mới xuất hiện.

Chúng ta phải ghi nhớ lời giáo huấn này. Thuở ấy, Phật Thích Ca Mâu Ni khai ngộ, đi các nơi giảng kinh, nói pháp, nhiều kẻ đổ kỵ! Lục sư ngoại đạo đổ kỵ, đó là đối với các tôn giáo khác, là người ngoài. Trong nhà có người đổ kỵ chẳng? Có chứ! Đề Bà Đạt Đa là kẻ đổ kỵ số một! Nhưng đức Phật có trí tuệ chân thật, đức năng chân thật, có thể bao dung, tránh né ông ta. Đức Phật có năng lực ấy.

Những chuyện này đều nhằm thị hiện cho chúng ta thấy: Phật, Tổ thành tựu đều gian nan ngàn ấy; chúng ta muốn bình an, thành tựu ổn thỏa, thích đáng, đâu có đại phúc báo như vậy? Do vậy, hết thấy chướng ngại là chuyện không thể tránh được, phải dùng trí tuệ và đức hạnh, dùng tâm nhẫn nại để khắc phục. Đối với chúng ta mà nói, hết thấy chướng ngại là khảo nghiệm. Cửa ải nào chúng ta cũng đều vượt qua, sẽ đạt tiêu chuẩn, quý vị bèn thành tựu. Có cửa ải nào chẳng thể vượt qua, quý vị bèn đọa lạc. Hễ đọa lạc, chẳng biết phải tới đời nào mới có thể tiếp tục tu. Người thật sự tu hành, thật sự mong thành tựu trong một đời này, chẳng thể không biết điều này.

“Vô trụ sinh tâm”. Vô trụ là thanh tịnh tịch diệt. Thuật ngữ trong Phật môn gọi “vô trụ sinh tâm” là Đại Bát Niết Bàn, trong Tịnh Độ gọi là Thường Tịch Quang, tức Thường Tịch Quang Tịnh Độ trong bốn cõi. Trên thực tế, nó là tự tính. Trở về tự tính, vọng tận, hoàn nguyên. Hoàn nguyên sẽ chẳng trụ. Người ấy sinh tâm là sinh cái tâm gì? Chúng sinh có cảm bèn có ứng. Ngài thì có ứng. Sự “ứng” ấy chính là tâm đại từ bi, tâm đại Bồ Đề. Vì vậy, cảnh giới Niết Bàn chẳng phải là chết cứng, mà là sống động, bởi trong cảnh giới ấy không có hiện tượng vật chất, mà cũng không có hiện tượng tinh thần.

Chuyện này rất kỳ quái, không có hiện tượng tinh thần, mà sống động hoạt bát, chẳng chết cứng! Do vậy, chúng sinh có cảm, thì Ngài bèn có ứng, dầu là cảm cực kỳ vi tế vẫn luôn

có ứng, tuy yếu ớt, nhỏ nhoi đến nỗi khí cụ khoa học của chúng ta trong hiện tại chẳng thể dò xét được, nhưng nó là thật! Quý vị hãy nghĩ xem, một niệm này chính là một phần của một tỷ hai trăm tám mươi triệu của một giây. Ý niệm vi tế như thế! Tâm vô trụ là chân tâm, nó có thể cảm ứng, cảm phản hồi thành ứng. Ứng là sinh tâm. Sinh tâm gì? Tuyệt đối chẳng phải là hữu ý. Ngài không có ý, cũng chẳng có niệm, vì vậy gọi là Ứng. Chúng sinh có cảm, Ngài bèn ứng. Ứng là tùy thuận cảm ở một nơi nào đó, chính mình tuyệt đối chẳng hề khởi tâm động niệm. Kinh *Lăng Nghiêm* nói rất hay: “*Tùy chúng sinh tâm, ứng sở tri lượng*” (Thuận lòng chúng sinh, ứng với khả năng nhận biết của họ). Đây là nguyên lý cảm ứng. Chúng sinh cầu Phật, Ngài bèn hiện thân Phật; chúng sinh cầu Bồ tát, Ngài bèn hiện thân Bồ tát, thân gì Ngài cũng đều có thể hiện.

Quý vị ưa thích gì, Ngài bèn hiện thân ấy. Có thể hiện cây cối, hoa, cỏ, mà cũng có thể hiện sơn hà, đại địa. Cái thân hiện ra ấy, tức ứng thân ấy chắc chắn sẽ giúp cho quý vị có ngộ xứ. Đạo lý cảm ứng được giảng rất nhiều trong kinh *Hoa Nghiêm*, có hiển cảm hiển ứng, hiển cảm minh ứng (cảm rõ rệt ứng ngầm ngầm), minh cảm minh ứng (cảm lẫn ứng đều âm thầm), minh cảm hiển ứng (cảm âm thầm, ứng rõ rệt), quyết định có ứng!

Cảnh giới này cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Toàn thể vũ trụ, chúng ta nói “vũ trụ”, thì khái niệm này chẳng rõ ràng như đức Phật đã nói “pháp giới”. Thuật ngữ “pháp giới” chứa

đựng nhiều ý nghĩa hơn vũ trụ, vô lượng, vô biên! Chúng ta đọc phẩm *Hoa Tạng Thế Giới* của kinh *Hoa Nghiêm* mới biết thế giới to lớn. Những điều các nhà thiên văn đã nói vẫn chưa vượt ngoài thế giới Sa Bà. Trong toàn bộ vũ trụ, thế giới Sa Bà là một chấm rất nhỏ, nhỏ tí, không đáng kể! Vũ trụ quá lớn, tự tính quá lớn, vũ trụ do tự tính biến hiện. Tự tính là một, cho nên khắp pháp giới hư không giới là một Thể.

Quý vị hãy suy nghĩ, trong pháp giới, trong mỗi cõi Phật đều có mười pháp giới. Trong Nhất Chân pháp giới, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, sẽ không khởi tác dụng cảm ứng đạo giao cùng quý vị, nhưng mười pháp giới thì có.

Chúng sinh trong mười pháp giới khởi tâm động niệm, mỗi niệm đều trọn khắp pháp giới, mỗi niệm xuất sinh vô tận, chứa đựng Không và Có. Ba thứ ấy đều trọn khắp, tốc độ quá nhanh, làm người ta có cảm giác cùng một lúc! Chúng ta đẩy lên ý niệm, bất luận là ý niệm gì, ý niệm ấy vừa khởi lên sẽ trọn khắp pháp giới, tự tính thấy đều thấu nhận. Nhận được tin tức ấy, nó sẽ có phản ứng. Giống như Tiến sĩ Giang Bản Thắng của Nhật Bản đã làm thí nghiệm với nước. Trong thí nghiệm của ông ta, sự phản ứng khá chậm chạp, còn phải mất thời gian mấy tiếng đồng hồ. Phản ứng của tự tính đối với hết thấy chúng sinh là ngay lập tức, cứ như đồng thời.

Nếu quý vị thật sự biết đạo lý và chân tướng sự thật này, quý vị sẽ khởi lòng cảm ơn chư Phật, Bồ tát. Vì sao? Chẳng thời khắc nào không chiếu cố quý vị; không thời khắc nào

chẳng quan tâm quý vị, còn chu đáo hơn cha mẹ lo lắng cho con cái. Có sao nay chúng ta trở thành nông nổi này? Là do chính chúng ta không quay đầu, không biết khéo học, tự làm tự chịu, có cách nào đâu? Bất luận chúng ta đang ở trong đạo nào, súc sinh đạo cũng thế, mà ngạ quỷ đạo cũng vậy, địa ngục đạo cũng vậy, đều quan tâm như nhau.

Vì vậy, có thể thật sự khởi lòng cảm ơn Phật, Bồ tát, quý vị sẽ thật sự học tập, có ý nguyện chân thành học tập. Có thành ý, thành tựu cũng nhanh chóng! Ấn Quang Đại sư dạy: *“Mười phần thành ý, sẽ được mười phần thu hoạch”*. Chưa học *Hoàn Nguyên Quán*, chúng ta vẫn chưa hiểu rõ khái niệm này; chưa hiểu rõ vẹn mười! Sau khi học *Hoàn Nguyên Quán*, chúng ta hiểu rất rõ, sẽ chân thật thể hiện lòng cảm ơn đối với hết thầy chư Phật Như Lai, rồi quay lại áp dụng lòng cảm ơn ấy đối với hết thầy chúng sinh. *“Hết thầy chúng sinh vốn là Phật”*. Thật vậy, *“hết thầy chúng sinh là Phật vị lai”*. Câu này cũng là thật. Chắc chắn quý vị sẽ chuyển biến trong mỗi đời, cảnh giới trong mỗi đời sau cao hơn đời trước, nhất định sẽ có ngày đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, trở về tự tính. Nói theo phương diện thể gian của nhân loại, thời gian này rất dài, nhưng nói theo cõi Thật Báo, bên ấy chẳng có thời gian, cũng chẳng có không gian. Không có thời gian, sẽ chẳng có trước sau; không có không gian, sẽ chẳng có khoảng cách. Đây là diệu để *“vô trụ sinh tâm”*.

“Phù chúng sinh chi sinh diệt tâm, xứ xứ năng duyên, độc bất năng duyên ư Bát Nhã, tu vị đẳng Biệt Giáo địa thượng

chi Bồ tát, phương năng kế nhập” (Phàm là cái tâm sinh diệt của chúng sinh, chỗ nào cũng có thể duyên, chỉ chẳng thể duyên nơi Bát Nhã. Địa vị cần phải đạt đến Sơ Địa trong Biệt Giáo trở lên mới có thể kế nhập).

Sơ Địa trong Biệt Giáo là Sơ Trụ trong Viên Giáo, kinh *Hoa Nghiêm* gọi địa vị này là Sơ Trụ Bồ tát, lúc ấy mới có thể kế nhập. Vì sao? Ngài chẳng dùng sinh diệt tâm, chuyển bát thức thành tứ trí. Tứ trí là Bồ Đề tâm, chuyển thức thành trí. Tứ trí là chân tâm. A Lại Da là vọng tâm. Chuyển vọng trở thành chân, trí tuệ Bát Nhã trong tự tính bèn mở mang, hiện tiền. Bát Nhã là đức năng của tự tính.

Quý vị đã kiến tính, đức năng trong tự tính thấy đều hiện tiền, quý vị được thụ dụng. Vì vậy, phải là bậc Bồ tát từ Sơ Trụ trở lên, là Viên Giáo như trong kinh *Hoa Nghiêm* thì mới có thể kế nhập. Kế nhập là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính.



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 16



Chúng ta lại xem tiếp *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 15, dòng thứ 6, từ dưới đếm lên.

Như trên nói: “*Cái tâm sinh diệt của chúng sinh, chỗ nào cũng có thể duyên, chỉ chẳng thể duyên nơi Bát Nhã*”. Đây là nói về tâm phàm phu, chúng ta cũng gọi nó là “tâm luân hồi”, chưa ra khỏi lục đạo luân hồi. Nhưng nó có tác dụng rất lớn, chỗ nào cũng có thể duyên, có thể duyên quá khứ, mà cũng có thể duyên tưởng vị lai, cõi này hay phương khác nó đều có thể tưởng.

Tuy có năng lực lớn dường ấy, kinh Phật bảo: Trong thì nó có thể duyên tới A Lại Da, bên ngoài có thể duyên hư không pháp giới, nhưng chẳng thể duyên tự tính! Bát Nhã là đức năng của tự tính; do cái tâm sinh diệt chẳng thể duyên tự tính, đương nhiên chẳng thể duyên Bát Nhã.

Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật nói: “*Hết thấy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai*”. Điều này tâm phàm phu chẳng duyên được. Tâm sinh diệt của chúng sinh chẳng duyên được! Đến khi nào mới có thể duyên được? Kiến tính sẽ duyên được. Minh tâm kiến tính sẽ duyên được. Đức năng và trí tuệ trong tự tính đều hiện tiền.

“*Tu vị đẳng Biệt Giáo địa thượng chi Bồ tát, phương năng kế nhập*” (Địa vị cần phải đạt đến Sơ Địa trong Biệt Giáo

trở lên mới hòng khế nhập). Sơ Địa trong Biệt Giáo là Sơ Trụ trong Viên Giáo. Kinh *Hoa Nghiêm* nói là từ Sơ Trụ trở lên, còn Biệt Giáo là từ Sơ Địa trở lên, Phật giáo gọi người như vậy là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính”. Khi ấy, người đó duyên tới tự tính, “*mới có thể khế nhập*”. Khế nhập là nhập tự tính. Đây cũng là bậc minh tâm kiến tính như chúng ta thường nói.

“*Ư vô trụ thời tức sinh tâm, ư sinh tâm thời tức vô trụ*” (Lúc vô trụ bèn sinh tâm. Lúc sinh tâm bèn vô trụ). Đây là cảnh giới minh tâm kiến tính, sinh tâm là hiện tượng. Sinh tâm gì? Sinh tâm độ chúng sinh. Điều thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện là “*chúng sinh vô biên thệ nguyện độ*”. Ngài sinh tâm như thế nào? Chúng sinh có cảm, Phật bèn có ứng.

Bậc Địa Thượng Bồ tát trong Biệt Giáo, Thập Trụ Bồ tát trong Viên Giáo đều là chân Phật. Trong *Lục Tức Phật* của Thiên Thai Đại sư, những vị này được gọi là Phần Chứng Tức Phật, trên họ là Cứu Cánh Tức Phật. Cứu Cánh Tức Phật chỉ có một địa vị. Kinh *Hoa Nghiêm* gọi địa vị ấy là Diệu Giác. Phần Chứng Tức Phật có 41 địa vị, tức là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác. 41 địa vị này đều là Phần Chứng Tức Phật, là chân Phật, chẳng phải giả Phật.

Phật trong mười pháp giới chẳng phải là chân Phật, mà là Tương Tự Tức Phật, rất giống. Vì sao? Họ dùng A Lại Da, chưa chuyển thức thành trí. Chuyển thức thành trí chính là

các vị Địa Thượng Bồ tát như đang nói ở đây, đã kiến tính. Chưa chuyển thức thành trí là chưa kiến tính. Đây là một kiến thức thông thường trong Phật giáo, chúng ta phải biết. Ngài ứng hóa, là do chúng sinh có cảm, Ngài bèn ứng.

Nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy. Thuở ấy, tại Ấn Độ, Thích Ca Như Lai *“nên dùng thân Phật để độ”*, Ngài bèn hiện Ứng Thân Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, hiện thân tướng này. Tại Trung Quốc, Thiền Tông Lục Tổ Huệ Năng Đại sư, xuất hiện vào thời Đường, cũng đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, chẳng khác gì Phật Thích Ca.

Hiện ra cùng một cảnh giới, chỗ khác biệt là Ngài hiện thân Tỷ khiêu, Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện thân Phật, tức thân 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp. Huệ Năng Đại sư tại Trung Quốc, thấy cần dùng thân Tỷ khiêu để độ người, nên Ngài hiện thân Tỷ khiêu. Đúng vậy, cả đời Ngài độ hơn 40 vị Tỷ khiêu thành Phật, minh tâm kiến tính, dùng thân Tỷ khiêu.

Khi Ngài hiện thân, thừa cùng quý vị, Ngài là vô trụ. Vô trụ có nghĩa là gì? Hiện thân tướng chẳng khác gì chúng ta, thân tướng ấy cũng sáng dậy, tối ngủ, cũng mỗi ngày phải ăn cơm, mặc áo, chẳng khác gì hết. Chỗ thật sự không giống nhau là chúng ta có khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, Ngài không có. Do Ngài không có, nên gọi là vô trụ. *“Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm”* (Nên chẳng trụ vào đâu mà sinh tâm). Bậc Pháp Thân đại sĩ ứng hóa trên thế gian, vô trụ và sinh tâm là một, không hai, là cùng một chuyện, ứng

hóa trên thế gian. Nếu còn có khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, chúng ta phải biết người ấy là phàm phu, tức là phàm phu trong lục đạo. Người khác nói quý vị là vị Phật nào đó hay Bồ tát nào đó tái lai, chính mình phải tự hiểu: “Giả. Chẳng thật!”. Giả có thể tu thành thật hay chẳng? Có thể!

Ở đây, chúng ta phải biết: Danh hiệu của các vị Phật có cùng tên là vô lượng vô biên, danh hiệu của các vị Bồ tát có cùng tên cũng là vô lượng vô biên. Bồ tát Quán Âm chẳng phải là một người. Nếu quý vị nói là một thì sai mất rồi! Giống như vị thầy dạy học trong nhà trường, Bồ tát Quán Âm giống như thầy dạy môn Ngữ Văn, ở đây, nếu tôi hỏi quý vị, trên thế giới này có bao nhiêu vị giáo sư Ngữ Văn? Quý vị sẽ hiểu rõ ngay!

Chúng ta là phàm phu chấp trước, nói đến Bồ tát Quán Âm bèn tưởng một người, là sai rồi! Nhiều lắm, vô lượng, vô biên. Những người tu pháp môn từ bi này đều gọi là Bồ tát Quán Âm; tu pháp môn Bát Nhã đều là Bồ tát Văn Thù; tu mười đại nguyện vương đều là Bồ tát Phổ Hiền; tu hiếu thân tôn sư (hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính thầy) đều là Bồ tát Địa Tạng. Các đồng học học Phật chớ nên không biết điều này. Trong số các vị Bồ tát nhiều ngàn ấy, cảnh giới của các Ngài có giống nhau hay không? Chẳng giống nhau!

Quý vị thấy trong kinh *Hoa Nghiêm*, từ địa vị Sơ Tín tới địa vị Đẳng Giác tổng cộng là 51 cấp. Vị ấy là Bồ tát Quán Âm

thuộc địa vị nào? Từ 3 bộ kinh, chúng ta thấy Bồ tát Quán Âm không cùng một địa vị. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, Bồ tát Quán Âm là Đệ Thất Hồi Hướng Bồ tát, tức là Đệ Thất Hồi Hướng trong Tam Hiền.

Trong kinh *Lăng Nghiêm*, Bồ tát Quán Âm là Sơ Trụ Bồ tát, vừa mới chứng đắc Viên Thông. Trong kinh *Pháp Hoa*, Bồ tát Quán Âm là Đẳng Giác Bồ tát. Ba bộ kinh nói khác nhau! Vì vậy, nói Bồ tát Quán Âm tái lai, thì là Bồ tát Quán Âm thuộc địa vị nào? Nếu là Bồ tát Quán Âm thuộc địa vị Sơ Tín trong Thập Tín, đúng vậy, Ngài là Bồ tát Quán Âm, nhưng Ngài vẫn chưa thoát lục đạo luân hồi. Công phu đoạn chứng chỉ bằng Tu Đà Hoàn, nhưng Ngài tu pháp môn Quán Âm, nhất định phải biết điều này.

Đây là hỏi xem, trong 51 địa vị, Ngài thuộc địa vị nào? Sai biệt rất lớn! Từ Sơ Trụ trở lên, đó là địa vị Phần Chứng. Pháp Thân đại sĩ, thật sự là Pháp Thân đại sĩ. Nếu Ngài thuộc các địa vị trong Thập Tín, từ Sơ Tín tới Thập Tín, Ngài chưa ra khỏi mười pháp giới, nhưng do Ngài tu pháp môn này, chẳng thể nói Ngài chẳng phải là Bồ tát.

Nay, chúng ta phát tâm nương theo kinh *Vô Lượng Thọ*, nương theo Tịnh Độ: Năm kinh một luận để tu hành, vậy thì quý vị là ai? Thừa quý vị, là Phật A Di Đà! Kinh này giảng rất rõ ràng, người tu pháp môn này chẳng phải kẻ tầm thường, tổ sư đại đức nói như vậy. Quý vị chiếu theo pháp môn này, do Tịnh Tông lấy quả làm nhân, nên pháp môn này rất đặc

biệt. Trong tám mươi bốn ngàn pháp môn chẳng hề “*lấy quả làm nhân*”, chỉ có pháp môn này lấy quả làm nhân. Quả là gì? Quả là Phật A Di Đà.

Trong phần *Khái Yếu*, ở phần sau, Hoàng lão cư sĩ trích dẫn nhiều kinh luận để giảng rõ chuyện này. Vì thế, người thông đạt kinh giáo sẽ hiểu rõ, chẳng chấp trước, liễu giải chân tướng sự thật. Thật sự thành tựu, nhất định là Sơ Địa trong Biệt Giáo hay Sơ Trụ trong Viên Giáo, mới được xem là thật sự thành tựu. Chưa đạt đến địa vị ấy, sẽ là Tương Tự Tức Phật. Lại thấp hơn một tầng nữa, vẫn chưa đạt đến Tương Tự, chúng ta phải gia công dụng hạnh.

Nói theo Lý thì là Danh Tự Tức Phật, chuyện này ai nấy đều bình đẳng, hữu danh vô thực. Vì sao? Tự tính của quý vị là Phật. Do vậy, trong kinh, đức Phật dạy: “*Hết thấy chúng sinh vốn là Phật*”. Chúng ta bắt đầu học Phật, rất nghiêm túc học Phật, nhưng công phu chưa đặc lực, khi ấy, gọi là Danh Tự Tức Phật, hữu danh vô thực!

Công phu đặc lực là Quán Hạnh Tức Phật. Địa vị Quán Hạnh khá lắm, trong pháp môn Tịnh Độ, đạt đến địa vị Quán Hạnh được gọi là “công phu thành phỉến”. Quán Hạnh là công phu thành phỉến, quyết định sinh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Tương Tự thì sao? Tương Tự sẽ không sinh vào cõi Đồng Cư, mà sinh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Đó là Sự Nhất tâm bất loạn.

Lý Nhất tâm bất loạn sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đó chính là các địa vị được nói đến ở đây: các Bồ tát Địa trong

Biệt Giáo, Thập Trụ Pháp Thân Bồ tát trong Viên Giáo. Mỗi tầng đều hiểu rõ ràng, chúng ta tiến lên từng cấp, tiến cao hơn. Đó là đúng. Nâng cao hơn, nâng cao bèn buông xuống được, nhất định phải noi theo thứ tự thuận này: Trước hết, phải buông chấp trước xuống.

Quý vị nói, trước hết ta buông khởi tâm động niệm xuống ư? Chẳng thể nào! Buông khởi tâm động niệm xuống chính là địa vị Diệu Giác, chẳng phải là Phần Chứng. Đó là viên mãn chứng đắc, ta chưa làm được đâu!

Hiện thời, còn có vấn đề. Ta vẫn chưa thể hiểu rõ vấn đề này! Chúng sinh có cảm, Phật ứng. Đó là Phật thuộc giai tầng nào ứng? Nay chúng ta biết, trong cõi Thật Báo, từ địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên bèn có năng lực này: Nên dùng thân Phật để độ người, bèn hiện thân “32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp” để ứng. Nhà Phật nói tới “*Bản Tích nhân duyên*”. Bản của Ngài Sơ Trụ Bồ tát trong Viên Giáo, hiện Tích là tướng Phật, tức “32 tướng, 80 vẻ đẹp”. Nếu nên hiện thân Đẳng Giác Bồ tát, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí là Đẳng Giác Bồ tát; hoặc cũng nên dùng thân Phật để đắc độ, Ngài cũng hiện thân Phật.

Vị Phật này là Đẳng Giác, vị Phật kia là Sơ Trụ Bồ tát, còn có vị viên mãn rốt ráo. Viên mãn rốt ráo là vị Phật do tự tính hiện ra trong cõi Thường Tịch Quang, tức là Phật A Di Đà trong Thế giới Tây Phương Cực Lạc. Đó là địa vị Diệu Giác, chẳng phải là Đẳng Giác. Đó là vị Phật rốt ráo viên mãn. Phật Thích Ca Mâu Ni đến thị hiện trong thế giới này, thừa quý

vị, Ngài là địa vị viên mãn, chẳng phải là Đẳng Giác Bồ tát. Vì sao? Trong kinh *Phạm Võng*, Ngài nói rất hay, Phật không vọng ngữ, nói toàn những lời thật.

Ngài đến thế giới này, thị hiện thân Phật trong nhân gian, lần này là lần thứ tám ngàn. Chẳng phải một lần, hai lần, mà là tám ngàn lần! Khi nào Ngài đến? Chúng sinh có cảm, Ngài bèn đến. Chúng sinh không có cảm, Ngài sẽ không ứng. Cảm ứng đạo giao mà! Chính Ngài tuyệt đối chẳng có ý nghĩ: Chúng sinh rất khổ, ta phải đến giúp đỡ họ.

Nếu có ý nghĩ như thế, sẽ chẳng phải là Phật. Vì sao? Khởi tâm động niệm! Bồ tát có khởi tâm động niệm, không có phân biệt, chấp trước, nhưng có tập khí phân biệt, chấp trước. Bồ tát thuộc địa vị Thập Tín không có phân biệt, chấp trước, nhưng có tập khí phân biệt, chấp trước. Từ Sơ Trụ trở lên, không có phân biệt, chấp trước, khởi tâm động niệm cũng không có, nhưng có tập khí khởi tâm động niệm.

Bốn mươi một tầng cấp này là do tập khí dày hay mỏng khác biệt, chúng ta phải hiểu rõ. Chẳng thể nói một vị Bồ tát này là Đẳng Giác, chẳng phải vậy, có 51 tầng cấp mà! Nói một vị Phật là Diệu Giác ư? Không nhất thiết! Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều có năng lực hiện thân Phật. Quý vị nghĩ đến vị Phật nào, Ngài bèn hiện ra vị Phật ấy. Vị Phật nào có duyên với quý vị, Ngài bèn hiện ra vị Phật ấy. “*Tùy chúng sinh tâm, ứng sở tri lượng*”, chớ nên không hiểu đạo lý này! Tuy hiện thân, chắc chắn Ngài không có vọng tưởng, phân

biệt, chấp trước. Ở đây, phải đặc biệt chú ý vọng tưởng, đó là khởi tâm động niệm. Đây là gì? Bạc Pháp Thân Bồ tát, Sơ Trụ trong Viên Giáo chẳng khởi tâm, chẳng động niệm.

Vì vậy, chúng ta ở trong thế gian này, tự mình phải thường suy nghĩ, chúng ta vẫn khởi tâm động niệm, còn có phân biệt, còn có chấp trước, đây có phải là mê khi cách ẩm hay chẳng? Nói “mê khi cách ẩm” cũng có lý! Vì sao? Tất cả hết thấy chúng sinh chẳng một ai không mê khi cách ẩm. Nếu Phật, Bồ tát tới ứng hóa trong thế gian này, còn có mê khi cách ẩm hay chẳng?

Chúng ta có thể suy nghĩ: Trong mười pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật thuộc tứ thánh pháp giới có thể là mê khi cách ẩm. Vì sao? Họ chưa kiến tính. Chưa kiến tính, nhưng trí tuệ, đức năng, thần thông của những người tu hành ấy lớn hơn chúng ta, chúng ta chẳng thể sánh bằng! Các Ngài có thể vào lục đạo độ chúng sinh hay chẳng? Có! Những kẻ hữu duyên trong lục đạo. Kẻ hữu duyên nghĩ tới các Ngài, các Ngài cũng có cảm, sẽ ứng đến.

Nhưng ứng thân của các Ngài trong thế gian này là tiểu thánh, chẳng phải là đại thánh, là Bồ tát, chẳng phải là Ma Ha Tát. Chư vị phải biết: Ngoài mười pháp giới là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, những vị Bồ tát trong cõi ấy gọi là Ma Ha Tát; chúng ta gọi những vị Bồ tát trong tứ thánh của mười pháp giới là Bồ tát. Do vậy, Bồ tát Ma Ha Tát có nghĩa như thế đó. Trong kinh *Kim Cương*, đức Phật đã phó chúc những

Đại Bồ tát phải thường hộ niệm Tiểu Bồ tát, vì Tiểu Bồ tát còn mê khi cách ăm.

Họ cũng có tâm từ bi, ứng hóa trong thế gian này, có khi họ cũng bị mê hoặc; nhưng họ rất thông minh, những vị Đại Bồ tát ở bên cạnh chiếu cố họ. Khi nào duyên đã chín muồi, các Ngài chỉ điểm họ, họ bèn tỉnh ngộ. Hể tỉnh ngộ bèn giác. Sau khi giác, đúng là tối thiểu cũng buông phân biệt xuống. Đối với cảnh giới, tuy là kiến thức thông thường, phổ biến, chớ nên không biết. Không biết, thì có khi chúng ta cũng bị mê trong ấy. Do vậy, biến thành chướng ngại, chính mình nuốn nâng cảnh giới lên sẽ khó khăn, thậm chí tạo thành chướng ngại cho vãng sinh trong tương lai. Giảng tới đây, chẳng thể không rườm lời nói thêm mấy câu:

“Kỳ dư địa tiền chư hiền, nhưng dĩ đả thành lưỡng tiệt” (Những vị Bồ tát trước khi chứng Sơ Địa, vẫn tách thành hai). Đối với từ Địa Tiền này, trong phần trước đã nói rất rõ ràng, đây là Biệt Giáo, chẳng phải là Viên Giáo. Địa Tiền nói trong câu này là Địa Tiền của Biệt Giáo, tức là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng trong Biệt Giáo, còn gọi là Tam Hiền Bồ tát. Tam Hiền Bồ tát của Biệt Giáo chưa thoát khỏi mười pháp giới, vẫn ở trong mười pháp giới, cũng tức là nói họ “chưa phá căn bản vô minh”.

Vì thế, các vị hãy xem, điều gì bị tách thành hai? *“Nhất thời sinh tâm, lánh nhất thời vô trụ”* (Thời này sinh tâm, thời khác vô trụ). Họ chẳng có cách nào, đấy cũng là như trong

kinh Đại thừa đã nói: Họ vẫn chưa nhập pháp môn Bất Nhị! Tính - Tướng chẳng hai, chúng sinh và Phật chẳng hai, động - tĩnh chẳng hai, họ hoàn toàn chưa làm được, chưa đạt tới cảnh giới ấy! *“Khả kiến phàm phu tuyệt phận”* (Có thể thấy phàm phu chẳng có phần). Phàm phu thuộc lục đạo, làm sao có thể hành được? Làm sao có thể sánh với người ta?

“Kim thử Tịnh Độ pháp môn, giáo chúng sinh trì danh niệm Phật, linh chúng sinh tức niệm ly niệm, tiềm thông Phật trí, ám hợp đạo diệu, xảo nhập vô niệm, tức phàm thành thánh” (Nay pháp môn Tịnh Độ này dạy chúng sinh trì danh niệm Phật, khiến cho chúng sinh do niệm mà lìa niệm, ngầm thông với trí Phật, thầm hợp đạo mầu, khéo nhập vô niệm, từ ngay nơi phàm mà thành thánh).

Đây là chỗ mầu nhiệm của pháp môn này. Thật sự mầu nhiệm! Tôi không biết các quý vị đồng học thế nào, nhưng nếu các đồng học chú tâm một chút, tâm địa vọng niệm ít một chút, tôi nghĩ các quý vị sẽ phát hiện một hiện tượng, đó chính là pháp duyên giảng kinh *Vô Lượng Thọ* đặc biệt thù thắng. Chính tôi đã suốt đời thể nghiệm. Tôi đã giảng rất nhiều bộ kinh luận, nhưng pháp duyên thù thắng nhất chính là kinh *Di Đà* và kinh *Vô Lượng Thọ*.

Nói chung là có duyên có, thính chúng đặc biệt đông, pháp môn thù thắng, chư Phật hộ niệm, Long thiên thiện thần ủng hộ đạo tràng, chẳng giả tí nào! Pháp môn tốt lành, nhưng người thật sự nhập cảnh giới này vẫn là thiểu số. Nói

theo lý luận, Thiện Đạo Đại sư nói, Thiện Đạo Đại sư là Phật A Di Đà tái lai, lời của Thiện Đạo Đại sư do chính miệng Phật A Di Đà nói ra, pháp môn này là “*Vạn người tu, vạn người đến*”. Vì sao có người tu pháp môn này chưa thể thành tựu? Phật không có vấn đề, pháp môn cũng chẳng có vấn đề, kinh điển cũng không có vấn đề. Vấn đề do người tu hành mà có! Người ấy bụng dạ vương mắc cả đồng chuyện, chẳng buông xuống được.

“*Tức niệm*”. Kẻ ấy chẳng là niệm. “*Tức niệm*” là A Di Đà Phật; “*ly niệm*” là như trong phần trước đã nói, niệm một câu A Di Đà Phật này để thay thế, trừ khử trăm ngàn vạn ức vọng tưởng, tạp niệm. Đó là thật sự niệm Phật. Một mặt niệm A Di Đà Phật, nhưng trong ấy vẫn xen tạp vọng tưởng, tạp niệm công phu niệm Phật bị phá hoại, cho nên quý vị chẳng có cách nào!

“*Tiềm thông Phật trí, ám hợp đạo diệu*”. Quý vị thấy lời chú giải giảng rõ ràng lắm, minh bạch lắm. Quý vị phải do niệm mà là niệm. Niệm A Di Đà Phật. Trong tâm chỉ có một niệm Phật A Di Đà này, chớ nên xen tạp vọng niệm vào đấy. Vì vậy, Phật, Bồ tát, tổ sư đại đức dạy chúng ta đừng hoài nghi, đừng xen tạp, đừng gián đoạn. Niệm như vậy, quý vị sẽ có thể “*Tiềm thông Phật trí, ám hợp đạo diệu*”. Vì sao? Quý vị niệm Phật đã niệm đến mức nhất tâm.

Sự Nhất tâm có địa vị bằng với tầng cấp A La Hán và Bích Chi Phật. Lý Nhất tâm có cảnh giới giống như 41 địa vị Pháp

Thân đại sĩ từ Sơ Trụ trở lên trong Viên Giáo. Quý vị có thể niệm tới Nhất tâm bất loạn. Hơn nữa, phương pháp này đơn giản, dễ dàng, ổn thỏa, thích đáng, đáng tin cậy, chẳng phiền phức tí nào, chẳng thông Giáo cũng không sao! Do vậy, có nhiều người chẳng biết chữ, chưa từng học kinh giáo, niệm một câu A Di Đà Phật này mấy năm, đúng là ý niệm gì cũng mất. Niệm tới mức Nhất tâm bất loạn, nhưng chính người ấy hoàn toàn không biết, vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc sinh vào cõi Phương Tiện, người như vậy rất nhiều.

Người sinh vào cõi Thật Báo có lẽ ít hơn một chút, chứ người sinh vào cõi Phương Tiện rất nhiều. Họ đã bỏ được chấp trước. Chẳng chấp trước gì hết, cứ đơn giản là kinh dạy quý vị chấp trước danh hiệu, chấp trì danh hiệu. “*Chấp*” là chấp trước, “*trì*” là nắm vững vàng, nắm chặt, tức là giữ chặt một câu Phật hiệu này. Ngoài một câu Phật hiệu này ra, tạp niệm gì cũng đều không có, vọng tưởng gì cũng đều không có. Đó là niệm Phật công phu thành phẩm. Công phu thành phẩm sẽ sinh vào cõi Đồng Cư. Sinh trong cõi Đồng Cư cũng thành thánh nhân. Thế giới Cực Lạc không có phàm phu, đều là thánh nhân, do phàm mà thành thánh!

“*Cố Sớ Sao viết*” (Do vậy, sách *Sớ Sao* nói), tức là Liên Trì Đại sư nói: “*Việt tam kỳ ư nhất niệm, tề chư thánh ư phẩm ngôn*” (Vượt ba A tăng kỳ trong một niệm, bằng với chư thánh do một lời). Vượt tam kỳ là người nào vậy? Nay chúng ta hiểu rất rõ ràng, theo kinh *Hoa Nghiêm* đã dạy, từ Sơ Trụ

tới Đẳng Giác là 41 địa vị Pháp Thân đại sĩ. Các Ngài đoạn hết vô minh, nhưng tập khí vô minh vẫn còn.

Tới Đẳng Giác mới đoạn hết tập khí vô minh. Cần thời gian bao lâu? Ba đại A tăng kỳ kiếp. Vượt thoát ba đại A tăng kỳ kiếp trong một niệm, chính là do một tiếng Phật hiệu này bèn vượt qua ba đại A tăng kỳ kiếp. “*Tề chư thánh*” (Bằng với chư thánh): Chư thánh là 41 địa vị Pháp Thân đại sĩ. “*Phiến ngôn*” (một lời) là bốn từ: A Di Đà Phật. Chính là một câu này. Bằng gì? Bằng với Pháp Thân, chẳng phải là hạng Bồ tát thông thường. Pháp Thân đại sĩ là Ma Ha Tát, còn có gì thù thắng hơn pháp môn này? Tìm chẳng ra! Do vậy, chúng ta học kinh này, quý vị còn có vấn đề gì nữa chẳng? Quý vị học kinh này, hết thấy chư Phật mười phương ba đời hộ niệm quý vị. Tuy quý vị chẳng thấy các Ngài, nhưng các Ngài thấy quý vị.

Trước đây, chúng ta còn có nghi vấn, nay chẳng còn nghi vấn. Chúng ta tin tưởng, khẳng định rồi! Vì sao? Sách *Hoàn Nguyên Quán* đã giảng ba thứ trọn khắp, bất luận là một mảy lông nơi Chính báo hay một vi trần trong Y báo, sự dao động của chúng trọn khắp pháp giới trong mỗi niệm. Niệm niệm xuất sinh vô tận. Niệm niệm hàm dung Không và Có. Vì vậy, chúng ta khởi tâm động niệm, hết thấy tạo tác, mười phương chư Phật đều thấy.

Chúng ta chân tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ, hết thấy chư Phật hộ niệm, Long thiên thiện thần ủng hộ. Phúc báo

này như thế nào? Ba đời chư Phật hợp nhau cùng nói vẫn chẳng thể giải thích rõ ràng, vì phúc báo ấy quá lớn!

Câu danh hiệu này, trên thực tế là tổng cương lĩnh của hết thảy các kinh điển do chư Phật mười phương ba đời đã tuyên dương, mà cũng là chỗ quy y của hết thảy các kinh điển. Do vậy, những điều vừa nói trên đây chẳng phải do một mình cụ Hoàng Niệm Tổ nói. Hoàng lão cư sĩ cũng chỉ tiếp nhận, vâng theo lời lịch đại tổ sư đại đức đã nói. “Xứng tính cực đàm”, giảng đến rốt ráo viên mãn chính là một câu danh hiệu này.

“Chí tai diệu dụng, bất khả tư nghị” (Diệu dụng cùng tột thay, chẳng thể nghĩ bàn), đã đến tột đỉnh!

“Kỳ tha pháp môn nãi chính nhập vô sinh, cố vi nan hành đạo” (Những pháp môn khác nhập thẳng vào Vô sinh, nên là đạo khó hành). *“Chính nhập”* là gì? Thực hiện từng bước một, tiến lên theo từng cấp bậc một, tiến cao lên dần, giống như 51 địa vị được nói trong kinh *Hoa Nghiêm*. Đó là *“chính nhập”*, thời gian rất dài.

“Kim thử tịnh nghiệp, xảo nhập vô sinh, cái dị hành đạo dã” (Nay Tịnh nghiệp khéo nhập Vô sinh nên là đạo dễ hành). Nó quá xảo diệu (khéo léo, tuyệt diệu), chẳng phải là tiến lên từng cấp bậc một, mà bất tri bất giác viên mãn, đạt tới tột đỉnh. Do vậy, nó là đạo dễ hành. *“Niệm Phật pháp môn nãi tu hành chi kính lộ”* (Pháp môn Niệm Phật là đường tắt trong sự tu hành). *“Kính lộ”* là đường gần, đường tắt.

“Nhi trì danh nhất pháp hựu vi tứ chủng niệm Phật trung chi kính lộ, cố xưng vi kính trung chi kính” (Nhưng trì danh lại là đường tắt trong bốn loại Niệm Phật, nên được gọi là đường tắt nhất trong các con đường tắt), là đường gần nhất trong các con đường gần. Trong bốn loại Niệm Phật này, *Quán Kinh* có nhắc tới ba loại: Quán Tưởng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, và Trì Danh Niệm Phật, đều là những pháp chúng ta thường tu.

Một loại khác chúng ta không làm được là Thật Tướng Niệm Phật. Khi nào tu Thật Tướng Niệm Phật? Từ Sơ Trụ trở lên tu Thật Tướng Niệm Phật. Vừa rồi, trong phần trích dẫn, cụ Hoàng đã nói từ Sơ Địa trong Biệt Giáo trở lên, tức là từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên, niệm Phật khi ấy là Thật Tướng Niệm Phật, chẳng phải là Trì Danh Niệm Phật. Trong bốn loại Niệm Phật, Trì Danh là đường tắt. Do vậy, theo kinh *Hoa Nghiêm*, bậc đã chứng đắc từ Sơ Trụ trở lên phải tu pháp môn Niệm Phật. Cách niệm Phật của các Ngài thuộc loại Thật Tướng Niệm Phật.

“Hựu bản kinh bất xướng nhất tâm bất loạn” (Lại nữa, kinh này chẳng đề xướng nhất tâm bất loạn). *“Xướng”* là đề xướng. Kinh *Vô Lượng Thọ* không đề xướng Nhất tâm bất loạn. Vì sao? Nhất tâm bất loạn quá khó, đúng là chẳng dễ làm được. Sự Nhất tâm bất loạn là đã đoạn Kiến Tư phiền não, chứng nhập bằng quả A La Hán. Lý Nhất tâm bất loạn đã đoạn Trần Sa phiền não, phá Vô Minh phiền não, cảnh

giới ấy bằng với “*minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật*”, chẳng phải là chuyện dễ. Vì vậy, kinh này chẳng nói tới Nhất tâm bất loạn.

“*Trực dĩ phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm Phật A Di Đà vi Tông*” (Thẳng thừng lấy phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm Phật A Di Đà làm Tông). Phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm, chẳng phải là Nhất tâm bất loạn. Một bề chuyên niệm, thì chúng ta làm được. Một phương hướng, một mục tiêu, chuyên niệm Phật A Di Đà sẽ làm được!

Nhất tâm bất loạn chẳng dễ gì làm được, vì phải đoạn phiền não. Khuất phục phiền não, thì sự khuất phục ấy chẳng phải là Nhất tâm bất loạn. Đoạn hết phiền não mới là Nhất tâm bất loạn. Quý vị biết Nhất tâm bất loạn quá khó. Nhưng kinh *Di Đà* nói “Nhất tâm bất loạn”, và “*Tâm chẳng điên đảo*”! Kinh *Di Đà* và bộ kinh này là cùng một bộ, nội dung như nhau. Quý vị phải biết: Theo bản dịch kinh *A Di Đà* của Huyền Trang Đại sư thì là “*Nhất tâm hệ niệm*”, chẳng phải là Nhất tâm bất loạn.

Nhất tâm bất loạn là do La Thập Đại sư dịch. Ngài dịch cũng rất có lý! Công phu của chính mình là Nhất tâm hệ niệm, lâm chung Phật đến tiếp dẫn, trước hết, Phật quang chiếu tới quý vị. Khi Phật quang chiếu gọi, được Phật lực gia trì, khiến cho công phu của quý vị được nâng lên gấp bội. Quý vị thật sự đạt được Nhất tâm hệ niệm. Đó là công phu thành phiến, ngay lập tức bèn được nâng cao lên thành Nhất tâm bất loạn.

Vì vậy, La Thập Đại sư hoàn toàn chẳng dịch sai, đích xác là hành nhân khi vãng sinh được bản nguyện và oai thần từ 48 nguyện của Phật Di Đà gia trì. Nhưng đối với kẻ sơ học chúng ta mà nói, do rất nhiều người thấy cụm từ “Nhất tâm bất loạn”, mà cảm thấy pháp môn này vẫn chẳng dễ tu, không dám tu pháp môn này. Nhưng thấy “*Phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*”, bèn nghĩ chính mình vẫn có thể, điều này còn có thể làm được.

Bồ Đề tâm sẽ được giải thích tỉ mỉ trong phần sau. Trong *Yếu Giải*, Ngẫu Ích Đại sư giảng rất tuyệt: Quý vị thật sự phát nguyện cầu sinh Tịnh Độ, tâm ấy là vô thượng Bồ Đề tâm. Cổ nhân chưa hề nói, Ngẫu Ích Đại sư nêu ra cách giải thích như thế khiến cho chúng ta nghĩ đến rất nhiều ông lão bà cụ chẳng biết chữ, cũng chưa từng học hành, mà cũng chưa nghe Phật pháp, người ta dạy họ niệm một câu “A Di Đà Phật”, họ bèn thật thà niệm, niệm tới cuối cùng còn có thể đứng vãng sinh, biết trước lúc mất, tướng lành hy hữu. Dường như họ chẳng phát Bồ Đề tâm! Dường như trực tâm, thâm tâm và đại bi tâm được nói trong Bồ Đề tâm họ chẳng phát, có sao họ niệm Phật bèn có thể vãng sinh? Họ chẳng biết phát Bồ Đề tâm là gì, nhưng quý vị quan sát kỹ lưỡng, sẽ thấy trực tâm, thâm tâm, và đại bi tâm họ đều trọn đủ. Họ bất tri bất giác phát ra, đã phát, nhưng chính mình vẫn không biết, nhất tâm nhất ý cầu sinh Tịnh Độ, mong thấy Phật A Di Đà, tâm chân thành trọn đủ. Thâm tâm là Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác. Họ có, tuy chưa viên mãn, nhưng họ có từ bi tâm!

“Đản năng phát tâm chuyên niệm, giai khả vãng sinh. Cố cánh vi minh xác giản yếu” (Chỉ cần có thể phát tâm chuyên niệm, đều được vãng sinh. Do vậy, pháp này càng là rõ ràng, xác thực, đơn giản, tóm tắt). *“Minh”* là minh bạch, *“xác”* là chân thật, *giản yếu* là đơn giản, tóm tắt. Quý vị thấy pháp môn này, *“Thị cố thử kinh xưng vi Tịnh Tông đệ nhất kinh”*, lưu truyền tới khi Phật pháp trên thế gian này diệt sạch, tới cuối cùng, hãy còn bộ kinh này tồn tại trên thế gian một trăm năm. Từ chỗ này, chúng ta có thể suy ra sự thù thắng của bộ kinh điển này.

“Nhân kỳ vi trực tiệt trung chi trực tiệt, phương tiện trung chi phương tiện. Tuyệt đãi viên dung, bất khả tư nghị” (Do vì pháp này thẳng gọn nhất trong các pháp thẳng gọn, thuận tiện nhất trong các pháp phương tiện, dứt bật đối đãi một cách viên dung, chẳng thể nghĩ bàn). Đây là lời thật, chẳng giả tí nào! Hết thấy chúng sinh trong lục đạo có thể gặp gỡ pháp môn này, chắc chắn đắc độ trong một đời này, nhất định vượt thoát lục đạo luân hồi. Không chỉ vượt thoát lục đạo, người ấy còn vượt thoát mười pháp giới. Điều này thù thắng chẳng thể tưởng tượng được!

“Nhật Bản Tịnh Tông đại đức thôi trọng thử kinh quá ư ngã quốc” (Các bậc đại đức trong Tịnh Tông Nhật Bản đề cao kinh này còn hơn nước ta). Đúng vậy! Trong *Đại Tạng Kinh Nhật Bản*, các tác phẩm nghiên cứu và chú giải kinh *Vô Lượng Thọ* rất phong phú. Nhìn lại Trung Quốc, các vị tổ sư

đại đức từ xưa chú giải kinh này rất ít, chỉ có mấy loại. Do nguyên nhân gì? Cư sĩ Bành Tế Thanh nói rất khéo, do kinh này không có bản tốt nhất! Không ít vị đại đức đã khẳng định câu nói này của ông Bành! Ông ta nói rất hay. Quả thật là vì kinh này chưa có bản tốt nhất.

Đọc trọn cả 5 bản dịch gốc vào thời cổ là chuyện chẳng dễ dàng cho lắm! Vì khi ấy, kinh sách quá ít, chẳng phải là ấn loát, mà là chép tay. Ngay cả cư sĩ Vương Long Thư có thân phận như vậy, là một vị trưởng giả giàu sù, vẫn chưa thấy trọn 5 bản dịch gốc, chỉ thấy 4 loại. Ông ta chưa được thấy bản dịch đời Đường, tức bản *Vô Lượng Thọ Như Lai Hội* trong kinh *Đại Bảo Tích*; do vậy, bản hội tập của ông ta chỉ gồm 4 bản dịch gốc. Thật đáng tiếc! Bởi lẽ, trong *Vô Lượng Thọ Như Lai Hội* của kinh *Đại Bảo Tích* có rất nhiều phần đặc sắc mà 4 bản kia không có! Nhưng người Nhật Bản hữu tâm, khi tới Trung Quốc du học, đối với những bản kinh sách tốt đẹp đều thu thập toàn bộ đem về. Chính chúng ta đã coi nhẹ chuyện này, chẳng thu thập, bị người Nhật Bản thu thập đem đi. Có nhiều thứ từ Nhật Bản truyền ngược trở về Trung Quốc. Điều này, nhờ vào công đức của cư sĩ Dương Nhân Sơn.

Vào những năm cuối đời Thanh, cư sĩ Dương Nhân Sơn là Tham tán tại Đại Sứ Quán ở Nhật Bản. Ông ta đối với Phật pháp hết sức lưu ý, do vậy, tìm tòi tại Nhật Bản, rất nhiều thứ đã bị thất truyền cả mấy trăm năm tại Trung Quốc. Trong

mục lục *Đại Tạng Kinh* có ghi, nhưng chẳng thấy sách đâu, tại Nhật Bản thì thấy. Do vậy, ông ta bèn dựa theo mục lục để tìm tại Nhật Bản, tìm tòi rất nhiều, tìm được chẳng ít, đem trở về Trung Hoa; đặc biệt là những chú sớ của kinh luận *Pháp Tướng Duy Thức*.

Tiếp đó, những phần được trích dẫn đều là chú giải của người Nhật Bản. “*Nhật Hắc Cốc Đại Kinh Thích vân*” (Bộ *Đại Kinh Thích* của sư Hắc Cốc^{21[2]} người Nhật). “*Đại Kinh Thích*” là tác phẩm giải thích kinh *Vô Lượng Thọ*, trong đó có một đoạn như sau: “*Ư vãng sinh giáo, hữu căn bản, diệt hữu chi mạt*” (Đối với giáo pháp vãng sinh, có pháp là căn bản, mà cũng có pháp cành nhánh). Vãng sinh là niệm Phật cầu sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, người Trung Quốc gọi “*vãng sinh giáo*” là Tịnh Độ Tông. Sư nói vãng sinh giáo có căn bản mà cũng có cành nhánh.

21[2] Hắc Cốc Thượng Nhân chính là tôn xưng của Ngài Pháp Nhiên, sáng tổ Tịnh Độ Tông (Jōdo Shū) Nhật Bản. Ngài Pháp Nhiên (Honen, 1133-1212) sinh ở huyện Mỹ Tác Quốc (Mimasaka), pháp húy Nguyên Không (Genkū). Sư còn được gọi là Cát Thủy Thượng Nhân hoặc Viên Quang Đại sư. Sau khi thân phụ mất, năm chín tuổi, Sư xuất gia theo tông Thiên Đài (Tendai, tức Thiên Thai Tông Nhật Bản), sau đó, tu tại tổng bản sơn Tỷ Duệ (Hiei). Đến năm 24 tuổi, vẫn chưa cảm thấy thỏa mãn với giáo nghĩa Thiên Đài, Sư rời Tỷ Duệ đến tham học tại Đông Đại Tự và Hưng Phước Tự, nhưng vẫn chưa cảm thấy đã tìm được con đường giải thoát đúng đắn cho bản thân. Trở về Tỷ Duệ, vùi mình trong Tăng Kinh Các, cuối cùng Sư đã đọc *Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ* của Ngài Thiện Đạo, giải ngộ, chân thành đề xướng trì danh niệm Phật. Rời Tỷ Duệ, hòa mình vào tầng lớp bình dân, Sư giảng dạy giáo nghĩa Tịnh Độ, thu hút các tín đồ, kể cả các quan to trong triều. Điều này gây nên sự đố kỵ và lo ngại của giới tăng lữ thuộc tông Thiên Đài, vì sợ mất ảnh hưởng quyền lực đối với triều đình. Các tăng sĩ như Minh Huệ (Myōe) và Trinh Khánh (Jōkei) đã công khai chỉ trích Pháp Nhiên là tà giáo. Đã thế, những tín đồ, môn đệ của Ngài Pháp Nhiên trong nhiệt tình truyền giáo đã hiểu lệch lạc khái niệm Tha Lực nên không tuân thủ giới luật, kịch liệt chỉ trích những tông phái khác bằng luận điệu khiên cưỡng, bôi nhọ, dẫn đến phản ứng mạnh của tông Thiên Đài. Cuối cùng, dưới sức ép của các tăng lữ chùa Hưng Phước, Thiên Hoàng Hậu Điều Vũ (Go-Toba) đã hạ lệnh nghiêm cấm niệm Phật, bắt Pháp Nhiên và các đệ tử đi lưu đày. Mãi đến năm 1211, lệnh cấm mới được bãi bỏ và Pháp Nhiên được trở về Kinh Đô (Kyoto), nhưng Sư tịch vào năm sau. Một đệ tử của Sư là Thân Loan (Shinran) đã thành lập một tông phái Tịnh Độ mới là Tịnh Độ Chân Tông (Jōdo Shinshū).

“Thử kinh danh căn bản, dư kinh danh chi mạt” (Kinh này là căn bản, những kinh khác là cành nhánh). Kinh chuyên giảng Tịnh Độ gồm ba bộ: Kinh *Vô Lượng Thọ* là căn bản, kinh *Quán Vô Lượng Thọ Phật* và kinh *A Di Đà* là cành nhánh.

Trong khi đức Phật giảng kinh, thuyết pháp đã giảng kèm thêm Tịnh Độ, giảng pháp môn niệm Phật cầu sinh Di Đà Tịnh Độ, đại khái có từ hơn một trăm tới gần hai trăm bộ kinh. Đương nhiên những kinh ấy là “cành nhánh của cành nhánh”. *“Hựu thử kinh danh chính vãng sinh giáo, dư kinh danh bàng vãng sinh giáo. Hựu thử kinh danh vãng sinh cụ túc giáo, tha kinh danh vãng sinh bất cụ túc giáo”* (Hơn nữa, kinh này là chính vãng sinh giáo, những kinh khác là bàng vãng sinh giáo. Lại nữa, kinh này gọi là vãng sinh giáo trọn đủ, những kinh khác gọi là vãng sinh giáo chưa trọn vẹn). Đây là cách nói khái luận của người Nhật Bản đối với bộ kinh này.

Những người Nhật Bản này đều tới Trung Quốc du học vào thời đại Tùy - Đường, thân cận Trí Giả Đại sư, hoặc thân cận Thiện Đạo Đại sư. Nhiều vị đều là học trò của Thiện Đạo Đại sư. Thuở Thiện Đạo Đại sư tại thế đã giảng bộ kinh này. Các vị ấy đều đích thân nghe giảng nơi pháp tòa của Ngài.

“Cứ thượng chi nghĩa, Tịnh Độ Tông thí như Diệu Cao phong đầu, nhi bản kinh chính như phong đầu chi đỉnh tiêm.

Bản kinh vị đương lai nhất thiết hàm linh, giai y thủ pháp nhi đắc độ thoát” (Theo nghĩa trên đây, Tịnh Độ Tông ví như đỉnh núi Diệu Cao, mà kinh này lại như chóp đỉnh của đỉnh núi. Kinh này sẽ làm cho hết thấy các hữu tình trong tương lai do nương theo pháp này bèn được độ thoát). Nhận định này có cùng một ý nghĩa như tôi đã nói trong phần trước, hết thấy chúng sinh trong chín pháp giới đều nương vào pháp môn này để độ thoát luân hồi, vượt thoát mười pháp giới.

“Thị tri lợi tế chúng sinh, thủ kinh vi tối. Trì danh chi pháp, ám hợp đạo diệu, tối dị hành cố” (Do vậy, kinh này lợi lạc chúng sinh lớn nhất; pháp trì danh thâm hợp đạo mầu, dễ hành nhất). Trong thời đại này, cuộc sống của chúng ta vô cùng gian nan, chướng duyên nghiêm trọng khôn sánh, bản thân chúng ta phải suy nghĩ. Trong thời gian ngắn ngủi, tạm bợ của kiếp sống này, chúng ta phải làm như thế nào để nắm chắc sự thành tựu chân thật cho chính mình? Vì sao? Chính mình chẳng thành tựu, sẽ chẳng thể lợi lạc chúng sinh.

Các bậc đại thánh đại hiền trong pháp thế gian và Phật pháp, không vị nào chẳng dạy chúng ta: Thành tựu chính mình, rồi mới có thể thành tựu người khác. Chính mình chẳng có thành tựu, nếu muốn hoằng pháp lợi sinh, đức Phật thường nói: *“Vô hữu thị xứ”* (Chẳng có lẽ ấy). Đúng là tâm thì có thừa, nhưng lực chẳng đủ, quý vị chẳng làm được. Nhất định là trước hết phải thành tựu chính mình.

Tứ Hoảng Thệ Nguyên là nguyên tắc chỉ đạo tốt nhất, phải phát nguyện lớn: *“Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ”*, phải độ tận hữu tình trong chín pháp giới. Đây là phát đại Bồ Đề tâm. Quý vị độ họ bằng cách nào? Quý vị chưa độ chính mình được, sẽ chẳng thể độ người khác. Phải tự độ ra sao? Đầu tiên là đoạn phiền não. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn. Kiến Tư phiền não vô tận, Trần Sa phiền não vô tận, Vô Minh phiền não vô tận. Đoạn bằng cách nào? Ngay trong cuộc sống hằng ngày. Học gì? Nguyên tắc chỉ đạo chung là học *“chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước”*. Đó là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc. Đối với tế hạnh trong cuộc sống hằng ngày, Đại thừa nói tám vạn tế hạnh, Tiểu thừa nói ba ngàn oai nghi, từng ly từng tí trong cuộc sống, đức Phật dạy chúng sinh đừng chấp trước từng điều nhỏ nhặt một!

Bắt đầu học từ đâu? Trong Phật giáo, Tịnh nghiệp học nhân bắt đầu từ bằng *“Tam phúc”*. Nếu quý vị chưa thể tự độ, sẽ chẳng thể có phúc báo. Vì vậy, mở kinh Phật ra, thiện nam tử, thiện nữ nhân, có thiện căn, có phúc đức. Kinh Di Đà nói: *“Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phúc đức, nhân duyên, đắc sinh bỉ quốc”* (Chẳng thể do ít thiện căn, phúc đức, nhân duyên mà sinh về cõi ấy). Thiện căn và phúc đức học từ Tam phúc, đó là phúc đức chân chính. *“Hiếu dưỡng phụ mẫu. Phụng sự sư trưởng”*, quý vị thấy phúc tu từ đâu? Từ hiếu dưỡng phụ mẫu. Kẻ chẳng hiếu thảo với cha mẹ sẽ chẳng có phúc, niệm Phật cũng chẳng thể vãng sinh.

Kẻ không biết tôn sư trọng đạo cũng chẳng thể vãng sinh! Thân mệnh của quý vị do cha mẹ mà có, tuệ mệnh của quý vị do thầy mà có.

Quý vị thấy 2 câu này được đức Phật xếp trước hết. “*Hiếu dưỡng phụ mẫu. Phụng sự sư trưởng. Tâm từ chẳng giết. Tu Thập Thiện Nghiệp*”. Vì vậy, có những đồng học hỏi tôi: “Thưa pháp sư. Vì sao thầy phải đề xướng *Cảm Ứng Thiên*? Vì sao đề xướng *Đệ Tử Quy*? Những thứ ấy không phải của Phật giáo!”. Tôi bảo họ: “Những thứ ấy đều là của Phật giáo”. Họ cãi: “Trong Phật giáo không có nói!”. Ai bảo không có nói? Điều thứ nhất trong Tịnh nghiệp tam phúc là “*Hiếu dưỡng phụ mẫu. Phụng sự sư trưởng*”, quý vị coi thử *Đệ Tử Quy* có giảng những điều ấy hay không? Có! Làm thế nào để thực hiện 2 câu ấy? Thực hiện *Đệ Tử Quy*, quý vị sẽ thực hiện được 2 câu ấy.

“*Tâm Từ chẳng giết*”, quý vị thi hành *Cảm Ứng Thiên* liền làm được câu này. Ba câu trên đây là cơ sở, tiếp theo là “*Tu Thập Thiện Nghiệp*” mới có thể làm được. Vì sao chưa làm được Thập Thiện Nghiệp? Do chưa làm được ba câu trên. Ba câu trước đó chính là *Đệ Tử Quy* và *Cảm Ứng Thiên*, chưa làm được! Vì vậy, quý vị chưa làm được Thập Thiện Nghiệp. Như vậy, thì đề xướng *Đệ Tử Quy* và *Cảm Ứng Thiên* còn sai nữa hay không? Tôi thấy chẳng sai!

Do đó, thật sự học Phật, nay chúng ta phải nương theo lời giáo huấn của Ấn Quang Đại sư. Ấn Quang Đại sư dạy

chúng ta phải vun bồi vững vàng cội rễ bằng Cảm Ứng Thiên. Căn bản thứ nhất là Cảm Ứng Thiên, giáo dục nhân quả. Quý vị thật sự liễu giải đạo lý nhân quả, liễu giải chân tướng sự thật, sẽ không chỉ chẳng dám làm ác, mà ngay cả ác niệm cũng chẳng dám dấy lên. Vì sao? Động một niệm bất thiện, ba thứ “trộn khắp” đều có. Trộn khắp pháp giới, ai mà không biết? Khấp hư không, trộn pháp giới, hết thấy Phật, Bồ tát, A La Hán đều biết. Chẳng thể gạt ai! Có muốn gạt ai cũng chẳng được! Một niệm của quý vị trộn khắp pháp giới, một niệm xuất sinh vô tận. Xuất sinh vô tận là gì? Thiện niệm sinh ra thiện công đức, ác niệm sinh ra những điều ác độc, có báo ứng. Không dám động niệm, thì còn dám làm nữa ư?

So với luân lý, đạo đức, so với bất cứ loại giáo dục nào, cũng đều hữu dụng hơn! Có rất nhiều kẻ học hành rất giỏi, nhưng bất hiếu với cha mẹ, phản thầy, nghịch đạo, họ dám làm. Do nguyên nhân gì vậy? Cổ nhân bảo là “*Lợi dục huân tâm*” (Mờ mắt vì lợi lộc, dục vọng). Họ bị danh lợi trước mắt mê hoặc, biết rõ, nhưng vẫn cố phạm. Biết sai lầm, mà vẫn muốn làm; nhưng nếu kẻ ấy hiểu nhân quả, sẽ chẳng dám làm. Vì sao? Những gì quý vị đạt được trong hiện tiền là một chút danh lợi, trong tương lai phải trả giá quá lớn. Biết như vậy liền chẳng dám làm nữa!

“*Nhất ẩm, nhất trác, mạc phi tiền định*” (Miếng ăn, hớp uống, không gì chẳng được định sẵn), chớ nên cưỡng cầu.

Cưỡng cầu, cướp đoạt lấy, hay lén trộm lấy, đều là do trong mạng quý vị sẵn có, quý vị phải phí uổng tâm cơ làm chuyện đó, có oan uổng hay chẳng? Quý vị không cần đoạt, không cần phải giở trò trộm cắp. Lâu đạt được hơn một chút, thì bất quá một hai năm sẽ có, có gì phải nóng lòng? Tạo tội nghiệp ấy, thật đáng sợ!

Vì vậy, Tổ Ấn Quang suốt đời đề xướng nhân quả, có thể nêu ra rất nhiều ví dụ, những tác phẩm được Ngài nêu lên đều của Đạo gia, như *Ngọc Lịch Bảo Sao* chẳng hạn. Ấn Quang Đại sư đề xướng lưu hành cuốn sách ấy. Ngài dạy người học Phật phải đọc *Cảm Ứng Thiên*. Ngài có lý. Đó là sự thật, tuyệt đối chẳng phải là mê tín, chẳng phải Ngài dùng các tác phẩm đó để hù dọa con người!

Thiện có thiện quả, ác có ác báo. Hiện tại, tạo tác cái nhân ác nghiệp, trong đời quá khứ, quý vị tích lũy đại phúc, tu đại thiện, do quý vị làm ác nên phúc báo đã có trong mạng bị suy giảm với một mức độ lớn, còn một chút phúc thừa. Hưởng hết phúc thừa, nghiệp báo của quý vị sẽ hiện tiền, chẳng chống đỡ được! Cho đến lúc ấy, hối hận chẳng kịp! Vì vậy, con người quyết định chớ nên làm chuyện thiếu lương tâm. Trong lúc quá nhiều tai nạn hiện thời, hãy ghi nhớ: Hiếu thuận cha mẹ là phúc báo bậc nhất. Chỗ nào có lỗi với cha mẹ, phải thật sự sám hối, phải tôn sư trọng đạo, phải yêu quý sinh mạng muôn loài, trợn chớ nên sát sinh. Một con muỗi, một con ruồi cũng là một sinh mạng, đừng xem nhẹ!

Quý vị giết hại nó, trong tương lai nó sẽ báo thù, phiền phức ấy rất lớn!

Độ chính mình phải được thực hiện từ bộ kinh này. Tịnh nghiệp tam phúc là nguyên tắc chỉ đạo tối cao, chúng ta nhất định phải thực hiện *Đệ Tử Quy*, *Cảm Ứng Thiên*, *Thập Thiện Nghiệp*, đầy đủ những điều kiện này mới có thể học Phật. Phúc thứ hai là *“Thọ trì Tam Quy. Trọn đủ các giới. Chẳng phạm oai nghi”*. Quý vị chính thức trở thành đệ tử Phật môn. Lại nâng cao hơn nữa là *“Phát Bồ Đề tâm. Tin sâu nhân quả”*.

Tôi đã giảng về *“Tin sâu nhân quả”* rất nhiều, chẳng phải là nhân quả thông thường, mà nhân quả ấy chính là *“Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả”*. Nếu chúng ta muốn thành Phật thì phải niệm Phật. Niệm Phật nhất định thành Phật. *“Đọc tụng Đại thừa. Khuyến tấn hành giả”*. Chúng tôi dùng tám từ để giải thích câu *“Khuyến tấn hành giả”*: *“Thân hành, ngôn giáo, giảng kinh, giáo học”*. Giúp đỡ người khác, giáo hóa người khác, trước hết, chính mình phải làm được rồi mới dùng lời lẽ để dạy người khác.

Phật Thích Ca Mâu Ni suốt đời giảng kinh, dạy học; nhìn lại những vị tổ sư đại đức từ xưa, chẳng vị nào không phải là suốt đời đều giảng kinh, dạy học! Ngẫu Ích Đại sư vãng sinh lúc Ngài năm mươi mấy tuổi, quý vị thấy Ngài sáng tác mấy chục tác phẩm, trước tác vô cùng phong phú, mỗi ngày đều viết lách. Vì sao phải khổ sở viết lách như thế?

Chẳng tìm được truyền nhân, bèn dùng phương pháp này để truyền pháp cho đời sau. Người hữu duyên đời sau đọc đến, sẽ nương theo phương pháp và lý luận do Ngài đã nói để học tập, thành tựu, truyền lại cho người đời sau. Trong nhiều sáng tác ngàn ấy, thù thắng nhất, được Ấn Quang Đại sư tán thán nhất là bộ *Di Đà Kinh Yếu Giải*.

Từ lời bạt, chúng ta thấy: Thuở ấy, Ngẫu Ích Đại sư viết bộ *Yếu Giải* nhằm giải thích đơn giản kinh *Di Đà*, viết xong trong thời gian 9 ngày. Phân lượng không nhiều lắm, đúng là *Yếu Giải*. Giải thích quá hay! Tổ Ấn Quang đã tán thán: “*Dù cổ Phật tái lai viết một bản chú giải kinh Di Đà khác, cũng chẳng thể hay hơn được*”.

Quý vị thấy Ấn Quang Đại sư tán thán tới tột bậc. Ấn Quang Đại sư là Bồ tát Đại Thế Chí tái lai. Trong phần trước tôi đã thưa cùng quý vị, 51 địa vị đều là Bồ tát Đại Thế Chí, Ngài thuộc địa vị nào chúng ta không biết, Ngài có phải là Pháp Thân đại sĩ hay chẳng? Nếu là Pháp Thân đại sĩ, sẽ chẳng mê khi cách ăm, chính Ngài hiểu rành rẽ.

Nếu là Bồ tát Đại Thế Chí thuộc địa vị Thập Tín sẽ mê khi cách ăm. Ngài tu pháp môn Bồ tát Đại Thế Chí này, khi vãng sinh thế giới Cực Lạc, sẽ sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm là chuyện rất có khả năng! Ngài sinh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư là điều chắc chắn, từ địa vị Sơ Tín sinh sang thế giới Tây Phương Cực Lạc đều thuộc cõi Phương Tiện Hữu Dư. Cõi Phương Tiện Hữu Dư cũng có ba bậc chín phẩm.

Chúng ta hiểu rõ những đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật này, sẽ chẳng mê hoặc tí nào! Vì vậy, phải tự độ thì mới có thể giúp đỡ người khác. Chính mình chẳng làm được, giảng cho kẻ khác nghe, người ta đâu có tin, chẳng có năng lực nhiếp thọ chúng sinh! Do vậy, chính mình nhất định phải làm được, phải quên đi bản thân. Bồ tát thuộc địa vị Sơ Tín đã đoạn Thân Kiến, chẳng chấp trước thân này là ta. Thân là cái ta có, bèn tự nhiên toàn tâm toàn lực phục vụ hết thảy chúng sinh khổ nạn.

Lục đạo toàn là chúng sinh khổ nạn, chúng ta phải biết điều này. Vì sao? Thiếu trí tuệ, khởi Hoặc, tạo nghiệp, thọ báo, khổ chẳng thể nói nổi! Bồ tát giáo hóa chúng sinh, cứu vớt tai nạn, dùng gì? Dùng giáo học. Con người tính vốn lành, quý vị chẳng dạy nên họ mới mê. Mê rồi mới tạo nghiệp. Tạo nghiệp bất thiện, chịu khổ báo trong tam đồ.

Họ đã giác ngộ, sẽ trọn chẳng tạo ác nghiệp. Vì vậy, khổ và lạc thuộc về quả báo. Có quả ắt có nhân. Nhân là giác hay mê. Phật giúp đỡ hết thảy chúng sinh lìa khổ được vui, chẳng dốc sức nơi quả, mà từ nơi nhân. Đức Phật dùng giảng kinh, dạy học, thân hành, ngôn giáo, giúp đỡ chúng sinh phá mê, khai ngộ. Phá mê, bèn thoát khổ; giác ngộ, lạc bèn hiện tiền.

Đức Phật dùng phương pháp này, Bồ tát, tổ sư, đại đức đều dùng phương pháp này. Phương pháp này hay lắm, thật sự có hiệu quả. Quá khứ hữu hiệu, hiện tại vẫn hữu hiệu. Trong quá khứ, chúng tôi đã làm thí nghiệm tại Thang Trì

thuộc huyện Lô Giang, tỉnh An Huy, Trung Quốc, để xem lời dạy của cổ thánh tiên hiền có ích gì cho hiện tại hay không, làm thí nghiệm 3 năm.

Chúng tôi tìm một nhóm giáo viên, khuyến khích, cổ vũ họ làm Bồ tát, làm thánh nhân, dùng thân hành, ngôn giáo để mở lớp, dạy học. Đối tượng là ai? Đối tượng là 48.000 cư dân trong tiểu trấn ấy, nam, nữ, già, trẻ các nghề nghiệp cùng nhau học. Thật sự hữu dụng!

Chúng tôi vốn nghĩ phải mất hai, ba năm mới có thể thấy thành quả, không ngờ trong ba, bốn tháng, thành quả lớn lao, khiến chúng tôi cảm thấy vô cùng kinh ngạc, nhân dân dễ giáo hóa như thế. Không ai dạy, hễ được dạy, sẽ quay đầu, lương tâm tỏ lộ, chứng tỏ tính con người vốn lành. Hai câu đầu trong *Tam Tự Kinh* ngàn vạn phần xác đáng: “*Nhân chi sơ. Tính bản thiện*”. Giáo dục thánh hiền là giáo dục xứng tính. Con người bản tính vốn lành, hễ được kêu gọi bèn tỉnh giác nhanh dường ấy!

Hiện thời, nhiều người nói tới tai nạn, các đồng học học Phật phải biết: Phật pháp có nói tai nạn hay không? Phật pháp có nhắc tới tai nạn, nhưng chẳng nghiêm trọng dường ấy. Tận thế là chuyện chẳng thể xảy ra! Pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni là 12.000 năm. Chiếu theo cách nói cổ xưa, thì kể từ khi Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ tới nay đại khái hơn ba ngàn lẻ ba mươi năm. Quý vị thấy pháp vận là 12.000 năm, phía sau còn có 9.000 năm nữa, thời gian rất dài. Do

vậy, “tận thế” là do người đời nay nói, chẳng phải do Phật pháp nói. Thanh bình, loạn lạc, tai họa, do nguyên nhân nào gây ra?

Cổ thánh tiên hiền đã nói rất nhiều, nói rất hay, có thật, chẳng giả. Đó là gì? Đó là cảm ứng! Con người có thiện tâm, thiện hạnh, cảnh duyên sẽ là thiện cảm. Cảnh là hoàn cảnh vật chất, duyên là hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau), cũng có thể nói là hoàn cảnh nhân sự và vật chất chẳng có gì bất thiện.

Nếu con người dùng ác để cảm, hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh nhân sự sẽ cảm ứng ác tướng! Cổ nhân nêu ra nguyên lý này! Chúng ta muốn cứu vãn xã hội, cứu vãn địa cầu, phải nên làm như thế nào? Đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện. Dùng phương pháp gì? Phương pháp chúng ta dùng hiện thời là giảng kinh, dạy học.

Chúng ta dùng Internet, dùng TV để khuếch đại hiệu quả dạy học, mong mỗi các đồng học chúng ta đối diện trước Internet hay TV đều phải duy trì. Bản thân chúng ta thật sự phát tâm, tuân theo giáo huấn trong kinh điển để sốt sắng học tập, bắt đầu học từ hiếu thuận cha mẹ, tôn sư, trọng đạo, phát tâm từ bi, yêu quý hết thảy sinh mạng, chẳng sát sinh. Tốt nhất là có thể phát tâm ăn chay. Ăn chay có lợi ích lớn nhất đối với sức khỏe.

Tôi 26 tuổi học Phật, biết đối với ẩm thực, điều được Phật pháp nhấn mạnh chính là vệ sinh, vệ tính, vệ tâm (bảo vệ

sinh mệnh, bảo vệ tính đức, bảo vệ chân tâm), tôi bội phục tới cùng cực. Người thế gian chỉ biết vệ sinh, bảo vệ lẽ sống, nhưng đối với tính của chính mình thì sơ sót, càng thiếu sót trong việc bảo vệ lòng yêu thương của chính mình. Trước khi tôi học Phật, đi học tại Nam Kinh. Tôi ở nhà một bạn học. Gia đình người bạn học này tuy chẳng phải là đại gia đình, nhưng anh ta có đông anh chị em, có năm hay sáu anh chị em, cha, mẹ, còn có bà nội.

Nhưng trong gia đình ấy có ba tôn giáo, đa nguyên văn hóa: Bà nội niệm Phật, trong nhà có tiểu Phật đường, niệm Phật; cha anh ta theo đạo Hồi, mẹ anh ta theo Cơ Đốc Giáo. Vì vậy, các trẻ nhỏ nói chung đều theo mẹ. Tôi sống trong một gia đình như thế, mới biết đạo Hồi chú trọng vệ sinh trong ẩm thực, lại còn coi trọng vệ tính. Phàm những động vật nào tính tình chẳng tốt đẹp, ông ta không ăn, có chọn lựa. Con vật nào tính tình rất ôn thuận, thiện lương ông ta mới ăn. Phật giáo còn tiến hơn nữa, chọn thức ăn chay, nhằm bồi dưỡng tâm từ bi.

Do vậy, tôi cảm thấy phương cách ăn uống này rất viên mãn. Học Phật chưa đầy nửa năm, tôi bèn chọn cách ăn chay. Thuở ấy, tôi chẳng biết gì về nhân quả, mà vì tin tưởng cách ăn ấy là vệ sinh, vệ tính, vệ tâm. Cách ấy rất viên mãn. Đúng là lành mạnh! Tôi ăn chay tới năm nay là 59 năm, sang năm vừa đúng một giáp, thân thể ngày càng khỏe mạnh, chẳng yếu hơn ai! Điều này, chứng tỏ ăn chay có lợi. Ăn chay quả thật là khỏe mạnh, trường thọ.

Nếu quý vị yêu quý sinh mạng, có sao chẳng ăn chay? Tôi làm chứng cho mọi người ăn chay là tốt lành! Con người phải giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt, làm chuyện tốt, làm người tốt, tiêu chuẩn của sự tốt lành là *Đệ Tử Quy* của Nho gia, *Cảm Ứng Thiên* của Đạo gia, và *Thập Thiện Nghiệp Đạo* của Phật gia.

Gần đây nhất, tôi cũng nghe đồng học nói, trong ngoài nước quả thật có những người dùng danh nghĩa “Tĩnh Không” để bịa đặt, gây chuyện, làm những chuyện phi pháp, tôi mong các đồng tu phải có tâm cảnh giác.

Cả đời tôi, chuyện gì cũng chẳng tham dự, tôi thường bảo mọi người cả đời tôi đều là bị động, trước nay chưa hề tự làm chuyện gì. Chưa hề! Toàn là bị động. Người khác tới tìm tôi, tôi cảm thấy chuyện ấy đối với xã hội, đối với đại chúng có lợi, thì tôi cũng vui vẻ tham gia. Chủ động làm chuyện tốt, tôi chưa hề làm. Vì sao? Làm chuyện tốt phải có phúc báo, tôi không có phúc báo! Tôi đã nói với quý vị, tôi suốt đời là một kẻ cô quạnh, mọi người thường ở chung với tôi đều hiểu rõ chuyện này.

Người làm chuyện này nọ phải có phúc báo, dưới tay người ấy có rất nhiều nhân viên lo liệu công việc, và cũng có tài lực thì mới có thể làm được việc! Hai thứ này tôi đều thiếu. Tiền cũng không có, mà người làm việc cũng thiếu luôn! Trơ trọi một mình giảng kinh, dạy học. Trừ chuyện này ra, bất cứ chuyện gì cũng chẳng liên can đến tôi.

Tôi đã nghĩ tới rất nhiều chuyện, chẳng hạn như Viện Dưỡng Lão, giáo dục văn hóa truyền thống, thôn Di Đà, tôi nghĩ rất nhiều, nhưng tôi có mong làm hay chẳng? Tôi không mong làm. Vì sao không mong làm? Không có người, chẳng có tiền, làm bằng cách nào?

Chỉ là nói suông mà thôi! Nhưng tôi nói những chuyện ấy. Nói ra, người nói vô tâm, người nghe hữu ý, có rất nhiều người sau khi nghe xong, thật sự muốn làm. Được! Tôi tán thành, chỉ như vậy mà thôi! Người ta nghĩ sao? Đó là do pháp sư Tịnh Không làm, sai rồi. Tôi là người nói vô tâm, người nghe hữu ý. Người nghe thích làm chuyện đó đến báo cho tôi biết, còn cầm những bản kế hoạch cho tôi xem. Tôi gật đầu, được. Chuyện tốt có lợi ích lớn cho xã hội và quốc gia, thì phải nên làm, chẳng phải do tôi làm.

Chuyện ở Thang Trì, nói thật ra do các bằng hữu thuộc Liên Hiệp Quốc ép làm. Thế giới động loạn, quá nhiều vấn đề, làm thế nào để hóa giải xung đột? Làm thế nào để khôi phục xã hội an định, thế giới hòa bình? Chúng tôi báo cáo những giáo huấn của cổ thánh tiên hiền trong đại hội Liên Hiệp Quốc. Họ nghe xong, rất vui thích. Sau đó, tìm tôi nói chuyện phiếm: “Pháp sư Tịnh Không, ông nói tuyệt lắm, rất hay, chúng tôi đều ưa thích, nhưng đó là chuyện lý tưởng, chẳng thể làm được!”. Chuyện này khiến tôi khó xử, họ chẳng có lòng tin. Phải thế nào thì những người ngoại quốc ấy mới có lòng tin? Nhất định phải thực hiện. Quý vị làm ra cho người ta thấy, họ sẽ bội phục, chẳng nói ra nói vào nữa!

Tôi bị ép buộc như vậy, quý vị thấy tôi không có ai, chỉ kiếm được hai người, một là cô giáo Dương Thục Phân, hai là thầy giáo Thái Lễ Húc. Các vị phụ lão, bằng hữu ở quê nhà giúp đỡ, tôi nói được rồi, bọn họ giúp sức, hai người các vị đi làm!

Quý vị thấy hai người ấy, chiêu mộ một nhóm giáo viên gồm 37 người. Chúng ta có một cộng đồng lý tưởng như thế, yêu cầu các giáo viên học theo thánh hiền, học theo Phật, Bồ tát, tự mình nêu gương tốt cho người khác thấy. Những giáo viên này rất tuyệt diệu. Tôi đánh lễ họ. Đúng là khó có. Họ nêu tấm gương tốt nhất, cảm động người nơi ấy. Trong ba, bốn tháng đạt được hiệu quả tốt đẹp dường ấy!

Do vậy, tháng Mười năm 2006, tôi tham gia hội nghị do Tổ chức Giáo Dục, Văn Hóa, Khoa Học Liên Hiệp Quốc (UNESCO) tổ chức, do Tổng bộ Ba Lê (Paris) triệu tập chủ trì. Tôi còn được coi là một trong những người tổ chức. Tôi đem thí nghiệm tại Thang Trì báo cáo trước đại hội trong 8 tiếng đồng hồ.

Họ nghe xong, kinh ngạc. Đại diện của 192 quốc gia đều muốn tới thăm và khảo sát Thang Trì, thật chẳng dễ dàng, làm thành công! Nay mọi người tin tưởng, những thứ của cổ nhân dạy bày vẫn còn hữu hiệu. Vì vậy, ba năm hoạt động của chúng ta ở trong nước cũng tạo ra ảnh hưởng rất lớn. Nay quốc gia chính thức xếp *Đệ Tử Quy* khóa trình trong nhà trường. Chuyện tốt đẹp mà!

Nhưng muốn an định xã hội, muốn cứu vớt thế giới này, vẫn phải dốc sức thúc đẩy toàn dân học tập. Nam, nữ, già, trẻ, các ngành nghề trên cả nước cùng nhau học. Tôi nghĩ chỉ cần có năm mươi, sáu mươi giáo viên. Lợi dụng gì để dạy? Lợi dụng đài truyền hình quốc gia, lợi dụng mạng Internet, mỗi ngày 24 giờ giảng chẳng gián đoạn. Giảng suốt một năm, xã hội sẽ an định.

Giảng ba năm, thế giới này sẽ thái bình, chuyện gì cũng đều chẳng có. Đó là gì? Người có đại phúc báo sẽ làm, tôi chỉ nói, tôi chẳng thể làm. Tôi chẳng có một ai hết. Hiện thời, Thang Trì đã giải tán, Thái Lễ Húc cũng đi rồi, cô Dương cũng đi. Hiện thời, chỉ có mình tôi trợ trợ. Do vậy, nếu quý vị hỏi tôi có phương pháp gì hay không? Tôi biết đôi chút, có thể đưa ra một chút kiến nghị, chứ quả thật là chẳng năng lực để làm.

Hiện thời, tuổi cũng đã cao, chỉ mong giảng kỹ càng kinh *Hoa Nghiêm* và kinh *Vô Lượng Thọ* một lượt. Sau khi giảng viên mãn hai bộ kinh này, nếu tôi còn có thọ mạng, sẽ giảng kinh *Di Đà* một lần nữa, giảng cặn kẽ một lượt. Những điều khác không phải là chuyện của tôi. Bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp cũng không phải là chuyện của tôi. Tôi chẳng có tinh lực này. Nếu tôi 50, 60 tuổi thì còn có thể, nay đã 84 tuổi rồi, chẳng thể làm chuyện này nữa!

Vì vậy, trao cho tôi điều kiện tốt đẹp nào, tôi đều cự tuyệt, đều chẳng cần đến. Vì vậy, các đồng học cũng chẳng cần phải

tặng tiền cho tôi. Tặng tiền cho tôi, đương nhiên tôi thay quý vị làm chuyện tốt, thay quý vị in kinh. Thấy những nơi làm công tác giáo dục cần tiền, thực hiện giáo dục truyền thống, tôi sẽ thay quý vị chuyển tiền sang những nơi đó. Bản thân tôi thứ gì cũng chẳng cần nữa. Tôi thừa cùng mọi người, người đã trên 80 tuổi, hằng ngày mong vãng sinh, chuyện này là thật, chẳng giả.

Tôi thường nói, đều là lời thật. Thọ mạng của tôi tới ngày nào? Cho đến hôm nay, ngày hôm nay sẽ chết, còn có gì không bỏ xuống được? Còn có chuyện gì để có thể làm? Chẳng có chuyện gì hết, chỉ là niệm Phật, cầu Phật A Di Đà đến tiếp dẫn. Mỗi ngày đều là ngày cuối cùng của tôi. Vì vậy, điều gì tôi cũng chẳng nghĩ tới, sống rất thoải mái, sống tự tại lắm. Ngoại trừ giảng kinh là đọc kinh, vui thích chuyện này chẳng chán!

Do vậy, kết luận cuối cùng: *“Thị tri lợi tế chúng sinh, thử kinh vi tối. Trì danh chi pháp, ám hợp đạo diệu, tối dị hành cố”* (Do vậy, kinh này lợi lạc chúng sinh lớn nhất. Pháp trì danh thầm hợp đạo mầu, dễ hành nhất). Hoàng lão cư sĩ nói rất hay, quá khó có, chúng ta chẳng thể không bội phục.

Đoạn cuối cùng: *“Đại thánh thù từ, đặc lưu thử kinh”* (Đức đại thánh rủ lòng Từ, đặc biệt lưu lại kinh này). *“Đại thánh”* là Phật Thích Ca Mâu Ni. Pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni là mười hai ngàn năm. Kinh diệt cuối cùng là kinh này. *“Kinh vân”* (Kinh nói), tức là kinh này có nói, *“Độc lưu*

thử kinh” (Riêng lưu lại kinh này). Trong phẩm bốn mươi lăm, có đoạn như sau:

“Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận. Ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh, chỉ trụ bách tuế. Kỳ hữu chúng sinh trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ” (Trong đời tương lai, kinh đạo diệt hết. Ta do lòng từ bi thương xót, riêng lưu lại kinh này tồn tại trong thế gian một trăm năm. Nếu có chúng sinh gặp được kinh này, tùy lòng mong muốn đều được độ thoát).

“Đương lai” là tương lai. Một trăm năm cuối cùng trong thời Mạt pháp, kinh Phật hoàn toàn diệt sạch trong thế gian này. Vì sao bị diệt? Thừa quý vị, chúng sinh thiếu phúc, lắm kẻ tạo ác, chẳng có người tu phúc. Nếu còn có người tu phúc, kinh đạo vẫn còn thấy trên thế gian. Vì sao đời đời kiếp kiếp con người tạo ác? Chúng ta hãy nhìn lướt qua lịch sử, người thời nay tạo ác quả thật nhiều hơn cổ nhân. Lứa tuổi chúng tôi đã đích thân thấy điều này. Trung Quốc nói 30 năm là một thế hệ, tôi gần như đã thấy 3 thế hệ.

Ba thế hệ ấy như thế nào? Thế hệ sau chẳng bằng thế hệ trước! Từ nay về sau, nếu quý vị chú ý một chút, lắng lòng suy nghĩ, vào ba mươi năm sau xã hội này có tình hình ra sao? Quý vị có dám nghĩ tới hay chẳng? Quý vị thấy gì? Quý vị thấy những kẻ trẻ tuổi hiện thời, từ 15 tuổi tới 20 tuổi, chúng nó nghĩ gì, nói những gì, làm những gì? Vì sao trở thành tình trạng như thế? Chúng ta đã bỏ sót giáo dục của

cổ thánh tiên hiền. Những đứa trẻ ấy hiện thời được giáo dục bởi những gì? TV, Internet!

Tôi ở ngoại quốc lâu ngày, các trường học tại ngoại quốc, học trò lớp Một đã sử dụng computer, nối vào Internet. Trên Internet có rất nhiều thứ, chúng nó xem vui sướng chẳng biết mệt. Khi ngủ cũng để laptop trong mền để xem. Cha mẹ còn rất đặc ý, con ta rất siêng năng! Chúng nó coi gì vậy? Coi bạo lực, tình dục, giết, trộm, dâm, dối. Chúng nó tiếp nhận những thứ ấy.

Do đó, chẳng biết hiếu dưỡng phụ mẫu, chẳng biết yêu thương anh em. Hai mươi năm sau, chúng nó là thành phần trung kiên trong xã hội. Nếu bọn chúng làm lãnh tụ trên chính trường, còn có thể làm những gì? Càng nghĩ càng đáng sợ. Người trong thế hệ này còn có thể khống chế bản thân, chẳng phát động chiến tranh hạch nhân, có dám nói thế hệ kế tiếp sẽ chẳng phát động hay không?

Chẳng dám nói! Sợ rằng hiện thời, những đứa trẻ chơi game điện tử, chơi trò giết người đã thành thói quen, đến lúc đó, nếu nó làm Tổng thống, tới khi nắm quyền, sẽ có thể lấy vũ khí hạch nhân ra chơi.

Chúng nó nghĩ đâu phải là chiến tranh giết người. Chúng nó nghĩ, đó là trò chơi. Nhưng trò chơi ấy sẽ khiến thế giới bị hủy diệt. Hủy diệt thế giới cũng là trò chơi, làm thế nào bây giờ? Tôi cũng gặp một số vị lãnh đạo quốc gia, tôi kiến nghị với họ hãy hủy sạch vũ khí hạch nhân, tiêu hủy vũ khí hóa

học. Trong tương lai, bọn chúng sẽ tưởng là trò chơi, chẳng đến nỗi có những thứ vũ khí mang tính hủy diệt như vậy.

Điều này có lợi cho xã hội và thế giới, chẳng cần phải duy trì những thứ vũ khí ấy. Nếu thế giới thật sự hiểu nhân quả báo ứng, chúng ta biết vũ lực chưa thể giải quyết vấn đề, chỉ có dùng phương pháp hòa bình thật sự mới hòng giải quyết vấn đề. Dùng vũ lực giải quyết vấn đề, sẽ tạo thành vô lượng vô biên tội nghiệp.



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 17



Chúng ta xem tiếp *Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 16, dòng thứ tư, đếm từ dưới lên. “Đại thánh thù từ, đặc lưu thử kinh” (Đức đại thánh rủ lòng Từ, đặc biệt lưu lại kinh này).

“*Kinh vân: Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh, chỉ trụ bách tuế, kỳ hữu chúng sinh trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ*” (Kinh dạy: “Trong đời tương lai, kinh đạo diệt hết, ta do lòng từ bi thương xót, đặc biệt lưu lại kinh này chỉ một trăm năm, có các chúng sinh gặp được kinh này, tùy theo sở nguyện đều được độ”).

Chúng ta xem đoạn này. “*Kinh vân*”: Phẩm bốn mươi lăm, tức phẩm *Độc Lưu Thử Kinh* (Riêng lưu lại kinh này). Trong kinh *Vô Lượng Thọ* có một đoạn nói như vậy. “*Đương lai chi thế*” là nói về tương lai. Trong thuở Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, Ngài thuyết pháp đã nói tới tương lai, thời gian tương lai ấy rất xa.

Sáng nay, tôi đã nhận lời mời tham dự chuyên mục phỏng vấn của Đài Truyền hình Phụng Hoàng, đề tài cho lần phỏng vấn này là thảo luận về vấn đề tai nạn. Có thể thấy là hiện thời, trong ngoài nước vấn đề này đều được phổ biến coi trọng. Trước đây, chúng tôi ở ngoại quốc rất ít bàn đến vấn đề này.

Năm nay, tôi tham dự cuộc phỏng vấn 5 tôn giáo tại Úc, bàn về vấn đề này. Họ hỏi chúng tôi: “Phật giáo có cách nhìn

như thế nào đối với vấn đề này? Dùng phương pháp gì để đối phó?”.

Gần đây, nhiều người nói đến tận thế. Trong Phật pháp chẳng có nói tận thế. Đức Phật nói: “*Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận*” (Trong đời tương lai, kinh đạo diệt hết), tức là trong pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni, đến cuối cùng kinh điển nhà Phật cũng bị tiêu mất trên thế gian này. Lúc nào vậy? Kinh dạy chúng ta, Chính pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni là một ngàn năm, Tượng pháp một ngàn năm, Mạt pháp là mười ngàn năm; vì thế, pháp vận là mười hai ngàn năm.

Nói theo cách bây giờ, sự giáo hóa của đức Thế Tôn có sức ảnh hưởng trong một thời gian dài như thế. Về không gian, nhục nhãn của chúng ta có thể thấy toàn bộ địa cầu. Nhưng nhục nhãn chúng ta chẳng thấy được sức giáo hóa của đức Phật trọn khắp những chiều không gian khác biệt. Những chiều không gian ấy thường được gọi là “*mười pháp giới*”. Vì thế, pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni tồn tại trong thời gian dài như thế.

Mạt pháp đã trôi qua một ngàn năm rồi, chín ngàn năm của thời Mạt pháp còn lại, pháp vận của Phật có lúc hưng, lúc suy. Trên thực tế, hưng hay suy không phải do Phật, mà cũng chẳng phải do Pháp, mà do con người có tin tưởng giáo huấn của Phật Đà hay không? Có chịu thật sự tu tập hay không? Nếu chúng ta tin sâu, chẳng nghi ngờ, sốt sắng y giáo

phụng hành, pháp vận sẽ là thời Chính pháp, quý vị chắc chắn có thành tựu trong một đời này. Trong Tịnh Tông, vãng sinh Thế giới Tây Phương Cực Lạc là chứng quả, là thành tựu, lại còn là thành tựu viên mãn.

Kinh này đã giảng rất rõ ràng, rất minh bạch, đầy chính Chính pháp. Kinh giáo diệt tận, nói thật ra, một bộ kinh này đại diện trọn vẹn hết thảy các pháp do Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong 49 năm. Vì sao? Hết thảy các pháp đến cuối cùng đều quy vào Tịnh Độ. Vậy thì Tịnh Độ há chẳng phải là hết thảy các pháp ư? Đức Phật đặc biệt từ bi, đến cuối cùng, lưu lại kinh này một trăm năm.

Trong một trăm năm cuối cùng của thời Mạt pháp, bản kinh nào sẽ được lưu lại? Chắc chắn là bản đang dùng hiện tại này! Chắc chắn là kinh và chú giải, tức là bản chú giải kinh này của cụ Hoàng Niệm Tổ, sẽ được lưu lại đến cuối cùng trong thời Mạt pháp. Sau một trăm năm ấy, kinh này cũng chẳng còn, chẳng tồn tại trên thế gian này nữa, vẫn còn có sáu từ “*Nam mô A Di Đà Phật*”. Ai có thể nghe danh hiệu này, có thể tin, niệm, phát nguyện cầu sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, thì vẫn có thể thành tựu.

Đức Như Lai quả thật từ bi vô tận, thương xót chúng sinh trong thế giới Sa Bà. Sau khi đức Phật diệt độ, sau khi Phật pháp mất hết trên thế gian này, chúng ta biết đại nguyện của hết thảy chư Phật, Bồ tát đều là giúp chúng sinh phá mê khai ngộ, lìa khổ, được vui, chẳng bỏ chúng sinh. Hiện thời,

đức Phật chẳng tại thế. Nhằm lúc đức Phật chẳng tại thế, Bồ tát Địa Tạng Vương thay mặt đức Phật trong thế gian này, hóa độ chúng sinh. Đây là giai đoạn không có Phật xuất thế, giai đoạn này thời gian rất dài.

Kinh *Di Lặc Hạ Sinh* nói phải chờ suốt năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, vị Phật tiếp theo là Bồ tát Di Lặc mới đến thị hiện thành Phật trong thế gian này, giống như Phật Thích Ca Mâu Ni, dùng tám tướng thành đạo để thị hiện thành Phật. Thế gian này, lại có Phật thuyết pháp. Do vậy, chúng ta phải biết: Trong thế gian này, thời gian có Phật xuất thế chẳng dài! Tuy là mười hai ngàn năm, chúng ta thoát nhìn tưởng chừng rất dài, nhưng trong không gian và thời gian vô tận, thì mười hai ngàn năm rất ngắn!

Sau khi liễu giải chân tướng sự thật, mới biết được gặp gỡ Phật pháp chẳng dễ dàng. Do vậy, đức Phật thường nói: *“Thân người khó được, Phật pháp khó nghe”*. Nay, chúng ta được làm thân người, lại gặp gỡ Phật pháp, lại được gặp pháp thượng thượng thừa trong Phật pháp, gặp *Hoa Nghiêm*, gặp *Tịnh Độ*, hy vọng các đồng học hãy thật sự thức tỉnh. Chúng ta quyết định phải thành tựu trong một đời này.

Thành tựu khó hay dễ? Nói khó thì chẳng khó, mà nói là dễ thì cũng chẳng dễ. Khó hay dễ hoàn toàn phải hỏi chính mình, chẳng thể hỏi Phật, cũng chẳng thể hỏi Pháp, cũng chẳng thể hỏi ai khác! Quý vị thật sự tin, thật sự phát nguyện cầu sinh *Tịnh Độ*, thật sự chịu thật thà niệm Phật

thì sẽ chẳng khó, thật sự chẳng khó! Nếu quý vị hoài nghi, nếu còn lưu luyến thế gian này, muốn vãng sinh nhưng lại chẳng nỡ rời khỏi thế gian này, sẽ khó lắm! Do vậy, nhất định là nếu hiểu rõ ràng, minh bạch Lý, Sự, nhân quả của Tịnh Độ, thì lòng tin của chúng ta sẽ thanh tịnh, chẳng cô phụ đức Thế Tôn thuở tại thế đã giảng kinh, giáo học suốt 49 năm. Nhằm mục đích gì? Nhằm mục đích giúp chúng ta đoạn nghi, sinh tín.

Chúng ta nghe hiểu rõ ràng, minh bạch duyên khởi của toàn bộ vũ trụ và sinh mệnh, chính mình do đâu mà có? Sa Bà là như thế nào? Cực Lạc là như thế nào? Điều hiểu rõ ràng, chúng ta sẽ biết chọn lựa ra sao, biết dụng công như thế nào. Chúng ta giữ lấy thế giới Cực Lạc, đến thế giới Cực Lạc chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo. Đó là như trong phần sau đã nói: *“Kỳ hữu chúng sinh trệ tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ”* (Nếu có chúng sinh gặp gỡ kinh này, tùy theo sở nguyện, đều được độ). Lúc pháp diệt tận mà gặp bộ kinh này, gặp được hồng danh “Nam mô A Di Đà Phật”, sẽ đều có thể đắc độ, hưởng là hiện tại! Hiện thời, hãy còn 9.000 năm nữa, kinh đạo mới mất hết.

Do vậy, chúng ta phải có lòng tin, đừng bị những lời đồn đại bên ngoài lay động. Hễ tâm chúng ta định, thì định sinh tuệ, sẽ biết ứng phó với những tai nạn trước mắt như thế nào. Có lòng tin, có quyết tâm, chúng ta sẽ có thể bình an vượt qua.

“Hựu Pháp Diệt Tận Kinh” (Lại nữa, kinh *Pháp Diệt Tận*). Trong bộ kinh này, đức Phật giảng trạng huống diệt tận của Phật pháp trên thế gian này trong tương lai, sau khi pháp vận của đức Phật kết thúc, *“diệt cụ Vô Lượng Thọ kinh tối hậu nhập diệt chi thuyết”* (cũng nói chi tiết tình cảnh kinh *Vô Lượng Thọ* sẽ diệt cuối cùng). Kinh ấy nói *Kinh Đại thừa Vô Lượng Thọ* bị diệt cuối cùng. Nay chúng ta gặp được bộ kinh này quá đáng quý! Chúng ta phải quý trọng, phải nghiêm túc học tập.

“Thử chính hiển bản kinh hưng khởi chi thắng duyên, trì danh pháp môn chi diệu dụng”. Đây chính là trình bày rõ rệt nhân duyên hưng khởi thù thắng của bộ kinh này và tác dụng mầu nhiệm của trì danh niệm Phật vãng sinh Tịnh Độ.

Tiếp theo là tỷ dụ: *“Ký như dinh dưỡng phong phú chi mỹ thực, khả tăng kiện giả chi thể lực”* (Giống như thức ăn ngon lành dồi dào chất bổ có thể tăng cường thể lực của người khỏe mạnh). Kinh điển này, pháp môn này, giống như thực phẩm ngon lành giàu chất bổ dưỡng nhất, bồi bổ Pháp Thân tuệ mạng của chúng ta.

“Phục như thù hiệu thần nghiệm chi linh dược” (Lại giống như toa thuốc có hiệu quả đặc thù, hay toa thuốc có hiệu nghiệm thần kỳ).

“Năng dĩ bất trị chi trầm kha” (Có thể trị lành căn bệnh trầm kha chẳng trị được). Vài hôm trước, chúng ta thấy đồng tu Lưu Tố Vân ở Đông Bắc mắc chứng Hồng Ban Tính Lang

Sang (Systemic Lupus Erythematosus). Bệnh tật hết sức nghiêm trọng. Người mắc bệnh này gần như rất khó sống sót. Bà ta đã chứng minh cho chúng ta thấy: Niệm một câu Nam mô A Di Đà Phật, nghiêm nhiên trị lành căn bệnh này. Lành đến mức độ nào? Ngay cả vết sẹo cũng không có. Đây là chuyện chẳng thể nghĩ bàn! Bác sĩ phụ trách điều trị cho bà ta kinh ngạc, dấu lành bệnh, những vết sẹo ấy vĩnh viễn chẳng mất được. Vì sao ngay cả vết sẹo cũng chẳng có?

Bác sĩ hỏi bà ta: “Bà lành bệnh bằng cách nào?”. Bà ta bảo bác sĩ: “Tôi niệm A Di Đà Phật nên được lành bệnh”. Bác sĩ tin lời bà ta. Vì sao tin tưởng? Bà ta suốt đời chưa nói dối. Đối với bất luận là ai cũng đều là nói thật, chẳng nói dối. Vì thế, bác sĩ tin lời bà ta. Bà ta bảo niệm Phật lành bệnh, thì chắc chắn là do niệm Phật mà lành bệnh, tạo lòng tin cho mọi người! Do vậy, thân mắc cả đống bệnh tật, xét về hiệu quả của thuốc men, thuốc tốt nhất chỉ có hiệu quả trị liệu ba phần, bảy phần tùy thuộc vào tâm thái (trạng thái tâm lý).

Nếu quý vị tâm thái tốt, bệnh ấy sẽ rất dễ chữa trị. Nếu tâm thái chẳng tốt lành, thường nghĩ đến bệnh tật, sợ hãi, lo âu, bệnh ấy cũng rất khó lành, chẳng dễ gì lành bệnh! Do vậy, Lưu cư sĩ đã cho chúng ta biết: Căn bệnh của bà ta được lành là do bà ta chẳng sợ hãi chút nào!

Bác sĩ bảo bà ta: “Bệnh của bà rất nghiêm trọng, có thể chết bất cứ lúc nào, phải chuẩn bị tâm lý”. Bà ta cười bảo bác sĩ: “Chẳng sao hết! Nếu tôi chết, tôi sẽ về thế giới Cực Lạc.

Phật A Di Đà đến đón tiếp tôi. Thế giới Tây Phương Cực Lạc là quê nhà của tôi. Nếu là Phật vẫn còn giao cho tôi nhiệm vụ gì đó, muốn tôi ở lại thế gian này, thì cũng được. Tôi vâng lời”. Quý vị thấy: Chẳng có mảy may lo nghĩ hay kinh sợ, tâm thái quá tốt, dường như chẳng có chuyện ấy, bà ta thật sự lành bệnh tật.

“Quảng liệu chúng bệnh, phổ thí nhiều ích” (Rộng trị các bệnh, ban lợi lạc trọn khắp). *“Cố vân: Đại tai diệu dụng, bất khả tư nghị”* (Vì thế, nói: “Tác dụng mầu nhiệm lớn lao thay, chẳng thể nghĩ bàn”).

Hai câu này là lời tán thán nhằm ca ngợi pháp môn này. Tán thán hiệu quả của trì danh niệm Phật. Quý vị thấy trong hiện tiền, pháp môn Niệm Phật có thể trị bệnh, sau khi lâm chung có thể vãng sinh. Pháp môn như thế có thể đến nơi đâu để tìm được? Nay chúng ta gặp được, đã gặp thì nhất định phải biết quý trọng, thật sự tu tập.

“Chí ư mạt thế” (Còn như trong đời Mạt pháp). Hai từ *“mạt thế”*, chỉ thời kỳ Mạt pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni, tức là trong mười ngàn năm. Thời Mạt pháp đã trải qua một ngàn năm, chúng ta sống nhằm lúc bắt đầu một ngàn năm thứ hai trong thời Mạt pháp. Sau này còn có một ngàn năm thứ ba, một ngàn năm thứ tư, cho đến một ngàn năm thứ mười. Vì vậy, thời gian vẫn còn rất lâu.

“Trước ác di thâm, chúng căn dữ liệt, nhân thọ thập tuế, cấu trọng chướng thâm, ư tư, ác lãng thao thiên, độc diệm

biến địa chi tế” (Nhơ bản, ác độc sâu khắp, các căn tính càng kém hèn, con người thọ mười tuổi, cấu nặng, chướng sâu; vào thuở ấy, sóng ác ngập trời, lửa độc trọn khắp cõi đất).

Chúng ta đọc mấy câu này, thấy chúng nói về hiện tượng xã hội trong đời Mạt pháp. Tuy chúng ta chưa sống nhằm cuối đời Mạt pháp của Thích Ca Mâu Ni, nhưng hiện thời đã có đôi chút hiện tượng này, chúng ta chớ nên không cảnh giác. “*Trước*” là ô nhiễm. Trên cả thế giới hiện thời, mọi người đều bàn đến chuyện “bảo vệ môi trường”. Vì sao phải bảo vệ môi trường? Địa cầu bị ô nhiễm, ô nhiễm rất nghiêm trọng! Hoàn cảnh bị ô nhiễm, nhưng càng nghiêm trọng hơn là cái tâm thanh tịnh của chúng ta bị ô nhiễm.

Do vậy, người trong thế gian này nói đến chuyện bảo vệ môi trường, có thể thu được hiệu quả hay chẳng? Có người hỏi tôi, tôi nói thật với họ: “Rất khó thu được hiệu quả”. Vì sao? Trong Phật pháp có một câu nói nói rất hay: “*Cảnh chuyển theo tâm*”. Bên ngoài là hoàn cảnh. Hoàn cảnh bị ô nhiễm có mối liên quan với lòng người. Trong tâm ô nhiễm nghiêm trọng, nếu chẳng hóa giải chuyện này, chúng ta chỉ chú trọng hoàn cảnh bên ngoài, sẽ chẳng thu được hiệu quả. Do vậy, bảo vệ môi trường, thì điều đầu tiên là phải nói đến bảo vệ tâm lý.

Tâm chúng ta vốn tốt đẹp, nếu nói theo Đại thừa Phật pháp, tâm ta vốn thanh tịnh, vốn bình đẳng, vốn giác, chứ chẳng mê, nhưng nay chẳng phải vậy! Hiện thời là ô nhiễm,

chẳng phải là thanh tịnh, mà là ngạo mạn, kiêu căng, bất bình, tức là chẳng hề bình đẳng, chỉ có ngu si, mê hoặc, cho nên trí tuệ và giác ngộ chẳng thể hiện tiền. Đây là tâm lý bị ô nhiễm hết sức nghiêm trọng.

Có nhiều người hỏi tôi, đối với những tai nạn trước mắt này, dùng phương pháp gì để đối phó? Thật ra, đức Phật và cổ nhân đã dạy chúng ta hãy dùng phương pháp gì? Giáo học. Trong thiên *Học Ký* của sách *Lễ Ký* có câu: “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (Xây dựng đất nước, cai trị dân chúng, dạy học làm đầu). Dạy học là dạy gì vậy? Dạy luân lý, khiến cho mọi người hiểu mối quan hệ giữa con người với nhau, hiểu rõ ràng các mối quan hệ, thực hiện trọn vẹn những nghĩa vụ phải nên trọn hết.

“Ngũ luân, thập nghĩa, cha con có tình thân, cha từ, con hiếu” là trọn hết nghĩa vụ, đó là điều phải làm! Anh nhường, em kính, vua nhân từ, bầy tôi trung thành, mỗi cá nhân làm tròn nghĩa vụ, hiểu rõ các mối quan hệ, thực hiện nghĩa vụ. Đây chính là sự hài hòa trong vũ trụ: Xã hội là hài hòa, gia đình hòa thuận, thật sự là hạnh phúc mỹ mãn trong đời người. Do đâu mà có? Do dạy dỗ mà thành!

Ở đây, giáo dục chẳng phải là dạy khoa học kỹ thuật, mà là giáo dục cách làm người, cũng là giáo dục nhân tính. Giáo dục nhân tính là gì? Vốn là lành! “*Nhân chi sơ. Tính bản thiện*” (Con người thoát đầu tính vốn lành). Giáo dục về cái vốn sẵn tốt lành trong mỗi cá nhân, đã dạy được như vậy thì chuyện gì, vấn đề gì cũng đều được giải quyết.

Sau khi đã dạy dỗ tốt đẹp, ai nấy cũng là người tốt. Người tốt chắc chắn chẳng làm chuyện xấu. Do vậy, mọi chuyện đều là chuyện tốt. Sau khi làm được điều này, sẽ là như kinh Phật đã dạy: *“Nhật nhật thị hảo nhật, thời thời thị hảo thời”* (Ngày nào cũng là ngày tốt, giờ nào cũng là giờ tốt). Vì thế, phương pháp để giải quyết và đối phó là giáo dục. Hôm nay, tại Đài Truyền hình Phụng Hoàng, họ cũng nêu ra vấn đề này, tôi nói: “Chỉ cần thực hiện tốt giáo dục, vấn đề sẽ được hóa giải. Giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, lại còn phải giáo dục tôn giáo, thì xã hội mới được kiện toàn, mới viên mãn”.

Mọi người đều biết trong các tôn giáo, chỉ nói đến các tôn giáo cao cấp, có luân lý, đạo đức, nhân quả, khoa học, triết học, chẳng phải là mê tín. Trên thế giới này, nhiều người công nhận 6 tôn giáo lớn. Giáo nghĩa của 6 tôn giáo lớn ấy đều có 5 khoa mục ấy. Nếu mỗi tôn giáo đều phổ biến, tuyên dương 5 khoa mục “luân lý, đạo đức, nhân quả, triết học, khoa học” đã được giảng trong kinh điển để giáo hóa tín đồ, xã hội này sẽ hòa thuận, tai nạn sẽ được hóa giải.

Chỉ cần chúng ta chịu nỗ lực làm việc này, tôi tin tưởng mỗi tín đồ tôn giáo đều vui lòng, nhất là hiện thời nhìn thấy tai nạn ngay trước mắt, họ sẽ đồng tâm hiệp lực hóa giải tai nạn. Hóa giải từ chỗ nào? Hóa giải ngay trong tâm hạnh của chúng ta. Thật vậy ư? Đúng vậy! Cảnh chuyển theo tâm. Kinh Phật dạy như thế dường như thiếu căn cứ khoa học, chúng ta rất khó tin tưởng. Hết sức khó có là Tiến sĩ Giang

Bản Thắng của Nhật Bản đã làm thí nghiệm trên nước suốt 12 năm nhằm chứng minh vật chất, nước là khoáng vật, chẳng phải là động vật, mà cũng chẳng phải là thực vật, chẳng phải là sinh vật, mà là khoáng vật, thí nghiệm mười mấy năm, quan sát thấy khoáng vật có thể nghe, nhìn, hiểu được ý nghĩ của con người. Nước có năng lực ấy.

Trong kinh điển, đức Phật dạy chúng ta: Hết thủy khoáng vật đều có năng lực ấy, đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Khoa học phân chia cái vốn là một ấy thành hai phương diện: Tinh thần và vật chất. Trong pháp Đại thừa, tinh thần và vật chất đồng nhất, chẳng thể phân cách!

Trong tinh thần có vật chất, trong vật chất có tinh thần. Tất cả vật chất có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩa của con người. Nó có tinh thần trong ấy. Trong tinh thần có vật chất, chúng ta chứng minh bằng cách nào? Thật ra, bản thân mỗi cá nhân đều có thể chứng tỏ! Đêm ngủ nằm mộng có phải là hiện tượng tinh thần hay chẳng? Nó chẳng phải là hiện tượng vật chất. Ban đêm nằm mộng là hiện tượng tinh thần.

Trong giấc mộng, có vật chất hay không? Trong mộng quý vị có thân thể hay không? Quý vị mộng thấy rất nhiều người, quý vị nói họ có thân thể hay không? Trong mộng có núi, sông, đại địa, có hư không, pháp giới không? Có! Có hiện tượng vật chất! Trong tinh thần có hiện tượng vật chất. Mọi người đều có kinh nghiệm này, có kinh nghiệm nằm mộng. Sau khi tỉnh giấc, thứ gì cũng đều chẳng có. Đó là gì? Kinh Phật dạy: *“Phàm những gì có hình tướng đều*

là hư vọng”. Nhưng trong lúc nằm mộng, thật sự có hiện tượng, người ấy không biết mình đang nằm mộng, tưởng là thật; chứng tỏ vật chất và tinh thần vĩnh viễn chẳng tách rời, là một, chẳng hai. Do vậy, khởi tâm động niệm của con người không chỉ gây ảnh hưởng tới thân thể.

Chúng ta có thiện niệm, thì sẽ khỏe mạnh, trường thọ, đẹp đẽ, chân, thiện, mỹ, huệ. Tư tưởng và hành vi lành mạnh tương ứng với luân lý và đạo đức. Nếu trái nghịch luân lý và đạo đức, hằng ngày nghĩ tưởng tham, sân, si, mạn, gây tạo giết, trộm, dâm, dối, chắc chắn thân thể chẳng khỏe mạnh, tướng mạo chẳng dễ coi, mà cũng ở trong hoàn cảnh lắm tai nhiều nạn. Đây là gì? Vật chất bị ảnh hưởng bởi tinh thần. Chúng ta phải dùng thiện niệm để ảnh hưởng nó, đừng nên dùng ác niệm, các tai nạn ấy đều do tâm hạnh bất thiện cảm ứng. Phật, Bồ tát, các bậc đại thánh đại hiền xưa nay trong ngoài nước đã dạy bảo chúng ta như vậy. Chúng ta nên lý giải, nghiêm túc học tập, sẽ thật sự có thể hóa giải.

Mạt pháp chẳng bằng Tượng pháp, Tượng pháp chẳng bằng Chính pháp. Một ngàn năm thứ nhất sau khi Phật Thích Ca Mâu Ni nhập diệt là thời Chính pháp, nhân tâm thuần hậu, thật thà, vâng lời, thật sự tu tập; do vậy, giới luật thành tựu. Chỉ cần nghiêm túc giữ giới luật tốt đẹp, người ấy có thể chứng quả, chứng quả A La Hán rất nhiều.

Thời kỳ Tượng pháp, căn tính của con người kém hơn thời Chính pháp, chỉ trì giới sẽ chẳng thể chứng quả. Vì sao? Trì giới chẳng thuần! Bên trong có phiền não, có tập

khí, bên ngoài có ngũ dục, lục trần dụ dỗ, mê hoặc; chỉ dựa vào một mình trì giới sẽ chẳng thể nhiếp tâm. Vì thế, thời kỳ Tượng pháp, Thiền định thành tựu, tu Định. Tu Định là thích hợp! Thời kỳ Mạt pháp, tu Định cũng không được. Vì sao? Phiền não tập khí quá nặng, mà sức dụ dỗ, mê hoặc bên ngoài quá mạnh, trong ứng, ngoài hợp, cho nên tu Thiền chẳng thể đắc định, học giáo chẳng thể khai ngộ. Vì sao? Bội chấp, hời hợt. Đây là hiện tượng trong hiện tại, trước ác trợn khắp, sâu đậm, ngày càng sâu hơn, căn tính ngày càng kém cỏi.

Con người thọ mười tuổi, trong kinh, đức Phật dạy chúng ta ngày nay sinh nhằm giai đoạn được gọi là Kiếp Giảm. Thọ mạng con người lúc dài nhất là tám mươi bốn ngàn năm, lúc ấy tuổi thọ dài nhất. Kiếp Giảm là từ tám mươi bốn ngàn tuổi, cứ mỗi một trăm năm lại giảm một tuổi, giảm đến mười tuổi. Mười tuổi là thấp nhất, chẳng còn giảm nữa. Từ mười tuổi, cứ mỗi một trăm năm lại tăng thêm một tuổi, lại tăng cho đến tám mươi bốn ngàn tuổi. Thời gian một tăng một giảm này được gọi là một tiểu kiếp.

Chúng ta hiện đang sống trong giai đoạn Kiếp Giảm này. Lúc Phật Thích Ca Mâu Ni xuất thế, tuổi thọ con người là một trăm năm, cứ một trăm năm giảm một tuổi, đến nay đã ba ngàn năm rồi; vì vậy, tuổi thọ bình quân (trung bình) của con người trong hiện tại là bảy mươi năm. Chúng ta thấy Đỗ Phủ thường nói: *“Nhân sinh thất thập cổ lai hy”* (Người sống đến bảy mươi tuổi xưa nay hiếm). Sống trong Kiếp Giảm, 70

tuổi! Cứ 100 năm giảm 1 tuổi, giảm đến 10 tuổi, thì còn có 6.000 năm nữa.

Tới 6.000 năm sau, khi đó là lúc ô nhiễm, nghiệp chướng cực nặng, con người sẽ quay đầu. Vì sao? Lúc ấy chịu quả báo quá khổ sở tội bậc sẽ quay đầu, tỉnh ngộ. Tỉnh ngộ sẽ tiếp nhận giáo huấn của Phật, Bồ tát, tiếp nhận giáo huấn của thánh hiền.

“U tư, ác lãng thao thiên” (Khi ấy, sóng ác ngập trời). Ác ở đây là Thập Ác. Nhìn vào tình hình hiện thời của chúng ta thấy rất tương tự, do vậy, có tai nạn. Ác là nói tới Thập Ác. Quý vị nghĩ xem: Ta thật lắng lòng, quan sát khách quan, sẽ thấy nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp trong xã hội này đang suy tưởng gì? Họ nghĩ tới sát sinh, trộm cắp! Sát sinh là gì? Tổn hại người khác hòng làm lợi cho bản thân. Điều này thuộc về sát sinh.

Trộm cắp là trong mỗi niệm đều chiếm tiện nghi của người khác. Nói cách khác, khởi tâm động niệm đều là tổn người lợi mình. Người đời nay có ý niệm này. Chẳng hề thấy con người khởi tâm động niệm “tổn hại chính mình để làm lợi ích cho người khác”. Nếu có ý niệm như vậy, thì mới có thể tiến cao hơn. Khởi tâm động niệm toàn là tổn người lợi mình, thì còn làm sao được nữa? Ai nấy đều tổn người lợi mình, lẽ nào chẳng phát sinh xung đột? Do vậy, xung đột ngày càng nhiều! Vô lượng, vô biên, vô tận xung đột, hóa giải bằng cách nào? Trong quá khứ, tôi đã nhiều lần tham

dự hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc, chủ đề thảo luận là hóa giải xung đột. Từ trong gia đình, vợ chồng xung đột, cha con xung đột, anh em xung đột, xóm giềng xung đột, cho đến trong xã hội các sắc dân xung đột, quốc gia xung đột. Thậm chí, xung đột văn hóa, xung đột tôn giáo, quá nhiều mỗi xung đột dẫn đến động loạn, chiến tranh, tai họa tày trời, sóng ác ngập trời.

“Lửa độc”. Độc là gì? Năm độc, tức tham, sân, si, mạn, nghi; tham, sân, si, mạn là độc. Nghi là gì? Hoài nghi giáo huấn của thánh hiền. Quý vị thấy Phật, Bồ tát, cổ thánh tiên hiền cũng xếp điều này (Nghi) vào độc, coi nó là một trong năm thứ độc. Giáo huấn của thánh hiền là những thứ tốt đẹp mà quý vị hoài nghi, chẳng chịu tiếp nhận, không chịu học tập, chẳng thể phụng hành. Nói cách khác, giáo huấn của thánh hiền nhằm cứu vớt, chữa trị quý vị. Quý vị khắp thân bệnh nặng, lại chẳng chịu tiếp nhận trị liệu, chẳng phải là chỉ còn con đường chết hay sao? Xã hội ngày nay khiến cho chúng ta cảm giác *“sóng ác ngập trời, lửa độc khắp đất”*. Vậy thì, thế gian sẽ có đại tai nạn hiện tiền. Đó là đạo lý tất nhiên.

Nhằm hóa giải tai nạn này, quý vị tin tưởng, chúng ta buông tham, sân, si, mạn, nghi, xuống. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta hai câu, vấn đề sẽ được giải quyết: *“Cần tu Giới, Định, Tuệ. Tức diệt tham, sân, si”* (Siêng tu Giới, Định, Tuệ. Dứt diệt tham, sân, si), vấn đề sẽ được hóa giải. Chúng ta có chịu làm hay không? Giới là gì? Giới là quy củ. Đệ Tử

Quy là giới của Nho gia, Cảm Ứng Thiên là giới của Đạo gia, Thập Thiện Nghiệp Đạo là giới của Phật gia. Ba gốc rễ Giới của Nho, Thích, Đạo này, chúng ta có thể tuân thủ, phụng hành.

Những thứ ấy là giáo huấn của thánh hiền, chúng ta đừng hoài nghi, hãy nên tin tưởng, giống như Phu Tử đã nói: *“Tín nhi hiếu cổ”* (Tin tưởng, chuộng cổ). Cổ thánh tiên hiền truyền lại, chúng ta nghiêm túc nỗ lực phụng hành, sửa trừ thói xấu và tập khí, tự mình sẽ đắc độ. Tự mình đắc độ, sẽ ảnh hưởng cả nhà. Người nhà quý vị đều vui vẻ, họ sẽ học theo quý vị, họ sẽ đắc độ.

Người nhà đắc độ, xóm giềng, thân thích, bằng hữu trông thấy sẽ học theo quý vị, toàn bộ đều đắc độ, dần dần ảnh hưởng xã hội. Nếu quốc gia giác ngộ, không chỉ cứu đất nước, mà còn cứu toàn bộ thế giới! Quốc gia đề cao ba thứ căn bản của Nho, Thích, Đạo. Nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp cùng nhau học tập, dùng Internet và phương tiện truyền thông để đề xướng rộng rãi. Do vậy, tôi thường nói: Nếu quốc gia thật sự làm theo cách này, trong vòng một năm quốc gia sẽ an định, thái bình.

Một quốc gia thu được hiệu quả tốt đẹp ngần ấy, các quốc gia khác sẽ đến học tập. 3 năm, tối đa là 5 năm, thế giới này an định, hòa bình, tai nạn gì cũng đều không có! Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: Niệm lực của chúng ta không chỉ ảnh hưởng thân tâm của chính mình, mà còn ảnh hưởng hoàn

cảnh xung quanh, lại còn có thể ảnh hưởng tới quỹ đạo của các tinh cầu trong vũ trụ. Hễ chính niệm, thì các tinh cầu vận chuyển bình thường, sẽ chẳng lệch quỹ đạo.

Sức mạnh to dường ấy, bất luận là Thái Dương hệ, bất luận Ngân Hà hệ, nó có sức mạnh to lớn ngàn ấy. Chúng ta có thể tin tưởng hay chẳng? Tôi tin các đồng học đã học *Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên* sẽ tin tưởng chuyện này. Vì sao? Nửa phần trước trong bài luận văn ấy của Hiền Thủ Quốc sư đã giảng thấu triệt duyên khởi vũ trụ. Vũ trụ hình thành ra sao? Vạn pháp xuất hiện như thế nào? Huệ Năng Đại sư khi khai ngộ đã nói: “*Tự tính có thể sinh ra vạn pháp*”. Ta do đâu mà có, đã hiểu rõ ràng, minh bạch toàn bộ, quý vị bèn biết sức mạnh của niệm lực quá to lớn!

Những điều được giảng trong bài văn ấy là thật, chẳng giả. Bài văn ấy giảng về kinh *Hoa Nghiêm*, giảng giải tinh hoa kinh *Hoa Nghiêm*. “Vọng” là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Buông hết những thứ ấy xuống, đoạn sạch chúng, quý vị sẽ trở về nguồn (hoàn nguyên). Hoàn nguyên là gì? Nói theo Phật pháp, “*hoàn nguyên*” là thành Phật. Phật là gì? Người Ấn Độ gọi là Phật, người Trung Quốc gọi là “*thánh nhân*”. Chúng ta tán thán Khổng lão phu tử là Chí Thánh, gọi Ngài là Chí Thánh Tiên Sư. Dùng tiếng Hán để tán thán Phật Thích Ca Mâu Ni thì phải là Chí Thánh Bản Sư. Chúng ta gọi Phật Thích Ca Mâu Ni là Bản Sư, Phật là bậc Chí Thánh.

Người Ấn Độ gọi là Phật, chúng ta gọi là Chí Thánh, cùng một ý nghĩa. Phật Thích Ca là vị thầy căn bản của chúng ta, nên chúng ta gọi Ngài là Chí Thánh Bản Sư, dùng cách nói này của người Hoa sẽ dễ hiểu, rất dễ lãnh hội! Ngài chẳng phải là thần, mà cũng chẳng phải là tiên. Thuở tại thế, Ngài khai ngộ lúc 30 tuổi. Sau khi khai ngộ liền tiến hành dạy học suốt một đời, 79 tuổi viên tịch, giảng kinh, giáo học 49 năm.

Nói theo cách bây giờ, chức nghiệp của Ngài là thầy. Ngài đã trọn hết nghĩa vụ của một vị thầy, chẳng lấy học phí. Nhiệt tâm dạy học, dạy dỗ chẳng phân biệt quốc gia, dân tộc, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng khác biệt. Chỉ cần quý vị tìm đến Ngài, Phật đều rất hoan hỷ, sốt sắng dạy quý vị. Một vị thầy tốt đẹp dường ấy! Chúng ta được biết Ngài, học tập theo Ngài, quá sức may mắn dường ấy! Thầy hiện thời chẳng tại thế, chẳng sao hết! Tài liệu giảng dạy của Ngài vẫn còn trong thế gian này. Tài liệu ấy chính là *Đại Tạng Kinh*.

Những kinh điển trong *Đại Tạng Kinh* chính là tài liệu dạy học thuở Ngài tại thế. Chúng ta có được tài liệu này giống như thân cận lão nhân gia. Nay chúng ta gặp phải hoàn cảnh hiện tượng, hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất này, quả thật rất giống hiện tượng lúc pháp diệt. Tám từ “*sóng ác ngập trời, lửa độc khắp đất*” miêu tả hiện tượng ấy, nhưng đây là tương tự, chẳng phải là thật sự.

Lúc con người thọ mười tuổi là thật. Vì sao? Họ nhiễm tập khí quá nặng, Phật, Bồ tát tới dạy, nhưng họ không quay

đầu. Do vậy, cứ dần dần, mỗi trăm năm tăng lên một tuổi, tăng từ từ, thọ mạng càng dài, phúc báo càng lớn. Đây gọi là “*phúc chí tâm linh*”. Phúc báo lớn, dần dần trí tuệ hiện tiền. Kiếp Tăng và Kiếp Giảm khác nhau. Trong lúc Kiếp Giảm, kẻ phúc báo lớn sẽ tạo ác lớn hơn. Lúc Kiếp Tăng, kẻ có phúc báo lớn sẽ tu thiện càng lớn hơn. Khác nhau ở chỗ này! Chúng ta phải quan sát kỹ càng, chú tâm sẽ có thể thấu hiểu.

Vì sao chúng ta nói sự mê hoặc trong hiện tại là nhất thời, rất dễ đánh thức họ? Trong quá khứ, chúng tôi đã làm thí nghiệm tại Thang Trì, hoàn toàn dùng *Đệ Tử Quy* để dạy học. Mới 3 năm, lòng người đã thật sự quay đầu, giác ngộ, khiến cho chúng tôi biết nhân dân dễ dạy như thế nào! Khiến cho chúng tôi tin tưởng cổ nhân đã nói chẳng sai: “*Nhân chi sơ, tính bản thiện*”. Đáng tiếc là chẳng ai dạy họ. Hễ được dạy, họ sẽ quay đầu. Đây là nói họ “có lương tâm”, có thể phân biệt thiện ác. Do không có ai giảng giải, nên chịu ảnh hưởng bên ngoài rất lớn.

Nếu được dạy dỗ trực tiếp, thường xuyên nhắc nhở họ, họ sẽ quay đầu rất nhanh. Trong giai đoạn cuối của thời Mạt pháp, vấn đề ấy nghiêm trọng hơn so với chúng ta trong hiện tại. “*Thế Tôn thù từ*” (Đức Thế Tôn rủ lòng Từ). Đây là nói Phật Thích Ca Mâu Ni từ bi đến cùng cực, lưu lại kinh *Vô Lượng Thọ*. “*Đặc lưu thử pháp*”. “*Thử pháp*” là kinh *Vô Lượng Thọ*. Vì trong lúc ấy, chỉ có bộ kinh này, chỉ có phương pháp trì danh này là có thể độ chúng sinh. “*Dĩ tác từ hàng, dĩ giáng cam lộ*” (Làm chiếc bè từ, tuôn cam lộ). “*Từ hàng*” là tỷ

dụ chiếc thuyền trong biển cả khiến cho quý vị có thể vượt biển. “*Cam lộ*” (Amṛta) cũng là tỷ dụ. Cam lộ là thức uống của chư thiên, chẳng hạn như Đào Lợi Thiên. Thức uống tốt nhất trong cõi Trời Đào Lợi là cam lộ. Sánh ví bộ kinh như từ hàng, cam lộ.

“*Phật ân thâm trọng, phấn thân nan báo*” (Ơn Phật sâu nặng, nát thân khó đền). Tri ân, thì quý vị mới biết cảm ơn, mới nghĩ đến báo ân. Nếu chẳng biết ân đức này, làm sao quý vị có ý niệm cảm ơn? Càng không thể nghĩ đến báo ân. Những điều này hoàn toàn cậy vào giáo học. Chúng ta học tập phần *Giáo Khởi Nhân Duyên* tới đây.

Tiếp, đoạn lớn thứ hai là *Bản Kinh Thế Tính* (Thế tính của kinh này). Đoạn này, có ý nghĩa khá sâu! Thế là gì? Là sở y (cái để giáo nghĩa nương tựa vào, căn bản để lập ra giáo nghĩa). Những lý luận được giảng, phương pháp được sử dụng, cảnh giới sẽ đắc trong kinh điển này dựa trên đạo lý nào? Nếu chẳng hiểu rõ điều này, tín tâm của chúng ta chẳng thể kiến lập; thật sự có đạo lý, chúng ta sẽ tin tưởng! Đức Phật nương vào gì để nói, chỉ dạy chúng ta? Xin xem kinh văn:

“*Nhất thiết Đại thừa kinh điển giai dĩ Thật Tướng vi kinh chính thể*” (Hết thấy kinh điển Đại thừa đều lấy Thật Tướng làm Chính Thể của kinh). Câu này trước hết nêu ra kinh thể. Quý vị thấy hết thấy kinh điển Đại thừa, không riêng gì bộ kinh này, đều lấy Thật Tướng làm Thể. Thật Tướng là gì? Chân tướng sự thật là Chính Thể. Nói cách khác, hết thấy

kinh Đại thừa đều là giảng Thật Tướng chân thật của vũ trụ và nhân sinh. Sự thật là như thế nào, kinh bèn nói như thế đó, nhất định hoàn toàn tương ứng với sự thật.

Chúng ta muốn liễu giải Thật Tướng của vũ trụ và nhân sinh, kinh bèn giảng cho chúng ta điều ấy, chẳng giả! Lúc tôi mới học Phật, theo học triết học với tiên sinh Phương Đông Mỹ. Thầy Phương giới thiệu kinh Phật với tôi, nói như thế nào? Bảo đấy là triết học. Tôi học triết học với thầy, chẳng học tôn giáo. Tôi nói: “Kinh Phật là tôn giáo. Trong tôn giáo đâu có triết học? Mê tín!”. Tuổi trẻ, thiếu trí tuệ, người ta nói sao nghe vậy, lầm tưởng Phật giáo là tôn giáo, là mê tín; do vậy, chưa hề nghĩ muốn tiếp xúc Phật giáo, chưa từng. Lúc thầy giới thiệu, đã hết sức trình trọng nói: *“Phật Thích Ca Mâu Ni là bậc triết gia vĩ đại nhất thế giới. Kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học toàn thế giới. Học Phật là hưởng thụ cao nhất trong đời người”*.

Tôi theo học môn ấy với cụ mới thay đổi toàn bộ quan niệm sai lầm. Thầy đặc biệt cảnh tỉnh tôi: *“Triết học của kinh Phật không ở tại chùa chiền”*. Chùa chiền chẳng phải là chuyên môn học Phật ư? Thầy nói: *“Trước đây, đúng là như vậy. Hiện thời chẳng còn nữa. Trước kia, người xuất gia đúng là những vị Đại học vấn, có đạo đức, có học vấn. Hiện thời, họ chẳng học, chùa chiền có kinh điển, họ niệm kinh chứ chẳng nghiên cứu, chẳng nương theo giáo huấn trong kinh điển để học tập. Do vậy, anh phải học tập triết học trong kinh Phật, phải khởi sự từ kinh điển”*. Thầy bảo tôi điều này, câu nói

ấy vô cùng quan trọng. Nếu chẳng được nhắc nhở bởi câu ấy, tôi đến chùa miếu tìm gặp, thỉnh giáo các vị xuất gia. Họ chẳng có cách gì trả lời, tôi sẽ hoài nghi lời thầy Phương có vấn đề, lòng tin vào thầy bị dao động. Khéo sao, thầy nói câu ấy, bảo tôi tìm tòi trong kinh điển, không cần phải đến hỏi ai, hãy trực tiếp tìm từ kinh điển.

Không lâu đó, tôi được biết Chương Gia Đại sư. Giống như thầy Phương, Chương Gia Đại sư vô cùng yêu thương tôi, rất quan tâm dạy dỗ. Lão nhân gia dạy tôi học Phật Thích Ca Mâu Ni, bảo tôi đọc *Thích Ca Phả* và *Thích Ca Phương Chí*. Đó là truyện ký về Phật Thích Ca Mâu Ni trong *Đại Tạng Kinh* do người đời Đường viết. Chúng tôi liễu giải cuộc đời Phật Thích Ca Mâu Ni, đã hiểu rõ đức Phật. Nếu quý vị học Phật mà chẳng biết gì về Phật Thích Ca Mâu Ni, sự học tập của quý vị có vấn đề, rất dễ ngã theo thiên kiến, đi vào lối rẽ. Nói theo người hiện thời là đi đường vòng.

Quý vị nhận biết Phật Thích Ca rõ ràng, sẽ chẳng đi lòng vòng. Lời chỉ đạo này hết sức hay! Chương Gia Đại sư khuyên tôi xuất gia. Tôi rất vâng lời, vì tôi không có gia quyến tại Đài Loan. Cha tôi đã mất sớm, mẹ còn có một em trai ở Đại Lục chăm sóc. Khi ấy, tin tức chẳng thông, suốt cả 36 năm chẳng có tin tức gì. Đôi bên chẳng biết tình hình của nhau. Do vậy, tôi là một người chẳng lo âu gì ở Đài Loan, thầy bảo đi xuất gia, được! Chuyên dồn công sức nơi Phật pháp. Tôi xuất gia là giảng học, tức là dạy học. Tôi học Phật 7 năm rồi xuất gia. Xuất gia xong, bèn dạy tại Phật Học Viện. Ngoài dạy học

ra, tôi nhận lời mời giảng kinh. Giảng suốt 59 năm chẳng ngừng. Mỗi ngày đều giảng.

Tôi ở Úc, trong các trường Đại học, Hiệu trưởng Đại học Cách Lý Phỉ Tư (Griffith) mời tôi dùng cơm, hỏi tôi một câu: “Thưa pháp sư, thầy giảng kinh (lúc ấy đã giảng kinh 43 năm), trong 43 năm, có khi nào gặp phải trường hợp người khác hỏi mà thầy chẳng thể trả lời?”. Tôi suy nghĩ một chốc, rồi bảo ông ta: “Hình như không có!”. Ông ta nói: “Thầy thật sự là một vị hiệu trưởng giỏi”. Vì thế, nhà trường tặng tôi học vị Tiến sĩ. Họ chủ động trao tặng học vị Tiến sĩ cho tôi. Khi đó, tôi đã ngoài 70.

Họ còn phong cho tôi danh vị giáo sư danh dự. Giáo sư danh dự (Honorary Professor) là gì? Đại khái là người ấy dạy học ở trường của họ khá lâu năm, dạy đã bao nhiêu năm, có cống hiến đối với sự nghiệp giáo dục trong nhà trường. Một vị thầy như vậy về hưu sẽ có một danh vị danh dự, Giáo Sư Danh Dự, tức là Giáo Sư Danh Dự của nhà trường. Mỗi khi nhà trường có lễ lạc lớn, chẳng hạn như lễ khai trường, lễ tốt nghiệp, đều mời những vị này tham dự. Như vậy là nhà trường đã tặng tôi danh vị như vậy, tham gia hoạt động của trường. Sau này, thật sự là đại biểu của trường tham dự hội nghị Liên Hiệp Quốc.

Thưa quý vị, nếu người ta hỏi quý vị: Phật Thích Ca Mâu Ni suốt đời giảng kinh, rốt cuộc giảng những gì? Giải đáp bằng một câu: *“Giảng về Thật Tướng của vũ trụ và nhân*

sinh”. Quý vị nói xem có phải là mê tín hay chẳng? Chẳng mê tín. Câu này rất trọng yếu; nếu không, quý vị học Phật như thế nào? Tôi nhớ có một năm, lúc tôi ăn Tết ở Đài Loan, có một đồng học tới gặp tôi. Ông ta là giáo sư đại học, khi gặp tôi cho biết: Ở Đại học Phụ Nhân, trong chương trình ngoại khóa, ông ta đã giảng cho sinh viên một bộ *Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm*. Ông ta kể với tôi như vậy, tôi bảo: “Tốt lắm! Rất khó có!”. Lúc ấy, tại Đài Loan, phong khí học Phật của sinh viên đại học rất thịnh. Mỗi trường đều thành lập Phật Học Xã.

Tại Đại học Phụ Nhân là Đại Thiên Phật Học Xã do các đồng học tổ chức nhằm học tập Phật pháp. Tôi bèn hỏi ông ta một câu: “Tôi hỏi ông một câu, ông hãy cho tôi biết những kinh do Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng trong 49 năm rốt cuộc là giảng những gì? Ông hãy trả lời tôi bằng một câu thôi!”. Ông ta suy nghĩ khoảng 5 phút, chẳng có cách nào, bảo tôi: “Tôi nghĩ không ra câu trả lời, nghĩ không ra!”. Ông ta hỏi ngược lại tôi. Tôi bảo: “Trong kinh Phật có một câu, tức là kinh *Bát Nhã* giảng chư pháp Thật Tướng. Dùng câu này để trả lời có được hay không?”. Ông ta suy nghĩ, gật đầu, được! “*Chư pháp Thật Tướng*” là Thật Tướng của hết thảy các pháp. Chúng ta phải biết điều này, đơn giản, dễ hiểu. Cách nói này đã trình bày đơn giản, dễ hiểu cho người khác biết những điều mà Phật Thích Ca Mâu Ni đã suốt đời tu tập, học hỏi, dạy dỗ, lưu truyền. Kẻ ấy sẽ chẳng nói Phật giáo là mê tín.

Chúng ta xem tiếp, cụ Hoàng đã trích dẫn khá nhiều kinh điển và lời nhận định của các tổ sư đại đức. “*Cổ đức vân*” (Cổ đức nói). Đây là những vị đại đức từ xưa. Các Ngài nói: “*Chư Đại thừa kinh giai dĩ nhất Thật Tướng vi ấn*” (Các kinh Đại thừa đều lấy một Thật Tướng làm ấn). Người Hoa hết sức coi trọng cái ấn, gọi là “ấn tín”. Nói đến “đóng ấn”, thì cái ấn ấy là quyết định! Ấn ấy là gì? Thật Tướng.

Nếu những điều được giảng trong kinh điển là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, thì kinh ấy do đức Phật nói. Chẳng thật sự do đức Phật nói thì sao? Chẳng do chính đức Phật nói, thì cũng giống như do đức Phật nói, vì nói giống hệt như Phật. Do vậy, phải học sự khoan dung rộng lượng ấy của Phật giáo! Phật giáo thừa nhận: Nếu tất cả những gì do người ta đã nói là chân tướng sự thật, thì đều gọi là kinh Phật. Quý vị thấy thái độ học vấn ấy, chẳng chia đây kia, Phật thừa nhận, Bồ tát cũng thừa nhận: Quý vị nói đúng chân tướng sự thật.

Tiếp theo là giải thích: “*Thật Tướng giả, chân thật chi tướng dã*” (Thật Tướng là tướng chân thật), là chân tướng của vạn vật trong vũ trụ. “*Hựu bình đẳng nhất tướng dã*” (Mà cũng là một tướng bình đẳng). Câu này sâu lắm. Chúng tôi nói chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, thì quý vị dễ hiểu, còn nếu nói là “*bình đẳng nhất tướng*” sẽ khó hiểu. Vì sao? Đây đúng là triết học cao cấp. Thầy Phương bảo là “tột đỉnh của triết học”. Nói với quý vị: Hết thấy các pháp bình đẳng, hết thấy các pháp có cùng một thể tính.

Trong Phật pháp, thể tính ấy được gọi bằng danh từ Pháp Tính, còn gọi là Chân Tính, hay còn gọi là Tự Tính. Có đến mười mấy danh từ! Vì sao đối với một chuyện, mà đức Phật nói nhiều danh từ thuật ngữ như thế? Nhằm bảo quý vị đừng chấp tướng. Quý vị chớ nên chấp trước, chỉ cần nói tới chuyện này, còn dùng phương pháp gì để nói, dùng danh từ gì để nói đều được, chớ nên chấp tướng. Ngài dạy chúng ta buông chấp trước xuống, mà chúng ta chấp tướng là sai rồi! *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*.

Do vậy, Bồ tát Mã Minh dạy chúng ta thái độ tu học: Khi lên lớp nghe giảng, chúng ta đừng chấp trước tướng ngôn thuyết, người giảng nói sâu, hay nói cạn, nói dài, hay nói ngắn, chẳng sao cả, chỉ cần nói đến chân tướng là được rồi. Chúng ta xem kinh điển đừng chấp trước tướng văn tự, đừng chấp trước tướng danh tự. “Danh tự” là danh từ thuật ngữ. Danh từ thuật ngữ là công cụ để trao đổi ý kiến, không quan trọng, chúng ta có thể thấu ý nghĩa, đó mới là quan trọng.

Vì thế, các danh từ thuật ngữ không quan trọng, đừng chấp trước chúng. Hễ chấp trước là trật rồi! Chẳng hạn như các từ ngữ: “Phật, Bồ tát, chúng sinh” trong kinh Phật đều là tướng danh tự. Quý vị liễu giải ý nghĩa của chúng, chớ nên chấp trước những danh tướng ấy.

Điều thứ ba rất trọng yếu, phải lìa tướng tâm duyên. Quý vị chớ nên tự mình nghĩ nó có ý nghĩa gì. Hễ quý vị suy tưởng là sai rồi! Quý vị chẳng cần suy nghĩ mà trực tiếp hiểu

rõ, đấy gọi là Ngộ. Nếu quý vị suy nghĩ sẽ là sai, suy tưởng nó là gì bèn rơi vào ý thức. Ý thức là phân biệt, chấp trước, quý vị rơi vào đó! Đức Phật dạy hàng Bồ tát, đó là những học trò đã đăng đường nhập thất, chẳng phải là học trò thông thường, mà là những học trò có thành tựu rất khá, họ cũng chẳng được phép khởi tâm động niệm.

Vì vậy, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân chạm, ý biết. Lục căn đối đãi cảnh giới lục trần chớ nên khởi tâm, chớ nên động niệm, nhưng vẫn hiểu biết rõ ràng, rành mạch, đó là gì? Trí tuệ Bát Nhã sẵn có trong tự tính hiện tiền, đó là chân trí tuệ. Khởi tâm động niệm sẽ mê. Vì sao khởi tâm động niệm lại mê?

Tại Trung Quốc, quý vị đều biết, Huệ Năng Đại sư khai ngộ, minh tâm kiến tính. Tính là Thật Tướng. Tính là như thế nào? Nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, không thể diễn tả được! Không chỉ chẳng diễn tả được, ngay cả suy tưởng cũng chẳng thể suy tưởng. Quý vị vừa nghĩ liền rơi vào trong ý thức.

Ngài khai ngộ, Ngũ Tổ cũng khai ngộ. Người khai ngộ nói chuyện với người khai ngộ, tiện lắm! Lục Tổ đã diễn tả tự tính bằng 5 câu nói, câu đầu tiên là *“Hà kỳ tự tính, bản tự thanh tịnh”* (Nào ngờ tự tính vốn tự thanh tịnh). *“Hà kỳ”* là không ngờ tới. Không ngờ tự tính vốn thanh tịnh, chưa bao giờ ô nhiễm. Thành Phật là thanh tịnh. Nay ở trong nhân gian, tính vẫn thanh tịnh. Dẫu tạo tác tội nghiệp đọa vào

địa ngục A Tỳ, tính vẫn thanh tịnh! Trong kinh Phật thường nói đến các thứ ô nhiễm. Quý vị thấy như chúng ta vừa mới đọc: *“Trược ác di thâm, ác lãg thao thiên, độc diễm biến địa”* (Trược ác sâu xa, trọn khắp, sóng ác ngập trời, lửa độc trọn đất). Đó là ô nhiễm. Ô nhiễm chẳng liên quan gì đến tự tính. Cái gì bị ô nhiễm? A Lại Da ô nhiễm. Tự tính chẳng thể bị ô nhiễm. A Lại Da có sinh diệt. Tự tính chẳng thể có sinh diệt. A Lại Da là gì? A Lại Da là vọng tâm, là giả, chẳng phải là chân tâm. Chân tâm quyết định chẳng có sinh diệt, quyết định chẳng bị lay động, quyết định chẳng có ô nhiễm. Đây là chân tâm. Quý vị thấy, nó là con người thật sự của quý vị.

Chúng ta dùng chân tâm thì là Phật, dùng vọng tâm thì là phàm phu. Vọng tâm là A Lại Da. A Lại Da là gì? Là tâm ý thức. Quý vị phải nhớ: Tâm là vọng tưởng. Ý là chấp trước. Thức là phân biệt. Chúng ta dùng những thứ ấy, nên khởi tâm động niệm đều là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Giả trất, chẳng thật! Do dùng những thứ ấy, nên mới có lục đạo luân hồi. Nếu quý vị chẳng dùng những thứ ấy, lục đạo luân hồi sẽ chẳng có. Không chỉ lục đạo luân hồi chẳng có, ngay cả mười pháp giới cũng không có. Không có những thứ ấy thì là cảnh giới gì? Đó là Nhất Chân pháp giới.

Do vậy, mười pháp giới và lục đạo luân hồi đều là mộng, giống như nằm mộng. Trong mộng có những hình tướng, thì là lúc quý vị mê mới có. Khi giác ngộ, tỉnh ngộ, sẽ chẳng còn nữa! Nói cách khác, quý vị dùng vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì có; nếu buông vọng tưởng, phân biệt, chấp

trước xuống, không dùng chúng, thì lục đạo và mười pháp giới chẳng còn nữa, chúng là giả tướng. Quý vị đã tỉnh giấc mộng rồi!

Quý vị có thấu hiểu “bình đẳng nhất tướng” hay chẳng? Tôi vừa mới nói điều này. Nếu quý vị chưa thể hiểu, thì tôi nhắc nhở quý vị một chút. Trong mộng bất luận là hưởng vui hay chịu khổ, sau khi tỉnh giấc có phải là giống nhau hay chẳng? Vui chẳng có, mà khổ cũng không có, chẳng phải là bình đẳng nhất tướng ư? Chúng chẳng phải là thật! Thiên đường, địa ngục toàn là giả, nhưng quý vị phải hiểu: Quý vị chưa tỉnh sẽ thật sự hứng chịu!

Quý vị đang nằm mộng, thì thiên đường thật sự vui, trong địa ngục thật sự khổ, dường như chẳng giả chút nào! Sau khi tỉnh mới biết chúng là giả. *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*; *“Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*. Quý vị biết những điều ấy là bình đẳng nhất tướng. Nếu quý vị học *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán*, sẽ rất dễ liễu giải bình đẳng nhất tướng. *Vọng Tận Hoàn Nguyên* là nhất tướng. Nay chúng ta liễu giải, chưa đoạn vọng tướng, phân biệt, chấp trước, vẫn tiếp tục sử dụng chúng, nhưng chúng ta tin tưởng lời Phật Thích Ca Mâu Ni là chân thật, chẳng giả.

Bài luận văn này do Hiền Thủ Quốc sư dựa theo kinh *Hoa Nghiêm* soạn ra, cũng là chân thật, chẳng giả. Nay chúng ta thấy sắc, nghe tiếng, chúng ta dùng cái tâm bình đẳng để đối đãi, chắc chắn không có sai biệt, nghĩ đức Phật thường

dạy trong kinh Đại thừa: *“Hết thấy chúng sinh vốn là Phật”*. Chúng ta dùng tâm thái này để xử sự, đãi người, tiếp vật, để sống, đó chính là cảnh giới Phật.

Quý vị có phân biệt, tôi không phân biệt; quý vị có chấp trước, tôi không chấp trước; quý vị có khởi tâm động niệm, tôi chẳng khởi tâm động niệm. Tôi có thể tùy thuận sự phân biệt, chấp trước của quý vị, nhưng chính mình chẳng phân biệt, chấp trước, giống như diễn tuồng! Trên sân khấu, quý vị phải biểu diễn theo kịch bản. Kịch bản bắt cười, thì quý vị phải cười, bắt khóc, quý vị phải khóc, có phải là quý vị thật sự cười hay khóc chẳng? Chẳng hề! Cứ dựa theo kịch bản để biểu diễn. Phật, Bồ tát ở trong nhân gian, quý vị vui vẻ, các Ngài cũng vui vẻ.

Quý vị khổ sở, dường như các Ngài cũng có tâm đồng cảm. Đó là gì? Đó là diễn tuồng, quý vị là thật sự, các Ngài là giả. Khác hẳn. Quý vị thật sự có khổ, có sướng, các Ngài chẳng khổ mà cũng chẳng sướng. Đây là người giác ngộ ở cùng chỗ với người chưa giác ngộ, nhưng khác nhau. Người có cùng cảnh giới giác ngộ như vị ấy sẽ thấy được, thấy rất rõ ràng. Nếu chưa đạt tới cảnh giới ấy, sẽ chẳng thấy được! Phật, Bồ tát và chúng sinh hòa quang đồng trần, nhưng chúng sinh nhìn không ra, đó gọi là diệu! Vì thế, pháp này gọi là diệu pháp. Đạo lý ở chỗ này! Đây là bình đẳng nhất tướng.

“Thật Tướng vô tướng, diệt vô bất tướng, tướng nhi vô tướng, danh vi Thật Tướng” (Thật Tướng vô tướng, mà cũng

chẳng phải là không có tướng. Tướng mà không có tướng nên gọi là Thật Tướng). Đọc mấy câu này khiến chúng ta mơ hồ! Người mới học đọc đến sẽ mơ hồ, nhưng nếu quý vị là người thật sự hiểu rõ, sẽ biết mấy câu này nói quá hay!

Thật Tướng vô tướng, nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, nhưng nó có thể biến hiện vật chất và tinh thần, có thể sinh ra hiện tượng vật chất, có thể sinh ra hiện tượng tinh thần, có thể hiện ra hiện tượng vật chất, có thể hiện ra hiện tượng tinh thần, nên nó là có thể sinh, có thể hiện (năng sinh, năng hiện). Hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần là toàn thể vũ trụ. Trong Phật pháp, chúng được gọi là pháp giới. Hết thấy hiện tượng trong trọn pháp giới khắp hư không giới, mười pháp giới lục đạo là “sở sinh, sở hiện” (cái được sinh, cái được hiện). Cái có thể sinh, có thể hiện là chân thật, vĩnh hằng bất biến; sở sinh sở hiện là giả, giống như nằm mộng, là cảnh giới trong mộng.

Chúng chẳng phải là thật, mà là giả; nhưng giả và thật lại chẳng tách rời. Giả do đâu mà có? Giả nương vào thật để khởi; chẳng có Thật, lấy đâu ra Giả? Nương vào Thật mà khởi. Tuy nương vào Thật mà khởi, nhưng nó chẳng thật, nó là hình bóng của Thật mà thôi. Phải hiểu rõ chân tướng sự thật này. Sau khi hiểu rõ, tuy quý vị còn chưa giác ngộ hoàn toàn, chưa hoàn toàn trở về tự tính, nhưng đối với hết thấy các pháp trong thế gian này, quý vị có thể buông xuống, chẳng còn chấp trước nữa; đó là quý vị thật sự giác ngộ.

Quý vị coi trọng điều gì? Quý vị coi trọng chuyện nâng cao linh tính, chẳng coi trọng tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian này, coi thường những thứ ấy, rất coi trọng việc nâng cao đức hạnh, trí tuệ, linh tính của chính mình. Trong ấy có niềm vui chân thật, có lạc thú không cách nào tưởng tượng được! Do vậy, các tổ sư đại đức từ xưa thường dùng một câu nói để hình dung: *“Thế vị na hữu pháp vị nùng!”* (Pháp thế gian chẳng nồng đậm bằng pháp vị). Con người hiện thời tham cầu hưởng thụ ngũ dục, lục trần trong thế gian.

Quý vị thật sự hưởng thụ Tính linh thì ngũ dục, lục trần, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ trong thế gian này làm sao có thể sánh bằng pháp? Thua kém quá xa! Quý vị đã nếm pháp vị, sẽ tự nhiên buông ngũ dục, lục trần của thế gian xuống, mới thật sự biết chúng là ô nhiễm. Trong ấy có gì để hưởng thụ? Ô nhiễm gì? Ô nhiễm linh tính! Thật ra, chẳng thế ô nhiễm linh tính. Nếu Tính linh thật sự bị ô nhiễm, thì sẽ chẳng linh. Tự tính bị ô nhiễm sẽ không gọi là tự tính. Tự tính thật sự chẳng bị ô nhiễm.

Những phiền não ấy ô nhiễm thứ gì vậy? Nhiễm bản A Lại Da. Đó là vọng tâm của quý vị, khiến cho vọng tâm thêm hư vọng. Nói “hư vọng” thì chúng ta khó hiểu, chúng tôi nói là “vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nặng hơn”, những thứ này càng sâu thêm hơn mà thôi! Chúng ô nhiễm cái tâm của quý vị, khiến cho chính mình ngày càng thêm xa cách tâm thanh tịnh và tự tính. Nó gây chướng ngại trong ấy. Chuyện là như vậy đó!

“*Thật Tướng vô tướng*”, như tôi vừa mới nói, đó là Thể. Thật Tướng là Thể, là tự tính. Tự tính có thể sinh, có thể hiện. “*Diệc vô bất tướng*”, đó là sở sinh, sở hiện. Thật Tướng có thể hiện tướng. Điều này rất khó hiểu. Thường là mỗi khi chúng tôi giảng đến chỗ này, tôi đều dùng máy truyền hình làm tỷ dụ. Thật Tướng là gì? Thật Tướng là màn hình. Màn hình TV là thật, nó tồn tại. “*Vô bất tướng*” là gì? Vô bất tướng là những hình ảnh hiện ra nơi màn hình.

Quý vị thấy chúng ta nhấn nút mở TV, hình ảnh bèn hiện ra, hiện trong màn hình. Nếu chúng ta hỏi: Màn hình là Thật Tướng, hình ảnh hiện ra là vọng tướng (tướng hư vọng), tách rời chân tướng và vọng tướng bằng cách nào? Quý vị có cách nào tách rời chúng hay chẳng? Những hình ảnh ấy rời khỏi màn hình sẽ chẳng thể hiện tướng. Tuy chúng hiện trên màn hình, nhưng tuyệt đối chẳng phải là màn hình, chẳng có mảy may gì liên quan đến màn hình cả! Chân là chân, vọng là vọng. Làm thế nào để tiêu diệt vọng tướng? Nhấn nút tắt TV, lập tức chẳng còn nữa. Do vậy, trong chân tướng có thể hiện vô lượng vô biên sắc tướng. Có nhiều băng tần, quý vị tùy tiện nhấn một nút nào đó.

Nếu quý vị chẳng nhấn nút, màn hình sẽ khôi phục hình trạng như cũ, đó gọi là “*vô tướng, vô bất tướng*”. Màn hình là vô tướng, các hình ảnh trong băng tần là vô bất tướng. Đó là thứ chúng ta đối diện mỗi ngày. Do vậy, xem TV mà có thể khai ngộ. Nếu quý vị có thể coi theo cách như vậy, thì sẽ có thể khai ngộ. Liều giải điều gì? Chân và vọng chẳng hai, chân

chẳng phải là vọng, vọng chẳng phải là chân, nhưng chân và vọng chẳng hai! Chân ở đâu? Chân ở trong vọng. Vọng ở đâu? Vọng ở trong chân. Tham ngộ điều này sẽ khai ngộ. Do vậy, đối với TV, nếu quý vị biết cách xem TV, thì chẳng khác gì niệm kinh *Hoa Nghiêm*! Chẳng khác gì nhau! Quý vị chẳng biết xem, khi xem, sẽ hoàn toàn bị những động tác trong ấy mê hoặc, mơ hồ. Nếu quý vị có thể nhìn ra chân và vọng chẳng hai trong TV, nhìn thấy “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, chẳng phải là quý vị đã đại triệt đại ngộ rồi ư? Đó là gì? TV và kinh *Hoa Nghiêm* chẳng khác nhau, mà cũng chẳng khác kinh *Vô Lượng Thọ*.

Xem TV là học Phật. Người biết xem sẽ là thành Phật, thành Bồ tát. Kẻ chẳng biết xem sẽ là tạo nghiệp, trong tâm bị TV xoay chuyển, nó cười quý vị cũng cười, nó khóc quý vị cũng khóc. Học những thứ giết, trộm, dâm, dối trong ấy, sao không đọa địa ngục cho được? Vì vậy, kinh Phật ở nơi đâu? Không có gì chẳng phải là kinh Phật! *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm* ở đâu? *Vô Lượng Thọ* ở đâu? Không có gì chẳng phải là *Vô Lượng Thọ*, không có gì chẳng phải là *Đại Phương Quảng*, chẳng phải là *Phật Hoa Nghiêm*. Vấn đề là quý vị có biết hay là không? Do vậy, kinh do đâu mà có? Kinh từ Thật Tướng xuất hiện. Đức Phật giảng về Thật Tướng.

Tiếp đó là nói về vô tướng. “*Vô tướng giả, ly nhất thiết hư vọng chi tướng. Vô tướng tức ly tướng*” (Vô tướng là lìa hết thảy các tướng hư vọng, vô tướng chính là ly tướng). Có tướng hay không? Có tướng. Vì sao gọi là vô tướng? Trong

tâm không có tướng. Mắt chúng ta nhìn vào TV, TV có tướng hay không? Có tướng. Nhưng trong tâm chúng ta hiểu rất rõ ràng, tướng ấy là huyễn tướng, chẳng thật, là giả. Đối với sắc tướng hiện trên màn hình, quý vị chẳng phân biệt, chẳng chấp trước.

Quý vị chẳng chấp trước, thì là tu A La Hán; chẳng phân biệt là tu Bồ tát hạnh; không khởi tâm, không động niệm là tu Nhất thừa Phật pháp. Quý vị thật sự học hiểu, thì mỗi ngày xem TV sẽ tu hành ngay nơi đó, quý vị tu A La Hán, hay tu Bồ tát, hay tu Phật. Chẳng biết tu thì sao? Chẳng biết tu sẽ tu Nhân Thiên, tu A Tu La, tu súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, đều là trong một niệm. Thật đấy, chẳng giả đâu!

Quý vị học tập những thứ giết, trộm, dâm, dối từ TV, đó là tam ác đạo. Quý vị đang học tam ác đạo. Quý vị coi TV, đây là tốt, là thiện, tự nhủ: Ta phải học theo. Chẳng tốt thì ta phải sửa đổi, hối lỗi, ta có những điều xấu ấy hay chẳng? Nếu có lúc ta phạm những lỗi ấy, ta chớ nên giống như họ, đó chính là tu nghiệp Nhân Thiên. Thứ gì cũng chẳng chấp trước là A La Hán. Thứ gì cũng chẳng phân biệt là Bồ tát.

Quý vị thấy đó, cùng xem TV như nhau, nhưng mỗi cá nhân thành tựu khác nhau. Có người xem TV bèn thành Phật, thành Bồ tát, có người xem TV bèn đi vào địa ngục. Do vậy, tổ sư đại đức trong Tông Môn thường hỏi học trò một câu: “Người có hiểu không?”. Câu này có ý nghĩa vô lượng sâu rộng. Quý vị có hiểu ý nghĩa hay chẳng? Quý vị hiểu, thì

sẽ thành Phật, thành Bồ tát. Không hiểu thì sao? Không hiểu sẽ vào tam đồ! Do vậy, “lìa hết thấy các tướng hư vọng” là bảo quý vị lìa trong tâm, chẳng phải là bảo quý vị lìa nơi sự. Sự chẳng có chướng ngại. Sự sự vô ngại, trong tâm không có chướng ngại. Vĩnh viễn giữ gìn cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác, đây là đạo thành Phật. Vì sao không có Sự? Sự là giả, là hư vọng, quý vị chẳng cần lìa nó. Nếu coi nó là có thật, quý vị đã bị lừa, sai mất rồi! Quý vị biết nó là hư vọng, chỉ cần quý vị chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, không khởi tâm, không động niệm, chuyện gì cũng đều không có, đó là Như Lai ứng thể. Chư Phật Như Lai đến thế gian là đến như vậy. Các Ngài ở cùng chúng ta, nhưng quả thật chẳng khởi tâm động niệm.

Trên hình thức, các Ngài chẳng khác gì chúng ta, hòa quang đồng trần với chúng ta. Trên thực tế, các Ngài chẳng khởi tâm động niệm. Bồ tát ở cùng chỗ với chúng ta, tuy có khởi tâm động niệm, nhưng chẳng phân biệt, chấp trước. Từ chỗ này, chúng ta hiểu cảnh giới của các Ngài cạn hay sâu khác nhau.

“Hư Thật Tướng vô bất tướng, phi ngoan không dữ đoạn diệt, phi như quy mao thổ giác, nhất thiết hư vô” (Lại nữa, Thật Tướng chẳng phải là không có tướng, chẳng phải như hư không trơ trơ và đoạn diệt, chẳng giống như lông rùa, sừng thỏ, hết thấy hư vô). Những điều này đều nhằm giải thích vô tướng. Vô tướng là gì? Vô tướng là lìa hết thấy các tướng hư vọng. Vô tướng là ly tướng, phải nhớ điều này; chứ

chẳng phải là lìa khỏi tướng, chẳng có ý nghĩa ấy! Ngay nơi tướng mà lìa tướng, tướng ở ngay trước mặt, biết nó là hư vọng, quý vị sẽ chẳng chấp trước. Đó gọi là “*ly tướng*”, trọn chẳng phải là tiêu diệt tướng. Nếu hiểu “*ly tướng*” là tiêu diệt tướng thì sai mất rồi! Do vậy, tiếp đó, cụ Hoàng giảng: Thật Tướng chẳng phải là không có tướng, chẳng phải là hư không trơ trơ, chẳng phải là đoạn diệt. Phật pháp nói “*vô bất tướng*”, nếu quý vị hiểu lầm “*vô tướng*” là Không. Không là gì?

Thứ gì cũng đều chẳng có, hiểu “*vô tướng*” là như vậy, thì sai mất rồi! Không có thứ gì, giống như chúng tôi vừa mới nêu tỷ dụ. Màn hình TV trống không, thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng sắc tướng trong mỗi băng tần là có. Chúng ta xem TV lập tức phải thấu hiểu Không và Có chẳng hai. Chân Không là gì? Chân Không: Biết tất cả sắc tướng là giả, tướng hiển hiện trên màn hình là giả. Nhưng màn hình có ô nhiễm hay không? Chẳng có ô nhiễm, chẳng ô nhiễm mấy may! Vì sao biết là không ô nhiễm? Tắt TV chẳng phải là không thấy nữa ư? Chẳng lưu lại dấu vết gì! Sau đấy mở lên, cũng hiểu rõ nó chẳng lưu lại dấu vết gì! Chẳng ô nhiễm mấy may! Chân tính chẳng bị ô nhiễm.

Dùng màn hình để tượng trưng cho chân tính của chúng ta. Tự tính của chúng ta chẳng ô nhiễm! Cái gì bị ô nhiễm? A Lại Da bị ô nhiễm. A Lại Da là hư vọng. Ô nhiễm là gì vậy? Trong phim ảnh biểu diễn có thiện, có ác, có nhân, có quả. Đó là gì? Đó là hư vọng. Có tịnh, có uế, trong sự biểu diễn

có các thứ đối lập, toàn là giả, toàn là chẳng thật. Những rắc rối của chúng ta trong hiện thời là do ngỡ những thứ hư giả được biểu diễn ấy toàn là thật, nên bị khổ chịu nạn ở trong ấy. Trong cảnh giới ấy, dấy lên thất tình, ngũ dục, mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn, toàn là giả, chẳng có gì là thật. Do vậy, nhà Phật nói Không, thì chẳng phải là thứ gì cũng đều chẳng có! Không ở nơi đâu? Không ở trong Có. Có tức là Không, Không tức là Có, giống như tình hình nơi TV mà chúng ta vừa nhắc đến. Có và Không chẳng hai.

Nói *“Vạn pháp đều là không”* là nói tới những hình ảnh trong băng tần. Nói *“Tự tính chẳng Không, Thật Tướng chẳng Không”* là nói về màn hình TV. Do vậy, vừa nhìn xem kinh giảng điều gì, chúng ta đều có thể lý giải, nói gộp lại sẽ là *“Không, Hữu bất nhị”*. *Tâm Kinh* nói rất hay: *“Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc”*, lấy Không đại diện cho tự tính.

Chúng ta dùng TV làm tỷ dụ. Không được tượng trưng bằng màn hình, Có được tượng trưng bằng các sắc tướng hiển lộ trong các băng tần. *“Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc”*. *“Bất dị”* là giống nhau. Sắc là Không, Không là Sắc. Chớ nên chấp trước Sắc, mà cũng đừng nên chấp trước Không.

Hễ chấp trước là trật rồi, cũng chớ nên chấp trước nhị biên thì quý vị mới thật sự khế nhập cảnh giới. Đó là chân tướng, tức là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, quý vị

thật sự khế nhập cảnh giới. Chẳng chấp trước bèn khế nhập. “Nhập” như vậy còn cạn, chẳng sâu. Vì sao?

Quý vị chẳng chấp trước, nhưng chắc là còn phân biệt! Nếu chẳng phân biệt, sẽ nhập càng sâu, đến mức chẳng khởi tâm, chẳng động niệm bèn khế nhập viên mãn. Viên mãn thì chính là Phật, thâm nhập là Bồ tát, thiện nhập (nhập nông cạn) là A La Hán. Nói theo cách bây giờ, A La Hán, Bồ tát, Phật là các danh xưng học vị trong Phật giáo, quý vị khế nhập Thật Tướng sâu hay cạn khác nhau, nhưng đều nhập cảnh giới. Phật giống như học vị Tiến sĩ, đây học vị tối cao, Bồ tát là học vị Thạc sĩ, A La Hán là học vị Học sĩ (Cử nhân). Thật sự khế nhập, thì gọi là học Phật; chưa khế nhập tức là ở ngoài Phật môn, dụng công cách nào, quý vị chẳng lấy được học vị. Giành được học vị mới được coi là đệ tử Phật thật sự, là học trò của Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đạt được học vị bằng cách nào? Buông xuống là được! Quý vị chịu buông xuống! Không buông xuống sẽ chẳng được! Vì sao buông xuống? Do là giả, chẳng thật. Nếu là thật sẽ chẳng cần phải buông xuống, giả mà!

Có phải buông thân thể xuống hay không? Phải buông xuống, giả đấy. Vì sao? Thân có sinh, lão, bệnh, tử, chẳng thể tồn tại vĩnh hằng. Trong Phật pháp nói “chân, giả”, thì định nghĩa và tiêu chuẩn là: Chân là vĩnh hằng bất biến. Đó là Chân! Chỉ cần nó có thể biến, thì cũng không phải là Chân. Vì vậy, động vật có sinh, lão, bệnh, tử, nên là giả; thực vật có

sinh, trụ, di, diệt, nên cũng là giả; khoáng vật, thậm chí tinh cầu, có thành, trụ, hoại, không, nên cũng là giả. Vì thế, phàm những gì có hình tướng đều chẳng thật! Buổi tối, chúng ta nhìn lên bầu trời, thấy vô lượng tinh cầu, vô lượng tinh hệ, đều là thành, trụ, hoại, không, đều chẳng thật, không có gì là thật.

Chúng giống như những tướng được hiển hiện trên màn hình, quý vị đừng nghĩ chúng là thật, toàn là giả. Những thứ ấy do đâu mà có? Trong giáo pháp Đại thừa, đạo lý này được giảng rất sâu, chúng do ý niệm của chúng ta sinh ra. Tạo Hóa là gì? Tạo Hóa là ý niệm. Quý vị không khởi tâm, không động niệm, thì trong vũ trụ không có vật chất, mà cũng không có tinh thần. Ý niệm vừa động, hiện tượng vật chất và tinh thần đều hiện ra.

Thật vậy! Giống như màn hình TV, chúng ta chưa vặn lên, hay tắt máy đi, thứ gì cũng đều chẳng có. Đó là Thường Tịch Quang Tịnh Độ trong nhà Phật. Ý niệm vừa mới động, hình tướng bèn xuất hiện. Đó là cõi Thật Báo. Nếu lại phân biệt, thì là tứ thánh pháp giới; lại còn chấp trước, sẽ là lục đạo luân hồi. Nếu chúng ta hiểu rất rõ ràng, rất minh bạch những khái niệm ấy, sẽ sống rất an vui trong thế gian này. Trong Phật pháp nói là *“Pháp hỷ sung mãn, thường sinh hoan hỷ tâm”*.

Pháp hỷ ấy chẳng do bên ngoài kích thích, chẳng phải do quý vị gặp chuyện gì vui vẻ, phát tài, chẳng phải vậy, chẳng

dính dáng đến những thứ ấy! Chẳng liên quan mảy may, mà từ tự tính lưu lộ ra. Câu đầu tiên trong *Luận Ngữ* là: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (Học rồi tập luyện, chẳng vui lắm ư). Sự hỷ duyệt ấy là pháp hỷ.

Nói theo Phật pháp, quý vị học tập Phật pháp, đạt được thụ dụng, thật sự hoan hỷ. Sự hỷ duyệt từ nội tâm lan tỏa ra ngoài, thật sự hoan hỷ. Đó gọi là pháp hỷ. Pháp hỷ sung mãn, thường sinh tâm hoan hỷ. Sự hoan hỷ ấy, chúng ta gọi là sự dưỡng sinh của con người, là nhân tố quan trọng nhất trong phép dưỡng sinh. Do vậy, cổ nhân đã nói: “*Nhân phùng hỷ sự, tinh thần sáng*” (Con người gặp chuyện vui, tinh thần sáng khoái). Suốt ngày từ sáng đến tối vui vẻ, làm sao thiếu tinh thần cho được! Làm sao người ấy chẳng khỏe mạnh? Quý vị khế nhập cảnh giới này sẽ quên mất tuổi tác. Quên mất tuổi tác, thì tuổi thanh xuân tồn tại mãi, tuy tuổi tác đã cao, nhưng chẳng già. Thật đấy, chẳng giả đâu!

Con người già đi như thế nào? Đến năm mươi, sáu mươi tuổi bèn già nua, là vì người ấy mỗi ngày nghĩ đến tuổi già. Vừa nghĩ, sẽ lập tức già đi. Đặc biệt rõ rệt nhất là gì? Về hưu. Trong quá khứ, nhiều đồng học, bạn bè của tôi, lúc đang làm việc, giữ chức vị, họ chẳng nghĩ họ già, làm việc vô cùng hăng hái, vừa về hưu, già rồi mới về hưu. Về hưu bèn ngay lập tức nghĩ đến tuổi già.

Hai năm chẳng gặp mặt, hình như họ đã già đi cả chục tuổi. Có sao trở thành nông nổi ấy? Già rồi sẽ như thế nào?

Họ nghĩ đến bệnh, chỗ này đau đớn, chỗ kia nhức nhối, thường vào bệnh viện. Bệnh một thời gian đã nghĩ tới cái chết. Kết quả là chết thật, họ đều khuất bóng rồi! Rất nhiều đồng học, bằng hữu đều đã mất. Có sao mất nhanh như vậy? Tư tưởng chẳng đúng, hiểu sai rồi!

Những người bạn già này gặp tôi, họ bảo hình như tôi không già. Vì sao không già? Chưa từng nghĩ đến già, mỗi ngày nghĩ tới kinh bản, ta phải giải thích cho mọi người như thế nào? Giảng giải rõ ràng, minh bạch những thứ trong kinh bản, chưa hề nghĩ đến già. Tuổi tác mỗi năm một tăng, nhưng thật sự chẳng già! Bất luận tinh thần hay thể lực dường như đều giữ nguyên tình trạng cũ. Năm 26 tuổi học Phật. Mỗi năm đều giữ nguyên tình trạng như thuở 26 tuổi. Mỗi cá nhân đều có thể làm được như vậy. Đây là Phật pháp ban cho chúng ta lợi ích chân thật.



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 18



Chúng ta xem tiếp *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 17, dòng thứ 6.

“Vô tướng giả, ly nhất thiết hư vọng chi tướng. Vô tướng tức ly tướng” (Vô tướng là lìa hết thảy các tướng hư vọng. Vô tướng chính là lìa tướng).

Mấy câu này, nói thật ra, cụ Hoàng đã giảng rất rõ ràng, chúng ta phải chú tâm đọc. Kinh dạy: *“Thật Tướng vô tướng”*. Vô tướng là gì? Vô tướng là lìa hết thảy các tướng hư vọng. Do vậy, vô tướng và ly tướng có cùng một ý nghĩa. Ly tướng là vô tướng. Hết thảy các tướng hư vọng là gì? Kinh Phật đã vô số lần dạy chúng ta: *“Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”*. Vì sao? Do hết thảy các hiện tượng đều là pháp sinh bởi nhân duyên. *Trung Luận* nói rất hay: *“Nhân duyên sở sinh pháp, ngã thuyết tức thị không”* (Pháp sinh bởi nhân duyên, ta nói nó là Không). “Ngã” ở đây là đức Phật nói, trích dẫn lời Phật dạy. “Ly” là lìa như thế nào? Lìa chấp trước, chẳng chấp trước sẽ lìa.

Chấp trước là chẳng lìa! Chớ nên chấp trước chúng (hết thảy các tướng), đừng nên phân biệt chúng. Đối với hết thảy các hiện tượng, chớ nên khởi tâm động niệm, quý vị sẽ lìa toàn bộ. Vì thế, không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, người ấy thành Phật. Vì sao? Đã lìa sạch!

Tướng có tồn tại hay chẳng? Tướng tồn tại. Tướng là huyễn tướng. Tướng là pháp sinh diệt. Thật Tướng là chẳng sinh, chẳng diệt. Thật Tướng là nói theo Thể, còn tướng hư

huyền là nói theo hiện tượng (tượng được biến hiện), lớn thì như hư không, pháp giới; trọn khắp pháp giới hư không giới đều là một huyền tượng.

Chúng ta đã học *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán*, quý vị cũng rất dễ hiểu những điều này. Chân là gì? Chân là Thể, nhất thể. Thể là một. Tự tính thanh tịnh viên minh thể, đó là Chân. Vì sao là Chân? Huệ Năng Đại sư lúc khai ngộ đã nói rất hay: Thể ấy “*Vốn tự thanh tịnh*”, chưa hề bị ô nhiễm; nay có bị ô nhiễm hay không? Chẳng bị ô nhiễm, vĩnh viễn chẳng ô nhiễm, chẳng sinh, chẳng diệt. “*Vốn tự trọn đủ*”. Câu này rất trọng yếu, trong Tịnh Tông gọi tự tính thanh tịnh viên minh thể là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Trong ấy, không có hiện tượng vật chất, mà cũng không có hiện tượng tinh thần, nhưng chẳng thể nói nó là không. Vì sao? Vốn tự đầy đủ, thứ gì nó cũng chẳng thiếu, nhưng nó chẳng hiện tiền.

Câu nói thứ tư của Huệ Năng Đại sư là: “*Vốn chẳng lay động*”; nói cách khác, nó là định. Sáng hôm qua, đài truyền hình đến phỏng vấn tôi, họ có nói một câu: “Con người hiện thời thường nói ‘nhân định thắng thiên’, phải khai thác, phát triển thiên nhiên”. Nhân định thắng thiên, nói không sai, nhưng hiểu sai ý nghĩa rồi! Nhân định thắng thiên, nên giảng như thế nào?

Chính là câu thứ tư của Huệ Năng Đại sư: “*Nào ngờ tự tính, vốn chẳng lay động*”. Đó là tự tính vốn định. Nếu quý vị chứng đắc điều ấy, sẽ “thắng thiên”. Thật đấy, chẳng giả tí

nào! Chứ chẳng phải là nói con người chúng ta thông minh, trí tuệ thì khoa học, kỹ thuật nhất định sẽ có thể chiến thắng thiên nhiên. Đừng nói thiên nhiên, ngay cả địa cầu còn chưa chiến thắng được! Địa cầu vừa chấn động đã chịu không nổi, làm sao quý vị có thể thắng nó? Một đại đô thị có mấy ngàn vạn người sống trong ấy, một trận động đất lớn là xong. Mọi người đều biết chuyện này! Chưa thắng được trời! Nhưng tự tính vốn định, nếu quý vị chứng đắc thì sẽ có thể thắng.

Câu cuối cùng: *“Nào ngò tự tính, có thể sinh ra vạn pháp”*. Câu *“Có thể sinh ra vạn pháp”* và câu *“Vốn tự trọn đủ”* trong phần trước là hai mặt thuận và nghịch. *“Vốn tự trọn đủ”* là ẩn, Phật pháp gọi đó là ẩn; *“Có thể sinh ra vạn pháp”* là hiển, tức hiện hành. Tự tính thanh tịnh viên minh thể, giống như cái TV nay đang ở trước mặt chúng ta. Thể là gì? Thể là màn hình TV, cái gì cũng đều không có. Nó cái gì cũng đều không có, nhưng quý vị chẳng thể nói nó là không. Vì sao? Nhấn nút một cái, hình ảnh sẽ xuất hiện. Hình ảnh xuất hiện, chẳng thể nói là nó có.

Quý vị biết chân và vọng, màn hình là chân, hình ảnh là vọng. Chân và vọng là nhất thể. Vọng há có thể rời khỏi chân ư? Chẳng có cách gì rời khỏi. Rời khỏi màn hình, các hình ảnh sẽ chẳng thể hiện ra được! Có chân nào chẳng ở trong vọng? Trong màn hình này, mỗi tắc vuông đều có hình ảnh, nhưng chân là chân, vọng là vọng, chân chẳng phải là vọng, vọng chẳng phải là chân. Đúng hay không? Nói cách khác, chân là vọng, vọng là chân, chân và vọng là một, chẳng hai.

Đúng hay không? Cũng đúng! Quý vị hiểu rõ điều này! Do vậy, đức Phật đã nói: “*Thật Tướng ly tướng*”. Thật Tướng ly tướng tức là Thật Tướng vô tướng. Thật Tướng vô bất tướng, chúng là cùng một chuyện.

Do vậy, xem TV mà biết xem, thì sẽ là cảnh giới *Hoa Nghiêm*! Khi biết xem, có thể ngộ nhập tự tính thanh tịnh viên minh thể, đấy là thành Phật, nhưng vấn đề là quý vị có hiểu hay không! Vì sao chúng ta không hiểu? Do lúc quý vị đang xem, bèn khởi tâm động niệm, có phân biệt, có chấp trước, cho nên quý vị chấp tướng. Do quý vị chấp tướng, nên chẳng phải là ly tướng, mà là chấp tướng. Chấp tướng là lục đạo phàm phu. Trong Phật pháp nói “ly tướng là A La Hán”, chẳng phải là phàm phu! Người đạt được ly tướng sẽ chẳng còn chấp trước hết thấy các hiện tượng; tâm bình đẳng, sẽ vượt thoát lục đạo luân hồi, chứng quả A La Hán. Chẳng phân biệt, quý vị là Bồ tát. Không khởi tâm, không động niệm, quý vị sẽ thành Phật. Ở đây, điều trọng yếu nhất là dạy chúng ta: Sau khi liễu giải chân tướng sự thật, đừng chấp trước nữa, phải thực hiện từ chỗ này!

Lục đạo xuất hiện như thế nào? Có thể sinh vạn pháp, lục đạo từ đâu mà có? Lục đạo từ chấp trước mà có. Tứ thánh pháp giới do đâu mà có? Phía trên của mười pháp giới là tứ thánh pháp giới, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật, do đâu mà có? Từ phân biệt mà có. Thật sự chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, thì mười pháp giới cũng không có, mười pháp giới bèn ẩn, chẳng hiển lộ nữa! Nhưng tập khí vô minh

từ vô thử chưa đoạn, chẳng có cách nào buông tập khí xuống. Do còn chưa buông xuống, cho nên còn có một cội Thật Báo Trang Nghiêm. Cội Thật Báo Trang Nghiêm do đâu mà có? Bốn mươi một phẩm tập khí vô minh. Tập khí trong ấy có dày hay mỏng khác nhau; vì thế, đức Phật chia thành 41 đẳng cấp.

Tuy có 41 đẳng cấp, nhưng chẳng trở ngại quý vị lắm may! Vì sao? Quý vị đã không khởi tâm, không động niệm, chẳng cần phải quan tâm tới cái vô minh ấy, lâu ngày, nó sẽ tự nhiên chẳng còn nữa! Phải mất thời gian bao lâu? Kinh nói là ba A tăng kỳ kiếp, [tập khí phiền não] sẽ tự nhiên chẳng còn nữa. Sau khi không còn, đó là cội Thật Báo Trang Nghiêm viên mãn hiện tiền, trở về tự tính, chứng đắc Phật quả rất ráo. Chuyện là như vậy đó! Nói chung, phải hiểu rõ, minh bạch. Sau khi minh bạch, quý vị mới chịu buông xuống. Nguyên nhân khiến không chịu buông xuống là do chưa hiểu rõ chân tướng sự thật, nên mới có phân biệt, chấp trước. Đây là một chướng ngại rất lớn.

Nếu chẳng thật sự buông xuống, cả đời này, quý vị sẽ làm gì? Phật học, chẳng phải là học Phật. Người Phật học rất nhiều, người thật sự học Phật chẳng mấy! Học Phật là gì? Học Phật là buông xuống. Lúc tôi mới học, Chương Gia Đại sư dạy tôi: *“Thấy thấu suốt, buông xuống”*. Bắt đầu làm từ đâu? Thực hiện từ buông xuống. Quý vị có buông xuống được, thì mới thật sự có thể thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt lại giúp quý vị buông xuống một tầng nữa. Từ Sơ Phát Tâm đến

địa vị Như Lai là “thấy thấu suốt bèn buông xuống. Buông xuống bèn thấy thấu suốt”. Hai phương pháp này giúp đỡ lẫn nhau thành tựu từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai.

Đến cuối cùng, buông luôn tập khí vô minh xuống, quý vị bèn thành Phật. Đó gọi là học Phật. Nếu chẳng phải dùng phương pháp thấy thấu suốt và buông xuống này, quý vị là Phật học. Phật học và học Phật là hai chuyện khác hẳn nhau! Phật học chẳng thể liễu sinh tử, không thể thoát khỏi tam giới; ngay cả niệm Phật vãng sinh vẫn phải buông xuống. Hễ có mảy may lưu luyến thế giới này, sẽ không bỏ xuống được, chẳng thể vãng sinh! Chẳng có thứ gì trên thế gian này có thể mang qua thế giới Cực Lạc được! Do vậy, thật sự cầu vãng sinh, thì hết thấy mọi thứ ở nơi đây, thường nói là “thân, tâm, thế giới hết thấy đều buông xuống”, thì mới có thể ra đi được!

Khó buông xuống nhất là thân tình. Thứ này khó lắm! Phải thật sự thực hiện, thật sự mong liễu sinh tử. Thoát tam giới trong một đời này, thì phải bắt đầu từ đâu? Trước hết, phải nhặt bớt thân tình. “Nhặt bớt” chẳng phải là bất hiếu với cha mẹ! Nếu bất hiếu, thì quý vị đã phạm lỗi mất rồi! Quý vị phải thật sự thực hiện *Đệ Tử Quy*, *Cảm Ứng Thiên*, *Thập Thiện Nghiệp*. Tuy thi hành, nhưng lại chẳng chấp trước. Tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần.

Bên ngoài, thực hiện vô cùng chu đáo. Đó là gì? Bên ngoài thực hiện vô cùng chu đáo nhằm phổ độ chúng sinh, nêu

gương tốt nhất cho người thế gian. Bên trong thì thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Đây là nâng cao tính linh của chính quý vị, mỗi ngày đều tương ứng với thế giới Cực Lạc, tương ứng với Phật A Di Đà.

Quý vị thấy pháp xuất thế gian và pháp thế gian có cùng một Thể. Ta xử sự đãi người tiếp vật, sinh sống, làm lụng chẳng khác gì kẻ khác, nhưng đối với người thế gian mà nói, thì khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, hoàn toàn tùy thuận Pháp Tính. Điều này trọng yếu! Luân lý, đạo đức đều do Tính đức tự nhiên lưu lộ. Nếu quý vị chấp tướng, chấp tướng sẽ phải tu thiện. Đoạn ác, tu thiện! Chẳng chấp tướng sẽ thành Phật, thành Bồ tát. Tuy chẳng chấp tướng, nhưng trọn chẳng lìa tướng.

Mọi người mỗi ngày đều xem TV, hãy nghĩ tới tỷ dụ của tôi. Đối với màn huỳnh quang và sắc tướng hiện trong ấy, quý vị thường nghĩ đến điều ấy, chúng có lìa hay không? Chẳng lìa, chẳng tức. Màn hình là thật, vĩnh viễn chẳng đổi, nhưng tướng cảnh giới trong ấy, tức là tướng được hiện ra sẽ biến đổi trong từng sát na, chẳng ngưng dứt. Tốc độ biến đổi nhanh như thế nào? Mọi người đều có kiến thức thông thường này, chúng ta hình dung nó biến đổi trong từng sát na, chẳng phải là từng giây một! Nó biến hóa trong từng một phần trăm giây, một phần ngàn giây, một phần vạn giây.

Nhưng vũ trụ là tướng được hiện giống như hình ảnh hiện ra trên màn hình, tốc độ nhanh như thế nào? Bồ tát

Di Lặc cho chúng ta biết trong một giây biến hóa bao nhiêu lần? Một tỷ hai trăm tám mươi triệu lần. Nguyên văn trong kinh điển là: *Trong một cái khảy ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm.*

Trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân với mười vạn là ba trăm hai mươi triệu, trong một khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu. Chúng ta khảy ngón tay, thì trong một giây có thể khảy bốn lần, tôi tin có người còn khảy ngón tay nhanh hơn tôi. Khảy tới năm lần, sẽ là một tỷ sáu trăm triệu, trong một giây, chứ không phải là một phần vạn hay một phần mười vạn giây. Chẳng phải như thế! Biến hóa ở trong ấy, cứ một niệm là một tướng được hiện; niệm trước vừa diệt, niệm sau lại sinh.

Do vậy, chúng ta thấy những hiện tượng này, sự thật là gì? Là “tương tự tương tục tương” (tương gần như liên tục). Chúng chẳng phải là thật sự liên tục, mà là tương tự liên tục. Chúng biến hóa, nghe theo ai chỉ huy? Trong kinh, đức Phật đã dạy: *“Hết thấy các pháp sinh từ tâm tưởng”*. Tâm tưởng chỉ huy chúng (các hiện tượng ấy). Tâm tưởng thiện, thì các tướng được hiện sẽ là lành. Tâm tưởng ác, tướng được hiện là ác. Hết thấy các pháp sinh từ tâm tưởng! Chúng ta mong bản thân tướng mạo đẹp đẽ, thân thể khỏe mạnh, quý vị nghĩ đến điều lành cho nhiều bèn đạt được! Bởi lẽ, tâm thái quyết định tướng mạo và sức khỏe của chúng ta. Tâm thái, chứ chẳng phải thứ gì khác!

Hoàn cảnh sống của chúng ta tốt hay xấu cũng tùy thuộc vào tâm thái. Nếu mỗi cá nhân trong các cư dân trên địa cầu đều nghĩ tới Thập Thiện Nghiệp Đạo, địa cầu này sẽ chẳng khác gì thế giới Cực Lạc. Vì sao? Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói vì sao thế giới Tây Phương Cực Lạc tốt đẹp như vậy? Toàn là những người thượng thiện nhóm họp một chỗ. Cư dân bên đó nghĩ tưởng những điều thượng thiện, nói những lời thượng thiện, làm những chuyện thượng thiện. Nguyên nhân là như vậy đó!

Hiện thời, địa cầu của chúng ta rắc rối quá. Hiện nay, chẳng nói đến tai nạn cũng không được. Tai nạn nhiều quá! Hôm qua, Đài Truyền hình Phụng Hoàng phỏng vấn tôi với chủ đề là “Tai nạn”, trước nay chưa hề thảo luận vấn đề này. Tôi cũng bảo họ, năm nay trong cuộc phỏng vấn 5 tôn giáo tại Úc. Trong quá khứ, khi gặp gỡ giữa các tôn giáo, chúng tôi cũng chưa hề bàn đến tai nạn. Khi tham dự phỏng vấn lần này, mọi người lấy tai nạn làm chủ đề hội thảo, có thể thấy rất nhiều người đã khá coi trọng vấn đề này. Tai nạn do đâu xảy ra?

Đức Phật đã dạy: Trước hết là do cái tâm của quý vị. Tâm quý vị xấu xa, trong tâm có tham, sân, si, mạn, nghi, chúng được gọi là Năm Độc. Quý vị thấy trong tâm của chính mình có năm độc. Cảnh giới vừa hiện tiền, nhất định sẽ khiến quý vị phản ứng. Từ năm độc nảy sinh phản ứng gì? Oán hận, áo não, giận dữ, phiền muộn, thôi rồi, thân thể quý vị sẽ đổ bệnh, ngã bệnh. Quý vị bệnh là do vậy. Chúng ta thường gọi chất độc bên trong là “ba độc phiền não”, tức là tham, sân,

si, còn thêm vào hai thứ nữa, thành tham, sân, si, mạn, nghi-năm độc.

Năm thứ này kết hợp với năm duyên “oán, hận, não, nộ, phiền”, tế bào của chúng ta lập tức biến thành tế bào bị bệnh. Nó biến hóa, thay đổi, đó là nguyên nhân khiến quý vị nhiễm bệnh. Phải như thế nào mới không bị bệnh? Đức Phật đã dạy chúng ta một câu, quý vị thật sự ghi nhớ, thật sự thực hiện, thì bách bệnh chẳng sinh. Đức Phật dạy quý vị điều gì vậy? *“Siêng tu Giới, Định, Tuệ. Dứt diệt tham, sân, si”*. Hóa giải virus gây bệnh từ trong tâm mình, sẽ vĩnh viễn chẳng sinh bệnh. Bởi lẽ, tâm thái quyết định hết thảy. Đạo lý này tương thông với y học cổ truyền.

Y học cổ truyền bảo: Chữa bệnh, thì tác dụng trị liệu của thuốc men tối đa chỉ chiếm ba phần, bảy phần là tâm thái. Hễ tâm thái chuyển biến, có lúc căn bản là không cần tới thuốc thang, tự nhiên lành bệnh. Điều này chẳng có gì hiếm lạ, mà có căn cứ lý luận, ai nấy đều làm được. Vì thế, tâm con người phải tốt đẹp!

Cổ nhân dạy con người, tôi nghĩ cổ nhân đều là chư Phật, Bồ tát tái lai, chẳng phải là phàm nhân. Thuở tôi còn trẻ, học Phật, thỉnh ý thầy Lý như thế. Thầy đáp: “Nói theo Lý thì hợp lẽ, nhưng trên mặt Sự chẳng có chứng cứ”.

Cụ nói hay quá! Các Ngài lại chẳng bộc lộ thân phận, chẳng nói mình là Bồ tát nào tái lai. Chẳng hề nói! Nói theo Lý thì thông suốt, vì trong giáo pháp Đại thừa thường nói

“Nên dùng thân gì để độ được, bèn hiện thân ấy”. Chúng ta phải hiểu điều này! Thật sự hiểu rõ, minh bạch, quý vị sẽ thật sự làm, đoạn hết thấy ác, buông hết thấy ác xuống, tu hết thấy thiện. Tu hết thấy thiện, đừng chấp tướng. Chẳng chấp tướng, thì sẽ khai ngộ, sẽ kiến tính, sẽ đắc định, đắc tam muội, sẽ khai ngộ, sẽ chứng quả. Chấp tướng thì sao? Chấp tướng, thì là thiện pháp nhân thiên, quả báo ở trong nhân thiên, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi.

Đoạn ác nhưng chẳng chấp vào tướng đoạn ác; tu thiện nhưng chẳng chấp tướng tu thiện; ly tướng, là hết thấy các tướng hư vọng, làm như vậy là đúng. Đó là thật sự học Phật. Chúng ta lại xem câu kế tiếp: *“Hư Thật Tướng vô bất tướng, phi ngoan không dữ đoạn diệt”* (Lại nữa, Thật Tướng chẳng phải là không có tướng, chẳng phải là hư không trơ trơ và đoạn diệt). Chúng ta vẫn lấy màn hình TV làm tỷ dụ. Thật Tướng là gì? Thật Tướng giống như màn hình TV. Đó là Thật Tướng. Thật Tướng vô bất tướng, “vô bất tướng” là có tướng. Đúng vậy!

Ta vừa mở máy liền có tướng, chẳng phải là vô tướng, mà là có tướng; tuy có tướng, nó vẫn là Thật Tướng. Tôi vừa mới nói rất rõ ràng, Thật Tướng và vọng tướng dung hợp lại, tuy là hai chuyện, nhưng chẳng thể phân biệt! Quý vị chẳng thể phân biệt cái nào là vọng tướng, cái nào là Thật Tướng, không thể phân biệt! Vọng tướng là Thật Tướng, Thật Tướng là vọng tướng; nhưng Thật Tướng và vọng tướng đúng là khác nhau.

Chúng ở cùng một chỗ, vĩnh viễn chẳng tách rời, cũng có thể nói là tất cả hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần trong khắp pháp giới hư không giới đều do Thật Tướng biến hiện. Toàn là tự tính. Chân Như tự tính ở đâu? Không có một pháp nào chẳng phải là Chân Như tự tính. Ta lấy cái này, nó có phải là Chân Như tự tính hay không? Phải! Lẽ nào chẳng phải? Thứ nào cũng đều phải, bởi bản thể của chúng là Chân Như tự tính.

Tùy tiện lấy một pháp nào, cũng đều là Chân Như tự tính. Người kiến tính và kẻ chưa kiến tính có gì khác nhau? Khác nhau ở chỗ kẻ chưa kiến tính chấp trước, phân biệt; người kiến tính chẳng chấp trước, chẳng phân biệt. Kẻ chưa kiến tính, tâm lượng rất nhỏ, thứ gì cũng đều so đo. Người kiến tính, tâm lượng to như hư không pháp giới, tâm bao thái hư, lượng trọn khắp các cõi nước nhiều như cát, người ấy chẳng so đo, chẳng chấp trước. Khác hẳn! Người kiến tính pháp hỷ sung mãn, sung sướng; kẻ chưa kiến tính phiền não trùng trùng, cuộc sống rất khổ, làm sao giống nhau cho được? Người kiến tính thấy thấu suốt, người chưa kiến tính chẳng thấy thấu suốt.

Do vậy, Thật Tướng chẳng phải là ngoan không. Ngoan không là gì? Là nói tới hư không, cái gì cũng đều không có. Mạn hình này chẳng phải là cái gì cũng đều không có. Nó có. Mở máy lên sẽ có thể hiện tướng. Cũng không phải là đoạn diệt. Đoạn diệt là gì? Là trừ bỏ tướng này, đó là đoạn diệt!

Có thể đoạn diệt hay không? Chẳng đoạn diệt được! Chẳng trừ khử được!

Do vậy, “*Phi như quy mao, thố giác*” (Chẳng giống như lông rùa, sừng thỏ). Rùa không có lông, thỏ chẳng có sừng. Đó là gì? Đây là một tỷ dụ về ngoan không, đoạn diệt. Thật Tướng có ý nghĩa khác hẳn những thứ này. “*Nhất thiết hư vô*” (Hết thấy hư vô). Nó chẳng phải là hết thấy đều hư vô, mà là thật sự có. “Thật sự có” là có tướng, nhưng tướng ấy chắc chắn là giả tướng, chẳng thật! Đây là từ một Thể phát khởi hai tác dụng. Hai tác dụng bèn hiện tướng, đó là giả tướng. Hai tác dụng, thì thứ nhất là Y báo, tức là vũ trụ, trọn khắp pháp giới hư không giới.

Chúng ta đọc phẩm *Hoa Tạng Thế Giới* và *Thế Giới Thành Tựu* của kinh *Hoa Nghiêm*, quý vị thấy những điều được giảng trong hai phẩm ấy chính là vũ trụ quan của Đại thừa Phật pháp, giảng cặn kẽ hơn triết học hiện tại. Vũ trụ quan theo cách diễn giải của các khoa học gia và triết gia hiện thời đều thua kém thế giới Hoa Tạng quá xa! Vũ trụ quan theo kinh *Hoa Nghiêm* là trùng trùng vô tận. Khoa học lẫn triết học vẫn chưa nói tới điều này. Những điều kinh Phật giảng là sự thật ư? Thật đấy, chẳng sai chạy chút nào!

Trong vi trần có thế giới. Thế giới ấy giống hệt như vũ trụ của chúng ta, chẳng sai khác! Trong vi trần có thế giới, trong thế giới đó lại có vi trần, trong vi trần lại có thế giới, trùng trùng vô tận! Do vậy, nói: “*Kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội*”

(Cái lớn không ra ngoài, cái nhỏ không ở trong). Thật đấy! Vì tự tính là viên mãn, không có lớn nhỏ, chẳng có trước sau. Không có trước sau là không có thời gian; không có lớn nhỏ là chẳng có không gian. Thời gian và không gian cũng chẳng tồn tại, đấy là thuộc về Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang ở đâu? Trộn khắp hết thấy các nơi, không lúc nào, không chỗ nào nó chẳng tồn tại. Vì nó có thể biến, tức là có thể sinh, có thể biến (năng sinh, năng biến); vũ trụ vạn vật là sở sinh sở biến (cái được sinh ra, cái được biến ra). Năng và Sở là một, chẳng hai!

Vì thế, xưa kia tiên sinh Âu Dương Cánh Vô đã nói: *“Phật pháp chẳng phải là triết học”*. Ông ta nói cũng rất có lý. Vì sao? Trong triết học có Năng và Sở (chủ thể và khách thể), tuy Phật pháp nói đến Năng và Sở, nhưng Năng và Sở là một, chẳng hai. Năng Sở bất nhị. Trong triết học chẳng có cách nói này! Do vậy, ông ta nói: *“Phật pháp chẳng phải là triết học, cũng chẳng phải là tôn giáo, mà là thứ cần thiết cho đời hiện tại”*. Thế giới hiện thời chẳng thể thiếu Phật giáo. Quả thật, Phật giáo có thể giúp chúng ta giải quyết vấn đề xã hội, dùng Đại thừa Phật pháp để giải quyết vấn đề xã hội hiện thời. Do hiện thời xã hội loạn lạc, trên địa cầu tai nạn rất nhiều, thật sự dùng Đại thừa Phật pháp, dùng kinh *Vô Lượng Thọ*, dùng kinh *Hoa Nghiêm* để giải quyết vấn đề hiện tại. Cần bao lâu?

Chưa đầy một năm, xã hội an định, tai nạn chẳng còn nữa! Quý vị không tin, thì chẳng có cách nào hết! Cổ nhân có nói một câu: *“Bất thính lão nhân ngôn, ngật khuy tại nhĩn tiền”*

(Chẳng nghe lời người già, bị thua thiệt ngay trước mắt). Quý vị phải hứng chịu những sự hỗn loạn trước mắt. Tất cả những tai biến trên địa cầu, quý vị cũng phải hứng chịu, vì quý vị không nghe lời người già. Người già là ai vậy? Phật Thích Ca Mâu Ni là người già, Khổng Tử, Mạnh Tử là người già, Gia Tô (Jesus), Mục Hãn Mặc Đức (Mohamed) đều là người già. Quý vị chẳng nghe lời các vị ấy, sẽ chịu thiệt thòi to lớn.

Tiếp đó, Hoàng lão cư sĩ dẫn một câu trong kinh *Kim Cương* để nói: “*Kim Cương kinh vân: - Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai*” (Kinh *Kim Cương* nói: “Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng thì chính là thấy Như Lai”).

Như Lai là tự tính viên minh thể, quý vị có thể thấy “*chư tướng phi tướng*” sẽ kiến tính. “*Tức kiến Như Lai*” là “minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật”. Quý vị có thể thấy “*chư tướng phi tướng*”, thì hết thấy các hiện tượng là gì? Tôi vừa mới nói, chúng sinh diệt trong từng sát na, là tương tự tương tục tướng, không có gì là thật, kể cả thân thể của chúng ta, vậy thì quý vị có còn chấp trước nữa chẳng? Quý vị có còn dấy lên ý niệm muốn khống chế, muốn chiếm hữu hay chẳng?

Vì sao sẽ không khởi lên những ý niệm này? Vì chúng là Không. “*Đương thể tức không, liễu bất khả đắc*” (Bản thể

là không, trọn chẳng thể được). Thuở trẻ, tôi có xem bộ kinh *Đại Bát Nhã* 600 quyển một lần. Tôi tổng kết được 12 từ, những điều do Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng trong 22 năm là gì? Ngài dạy chúng ta: “*Nhất thiết pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*” (Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được). Quý vị thật sự hiểu nghĩa câu này không chỉ chẳng khởi lên ý niệm không chế, chiếm hữu hết thấy cảnh giới bên ngoài, mà đối với thân tâm của chính mình cũng chẳng có ý niệm ấy. Thân, tâm, thế giới đều là huyễn tướng, đều là phi tướng. Vạn pháp đều là Không. Thừa quý vị, nói đến cuối cùng, thật sự minh tâm kiến tính, thì nhân quả cũng là Không.

Nhưng trong Phật pháp nói: “*Vạn pháp giai không, nhân quả bất không*” (Vạn pháp đều là không, nhân quả chẳng không) là nói với ai? Nói với kẻ chưa kiến tính. Chỉ cần quý vị chưa kiến tính, sẽ có nhân, có quả; kiến tính rồi bèn không có. Kiến tính là gì? Kiến tính là quý vị đã thấy Như Lai. “Thấy Như Lai” là gì? Quý vị thành Như Lai! Cũng là như trong *Hoa Nghiêm* thường giảng, những gì có nhân quả? Mười pháp giới chẳng là nhân quả. Phật trong mười pháp giới vẫn chẳng là nhân quả. Vì sao?

Ngài chưa thể chuyển thức thành trí. Khi nào Ngài tiến cao hơn, chuyển 8 thức thành 4 trí, sẽ chẳng còn nhân quả. Thật ra, chúng ta nói tới nhân quả báo ứng, thì chỉ thuộc trong mười pháp giới. Phật pháp giới trong mười pháp giới hễ tiến cao hơn sẽ chẳng còn nhân quả nữa! Tiến cao hơn

chính là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Nếu chúng ta hỏi: Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm còn có nhân quả hay không? Có! Vì sao mà có?

Do tập khí vô minh từ vô thủy chưa đoạn, cho nên người trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm có nhân quả. Họ còn có 41 phẩm tập khí vô minh! Vô minh đã đoạn rồi, vì nếu chưa đoạn vô minh, sẽ không thoát khỏi mười pháp giới. Do vô minh đã đoạn, mười pháp giới chẳng còn nữa, nhưng tập khí vô minh vẫn còn. Do vậy, còn có cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Sau khi đoạn được tập khí, cõi Thật Báo chẳng còn, hoàn toàn trở về tự tính. Trở về tự tính, thì nhân quả chẳng còn nữa, thật sự chẳng có!

Do vậy, chúng ta hiểu vạn vật: Đối với cái có thể sinh ra vạn vật, thì cái nhân có thể sinh vạn vật chính là “một niệm bất giác”. Đó là nhân. Ý niệm ấy dấy lên, dao động vô cùng vi tế, chúng ta chẳng có cách gì nhận biết được! Không riêng mình, chúng ta chẳng có cách nào nhận biết, mà kinh còn nói: Thất Địa Bồ tát cũng chẳng cảm nhận được, từ Bát Địa trở lên mới có thể cảm nhận. Bậc Bát Địa trong Viên Giáo nhận biết. Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, 5 địa vị này đều biết.

Do vậy, một niệm bất giác ấy gọi là vô thủy vô minh. Hai từ “vô thủy” hay lắm. Vô thủy nghĩa là gì? Vô minh cũng chẳng thật. Do vậy, quý vị chớ nên nghĩ cõi Thật Báo Trang Nghiêm là thật. Chẳng có chuyện này! Cõi Thật Báo Trang Nghiêm cũng

chẳng thật! “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Đức Phật chẳng nói cỡi Thật Báo Trang Nghiêm là ngoại lệ. Ngài chẳng nói như vậy!

Vì thế, ngay cả cỡi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai cũng là hư vọng; bất quá, trong ấy chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, mà cũng chẳng có khởi tâm động niệm. Đúng là lợi hại! Các Ngài có năng lực cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sinh trong mười pháp giới. Đừng tưởng chúng ta khởi tâm, động niệm chẳng ai biết! Nếu nghĩ như vậy, quý vị đã lầm lẫn quá rồi! Quý vị nhìn vào duyên khởi của vũ trụ và tác dụng của nó: Một niệm dấy lên, trong tự tính liền biến hiện A Lại Da. A Lại Da là vọng tâm. Vọng từ chân khởi, nó chẳng phải là chân, nhưng nó nương vào chân để khởi lên, giống như những hình ảnh trong cái màn hình. Màn hình không có hình ảnh, nhưng hình ảnh nương vào màn hình để hiển hiện. Không có màn hình, chúng chẳng hiện ra được. Nó là tướng được biến hiện do nương vào tự tính. Đây là Y báo. Chính báo là chính mình. Chính mình và cảnh giới khởi lên cùng lúc, đó gọi là ba tế tướng của A Lại Da. Ba tế tướng hoàn thành trong một niệm.

Nói như các nhà khoa học hiện thời, Nghiệp Tướng là năng lượng. Năng lượng có thể biến thành tinh thần, mà cũng có thể biến thành vật chất. Biến thành tinh thần là thức thứ bảy. Biến thành vật chất, thì là Tướng Phần.

Chúng ta nói Kiến Phần và Tướng Phần cho dễ hiểu, thì Kiến Phần là tinh thần, Tướng Phần là vật chất; nó cũng là Cảnh Giới Tướng. Tinh thần là Chuyển Tướng và Kiến Tướng, nó thật sự chuyển biến. Cái vốn có trong tự tính là kiến, văn, giác, tri (thấy, nghe, hay, biết). Những điều này vốn sẵn có. *“Nào ngờ tự tính vốn tự trọn đủ”*, nó có kiến, văn, giác, tri. Trong A Lại Da, kiến, văn, giác, tri biến thành Thọ, Tướng, Hành, Thức. Do đâu mà có Thọ, Tướng, Hành, Thức? Từ kiến, văn, giác, tri biến hiện ra. Nếu quý vị đã chuyển thức thành trí, Thọ, Tướng, Hành, Thức chẳng còn nữa, chúng lại hồi phục thành kiến, văn, giác, tri.

Thường Tịch Quang có khởi tác dụng hay chẳng? Khởi tác dụng. Vì sao? Nó có kiến, văn, giác, tri. Do vậy, Thường Tịch Quang cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sinh. Chúng sinh cầu Phật, Thường Tịch Quang sẽ thật sự khởi cảm ứng. Kinh dạy có bốn loại cảm ứng. Trong khi giảng kinh *Hoa Nghiêm*, chúng tôi đã giảng rất rõ ràng: *Hiển cảm hiển ứng* (Cảm lẫn ứng đều rõ rệt), *Hiển cảm minh ứng* (Cảm rõ rệt, ứng ngấm ngầm), *Minh cảm hiển ứng* (Cảm ngấm ngầm, ứng rõ rệt), và *Minh cảm minh ứng* (Cảm lẫn ứng đều ngấm ngầm). Bốn loại!

Thật sự có cảm ứng, nhưng chúng ta vô tâm sơ ý, chẳng cảm nhận được. Niệm niệm đều có cảm ứng, do vậy, Phật chẳng hề rời khỏi chúng ta. Mười phương ba đời chư Phật chẳng hề rời khỏi. Phật là gì? Phật là tự tính. Nói đến sự cảm ứng đạo giao, tức là nói đến đức năng trong tự tính.

Hiền Thủ Quốc sư đã dựa theo kinh *Hoa Nghiêm* để soạn luận. Bài luận văn *Hoàn Nguyên Quán* là một tác phẩm dựa theo giáo nghĩa của kinh *Hoa Nghiêm* để viết. Quý vị thấy khi nó (tự tính) khởi tác dụng, bất luận là tinh thần hay vật chất, đều có tác dụng trọn khắp pháp giới. Tốc độ ấy vô cùng nhanh. Ý niệm vừa dấy lên đã trọn khắp pháp giới vô cùng nhanh, nhanh hơn ánh sáng, nhanh hơn dòng điện. Ánh sáng và điện chẳng thể trọn khắp pháp giới. Thua kém quá xa! Lẽ nào nó chẳng có cảm ứng?

Điều thứ hai trong sách *Hoàn Nguyên Quán* là nói: “*Xuất sinh vô tận*”. Xuất sinh là biến hóa, biến hóa vô cùng. Điều thứ ba là “*Hàm dung Không và Có*”. Nếu chúng ta hiểu được chân tướng sự thật này, mới biết: Ý niệm không chỉ là chủ thể của thân thể, tướng mạo, và sức khỏe của chúng ta, không chỉ chủ thể những thứ ấy, mà còn là chủ thể của địa cầu, núi, sông, đại địa, chủ thể trọn khắp pháp giới hư không giới, chủ thể các tinh hệ trong hư không khiến chúng vận hành theo đúng quỹ đạo và quy luật.

Vũ trụ do ai sáng tạo? Do ý niệm sáng tạo. Ý niệm lợi hại lắm. Nếu ý niệm hơi bất chính, quý vị sẽ gặp nhiều tai ương, lắm bệnh hoạn, lắm nỗi ưu sầu, nhiều nỗi lo toan, cuộc sống rất nhọc nhằn! Nếu ý niệm trở về chính đạo, sẽ là cuộc sống đúng mực trong cõi Thiên Nhân. Đúng là hạnh phúc viên mãn trong đường Thiên Nhân, nhưng chớ nên lưu luyến Nhân Thiên đạo. Lưu luyến Nhân Thiên đạo sẽ chẳng tránh khỏi tạo tội nghiệp. Tạo tội nghiệp, thì hễ biến hóa, sẽ lại

biến thành ngạ quỷ, địa ngục. Thấy đều do ý niệm của quý vị biến ra, chẳng có gì do bên ngoài đưa tới. Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm!

Cụ Hoàng nói câu ấy trong kinh *Kim Cương*: “*Ý vị tức tướng ly tướng, ly tận hư vọng chi tướng*” (Có nghĩa là: Từ ngay nơi tướng mà là tướng, là hết sạch các tướng hư vọng). Câu này nên giảng như thế nào? Là hết sạch các tướng hư vọng, mà cội rễ của tướng hư vọng là tam tế lục thô trong A Lại Da. Trừ bỏ tam tế lục thô, quý vị sẽ buông xuống các tướng hư vọng. Thấy đều buông xuống, chẳng còn phân biệt, chẳng còn chấp trước, thậm chí chẳng còn khởi tâm động niệm nữa. “*Tức kiến Thật Tướng*” (Liền thấy Thật Tướng), [tức là] quý vị sẽ thấy tự tính thanh tịnh viên minh thể.

Quý vị hãy nhớ: Chúng ta mắt thấy, tai nghe, sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, quý vị sẽ thấy tự tính thanh tịnh viên minh thể. “*Cố vân tức kiến Như Lai*” (Nên nói: Liền thấy Như Lai). Chúc mừng quý vị, quý vị đã viên mãn thành tựu rốt ráo, thành tựu Pháp Thân Như Lai.

“*Thử chỉ Pháp Thân Như Lai dã. Pháp Thân Như Lai ly nhất thiết tướng, cố vân Thật Tướng vô tướng*” (Đây là nói về Pháp Thân Như Lai. Pháp Thân Như Lai là hết thấy tướng, nên nói Thật Tướng vô tướng).

Vô tướng là thể tính, giống như tỷ dụ màn hình mà chúng tôi đã nêu: Màn hình là Thật Tướng, quả thật chẳng có hết

thấy các tướng. Hết thấy các huyễn tướng hiển hiện trong ấy, nhưng nó (màn hình) chẳng tiêm nhiễm mảy may, chẳng bị trở ngại mảy may!

Nói cách khác, về căn bản là những huyễn tướng ấy chẳng liên quan gì với nó! Phải hiểu ý nghĩa này: Chúng ta đã thành Phật. Ta đã thành Phật, nhưng còn có rất nhiều người còn chưa thành Phật. Mặt gương của ta Đại Viên Kính Trí trong sạch, những kẻ chưa thành Phật ấy hiển hiện tướng trong tâm ta, có nhiễm bẩn cái màn hình ấy hay chẳng? Chẳng nhiễm! Tuy ta thành Phật, nhưng những kẻ chưa thành Phật ấy chẳng hề nhiễm bẩn chúng ta mảy may nào! Cùng sống một chỗ như nhau, mà Phật, Bồ tát sung sướng; còn kẻ chưa thành Phật đang tạo nghiệp.

Phật, Bồ tát thì sao? Phật, Bồ tát giúp họ giác ngộ, giúp họ quay đầu để họ giống như chính mình. Vì thế, học Phật mà chẳng phát Bồ Đề tâm, chẳng phát tâm độ chúng sinh, sẽ chẳng thể thành! Vì sao quý vị chẳng phát tâm? Chẳng phát là vì quý vị chưa buông xuống. Chưa buông chính mình xuống, thì còn làm sao được nữa? Quý vị còn có cái Ta, còn chấp trước, còn có thành kiến, quý vị là phàm phu thật. Vì thế, chướng ngại do đâu mà có? Do chính mình mà có! Trừ chính mình ra, chướng ngại gì cũng không có. Hễ quý vị một niệm giác ngộ, chướng ngại chẳng còn nữa. Khi mê, chướng ngại trùng trùng.

“Đản phi vô Pháp Thân, cố vân Thật Tướng vô bất tướng”
(Nhưng chẳng phải là không có Pháp Thân, nên nói Thật

Tướng chẳng phải là không có tướng). Vô bất tướng là tác dụng của Thật Tướng. Nếu Ngài đến nhân gian độ các chúng sinh, có phải hiện tướng hay không? Phải hiện! Phải hiện thì là vô bất tướng (chẳng phải là không có tướng).

Phật Thích Ca Mâu Ni hiện tướng. Nếu Ngài chẳng hiện tướng sẽ chẳng thể giảng kinh, thuyết pháp, chẳng thể giúp đỡ chúng ta. Tuy Ngài hiện tướng, nhưng tướng được hiện là tướng giác ngộ, chẳng phải là tướng mê hoặc. Tướng mê hoặc tạo nghiệp, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác thấy đều tạo nghiệp. Tạo nghiệp gì vậy? Tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi. Tạo thiện nghiệp sinh trong ba thiện đạo, tạo ác nghiệp sinh trong ba ác đạo, quyết định không thoát khỏi lục đạo luân hồi.

Lúc thị hiện, Ngài chẳng tạo thiện mà cũng không tạo ác, chúng ta gán cho điều này cái tên là “tịnh nghiệp”. Do thanh tịnh, nên gọi là tịnh nghiệp. Do Ngài thị hiện tướng này, hằng ngày khởi tác dụng, nhưng chẳng dính dáng tới lục đạo. Không chỉ chẳng dính dáng tới lục đạo, mà mười pháp giới cũng chẳng liên can. Nếu Ngài chưa đoạn hết vô thủy vô minh, thì vẫn trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

Đoạn hết vô thủy vô minh tập khí, sẽ trụ trong cõi Thường Tịch Quang. Không sao cả! Vạn pháp là nhất thể, phải biết điều này. Vì sao có thể cảm ứng đạo giao cùng hết thấy chúng sinh? Phật độ kẻ hữu duyên. Nói theo nghĩa rộng, hết thấy chúng sinh và Phật là nhất thể, có chúng sinh nào chẳng có

duyên với Phật? Thấy đều có duyên. Nhất thể mà! Làm sao có thể chẳng có duyên cho được? Hết thấy Y báo và Chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do tự tính biến hiện, lẽ nào chúng chẳng có duyên với tự tính? Đâu có đạo lý ấy!

Phật độ kẻ hữu duyên. Đó là gì? Duyên chín muồi, chính là nói về điều này. Duyên chưa chín, Phật tới độ kẻ ấy, hẳn sẽ chẳng nghe, chẳng bằng lòng tiếp nhận. Đó gọi là “vô duyên”, chứ chẳng phải là thật sự vô duyên! Do vậy, khi chúng ta nghe câu này phải biết nghe, đừng nhụt chí! Nghe xong, kẻ ấy có thể tin, hiểu, thật sự hành. Đó là duyên đã chín muồi! Người như vậy chắc chắn đắc độ trong một đời này; Phật, Bồ tát giúp đỡ, dạy bảo, hướng dẫn kẻ ấy, kẻ ấy nhất định xuất ly tam giới, thoát ly lục đạo luân hồi. Đây là gì? Chúng sinh căn cơ chín muồi. Gặp pháp môn Tịnh Độ, kẻ ấy đời này thật sự niệm Phật vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, cũng là viên mãn đắc độ.

Loại kém hơn là những kẻ nghe xong cũng rất hiểu, nhưng ngũ dục lục trần trong thế gian này không bỏ xuống được, vẫn còn tham luyến, kẻ ấy đoạn ác tu thiện, đời sau hưởng phúc báo Nhân Thiên. Kẻ ấy cũng tin tưởng Phật pháp, nhưng duyên chưa chín muồi. Đối với những kẻ này, Phật, Bồ tát giúp họ tiến lên. Vì thế, gặp Phật, Bồ tát họ cũng được lợi lạc, chắc chắn không bị tổn thất gì. Đối với kẻ phiền não tập khí nặng nề, chướng duyên sâu đậm, Phật, Bồ tát

gieo chủng tử trong A Lại Da thức của kẻ ấy, khiến cho thấy sắc, nghe tiếng, tức là thấy hình tượng Phật, nghe âm thanh thuyết pháp của đức Phật. Một phen thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo, tạo thành chủng tử trong A Lại Da. Cơ hội này cũng chẳng nhiều. Trên cả thế giới bao nhiêu người suốt đời chẳng có duyên này, chẳng thấy tượng Phật, chẳng nghe âm thanh của Phật. Rất nhiều!

Phật chẳng lừa bỏ chúng sinh, nhưng chúng sinh chẳng muốn, mê man trong ngũ dục, lục trần, mê quá sâu, không quay đầu được. Tuy gặp gỡ những nhân duyên này, họ vẫn tránh né. Chúng ta biết họ vẫn phải chịu khổ trong lục đạo, còn có rất nhiều nỗi khổ họ phải gánh chịu. Chịu xong các nỗi khổ, khổ tận cam lai, chịu hết khổ rồi họ mới quay đầu, mới có ý niệm mong được siêu độ.

Câu kệ tiếp nói rất hay: *“Sinh diệt chi pháp, toàn thuộc hư vọng, dẫn sinh diệt chi trung, hữu cá bất sinh bất diệt đích”* (Pháp sinh diệt hoàn toàn thuộc về hư vọng, nhưng trong sinh diệt có cái chẳng sinh, chẳng diệt). Phải biết: Trong sinh diệt có cái chẳng sinh diệt. Cái “chẳng sinh diệt” là gì vậy? Là tự tính. Tự tính là như thế nào? Nó có hình dạng ư? Có! Kiến, văn, giác, tri (thấy, nghe, hay, biết). Trong hội Lăng Nghiêm, Phật Thích Ca Mâu Ni đã bảo vua Ba Tư Nặc: “Nhục thân này của bệ hạ là sinh diệt, nhưng trong nhục thân ấy có cái chẳng sinh diệt. Cái chẳng sinh chẳng diệt chính là cái Ngã thật sự”.

Vua hỏi: Nó ở đâu? Đức Phật dạy: “Tính Thấy”. Chư vị phải biết: Nhãn Thức có sinh diệt, tính Thấy chẳng sinh diệt. Đức Phật hỏi nhà vua: “Bệ hạ thấy nước sông Hằng lần đầu vào lúc mấy tuổi?”. Vua suy nghĩ: Lúc 3 tuổi, mẹ dẫn vua đến bên sông Hằng, biết con sông ấy tên là Hằng Hà, vua thấy nước sông Hằng. Sau đấy, đức Phật lại hỏi vua: “Lúc bệ hạ 10 tuổi, có cảm thấy thân thể già suy hơn lúc 3 tuổi hay chẳng?” “Đúng vậy!”. Lúc 20 tuổi thì sao? 20 tuổi lại già suy hơn 10 tuổi. Bị già suy thì là sinh diệt. Năm nay bệ hạ bao nhiêu tuổi? 62 tuổi!

Vua Ba Tư Nặc và Phật Thích Ca Mâu Ni cùng tuổi, 62 tuổi. Đức Phật nói: “Khi nhà vua 62 tuổi nhìn sông Hằng, thì cái thấy ấy có biến đổi hay không?”. Vua thưa: Thấy chẳng thay đổi! Đức Phật dạy: Chẳng biến thì là thật. Thân thể biến đổi, mỗi năm phải già đi, đó là giả, là sinh diệt. Do vậy, trong cái thân sinh diệt có tính chẳng sinh diệt. Tính Thấy chẳng sinh, chẳng diệt, tính Nghe chẳng sinh, chẳng diệt. Tuổi già mất hoa, đó là gì? Đó là công cụ có vấn đề, chẳng phải là tính Thấy có vấn đề.

Quý vị mang kiếng vào sẽ lại nhìn bình thường; do vậy, Nhãn Thức là sinh diệt. Điều này, chứng tỏ tính Thấy chẳng sinh diệt, tính Nghe chẳng sinh diệt. Nhãn Thức là gì? Sau khi quý vị thấy, bèn phân biệt, chấp trước. Đó là do thức thứ sáu, tức Ý Thức, và thức thứ bảy thao túng ở phía sau. Ý Thức, tức thức thứ sáu, phân biệt, thức thứ bảy chấp trước, chúng thao túng quý vị. Nhưng nói tới kiến, văn, giác, tri thì

chúng chẳng hề liên quan gì đến thức thứ sáu và thứ bảy. Do vậy, trong sinh diệt có cái chẳng sinh diệt. Chẳng sinh chẳng diệt gọi là Pháp Thân, hay Pháp Tính. Do vậy, phải quý trọng, nhờ cái thân giả này để tu những thứ chân thật. Đó gọi là “*tá giả tu chân*”. Giả là thân, tức căn thân có lục căn. Chân là gì? Chân là chân tính.

Giao Quang Đại sư giảng kinh *Lăng Nghiêm*, Ngài có bản chú giải mang tên *Chính Mạch*, viết rất hay! Do trước thời Ngài, Giao Quang Đại sư là người đời Minh, cùng thời đại với Liên Trì Đại sư. Trước thời Ngài, hễ giải thích kinh *Lăng Nghiêm*, quá nửa đều dùng thuyết *Tam Chỉ Tam Quán* của tông Thiên Thai nhằm giải thích Xa Ma Tha, Tam Ma và Thiền Na trong kinh *Lăng Nghiêm*. Giao Quang Đại sư đưa ra cách nhìn mới mẻ. Ngài nói trong kinh *Lăng Nghiêm* “*bỏ thức dùng căn*”, khác hẳn tông Thiên Thai. Vì sao? Thiên Thai chẳng là tâm ý thức, còn kinh *Lăng Nghiêm* là “*bỏ thức dùng căn*”, cho nên, cách giảng và tư tưởng chẳng giống với tông Thiên Thai. Vì thế, Ngài soạn một bản chú giải khác gọi là *Chính Mạch*.

Quý vị đọc lời tựa của bộ chú giải ấy, thấy có một đoạn nhân duyên: Ngài đã hết tuổi thọ, Phật A Di Đà đến tiếp dẫn Ngài. Ngài xin phép A Di Đà Phật: “Kinh *Lăng Nghiêm* chú giải chưa viên mãn, con phải soạn một bản chú giải mới”. Ngài xin Phật A Di Đà hãy chờ, chờ Sư chú giải hoàn tất sẽ lại đến thế giới Cực Lạc. Phật A Di Đà đồng ý, ra đi. Ngài chẳng nói dối, trong lời tựa có một câu chuyện như thế.

Do vậy, *Lăng Nghiêm* là bỏ thức dùng căn, dạy chúng ta tu hành như thế nào? Quý vị nhìn thì chớ nên dùng Nhãn Thức để nhìn, hãy dùng tính Thấy để thấy; nghe thì chớ nên dùng Nhĩ Thức để nghe. Hãy dùng tính Nghe để nghe, giống như Bồ tát Quán Thế Âm, xoay cái nghe để nghe tự tính, tính thành vô thượng đạo. Nói khá lắm, nhưng chẳng dễ dàng! Bỏ thức dùng căn chẳng dễ dàng!

Bỏ thức dùng căn có nghĩa là gì? Buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị dùng toàn là kiến, văn, giác, tri. Kiến, văn, giác, tri, là căn tính của sáu căn, chẳng phải là sáu thức. Những đạo lý này, chúng ta đều hiểu rõ, thì gọi là “giải ngộ”. Chúng ta chưa làm được, chưa làm được là chưa buông xuống. Buông xuống sẽ là thật sự làm được, bèn gọi là “chứng ngộ”. Hiểu rõ, nhưng chưa làm được là giải ngộ.

Giải ngộ cũng là do huân tập kinh giáo nhiều lần, trường thời huân tập sẽ dần dần hiểu rõ. Hiểu rõ gọi là “thấy thấu suốt”, biết chân tướng sự thật là như vậy. Do vậy, trong cuộc sống hằng ngày, trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật dạy chúng ta, phải gắng hết sức dùng căn tính của sáu căn, đừng nên dùng sáu thức. Tôi nhắc lại lần nữa, thức là gì? Thức là chấp trước, Mạt Na là chấp trước. Ý thức là phân biệt. Thức thứ sáu, tức ý thức, là phân biệt. A Lại Da là giữ lại ấn tượng.

Năm thức trước chịu ảnh hưởng từ ba tế tướng của A Lại Da, đi theo chúng. Vì vậy, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân bèn tạo nghiệp. Năm thức trước bèn tạo nghiệp. Nếu vâng theo tự

tính, vâng theo kiến, văn, giác, tri, năm thức trước sẽ gọi là Thành Sở Tác Trí, thành tựu sự hóa độ hết thấy chúng sinh của Như Lai, biến thành công cụ để độ chúng sinh, vô lượng công đức. Nói thật ra, bỏ thức là thức thứ sáu, tức ý thức, chớ nên phân biệt; bỏ thức thứ bảy, chẳng chấp trước; bỏ A Lại Da thức, không lưu dấu vết. Đó là cảnh giới gì? Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác trong kinh *Vô Lượng Thọ*!

Chẳng chấp trước, tâm bèn thanh tịnh; chẳng phân biệt, tâm bèn bình đẳng; chẳng mê hoặc sẽ khai ngộ. Giao Quang Đại sư chú giải rất hay. Vì vậy, những bản chú giải kinh *Lăng Nghiêm* trước thời Ngài Giao Quang đều gọi là “cựu chú”; sau Ngài Giao Quang, rất nhiều người học theo Ngài, gọi bản chú giải ấy là “tân chú”. Cựu chú cũng rất khó có. Vì sao? Người bình thường học tập khá dễ. “Tân chú”, thì chú giải hay lắm, nhưng kẻ mới học chẳng dễ gì đạt tới.

Đây là nhắc nhở chúng ta: Trong sắc thân sinh diệt này, thật sự tồn tại cái không sinh diệt. Cái tính chẳng sinh chẳng diệt ấy, trừ kiến, văn, giác, tri ra, chẳng có cách nào nêu bày được! Nói tới kiến, văn, giác, tri, thì cũng phải có đôi chút cơ sở nơi pháp Đại thừa; không có cơ sở sẽ khó giảng rõ ràng, rất khó hiểu được!

“Chư sinh diệt pháp thị sai biệt tướng, đản sai biệt chi trung, hữu cá vô sai biệt đích. Bất sinh bất diệt, vô hữu sai biệt, tức thị bình đẳng tướng” (Các pháp sinh diệt là tướng sai biệt, nhưng trong sai biệt có cái chẳng sai biệt. Chẳng

sinh chẳng diệt, chẳng có sai biệt, tức là tướng bình đẳng). Câu này cũng chẳng dễ hiểu.

Sai biệt là gì? Sai biệt là tướng. Chúng ta nói một cách thông thường sẽ là tướng tương tự liên tục, sinh diệt trong từng sát na. Đó là sai biệt. Vô sai biệt: Vô sai biệt là tính. Chúng ta dùng màn hình TV để diễn tả sẽ dễ hiểu. Âm thanh và sắc tướng trong màn hình sinh diệt trong từng sát na, có sai biệt, nhưng màn hình không có sai biệt. Màn hình là tướng bình đẳng. Sai biệt và vô sai biệt chẳng hai.

“Cổ vân Thật Tướng nãi bình đẳng nhất tướng dã” (Vì thế nói Thật Tướng là một tướng bình đẳng). Một niệm ấy có hình, có thức, đều chẳng thể được. Đó gọi là *“bình đẳng nhất tướng”*. Hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất đều do một niệm khởi. Quý vị phải biết: Một niệm ấy chính là “nhất niệm” như Bồ tát Di Lặc đã giảng. Trong một giây có bao nhiêu “nhất niệm”? Nếu chúng ta nói khảy ngón tay 5 lần trong một giây, khảy nhanh sẽ được 5 lần, trong một giây sẽ có một tỷ sáu trăm triệu niệm, lẽ nào chúng chẳng bình đẳng? Đương nhiên là bình đẳng. Đây là huyền tướng, chẳng thật!

Chúng ta xem tiếp trang mười tám, vẫn là nói về vấn đề này. *“Thật Tướng nghĩa thâm”*, tức là ý nghĩa Thật Tướng này quá sâu! *“Nhược minh Thật Tướng, tức vi ngộ Đại thừa lý”* (Nếu hiểu Thật Tướng, tức là ngộ lý Đại thừa). Lý là gì? Lý là Thể của kinh, mà cũng là cái để nương vào mà nói kinh

này. Kinh có đạo lý. Đạo lý ấy là lý Đại thừa. Kể đó, lão cư sĩ dùng tỷ dụ để giảng rõ.

“Tư dĩ dụ minh: Thí như dĩ kim chế tác tháp, tượng, bình, oản, xuyên, hoàn” (Ở đây, dùng tỷ dụ để giảng rõ: Ví như lấy vàng chế thành tháp, tượng, bình, chén, xuyên, vòng). Những điều này chúng ta đều hiểu, chúng là đồ vật được chế bằng vàng.

“Các hiển sai biệt chi tướng” (Mỗi thứ đều tỏ lộ tướng sai biệt). Nó có hình cái tháp, tướng ấy có thể là tượng Phật, mà có thể là tượng người, có thể mang hình dáng của những thứ đồ chơi. Đó là gì? Vật dụng! Dùng vàng và đồ vật làm tỷ dụ, mỗi thứ đều có hình tướng khác biệt.

“Thắng tương chúng khí, trùng nhập dã lô, phục hóa vi kim, nguyên hữu chư tướng tận giai tiêu diệt, đản các khí bản thể chi kim nhưng cựu như thị” (Nếu đem các thứ đồ lại bỏ vào lò nung, chúng lại hóa thành vàng, các tướng vốn có đều bị tiêu diệt sạch, nhưng chất vàng là bản thể của mỗi thứ vẫn y như cũ). Đều đem nung chảy ra, chúng chính là vàng.

“Khả kiến các khí sai biệt chi tướng, hữu sinh, hữu diệt, giai thuộc hư vọng; đản các khí bản thể chi kim, bình đẳng nhất tướng, bất sinh, bất diệt, bất tăng, bất giảm” (Có thể thấy tướng sai biệt của các thứ đồ có sinh, có diệt, đều là hư vọng, nhưng chất vàng là bản thể của các thứ đồ là một tướng bình đẳng, chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng tăng, chẳng giảm). Tỷ dụ này dễ hiểu. Cổ đại đức dùng một câu để nói:

“Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim” (Dùng vàng chế đồ vật, thứ nào cũng là vàng). Lấy vàng sánh với tự tính thanh tịnh viên minh thể, đó là tự tính. Sánh ví hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất trong khắp pháp giới hư không giới như các thứ đồ, chúng đều do cái Thể ấy biến hiện.

Thể có thể sinh, có thể hiện, A Lại Da thức có thể biến. Vì sao trong Nhất Chân pháp giới, mọi thứ chẳng thay đổi, vĩnh hằng bất biến? Chúng ta bèn hiểu rõ: A Lại Da có thể biến, Y báo và Chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới là cái được biến (sở biến). Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm không có A Lại Da. A Lại Da đã chuyển thành Đại Viên Kính Trí. Vì vậy, nó chỉ có thể sinh, có thể hiện, chẳng có sở biến lẫn năng biến. Do đó, trong thể giới ấy, vĩnh hằng bất biến.

Người trong thể giới ấy hóa sinh, dung mạo vĩnh viễn bất biến, thân vĩnh hằng bất biến, đúng như chúng ta thường nói: *“Bồ tát Bồ tát, niên niên thập bát”* (Bồ tát năm nào cũng là mười tám tuổi). Ngài chẳng già! Ngài vĩnh viễn chẳng già. Vì sao? Ngài không có A Lại Da thức. Chúng ta bị biến đổi vì A Lại Da thức. A Lại Da thức có thể biến. Do vậy, chúng ta sinh, lão, bệnh, tử là vì bị nó biến. Chính nó lại có sinh diệt, cho nên những thứ do nó biến ra thấy đều có sinh diệt.

Do vậy, trong Nhất Chân pháp giới, chúng ta gọi là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Trong ấy không có sinh diệt, vì các Ngài chẳng dùng A Lại Da. Do vậy có thể biết: Tứ thánh pháp giới có biến đổi hay chẳng? Quý vị hãy suy nghĩ: A La Hán,

Bích Chi Phật, Bồ tát, Phật, tức là Phật trong mười pháp giới đều có biến, họ dùng A Lại Da, bất quá tốc độ biến đổi chậm một chút, không nhanh như chúng ta. Chúng ta biến đổi rất nhanh, họ biến đổi chậm hơn một chút. Vì thế, đạo lý là ở chỗ này!

Hoa trong thế giới Cực Lạc vĩnh viễn chẳng tàn, vĩnh viễn chẳng khô; khí hậu chẳng quá lạnh hay quá nóng, không có những hiện tượng này. Vì sao? Người trong thế giới ấy chẳng dùng A Lại Da; người đời nghiệp vãng sinh cũng chẳng dùng. Điều này rất lạ lùng! Vì sao người đời nghiệp vãng sinh chẳng dùng? Được bản nguyện của Phật A Di Đà gia trì, quý vị thấy 48 nguyện đã nói rất rõ ràng, sinh vào thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là A Duy Việt Trí Bồ tát. Chuyện này được nói trong nguyện nào?

Trong nguyện thứ 19, tức là nguyện phát Bồ Đề tâm, đều là A Duy Việt Trí Bồ tát. A Duy Việt Trí là gì? Từ Thất Địa trở lên! Tuy là đời nghiệp vãng sinh, phiền não tập khí đúng là một phẩm cũng chưa đoạn, nhưng sự hưởng thụ, đãi ngộ trong thế giới Cực Lạc là sự đãi ngộ Thất Địa Bồ tát. Quý vị chẳng phải là Thất Địa Bồ tát, nhưng tới đó, hưởng thụ sự đãi ngộ dành cho Thất Địa Bồ tát. Do ai ban cho quý vị?

Phật A Di Đà ban cho quý vị. Hưởng ké từ Phật A Di Đà, cậy vào phúc báo của Phật A Di Đà, chẳng phải là của chính mình. Trong chư Phật mười phương thế giới, không có sự

thù thắng này, chỉ có thể giới Cực Lạc là có sự đãi ngộ đặc thù này! Đức Phật chẳng nói “đều là A Duy Việt Trí Bồ tát, trừ cội Phàm Thánh Đồng Cư ra”. Ngài chẳng nói lời ấy! Nếu chẳng nói lời ấy, hạ hạ phẩm vãng sinh trong cội Phàm Thánh Đồng Cư cũng có sự đãi ngộ này.

Quý vị thật sự hiểu rõ, minh bạch chuyện này, há còn có thể chẳng cầu sinh Tịnh Độ ư? Còn làm chuyện khác nữa ư? Làm chuyện khác, mệt chết luôn, nhưng chưa chắc đã thành tựu trong một đời. Quý vị khẳng khẳng một mực niệm một câu A Di Đà Phật này, đôi ba năm sẽ thành công, sẽ đạt được, còn làm điều gì khác nữa?

Quý vị thật sự buông xuống vạn duyên; vì sao người khác chưa buông xuống được? Chưa hiểu rõ. Do vậy, sau khi hiểu rõ, ta thường khuyên người khác; nhưng cũng chẳng phải là khuyên bất cứ ai vì kẻ ấy chưa chắc đã tiếp nhận. Ta khuyên mọi người, chúng ta hãy suy nghĩ cho nhiều, học theo Liên Trì Đại sư. Liên Trì Đại sư đã giác ngộ, đã hiểu rõ, bèn nói:

“Tam Tạng mười hai bộ, nhường cho người khác ngộ”. Quý vị ưa thích, thì hãy dụng công nơi đó. Tôi chẳng làm! “Tám mươi bốn ngàn hạnh, dành cho người khác hành”. Tôi cứ một bộ kinh Di Đà, một câu A Di Đà Phật. Định rồi! Liên Trì Đại sư chẳng làm nữa, nêu gương tốt cho người đời sau. Tịnh Độ 5 kinh đều được, thọ trì toàn bộ 5 kinh cũng được, mà thọ trì 1 kinh trong 5 kinh cũng được. Quý vị thấy pháp môn này thuận tiện lắm, chẳng thể nghĩ bàn lắm!

Đối với pháp môn này, giảng giải Tính, Tướng, Lý, Sự, nhân quả thấu triệt nhất, minh bạch nhất là kinh *Vô Lượng Thọ*. Quả thật, khó thể đọc trọn cả 5 bản dịch gốc của kinh *Vô Lượng Thọ*. Vì vậy, đời Tống, cư sĩ Vương Long Thư hội tập đầu tiên, có thể nói là cổ nhân đã sớm nghĩ hội tập là chuyện bắt buộc phải làm. Đến phần sau sẽ có một đoạn chuyên nói rõ chuyện này. Sau đấy, chúng ta mới thật sự nhận biết bản hội tập này của Hạ lão cư sĩ chẳng thể nghĩ bàn. Hội tập thật viên mãn, chẳng dùng ý tưởng của chính mình, ngay cả tiêu đề kinh cũng là hội tập.

Bản dịch gốc đời Tống dịch là *Phật Thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh*, quý vị thấy cụ bỏ chữ Kinh, dùng *Phật Thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm*; bản dịch đời Hán là *Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác Kinh*, nay 2 tiêu đề kinh được gộp thành một, trở thành *Phật Thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác Kinh*. Đúng là áo trời không vết may, chẳng thêm vào một chữ nào! Bản hội tập của Vương Long Thư có nhan đề là *Đại A Di Đà Kinh*, nhưng trong kinh chẳng có những từ này! Còn nhan đề kinh của cụ Hạ là nguyên văn, chúng ta chẳng thể không bội phục Ngài.

Đề mục này tuyệt quá, phô rõ nhân quả của thế giới Cực Lạc. Đại thừa là trí tuệ, *Vô Lượng Thọ* là đức, Trang Nghiêm là tướng hảo. Quý vị thấy quả báo là như đức Thế Tôn trong kinh *Hoa Nghiêm* đã nói: “*Hết thấy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai*”. Quý vị thấy chẳng phải là đề mục

này hay sao? Đại thừa là trí tuệ, *Vô Lượng Thọ* là đức, Trang nghiêm là tướng. Quả đấy! Quả đức. Cách tu quả ấy ra sao? Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác! Bởi lẽ, quý vị tu “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, sẽ chứng Đại thừa *Vô Lượng Thọ* Trang Nghiêm. Quý vị thấy tiêu đề này viên mãn lắm!

Đối với tỷ dụ này của cụ Hoàng, chúng ta niệm niệm đều thấu hiểu là được rồi. Có thể thấy tướng sai biệt của các thứ đồ, có sinh, có diệt, đều là hư vọng, nhưng chất vàng bản thể của các thứ đồ là bình đẳng nhất tướng, chẳng sinh, chẳng diệt.

“Dĩ thượng, dĩ kim dụ chân thật bình đẳng chi Thật Tướng, dĩ kim khí dụ chủng chủng sai biệt tướng” (Trên đây, dùng vàng để sánh ví Thật Tướng bình đẳng chân thật. Dùng các vật dụng bằng vàng để sánh ví các tướng sai biệt). Y báo và Chính báo trong mười pháp giới sai biệt.

“Do thượng dụ khả minh, nhược khán phá chư kim khí (tháp, tượng, bình, oản, xuyên, hoàn đẳng) hư vọng sai biệt chi tướng, tức kiến chư khí trung bình đẳng chân thật chi kim” (Thí dụ trên đây có thể nói rõ: Nếu thấy thấu suốt tướng sai biệt hư vọng của các thứ đồ bằng vàng (tháp, tượng, bình, chén, xuyên, vòng v.v...), sẽ liền thấy chất vàng bình đẳng chân thật). Quý vị hãy thấy vàng, đừng chấp trước tướng. Quý vị lấy vàng, bèn tùy tiện lấy thứ nào cũng đều là vàng.

Bảo quý vị lấy vàng ra, quý vị thấy cái này là tháp, cái kia là tượng, cái đó là bình, quý vị nói “không có vàng, chẳng có

hoàng kim”. Quý vị chấp tướng rồi! Cổ nhân dùng tỷ dụ “*Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*” (Dùng vàng chế vật, các vật đều từ vàng) dùng tỷ dụ này. “*Dĩ dụ ly nhất thiết pháp hư vọng chi tướng*” (Để tỷ dụ là tướng hư vọng của hết thảy các pháp), quý vị sẽ thấy Thật Tướng, sẽ thấy chân tính.

Tính và tướng vĩnh viễn chẳng thể tách rời, nhưng đối với tướng thì sáu căn tiếp xúc được, nhìn thấy nó, sờ được nó, còn tính thì sáu căn chẳng thể tiếp xúc, nhìn không thấy. Nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần. Chẳng phải là vật chất, nên mắt, tai, mũi, lưỡi, thân chẳng tiếp xúc được; chẳng phải là tinh thần, quý vị tưởng tượng chẳng ra, vì Thọ, Tưởng, Hành, Thức của quý vị đều không thấu đạt. Nếu buông Thọ, Tưởng, Hành, Thức xuống, sau khi buông xuống, Thể của Thọ, Tưởng, Hành, Thức là kiến, văn, giác, tri, sẽ thấy được! Kiến, văn, giác, tri, là chân tính.

Trong chú giải kinh *Lăng Nghiêm*, Giao Quang Đại sư bảo “bỏ thức dùng căn”, tức là dùng căn tính của sáu căn. Căn tính là kiến, văn, giác, tri, chẳng phải là Thọ, Tưởng, Hành, Thức; cũng có nghĩa là: Thọ, Tưởng, Hành, Thức là vọng tâm; kiến, văn, giác, tri, là chân tính. Lúc mê, kiến, văn, giác, tri, biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Khi giác ngộ, có thể buông Thọ, Tưởng, Hành, Thức xuống, khiến cho kiến, văn, giác, tri, hiện tiền. Đó gọi là “chuyển thức thành trí”. Nói cách khác, thấy sắc, nghe tiếng, chớ nên chấp trước, quý vị chẳng dùng Mạt Na; chớ nên phân biệt, chẳng dùng ý thức; chớ nên khởi tâm động niệm, chẳng dùng A Lại Da thức.

Trong Thiền Tông, tham Thiền, thì “tham” là gì? Là tâm ý thức là “tham”. Tâm ý thức là biết! A Lại Da là khởi tâm động niệm, Mạt Na là chấp trước, Ý thức là phân biệt. Chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, đó là là tâm ý thức. Là tâm ý thức thì gọi là “tham”.

Do vậy, nghiên cứu giáo, chẳng dùng tâm ý thức, thì gọi là “tham cứu”. Nếu dùng tâm ý thức, bèn gọi là “nghiên cứu”. Nghiên cứu và tham cứu khác nhau. Tham cứu sẽ kiến tính, còn nghiên cứu chẳng thể kiến tính. Dùng nghiên cứu, Phật pháp biến thành triết học, biến thành Phật học; là tâm ý thức sẽ là học Phật, thật sự có thể thành Phật. Dùng tâm ý thức chẳng thể thành Phật, nhất định phải biết điều này! Dùng tâm ý thức, nói thật ra, chẳng thể vượt thoát lục đạo luân hồi, vì lục đạo luân hồi do tâm ý thức biến hiện.

Tiếp nói: *“Ly hư vọng sai biệt chi tướng, cố vân vô tướng”* (Do là tướng sai biệt hư vọng nên gọi là vô tướng). Đây là ý nghĩa tôi vừa mới nói. Sáu căn của chúng ta đối với cảnh giới sáu trần bên ngoài, thấy đều là hư vọng. Sáu căn của chính mình đều là hư vọng. Lục thức là hư vọng, cảnh giới bên ngoài cũng là hư vọng.

Chỉ cần không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, sẽ lập tức là vô tướng! Nó là vô tướng, ngay nơi đó là vô tướng, trọn chẳng trừ khử tướng, mà ngay lập tức là vô tướng. Do vậy, phải hiểu rõ, minh bạch ý nghĩa “tướng” và “vô tướng” này.

“Ư hư vọng sai biệt chư tướng chi trung, hữu chân thật bình đẳng chi bản thể, cố vân vô bất tướng. Đương tướng ly tướng, tướng nhi vô tướng, nãi hiển Thật Tướng” (Trong các tướng sai biệt hư vọng, có cái bản thể chân thật bình đẳng, nên nói chẳng phải là không có tướng. Từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, có tướng mà vô tướng, nên mới hiển lộ Thật Tướng). Câu *“Đương tướng ly tướng, tướng nhi vô tướng, nãi hiển Thật Tướng”* này hay quá! Ngay lập tức là nó, một và nhiều, chẳng hai. Ngay trong cuộc sống hằng ngày, trong công tác, trong xử sự, đãi người tiếp vật, chúng ta phải sốt sắng, thực hiện viên mãn, tận tâm tận lực làm, đấy là *“đương tướng”* (từ ngay nơi tướng). Làm tốt đẹp, trong tâm thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, đó là *“ly tướng”*.

Do vậy, *“đương tướng”* và *“ly tướng”* là đồng thời, chẳng cắt rời thành hai thứ, thì mới thật sự hữu dụng! Trong cuộc sống hằng ngày, quý vị sẽ sống thật sự hạnh phúc mỹ mãn, tự tại vô cùng! Trong công việc cũng như thế, đãi người tiếp vật cũng như thế, quý vị sẽ khiến cho hết thảy mọi người vui vẻ. Do vậy, trong giáo pháp Đại thừa có nói: *“Bồ tát sở tại chi xứ, linh nhất thiết chúng sinh sinh hoan hỷ tâm”* (Bồ tát ở chỗ nào cũng có thể khiến cho hết thảy chúng sinh đều sinh tâm hoan hỷ). Vì sao Ngài có thể làm cho hết thảy chúng sinh sinh tâm hoan hỷ? Ngài từ ngay nơi tướng mà lìa tướng. Ly tướng và đương tướng cùng lúc, ai chẳng vui vẻ! Trước hết là chính quý vị vui vẻ. Quý vị đã vui vẻ, thì người khác thấy quý vị cũng vui vẻ.

“Đản Thật Tướng ly ngôn thuyết, chính như Nam Nhạc Hoài Nhượng vân: Thuyết tự nhất vật, tức bất trúng” (Nhưng Thật Tướng là ngôn thuyết, đúng như Ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng đã nói: “Nói dường như có một vật, thì chẳng trúng”).

Câu này ở trong *Đàn Kinh*. Pháp sư Hoài Nhượng khai ngộ, minh tâm kiến tính trong hội của Lục Tổ Huệ Năng Đại sư. Khi Ngài kiến tính, Lục Tổ giống như đưa ra một đề mục nhằm khảo nghiệm Sư: *“Ông kiến tính, vậy tính là như thế nào?”*. Sư trả lời bằng câu này: *“Nói dường như có một vật thì chẳng trúng”*, nói không được! Lục Tổ gật đầu, ấn khả, Tổ nói: *“Ông như thế, mà ta cũng như thế”*. Ấn chứng Sư thật sự khai ngộ, chẳng phải là giả khai ngộ.

“Cố thật phi nhậm hà thế gian thí dụ sở năng thâm minh” (Cho nên đúng là bất cứ thí dụ nào của thế gian cũng chẳng thể giảng rõ rệt sâu xa được). Tỷ dụ chỉ có thể sánh ví mừng tượng, tuyệt đối chẳng có cách nào tỷ dụ sát sự thật, một tí biện pháp cũng chẳng có. Do vậy, hiện thời khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta dùng hình ảnh nơi màn hình TV để tỷ dụ. So ra gần sát, dễ hiểu hơn những tỷ dụ trước kia. Xưa kia, đúng là khó! Do vậy, khi chưa có những thứ khoa học, mà cổ đại đức, đừng nói là chứng ngộ, chỉ có thể giải ngộ thôi, chúng ta đều bội phục năm vóc sát đất. Hiện thời, chúng ta nhờ rất nhiều những thứ thuộc về khoa học mà thấy, nghe, hay, biết, nên mới có thể thấu hiểu những điều này, mới có thể nói rõ ràng, giảng rõ ràng.

Tuy nói rõ ràng, giảng rõ ràng, chỉ là gần sát, vẫn còn cách một tầng. Tầng ấy chính quý vị phải ngộ, bất luận là ai cũng chẳng giúp đỡ được! Phạt đến giảng cho quý vị cũng chẳng có cách nào! Phạt đến giảng cho quý vị, thì cũng chỉ có thể nói đến mức này!

Nói đến mức độ này, thì có thể, nhưng nếu quý vị muốn thật sự khế nhập cảnh giới, chứng ngộ, chẳng phải là bảo quý vị buông xuống hay chẳng? Quả thật là trong cuộc sống, mỗi ngày quý vị ăn cơm, chớ nên so đo thứ ăn này, thứ ăn nọ, đừng nên so đo mùi vị nữa. Mặc quần áo, thứ gì cũng được! Ấm áp là được rồi, đừng nên kén chọn! Đó là gì vậy? Tập khí, tức tập khí phiền não của quý vị. Đấy là gì? Chấp trước, nhất định phải như thế nào đó.

Hễ nhất định phải như thế nào đó, sẽ phiền phức liền! Phải học theo Đại thừa Bồ tát tự tại tùy duyên, bất luận câu thúc gì đều chẳng có, cái gì cũng đều tốt, chẳng có gì không tốt. Người ta làm chuyện tốt, tốt! Người ta làm chuyện xấu, cũng tốt luôn. Người ta hưởng phúc, tốt! Người ta đang chịu tội trong địa ngục, cũng tốt. Chịu tội trong địa ngục là gì? Tiêu nghiệp chướng! Kẻ ấy có lắm nghiệp chướng dướng ấy, nhất định phải tới đó để tiêu, tiêu hết thì chẳng phải là tốt đẹp hay sao? Có sao chẳng phải là chuyện tốt? Sau đấy mới hiểu: Mười pháp giới vốn là bình đẳng.

Quý vị làm chuyện tốt nhiều ngàn ấy, đến thiên đường để hưởng phúc. Đó là gì? Tiêu phúc báo ấy! Quý vị làm chuyện

tốt nhiều ngàn ấy thì phải tiêu; làm những chuyện ác thì phải đến tiêu [nghiệp chướng] trong địa ngục.

Quý vị thấy đó: Tiêu phúc báo, tiêu nghiệp chướng; thấy đều tiêu sạch, chẳng phải là kiến tính hay sao? Cái đáng quý là buông xuống, chẳng có gì khác! Do vậy, tôi suốt đời tôn trọng thầy. Lúc gặp mặt thầy trong ngày đầu tiên, thầy đã dạy tôi *“thấy thấu suốt, buông xuống”*.

Tôi mới biết người tu hành từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai tu gì? Thấy thấu suốt, buông xuống! Buông xuống giúp cho thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt lại giúp buông xuống. Hai phương pháp này giúp đỡ thành tựu lẫn nhau từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai. Đẳng Giác Bồ tát nếu buông một phẩm tập khí sinh tướng vô minh cuối cùng xuống, sẽ viên mãn, vẫn là buông xuống! Chỉ có buông xuống mới có thể tiến lên cao. Chỉ có hiểu rõ mới thật sự chịu buông xuống. Do quý vị chẳng hiểu rõ, nên không buông xuống được; hễ hiểu rõ sẽ buông xuống.

Hiện thời, điều đáng quý là hiểu rõ, rành rẽ thế giới Cực Lạc. Hiểu rành rẽ thế giới này, so sánh giữa hai thế giới, bèn buông thế giới Sa Bà xuống, ta về thế giới Cực Lạc. Điều này là trọng yếu. Quý vị thật sự muốn buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, điều này nói dễ, làm chẳng dễ. Thật sự là khó! Do nguyên nhân gì? Nghiệp chướng phiền não tập khí quá nặng, từ vô lượng kiếp đến nay đã tích lũy những thứ này, đâu có dễ dàng nói buông xuống liền buông xuống như

vậy được! Nay chúng ta buông thân, tâm, thế giới xuống, đó là phần chút ít, rất nhỏ của tập khí phiền não. Chỉ cần chịu buông thứ ấy xuống sẽ có thể vắng sinh.

Do vậy, đến thế giới Cực Lạc, nhất định phải tin sâu chẳng nghi: Đức Phật chẳng nói một lời hư giả nào! Nay chúng ta chẳng thể nghe lời con người trong thế gian này. Lời giả quá nhiều, nói lời gạt người nhiều quá! Phật, Bồ tát chẳng nói câu nào lừa người, phải tin sâu chớ ngờ điều này! Nhất định phải tin: Đến thế giới Cực Lạc đều là A Duy Việt Trí Bồ tát. Lời này chính là “pháp khó tin”. Do vậy, kinh này được gọi là “khó tin”. Pháp môn được giảng trong kinh này được gọi là “*pháp khó tin*”.

Trong các thế giới phương khác, đâu có chuyện một phẩm Kiến Tư phiền não chưa đoạn, đến thế giới Cực Lạc bèn có thể hưởng thụ sự đãi ngộ như Thất Địa Bồ tát. A Duy Việt Trí là Thất Địa. Sự đãi ngộ như Thất Địa Bồ tát do Phật A Di Đà ban cho, chẳng phải do chính mình có, mà do Phật A Di Đà ban cho.

Sau đoạn này có một câu tiểu kết: “*Cố vân: Phàm hữu ngôn thuyết, giai vô thật nghĩa*” (Vì thế, nói: Hễ có ngôn thuyết đều chẳng phải là thật nghĩa). Vì ngôn thuyết cũng là tướng. “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Ngôn thuyết cũng là hư vọng. Các thứ diễn đạt, biểu thị vẫn là hư vọng. Quý vị phải biết điều này! Ngôn thuyết có cần hay chẳng? Cần chứ! Đối với kẻ chưa khai ngộ thì cần, đối với người đã

khai ngộ thì chẳng cần, không cần dùng ngôn thuyết nữa. Do vậy, đối với lục đạo chúng sinh, thì phải dùng ngôn ngữ, phải dùng biểu pháp (các hành động, phương cách nhằm biểu thị, diễn đạt pháp); cho đến tứ thánh pháp giới, tuy ít dùng ngôn ngữ, nhưng vẫn cần, dùng biểu pháp khá nhiều; đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm, thì ngôn thuyết lẫn biểu pháp đều không cần dùng tới nữa.

Không cần dùng tới vì chính mình chưa viên chứng tự tính, quý vị thấy kinh đã nói, chắc chắn chẳng giả. Người trong thế giới Cực Lạc, mỗi ngày nghe A Di Đà Phật thuyết pháp, đồng thời họ có thể phân thân, có thể phân thành vô lượng vô biên thân, đến các cõi nước Phật trong mười phương cúng dường Phật. Cúng dường Phật là tu phúc. Nghe Phật thuyết pháp là trí tuệ. Phúc huệ song tu, vĩnh viễn không ngừng nghỉ! Cái thân ấy của họ hoàn toàn là hóa thân, đến đi tự do. Trong cảnh giới đó, chúng ta biết: Không có không gian tức là chẳng có khoảng cách. Ý niệm vừa dấy lên, cảnh giới bèn hiện tiền, ở ngay trước mắt, ngay lập tức, thật sự chẳng có đến hay đi!

Kinh nói *“Mười vạn ức cõi Phật”*, đó là nói phương tiện, nói tùy thuận Tục Đế. Trong sự tưởng tượng của chúng ta, điều ấy khó khăn, thật sự khó. Nhưng trong cảnh giới của họ (người trong thế giới Cực Lạc), điều ấy quá dễ dàng! Họ có thân thể, nhưng thân thể họ chẳng giống sắc tướng của chúng ta trong hiện tại. Họ có thân thể, cũng có sắc thân, nhưng trong kinh, đức Phật có nói tới một loại sắc tướng là

Vô Biểu Sắc. Vô Biểu Sắc là gì? Thí dụ như chúng ta tưởng tượng, chúng ta nghĩ tới Chương Gia Đại sư. Tôi vừa nghĩ, hình dáng Chương Gia Đại sư thuở ấy bèn hiện diện trong tâm tôi. Tôi thấy rất rõ ràng, nhưng quý vị chẳng thấy. Sắc ấy là Vô Biểu Sắc.

Chúng ta nằm mộng, cảnh giới trong mộng cũng rất rõ rệt. Sắc tướng ấy tươi sáng, nhưng ta đang nằm mộng, người bên cạnh nói họ chẳng thấy gì. Thật sự có sắc tướng, mà họ nhìn không thấy. Nhưng người có Thiên nhãn có thể thấy, chứng tỏ sắc ấy chẳng phải giả. Người có Thiên nhãn, hay có công năng định lực sẽ thấy được. Tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, nhiều vọng niệm, cho nên chẳng nhìn thấy.

Ý niệm dấy lên, nó bèn có tướng. Tướng do tâm sinh, hễ khởi niệm bèn có tướng. Tưởng một quả núi, sẽ có tướng núi. Tưởng một cái cây, sẽ có tướng cây. Tưởng hoa, sẽ có tướng hoa. Tưởng gì, tướng ấy đều hiện tiền, lẽ nào chẳng có tướng? Tướng sinh từ tâm tưởng, thật là thiên biến vạn hóa. Sách *Hoàn Nguyên Quán* nói: “*Xuất sinh vô tận*”, thiên biến vạn hóa. Khi ấy, tôi đọc câu này chẳng hiểu lắm. Vì sao có hiện tượng này?

Tôi nghĩ thuở nhỏ chơi kính vạn hoa. Chẳng phải là kính vạn hoa rất đơn giản ư? Đúng là thiên biến vạn hóa, sinh ra vô tận. Ba mảnh gương, ở giữa đó cắt một ít giấy vụn màu sắc khác nhau, quý vị vĩnh viễn xoay chuyển, xoay cả tuần, cũng chẳng thể có hai mô thức giống nhau. Theo kinh Phật,

tự tính của chúng ta là bất động. A Lại Da là động. Do vậy, A Lại Da giống như kính vạn hoa, xuất sinh vô tận, biến hóa vô cùng, nhưng toàn là giả, chẳng có gì là thật.

Do vậy, quả thật đều là “chẳng có thật nghĩa”. Đây là nói rõ tất cả hết thấy hiện tượng trong khắp pháp giới hư không giới. Hiện tượng vật chất cũng thế, mà hiện tượng tinh thần cũng thế, quý vị đừng nghĩ chúng là thật, đừng mê trong ấy. Nói cách khác, quý vị cũng chớ nên dấy lên ý niệm mong khống chế, chiếm hữu chúng. Dấy lên ý niệm như thế là sai rồi!

Chỉ cần khởi lên ý niệm này, quý vị bèn đọa trong luân hồi, chẳng thoát ra được! Do vậy, đối với kẻ giác ngộ, tất cả hết thấy những thứ họ có, nếu quý vị hỏi họ, được! Lấy đi! Họ thật sự chẳng có ý niệm, chẳng phân biệt, chấp trước, ta dùng hay quý vị dùng đều như nhau! Tiền mất đi là để cho người khác lấy dùng, chẳng phải là giống như ta dùng hay sao, đâu có gì khác nhau?

Quý vị nói, có phải là sống vui sướng lắm chẳng? Vui sướng do đây mà có! Vì sao quý vị khổ? Thứ gì cũng đều muốn chiếm hữu, thứ gì cũng đều muốn khống chế, vậy là quý vị khổ chẳng thể nói nổi. Quý vị sai rồi, mê mất rồi! Do vậy nói “đều không có thật nghĩa”, ý nghĩa này hay lắm!

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 19



Chúng ta xem tiếp *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang thứ 18, dòng thứ 3, từ dưới đếm lên. “*Hựu Viên Giác kinh vân: Chư huyễn tận diệt, giác tâm bất động. Huyền diệt diệt cố, phi huyễn bất diệt, thí như ma kính, cấu tận, minh hiện*” (Lại như kinh *Viên Giác* chép: “Các huyễn tận diệt, giác tâm bất động. Sự diệt mất hư huyễn ấy đã bị diệt, chứ cái chẳng huyễn không bị diệt, giống như mài gương, chất dơ hết, ánh sáng sẽ hiện”).

Chúng ta xem đoạn thứ nhất, đoạn này vẫn tiếp tục nghiên cứu thể tính của kinh này. Đây là giảng rõ đức Phật nói bộ kinh này đã căn cứ vào điều gì để nói, điều ấy được gọi là “thể tính”. Nếu chẳng có căn cứ, kinh sẽ chẳng thể thành lập. Căn cứ gì vậy? Trong lần trước, chúng ta đã học tập, hết thấy các kinh Đại thừa đều căn cứ trên Thật Tướng để nói. Thật Tướng, nói thông tục là chân tướng của nhân sinh và vũ trụ. Những điều được nói [trong kinh Phật] đều là chân tướng. Nếu chẳng phải là chân tướng, sẽ thành vọng ngữ.

Chân tướng này rất khó hiểu. Chân tướng là “*Thật Tướng vô tướng, Thật Tướng vô bất tướng*” (Thật Tướng vô tướng, Thật Tướng chẳng phải là không có tướng). Các kinh Đại thừa đều giảng rõ sự thật này. Ở đây, Hoàng lão cư sĩ lại dẫn kinh văn của kinh *Viên Giác* để nói. Do vậy, chúng ta đọc bản chú giải này, giống như đọc rất nhiều kinh luận và những lời giảng giải của tổ sư đại đức.

Đoạn kinh *Viên Giác* này hết sức trọng yếu! “*Chư huyễn tận diệt, giác tâm bất động*”. Huyền là gì? Trong giáo pháp

Đại thừa có nói “tam tế, lục thô”; tất cả hết thảy các huyền pháp có cội nguồn là tam tế, lục thô. Rất khó có là hiện thời khoa học đã phát hiện tam tế tướng, họ bảo chúng ta: Trong vũ trụ, chỉ có ba thứ; trừ ba thứ này ra, thứ gì cũng chẳng có. Ba thứ ấy là gì? Là vật chất, năng lượng, và thông tin.

Những danh từ hiện đại này khác danh từ trong kinh Phật, nhưng có cùng một ý nghĩa. Trong kinh Phật nói tới Nghiệp Tướng. Nghiệp Tướng của A Lại Da là năng lượng, Cảnh Giới Tướng của A Lại Da là vật chất, Chuyển Tướng của A Lại Da, hoặc gọi là Kiến Tướng, chính là thông tin. Quý vị thấy: Nói về những thứ giống nhau, nhưng các nhà khoa học chẳng thể giảng rõ rệt như đức Phật: Những thứ ấy do đâu mà có? Các khoa học gia chẳng nói rõ ràng.

Trong Phật pháp, ba tế tướng này do đâu mà có? Do từ tự tính mà có! Chỉ có tự tính là thật, còn những tướng ấy đều chẳng thật. Vì vậy, A Lại Da là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm; nhưng chúng sinh trong mười pháp giới rộng rãi và nhiều hơn chúng sinh trong lục đạo.

Phía trên lục đạo, vượt lên khỏi lục đạo. Lục đạo là giới hạn, thường là chẳng dễ gì vượt thoát lục đạo luân hồi. Vượt thoát lục đạo luân hồi là A La Hán. Trên A La Hán là Bích Chi Phật, trên Bích Chi Phật là Bồ tát, trên Bồ tát là Phật. Chúng ta gọi là “tứ thánh pháp giới”.

Những vị thuộc bốn pháp giới này là thánh nhân. Họ vẫn dùng A Lại Da, tức là vẫn dùng vọng tâm. Vì vậy, chưa phải là

Phật trong Viên Giáo. Thiên Thai Đại sư gọi Phật trong mười pháp giới là Tương Tự Tức Phật, chưa phải là Phật thật sự, vì còn dùng vọng tâm, nhưng dùng vọng tâm rất chính đáng, dùng rất thuần, thoát nhìn dường như là Phật chân (thật), trên thực tế chưa phải. Phân biệt chân và vọng như thế nào?

Ở chỗ dùng cái tâm khác nhau, Phật dùng chân tâm. Quý vị phải ghi nhớ điều này: Dùng chân tâm! Chân tâm chẳng phải là ba thứ ấy (Chuyển Tướng, Nghiệp Tướng, Cảnh Giới Tướng), phải biết: Chân tâm là tự tính của Dụng. Cổ nhân bảo: Tính con người vốn lành. *Tam Tự Kinh* dạy: “*Nhân chi sơ, tính bản thiện*”. Cái tính “*bản thiện*” chính là chân tâm, chẳng phải là vọng tâm. “*Thiện*” ấy chẳng phải là thiện trong “thiện, ác”. Nếu là thiện trong “thiện, ác” thì sẽ là vọng tâm. Quý vị phải biết điều này! “*Thiện*” ở đây là hình dung từ, là từ ngữ ca ngợi, nhằm hình dung không thể diễn tả được, quá tốt đẹp, quá hoàn bị, chẳng có thiếu khuyết gì. “*Bản thiện*” có thể sinh ra vạn pháp, nó mới là căn nguyên của vũ trụ và nhân sinh.

Huệ Năng Đại sư khai ngộ. Khai ngộ là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính. Kiến tính là thấy gì? Là thấy bản thiện. Thấy bản thiện, thì phải diệt hết ba thứ Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng, Cảnh Giới Tướng. Ba thứ ấy chẳng còn, chúng là vọng tâm, vọng tâm đã chẳng còn, thì chân tâm mới hiện tiền. Chân tâm hiện tiền, trong chân tâm chẳng có hiện tượng vật chất, mà cũng chẳng có hiện tượng tinh thần, trong Tịnh Tông gọi là “*tứ độ*” (bốn cõi Tịnh Độ). Tầng tối

cao là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, một bầu quang minh, trọn khắp hết thấy mọi nơi.

Ở nơi đâu? Không chỗ nào chẳng tồn tại! Không lúc nào chẳng hiện hữu. Chúng ta cũng chẳng rời khỏi Thường Tịch Quang, mà cũng chẳng rời khỏi tự tính, nhưng chúng ta chẳng thấy. Chẳng rời khỏi nó, nhưng chẳng thấy! Vì sao chẳng thấy?

Năng lực của lực căn là hư vọng. Vọng chẳng thể duyên chân. Vọng chỉ có thể duyên vọng, chẳng duyên được chân. Vọng tâm của chúng ta rất lợi hại, nó có thể duyên tới A Lại Da, tức là Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng, và Cảnh Giới Tướng nó đều có thể duyên được, đều có thể đạt tới, nhưng chẳng thể đạt tới tự tính. Đạt tới tự tính, thì phải buông những thứ ấy xuống. Ba thứ ấy đều buông xuống, tự tính sẽ hiện tiền, quý vị mới hòng thấy được!

Buông xuống chẳng dễ dàng. Nói rất dễ, nhưng sự thật rất khó. Trong kinh Đại thừa, đức Phật nói “khởi tâm động niệm”, thì khởi tâm động niệm là Nghiệp Tướng, phân biệt là Chuyển Tướng, chấp trước là Cảnh Giới Tướng. Đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, chúng ta đều chẳng chấp trước, quý vị sẽ chứng quả A La Hán.

Trước hết, quý vị khôi phục điều gì? Khôi phục tâm thanh tịnh, tâm địa chẳng nhiễm mảy trần; cũng có nghĩa là chân tâm thấu lộ một phần. Thấu lộ một phần, lục đạo luân hồi chẳng còn nữa! Vì vậy, chư vị phải hiểu: Lục đạo chẳng thật!

Kinh Đại thừa thường nói *“phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, vì chúng là pháp sinh diệt.

Quý vị thấy hết thấy động vật có sinh, lão, bệnh, tử; còn những thứ chân thật thì sao? Đúng là chẳng sinh, chẳng diệt. Do vậy, tôn giáo của phương Tây nói tới *“Chân Thần”* (Chúa thật) hơi giống, nhưng chưa đúng, vẫn còn cách biệt với chân tướng. Nhưng hiện thời tôn giáo của phương Tây nói tới Chân Thần khác với xưa kia. Họ nói thần chẳng có thân xác, không nơi đâu chẳng hiện hữu. Họ cũng học theo cách nói này. Cách nói này hơi giống với ý nghĩa được giảng trong Phật pháp, nhưng trong ấy còn có mê, ngộ khác biệt. Giác mới là tự tính, lúc mê sẽ gọi là *“thần thức”*, danh từ nhà Phật gọi chân tâm bị mê là *“thần thức”*.

Người thế gian chúng ta, người phương Đông gọi thần thức là *“linh hồn”*, người phương Tây cũng gọi nó là *“linh hồn”*. Linh hồn là Chuyển Tướng. Chuyển Tướng là ở trong trạng thái mê bèn gọi là Chuyển Tướng; giác ngộ thì ba tướng ấy (Chuyển Tướng, Nghiệp Tướng, Cảnh Giới Tướng) đều chẳng có. Do vậy, đúng là *“phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*. Đây là nói về khởi nguyên của vũ trụ.

Chuyển Tướng là thông tin, do vậy, chuyển cảnh giới bằng cách nào? Cảnh giới tiếp nhận thông tin. Nếu chúng ta hiểu đạo lý này, thì hiện thời địa cầu có tai nạn, chúng ta có thể hóa giải tai nạn hay không? Có thể! Chỉ cần quý vị biết chuyển ra sao, quý vị nắm vững cách chuyển ấy, sẽ có thể chuyển cảnh

giới. Chuyển cảnh giới, thì nhỏ là chuyển tự thân, đối với thân tướng của chính mình, đầu tiên là khỏe mạnh. Làm thế nào để nó chẳng sinh bệnh, khỏe mạnh, trường thọ? Làm thế nào để thân thể chúng ta chẳng lão hóa, hễ quý vị hiểu đạo lý sẽ liền làm được!

Nói theo hiện thời, tâm thái của quý vị thanh tịnh chính là tướng trường thọ, dung mạo rạng rỡ, màu da nhất định hết sức tươi tắn, chẳng dễ gì lão hóa. Vì sao? Tâm quý vị thanh tịnh. Nếu đạt tới bình đẳng, tức là đạt lên một bậc cao hơn. Tâm bình đẳng, thì có thể nói là quý vị sinh tử tự tại. Nếu tâm bình đẳng thật sự hiện tiền, chúng ta sống trên thế giới này hai ba trăm năm chẳng có vấn đề gì. Đối với y học Trung Quốc, tức Trung Y, thầy tôi là lão cư sĩ Lý Bình Nam hết sức giỏi Trung Y, cụ bảo tôi: Cả đời cụ kê toa chữa bệnh cho người khác, chắc chắn chẳng lầm một ai. Cụ dám nói như vậy.

Cụ cũng từng làm quan tòa. Cụ nói: “Ta làm quan tòa xử án, có khiến ai bị oan uổng hay không, ta chẳng dám nói, không dám chắc, rất có thể là có chỗ xử oan người ta, nhưng khám bệnh cho kẻ khác, chưa hề kê toa sai”. Cụ có gan nói ra lời ấy. Cụ bảo chúng tôi: “Trung Y chẳng nhằm chữa bệnh. Điều thứ nhất trong Trung Y là dạy con người trường sinh”.

Cụ nói: “Đối với thọ mạng của con người, thân thể con người là một cỗ máy. Nếu có thể bảo dưỡng cỗ máy ấy rất khá, tối thiểu là có thể duy trì 200 năm. 200 tuổi là thọ

mạng bình thường. Quý vị sống không đến 200 tuổi là do không biết bảo dưỡng, chính mình làm hỏng bản thân”. Lời ấy rất có lý. Mục tiêu thứ nhất của Trung Y là trường sinh. Mục tiêu thứ hai là phòng ngừa bệnh tật. Quý vị thật sự hiểu đạo lý này, có thể ngăn ngừa cả đời chẳng bị bệnh. Mục tiêu thứ ba mới là chữa bệnh. Chữa bệnh là mục tiêu thứ ba của Trung Y.

Khi chữa bệnh còn thần kỳ hơn nữa. Thầy nói: Chữa bệnh thì thầy lang bậc nhất chỉ nhìn, không cần phải hỏi, nhìn sắc tướng và dung mạo, nghe âm thanh của quý vị nói, chẳng hỏi han, liền hoàn toàn liễu giải tình trạng thân thể của quý vị. Người ấy còn có thể phán đoán: Hiện thời thân thể quý vị rất tốt, chẳng có bệnh tật gì, nhưng người ấy biết 10 năm sau, hoặc 20 năm sau, quý vị sẽ bị bệnh gì, bị trục trặc chỗ nào! Cụ nói: Thần kỳ! Điều này có đạo lý, chẳng phải là không có đạo lý. Thí dụ như người thợ sửa chữa xe hơi, kinh nghiệm rất phong phú, nghe tiếng máy xe chạy, liền biết tình trạng cái xe.

Quý vị còn chạy được bao nhiêu cây số nữa, thì chỗ nào đó trong xe sẽ bị trục trặc, người ta là dân nhà nghề mà! Người ngoài nghề như chúng ta nghe không ra, nhưng người ấy có thể nghe biết. Vì vậy, Trung Y nói “*vọng, văn*” (quan sát, nghe tiếng), thứ ba là bắt mạch, tức “*vọng, văn, vấn, thiết*” (quan sát, nghe tiếng nói, hỏi tình trạng bệnh tật, bắt mạch). Quý vị thấy hạng nhất, vừa nhìn là biết. Đây là thầy chữa bệnh bậc nhất. Hạng hai phải hỏi, hỏi han quý vị. Hạng ba mới

phải bắt mạch. Chúng tôi học những điều thường thức này từ thầy Lý, biết thầy thuốc phải bắt mạch là loại thầy thuốc hạng ba.

Quý vị thấy trong Trung Y, điều thứ ba mới là chữa bệnh. Chữa bệnh mà nhìn, hỏi xong vẫn phải bắt mạch, sẽ là thầy thuốc hạng ba, kể ra cũng khá lắm. Nhưng hiện thời thầy lang giỏi trong loại ba này cũng chẳng dễ gì kiếm được!

Chúng ta phải biết: “Tâm thái là chủ tế của hết thủy”. Quý vị thấy vài hôm trước, cư sĩ Lưu Tố Vân biểu diễn ở đây, chính bà ta bị bệnh Hồng Ban Lang Sang. Mặc bệnh ấy gần như chẳng có cách nào chữa lành, nhưng bà ta hoàn toàn khôi phục, ngay cả vết sẹo cũng chẳng còn! Quý vị thấy bà ta giảng kinh, ở đây là mỗi ngày giảng 2 giờ. Tôi nghe nói ở Thâm Quyến, mỗi ngày bà ta giảng 8 giờ. Cường độ lao động như vậy chẳng dễ dàng! Bà ta năm nay 66 tuổi, lúc 59 tuổi mắc bệnh ấy.

Quý vị thấy đó! Tâm thái trị liệu, chẳng dùng thuốc. Đây là căn cứ lý luận trong Phật pháp. Hễ tâm thái chuyển biến, các tế bào mắc bệnh trong nội tâm đều có thể khôi phục bình thường. Nếu tâm thái chẳng tốt đẹp, quý vị thấy thầy lang Bành Hâm đã phân tích. Ông ta nói Ngũ thường “nhân, nghĩa, lễ, trí, tín”, làm được 5 từ ấy, quý vị sẽ chẳng mắc bệnh. Bất nhân sẽ bị bệnh gan, bất nghĩa sẽ bị bệnh phổi, vô lễ sẽ bị bệnh tim, đều là [bệnh tật] tương ứng [tâm thái]. Đây là y học Trung Quốc.

Y học Trung Quốc đã có lịch sử hơn 5.000 năm, làm sao quý vị có thể chẳng thừa nhận? Thầy tôi là tiên sinh Phương Đông Mỹ có lần bảo tôi: “Trung Y có 5.000 năm lịch sử, Tây Y mới 300 năm. Trong Đệ Nhị Thế Chiến đã may mắn phát minh chất kháng sinh (antibiotics). Nếu chẳng phát minh chất kháng sinh, sẽ chẳng có Tây Y”. Thầy hỏi tôi: “Anh tin vào 300 năm, hay tin 5.000 năm?”. 5.000 năm chịu đựng sự khảo nghiệm của thời gian và con người, nó đã định hình.

Quý vị chẳng thể không bội phục trí tuệ của người xưa. Họ chứng đắc Thật Tướng của các pháp như trong kinh điển đã nói. Những thứ được giảng trong kinh giống như vậy, đức Phật nói, ai có thể thấy và chứng thực? Từ Bát Địa trở lên. Bồ tát có các tầng cấp: Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Thập Nhất Địa là Đẳng Giác, Thập Nhị Địa là Phật, năm tầng cấp này đều hiểu rõ ràng, rành rẽ. Từ Thất Địa trở xuống đều chưa chứng đắc. Chưa chứng đắc, thì chỉ nên nghe lời thầy, nỗ lực nâng cao tính linh của chính mình. Nâng lên tới Bát Địa, quý vị sẽ chứng đắc.

Các huyễn diệt sạch như vừa mới nói là tam tế tướng và lục thô tướng. Từ tam tế biến thành lục thô; tam tế tướng quá vi tế, chẳng dễ gì nhận biết. Do vậy, khoa học hiện thời có thể nói tới năng lượng, vật chất và thông tin, chúng ta không thể chẳng bội phục họ, hết sức hiếm có! Khoa học vẫn cần tiến cao hơn, chúng ta cũng mong các khoa học gia có thể minh tâm kiến tính. Nhưng minh tâm kiến tính, thì phải buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống.

Nếu vẫn dùng những tâm ấy, tức là dùng vọng tâm, mà vọng tâm chỉ có thể đạt tới A Lại Da là cùng, họ chẳng có cách nào đột phá. Vì vậy, “*chư huyễn tận diệt*”. Công phu học Phật là dùng ở chỗ này!

Trước hết, công phu ấy có thứ tự và cũng có khó, dễ. Đầu tiên là từ chấp trước, quyết định chớ nên chấp trước. Hễ có chấp trước, sẽ chẳng thể đột phá cửa ải đầu tiên là lục đạo. Lục đạo cũng chẳng thật, chỉ cần buông chấp trước xuống, chẳng chấp trước hết thấy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Chẳng chấp trước, thì chúng ta thường nói: Phải thực hiện từ nơi đâu?

Thực hiện bằng cách buông đối lập xuống. Tôi thường khuyên lớn đồng học chuyện này. Chúng ta thực hiện từ chỗ này: Quyết định chẳng đối lập với người khác. Hẳn đối lập với ta, ta chẳng đối lập với hẳn. Nếu ta đối lập với hẳn, thì quý vị sẽ khó đi được một tấc nào trong Phật pháp. Chẳng đối lập hết thấy sự, chẳng đối lập hết thấy vạn vật, tâm lượng quý vị sẽ mở rộng, có thể bao dung. Đó là bước đầu! Đầu tiên phải buông xuống, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, chớ nên có ý niệm khống chế hay chiếm hữu.

Nếu quý vị có ý niệm khống chế hay chiếm hữu, đó là căn bản của tất cả hết thấy phiền não. Phải dốc sức nơi đây thì mới có thể đạt được cái tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh mới hiện tiền. Tâm thanh tịnh hiện tiền sẽ vô cùng sung sướng.

Đó là pháp hỷ sung mãn. Quý vị thấy câu đầu tiên trong *Luận Ngữ*, Khổng Tử nói: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (Học rồi thường tu tập, cũng chẳng vui sao). Quý vị hoàn toàn thực hiện những điều đã học trong cuộc sống, trong công việc, trong xử sự đối người tiếp vật. Trong tâm hỷ duyệt, sự hỷ duyệt ấy chẳng do ngũ dục, lục trần bên ngoài kích thích, mà là sự hỷ duyệt từ trong nội tâm lưu xuất ra ngoài. Phật pháp cũng giống như thế. Quý vị có thể thật sự buông tập khí phiền não xuống, tâm sẽ tự tại lắm, thanh tịnh lắm!

Vì vậy, trước hết là tu tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh đã đạt được, lục đạo chẳng còn nữa, vượt thoát lục đạo, thành A La Hán quả. Tiến thêm một bước nữa, buông phân biệt xuống; không chỉ chẳng chấp trước, ngay cả phân biệt cũng chẳng có, cảnh giới sẽ nâng cao lên thành Bồ tát. Cuối cùng, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, thì gọi là “thành Phật”. Vì vậy, Phật, Bồ tát, A La Hán là danh xưng của ba tầng lớp tu hành trong nhà Phật, giống như danh xưng ba học vị trong nhà trường hiện thời: Cao nhất trong học đường hiện thời là Tiến sĩ, kế đó là Thạc sĩ (Cao học, Master), rồi Học sĩ (Cử nhân, Bachelor).

A La Hán là Học sĩ, Bồ tát là Thạc sĩ, Phật là Tiến sĩ. Đây là danh xưng học vị, chẳng thể lẫn lộn được! Ngày nay, Phật giáo biến thành tôn giáo chính là tội lỗi của chúng ta, do tội lỗi của đệ tử Phật, lẽ nào Phật giáo bị lẫn lộn với tôn giáo! Phật Thích Ca Mâu Ni suốt đời dạy học, quý vị hãy xem kỹ, Ngài chẳng dính dáng gì với tôn giáo, nhưng nay Phật giáo

thật sự biến thành tôn giáo, quý vị lại chẳng thể không thừa nhận nó là tôn giáo.

Chúng ta đã có lỗi với thầy! Phật Thích Ca Mâu Ni mang thân phận, chức nghiệp của một vị thầy, giống như Khổng Tử, Khổng Tử giáo học chỉ được 5 năm, Phật Thích Ca Mâu Ni dạy học suốt đời, 49 năm, 30 tuổi đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, bắt đầu dạy học, nhập diệt năm 79 tuổi, giảng kinh, giáo học suốt 49 năm. Ngài dạy chúng ta: Tất cả vấn đề thế gian và xuất thế gian, dùng phương pháp gì để giải quyết? Dùng giáo dục! Chỉ cần quý vị dạy người ta giác ngộ, giúp họ phá mê khai ngộ; hễ họ khai ngộ, sẽ có thể giải quyết vấn đề.

Trí tuệ có thể giải quyết vấn đề, nhưng tri thức không thể. Tri thức giải quyết vấn đề giới hạn, và còn để lại hậu quả. Trí tuệ chẳng vậy, trí tuệ chẳng có ngăn mé, chắc chắn chẳng để lại hậu quả!

Đại thừa Phật pháp là trí tuệ viên mãn. Trí tuệ do đâu mà có? Sẵn có trong tự tính, đó là giác tính. Giác tâm bất động, giác tính là trí tuệ, là cái quý vị vốn sẵn có. Giác tính là gì? Kiến, văn, giác, tri (thấy, nghe, hay, biết), chẳng sinh, chẳng diệt. Lúc Huệ Năng Đại sư kiến tính đã báo cáo rất đơn giản, 20 từ, quả thật là *“Vốn tự thanh tịnh”*.

Tâm quý vị có ô nhiễm hay không? Chẳng có! Dầu tạo tác ác nghiệp, đọa vào A Tỳ địa ngục vẫn chẳng ô nhiễm. Nếu nó bị ô nhiễm, sẽ chẳng gọi là chân tâm, mà là hư vọng. Vì vậy,

ô nhiễm là gì? Ô nhiễm là A Lại Da bị ô nhiễm. Tôi vừa mới nói tới Nghiệp Tướng, Cảnh Giới Tướng, và Chuyển Tướng, những thứ ấy bị ô nhiễm, nhưng tự tính chẳng ô nhiễm. Tự tính mới là con người chân thật của chính mình.

Đại thừa Phật giáo thường gọi nó là “*Phụ mẫu vị sinh tiền bản lai mục*” (Diện mạo sẵn có trước khi được cha mẹ sinh ra); nhưng mê liền biến thành A Lại Da, giác ngộ thì A Lại Da chẳng có, kiến, văn, giác, tri, hiện tiền. Kiến, văn, giác, tri trọn khắp pháp giới hư không giới. Toàn bộ hư không pháp giới là một sinh mệnh có chung một cái Thể. Đây là luân lý theo quan điểm nhà Phật. Luân lý là nói về quan hệ.

Chúng ta sống trong thế gian này, nói tới Ngũ luân, tức là quan hệ cha con, quan hệ anh em, quan hệ vua tôi, quan hệ bè bạn, nói tới những mối quan hệ này. Nhưng Phật gia nói tới luân lý, bèn nói tốt cùng viên mãn. Vì sao? Cả hư không pháp giới cùng chính mình là một Thể, chẳng phải là một nhà, mà là một Thể, một sinh mệnh có cùng một Thể! Vì vậy, lòng yêu thương chẳng có phạm vi, chẳng có điều kiện, được gọi là Vô Duyên Đại Từ. Nói theo hiện thời, “*duyên*” là điều kiện. Vô duyên là chẳng có điều kiện.

Đồng Thể Đại Bi: Thương xót chúng sinh có cùng một Thể với chính mình. Trên thân ta chỗ nào đau ngứa, ta rất quan tâm tới chỗ ấy. Đồng thể mà! Đại thừa Phật pháp thấy trọn khắp pháp giới hư không giới có cùng một Thể với chính mình. Điều này quá khó! Nay chúng ta vì sao chẳng thể khế

nhập cảnh giới? Vì chúng ta có Ngã, ta và người khác vạch rõ giới tuyến, chẳng biết tự tha chẳng hai. Tự và tha là một. Lẽ nào chẳng biết đạo lý này!

Vì vậy, trong Phật pháp, trước hết là phải phá Thân Kiến, chẳng còn chấp trước cái thân này là Ngã. Thân này là gì? Thân có sinh diệt, Ngã chẳng sinh diệt. Ngã là giác tính. Giác tính chẳng sinh diệt. Kiến, văn, giác, tri, là giác tính. Trong hội Lăng Nghiêm, Phật Thích Ca Mâu Ni đã bàn vấn đề này với vua Ba Tư Nặc. Vua Ba Tư Nặc lo ngại, tuổi đã già rồi, lúc ấy, vua 62 tuổi, bằng tuổi Phật Thích Ca Mâu Ni, dần dần già rồi sẽ phải bệnh chết, lo sầu chuyện này.

Phật Thích Ca Mâu Ni liền hỏi nhà vua, nhằm dạy bảo vua, gọi vua là “đại vương”, vì vua là quốc vương, hỏi vua: “Đại vương thấy nước sông Hằng lúc mấy tuổi?”. Vua thưa: “Ba tuổi”. Mẹ dẫn vua đến một nơi cũng là một thần miếu (miếu thờ thần), lúc tới chiêm bái thần miếu, có đi trên bờ sông Hằng, biết đó là dòng sông Hằng, nhìn thấy sông. Đức Phật nói: “Lúc đại vương 13 tuổi, 10 sau đó, đại vương cảm thấy thân thể già hơn lúc 3 tuổi rất nhiều, bị lão hóa hay chẳng!”. “Đúng vậy”.

Khi 23 tuổi, lại già hơn lúc 13 tuổi mười năm. Năm nay 62 tuổi, thân thể biến hóa không ngừng. Đức Phật hỏi nhà vua: “Cái thấy của đại vương đối với nước sông Hằng có biến hóa hay chẳng?”. “Ba tuổi ta thấy nước sông Hằng, 13 tuổi ta cũng thấy, lúc 23 tuổi ta cũng trông thấy”. “Tới 62 tuổi,

đại vương cũng thấy. Cái thấy của đại vương có biến hóa hay chẳng?”. Vua thưa: “Chẳng biến hóa”. Đức Phật bèn nói: “Chẳng có biến hóa là bất sinh, bất diệt. Bị biến hóa là cái thân hư giả của đại vương. Cái thân hư giả của đại vương có sinh tử, còn cái chẳng sinh chẳng diệt sẽ chẳng sinh tử”. Vua Ba Tư Nặc do vậy giác ngộ, rất vui vẻ. Vốn là thân đã chết, nhưng linh tính của ta trọn chẳng thật sự chết!

Thân là gì? Thân chẳng phải là Ngã. Thân là sở hữu của Ngã, là công cụ, giống như y phục, là quần áo của ta. Thân để ta sử dụng, dùng vài chục năm chẳng còn thuận tiện sử dụng nữa bèn thay bộ khác, thay đổi thân thể; nhưng trong đây có mê hay ngộ. Lúc mê gọi là “linh hồn”, lúc ngộ gọi là “tính linh”. Lúc mê, phạm vi hoạt động của linh hồn là lục đạo, không thoát lìa lục đạo luân hồi.

Tình hình trong lục đạo đã được con người phát hiện rất sớm, cần biết là hơn một vạn năm trước. Điều này, đã được các tôn giáo và học phái xa xưa của Ấn Độ nhận biết. Lịch sử của họ lâu hơn chúng ta! Tôi có qua lại với họ, các trưởng lão Ấn Độ bảo tôi: Tôn giáo của họ tương truyền đã lâu hơn mười ngàn năm, chúng ta có thể tin tưởng chuyện này. Người Ấn Độ không chú trọng lịch sử, chẳng giống người Trung Quốc đời đời truyền thừa. Nhưng hiện tại, cả thế giới thừa nhận họ (người Ấn Độ) có tám ngàn năm trăm năm lịch sử, cũng là sớm hơn Phật giáo năm ngàn năm. Trên thực tế không phải chỉ có vậy!

Phật Thích Ca Mâu Ni đã học những thứ của họ, điểm đặc sắc nhất trong sự tu học của họ là Tứ thiền Bát định. Kinh Phật nói Tứ thiền Bát định là Bà La Môn giáo. Nếu tu môn định này thành công, trong định có thể đột phá các chiều không gian, cũng có nghĩa là: Quý vị nhập định này, trong định, quý vị đi lên, sẽ thấy 28 tầng trời, đi xuống, có thể thấy địa ngục.

Chỉ cần quý vị tu định này, đều có thể thấy được. Tầng lớp sâu cạn khác biệt trong định này, nói chung gồm bốn thứ: Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền; Bát Định là tầng cao nhất, tức là nói đến Vô Sắc Giới Thiên. Tứ Thiền thấy tới Sắc Giới Thiên; đạt đến Đệ Bát Định, sẽ thấy Vô Sắc Giới Thiên, 28 tầng trời đều trông thấy. A La Hán chẳng phải chỉ như vậy. A La Hán tu Cửu Thứ Đệ Định, đột phá lục đạo luân hồi, đạt tới một thế giới khác. Quý vị chân tu, sẽ thật sự thấy, chẳng giả tí nào, nhưng đức Phật nói đây vẫn chưa phải là rốt ráo. Rốt ráo thì còn phải tiến lên cao hơn nữa.

Quý vị thấy: A La Hán vẫn chưa thấy A Lại Da; Bồ tát cũng chẳng thấy, Phật trong mười pháp giới vẫn chưa thấy! Phải buông khởi tâm động niệm xuống, cái tâm ấy thật sự định. Định là gì? Đó là chân tâm. Chân tâm vốn bất động, quý vị thấy Huệ Năng Đại sư nói: *“Hà kỳ tự tính, bản vô dao động”* (Nào ngờ tự tính, vốn không lay động). Trước nay chưa hề động! Bất động là chân tâm, bị động là vọng tâm. Vọng tâm là ý niệm, khởi tâm động niệm!

Niệm có tịnh, có nhiễm; tịnh bèn ra khỏi lục đạo luân hồi, nhiễm sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Trong nhiễm có thiện, có ác; thiện niệm cảm ba thiện đạo, ác niệm cảm ba ác đạo. Trong nhiễm có thiện, ác; trong tịnh chẳng có thiện, ác. Đó là tứ thánh pháp giới, vẫn chưa phải là chân. Chân thì sao? Nhiễm, tịnh, thiện, ác, thấy đều chẳng có. Đó là chân, bèn vượt thoát mười pháp giới.

Chư huyễn tận diệt, giác tâm bất động, kiến, văn, giác, tri, sẵn có trong tự tính bèn hiện tiền. Chúng bất động, kiến, văn, giác, tri, bất động. Lúc mê biến thành A Lại Da thức. Trong A Lại Da thức, kiến, văn, giác, tri, biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thọ là quý vị có cảm nhận, tức là có cảm nhận “khổ, lạc, ưu, hỷ, xả”. Tưởng là quý vị có suy nghĩ.

Hành là ý niệm chẳng trụ. Niệm trước vừa diệt, niệm sau bèn sinh. Đó là Hành. Nay, chúng ta nói một cách rất dễ hiểu thì Thức là ký ức. Những gì quý vị đã từng trải qua đều có thể ghi nhớ, đó là tác dụng của Thức. Hôm qua, tôi nghe một đồng học cho biết: Họ thấy trên Internet, đại khái là ở Mỹ, một số khoa học gia trong khi nghiên cứu, đã phát hiện nước có ký ức. Thí nghiệm của Tiến sĩ Giang Bản Thắng cho chúng ta biết: Nước có thể nghe, thấy, hiểu ý nghĩ của con người. Họ còn tiến hơn bước nữa là phát hiện nước còn có ký ức. Đây là khoáng vật, trong kinh Phật đã sớm nói đến rồi! Kinh Phật dạy chúng ta: Tâm và vật cùng một Thể, vĩnh viễn chẳng tách rời. Trong vật có tâm, trong tâm có vật. Bất luận vật chất gì đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

Sau khi Tiến sĩ Giang Bản Thắng làm thí nghiệm này thành công, một đồng học phát hiện tin ấy trên Internet, in ra thành bốn trang đưa cho tôi xem. Sau khi tôi xem xong, vô cùng vui vẻ, khoa học gia đã chứng tỏ tất cả hết thấy hiện tượng vật chất đều có năng lực ấy. Đó là năng lực sẵn có. Nước có Thọ, Tướng, Hành, Thức, bần đất có hay không? Đương nhiên là có! Đá có hay không? Đương nhiên là có. Một hạt cát, một hạt bụi cũng có. Theo Phật pháp nói, một cọng lông, một sợi lông cũng trọn đủ các năng lực ấy. Thoạt nghe thì rất thần kỳ, nhưng là sự thật.

Chúng ta thấy cuộc đối đáp giữa Phật Thích Ca Mâu Ni và Bồ tát Di Lặc. Cuộc đối đáp ấy là khoa học cao cấp. Thuở ấy, thầy Phương giới thiệu Phật giáo với tôi, đã nói Phật giáo là triết học cao cấp. Tôi hiểu, tôi cũng phát hiện Phật giáo là khoa học bậc cao. Nhỏ như vi trần, khoa học hiện thời gọi vi trần là nguyên tử, điện tử, lap tử, hạt cơ bản là khoa-khắc (quark), nhục nhãn chẳng thấy được; đó là vật chất; trong các vật chất như vậy cũng có Thọ, Tướng, Hành, Thức. Vì vậy, chúng có sinh mệnh, chúng sống động.

Theo như Phật pháp giảng, cả vũ trụ là một thể hữu cơ (organism), chẳng phải là chết cứng, mà sống động. Chứng minh bằng cách nào? Dùng phương pháp Thiền định để chứng minh. Không giống như khoa học. Khoa học dùng các máy móc. Máy móc đôi khi còn có lầm lẫn, sai lệch; Thiền định chẳng sai lạc. Từ trong Thiền định rất sâu, đột phá từng tầng chướng ngại, quý vị sẽ thấy được.

Người đời còn có một phương pháp, nhưng rất hữu hạn, chỉ có thể chứng minh chuyện này là có thể xảy ra, chẳng giả, đó là thuật thôi miên rất thịnh hành ở phương Tây trong vòng nửa thế kỷ trở lại đây! Trong lúc được thôi miên rất sâu, quý vị có thể trở lại đời quá khứ, thậm chí trở lại nhiều đời trong quá khứ.

Tôi đọc báo cáo của bác sĩ Ngụy Tư (Brian L. Weiss) nước Mỹ, đã có một người được thôi miên đã quay lại gần như mấy chục đời, không chỉ mấy chục đời, mà gần như bảy tám mươi đời, tức là hơn bốn ngàn năm trước! Hoàn cảnh lúc ấy là còn sống trong hang động, con người chưa biết ở trong nhà cửa, mà sống trong hang động. Người ấy có thể nói ra tình trạng sống lúc ấy, tuyệt đối chẳng phải là bịa đặt. Vì vậy, từ thôi miên có thể chứng thực.

Thiền Định chứng thực con người thật sự có thể trở lại quá khứ, cũng thật sự có thể thấy được vị lai. Vì sao? Thời gian và không gian là giả. Đại thừa Phật pháp dạy chúng ta: Chẳng có thời gian. Chẳng có thời gian, sẽ chẳng có trước sau; chẳng có không gian, sẽ chẳng có khoảng cách. Thế giới Tây Phương Cực Lạc cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật. Nếu không gian bị đột phá, thế giới Cực Lạc ở đâu? Thế giới Cực Lạc ở ngay nơi đây.

Các nhà khoa học đã thừa nhận thời gian và không gian chẳng có thật, nhưng dùng phương pháp gì để đột phá họ không biết! Các chiều không gian (không gian duy thứ:

Spatial dimensions) do đâu mà có, chúng ta đều biết. Kinh Phật đã giảng rất rõ ràng chúng do đâu mà có? Từ vọng tưởng, chấp trước mà ra!

Quý vị chẳng có vọng tưởng, chấp trước, các chiều không gian sẽ chẳng còn nữa! Điều phải tu định, phải tu tâm thanh tịnh, phải tu tâm bình đẳng. Thanh tịnh có thể đột phá lục đạo. Bình đẳng có thể đột phá mười pháp giới. Giác tâm có thể đột phá toàn thể vũ trụ. Ba tầng lớp như vậy. Phải có công phu như thế nào? Buông xuống! Quý vị chẳng buông xuống sẽ chẳng được, phải thật sự buông xuống!

Vì vậy, tôi rất cảm tạ thầy tôi. Người xuất gia tôi gặp mặt đầu tiên là Chương Gia Đại sư. Tôi hướng về Ngài thỉnh giáo, tôi nói: Thầy Phương giới thiệu Phật pháp cho tôi, tôi biết Phật pháp đúng là một môn Đại học vấn, có phương pháp gì để có thể khế nhập cảnh giới hay chăng? Tôi nêu câu hỏi như thế. Nêu câu hỏi xong, lão nhân gia không trả lời tôi.

Ngài nhìn tôi, tôi cũng nhìn Ngài, chúng tôi ở trong căn phòng khách nhỏ ấy nhìn nhau nửa giờ. Tôi đợi nửa giờ, đợi đến khi Ngài nói một tiếng: “Có”. Có! Tinh thần chúng tôi phấn chấn, chú ý nghe. Ngài lại chẳng nói năng gì, lại đợi sáu, bảy phút, Ngài mới lại nói: “*Thấy thấu suốt, buông xuống*”. Mấy chục năm sau, tôi mới nghĩ ra: Khi ấy, vì lẽ nào Ngài nhìn tôi nửa giờ chẳng nói gì? Tôi tuổi trẻ, bộp chộp, nóng vội, nhất định phải đợi cho tâm tình lắng xuống, vọng niệm chẳng còn, lúc ấy nói với quý vị, thì mới có ích. Quý vị

mới thật sự nghe lọt. Nói một tiếng Có, tâm tư chúng tôi lại xáo động. Lại chuyển động, không được rồi, vẫn phải chờ cho tâm tình lắng xuống.

Nay tôi nhìn vào nhiều trường học, ấn tượng sâu nhất là khi tôi ở Luân Đôn, đến thăm Trường Đại học Kiểm Kiêu (Cambridge) tại Luân Đôn, tôi thấy sinh viên ở đây kể ra còn khá, tốt hơn những trường khác, vẫn chẳng khác lắm so với lúc tôi trẻ tuổi. Gặp Chương Gia Đại sư, Ngài chẳng nói gì, cứ trừng mắt nhìn. Khi nào quý vị có thể định được tâm thái bông bột, Ngài mới nói với quý vị. Từ điểm này, chúng tôi hiểu được sự giáo học của cổ nhân.

Bởi lẽ, thời cổ, trẻ nhỏ được bồi dưỡng sự ổn trọng từ nhỏ, nhất cử, nhất động đều giống như một người trưởng thành thu nhỏ, nên nó có thể tiếp nhận giáo dục đạo đức. Còn như những trẻ nhỏ của phương Tây, chẳng có cách nào tiếp nhận, tiếp nhận khoa học kỹ thuật thì được, chứ chúng chẳng có năng lực tiếp nhận loại học vấn như thời xa xưa. Vì vậy, học gì cũng đều cần tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, thật sự là cơ sở để học theo cổ thánh tiên hiền. Thiếu cơ sở này, chúng ta chỉ nghe những kiến thức thông thường bề ngoài, chẳng có cách nào kế nhập cảnh giới!

Trong đoạn tiếp theo, vẫn là điều được nói trong kinh *Viên Giác*: “*Huyễn diệt diệt cố, phi huyễn bất diệt*” (Cái huyễn diệt bị diệt, nhưng cái chẳng huyễn bất diệt). Huyền là giả,

chẳng thật. Quý vị chẳng thể nói nó chẳng có tướng, nay tất cả các hiện tượng đều hiện tiền, làm sao quý vị có thể nói là không có tướng? Tuy hiện tượng hiện tiền, chẳng thể nói là nó có. Vì sao chẳng thể nói là nó có? Tướng ấy là huyễn tướng. Thật vậy, giống như những tấm phim trong máy chiếu phim. Chúng ta coi phim, phim hiện thời dùng kỹ thuật mã hóa (digitalized), chẳng dễ gì thấy được chúng là huyễn tướng! Trước đây, điện ảnh dùng phim nhựa.

Ở đây, tôi vẫn có vài cuộn phim, phim xi-nê. Đây là cuộn phim nhựa, đây là máy chiếu. Quý vị thấy mỗi tấm ảnh trong cuộn phim là một tướng cảnh giới, là một huyễn tướng. Ống kính của máy chiếu phim mở ra, tấm phim này được chiếu lên màn bạc. Ống kính đóng lại, lại đổi sang tấm phim thứ hai, tấm phim thứ nhất chẳng còn, lại đổi sang tấm phim thứ ba, tấm phim thứ hai chẳng còn. Nó thay đổi nhanh chóng, trong một giây thay đổi 24 tấm, chúng ta bèn bị gạt. Chúng ta coi phim giống như bị nó mê hoặc, dường như là thật. Thật ra tốc độ là một phần hai mươi bốn phần giây.

Hiện tượng trong vũ trụ hiện tại của chúng ta nhanh hơn tướng được hiện trên màn ảnh bao nhiêu? Phật hỏi Bồ tát Di Lặc, thật ra, hai Ngài một hỏi một đáp cho chúng ta nghe, song tấu cho chúng ta nghe để giác ngộ. Phật hỏi, Bồ tát Di Lặc đáp. Đức Phật nói tâm có niệm. Đây là nói về những kẻ phàm phu giống như chúng ta trong tâm khởi lên ý niệm. Trong một niệm có bao nhiêu tế niệm? Có mấy

niệm? Đó là ý niệm vô cùng vi tế, giống như chúng ta trong một giây nhìn các hình ảnh hiện trên màn bạc. Hình ảnh trong phim, thấy một giây là 24 niệm. 24 niệm sinh diệt, chúng ta xem mỗi niệm là một giây; còn Bồ tát Di Lặc nói tới một cái khảy ngón tay. Một cái khảy ngón tay chưa đầy một giây! Nếu chúng ta khảy nhanh, trong một giây có thể khảy 4 lần. Khảy nhanh hơn sẽ có thể khảy 5 lần. Ngài nói một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân với mười vạn.

Trong một cái khảy ngón tay có bao nhiêu niệm? Ba mươi hai ức nhân với mười vạn là ba trăm hai mươi triệu, chúng ta làm sao có thể biết nó là giả được! Nếu một giây chúng ta khảy 5 lần, trong một giây có bao nhiêu tế niệm? Một tỷ sáu trăm triệu! Trên màn bạc điện ảnh, một giây mới là 24 lần, 24 niệm sinh diệt, còn hoàn cảnh hiện thực là trong một giây có một tỷ sáu trăm triệu, ai có thể thấy được?

Trong kinh, đức Phật nói: Bát Địa Bồ tát! Bát Địa Bồ tát do cái tâm thanh tịnh, không chấp trước và công phu định lực có thể nhìn thấy một giây có một tỷ sáu trăm triệu niệm vi tế như vậy, Ngài có thể nhận biết. Từ Bát Địa trở lên là Cửu Địa Bồ tát, Thập Địa, Đẳng Giác Bồ tát, Diệu Giác, những vị thuộc năm địa vị này thấy rõ ràng; đấy là thấy được căn nguyên duyên khởi vũ trụ.

Dụng cụ khoa học chẳng có cách nào, làm không được, bởi căn nguyên ấy quá vi tế. Những công cụ của các nhà

khoa học có thể thấy được ba tế tướng của A Lại Da, thì kể ra là đã khá lắm rồi, còn niệm này tốt bậc vi tế, mong thấy được nó quá khó khăn!

Chúng ta tưởng thế giới này là thật, do đức Phật dạy như vậy, chúng ta mới biết thế giới này luôn được tạo thành trong mỗi niệm. Do những niệm cực kỳ vi tế tụ tập nên mới thành tự. Do vậy, tướng chẳng thật, chúng là huyền tướng, giống như nay chúng ta đang xem TV. TV hiện thời dùng kỹ thuật mã hóa, nhanh hơn tốc độ của điện ảnh, quý vị càng thấy rất thật.

Quý vị hiểu toàn thể hiện tượng trong vũ trụ rất giống với chuyện chiếu phim này, chẳng thể nói nó là giả, nhưng cũng chẳng thể nói nó là thật. Nếu quý vị nói nó là thật, thì nó niệm niệm chẳng tồn tại, niệm trước chẳng phải là niệm sau. Trong lúc giảng kinh, chúng tôi thường dùng cụm từ *“tương tự tương tục tướng”* (tướng gần giống như liên tục) để chỉ tướng này. Tướng trước và tướng sau tuyệt đối khác nhau, nhưng rất gần gũi, rất tương tự, chẳng hoàn toàn tương đồng, mỗi tấm phim khác biệt. Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Hoàn toàn không chế ý niệm, thì ý niệm của quý vị càng thanh tịnh.

Nói cách khác, nó biến hóa, từng tấm phim đều biến hóa, nhưng mức độ biến hóa rất nhỏ. Nếu tâm quý vị bộp chộp, nóng nảy, phiền não tập khí rất nặng, sự biến hóa này cũng rất lớn. [Biến hóa] rất lớn, thì thí dụ như chúng ta suy lão

nhANH chóng. [Biến hóa] rất chậm, thì chúng ta cũng già rất chậm. Đạo lý ở chỗ này, nó có đạo lý! Sau khi quý vị liễu giải Phật pháp, nhìn lại thấy Trung Y đúng là rất phi phàm, thật sự có lý. Kinh Phật đã giảng thấu triệt.

Vì vậy, chúng ta có thể khống chế chính mình, chúng ta làm thế nào để chẳng mắc bệnh, hoàn toàn khống chế từ tâm thái, tâm lượng phải lớn, nhất định phải có tâm từ bi, nhất định chớ nên có lòng oán hận. Oán, hận, phiền não, tức giận, phiền muộn, đều là duyên gây nhiễm bệnh, nhân là tham, sân, si, mạn, nghi. Tham, sân, si, mạn, nghi là nguyên nhân gây bệnh; oán, hận, phiền não, tức giận, phiền muộn là nguồn gốc gây bệnh. Nhân duyên kết hợp, các tế bào sẽ sinh ra virus, sẽ biến thành virus.

Quý vị hiểu đạo lý này, chỗ nào có bệnh, quý vị liền giữ cho tâm địa thanh tịnh, nghĩ đến những điều tích cực! Chúng ta học kinh này, học Đại thừa, ta liền khởi lên ý nghĩ về Bồ Đề tâm. Quý vị nghĩ đến *“chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chính giác, từ bi”*. Các tế bào bị nhiễm virus sẽ khôi phục bình thường. Chúng phục tùng ý niệm của quý vị. Nếu người khác làm thiện sự, tụng kinh hồi hướng cho quý vị, thì cũng có lợi đôi chút, chẳng nhiều lắm, không lớn, chính mình vừa chuyển ý niệm sẽ có sức mạnh to lớn. Người khác gia trì quý vị chẳng phải là vô dụng, mà là hữu dụng! Cũng có ích đôi chút, nhưng hiệu quả chẳng trực tiếp như vậy. Nếu ý niệm thật sự xoay chuyển, hồi tâm hướng thiện, sẽ chuyển rất nhanh!

Chúng ta hiểu đạo lý này: “*Huyễn diệt diệt cố, phi huyễn bất diệt*”. “*Phi huyễn*” là giác tính. Vì vậy, nó là bình thường, chỉ cần trừ khử những thứ hư vọng, nó sẽ khôi phục bình thường, vốn là bình thường, vốn khỏe mạnh. Như thầy Lý đã bảo tôi: Con người vốn có thể sống thọ tới hai, ba trăm tuổi. Sống hai ba trăm tuổi cũng chẳng hiếm lạ tí nào! Quan trọng nhất là tâm thái phải bình thường, chớ nên có tạp niệm, chớ nên có phiền não.

Trong xã hội này, cái được gọi “chuyện chẳng như ý” thường chiếm đến tám chín phần, đều là có nguyên nhân. Người này hủy báng ta, ta nhận lãnh, chớ nên ghim trong lòng, mà hãy cảm tạ kẻ đó! Vì sao cảm tạ hắn? Cũng giống như kẻ đó đến khảo nghiệm công phu của ta, coi ta có thể nhẫn hay không? Ta chịu đựng được thì đạt, ta vượt được cái ải này, chẳng ghim trong lòng, cảm tạ hắn. Hắn tổn hại ta, lăng nhục ta, đều là khảo nghiệm, khảo nghiệm bằng nghịch cảnh; còn thuận khảo, thì làm cho quý vị vui sướng. Nếu quý vị đang bị thuận khảo, thì sẽ là thuận cảnh thiện duyên. Trong tình hình ấy, hết thấy đều rất thuận lợi. Nếu quý vị khởi lên tham luyến, sinh tâm hoan hỷ, cũng sai rồi! Vì sao? Thất tình ngũ dục là phiền não.

Trong cảnh thuận chẳng tham luyến, trong cảnh nghịch chẳng oán hận, vĩnh viễn giữ gìn tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, khi ấy mới gọi là “*huyễn diệt diệt tận*”. Liễu giải chân tướng là thấy thấu suốt. Liễu giải chân tướng “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*” như kinh *Kim Cương* đã

dạy: “*Hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Pháp hữu vi là gì? Hữu vi là có sinh, có diệt.

Quý vị thấy có pháp nào chẳng sinh diệt. Động vật có sinh, lão, bệnh, tử; thực vật có sinh, trụ, dị, diệt; khoáng vật, núi, sông, đại địa thành, trụ, hoại, không. Chẳng có một thứ nào không sinh diệt. Đã có sinh diệt, thì quý vị biết những hiện tượng ấy do đâu mà có? Hiện tượng tụ tập trong từng sát na. Bồ tát Di Lặc nói: Trong một khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu niệm, khởi lên như vậy. Niệm niệm đều bất khả đắc; vì vậy, quý vị có thể hưởng thụ hết thấy tướng cảnh giới, nhưng đừng chấp trước, chớ nên chiếm hữu, chẳng thể chiếm hữu được!

Ngay cả thân thể cũng chẳng thể chiếm hữu. Nếu ta có thể chiếm hữu thân thể, ta sẽ 18 tuổi mãi mãi, tốt hơn nhiều! Vĩnh viễn chẳng già, vì ta đã chiếm hữu. Quý vị chẳng chiếm hữu được, nên nó biến hóa trong từng sát na. Tất cả hiện tượng đều là huyễn hóa, kể cả cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai như đức Phật đã giảng trong kinh. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm biến hóa hết sức chậm rãi. Do vậy, chúng ta đọc kinh *Vô Lượng Thọ*, thấy kinh miêu tả tình trạng trong thế giới Cực Lạc: Người trong thế giới Cực Lạc trường sinh bất lão, chẳng bị bệnh, không sinh bệnh, cũng chẳng bị già yếu.

Hoa trong thế giới Cực Lạc vĩnh viễn chẳng tàn. Do nguyên nhân gì? Do người sống trong cõi ấy trong tâm chẳng

có phân biệt, chấp trước. Vì sao còn có hiện tượng? Do họ có khởi tâm động niệm. Khi chẳng có phân biệt, chấp trước, sự biến hóa trở nên vô cùng chậm rãi, dẫu thời gian lâu đến đâu đi nữa, họ vĩnh viễn trẻ trung do đạo lý này. Nếu chúng ta hiểu, sẽ buông tập khí phiền não xuống, tốc độ già yếu trong thế gian này sẽ chậm lại, là do đạo lý như vậy!

Tôi học Phật, cảm kích thầy đã truyền dạy tôi hãy *“thấy thấu suốt, buông xuống”*. Ngày đầu tiên gặp mặt, câu đầu tiên thầy dạy tôi, thật chẳng dễ dàng, đã nói cho tôi biết một bí mật của Phật pháp. Chúng tôi mới biết từ Sơ Phát Tâm cho tới địa vị Như Lai là như vậy, *“thấy thấu suốt, buông xuống; buông xuống, thấy thấu suốt”*. Lúc quý vị điều gì cũng buông hết xuống, ngay cả buông xuống cũng chẳng có, cũng buông xuống luôn, chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật, trở về Thường Tịch Quang.

Tập khí chưa đoạn sẽ là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Như tôi vừa mới nói, trong cõi ấy vĩnh hằng bất diệt, hoa vĩnh viễn tươi mới, chẳng héo hon, rơi rụng, con người vĩnh viễn trẻ trung, chẳng già yếu. Thật sự có đạo lý. Những đạo lý ấy chúng ta đều có thể dùng được. Lúc dùng sẽ thật sự hữu hiệu. Thầy tu hành thật sự có công phu, chẳng giả.

Thưa quý vị, vị thầy này là một trong Tứ Đại Lát Ma. Bốn vị này, hai vị ở Tây Tạng là Đạt Lai và Ban Thiền, hai vị ở Mông Cổ: Chương Gia ở Nội Mông, Triết Bố Tôn Đan Ba ở Ngoại Mông. Bốn vị này đều là học trò của Tông Khách Ba

Đại sư. Bốn đại đệ tử của Tông Khách Ba ở bốn phương giáo hóa chúng sinh, tôi rất may mắn gặp một vị.

Chúng tôi tuổi trẻ, chưa từng tiếp xúc Phật pháp. Vì vậy, tôi đã từng rất mạo muội thỉnh giáo Ngài. Chúng tôi gọi Ngài là “Phật gia”. Tôi nói: “Thưa Phật gia, nghe nói các Ngài chuyển thể. Hoạt Phật (Phật sống) chuyển thể là thật hay giả?”. Tôi hỏi Ngài câu ấy. Vị thầy này thật tốt, luôn nói lời thật, chẳng lừa gạt chút nào! Ngài dạy: *“Ba đời đầu tiên có thể là thật, những đời sau sẽ chẳng thật”*.

Ngài là Chương Gia đời thứ mười sáu, thuộc về đời sau nên chẳng thật. Ngài nói: *“Đứa linh đồng sau khi được tìm ra, tuyển chọn, sẽ được giáo dục tốt nhất, được vị thầy đức hạnh nhất, học vấn khá nhất đương thời dạy dỗ. Người bình thường chẳng gặp được cơ hội ấy. Nếu nó thật sự chịu học, sẽ có bản lĩnh khá sâu!”*. Điều này đúng là khó có, giống như hoàng tử thuở trước, được hưởng sự giáo dục mà người khác chẳng được hưởng. Trước đây, vào thời đại đế vương, cả thiên hạ là của nhà vua. Đế vương “đăng cơ”, đó cũng là điển lễ nhậm chức. Chuyện lớn đầu tiên là lập Thái tử, nhằm bồi dưỡng thế hệ kế tiếp.

Sau khi lập Thái tử, thỉnh mấy vị đức hạnh ưu tú và có học vấn nhất trong nước làm thầy của Thái tử. Thái tử thật sự tích cực học tập, thì triều đại kế tiếp sẽ tốt đẹp. Con em của văn võ bá quan cùng học ké, đó là nhằm bồi dưỡng một tiểu triều đình kế tục. Thật sự dụng tâm, đời trước thật sự chịu trách nhiệm đối với đời kế tiếp.

Do vậy, các hoàng đế thuộc những đời cuối của mỗi triều đại đều là kẻ chẳng tuân thủ giáo huấn của tổ tông, phá hoại toàn bộ gia quy, nên bị kẻ khác thay thế. Nếu họ thật sự tuân theo gia pháp do tổ tông truyền lại, y giáo phụng hành, triều đại của họ sẽ tiếp tục truyền thừa. Thầy Phương từng bảo tôi: “Khổng Tử bội phục Châu Công là có lý”. Lão nhân gia suốt đời khâm phục Châu Công nhất. Cụ nói Châu Công đúng là thánh nhân đã tạo ra một bản điển chương chế độ là *Châu Lễ*. *Châu Lễ* là hiến pháp của nhà Châu. Thầy bảo tôi đọc, nhưng tôi chẳng có hứng thú đối với chính trị. Thầy bảo tôi nhiều lần, nhưng tôi chưa đọc *Châu Lễ*.

Cụ nói, nếu đời nào của nhà Châu cũng đều tuân thủ giáo huấn trong bộ sách ấy, thì đến nay vẫn là nhà Châu. Cụ đã nói một câu như thế. Đó là vì đối với từng câu, từng chữ, Châu Công đều nghĩ thay cho người trong thiên hạ, chẳng hề vì chính mình. Do vậy, tác phẩm của ông ta chịu được sự khảo nghiệm của thời gian và tình thế xã hội. Trong lịch sử Trung Quốc, triều đại nhà Châu lâu nhất, tám trăm năm, nhưng đến cuối thời, năm trăm năm cuối cùng trong tám trăm năm ấy là thời Xuân Thu Chiến Quốc, là đời loạn. Triều đình nhà Châu tuy xưng Thiên Tử, chư hầu chẳng nghe lệnh, nhưng nhà Châu vẫn có hơn ba trăm năm gần như tới bốn trăm năm yên bình lâu dài. Vấn đề ở chỗ nào? Vấn đề ở chỗ có tích cực thúc đẩy giáo dục hay không. Bởi lẽ, “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (Xây dựng đất nước, cai trị nhân dân, giáo dục đứng đầu). Câu này là chân lý! Chỉ cần thực

hiện tốt giáo dục, vấn đề gì cũng đều được giải quyết, vì con người được dạy dỗ tốt đẹp rồi!

Trung Quốc ổn định lâu dài mấy ngàn năm, càng lâu càng mới mẻ, cấy vào đâu? Cấy vào giáo dục. Còn có một cơ cấu vững vàng mà cả thế giới đều chẳng có; đó là gia tộc. Gia tộc của Trung Quốc gánh vác trách nhiệm xã hội, có nhiều cống hiến đối với Trung Quốc! Trung Quốc là đại gia đình, quý vị tới nông thôn Trung Quốc để xem: Đây là thôn họ Trương, kia là thôn họ Lý, là người một nhà, ngũ, lục đại đồng đường (năm, sáu thế hệ cùng sống trong một nhà), chẳng tách ra.

Do vậy, một gia tộc gần như có khoảng ba trăm người, nếu chẳng có quy củ, chẳng có chế độ, làm sao gia tộc không loạn được? Tan nhà, chết người liền! Vì vậy, đối với người Trung Quốc, trẻ nhỏ được dạy từ lúc mang thai. Thai giáo đấy! Vừa sinh ra, quý vị phải biết: Đứa nhỏ ấy vừa biết nhìn, biết nghe đã học tập, đã mô phỏng, gieo trồng căn bản giáo dục trong ba năm, tức là cho đến ba tuổi. Được giáo dục từ lúc ra đời cho đến khi tròn ba tuổi là một ngàn ngày. Đó gọi là đặt vững căn bản giáo dục. Đặt vững căn bản giáo dục do ai dạy? Mẹ dạy. Người mẹ vĩ đại, giúp chồng, dạy con, gia đình quý vị có đời sau nên người hay không tùy thuộc người mẹ. Dạy gì? Dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân quả, gốc rễ vững bền! Vì vậy, trước đây tại dân gian có câu ngôn ngữ: “*Tam tuế khán bát thập*”, nghĩa là gieo trồng căn bản từ thuở ba tuổi, thì đến tám mươi tuổi chẳng thay đổi. Gieo

trồng căn bản kiên cố lắm! Vì vậy, gia tộc có gia đạo, có gia quy, có gia học. Gia học trước đây là tư thực, tức là trường học của con em trong gia tộc. Có gia nghiệp, tức là sự nghiệp kinh doanh của gia tộc. Trong gia phả mỗi nhà đều chép rất rõ ràng. Vì vậy, gia đã tề, quốc bèn trị!

Tôi thường nói, vì tôi quen nhiều bạn bè, rất nhiều người có chân trong chính trường, khi nói chuyện với họ, tôi nói: Thời quá khứ, trong xã hội Trung Quốc có ba trăm sáu mươi ngành nghề. Nghề nghiệp tốt nhất là ai? [Những người] làm quan! Quý vị thấy văn chương, thi từ trong phần Tập^{22[1]} của bộ sách *Tứ Khố Toàn Thư* do ai viết? Đều do kẻ làm quan viết. Khi họ không làm việc, chẳng có vụ án nào phải xử. Ai nấy là người tốt, mọi chuyện là chuyện tốt, chẳng có vụ án nào! Vì vậy, họ là kẻ thanh nhàn nhất, đãi ngộ lại tốt đẹp, địa vị lại cao, được người khác tôn trọng, bất luận tới chỗ nào, đều được bình dân bá tính yêu mến, cung kính.

Họ thường lữ du, đến thăm các vị đạo trưởng, pháp sư, kết bạn phương ngoại^{23[2]} với họ. Thật đấy. Trong xã hội hiện tại, nghề nghiệp khổ cực nhất là làm quan, vì lẽ gì biến ra nông nổi này? Giáo dục đã mất, gia tộc chẳng còn, gia giáo chẳng có. Chúng tôi cảm giác thật sâu đậm trong quá khứ. Chúng ta trải qua tám năm kháng chiến chống Nhật. Tám

22[1]*Tứ Khố Toàn Thư* được chia thành bốn phần: *Kinh, Sử, Tử, Tập*. Tập chính là phần thu thập tất cả các trước tác văn chương, thi phú.

23[2]Phương ngoại là danh xưng chỉ người xuất gia. Bạn phương ngoại tức là tăng sĩ kết giao với người trong thế tục.

năm kháng chiến hy sinh tính mạng, tài sản là chuyện nhỏ, điều bị mất mát to lớn là truyền thống gia tộc bị xóa sạch. Tề gia, quốc sẽ trị, thiên hạ sẽ thái bình, lịch đại đế vương nói là *“thùy cũng nhi trị”* (khoanh tay chẳng làm gì mà đất nước bình trị). Chẳng có chuyện gì, khoanh tay ngồi yên mà đất nước thịnh trị, thiên hạ thái bình, nhờ vào đâu? Cậy vào giáo dục, cậy vào gia tộc.

Do vậy, trong quá khứ, trách nhiệm xã hội do gia đình gánh vác, giáo dục do gia đình phụ trách, dưỡng lão cũng do gia đình phụ trách. Một người sống trong thế gian này là vì lẽ gì? Vì gia đình, vinh tông diệu tổ, vẻ vang dòng họ, sẽ chẳng làm chuyện xấu. Làm chuyện xấu, gia đình bị mất mặt, tổ tiên bị thiên hạ chửi mắng, đó là đại bất hiếu!

Truyền thống này tìm khắp thế giới không ra. Vào 100 năm trước, thì Trung Quốc có, nhưng sau 100 năm ấy cho tới hiện thời, chẳng có. Do vậy, hiện thời người Hoa rất khổ, chúng ta phải hiểu chuyện này! Làm sao mới có thể lìa khổ được vui? Phải khôi phục gia tộc như trước kia. Nhưng gia tộc theo kiểu quan hệ huyết thống, thì chẳng được!

“Phi huyễn” là giác tính. *“Thí như ma kính, cấu tận, minh hiện”* (Ví như mài gương, chất dơ trừ hết, ánh sáng hiện). Quý vị phải biết *“mài gương”* là tỷ dụ trong lời chú giải của cổ nhân. Cụ Hoàng cũng dùng tỷ dụ này của cổ nhân. Thời cổ, gương làm bằng đồng, phải thường xuyên mài, mài rất bóng sẽ có thể soi mặt. Khác với hiện thời, hiện thời tiến bộ

hơn thuở trước quá nhiều; do vậy, nói “mài gương” người hiện thời chẳng hiểu. Nếu quý vị lấy cái gương thời cổ để giăng, người hiện thời mới hiểu; đó là “mài gương”!

Quý vị thấy gương cổ được đặt trong viện Bảo tàng của Cố Cung, quý vị sẽ hiểu. Cái gương ấy phải thường xuyên mài, mài sạch sẽ. Những thứ dơ bẩn trên mặt gương chẳng còn, gương lại tỏa sáng, bèn có tác dụng soi chiếu.

Chúng ta tu hành cũng giống như vậy, phải mài sạch vọng tưởng, phân biệt, phiền não, tập khí! Cách mài ra sao? Mài trong cuộc sống hằng ngày, mỗi ngày đều mài. Người tốt tán thán quý vị cũng là mài; nếu quý vị sinh tâm hoan hỷ, tức là nhơ bẩn, đã bị ô nhiễm; gặp phải nghịch cảnh, trong tâm quý vị bức bối, lại bị nhiễm dơ!

Cảnh giới gì hiện tiền, quý vị đều có thể giữ gìn cái tâm thanh tịnh, cũng không ô nhiễm. Đó là tu hành thật sự. Quý vị phải biết: Tu hành chẳng phải là hằng ngày niệm kinh, mỗi ngày gõ mõ niệm Phật, chẳng phải như vậy. Đây cũng là một phương pháp, nhưng công phu thật sự ở nơi giác tính.

Quý vị thời thời khắc khắc phải dốc công phu giác tính trong những hành vi nhỏ nhặt như mặc quần áo, ăn cơm. Mặc quần áo, quý vị cảm thấy y phục này chẳng dễ nhìn, lại khởi tâm động niệm, lại phân biệt, chấp trước rồi! Do vậy, mặc quần áo cũng là tu hành. Lúc ăn cơm, thứ này ngon ăn nhiều hơn một chút, ăn thêm mấy miếng, tâm tham của

quý vị dấy lên. Thứ kia chẳng dễ coi, ăn không ngon, chẳng muốn ăn, quý vị cự tuyệt, quý vị thấy toàn bộ tập khí phiền não hiện hành.

Trong cuộc sống thường ngày, xử sự, đãi người, tiếp vật, thuận cảnh, nghịch cảnh, quý vị phải coi tất cả mọi người là Bồ tát. Họ giúp ta nâng cao cảnh giới. Đối với bất cứ người nào, chuyện nào, cũng đều là chuyện tốt, người tốt! Người lừa đảo, hãm hại quý vị đều là người tốt. Chẳng có họ, làm sao quý vị biết công phu của quý vị hiện tiền? Vì vậy, quý vị thường sinh tâm hoan hỷ, thấy ai cũng là Bồ tát, thấy ai cũng là ân nhân, tri ân, báo ân. Cách báo ân như thế nào? Báo ân là sửa lỗi, tu thiện, nhất định giữ gìn cái tâm thanh tịnh và tâm bình đẳng của chính mình. Nếu có thể giữ gìn giác tâm, thì càng tốt hơn. Đó là rất viên mãn. Đó gọi là thật sự báo ân, thật sự thành tựu, thật sự nâng cao cảnh giới.

Tiếp đó, cụ Hoàng lão nói: *“Kinh trung sở vân huyễn diệt hậu chi giác tâm”* (Giác tâm sau khi huyễn diệt như trong kinh đã nói). Cái *“huyễn”* ấy là vật chất và tinh thần. Quý vị biết: Trong Phật pháp, vật chất được gọi là sắc pháp, tinh thần là tâm pháp. Tinh thần là gì? Thọ, Tưởng, Hành, Thức, tức là cảm thụ trong cuộc sống hằng ngày, tức là những cảm nhận khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Những thứ này không bình thường, bình thường là chẳng có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Tâm bình, thanh tịnh. Vĩnh viễn thanh tịnh, bình đẳng, tâm ấy chẳng sinh phiền não.

Phiền não là gì? Khổ, lạc, ưu, hỷ, xả, sinh ra những cảm thụ này, chúng là phiền não. Tâm chẳng sinh phiền não, sẽ sinh trí tuệ, làm sao giống nhau cho được? Sinh phiền não sẽ chẳng sinh trí tuệ. Sinh trí tuệ bèn chẳng sinh phiền não. Nó khởi tác dụng, tác dụng viên mãn. Chúng tôi nói thật thà: Tôi học nhiều năm như thế, đã đắc tâm thanh tịnh hay chưa? Chưa! Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác đều chẳng đạt được! Nhưng so với người bình thường để nói, tôi đạt được ít phần, tâm thanh tịnh hơn so với người bình phàm. Vì sao? Tôi tu tập hằng ngày, có tính cảnh giác rất cao, vì vậy, hằng ngày vui vẻ, nhất là trả lời câu hỏi.

Trong quá trình học tập, đồng học nêu câu hỏi, lúc được phỏng vấn, có rất nhiều vấn đề chẳng nghĩ đến, [nhưng câu hỏi] vừa nêu ra liền lập tức giải đáp. Trí tuệ đấy! Năng lực ấy do đâu mà có? Tâm tôi thanh tịnh hơn tâm họ, nên tôi có thể trả lời họ. Nếu tâm tôi chẳng thanh tịnh hơn họ, tôi sẽ chẳng trả lời được. Đạo lý là như vậy đó. Vì vậy, công phu là gì? Tâm thanh tịnh là công phu. Tôi nêu ra: Tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chính giác, tâm từ bi, đấy là công phu thật sự. Chẳng thể không dụng công, lợi ích quá nhiều!

Đặc biệt trong thời gần đây, nhất là trong hiện tại, có nhiều vấn đề nan giải, xã hội hỗn loạn, tai nạn liên tiếp xảy ra, tôi gặp rất nhiều lãnh tụ tôn giáo hỏi tôi, cũng có rất nhiều người thuộc giới lãnh đạo đem những vấn đề này hỏi tôi, tôi vẫn đều có thể giải đáp. Sau khi quý vị thật sự

hiếu rõ, tôi đã nói nhiều lần, muốn khôi phục cục diện xã hội Trung Quốc an định, hài hòa, chỉ cần một năm là thực hiện được rồi; giải quyết vấn đề của cả thế giới, ba năm là có thể làm được rồi!

Như ông Thang Ân Tử (Arnold J. Toynbee) của Anh Quốc đã nói: *“[Giải quyết vấn đề của thế giới bằng] học thuyết Khổng Mạnh của Trung Quốc và Đại thừa Phật học”*, chẳng phải lời giả, thật đấy. Bản thân chúng ta phải có tín tâm. Bắt đầu làm từ ai? Làm từ chính mình, đừng hy vọng ai khác. Hy vọng người khác, quý vị sẽ sinh phiền não, trông cậy vào chính mình sẽ sinh trí tuệ. Khác hẳn! Chính mình học tốt đẹp rồi sẽ ảnh hưởng người khác, trong Phật pháp gọi chuyện ấy là “tự độ, độ tha”.

Chính mình độ chính mình mà còn chưa độ được, chắc chắn chẳng thể độ kẻ khác. Người giác ngộ ngày càng nhiều, duyên sẽ từ từ chín muồi. Tôi mong các đồng học hãy có tín tâm đối với quốc gia và dân tộc. Quý vị thấy hiện thời, khắp nơi trong nước, nơi đâu cũng đều thực hiện *Đệ Tử Quy*. Các xí nghiệp gia cũng tổ chức những diễn đàn, khóa giảng về *Đệ Tử Quy*, đó là hiện tượng tốt đẹp....

Đối với tất cả các tôn giáo tôi được tiếp xúc, nhận thấy điều gì? Tôi nhận thấy các giáo chủ sáng lập tôn giáo thuở đầu, nói theo cách bây giờ, đều là những nhà giáo dục xã hội vĩ đại. Họ đều theo đuổi việc dạy học. Thời gian dạy học của Phật Thích Ca Mâu Ni dài nhất, 49 năm. Mục Hãn Mặc

Đức (Mohammed) 27 năm. Gia Tô (Jesus) bị hại chết. Gia Tô giảng 3 năm, bị hại chết. Quý vị lại nhìn những người như Ma Tây (Moses) đều là dạy học. Dạy gì vậy? Phổ biến giáo dục, đại chúng hóa giáo dục, đều là giảng luân lý, đạo đức, nhân quả; chẳng qua trong tôn giáo của những người ấy nói đến thần, nói tới Thượng Đế, ý Thần, ý Thượng Đế.

Trong Phật giáo chẳng nói tới Thần, chẳng nhắc đến Thượng Đế, Phật giáo nói tới tự tính. Nhưng chúng ta giải thích cho họ biết: Tuy nói khác nhau, nhưng có cùng một ý nghĩa. Nhất là hiện thời họ thừa nhận: Thần chẳng có thân thể, chẳng có hình tướng! Nói hay lắm, ngày càng gần với ý nghĩa bản tính như người xưa đã nói.

Tôi mong các tôn giáo đều giảng giải kinh điển cặn kẽ, hướng dẫn các tín đồ của họ. Ở đây, có thể nói: 80% những điều được giảng trong các tôn giáo rất gần gũi với nhau, đều là tương đồng. 20% kia không giống nhau. Đó là gì? Thời cổ giao thông chẳng thuận tiện, chẳng có truyền thông, người ta đến già đến chết chẳng qua lại với nhau. Vì vậy, hoàn cảnh địa phương cư trú, bối cảnh văn hóa khác nhau, phương thức sống khác nhau, sai biệt ở chỗ này! Hiện tại thì khác, với phương tiện giao thông hiện thời, đi quanh địa cầu một vòng có thể thực hiện trong một ngày. Truyền thông phát triển. Hiện tại, chúng ta sống trên địa cầu, phải khẳng định người địa cầu chúng ta là người một nhà, phải tương thân tương ái, phải học khiêm hư, phải học tôn trọng, phải học hỗ trợ hợp tác, chớ nên tranh chấp.

Chuyện gì cũng đều giải quyết hòa bình, thế gian này sẽ tốt đẹp lắm!

Có thể làm được hay không? Có thể làm được chứ! Chẳng phải là không thể làm được! Vẫn là bắt đầu làm từ chính chúng ta, làm từ một đơn vị nhỏ là chính mình, nêu gương cho người khác coi. Có một tấm gương tốt, ngay lập tức mọi người náo nức nhìn vào, ngay lập tức học theo. Vì lẽ gì? Mỗi cá nhân đều muốn giải quyết vấn đề này, nhưng chẳng có cách nào! Có nói thì chẳng dễ dàng, người ta chẳng tin, họ bảo đó là chuyện lý tưởng, làm không được! Nếu nêu gương, họ sẽ tin tưởng, sẽ bắt chước theo.

“Ma kính thật thị ma cấu” (Mài gương thật ra là mài bỏ chất dơ). Mài gương là tu hành. Mài gương thì gương có cần mài hay chẳng? Do mặt gương dính những thứ ô nhiễm, bẩn thỉu, nên phải mài bỏ những thứ ấy. Do vậy, mài gương ví như nay chúng ta nói là tu hành, phải buông trần cấu xuống, buông xuống là được! Vì vậy, phải học buông xuống, chớ nên ghim trong lòng. Làm việc gì cũng phải nghiêm túc đảm trách. Sau khi làm xong, tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Đó là tu hành thật sự. Cũng chẳng phải là nói quý vị đừng làm chuyện gì, chẳng gánh trách nhiệm, [nếu hiểu như vậy] thì không được, sai lầm rồi!

Đó là quý vị hiểu lệch lạc, hiểu sai giáo huấn của thánh nhân. *“Kính tính bản minh, phi tùng ngoại đắc”* (Tính gương vốn sáng, chẳng do bên ngoài mà có). Thời cổ, dùng gương

làm bằng đồng; đối với tỷ dụ này, biết “gương” là cái gương bằng đồng, sẽ hiểu rất rõ rệt. Tính chất của cái gương đồng là vốn sẵn sáng tỏ. Gương vốn có tác dụng chiếu soi, chẳng phải từ bên ngoài mà có. Chỉ cần mài sạch, trừ bỏ chất bẩn trên mặt gương, quang minh sẽ hiện tiền. Đây là tỷ dụ “lìa vọng chính là chân”, chân và vọng vĩnh viễn chẳng tách rời.

Tôi thường lấy TV làm tỷ dụ cho mọi người dễ hiểu, vì quý vị mỗi ngày đều phải xem. Tôi ví màn hình TV với chân tính, hình ảnh trong một băng tần là vọng tướng (tướng hư vọng), đó là huyễn tướng. Vì sao? Nhà Phật nói tới chân và vọng. Chân là vĩnh hằng bất biến. Đó là chân. Chỉ cần có biến hóa sẽ chẳng phải là chân! Quý vị thấy các hình ảnh trong băng tần biến động trong từng sát na, nên chẳng phải là thật, nhưng màn hình vĩnh viễn chẳng động. Màn hình là tự tính của chúng ta. Hình ảnh là huyễn tướng từ trong tự tính hiện ra.

Kinh Phật gọi vũ trụ là “Y báo và Chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới”. Đó là huyễn tướng. Đó là hình ảnh được hiện trong băng tần. Vọng ở chỗ nào? Vọng chẳng rời khỏi chân. Chân là màn hình, rời khỏi màn hình sẽ chẳng thể hiện hình tướng. Chân ở đâu? Chân ở trong vọng, vọng ở trong chân. Chân chẳng phải là vọng, vọng chẳng phải là chân. Nhưng chân và vọng nhất thể, chẳng có cách nào tách lìa. Vì vậy, tôi thường nói, biết xem TV, quý vị thật sự biết xem, sẽ khai ngộ! Thật sự biết xem, thì màn hình TV sẽ là

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, là kinh Vô Lượng Thọ. Đó là quý vị thật sự biết xem.

Không biết xem, sẽ mê nơi hình ảnh: Hình ảnh cười, quý vị cười theo; hình ảnh khóc, quý vị khóc theo. Tâm quý vị hoàn toàn bị cảnh giới xoay chuyển, là trật rồi! Từ các hình ảnh, quý vị phải nhìn ra gì là chân, gì là vọng. Sau khi đều nhìn minh bạch, chúng ta nhận biết xã hội hiện tiền và hình ảnh trên TV chẳng khác gì nhau, quý vị đều hiểu rõ, đều giác ngộ. Sau đấy, quý vị sẽ biết phải xử lý ra sao. Trong khi xử lý và sau khi xử lý xong, tâm thanh tịnh phải hiện tiền; đừng nên trong lúc xử lý, tâm sinh phiền não. Hễ sinh phiền não, sẽ có sai lầm; sinh trí tuệ sẽ xử lý vô cùng viên mãn.

Thật sự hiểu rõ ràng, quý vị sẽ chẳng sợ chết. Vì sao? Chẳng có sinh tử! Huyền tướng sinh diệt trong từng sát na, linh tính bất diệt, [giống như] màn hình chẳng diệt. Màn hình mới là chính mình thật sự. Huyền tướng giống như nằm mộng, mộng, huyền, bọt, bóng, chẳng thật. Tự tính mới là thật, vĩnh hằng chẳng diệt, phải hiểu rõ ràng.

Do vậy, là vọng chính là chân. Là vọng chẳng phải là thật sự bảo quý vị vứt bỏ, mà là bảo quý vị hãy hiểu rõ. Trong tâm chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Đó là chân. Vọng là chân, chân và vọng vĩnh viễn chẳng tách rời. Chỉ cần là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước! Trong Phật pháp, người là vọng tưởng sẽ thành Phật. Là phân biệt, nhưng chưa là vọng tưởng, đã

là phân biệt thì là Bồ tát. Vọng tưởng và phân biệt chưa là, nhưng là chấp trước, thì là A La Hán. Đó gọi là tu hành thật sự.

Tiếp đó là lời tổng kết của đoạn này: “*Cố vân, bất dụng cầu chân, duy tu tức Kiến*” (Vì thế nói: “Chẳng cần tìm Chân, chỉ cần dứt Kiến”). Vì sao không cần tìm Chân? Chân ở ngay trước mặt. Chân vĩnh viễn không thay đổi, quý vị tìm Chân là sai rồi. Vì sao?

Quý vị khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng thấy chân tướng. Vì vậy, chớ nên tìm chân! Trong chân tính có trí tuệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, điều gì cũng không thiếu, toàn thể vũ trụ do chân tâm biến hiện, Y báo và Chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới chẳng là tự tính. Vì vậy, chỉ cần “*tức Kiến*” (dứt Kiến). Kiến là gì? Là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Cụ Hoàng dùng một chữ Kiến rất hay. Vì sao? Khởi đầu từ chỗ này. Kiến là Kiến Hoặc, chúng ta thấy sai lầm. Đầu tiên là thấy sai, coi thân thể này là Ngã. Đó là cái thấy sai lầm đầu tiên. Trong kinh *Kim Cương*, đức Phật đã nói: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng*”. Đấy chính là dứt Kiến. Có ta, người, chúng sinh, thọ giả hay chẳng? Có, đều ở trước mặt. Cách dứt như thế nào?

Chẳng chấp trước là dứt, đừng nên coi những thứ này là có thật; biết chúng là có, tuy chúng có, nhưng là huyễn

có, chẳng thật! Vì sao? Sinh diệt trong từng sát na, chẳng trụ. “Trụ” là ngưng nghỉ. Chúng biến hóa chẳng ngưng nghỉ, chẳng ngừng trong một sát na nào! Vì sao chẳng ngừng? Ý niệm của quý vị sinh diệt chẳng ngừng.

Nếu niệm sinh diệt ngưng nghỉ, thì tốt lắm, không chỉ là mười pháp giới chẳng có, mà cõi Thật Báo cũng chẳng có. Niệm ngưng nghỉ, thì cảnh giới gì xuất hiện? Thường Tịch Quang xuất hiện. Đó là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính. Điều này chẳng dễ gì làm được. Vì vậy, chúng ta nỗ lực thực hiện từ chỗ cơ bản nhất: Chớ nên chấp trước thân là ta, quý vị sẽ thấy thấu suốt cái ả sinh tử này, sẽ chẳng tham sống, sợ chết. Sống ở thế gian này tùy duyên, quý vị thấy tự tại lắm, chẳng có chấp trước!

Quý vị hiểu rõ: Sau khi bỏ thân này, sẽ đạt được cái thân khác chắc chắn tốt đẹp hơn cái thân này. Vì sao? Quý vị chẳng mê hoặc. Giống như mặc quần áo, bộ quần áo này ta mặc bẩn rồi, cởi ra, thay bộ khác, chắc chắn thay một bộ sạch sẽ hơn, mới hơn, đáng ưa hơn, chẳng phải là đạo lý ấy hay sao? Chẳng có mấy may đau buồn, do hiểu rõ ràng, rành rẽ. Mê hoặc, điên đảo sẽ phiền phức lớn. Khi ra đi mê hoặc, điên đảo, sẽ bị nghiệp lực biến đổi, tự mình chẳng thể làm chủ.

Nghiệp lực là gì? Thiện nghiệp sẽ vào trong ba thiện đạo, ác nghiệp sẽ vào ba ác đạo, chính quý vị chẳng thể làm chủ được! Khi lâm chung, thần trí sáng suốt, chính mình sẽ làm chủ. Vì vậy, người lúc mất chớ nên mê hoặc, điên đảo, nhất

định phải là tỉnh táo, sáng suốt, chắc chắn người ấy sẽ chẳng đọa trong ác đạo. “*Tức Kiến*” là đoạn hết Kiến Hoặc, người ấy sẽ chứng quả Tu Đà Hoàn. Đây là Tiểu thừa Sơ Quả.

Trong Đại thừa là địa vị Sơ Tín Bồ tát như kinh *Hoa Nghiêm* đã dạy. Tuy địa vị rất thấp, nhưng thật sự là thánh nhân, đã đặt vững cơ sở. Tuy chưa thoát khỏi lục đạo, nhưng trong lục đạo, chỗ vị ấy tu hành là nhân gian hay trên cõi Trời, tuyệt đối chẳng đọa tam đồ. Vì vậy, địa vị này được gọi là đặc Vị Bất Thoái, tức là địa vị đã chứng đắc tuyệt đối chẳng thoái chuyển. Nhà Phật nói tới ba thứ Bất Thoái, người ấy đã đạt được thứ đầu tiên. Tốc độ nâng cao cảnh giới sẽ khác nhau, tùy thuộc người ấy dụng công siêng hay lười! Dụng công siêng năng, nhanh chóng tiến cao hơn; dụng công rề rà, sẽ tiến lên cao chậm chạp, nhưng chắc chắn là tiến cao hơn, chẳng lui sụt. Vì vậy, ở đây là “*duy tu tức Kiến*” (chỉ cần dứt Kiến). Dùng hai từ “*tức Kiến*” hay lắm! Chúng ta phải có cái nhìn chính xác, chớ nên có cái nhìn sai lầm!

“*Chúng sinh chi kiến, giai vọng kiến dã*” (Cái thấy của chúng sinh đều là vọng kiến). Câu này do đức Phật nói, trong kinh Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Đức Phật thường nói “*Phàm phu tri kiến*”. Vọng kiến là gì? Thấy sai chân tướng sự thật. “*Vọng kiến*” mang ý nghĩa này. Thấy trật rồi! Vì sao thấy trật? Vì quý vị có phiền não, tập khí. Tập khí phiền não là bẩm sinh, chẳng do học được, đã mang theo từ đời đời kiếp kiếp trong quá khứ. Mang những thứ gì vậy? Tham, sân, si, mạn, nghi.

Quý vị thấy trật, nhìn sai vấn đề, là vì có những thứ ấy, cho nên mới tự tư tự lợi, tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, tham cầu hưởng thụ ngũ dục, lục trần, mới thường khởi phiền não. Tham, sân, si, mạn, xuất hiện những vấn đề này. Nếu quý vị thấy rõ chân tướng sự thật, bản tính “*bản thiện*” là thật, vĩnh hằng bất diệt.

Hết thấy những thứ trong ấy tuy chẳng có, [tức là] trong tự tính chẳng có tinh thần, chẳng có vật chất, nhưng tự tính có thể sinh, có thể hiện. Hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều nương vào nó mà hiện, đấy là tự tính. Chúng sinh đông đảo trong mười pháp giới khác biệt, nhưng tự tính giống hệt, là nhất thể, đều do từ tự tính biến hiện ra. Chuyện này Lý rất sâu, Sự rất phức tạp. Vô lượng nhân duyên rắc rối phức tạp, nhưng kinh Phật đã giảng rõ ràng, minh bạch.

Quý vị học *Pháp Tướng Duy Thức*, nói chung cũng phải mất hai mươi hay ba mươi năm, mới hiểu rõ ràng đầu mối của chuyện này, sẽ hoát nhiên đại ngộ. Trong tông Duy Thức, họ không nói “đại ngộ”, mà bảo là “đại khai viên giải”, tức là lý giải viên mãn. Trong Thiền Tông, trong Tịnh Tông là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính”; Giáo Hạ gọi là “đại khai viên giải”. Cảnh giới hoàn toàn tương đồng, nhưng dùng phương pháp khác nhau.

Tịnh Độ Tông vẫn là cảnh giới này, nhưng danh từ lại khác! Tịnh Độ Tông gọi là “Nhất tâm bất loạn”, chia ra Sự Nhất tâm, Lý Nhất tâm, và Công phu thành phiền. Ba tầng

cấp ấy! Lý Nhất tâm có cùng cảnh giới với đại khai viên giải và đại triệt đại ngộ, đều là vượt thoát mười pháp giới.

Sự Nhất tâm bất loạn là tứ thánh pháp giới, tức là tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới, vượt thoát lục đạo luân hồi. Nhưng bất luận học pháp môn hay tông phái nào, nếu chưa đạt được cảnh giới này, sẽ chẳng có cách nào vượt thoát luân hồi, không gọi là thành tựu, cũng giống như chúng ta đi học mà chẳng có học vị! Phải có năng lực vượt thoát lục đạo luân hồi, thì mới đạt được học vị đầu tiên, giống như chúng ta đi học, tốt nghiệp Đại học giành được học vị Học sĩ (Cử nhân), phải hiểu điều này.

Nhưng gặp được Tịnh Độ thì lại khác, chẳng có học vị vẫn có thể đến thế giới Cực Lạc. Đây là điều được nói trong bộ kinh này. Do vậy, bộ kinh này có thể đại diện cho hết thảy các kinh do Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong 49 năm, vì làm Phật chẳng có chi khác. Phật mong giúp cho quý vị vĩnh viễn thoát ly lục đạo luân hồi, vĩnh viễn thoát ly mười pháp giới. Pháp môn này quá thù thắng. Thù thắng khôn sánh, chẳng cần đoạn phiền não cũng được.

Hễ có thể khống chế phiền não, đè nén chúng, không cho chúng phát tác, có năng lực này là được rồi! Nhưng trong các pháp môn khác, có năng lực này vẫn chưa được, phải là đoạn hết, thì mới được. Khuất phục phiền não, thì chưa được, còn trong pháp môn [Tịnh Độ] này, hễ khuất phục phiền não đã có thể thành tựu rồi!

Sau khi là Vọng, Chân sẽ hiện tiền. “*Chân giả, Phật tri kiến dã*” (Chân là tri kiến Phật), Phật tri, Phật kiến. Phật là ai? Là chính mình, là trí tuệ vốn sẵn có trong tự tính hiện tiền. Vì vậy, trí tuệ chẳng do học được. Trí tuệ phải từ tâm thanh tịnh mà có. Trí tuệ từ Định mà có. Tri thức có thể học được. Lần trước, lúc tôi giảng diễn tại Đại học Kiếm Kiều (Cambridge), đã bàn đến vấn đề này. Tôi nói điều mà các đồng học đang học chính là tri thức, chẳng phải là trí tuệ.

Ba nhà Nho, Thích, Đạo đều nói tới trí tuệ, đều đòi hỏi trí tuệ. Trí tuệ có thể giải quyết vấn đề, chẳng để lại hậu quả. Tri thức giải quyết vấn đề hạn chế, chẳng viên mãn, để lại hậu quả. Chẳng thể không biết điều này! Do vậy, Chân mới là trí tuệ viên mãn trong chân tính hiện tiền.



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 20



Chúng ta xem tiếp *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 19, dòng thứ 2.

“Hựu Yếu Giải vân: Ngô nhân hiện tiền nhất niệm tâm tính, bất tại nội, bất tại ngoại, bất tại trung gian; phi quá khứ, phi hiện tại, phi vị lai; phi thanh, hoàng, xích, bạch, trường, đoản, phương, viên; phi hương, phi vị, phi xúc, phi pháp. Mịch chi liễu bất khả đắc, bất khả ngôn kỳ vô; cụ tạo bách giới thiên như, bất khả ngôn kỳ hữu. Ly nhất thiết duyên lự, phân biệt, ngữ ngôn, văn tự tướng, nhi duyên lự, phân biệt, ngữ ngôn, văn tự, phi ly thủ biệt hữu tự tính” (Lại nữa, sách *Yếu Giải* nói: “Một niệm tâm tính hiện tiền của chúng ta chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở khoảng giữa, chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai, chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn, vuông, tròn, chẳng phải hương, chẳng phải vị, chẳng phải xúc, chẳng phải pháp. Tìm trọn chẳng thể được, chẳng thể nói nó là Không; tạo đủ bách giới thiên như, chẳng thể nói nó là Có. Là hết thấy duyên lự, phân biệt, ngôn ngữ, tướng văn tự, nhưng duyên lự, phân biệt, ngôn ngữ, văn tự chẳng là điều này mà có riêng tự tính được”).

Chúng ta xem tới đoạn này. Cụ Hoàng Niệm Tổ trong phần *Bản Kinh Thể Tính* đã dẫn một đoạn từ sách *Yếu Giải* của Ngẫu Ích Đại sư. Vì kinh *Di Đà* và kinh *Vô Lượng Thọ* thuộc cùng một bộ. Cổ nhân gọi hai kinh ấy là Đại Bản và Tiểu Bản. Kinh *Vô Lượng Thọ* gọi là Đại Bản. Kinh *Di Đà* gọi là Tiểu Bản, nhưng thể tính để y cứ của 2 kinh hoàn toàn

tương đồng. Nói thật ra, hết thấy các kinh Đại thừa đều có cùng một thể tính. Thể tính ấy gọi là Thật Tướng. Chúng ta cũng có thể nói như thế này: Thuở Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, nói hết thấy các kinh trong 49 năm đã dựa vào đâu? Nương vào đâu để nói? Một câu: *“Chư pháp Thật Tướng”*, tức là chân tướng của hết thấy các pháp. Ngài dựa vào đây để nói.

Chúng ta lại hỏi một câu: Hết thấy các kinh đã nói trong 49 năm nhằm giảng những gì? Dùng một câu để trả lời, vẫn là một câu này: *“Chư pháp Thật Tướng”*! Hết thấy các kinh đã nói trong 49 năm nhằm giảng cho chúng ta chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Một câu bèn nói minh bạch. Kinh *Bát Nhã* thường nói *“Chư pháp Thật Tướng”*. Câu này hay lắm! Ở đây, Ngẫu Ích Đại sư đã giảng *“Chư pháp Thật Tướng”* như thế nào? Đoạn này nhằm miêu tả hình trạng của nó.

Điều khó hiểu là một niệm tâm tính hiện tiền của chúng ta; câu này hết sức khó hiểu! *“Hiện tiền”* là chính ngay trong lúc ấy. *“Nhất niệm”* đã chẳng dễ hiểu rồi! Bình thường, chúng ta khởi tâm động niệm, niệm ấy rất thô. Ở đây, nói tới “niệm vi tế”. Niệm vô cùng vi tế, chúng ta phải hiểu rõ điều này! Chẳng phải là thô niệm như chúng ta đang khởi tâm động niệm trong hiện tại.

Trong kinh *Bồ tát Xử Thai*, có một đoạn nói đức Thế Tôn đối trước Bồ tát Di Lặc giảng giải: *“Phật vấn Di Lặc, tâm hữu*

sở niệm” (Đức Phật hỏi Ngài Di Lặc, tâm có bao nhiêu niệm). Đây là phàm phu chúng ta, tâm khởi lên một niệm. Trong thời gian rất ngắn ngủi, tạm bợ, bèn dấy lên một niệm.

Trong một niệm ấy, có mấy niệm, có mấy tướng, có mấy thức? Hỏi điều này chúng ta sẽ biết: Phàm phu chúng ta dấy lên một niệm, trong một niệm ấy có bao nhiêu tế niệm, khiến cho chúng ta nhận biết có một niệm dấy lên. Có bao nhiêu niệm? Tướng là hiện tượng vật chất, Thức là hiện tượng tinh thần. Tôi nghĩ rất nhiều người trong quý vị đều từng niệm *Tâm Kinh*. *Tâm Kinh* nói tới Ngũ Uẩn. Ngũ Uẩn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Đức Phật hỏi “mấy tướng”, thì đó là Sắc, tức Sắc tướng. Đây là một phần vật chất. “Mấy thức?” là nói về Thọ, Tưởng, Hành, Thức ở sau. Có bao nhiêu Thọ, Tưởng, Hành, Thức? Bồ tát Di Lặc đáp lời hỏi của Phật Thích Ca Mâu Ni: “*Nhất đàn chỉ*” (Một cái khảy ngón tay), nói theo phía chúng ta, thời gian khảy ngón tay là một niệm, tức là trong tâm có một niệm. Thời gian khảy ngón tay rất ngắn, đại khái là một giây. Chúng ta khảy nhanh, trong một giây có thể khảy từ bốn lần tới năm lần.

Nói cách khác, trong một giây chúng ta có chừng bốn đến năm niệm. Đây là điều chúng ta có thể cảm giác được! Bồ tát nói trong một cái khảy ngón tay, có bao nhiêu tế niệm? Chúng ta không có cách nào tưởng tượng được! Ngài nói “*ba trăm hai mươi triệu niệm*”. Quý vị thấy một cái khảy ngón tay là như thế đó! Phàm phu chúng ta cảm giác đó là một niệm, nhưng trong một cái khảy ngón tay có nhiều niệm như thế!

Tôi tin tưởng đức Phật nói lời chân thật. Điều này, khiến cho chúng tôi nghĩ đến lời Thế Tôn đã nói trong kinh *Nhân Vương*. Đó là nói phương tiện, chẳng phải là chân tướng sự thật, mà là nói phương tiện. Trong kinh *Nhân Vương*, đức Phật nói một cái khủy ngón tay có sáu mươi sát na, một sát na có chín trăm lần sinh diệt, giảm rất nhiều! Tì Bà tát Di Lặc để hỏi, Bồ tát Di Lặc là chuyên gia Duy Thức. Nói như bây giờ, Ngài là chuyên gia tâm lý học trong Phật giáo, chuyên môn giảng tâm lý học. Lời Ngài nói nhất định là sự thật, chẳng phải là nói phương tiện, mà là nói chân thật.

Một cái khủy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm; chúng ta lấy ba mươi hai ức nhân với mười vạn, tức là nhân với một trăm ngàn, thành ba trăm hai mươi triệu. Trong một khủy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu niệm, như vậy là có bao nhiêu hiện tượng vật chất? Bồ tát nói: “*Niệm niệm thành hình*”. Trong mỗi niệm đều có hiện tượng vật chất. “*Hình đều có thức*”. Trong mỗi hiện tượng vật chất đều có hiện tượng tinh thần, cũng là Ngũ Uẩn trọn đủ, Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Ngũ Uẩn trọn đủ! Ngũ Uẩn là cơ sở, căn bản của hết thảy các pháp, giống như nay chúng ta nói tới nguyên tử, điện tử, lap tử cơ bản. Nhục nhãn chẳng nhìn thấy những cơ sở vật chất hết sức vi tế ấy.

Ngài nói vật chất và tinh thần đồng thời phát sinh; lại còn chẳng tách rời, trong vật chất có tinh thần, trong tinh thần có vật chất. Nếu trong tinh thần chẳng có vật chất, tìm không ra, thì trong vật chất chẳng có tinh thần, cũng tìm

không được. Vì sao? Chúng đồng thời phát sinh, chắc chắn chẳng thể phân cách, chúng là một Thể.

Gần đây, Tiến sĩ Giang Bản Thắng của Nhật Bản đã dùng thời gian mười mấy năm, phải biết đến năm nay đã là mười hai năm, hay mười ba năm, nghiên cứu nước, phát hiện nước có đủ Ngũ Uẩn, Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức trọn đủ. Nước là một vật thể, là hiện tượng vật chất, hơn nữa là khoáng vật. Chúng ta nói khoáng vật, chẳng phải là sinh vật, phát hiện nước có thể thấy, nghe, hiểu ý con người. Chúng ta khởi tâm động niệm nó đều biết; thiện niệm hay ác niệm nước đều hiểu toàn bộ. Những điều này đều được trải nghiệm, thí nghiệm mười mấy năm, chẳng sai chạy mảy may!

Quý vị thấy trong hiện tượng vật chất lại có hiện tượng tinh thần. Hơn nữa, chúng ta phải biết: Một cái khảy ngón tay là ba trăm hai mươi triệu niệm. Những niệm ấy là tế niệm. Lúc chúng ta dấy lên một niệm vi tế, trong một sát na có nhiều tế niệm dường ấy! Mỗi niệm đều sinh ra hiện tượng vật chất, trong mỗi hiện tượng vật chất đều trọn đủ hiện tượng tinh thần.

Hôm nay, có một đồng học cho tôi biết: Ông ta hạ tải (download) từ Internet [một văn bản, theo đó], một khoa học gia của Mỹ đã tiến hơn nữa, phát hiện nước có năng lực ký ức. Điều này cũng được các khoa học gia chứng thực. Nước không chỉ có thể thấy, nghe, hiểu được ý tưởng của con người, mà còn có thể ghi nhớ. Điều này hoàn toàn tương

ứng với những điều được giảng trong kinh Phật: Một hiện tượng vật chất dù nhỏ đến mấy đi nữa, nói theo danh từ trong kinh Phật là “vi trần”, nói theo khoa học hiện thời là lập tử cơ bản, nhục nhãn không thấy được, vẫn trọn đủ hết thảy các thông tin viên mãn trong vũ trụ.

Kinh thường nói: *“Giới tử nạp Tu Di, Tu Di nạp giới tử”* (Hạt cải bỏ vào núi Tu Di, Tu Di bỏ vào trong hạt cải). Đây là nói lớn và nhỏ chẳng hai! Kinh *Hoa Nghiêm* nói trong vi trần có thể giới, thể giới trong vi trần và thể giới bên ngoài to như nhau. Trong thể giới ấy lại có vi trần, trong vi trần lại có thể giới, trùng trùng vô tận. Vì sao có hiện tượng này? Ở đây, Ngẫu Ích Đại sư cũng giải thích rất tuyệt, vì điều này thuộc về tự tính. Tự tính có công đức viên mãn.

Trong tự tính chẳng có lớn hay nhỏ; vì vậy, trong nhỏ có thể hiện lớn, trong lớn có thể hiện nhỏ, chẳng có lớn hay nhỏ, tự tại vô ngại. Trong tự tính chẳng có thời gian, chẳng có quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng chẳng có không gian. Không gian là khoảng cách, chẳng có! Kinh *Di Đà* nói thể giới Cực Lạc cách đây mười vạn ức cõi Phật, trong tự tính *“đương hạ tức thị”* (ngay nơi đây chính là). Điều này rất khó hiểu, nó là một sự thật rất khó hiểu, bởi đây là Thật Tướng. Thật Tướng của các pháp là như thế đó.

Vì vậy, sách *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán* là do Hiền Thủ Quốc sư đã hoàn toàn căn cứ trên giáo nghĩa của kinh *Hoa Nghiêm* để viết thành bài luận văn ấy. Bài luận văn ấy chẳng

dài, nhưng đã thật sự giảng viên mãn rất ráo vũ trụ quan và nhân sinh quan của Đại thừa. Vũ trụ do đâu mà có? Vạn vật do đâu mà có? Ta do đâu mà có? Do tự tính biến hiện!

Trong *Đàn Kinh*, Huệ Năng Đại sư đã giảng rất hay. Ngài kiến tính, thừa bày với thầy là Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn hòa thượng. Quý vị phải biết: Huệ Năng Đại sư không biết chữ, chưa hề học hành. Ngũ Tổ giảng kinh *Kim Cương* cho Ngài, chắc chắn là giảng đại ý kinh *Kim Cương*, nửa đêm canh ba trong Phương Trượng Thất, chúng tôi phỏng đoán thời gian nhiều nhất là hai giờ. Giảng tới câu “*Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*” (Hãy nên đừng trụ vào đâu để sinh tâm), Ngài bèn hoát nhiên đại ngộ. Trong Thiền Tông gọi sự hoát nhiên đại ngộ ấy là minh tâm kiến tính.

Kiến tính là như thế nào? Ngài báo cáo rất đơn giản, 5 câu: “*Hà kỳ tự tính, bản tự thanh tịnh*” (Nào ngờ tự tính vốn tự thanh tịnh). Điều này trọng yếu. Cũng có nghĩa là nói: Tự tính là chân tâm, có thể hiện, có thể sinh (năng hiện, năng sinh); vạn vật, Y báo và Chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới là sở hiện sở sinh (cái được hiện, cái được sinh). Chân tâm có thể hiện, có thể sinh, vĩnh viễn thanh tịnh. Câu thứ hai, Ngài nói: “*Bản bất sinh diệt*” (Vốn chẳng sinh diệt). Tự tính là cái Ta chân thật, tức là cái mà trong Tông Môn gọi là “*Phụ mẫu vị sinh tiền bản lai diện mục*” (Diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sinh ra), đó là Chân Ngã. Thân này là giả ngã, chẳng phải là Ngã, vốn chẳng sinh diệt! Câu thứ ba là “*Bản tự cụ túc*” (Vốn tự trọn đủ). Nào ngờ tự tính vốn

tự tròn đủ. Tròn đủ là gì? Chẳng có mảy may khiếm khuyết. Dùng một câu trong kinh *Hoa Nghiêm* để giải thích thì như trong phẩm *Như Lai Xuất Hiện*, đức Phật đã nói: “*Hết thấy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai*”. Đây là vốn tự tròn đủ.

Vì vậy, trí tuệ sẵn có trong tự tính, quý vị và hết thấy chư Phật Như Lai chẳng khác nhau; “*đức*” là đức năng, là đức hạnh, cũng chẳng khác nhau; tướng hảo cũng chẳng khác nhau. Câu này chính là phân nửa của tiêu đề kinh này: “*Đại thừa*” là trí tuệ, “*Vô Lượng Thọ*” là đức, “*Trang nghiêm*” là tướng hảo. Hết thấy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng của Như Lai. Tròn đủ! Chẳng phải cầu từ bên ngoài, hễ quý vị kiến tính sẽ đạt được. Huệ Năng Đại sư tròn chẳng nói lời hư giả với chúng ta. Câu thứ tư là: “*Bản vô dao động*” (Vốn chẳng dao động). Đây là tự tính vốn định, chẳng phải do tu thành. Câu cuối cùng là: “*Năng sinh vạn pháp*” (Có thể sinh ra vạn pháp). Vì vậy, nói tới đức hạnh và tự thể của chính mình là bốn câu trước. Câu cuối cùng là nói tới tác dụng, đức dụng, có thể sinh ra vạn pháp.

Sinh ra vạn pháp như thế nào? Nhất niệm dấy lên. Nhất niệm ấy chẳng có nguyên nhân. Trong giáo pháp Đại thừa gọi nhất niệm ấy là vô minh, tức là “*vô thủy vô minh*”. Vô minh là động. Một niệm ấy dấy động. Hễ động, nó bèn hiện tướng. Hiện tướng gì? Hễ động, A Lại Da bèn hiện ra; bất động, chẳng có A Lại Da (A Lại Da là vọng tâm), [bất động là] chân tâm! Vừa động, chân tâm liền biến thành A Lại Da. Quý vị

phải biết: Câu này rất khó giảng. Lúc mọi người nghe nói phải nghe ra ý nghĩa của nó, đừng hiểu lầm nơi mặt ngôn ngữ. Chân tâm bất động, nó vốn chẳng dao động, làm sao nó động được? Động. Nhưng sự động ấy chẳng phải là thật.

Quý vị hiểu sự “động” ấy chẳng phải là thật, nó nương theo tự tính mà dấy lên một hiện tượng. Hiện tượng ấy gọi là A Lại Da. A Lại Da là vọng tâm. Vọng tâm nương vào chân tâm mà dấy lên, chẳng phải là chân tâm. Một niệm tối sơ ấy chẳng có khởi đầu. Vì sao? Ngay chính khi đó, chẳng có quá khứ, chẳng có vị lai! Quý vị thấy một cái khảy ngón tay là ba trăm hai mươi triệu niệm, mỗi niệm đều là ngay lập tức. Hiện tượng này, nói thật ra là một thứ “tương tự tương tục tương” (tương gần giống như liên tục).

Đúng như chúng ta thấy trong điện ảnh. Điện ảnh trước kia, chứ không phải hiện thời. Hiện thời họ dùng kỹ thuật mã hóa (digitalized), chẳng dễ gì nhìn ra được. Trước kia dùng cuộn phim nhựa. Phim nhựa là phim được soi bằng đèn chiếu lên từng tấm một. Tốc độ chiếu phim là hai mươi bốn tấm trong một giây. Mỗi một tấm phim đều khác nhau, từng tấm độc lập, chẳng giống nhau.

Vì vậy, nó là tương tự; chúng ta nói là “đại đồng, tiểu dị”, tương tự, tương gần giống như liên tục. Trong một giây, sinh diệt hai mươi bốn lần, lừa dối khiến chúng ta thấy nó giống như thật. Còn đối với hiện tượng trong hiện tiền, trong một giây là bao nhiêu tấm, bao nhiêu lần? Nếu một giây khảy

ngón tay bốn lần, sẽ là một tỷ hai trăm tám mươi triệu; nếu khảy ngón tay năm lần, sẽ là một tỷ sáu trăm triệu. Vì vậy, dùng phim ảnh để nói, thì trong một giây sẽ có một tỷ sáu trăm triệu tấm phim được chiếu ra, chúng ta làm sao biết nó là giả cho được? Huyền tướng mà!

Tâm tính, thưa quý vị, chính là Tính trong “minh tâm kiến tính”. Tính chẳng có trong, ngoài, cũng chẳng ở giữa, trong, ngoài, trung gian đều ở trong tính, chẳng lìa khỏi tính, chẳng rời khỏi tự tính. Chẳng phải là quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Đây là chẳng có thời gian, còn những điều trong phần trên (chẳng có trong, ngoài, cũng chẳng ở giữa) tức là chẳng có không gian. Nó chẳng có hình tướng, chẳng có sắc tướng, dài, ngắn, vuông, tròn là hình tướng, cái gì cũng chẳng phải! Tìm chẳng thể được. Thật đấy! Vì sao? Sáu căn chẳng duyên được, mắt nhìn chẳng thấy nó, tai chẳng nghe được nó, tâm nghĩ chẳng ra. Tâm tướng là thức thứ sáu, tức ý thức.

Công năng của thức thứ sáu (ý thức) rất lớn, đối nội bèn có thể duyên đến A Lại Da, đối ngoại nó có thể duyên tới hư không pháp giới, nhưng chẳng duyên được tự tính. Vì sao? Nó là vọng tâm. Vọng tâm chẳng thấy chân tâm. Vì vậy, tìm chẳng thể được.

Quý vị chẳng thể nói nó là không, vì nó có thể hiện tướng. Nó hiện ra gì vậy? Tạo đủ bách giới thiên như, nhưng chẳng thể nói nó là có. Nó có thể biến hiện bách giới thiên như, nay

chúng ta nói là “vũ trụ, vạn vật”. Vũ trụ, vạn vật do nó sinh ra, nhưng quý vị chẳng thể nói vũ trụ, vạn vật là có! Vì sao chẳng thể nói nó là có?

Quý vị phải hiểu duyên khởi của nó. Nó là hiện tượng tích lũy trong từng niệm một, giống như chúng ta coi phim, hoặc giống như nhìn vào hình ảnh trên màn hình (TV, hoặc computer), thấy dường như là có, nhưng trên thực tế, chúng chẳng có, sinh diệt trong sát na. Phải hiểu “sát na” thật sự là ba trăm hai mươi triệu lần sinh diệt trong một cái khảy ngón tay. Do sinh diệt quá nhanh, nhanh đến nỗi không cách nào tưởng tượng, nên sinh diệt là chẳng sinh diệt. Câu này có ý nghĩa rất sâu. Nếu thật sự chẳng có sinh diệt, nói “sinh diệt là chẳng sinh diệt”, há phải là lời lẽ thừa thãi ư? Quả thật có sinh diệt, nhưng sinh diệt quá nhanh.

Không chỉ năng lực sáu căn của chúng ta chẳng có cách nào thấy được sự sinh diệt này, mà sáu thức của chúng ta tư duy, tưởng tượng nó cũng nghĩ không ra. Tốc độ quá nhanh. Lục căn, lục thức đều do nó biến hiện. Phải như thế nào, thì mới có thể thấy? Chúng ta buông lục căn và lục thức xuống, tự nhiên nó sẽ hiện tiền. Vì vậy, nếu chúng ta hỏi Phật Thích Ca Mâu Ni khai ngộ dưới cội Bồ Đề là như thế nào ư?

Trong Phương Trượng Thất, Huệ Năng Đại sư nghe giảng kinh *Kim Cương* khai ngộ như thế nào? Chẳng có gì khác! Giáo pháp Đại thừa dạy chúng ta: Chỉ cần quý vị buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, bèn khai ngộ. Những

thứ này và cương lĩnh tu hành yêu cầu trong Tông Môn có cùng một ý nghĩa. Tu hành trong Tông Môn đòi hỏi người ta phải lìa tâm ý thức để tham, tức Tham Thiền. Tham là như thế nào? Lìa tâm ý thức mới gọi là tham; dùng tâm ý thức thì gọi là nghiên cứu.

Dùng tâm ý thức để tu học Phật pháp là Phật học; lìa tâm ý thức thì quý vị thật sự học Phật. Vì sao? Quý vị thành Phật. Tâm là gì? Tâm là A Lại Da. Nghiệp Tướng trong ba tế tướng của A Lại Da gọi là tâm. Mạt Na là chấp trước, tứ đại phiền não thường nương theo, đó là chấp trước. Ý thức là phân biệt. Lìa tâm ý thức là gì? Lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; lìa sạch sành sanh, tự tính bèn hiện tiền.

Hiện thời, chúng ta đã hiểu đạo lý này, đã hiểu như thế nào? Đã hiểu gọi là giải ngộ, nhưng chưa có cách nào chứng đắc. Chứng đắc mới hữu dụng, giải ngộ vẫn chưa hữu dụng. Lúc chứng đắc gọi là chứng ngộ, quý vị thật sự buông xuống, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống. Người đã chứng ngộ rất lợi hại, đốn xả, đốn ngộ, ngay lập tức buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống. Phàm phu thành Phật trong một niệm; buông một niệm xuống, rất lợi hại!

Qua kinh giáo, chúng ta thấy Phật Thích Ca Mâu Ni là như vậy. Đó là “căn tính viên đốn”. Chúng ta thấy Huệ Năng Đại sư vào thời Đường tại Trung Quốc cũng là đốn ngộ, đốn xả. Vấn đề là quý vị có chịu buông xuống hay không? Chẳng chịu buông xuống là giải ngộ, buông xuống là chứng ngộ.

Nay chúng ta là giải ngộ. Huân tập trong giáo pháp Đại thừa nhiều năm như thế, chúng ta thừa nhận, chẳng hoài nghi tí nào, chúng ta cũng có thể được gọi là căn tính Đại thừa trung thượng.

Quý vị đã hiểu rõ, minh bạch chân tướng sự thật, chẳng hoài nghi, chẳng buông xuống. Cổ nhân nói: “*Ngộ hậu khởi tu*” (Sau khi ngộ sẽ bắt đầu tu). Nay quý vị phải làm gì? Buông xuống. Buông xuống như thế nào? Lúc ăn cơm, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống; lúc mặc quần áo, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống; lúc làm việc cũng như thế; xử sự, đãi người, tiếp vật cũng như thế, quý vị bèn thành công. Đó gọi là tu hành thật sự!

Đốn xả khó lắm, Phật, Bồ tát có phương tiện thiện xảo, dạy chúng ta tiệm tu (tu từ từ), từ từ buông xuống. Phải thật sự đoạn trừ tập khí phiền não. “*Đoạn*” là buông xuống; do vậy, buông xuống là được! Lúc ăn cơm, chớ nên kén chọn, tùy duyên mà chẳng phan duyên. Đó gọi là công phu, tu hành. Theo như kinh giáo đã dạy: Trước tiên là buông Thân Kiến xuống, kinh điển dạy chúng ta điều này. Căn bệnh lớn nhất của chúng ta là chấp trước thân này là ta. Có chấp trước ấy là do có tự tư tự lợi nên bèn có tham, sân, si, mạn. Lời đức Phật nói là thật. Đầu tiên, quý vị phải thấy thấu suốt thân chẳng phải là ta. Cái gì là ta? Tự tính là ta.

Vạn hữu trong vũ trụ do tự tính biến. Tự tính là ta. Hết thấy các pháp, Y báo và Chính báo trang nghiêm trong mười

pháp giới do tự tính biến. Nếu thật sự hiểu rõ ràng Y báo, Chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới và chính mình là nhất thể, thì thứ nào chẳng phải là ta? Đông đảo chúng sinh là ta. Hoa, cỏ, cây cối là ta. Núi, sông, đại địa là ta. Khắp pháp giới hư không giới là ta. Chúc mừng quý vị, quý vị đã chứng đắc Pháp Thân. Đó gọi là Pháp Thân. Thân đó và chính mình cùng một Thể, là một, chẳng hai! Vì sao? Tự tính biến.

Tự tính có thể sinh, có thể hiện. A Lại Da thức có thể biến. Cái được hiện, được sinh là hết thấy vạn pháp thiên biến vạn hóa. Cái thiên biến vạn hóa là gì? Là A Lại Da, thức có thể biến. Tính có thể sinh, có thể hiện; thức có thể biến, nhất thể! Đây là luân lý Phật pháp, luân lý Đại thừa. Luân lý là nói tới quan hệ. Trọn hết hư không khắp pháp giới là chính mình. Quý vị nói quan hệ này có mật thiết lắm hay không!

Vì vậy, chỉ cần quý vị kiến tính, lòng từ bi trong tự tính tự nhiên sinh khởi, gọi là đại từ đại bi. “*Vô Duyên Đại Từ, Đồng Thể Đại Bi*” hiện tiền. Hễ hiện tiền, quý vị sẽ tự nhiên giống như chư Phật, Bồ tát, phải phổ độ chúng sinh. “*Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ*”. Quý vị làm chuyện này, giúp hết thấy chúng sinh giác ngộ.

Đặc biệt là chúng sinh trong lục đạo đang mê, mê quá sâu, chẳng liễu giải chân tướng sự thật, tự cho mình là đúng. Vì vậy, người giác ngộ nhất định sẽ giúp đỡ những kẻ chưa

giác ngộ. Quý vị đoạn phiền não, học pháp môn, thành Phật đạo. Những điều đó đều là biểu diễn tuồng cho họ xem, giúp họ giác ngộ. Pháp môn: “*Pháp*” là phương pháp, “*môn*” là cửa, đường. Vô lượng vô biên! Quý vị đã khai trí tuệ hoàn toàn, khéo dùng những pháp môn và phương tiện thiện xảo ấy giúp chúng sinh giác ngộ.

Thuở đức Thế Tôn tại thế, Ngài đã vì chúng ta biểu diễn phương pháp này, biểu diễn hết sức sống động. Sau khi chúng ta hiểu rõ, bèn bội phục năm vóc sát đất. Do vậy, Phật pháp là gì? Quý vị phải hiểu điều này! Phật pháp là giáo học. Phật Thích Ca Mâu Ni 30 tuổi khai ngộ liền bắt đầu dạy học, dạy suốt cả đời, 79 tuổi viên tịch; kinh chép “*giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm*”. Ngài mang thân phận gì? Chúng ta hiểu rất rõ ràng, nói theo cách bây giờ là mang chức nghiệp của một vị thầy! Ngài dạy những gì? Dạy Thật Tướng của các pháp, chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Dựa vào điều này để thuyết pháp, mà thuyết pháp cũng là để dạy điều này.

Thật sự hiểu rõ chân tướng vũ trụ, chắc chắn quý vị sẽ chẳng làm chuyện sai quấy, chắc chắn sẽ chẳng tạo nghiệp. Người hồ đồ tạo nghiệp, do mê hoặc nên tạo nghiệp. Người giác ngộ chẳng tạo nghiệp.

Tuy giúp đỡ hết thảy chúng sinh, giúp họ phá mê khai ngộ. Phá mê khai ngộ là nhân, lìa khổ được vui là quả. Khổ do đâu mà có? Khổ do mê mà có; mê đã phá, khổ sẽ chẳng

còn. Vui do đâu mà có? Vui là giác ngộ, giác ngộ bèn vui. Pháp hỷ sung mãn, do ngộ sẽ được vui. Muốn giúp chúng sinh là khổ được vui, dùng phương pháp gì? Phá mê khai ngộ. Dùng phương pháp gì để phá mê khai ngộ? Dạy học bằng thân hành, ngôn giáo! Đức Phật thị hiện, những gì Ngài đã giảng đều biểu diễn toàn vẹn cho quý vị thấy.

Quý vị thấy Ngài chẳng chấp trước thứ ăn, lần lượt đi xin từng nhà. Người ta cho gì ăn nấy, đều hoan hỷ, chẳng kén chọn! Chúng thường theo của đức Phật là 1.255 người, mỗi ngày ra ngoài khát thực, chẳng phải là xin xong sẽ tự mình ăn, chẳng thể vậy! Sau khi xin xong trở về, bèn để chung những thứ xin được vào một chỗ, thấy đều dồn chung lại. Sau đấy, chính mình lại lấy từ đó ra. Vì thế nói: *“Nhất bát thiên gia phạn”* (Một bát, cơm ngàn nhà). Quý vị ăn một bát cơm, đúng là xin từ một ngàn nhà bên ngoài, dồn chung lại, trộn lẫn rồi lại chia ra. Đó là *“lợi hòa đồng quân”*. Chẳng phải là quý vị xin được thứ ăn ngon, thì hôm nay sẽ ăn ngon lành lắm, kẻ khác chẳng xin được thứ ngon, sẽ chẳng được nếm thứ ngon, mà là trộn chung với nhau!

Đức Phật biểu diễn cho chúng ta thấy, nay chúng ta biết: Một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị đệ tử của Ngài đều là những vị đại Bồ tát tái lai, giống như diễn tuồng, Phật Thích Ca Mâu Ni đóng vai chính, còn lại những vai phụ. Thấy đều là đến thị hiện, đến hát vở tuồng này biểu diễn cho chúng ta xem, giúp chúng ta giác ngộ. Các Ngài mới thật sự là giai cấp vô sản. Phật Thích Ca Mâu Ni suốt đời chẳng dựng một ngôi

chùa miếu nào, vậy thì Tăng đoàn ở nơi đâu? Ở ngoài đồng, trong rừng, dưới gốc cây.

Quý vị hãy suy nghĩ, tư tưởng của Phật Thích Ca Mâu Ni cũng vô cùng sống động, chúng ta nói là Ngài hết sức hiện đại hóa, chẳng câu thúc chút nào! Quý vị thấy quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, chính họ có hoa viên, có biệt thự, mời Ngài đến cúng dường, thỉnh Ngài tới giảng kinh, Ngài cũng đồng ý, cũng tiếp nhận. Nổi tiếng nhất là Trúc Lâm Tinh xá (Kalandaka Venuvana), Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên (Jetavana Vihara), thời gian đức Phật trụ tại những nơi ấy cũng khá dài. Nhưng sau khi giảng hết một bài kinh lớn, Ngài rời khỏi, vật trở về chủ cũ. Nói theo cách bây giờ, Ngài chỉ tiếp nhận quyền sử dụng, chẳng cần tới quyền sở hữu. Quyền sở hữu vẫn thuộc về chủ nhân các vị, Ngài không cần sẽ giao lại.

Lúc đức Phật nhập diệt là ở trong rừng, chẳng ở trong nhà! Vì vậy, chúng ta quan sát cận kề, suy ngẫm ý nghĩa này. Đúng là sắc thân ở trong thế gian này cũng chẳng nhiễm mảy trần, chẳng sở hữu một thứ gì, ba y một bát, ngày ăn một bữa Ngọ, ngủ dưới cội cây, đắc đại tự tại, thật sự an lạc.

Hiện thời, người ta gọi Phật giáo là tôn giáo. Phật Thích Ca Mâu Ni nghe như vậy cũng thở dài, oan uổng! Phật giáo chẳng phải là tôn giáo. Phật giáo và tôn giáo chẳng dính dáng gì với nhau, làm sao có thể nói Phật giáo là tôn giáo? Ngài suốt đời giáo học! Từ kinh điển, nếu chúng ta quan sát cẩn thận, liễu giải Phật, nói theo cách bây giờ, đức Phật là một

nhà giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên chính cống. Suốt đời, Ngài biểu diễn cho chúng ta thấy tấm gương của một người có nghĩa vụ làm công tác giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên. Đức Phật dạy học chẳng phân biệt quốc tịch, chủng tộc, tôn giáo. Từ kinh điển, chúng ta thấy có nhiều người Bà La Môn giáo, hay thuộc các tôn giáo khác ở Ấn Độ, theo Phật Thích Ca Mâu Ni học tập. Dạy dỗ không phân biệt, Ngài chẳng cự tuyệt, cũng không buộc quý vị thay đổi, tín ngưỡng hay tôn giáo nào, Ngài thấy đều hoan nghênh.

Chúng ta phải học tập điều này. Đức Phật dạy này nọ, cách dạy như thế nào? Nhân Giới sinh Định, nhân Định khai Tuệ, đây là tổng cương lĩnh giáo học của Phật. Đầu tiên, dạy quý vị trì giới. Trì giới là gì? Giữ quy củ, nghe lời, khiến cho cái tâm của quý vị định. Nói “định” là phiền não, tập khí thấy đều buông xuống, tâm bèn định. Sau khi tâm định bèn khai trí tuệ.

Do vậy, tâm định rồi thì tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh sinh trí tuệ. Cái tâm phập phều, chao động sẽ sinh phiền não, dân gian gọi cái tâm ấy là “*tâm phù khí táo*” (bộp chộp, vội vàng). “*Tâm phù khí táo*” sinh phiền não. Tâm thanh tịnh sinh trí tuệ. Vì vậy, tu hành bước đầu tiên là phải đạt được tâm thanh tịnh. Người đạt được cái tâm thanh tịnh, nói theo Phật pháp là đã đạt được học vị thứ nhất, tức A La Hán. A La Hán đoạn Kiến Tư phiền não, tâm thanh tịnh, đây là học vị đầu tiên. Sau đó, tiếp tục nỗ lực, phân biệt cũng buông xuống.

Công phu của bậc A La Hán là buông chấp trước xuống. Chấp trước là Kiến Tư phiền não. Kinh Đại thừa thường gọi “phân biệt” là Trần Sa phiền não. Trần sa là tỷ dụ nhằm ví von “số nhiều”. Đoạn Trần Sa phiền não là chẳng phân biệt. Chẳng phân biệt hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian. Chẳng có tâm phân biệt, thì chẳng có Trần sa phiền não.

Hiểu rõ ràng cảnh giới trước mặt, đó là Tuệ; chẳng phân biệt là Định. Định này cao hơn Định của A La Hán; vì vậy, danh xưng của học vị này là Bồ tát, cao hơn A La Hán. Đến cuối cùng, trong giai đoạn cuối cùng, bèn chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Đó là đoạn sạch vọng tưởng, đoạn vô thí vô minh. Vô thí vô minh là khởi tâm động niệm. Sau khi đoạn sạch, mười pháp giới chẳng còn. Đạt đến cảnh giới A La Hán, lục đạo chẳng còn, vượt thoát lục đạo; khi đạt đến cảnh giới Phật, mười pháp giới chẳng còn, lúc đó, Nhất Chân pháp giới hiện tiền. Đó là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai.

Chúng ta thấy trong kinh điển, Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu thế giới Cực Lạc và thế giới Hoa Tạng. Cư dân trong các thế giới ấy đúng là “trường sinh bất lão”, thọ mạng là vô lượng, con người chẳng có hiện tượng lão hóa, hoàn toàn đúng là hình tướng trẻ trung, chẳng có tướng già nua. Hoa, cỏ, cây cối xanh tươi mãi mãi, chẳng giống như nơi này Xuân sinh, Hạ trưởng, chẳng có hiện tượng ấy, chẳng có tướng biến hóa ấy, mà là vĩnh hằng. Thật sự có thế giới ấy.

Trong kinh điển, đức Phật đã giảng đạo lý đó, chúng ta hiểu rõ, minh bạch, có lý luận để có thể dựa vào. Vì sao người trong thế giới ấy chẳng lão hóa? Vì họ chẳng có phân biệt, chấp trước. Vì sao người trong thế gian này bị lão hóa? Có phân biệt, chấp trước. Hoa, cỏ, cây cối vì sao Xuân sinh, Hạ trưởng? Chúng cũng có phân biệt, chấp trước. Hoa, cỏ, cây cối có phân biệt, chấp trước; núi, sông, đại địa thành, trụ, hoại, không. Vì sao? Núi, sông, đại địa cũng có phân biệt, chấp trước, Ngũ Uẩn mà! Thí nghiệm trên nước của Tiến sĩ Giang Bản Thắng đã chứng tỏ rất rõ ràng. Quý vị thấy nước có thể thấy, nghe, lại còn hiểu ý nghĩ con người.

Chúng ta tán thán, ca ngợi nó, nó sẽ biểu hiện sự kết tinh vô cùng đẹp đẽ, đáp ứng chúng ta. Chúng ta chửi bới, chán ghét nó, nó phản ứng [bằng cách kết tinh] rất xấu xí. Nước có phân biệt, chấp trước. Hiện thời, khoa học còn tiến một bước nữa, phát hiện nước còn có ký ức. Có ký ức sẽ phiền lẫn! Nếu quý vị xử tệ đối với nó, nó sẽ trả thù quý vị.

Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta phá hoại hoàn cảnh sinh thái thiên nhiên. Thiên nhiên có ký ức, nó oán hận, sẽ trả thù chúng ta. Vì vậy, núi lửa bùng nổ, động đất, đó là thiên nhiên báo thù, chẳng phải là chuyện thần thoại. Vì vậy, đối với tin tức này, chúng tôi mong có CD/DVD cho mọi người xem, thấy nước có ký ức. Nước là một đại biểu của toàn bộ thiên nhiên. Tất cả hiện tượng vật chất, nay đã được khoa học chứng tỏ, đúng như lời đức Phật đã nói, thấy đều có Ngũ Uẩn, đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thức là ký ức, Thọ

là cảm nhận, Tưởng là phân biệt, Hành là chấp trước. Thức là vô thi vô minh, những vọng tưởng nó đều có hết. Động vật biểu hiện Ngũ Uẩn rất rõ rệt. Khoáng vật biểu hiện chẳng rõ ràng, phải thông qua thí nghiệm khoa học để chứng tỏ.

Ngay cả đối với núi, đá, bùn, đất, chúng ta cũng chớ nên đắc tội, hưởng chi cây, cối, hoa, cỏ, hưởng hồ hết thủy động vật! Vì vậy, khoa học kỹ thuật càng ngày càng phát triển, ngày càng chứng thực những điều đức Phật đã dạy trong kinh. Đây là chuyện tốt, chúng ta chẳng thể không tin!

Vì vậy, chớ nên chấp trước hết thảy các hiện tượng là Có, mà cũng đừng chấp trước chúng là Không! Có hay không đều chẳng thể được! Trong giảng đường, chúng tôi thường dùng điện ảnh để tỷ dụ, dùng TV làm tỷ dụ. Nay chúng ta học tập, có thể nói là đại đa số đồng học đều cùng nhau học tập qua Internet, hay truyền hình vệ tinh. Internet thì quý vị có thể thấy cùng lúc; truyền hình vệ tinh phát sóng, đại khái phải sau một tháng, vì vẫn còn phải chế tác băng đĩa, in chữ phụ đề lên phim.

Nói tới Thật Tướng của các pháp, quý vị hãy quan sát cẩn thận màn hình TV của chúng ta. Chân tướng là gì? Chúng ta hãy sánh ví màn hình như tự tính, Thật Tướng vô tướng, đúng là vô tướng! Quý vị chẳng thể nói nó thật sự chẳng có, vắn đúng dài, sắc tướng bèn hiện tiền. Hiện tượng này chúng ta đều biết, bày ra trước mắt mỗi ngày. Sắc tướng hiện tiền, quý vị chẳng thể nói nó là có. Vì sao? Quý vị tắt TV

đi, nó chẳng còn nữa! Đổi sang băng tần khác, sẽ đổi sang hình ảnh khác. Đổi băng tần giống như mười pháp giới.

Phật pháp nói chân và vọng. Vọng là có thể biến. Sắc tướng trên màn hình có thể biến, sinh diệt trong từng sát na. Bồ tát Di Lặc nói một cái khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu niệm. Mỗi một niệm đều có sắc tướng, đều có Thọ, Tướng, Hành, Thức. Lúc mê gọi là Thọ, Tướng, Hành, Thức. Khi giác ngộ, Thọ, Tướng, Hành, Thức chẳng có, vì nó đã biến đổi. Biến thành gì? Biến thành Chân, kiến, văn, giác, tri. Đây là trí tuệ và đức tướng trong tự tính, nhưng nó chẳng hiện tiền, quả thật là Có. Do vậy, quý vị chẳng thể nói nó là Không!

Chúng ta dùng màn hình làm tỷ dụ. Tắt máy đi, quý vị chẳng thể nói trong ấy chẳng có sắc tướng. Mở trúng băng tần, sắc tướng hiện tiền, quý vị chẳng thể nói nó là thật sự Có. Tình hình trong toàn thể vũ trụ rất giống như vậy! Nếu quý vị hiểu những đạo lý này, mỗi ngày mở TV, xem TV bằng cách nhìn này, xem lâu ngày sẽ khai ngộ, bởi cùng một đạo lý! Trong quá khứ, chuyện này đúng là khó hiểu! Đối với các bậc tổ sư đại đức thời cổ đọc kinh Phật mà có thể khai ngộ, chúng ta bội phục năm vóc sát đất.

Hiện tại, có những công cụ khoa học nhiều ngàn ấy bày ra trước mặt chúng ta. Những thứ tương tự ngày càng nhiều, nên dễ hiểu, nhưng thời của các Ngài chẳng có những thứ ấy, thì làm thế nào để hiểu? Từ chỗ này, từ màn hình TV, quý vị bèn nhập pháp môn Bất Nhị, Có và Không bất nhị. Màn

hình là Không, sắc tướng trong mỗi băng tần là Có. Không và Có bất nhị.

Tâm Kinh dạy: “*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc; Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc*”. Quý vị hoàn toàn thấy được, chúng là một, chẳng hai. Đây là triết học tối cao. Nếu nhìn từ duyên khởi, đây là khoa học tối cao. Khởi nguyên của vũ trụ, khởi nguyên của vạn vật, khởi nguyên của sinh mệnh, nhà Phật nói Y báo và Chính báo trang nghiêm từ đâu mà có, quý vị đều hiểu rõ ràng, đều minh bạch, hoàn toàn trở về tự tính. Trở về tự tính là thành Phật. Sự giáo học của Phật đã viên mãn, học trò chúng sinh được hóa độ đã tốt nghiệp rồi!

Chúng ta xem câu cuối cùng: “*Yếu chi, ly nhất thiết tướng, tức nhất thiết pháp. Ly cố vô tướng, tức cố vô bất tướng, bất đắc dĩ cường danh Thật Tướng*” (Nói tóm lại, là hết thấy tướng tức là hết thấy pháp. Do là nên vô tướng, do “tức” nên chẳng phải là không có tướng, bất đắc dĩ cường gọi là Thật Tướng). Nói Thật Tướng với quý vị, thì Thật Tướng có thật hay chẳng?

Nếu quý vị chấp trước là trật rồi. Đây là danh từ thuật ngữ, là một thứ phương tiện dạy học nhằm làm cho quý vị ngộ nhập những điều ấy. Quý vị đừng nên chấp trước thật sự có Thật Tướng, bởi tìm Thật Tướng chẳng được! Vì vậy, điều khẩn yếu là “chúng ta là hết thấy tướng sẽ chính là hết thấy các pháp”. Chỉ cần quý vị rời khỏi vọng tướng, phân biệt, chấp trước, sẽ thấy chân tướng.

Hết thấy các pháp, giống như chúng ta coi TV. Chỉ cần tách lìa khỏi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, quý vị sẽ thấy chân tướng, chẳng bị những hình ảnh trên TV nhiễu loạn, chẳng bị nó xoay chuyển. Quý vị bị hình ảnh xoay chuyển tức là tâm quý vị chẳng làm chủ được, có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đã bị nó xoay chuyển, bị nó quấy nhiễu. Nếu quý vị chẳng có khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, sẽ có thể chuyển nó, chứ nó chẳng thể chuyển quý vị.

“Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai” (Nếu có thể chuyển cảnh, sẽ giống với Như Lai). Ta chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Vì sao? Liều giải rồi! Giống như kinh *Đại Bát Nhã* 600 quyển. Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh *Bát Nhã* 22 năm, điều này chư vị đồng học đều biết. Khởi đầu, lúc vừa mới thành đạo, đức Phật bèn giảng *Hoa Nghiêm*. *Hoa Nghiêm* giảng trong định; vì vậy, Tiểu thừa chẳng thừa nhận, không tin. Đức Phật giảng trong định mà! Tiểu thừa chỉ thừa nhận đức Thế Tôn sau khi thành đạo độ 5 vị Tỷ kheo tại Lộc Dã Uyển, đó là khởi đầu của sự nghiệp giáo học. Họ thừa nhận chuyện này, chẳng thừa nhận *Hoa Nghiêm*.

Đức Phật giảng *A Hàm* 12 năm, *Phương Đẳng* 8 năm, *Bát Nhã* 22 năm, *Pháp Hoa* 8 năm, tổng cộng 49 năm. Thời gian giảng *Bát Nhã* dài nhất. *Bát Nhã* tổng kết lại là gì? Là bảo quý vị: *“Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được”*. Đó là chân tướng.

Làm thế nào để thấy chân tướng này? Đó là lìa hết thấy tướng, chính là hết thấy các pháp. Quý vị lìa vọng tướng, phân biệt, chấp trước, sẽ thấy được, sẽ thấy chân tướng của hết thấy các pháp. “Ly” và “tức” là một, chẳng hai. Quý vị thật sự ngộ điều này, thật sự thụ dụng. Do “lìa” nên vô tướng, tâm trong sạch, thanh tịnh, bình đẳng, chính giác, chẳng có dấu vết pháp thế gian và xuất thế gian. Do “tức” nên chẳng phải là không có tướng. “Tức” và “ly” chẳng hai, chân và vọng đồng thời. Giống như màn hình TV chẳng phải là chân và vọng đồng thời ư? Chẳng phải là “ly” và “tức” chẳng hai ư? Màn hình là chân, sắc tướng là vọng, chân và vọng nhất thể, chân và vọng chẳng hai, phải liễu giải rõ ràng điều này. Chân ở đâu?

Chân ở trong vọng, là lục đạo mười pháp giới, chân ở trong ấy. Vọng ở đâu? Vọng ở trong chân; băng tần và sắc tướng đều ở trên màn hình. Màn hình là chân. [Phải nói như vậy] quý vị mới thật sự liễu giải chân tướng; vì vậy, bất đắc dĩ nói “Thật Tướng”, quý vị chớ nên chấp trước danh từ Thật Tướng này.

Trong *Khởi Tín Luận*, Bồ tát Mã Minh dạy chúng ta: Đọc kinh đừng chấp trước tướng văn tự. Văn tự là công cụ, là phương pháp, chẳng phải là mục đích. Mục đích là khai ngộ. Nếu quý vị chấp trước, sẽ chẳng khai ngộ. Chớ nên chấp tướng văn tự, nhưng nghe giảng thì sao? Nghe giảng đừng nên chấp trước tướng ngôn thuyết. Văn tự là phù hiệu của ngôn thuyết, chớ nên chấp trước. Điều thứ hai, Ngài dạy chúng ta đừng

nên chấp trước tướng danh tự. Danh từ thuật ngữ là giả lập, chẳng thật. Những thứ ấy có thể hướng dẫn quý vị, vì thế đừng nên chấp trước! Giống như những tấm biển chỉ đường, chúng ta muốn đến Bắc Kinh, con đường này là xa lộ cao tốc (Express way), bên đường có tấm biển ghi “Bắc Kinh”. Tấm biển ấy chẳng phải là Bắc Kinh, nó là tướng danh tự.

Quý vị chiếu theo phương hướng đó mà đi, chớ nên chấp trước tấm biển, thì mới có thể tới Bắc Kinh. Nếu quý vị chấp trước Bắc Kinh ở ngay nơi ấy, là lầm rồi! Chớ nên chấp trước danh từ thuật ngữ! Điều thứ ba, chớ nên chấp trước tướng tâm duyên. Đọc kinh, ta nghĩ điều này có nghĩa là gì, vừa nghĩ bèn trệ, chớ nên suy tưởng. Vì sao? Chẳng có ý nghĩa gì. Quý vị suy nghĩ [một ý nghĩa nào], thì đấy là ý nghĩa của chính quý vị, chẳng thể là ý nghĩa của Phật. Chớ nên suy tưởng, thì quý vị mới có thể hiểu nghĩa chân thật. Nghĩa chân thật là gì?

Thưa quý vị, nghĩa chân thật là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chính giác. Sau khi khôi phục, sau khi đạt được, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Người ta chẳng hỏi quý vị, thì tâm địa trong sạch, chẳng [nhận thấy chính mình] biết một thứ gì, đó là “*Bát Nhã vô tri*”. Người khác đến thỉnh giáo quý vị, lúc kẻ ấy hỏi quý vị, quý vị bèn ứng đối lưu loát, “*không gì chẳng biết*”. Không gì chẳng biết do đâu mà có? Từ vô tri mà có. Vô tri là tự tính. Tự tính khởi tác dụng. Pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng lìa khỏi tự tính. Vì vậy, kiến tính sẽ viên mãn.

Huệ Năng Đại sư kiến tính. Ngài có biết những điều do Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng hay không? Biết toàn bộ, chẳng cần học. Những điều ấy đều từ tự tính lưu xuất. Hết thấy các kinh do hết thấy chư Phật Như Lai ở mười phương đã nói, Huệ Năng Đại sư có biết hay không? Đều biết, chẳng thiếu một điều gì! Vì vậy, kinh Phật được gọi là “*nội học*”, chẳng phải là hướng ngoại. Hướng ngoại sẽ cầu chẳng được. Cái cầu được do hướng ngoại là tri thức, chẳng phải là trí tuệ; hướng nội sẽ cầu được trí tuệ, chẳng phải là tri thức. Trí tuệ có thể giải quyết vấn đề, tri thức giải quyết vấn đề mang tính chất cục bộ, hạn chế; lại còn có hậu quả. Trí tuệ chẳng giống như vậy. Chúng ta chớ nên không hiểu rõ ràng điều này!

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới: “*Khả kiến Thật Tướng nãi ngô nhân đương tiền nhất niệm tâm tính chi cưỡng danh*” (Có thể thấy Thật Tướng chính là tên gọi miễn cưỡng của một niệm tâm tính hiện tiền của chúng ta). “*Cưỡng danh*” là miễn cưỡng dùng danh từ này, chớ nên nghĩ là thật. Chúng ta ngàn vạn phần chớ nên coi nó là thật.

“*Danh khả danh, phi thường danh*” (Cái tên có thể gọi ra, thì chẳng phải là cái tên thường hằng). Lão Tử nói: “*Đạo khả đạo, phi thường đạo*” (Cái đạo có thể diễn tả sẽ chẳng phải là cái đạo thường hằng). Thứ chân thật sẽ chẳng thể diễn tả được, chắc chắn là lìa ngôn ngữ, văn tự. Vì vậy, đây là bất đắc dĩ, miễn cưỡng thành lập một danh tướng.

“Ngô nhân nhất niệm tâm chi tính, cưỡng danh vi tự tính”
(Một niệm tâm tính của chúng ta cưỡng gọi là tự tính). Tất cả những danh từ thuật ngữ này đều là bắt đắc dĩ phải dùng nó. Dùng nó để làm gì? Nhằm dạy học thuận tiện. Hễ chấp trước sẽ trật. Hễ chấp trước thì sao? Kinh Phật biến thành Phật học, biến thành một thứ học thuật thế gian.

Kinh Phật vốn là gì? Kinh Phật vốn là tự tính. Hễ chấp trước sẽ trật, lầm rồi. Hễ phân biệt sẽ hỏng bét. Đây là chỗ khó khăn trong Phật học. Nếu quý vị thật sự hiểu, thì đây cũng là chỗ dễ dàng trong Phật học. Thật sự quá dễ! Quý vị đến trường để học hành, trong Đại học hiện thời ước chừng có mấy trăm khoa hệ. Một khoa học 4 năm. Mười khoa hệ là 40 năm. 100 khoa hệ là 400 năm. Quý vị học suốt 1.000 năm vẫn chưa tốt nghiệp, chẳng có cách nào học xong! Sau khi học xong, thì như thế nào? Vẫn chẳng thông một tí nào hết! Nếu quý vị thật sự hiểu khuôn phép Phật pháp này, sẽ dễ dàng, tốn mấy năm thật sự y giáo phụng hành, vọng tưởng, chấp trước thấy đều buông xuống, đều tách rời. Quý vị thấy: Buông chấp trước xuống, chứng A La Hán; buông phân biệt xuống, thành Bồ tát; buông khởi tâm động niệm xuống, quý vị thành Phật. Toàn bộ trí tuệ và đức tướng trong tự tính đều hiện ra, không điều gì chẳng thông, không gì chẳng thể!

Chư vị phải nhớ: Lúc Huệ Năng Đại sư minh tâm kiến tính, Ngài 24 tuổi, chẳng có chuyện thế gian hay xuất thế gian nào Ngài không biết! Tuy Ngài không biết chữ, nhưng nếu quý vị

cầm một quyển sách đọc cho Ngài nghe, Ngài bèn giảng cho quý vị nghe trong sách ấy nói điều gì, giảng chẳng trật một tí nào! Trí tuệ đã mở mang, từ tự tính lưu xuất, chẳng do học được! Vì vậy, Phật pháp chẳng phải tôn giáo, nhưng bản thân Phật pháp xưng là Tông-Giáo, tức là Tông Môn và Giáo Hạ nói gộp chung lại, hoàn toàn chẳng liên can gì đến hàm ý trong thuật ngữ “*tôn giáo*” trong hiện thời. Tông Môn hay Giáo Hạ là do dùng phương pháp giáo học khác nhau. Thiền Tông chẳng dùng sách giáo khoa, hoàn toàn dùng phương pháp tham cứu, trong ấy, có rất nhiều phương pháp.

Quý vị phải nhớ: Tham cứu là lìa tâm ý thức, quyết định không dùng tâm ý thức, cũng có nghĩa là chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Huấn luyện điều này, khiến cho quý vị khôi phục cái tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh vốn sẵn có, nên cần khôi phục cái tâm thanh tịnh. Sau đấy, tiến thêm một bước nữa là khôi phục tâm bình đẳng. Thanh tịnh, bình đẳng, sau đấy nhất định khai ngộ. Khai ngộ là giác. Thanh tịnh là công phu và cảnh giới của A La Hán và Bích Chi Phật. Tâm bình đẳng là cảnh giới của Bồ tát. Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm sẽ khai ngộ, đại triệt, đại ngộ. Ngộ rồi khởi tu, sau khi giác ngộ, quay lại đọc kinh. Người ấy đã khai ngộ. Tuyệt vời!

Chúng ta thấy vị cổ đại đức trong Phật môn là Bồ tát Long Thọ của Ấn Độ được Trung Quốc rất tôn kính. Tám tông phái Đại thừa Trung Quốc đều công nhận Long Thọ là Sơ Tổ. Long Thọ là Tổ Sư của 8 tông. Các tông đều tôn trọng

Ngài. Trong truyện ký dường như có một đoạn như thế này: Thuở lão nhân gia tại thế, Ngài học hết thấy các kinh giáo do Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong 49 năm, nay chúng ta gọi là *Đại Tạng Kinh*. Ngài học xong những kinh điển ấy, trong bao lâu? Ba tháng! Ba tháng học xong toàn bộ những gì Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng trong 49 năm. Có thể như thế ư? Có thể chứ!

Chúng tôi tin tưởng. Vì sao? Từ *Đàn Kinh*, chúng ta thấy được một đoạn tin tức. Đó là thiền sư Pháp Đạt thọ trì kinh *Pháp Hoa*, niệm được 3.000 biến kinh *Pháp Hoa*. Chúng tôi tin niệm 3.000 biến phải mất 10 năm! Kinh *Pháp Hoa* rất dài, mỗi ngày niệm một bộ, mất thời gian 10 năm.

Sư tới Tào Khê gặp Lục Tổ, khi lễ bái, đầu chẳng sát đất. Khi lễ ba lạy, Tổ Huệ Năng thấy rất rõ ràng: Đầu chẳng chấm đất. Sau khi Sư bái xong, đứng dậy, Huệ Năng Đại sư hỏi Sư: “Ông lễ bái đầu chẳng sát đất, nhất định có điều gì đáng để kiêu ngạo, ông hãy nói cho ta nghe”. Sư thưa: “Đã tụng kinh *Pháp Hoa* 3.000 biến”. Lục Tổ gật đầu: “Kinh *Pháp Hoa* giảng những gì?”. Sư nói không được, thỉnh giáo ngược lại Lục Tổ! Lục Tổ nói: “Ta chưa nghe kinh này”. Đương nhiên Ngài chẳng thể xem, không biết chữ, chẳng xem sách. Tổ nói: “Nếu ông niệm 3.000 lần, thì hãy đọc cho ta nghe”. Kinh *Pháp Hoa* tổng cộng 28 phẩm, Sư niệm tới phẩm thứ hai là phẩm *Phương Tiện*, Huệ Năng Đại sư nói: “Được rồi! Chẳng cần niệm nữa, ta đã hiểu rõ toàn bộ”.

Học theo cách giống như vậy, một bộ *Đại Tạng Kinh* có thể học trong 3 tháng, chắc chắn học xong, không cần phải xem toàn vẹn. Coi mấy trang đã hiểu toàn bộ. Giảng đại ý kinh *Pháp Hoa* cho Sư nghe, Sư liền khai ngộ. Sau khi khai ngộ lại lễ bái, dập đầu sát đất. Thiền sư Pháp Đạt là như vậy đấy! Từ một đoạn tin tức này, chúng ta liễu giải, vốn là “*ngộ hậu khởi tu*” nhanh chóng dường ấy, vừa nhìn liền hiểu rõ, vừa nghe liền hiểu rõ, không cần nghe hết!

Vì vậy, chúng ta biết lúc ấy Bồ tát Long Thọ chứng đắc Sơ Địa, phải biết đấy là Biệt Giáo, còn trong Viên Giáo là Sơ Trụ, đã vượt thoát mười pháp giới, là Pháp Thân Bồ tát. Vì vậy, gọi là “*ngộ hậu khởi tu*”, đó là phương pháp của Thiền Tông.

Đây là pháp của người thượng thượng căn, chẳng dành cho người thường. Người thường chẳng tu được! Lúc tôi mới học Phật, ba vị thầy của tôi cảnh cáo tôi: Chẳng cho phép tôi đọc *Đàn Kinh*. Họ nói: “Chớ nên học theo Huệ Năng, chắc chắn là học không được. Chúng ta chẳng phải là căn tính ấy”.

Căn cơ bình thường là căn tính thượng, trung, hạ. Thật sự là ngay cả thượng căn, chúng ta vẫn chưa đạt được, mà là căn tính trung, hạ, vẫn phải thật thà làm theo từng bước, giống như đi học, lớp Một, lớp Hai, lớp Ba, dần dần lên cao. Ngài Huệ Năng một bước lên trời; còn chúng ta bắt chước Ngài lên không được sẽ tan thân, nát xương. Xong luôn! Vì vậy, nhất định phải hiểu căn tính của chính mình. Căn tính trung, hạ, chỉ cần quý vị dùi mài kinh giáo, chẳng buông bỏ,

hiếu phương pháp. Phương pháp ấy vẫn là một môn thâm nhập, trường thời huân tu. Vì sao? Tương ứng với Giới, Định, Tuệ, chớ nên có tâm tham, thứ gì ta cũng đều phải học, quảng học đa văn. Như thế là hỏng rồi! Đó là gì? Đó là pháp thế gian, quý vị phân tâm, vọng niệm nhiều quá! Những thứ trong Phật pháp nhằm tu tâm thanh tịnh, vọng niệm chẳng tương ứng với tâm thanh tịnh^{24[4]}. Vì vậy, chỉ học một môn.

Một môn, thì quý vị chẳng có vọng tưởng. Tuân theo quy củ, cung kính học một môn, quyết định tuân thủ giáo huấn của Bồ tát Mã Minh trong *Khởi Tín Luận*. Ta học một bộ kinh này, chẳng chấp tướng văn tự (danh từ thuật ngữ), chẳng chấp tướng tâm duyên. Mỗi ngày niệm như vậy, niệm từ đầu đến đuôi một bộ kinh này. Do vậy, kinh Đại thừa rất có hiệu quả, như Ngài Pháp Đạt cũng rất lỗi lạc. Quý vị thấy Ngài niệm một bộ kinh *Pháp Hoa* 10 năm, có thể thấy tâm Ngài đã định. Nếu tâm Ngài chưa định, Huệ Năng Đại sư giảng cho Ngài mấy câu, Ngài có thể khai ngộ được chăng? Vì sao nay chúng ta đọc *Đàn Kinh* chẳng khai ngộ, mà Ngài khai ngộ? Người ta có 10 năm *Pháp Hoa* tam muội làm cơ sở, nên vừa giảng bèn khai ngộ.

Do vậy, phương pháp học tập của người xưa rất phi phàm. Trí tuệ do như vậy mà có! Người xưa, học Nho, Thích, Đạo đều dùng phương pháp này. Phật pháp coi trọng khai ngộ,

^{24[4]} Ý nói các pháp môn trong Phật pháp đều nhằm tu thanh tịnh, nhưng nếu hành giả tham cầu học càng nhiều pháp môn càng tốt, tưởng đó là quảng học đa văn, thật ra là vọng niệm. Vọng niệm chẳng tương ứng với tâm thanh tịnh!

Nho và Đạo cũng coi trọng, đều nói tới Thiền Định. Trước đây, trong trường tư thực, thầy coi trọng điều gì nơi trò? Ngộ tính, chớ nên chướng ngại ngộ tính của trò. Trò học đồng thời rất nhiều thứ sẽ chẳng có ngộ tính. Cái mà trò học được là tri thức, chẳng khai ngộ.

Một môn thâm nhập, trường thời huân tu. Huân thành gì? Huân thành tam muội. Nếu chúng ta mỗi ngày niệm kinh *Vô Lượng Thọ*. Kinh văn của kinh *Vô Lượng Thọ* chẳng dài, người thật sự tu hành trong một ngày có thể đọc mười biến hay chín biến, mỗi lần là bốn mươi phút, đại khái mỗi ngày mất tám giờ. Niệm kinh là gì? Tu định, chẳng khác gì tham thiền của Thiền Tông.

Họ dùng phương pháp tham cứu để tu định, chúng ta dùng phương pháp đọc kinh để tu định. Dùng phương pháp Niệm Phật cũng có thể tu định. Nói chung, tám mươi bốn ngàn pháp môn là tám mươi bốn ngàn phương pháp tu định khác biệt. Quý vị phải dựa theo quy củ này để làm, chớ nên tam tâm nhị ý. Một môn thâm nhập, sau một thời gian lâu dài sẽ định. Định tới một trình độ nhất định, tự nhiên sẽ khai ngộ. Sau khi đã ngộ, lại học hết thấy kinh giáo rất dễ dàng, vừa xem liền hiểu rõ, chướng ngại gì cũng chẳng có. Đó là gì? Trí tuệ khai rồi! Giáo Hạ khai trí tuệ, có tiểu ngộ, có đại ngộ, có đại triệt đại ngộ. Tích lũy tiểu ngộ biến thành đại ngộ. Tích lũy đại ngộ biến thành đại triệt đại ngộ.

Đó gọi là “*tiệm tu*”, tức là từng bước một nâng cao lên. Người căn tính trung hạ có thể làm được. Vì vậy, thầy tôi dạy tôi đi theo con đường này, tôi cũng rất nghe lời. Nhưng *Đàn Kinh*, tôi vẫn đọc. Tôi vẫn hết sức hoan hỷ. Vì trong hoàn cảnh này, cả đời tôi chẳng có đạo tràng, chẳng có chùa chiền. Học hội của chúng ta là do các cư sĩ tại Hương Cảng phát tâm tạo dựng. Họ có Đồng sự hội (board of directors) quản lý. Đây cũng chẳng phải là chỗ của tôi. Cả đời này, ở đâu có duyên tìm tôi, tôi liền đến đó.

Lúc đi, nói chung là tùy duyên. Họ thích nghe kinh gì, đến bảo tôi phải giảng kinh ấy, gần như tôi đều đáp ứng. Vì vậy, cả đời này, giảng kinh luận cũng rất nhiều, nói chung là mấy chục bộ. Tôi cũng mong hoàn toàn giống như cổ nhân một môn thâm nhập, nhưng chẳng có duyên ấy. Nếu có phúc báo rất lớn, quý vị mới có thể làm được. Chẳng có đại phúc báo sẽ không được. Đến mọi nơi kết duyên, nói chung là nghe lệnh người khác, hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức, nhưng pháp mà bản thân tôi học là Niệm Phật, niệm Phật chẳng gián đoạn.

Ở đây nói tới “*Nhất niệm tâm*”, chúng ta hiểu rõ nhất niệm tâm. “*Nhất niệm*” ấy chính là vô thủ vô minh. Nó cũng là tự tính. Vì vậy, theo *Pháp Tướng Duy Thức*, A Lại Da là chân vọng hòa hợp, một nửa chân, một nửa vọng. Chúng ta dùng màn hình TV làm tỷ dụ, đó chính là hiện tượng này. Quý vị thấy màn hình là thật, hiện tượng trong ấy là vọng. Chân vọng hòa hợp. Vọng là A Lại Da. Chân là khi chẳng có

hết thấy các tướng. Đó là tính, là tự tính. Vì vậy, nhất niệm tâm tính, cưỡng gọi là tự tính. Chân tính chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần.

Do chẳng phải là vật chất, ngũ căn của chúng ta duyên chẳng được; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân chẳng duyên được nó. Nó chẳng phải là tinh thần; vì vậy, ý thức của chúng ta chẳng duyên được nó. Miễn cưỡng gọi tên, đặt cho nó một tên gọi là Tự Tính. Nó có rất nhiều [danh xưng], đức Phật gọi nó là Chân Như, Bản Tính, Pháp Tính, rất nhiều danh từ, nhưng đều là cùng một chuyện. Đối với chuyện này, đức Phật nói ra rất nhiều danh từ; đây cũng là phương tiện dạy học thiện xảo nhằm bảo quý vị chớ nên chấp trước. Chỉ cần hiểu ý nghĩa này là được rồi, chớ nên nghiêm túc chấp trước. Danh tướng chẳng khẩn yếu, chẳng có quan hệ. Kiến tính mới thật sự là trọng yếu.

“Nhị Tổ mịch tâm bất khả đắc, tức thị ‘an tâm cánh’, đản bất khả ngôn kỳ vô” (Nhị Tổ tìm tâm chẳng thể được, chính là ‘tâm đã an rồi’, nhưng chẳng thể nói tâm là không). Trong câu chuyện này, Nhị Tổ là Ngài Huệ Khả thuộc Thiền Tông. Tổ Sư Đạt Ma tới Trung Quốc truyền pháp môn Thiền này. Ngài được coi là Sơ Tổ; Huệ Khả Đại sư là truyền nhân của Ngài, minh tâm kiến tính trong hội của Ngài. Câu chuyện này các đồng tu học Phật đều biết.

Tổ Sư Đạt Ma giống như bế quan tại chùa Thiếu Lâm. Vì sao? Chẳng gặp người có căn tính như vậy để truyền pháp;

vì vậy, Ngài chỉ đành tự mình bế quan nhập định, chờ người truyền pháp. Đợi rất nhiều năm, có một người xuất gia như thế hướng về Ngài cầu pháp, tâm địa rất kiên thành, rất cung kính thầy. Vì vậy, chư vị phải biết: Điều kiện trọng yếu nhất của truyền nhân là “tôn sư, trọng đạo”.

Quý vị chẳng tôn trọng thầy, chẳng tôn trọng điều mình sẽ học, Phật, Bồ tát truyền cho quý vị, vô ích! Quý vị chẳng có cách nào tiếp nhận. Tuyệt đối chẳng phải là thầy mong quý vị phải tôn trọng Ngài, không phải! Vị thầy nào mong được quý vị tôn trọng sẽ chẳng phải là chân thiện tri thức, mà là còn ham danh! Tôn trọng thầy, tức là tâm quý vị chân thành cầu đạo. Ấn Quang Đại sư nói: *“Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”*. Tâm thành kính của quý vị được biểu hiện qua điều này, thầy thấy tâm quý vị mười phần thành kính, thầy sẽ chẳng bỏ quý vị.

Một vị thầy cả đời chẳng có gì khác, mong muốn gặp được một học trò giỏi để có thể truyền đạo của mình. Đó là như người xưa thường nói: *“Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại”* (Bất hiếu có ba điều, không có người kế tục là điều bất hiếu lớn nhất). Hậu nhân của thầy là người truyền pháp. Điều này hết sức trọng yếu!

Huệ Khả mười phần thành kính. Mùa Đông trời đổ tuyết, Sư ở ngoài cửa, Tổ Sư Đạt Ma nhập định bên trong. Sư ở ngoài cửa, tức là đứng ở ngoài cửa, tuyết phủ đến đầu gối, có

thể thấy là trời đổ tuyết rất lâu, tuyết đóng dày như thế, vẫn chẳng bỏ đi, một mực đứng ở đó. Tổ Sư Đạt Ma biết, nhìn Sư hỏi, hình như Sư quỳ gối ở nơi đó, Tổ hỏi: “Ông đến cầu điều gì?”. Sư thưa: “Tâm con chẳng an, xin Đại sư an tâm cho con”. Tổ Sư Đạt Ma nói: *“Ông lấy cái tâm ra đây, ta sẽ an nó thay cho ông”*.

Nay, chúng ta thấy rất nhiều tượng Đạt Ma giơ một tay ra, đó là ý nghĩa này! Quý vị lấy tâm ra, ta sẽ thay quý vị an nó. Huệ Khả tìm mãi, tìm không được. Tâm rốt cuộc ở đâu? Kinh *Lăng Nghiêm* 7 chỗ gạn tâm, thật sự chẳng tìm được! Huệ Khả bèn thưa: *“Tìm tâm trọn chẳng thể được”*. Con chẳng tìm được tâm ở chỗ nào cả! Tổ Sư Đạt Ma trả lời: *“Ta đã an cái tâm của ông rồi!”*. Một câu nói này của Ngài đã đánh thức Huệ Khả, Ngài bèn khai ngộ.

Chư vị phải hiểu: Tâm người ta đạt tới thanh tịnh; vì vậy, sau khi được chỉ điểm liền bình đẳng. Tâm bình đẳng là Phật tâm. Tâm Lục Độ là Bồ tát tâm. Tâm bình đẳng là Phật tâm, Ngài lập tức khai ngộ. Vì vậy, tìm tâm trọn chẳng thể được! Quý vị chẳng thể nói không có tâm. Nếu nói “tìm tâm chẳng thể được”, bèn hiểu “như vậy là chẳng có tâm”, là sai mất rồi! Nếu ở chỗ này, quý vị đưa ra câu trả lời như thế này: “Chẳng phải là không có tâm ư?”.

Quý vị đã rơi vào hầm vô minh rồi, vĩnh viễn chẳng khai ngộ. Phật pháp vĩnh viễn là sống động, ở nơi đâu? Ngay chính lúc này, từ đầu đến cuối ngay trong một niệm ấy; nhưng một

niệm ấy chẳng thể được. Một niệm ấy là gì vậy? Trôi qua rất nhanh! Khi phàm phu chúng ta dấy lên một niệm, Bồ tát Di Lặc đã giảng một thô niệm (một niệm mà chúng ta có thể nhận biết) có tới ba trăm hai mươi triệu [tế] niệm. Chính là một niệm ấy, tuy một niệm chẳng thể được, nhưng chẳng thể nói nó là không!

“Lục Tổ vân: ‘Hà kỳ tự tính năng sinh vạn pháp’, diệc bất năng chấp vi hữu” (Lục Tổ nói: “Nào ngờ tự tính có thể sinh vạn pháp”, vẫn chẳng thể chấp là có). Đối với “vũ trụ” như chúng ta nói hiện thời, nhà Phật gọi nó là “vạn pháp”, hay “pháp giới”. Y báo và Chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới có thể sinh ra vạn pháp. Tuy Y báo và Chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới bày ra trước mặt, quý vị chẳng thể nói nó là có. Thân thể hiện thời của chúng ta, đồng tu đạo hữu đồng như thế cùng ngồi một chỗ, chẳng thể nói nó là có. Đây là cảnh giới. Người ta hỏi chúng ta có hay không? Chúng ta trả lời có. Vì sao?

Quý vị có phân biệt, có chấp trước. Khi tôi và quý vị ở chung một chỗ, tôi cũng có phân biệt, cũng có chấp trước, nên chúng ta mới có thể trò chuyện, trao đổi với nhau. Nếu tôi nói “chẳng có”, quý vị sẽ coi tôi là dị loại, rắc rối to! Vì vậy, chư Phật, Bồ tát thị hiện trong thế gian này, phải hòa quang đồng trần cùng hết thảy chúng sinh. Đức Phật thuyết pháp, đã giảng rất rõ ràng. Ngài dựa vào gì? Nhị Đế! Đức Phật dựa vào Nhị Đế để giảng kinh, thuyết pháp cho hết thảy chúng sinh. Nhị Đế: Thứ nhất là Tục Đế, là sự hiểu biết và lý giải

thông thường của chúng sinh. Thuận theo những gì chúng sinh hiểu rõ, nói với quý vị hiểu, để, trung, tín, quý vị hiểu ngay. Nói Ngũ Luân, Ngũ Thường, quý vị hiểu liền. Đó là gì? Thế Tục Đế (Tục Đế).

Tới khi cảnh giới của quý vị đã nâng lên cao hơn, bèn giảng Chân Đế. Đạt Ma và Nhị Tổ nói về lẽ chân. Quả thật, chúng ta nghe chẳng hiểu, rành rành là có, sao quý vị nói chẳng có? Đúng là chẳng có, nhưng chúng ta hiểu lầm, tưởng là thật sự có. Phật cũng chẳng tranh cãi với chúng ta, quý vị nói có thì có, quý vị nói không thì không! Hằng thuận chúng sinh, tùy hỷ công đức, giúp quý vị nâng cao lên từ từ. Đây là phương pháp áp dụng cho tuyệt đại đa số mọi người!

Quý vị thấy Tổ Sư Đạt Ma ở Trung Quốc nhiều năm như vậy, độ được một người là Huệ Khả; Huệ Khả cũng độ một người, suốt đời chỉ độ được một người là Tăng Xán, mãi cho đến Huệ Năng, suốt thời Ngũ Đại^{25[5]} đều là đơn truyền. Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn cũng là độ một người. Huệ Năng Đại sư Lục Tổ độ 43 người, chưa có tiền lệ trong lịch sử. Ngài dạy 43 người đều đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính,

25[5] Ngũ Đại là giai đoạn lịch sử từ năm 907 đến năm 979, trải qua năm triều đại chính là Hậu Lương (907-923, do Châu Hoảng tức Châu Ôn sáng lập), Hậu Đường (923-937, do Lý Tồn Úc sáng lập), Hậu Tấn (936-947, do Thạch Kính Đường sáng lập), Hậu Hán (947-951, do Lưu Trí Viễn sáng lập), và Hậu Châu (951-960, do Quách Oai sáng lập). Trong giai đoạn này, ngoài năm vương quốc chính nói trên, có tất cả mười vương quốc được sáng lập và diệt vong trong một thời gian ngắn nên sử thường gọi chung là Ngũ Đại Thập Quốc. Mười nước ấy là Ngô (904-937, do Dương Hành Mật sáng lập), Nam Đường (937-975, do Lý Biện sáng lập), Ngô Việt (907-978, do Tiền Liêu sáng lập), Sở (897-951, do Mã Ân sáng lập), Mân (909-945, do Vương Thâm Tri), Nam Hán (917-971, do Lưu Nghiễm sáng lập), Tiền Thục (907-925, do Vương Kiến sáng lập), Hậu Thục (934-965, do Mạnh Tri Tường sáng lập), Nam Bình (còn gọi là Kinh Nam hay Bắc Sở, 924-963, do Cao Quý Hưng sáng lập) và Bắc Hán (951-979, do Lưu Mân sáng lập).

đúng là trước và sau Ngài chẳng hề có trường hợp nào giống như vậy!

Sau thời Lục Tổ chẳng có tình hình này. Thầy chỉ dạy được đôi ba người khai ngộ, dường như tối đa được 5 người, nhiều hơn nữa chẳng có! Có thể thấy chuyện này khó khăn lắm! Trong thời đại hiện tại, có ai khai ngộ hay không? Xưa kia, tôi sang Hương Cảng giảng kinh vào năm 1977. Nơi tôi giảng kinh là Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán của lão pháp sư Đàm Hư trên đường Giới Hạn (Boundary Street). Lần đó, giảng kinh *Lãng Nghiêm*. Tôi nghe bằng thâu âm lời khai thị lão pháp sư Đàm Hư trong Phật Thất, vì khi tôi đến đó, lão hòa thượng đã vãng sinh mấy năm rồi, ba bốn năm, chẳng được gặp mặt. Trong lời khai thị, Sư bảo, cả đời Ngài đã từng gặp người đắc Định, tức là đắc Thiền Định trong Thiền Tông, Ngài đã thấy, cũng từng nghe nói, nhưng khai ngộ thì không chỉ chưa hề thấy, mà cũng chưa hề nghe nói tới. Nên biết lúc Đàm lão pháp sư nói [lời ấy], Ngài đã 90 tuổi.

Gần đây nhất, đại khái là 20 năm trước, tôi quen biết lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Lúc lão nhân gia còn sống, mỗi năm tôi sang Bắc Kinh tối thiểu hai lượt để gặp cụ. Hai người chúng tôi đều học bản kinh này, tức bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, không ai giảng bản này. Tôi ở hải ngoại giảng bản này, cụ ở trong nước giảng bản này. Trong nước cũng chẳng có người thứ hai giảng. Vì vậy, hai người chúng tôi gặp nhau rất hợp ý. Cụ bảo tôi: Cụ học Thiền, cũng như học Mật, đều

có thành tựu khá. Cụ bảo tôi: Trong thời đại hiện tiền này, căn tính Thiền và Mật đều chẳng có. Ngay cả tham Thiền đắc định còn chẳng thấy; học Mật, tam mật tương ứng, tức thân thành Phật cũng chẳng có! Cụ nói từ nay về sau, có thể thành tựu trong Phật pháp chỉ có niệm Phật.

Thầy của cụ là lão cư sĩ Hạ Liên Cư cũng từng học Thiền, cũng từng học Mật, lúc mất bèn niệm Phật cầu sinh Tịnh Độ. Hoàng lão cư sĩ cũng giống như thế. Lúc cụ ngã bệnh, đã cho tôi biết, mỗi ngày niệm mười bốn vạn câu Phật hiệu, đúng là buông xuống vạn duyên. Những điều đã học trong cuộc đời cũng đều buông xuống, một câu Phật hiệu đưa cụ đi vãng sinh. Đây là đại thiện tri thức thị hiện, hiện thân thuyết pháp cho chúng ta biết pháp gì sẽ có thể thành tựu, do pháp này sẽ có thể thành tựu.

Nhất là trong hiện thời, xã hội động loạn, tai nạn liên tiếp xảy ra, người bình thường chẳng còn kiêng dè mà bàn nói tai nạn. Trước đây, trong các cuộc gặp gỡ quốc tế, chẳng hề bàn chuyện tai nạn. Năm nay, tôi ở Úc, trong cuộc phỏng vấn 5 tôn giáo, hết thấy mọi người đều bàn vấn đề này. Vài hôm trước, Đài Truyền hình Phụng Hoàng cũng phỏng vấn tôi về đề tài này. Có thể thấy, hết thấy mọi người rất coi trọng chuyện này.

Chúng tôi giảng kinh *Hoa Nghiêm* chưa xong, đã giảng đến 4.000 giờ. Nhưng cũng vì xã hội hiện tại cần thiết, tạm ngưng kinh *Hoa Nghiêm*, giảng kinh *Vô Lượng Thọ* một lần

nữa. Phối hợp giữa quốc nội và Đài Loan, nơi khác tổ chức Tam Thời Hệ Niệm một trăm thất, đều đem công đức của những chuyện này hồi hướng cho nơi này, cho toàn bộ thế giới, mong rằng do công đức này, tai nạn có thể giảm nhẹ, chậm xảy ra. Muốn hoàn toàn hóa giải, sợ rằng sức chúng ta chưa làm được! Vì vậy, chúng ta đồng tâm hiệp lực làm chuyện này. Tôi giảng bộ đại kinh này để phối hợp với họ. Giảng kinh này viên mãn, tôi lại giảng tiếp kinh *Hoa Nghiêm*. Đây là nhân duyên giảng kinh lần này.

Chúng ta xem đoạn tiếp theo: *“Cái ly tứ cú. Tuyệt bách phi. Phi tư lượng. Phân biệt chi sở năng giải”* (Ấy là vì lìa tứ cú, dứt bách phi, chẳng thể do suy lường, phân biệt mà hòng hiểu được). *“Tứ cú”* là Có, Không, cũng Có cũng Không, chẳng phải Có chẳng phải Không. Những điều này đều nói về tâm phàm phu của chúng ta. Tâm phàm phu quả thật là tâm luân hồi. Trong tâm luân hồi, phân biệt, chấp trước nghiêm trọng nhất. Nay chúng ta biết: Trong Thật Tướng của các pháp, Có và Không đều chẳng có. Có và Không là đối lập. “Cũng có, cũng không” và “chẳng phải Có, chẳng phải Không” đều là hý luận. Phật pháp gọi những điều đó là hý luận.

Hý luận chẳng có ý nghĩa chân thật. Những gì gọi là “chẳng có nghĩa chân thật”? Trái nghịch chân tướng sự thật. Lời này là thật, tuyệt đối chẳng giả. Nhưng lời như vậy, người tu lâu có thể hiểu, kẻ mới học sẽ khá khó hiểu. Người nào có thể hoàn toàn tiếp nhận, chẳng hoài nghi? Phải là người thượng căn trong Phật pháp, nhưng căn tính có thể nâng cao lên nhờ

huân tu. Chúng ta là kẻ hạ căn, chẳng sao hết! Chỉ cần tuân thủ giáo huấn của cổ thánh tiên hiền. Điều này khiến cho chúng tôi nhớ đến một câu ngạn ngữ: *“Bất thánh lão nhân ngôn, ngật khuy tại nhĩn tiền”* (Chẳng nghe lời người già, bị thua thiệt trước mắt). Người già là ai? Chư Phật, Bồ tát là người già; cổ thánh tiên hiền là người già.

Do đó, Khổng phu tử nói bản thân lão nhân gia *“thuật lại chứ không trước tác, tin tưởng, chuộng cổ”*. Tôi cảm thấy hai câu ấy của *Luận Ngữ* vô cùng quan trọng. Đó là gì? Tu học thành tựu nhờ vào đâu? Thái độ tu học. Câu này nói rõ cả đời Khổng Tử chẳng sáng tạo, chẳng phát minh, chẳng có gì lỗi lạc. Những gì Ngài học, tu, dạy, truyền lại, hết thấy đều là của cổ thánh tiên hiền.

Trong *Luận Ngữ* có rất nhiều câu, tôi tin là từ cả ngàn vạn năm trước truyền lại. Lão nhân gia thâm thập, hệ thống hóa, chỉnh lý, dùng văn tự ghi lại lời cổ thánh tiên hiền để lưu truyền hậu thế. Vì vậy, nói: Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư đã *“tập đại thành”*. Công đức này vô lượng, vô biên. Chẳng có văn tự của Ngài ghi chép, những thứ được truyền lại cũng rất ít, đây là cống hiến lớn nhất của Ngài đối với người đời sau.

Chúng ta nên có thái độ này. Thái độ này của Phu Tử là tâm thanh tịnh, chẳng tự tư tự lợi, chẳng vì tiếng tăm, lợi dưỡng. Ngài yêu thích những giáo huấn của cổ nhân, nói cách khác, Ngài ưa chuộng thánh nhân, Ngài là thánh nhân. Nếu Ngài chẳng phải là thánh nhân, làm sao có thể ưa thích

thánh nhân? Giống như 53 lần tham học trong kinh *Hoa Nghiêm*, Thiện Tài đồng tử tham phỏng Tỷ khiêu Cát Tường Vân. Tỷ khiêu Cát Tường Vân là Sơ Trụ Bồ tát trong Viên Giáo, chính Ngài đã chứng đắc. Nếu Ngài chẳng phải là Sơ Trụ, sẽ chẳng thấy Sơ Trụ; chẳng phải là Sơ Địa sẽ chẳng thấy Sơ Địa. Khổng Tử có thể thấy, hiểu nghĩa chân thật trong những giáo huấn của thánh nhân, Ngài đã đạt tới cảnh giới ấy.

Đã đạt thì dùng những giáo huấn của người khác là được rồi, cần gì phải dùng của chính mình! Nêu gương tốt cho người đời sau, đó là chính xác. Chúng ta phải nên học theo điều này! Vì vậy, tôi giảng bộ kinh này, lần này là lần thứ mười một. Phương pháp sử dụng trong lần thứ mười một khác hẳn, giảng bản chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ; đây là *“thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cố”*, chẳng có gì của chính mình, có gì cứ phải của chính mình!

Hoàng lão cư sĩ chú giải, tôi đồng ý, chẳng phải là giống hệt như của chính mình ư? Có gì cứ phải nêu ra những thứ của chính mình? Nêu ra những thứ hay đẹp của người khác, mong muốn hết thảy mọi người học tôn trọng cổ thánh tiên hiền, sẽ có đại lợi ích! Chẳng tạo tiếng tăm, lợi dưỡng cho chính mình, chẳng làm chuyện tự tư tự lợi, khiến cho tâm của chính mình được khôi phục sự thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần!

Là tứ cú, tuyệt bách phi, được tổng kết ngay sau đó, *“phi tư lượng phân biệt chi sở năng giải”* (chẳng phải là suy lường,

phân biệt mà hòng hiểu được). Chúng ta dùng tâm ý thức. Tâm ý thức chính là nghiên cứu trong hiện thời. Nghiên cứu là gì? Dùng thức thứ sáu (ý thức) để phân biệt, dùng thức thứ bảy để chấp trước. Có thể nghiên cứu những thứ chân thật hay chẳng? Chẳng thể nào!

Truyền thống văn hóa có thể kiến tính, có thể khôi phục trí tuệ trong tự tính, khoa học không làm được. Vì sao không làm được? Khoa học dùng tâm ý thức. Dùng tâm ý thức sẽ đạt được tri thức, chẳng phải là trí tuệ, hai chuyện khác nhau. Cổ Ấn Độ và Trung Quốc cổ xưa coi trọng trí tuệ, tri thức là hạng nhì. Hai mươi lăm bộ sử là tri thức, mười ba kinh^{26[6]} là trí tuệ. Tri thức có thể dùng làm tài liệu tham khảo, nhưng quyết sách, quyết đoán nhất định phải là trí tuệ.

26[6] Thoạt đầu, Trung Hoa chỉ coi hai mươi bốn bộ sử được coi là sách lịch sử chính thống, đến năm 1921, Tổng thống Từ Thế Xương hạ lệnh đưa thêm *Tân Nguyên Sử* (do Kha Thiệu Mẫn biên soạn) vào danh sách ấy nên mới có hai mươi lăm bộ sử. Về sau, ngoại trừ tại Đài Loan vẫn chấp nhận quy định này, các nơi khác thay thế *Tân Nguyên Sử* bằng *Thanh Sử Cáo* (do Triệu Nhĩ Tôn chủ biên). Hai mươi bốn bộ sử truyền thống là *Sử Ký* (do Tư Mã Thiên biên soạn dưới thời Đông Hán), *Hán Thư* (do Ban Cố biên soạn), *Hậu Hán Thư* (do Phạm Việp biên soạn), *Tam Quốc Chí* (do Trần Thọ biên soạn), *Tấn Thư* (do Phòng Huyền Linh chủ biên), *Tống Thư* (do Trầm Ước biên soạn), *Nam Tề Thư* (do Tiêu Tử Hiền biên soạn), *Lương Thư* (do Diêu Tư Liêm biên soạn), *Trần Thư* (do Diêu Tư Liêm soạn), *Ngụy Thư* (do Ngụy Thâu soạn), *Bắc Tề Thư* (do Lý Bách Dực soạn), *Châu Thư* (do Lệnh Hồ Đức Phân chủ biên), *Tùy Thư* (do Ngụy Trung chủ biên), *Nam Sử* (Lý Diên Thọ biên soạn), *Bắc Sử* (Lý Diên Thọ biên soạn), *Cựu Đường Thư* (do Lưu Hủ chủ biên), *Tân Đường Thư* (do Âu Dương Tu biên soạn), *Cựu Ngũ Đại Sử* (Tiết Cư Chính chủ biên), *Tân Ngũ Đại Sử* (Âu Dương Tu biên soạn), *Tống Sử*, *Liêu Sử*, *Kim Sử* (ba bộ này đều do Thoát Thoát chủ biên), *Nguyên Sử* (do Tống Liêm biên soạn), và *Minh Sử* (do Trương Đình Ngọc biên soạn).

Thập Tam Kinh là mười ba bộ kinh điển chủ yếu của Nho gia mà các sĩ tử Trung Hoa kể từ đời Tống bắt buộc phải học nếu muốn đỗ đạt, gồm *kinh Thi*, *kinh Thư*, *Lễ Ký*, *Châu Dịch*, *Tả Truyện* (Tả Thị Xuân Thu là bộ biên niên sử nhằm chú giải kinh Xuân Thu do Tả Khâu Minh biên soạn), *Công Dương Truyện* (chú giải kinh Xuân Thu do Công Dương Cao người nước Tề biên soạn), *Cốc Lương Truyện* (chú giải kinh Xuân Thu do Cốc Lương Tử biên soạn), *Châu Lễ* (tương truyền do Châu Công biên soạn, viết về cách tổ chức quan chế đời Châu), *Nghị Lễ* (ghi chép các thứ nghi lễ đời Châu), *Luận Ngữ* (ghi chép lời dạy của Khổng Tử), *Hiếu Kinh* (ghi chép lời Khổng Tử dạy Tăng Sâm về đạo hiếu), *Nhĩ Nhã* (bộ từ điển đầu tiên của Trung Hoa, không rõ tác giả) và *Mạnh Tử* (sách ghi lại tư tưởng, quan điểm của Mạnh Tử, thường được tin là do chính Mạnh Tử biên soạn, và do các học trò của ông như Vạn Chương, Công Tôn Sửu v.v... chỉnh lý).

MỤC LỤC



TẬP 11.....	5
TẬP 12.....	51
TẬP 13.....	97
TẬP 14.....	139
TẬP 15.....	181
TẬP 16.....	223
TẬP 17.....	267
TẬP 18.....	313
TẬP 19.....	361
TẬP 20.....	411



HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

TÌNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA - QUYỂN 2

Chủ giảng: LÃO PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG

Trưởng ban biên dịch: TK. Thích Đồng Bốn

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc Bùi Việt Bắc
Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập Lý Bá Toàn
Biên tập: **Phan Thị Ngọc Minh**
Sửa bản in: **TT Phật Học Chánh Trí**
Trình bày & bìa: **Khánh Chi**

Đối tác liên kết:
CÔNG TY TNHH VĂN HÓA PHÁT QUANG
26 Nguyễn Tử Nha, P.12, Q. Tân Bình, TP.HCM

In 500 cuốn, khổ 19,5x26,5cm tại Công ty CP in Khuyến học phía Nam, Lô B5-8 đường D4, khu công nghiệp Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM. Số 2897-2023/CXBIPH/23-72/HĐ
Số QĐXB của NXB: 246/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 31/08/2023. In xong và nộp lưu chiểu năm 2023. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) 978-604-476-722-2